Bùi Tín

Mặt Thật

WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

Bùi Tín

Mặt Thật

Lời Nhà xuất bản

Chúng tôi trân trọng giới thiệu tập hồi ký chính trị của nhà báo Thành Tín đến quý độc giả trong và ngoài nước. Những hồi tưởng, ghi nhận, tài liệu, hình ảnh trong này, như ông khẳng định, là sự thật, là khuôn mặt thật của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt nam. Và tiếng nói của ông - người cống hiến gần suốt một đời để chiến đấu và xây dựng chủ nghĩa xã hội, những điều ông từng yêu thương và tin tưởng - hôm nay là những lời bộc trực, thẳng thắn phản tỉnh, và kêu gọi phản tỉnh, cứu xét và kêu gọi cứu xét từng căn nguyên cuộc khủng hoảng hiện nay, cũng hoàn toàn là vì ông yêu thương sự thật; và tin tưởng vào sức mạnh của sự thật sẽ cứu được cả dân tộc đang cận kề phá sản.
Nhà báo Thành Tín, tên thật Bùi Tín, nguyên đại tá Quân đội nhân dân Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, sinh năm 1927. Chức vụ cuối cùng trước khi ông ly khai là Phó Tổng Biên Tập báo Nhân Dân, Trưởng ban Biên tập báo Nhân Dàn Chủ Nhật. Tháng 9.1990, ông qua Pháp; bấy

giờ các phong trào dân chủ ở Liên xô và Đông Âu đang thắng thế, và Việt nam đang tiến trình vừa mở cửa kinh tế, vừa xiết chặt các lĩnh vực chính trị, văn hóa. Tháng 11.1990, Bùi Tín phổ biến bản văn Kiến Nghị Của Một Công Dân, nội đung kêu gọi chính quyền Việt nam tiến hành đổi mới thực sự, để xây dựng một xã hội thực sự dân chủ, thực sự tự do, đưa cả nước tiến theo kịp thế giới. Bản văn này được đài phát thanh BBC của Anh truyền về Việt nam, và đài này đã phỏng vấn ông liên tục từ tháng 11.90 tới 1.91, tổng cộng khoảng 200 phút trong 14 tuần lễ. Ngay lập tức, những suy nghĩ của Bùi Tín được đồng bào trong nước thu băng và phổ biến nơi nhiều thành phố lớn. Đảng bộ của ông, theo lệnh trên, chính thức khai trừ ông. Và ngoài nước, cuộc tranh luận về trường hợp ông lại càng sôi nổi. Nhiều người tìm phương tiện cho ông quảng bá tư tưởng và lý luận trong bản Kiến Nghị trên, vì đánh giá ông là người cấp tiến, nhìn trước được những đổ vỡ tương tự như Đông Âu, và thấy cần có những giải pháp triệt để, quyết liệt cho con bệnh Việt nam. Nhưng cũng có nhiều người chống ông, vì quá khứ của ông.

Từ cuối năm 1991, ông đi nhiều nơi trên thế giới - thử kể một số nước như Hoa Kỳ, Canada, Anh, Tiệp, Đức, Bỉ, Hà Lan... - tiếp xúc với những nhà hoạt động dân chủ Việt

nam và quốc tế, với các tổ chức chính tri, báo giới, sinh viên, trong khi vẫn thường xuyên quan hệ với bằng hữu. ở quê nhà. Ông đã được các đài truyền hình hoặc phát thanh các nước như Anh, Pháp, Đức, Nga, Nhật, ý, Thụy Sĩ, úc, Canađa, Mỹ phỏng vấn, cũng như các báo Le Monde, Le Point, Liberation, Los Angeles Times, Washington Post, WAU Street Joumal, và nhĩeu báo Việt nam phỏng vấn. Và chính ông cũng viết nhiều bài tiểu luận trên các báo Việt ngữ như Diễn Đàn, Thông Luận... và báo Mỹ như Washington Post. Tư tưởng của ông, để tóm gọn, như một lần ông nói là, "Dân chủ là một cây cầu phải đi qua, trong trật tự, không hỗn loạn, và sẽ đỡ mất thời gian hòa nhập với thế giới. Tất cả những điều tôi viết là thật lòng, không hận thù, và bằng trọn lương tâm. Nếu mọi người, kể cả các nhà lãnh đạo đương quyền, thật lòng thương dân, thật lòng yêu nước, thì sẽ tìm ra giải pháp tốt đẹp." Nhiều người theo thói quen đã tìm cách xếp loại ông, hoặc là cánh tả cấp tiến, hoặc là tả ly khai, nhưng hiển nhiên với chính quyền thì ông đã hoàn toàn là người của phe hữu, hoặc nặng lời hơn, như báo Nhân Dân chính thức kết án ông, "đã đi dần vào đường phản bội," "bị bọn phản động trong cộng đồng người Việt lôi kéo," "bị bọn đế quốc mua chuộc.:." Có lẽ những cách phân loại ngày hôm

nay đều không còn chính xác nữa, vì những khái niệm cũ cũng đang đổi dần, cũng hệt như những khái niệm về chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa xã hội được đặt định từ đầu thế kỷ này. Có lẽ chúng ta không nên nhìn nhau bằng những khái niệm trong nghĩa rộng và mơ hồ đó, mà nên hỏi, nên cứu xét về lập trường vấn đề một. Cũng như, ngày hôm nay, nếu gọi Hoa Kỳ là chủ nghĩa tư bản, như định nghĩa của Marx, và gọi nhà nước Hoa Kỳ là nhà nước đại diện cho quyền lợi tư bản - nghĩa là phải tiến tới một thứ chủ nghĩa đế quốc thì điều này hẳn có nhiều phần sai lầm. Ngược lại, nếu chúng ta vẫn cầm chiếc bản đồ lý luận trước 1975, để gọi nhà nước Việt nam hiện nay là nhà nước xã hội chủ nghĩa thì hoàn toàn sai lầm. Cần phải xét từng vấn đề một để nhìn rõ sự thật, và khi khảo sát tìm sự thật thì không có vần đề tả hay hữu; tìm sự thật là vấn đề của khoa học; trong khoa học chỉ có chuyện đúng hay sai mà không có chuyện tả hay hữu. Có lẽ, vấn đề nhãn hiệu sẽ nằm trong cách giải quyết vấn đề, nghĩa là một phần của dự tri tương lai. Nhưng trước tiên vẫn phải nhìn cho ra sự thật.

Thí dụ, vấn đề về tự do văn hóa. Sự thật là nước mình chưa có tự do văn hóa. Dù là phe tả hay hữu đều thấy đây là tổn thương lớn nhất của dân tộc, phải nhận ra sự thật

này. Dĩ nhiên, cái thời kỳ mới sau 1975, khi các nhà khoa học trong nước viết bài ca ngợi rau muống bổ hơn thịt bò thì không còn nữa. Nhưng trong khi trẻ em thế giới được học những sự kiện được trung thực ghi trong sách sử, hay được đọc những tranh luận đối nghịch nhau trong thư viện nhà trường, báo chí, thì trẻ em Việt vẫn học những điều bị bóp méo, chưa được "đổi mới" vì cấm kỵ. Làm sao đo hết được những tổn thương này? Có những cấm kỵ trừu tượng -nghĩa là chưa gần với đời sống hàng ngày như cơm áo như sự thật về Staline, về lý luận dân chủ đa nguyên, nhưng còn những của dân mình- như sự thật về Nhân Văn Giai Phẩm, về cải cách ruộng đất, về các chính sách cải tạo, về tính "ưu việt" của chủ nghĩa cộng sản... là những gì chính bố mẹ các em đã trả giá, sao chưa được học các sự thật này ? Với những thông tin sai lầm như vầy, sau rồi các em sẽ lý luận thế nào khi tới tuổi vào đời? Đó là chưa nói tới đau khổ của người cầm bút khi phải tránh nói lên những điều tin tưởng cho các em. ở đây, dù có tự nhận là cánh tả hay cánh hữu đều thấy, nếu biết tôn trọng con người thì phải biết tôn trọng sự thật. Thí dụ như, về nhu cầu một nền pháp trị. Sự thật ở đây ra sao? Ngay cả chính quyền cũng nhận là nước mình chỉ cai trị bằng sắc lệnh, nghị quyết, mà chưa có luật, và do nhu cầu kêu

gọi đầu tư cũng đang soạn một số bộ luật căn bản. Điều chúng ta muốn đặt vấn đề ở đây là, lý luận nào khai sinh vì hiện tượng thiếu luật? Trước tiên là lý luận về nhu cầu một nền độc tài toàn trị. Một số người tin rằng phải có một thánh vương, một nhà độc tài mới, trong sạch, đạo đức, để đưa đất nước vào trật tự, tránh hỗn loạn. Lý luận này cực kỳ nguy hiểm, vì hoàn toàn dựa vào nhân cách một người (chẳng may như Hitler, Staline thì hỏng), hoặc vào phẩm chất một tổ chức (chẳng may giáo điều, cuồng tín, chống sự thật như đảng CS hay các tổ chức khủng bố của Hồi giáo thì lại tệ hơn). Lý luận này phi đạo đức nhất, vì nhìn thấy chỉ một người hoặc một tổ chức sinh ra để cai trị, và mọi người phải chịu cai trị. Tuy nhiên, lý luận này dễ thuyết phục được trẻ con và những người thiếu trình độ. Thứ nhì, nguy hiểm nữa của hiện tượng thiếu luật là, sẽ không khai sinh được các xã hội dân sự cần thiết, mà chỉ đẻ ra các xã hội mafia. Các xã hội dân sự cần thiết cho một quốc gia phải cần có môi trường trưởng thành, nhất là đang ở giai đoạn non yếu này. Các tổ chức tôn giáo, các hội thiện nguyện, các tổ hợp kinh doanh tư nhân, các cơ sở văn hóa độc lập, các cơ quan truyền thông ngoài-chính- phủ... sẽ quân bình được cái ý chí toàn trị phi đạo đức của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào. Nhưng trong một

môi trường thiếu nền tảng pháp trị thì chính các xã hội mafia mới thực sự nắm quyền lực, và tài sản cả nước sẽ rơi vào tay vài trăm gia đình và các nhà tư sản nước ngoài. Đó là sự thật phải nhận ra.

Tập hồi ký chính trị của tác giả Thành Tín ghi nhận những sự thật lịch sử quan yếu, ngõ hầu giúp người đọc trong và ngoài nước có cơ sở để cùng thảo luận tìm giải pháp. Cũng như Hoa Xuyên Tuyệt, tập này đã được tác giả viết với lòng chân thực, điềm tĩnh, mổ xẻ tận tường những vết thương lớn của dân tộc, phân tích từng vụ án bí mật sau bức màn tre xã hội chủ nghĩa, kể lại vụ thanh trừng vây cánh ông Võ Nguyên Giáp, cũng như mạng lưới công an dầy đặc khắp nước. Trong này cũng tường trình về những phụ nữ trong đời ông Hồ Chí Minh, vụ ông Võ Đại Tôn họp báo ở Hà Nội, vụ tàn sát nhiều ngàn người ở Huế nam Mậu Thân, vụ Đảng CSVN tổ chức vượt biên bán chính thức để lấy vàng, và nhiều vụ án khác... cũng như các khủng hoảng hiện nay. .

Nhà xuất bản trân trọng giới thiệu tác phẩm này tới bạn đọc, hy vọng sẽ góp thêm sức đẩy mạnh tiến trình dân chủ cho Việt nam và nhìn vào những sự thật đang bị che giấu.

Nhà xuất bản SAIGON PRESS

Bùi Tín

Mặt Thật

Lời Mở Đầu

Năm 1991, tôi viết cuốn Hoa Xuyên Tuyết được người đọc trong và ngoài nước chú ý đôi chút.

Có người tìm đọc Hoa Xuyên Tuyết vì đây là cuốn sách của một cán bộ lâu năm trong đảng Cộng sản, một người lính lâu năm trong Quân đội nhân dân nhìn lại cuộc đời của mình, cũng là nhìn lại một chế độ chính trị trong một thời kỳ lịch sử để đưa ra những nhận định tổng quát. Cuốn sách đi đến kết luận: dân chủ đa nguyên là một yêu cầu cấp bách, là chìa khóa để mở ra giải pháp cho những cuộc khủng hoảng của đất nước. Điều tốt nhất là những người lãnh đạo cao nhất của đảng Cộng sản nhận rõ trách nhiệm của mình, nhận ra một cách sâu sắc những nhầm lẫn và lỗi lầm của đảng Cộng sản trong quá khứ, đặc biệt trong 18 năm qua, chủ động đổi mới thật sự về kinh tế và chính trị, thực hiện dân chủ. đa nguyên, hòa nhập với thế giới

hiện đại. Tác giả cuốn Hoa Xuyên Tuyết đã nhận được hơn ba trăm lá thư phê bình và nhận xét. Khá nhiều báo chí tiếng Việt ở hải ngoại, thuộc các màu sắc chính trị khác nhau, có những bài nhận .xét, tranh luận đôi khi sôi nổi về nội dung cuốn sách và tác giả. Những lời khen, chê đều rất quý báu và bổ ích cho người viết.

Gần một trăm lá thư của bạn đọc trong nước là sự khích lệ quý giá nhất cho tác giả. Các bộ máy an ninh, tư tưởng và văn hóa của chính quyền trong nước truy lùng, ngăn chặn để Hoa Xuyên Tuyết không đến được với đồng bào. Họ nhận định: đây là một cuốn sách vào loại nguy hiểm. Cuốn sách bằng nhiều con đường khác nhau, bởi những tấm lòng tha thiết với sự nghiệp dân chủ ở Việt nam, vẫn về được Hà Nội, Sài Gòn và nhiều nơi khác. Phần lớn những cán bộ ở những cương vị chủ chốt, các nhà báo, anh chi em văn nghệ sĩ các trí thức quan tâm đến thời cuộc, với động cơ và nhận thức khác nhau, cũng như khá đông bạn trẻ, đã tìm đọc Hoa Xuyên Tuyết. Cuốn sách do bị cấm, vẫn đang được truyền tay nhau một cách kín đáo, hào hứng và xúc động. Một cơ sở phô-tô-cóp-pi ở Sài Gòn của các nhóm sinh viên chụp lại từng phần của cuốn Hoa Xuyên Tuyết để tạo thuận lợi cho sự truyền tay. Người cầm đầu Ban Tư Tưởng Và Văn Hóa của đảng và người

đứng đầu báo Nhân dần nhận định: tiếp theo "Bản Kiến Nghị Của Một Công Dân", tác giả Hoa Xuyên Tuyết thêm một bước trên con đường phản bội! Người viết thật không ngờ rằng bông Hoa Xuyên Tuyết mảnh mai đơn sơ lại làm mất ngủ đến thế cho cả một bộ máy ngày càng tha hóa; họ sợ sự thật và lẽ phải, nhất là khi họ cảm thấy nền đất dưới chần họ đang rung chuyển...

Một số bạn đọc gửi thư cũng có người có dịp sang đến Pháp, tìm gặp tác giả, đưa ra hai nhận xét.

Một là: với những bản kiến nghi, một số cuốn sách, bài báo, những lời phát biểu trên đài BBC, RFI, VOA, radio Irina.... đã hình thành một thế lực đối lập, buộc những người cầm đầu đảng và Chính quyền phải tính đến và đối phó, trong khi họ vẫn một mực bác bỏ quan điểm dần chủ đa nguyên. Một lực đối trọng đã hình thành trên thực tế, tạo nên sức ép đẩy lùi từng bước sự ù lỳ bảo thủ. Đồng bào tuy còn e ngại, dè đặt, vần tỏ ra khoái chí, hả lòng hả dạ vì đã có một số người viết và nói lớn lên được những suy nghĩ thầm kín của chính mình.

Hai là: cuốn Hoa Xuân Tuyết còn có một số thiếu sót và nhược điểm: nội dung còn dàn trải, chưa tập trung phơi bày và phê phán những quan điểm hệ trọng nhất làm nền móng cho chế độ. Đó là nền chuyên chính vô sản, quan

điểm đấu tranh giai cấp không khoan nhượng, quan điểm bạo lực thẳng cánh được áp dụng rộng khắp, xuyên suốt thời gian, lan khắp không gian. Đó là bộ máy đàn áp rộng lớn và tinh vi theo kiểu KGB lộng hành bất chấp luật pháp và dư luận, chà đạp quyền tự do của công dân, khống chế con người và xã hội, tạo nên nỗi sợ thường trực và dai dẳng. Đó là hệ thống đặc quyền đặc lợi của một tầng lớp, hoặc một lớp người là hiện thân của chế độ, là Nomenclature theo danh từ Tây Phương; đó là giới thượng lưu mới của xã hội "xã hội chủ nghĩa", một tầng lớp quan liêu ăn bám, bóc lột xã hội theo kiểu riêng của nó, từ đó tạo nên cả một lớp "tư bản đỏ" trong thời kỳ thoái trào, rã đám hỗn loạn, bát nháo hiện nay... Ngoài ra, một số nhân vật của chế độ cần được đánh giá rõ hơn, sâu hơn, trên cơ sở một số tư liệu mới phát hiện và với sự lắng đọng qua thời gian. Chỉ có nhìn rõ hơn, sâu sắc hơn cả một thời gian dài đã qua và hiện tại mới có thể hình thành giải pháp đúng trước mắt và phương hướng đúng cho tương lai.

Cuốn sách này được viết theo những gợi ý nói trên. Những gợi ý này trùng hợp với ý kiến một số bạn đọc ở nước ngoài. Người viết vẫn cố giữ thái độ tỉnh táo, bình tĩnh, có trách nhiệm. Viết theo điều mình nghĩ, bằng cái

đầu "lạnh" của chính mình, không a dua, không nói theo, không bôi đen hoặc tô hồng, công bằng với cả những người mình lên án. Nội dung cuốn sách có mang tính chất sám hối, do tác giả đã từng ở trong bộ máy đảng, nhà nước cầm quyền, từng vừa là thành viên, vừa là nạn nhân của bộ máy ấy. Đây là sự sám hối tự nguyện và tự giác, đối với lương tâm và đồng bào mình, không bị dồn ép bởi bất cứ ai. Tôi đã thanh thản, vui mừng từ biệt đảng cộng sản nhưng không hề tuyệt giao với những người cộng sản lương thiện, ước mong rằng họ cũng cùng tôi sám hối về những lỗi tâm của mình, trong khi vẫn giữ mềm tự hào về những đóng góp xứng đáng của mình vào cuộc đấu tranh kiên cường của dân tộc

Đối với những bạn đọc từng ở chiến tuyến đối lập trước đây, tôi cũng mong chờ một thái độ hiểu biết. Họ có thể nhìn rõ hơn mặt trái mang bản chất của một chế độ họ từng căm ghét và lên án. Họ có thể cảm thấy khoái trá, hả lòng hả dạ. Nhưng xin chớ dừng lại ở chỗ đó. Dù trước đây họ có tham gia một chính quyền nào đó hay không, hoặc có tham gia đảng phái nào đó hay không, cũng xin coi nội dung cuốn sách này là một tấm gương để soi lại mình. Những người cộng sản, đặc biệt là những người cộng sản bình thường, ở cơ sở, không toàn thiện, toàn

mỹ, cũng không toàn ác, toàn xấu. Như là ở mọi cộng đồng, ở mọi tập thể vậy. Họ không giữ độc quyền về tội lỗi, về thói hư, tật xấu. Mỗi người hãy tự nhìn lại chính mình, và với lòng yêu thương dân tộc mình, nhân dân khổ đau của mình, tự sám hối trong thâm tâm mình về quá khứ của mỗi người.

Để từ nay, đất nước ta không còn bị khốn khổ, lầm than, mất tự do, lạc hậu vì những đồng bào ruột thịt hành hạ nhau và chém giết nhau, ghét bỏ và thù hận nhau đo áp dụng máy móc những nguyên lý ngoại lai, do thoái hóa khi nắm quyền lực. Hãy cùng nhau học thuộc những bài học lịch sử! Thành những kinh nghiệm chung.

Tôi viết cuốn sách này với mong muốn góp một phần nhỏ vào việc nhìn lại quá khứ với đôi mắt phê phán. Trong một xã hội độc đoán ảnh hưởng nặng của thói gia trưởng, người dân quen nếp vâng lời, nghe theo quyền lực, ít dám cãi lại, không quen cãi lại, không quen có chính kiến của riêng mình.

Cái gọi là tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và kỷ luật sắt bóp nghẹt mọi nhận xét của cá nhân. Đồng phục ở ngoài đời, đồng phục trong tư duy. Khởi đầu, tôi dự định tên cuốn sách sẽ là Mặt Thật, phơi bày một cách khách quan những điều chế độ cố tình che giấu, theo kiểu "tốt đẹp phô

ra, xấu xa đậy lại." Viết gần xong, nhìn lại cả một quá trình lịch sử, đọc lại những sách có tính kinh điển của Marx, Engels, Lênin... thấy rằng các vị ấy phê phán rất nặng chế độ tư bản về cái tội đã tha hóa giai cấp công nhân và toàn xã hội (aliénation de toute la société); các vị tự đặt cho mình và cho xã hội cộng sản chủ nghĩa sứ mệnh chắp cánh cho mọi ước mơ cao (đẹp nhất của loài người, biến thành hiện thực mọi ước vọng vươn cao về trí tuệ, về sáng tạo nghệ thuật, về tình nhân ái của con người, đi đến một xã hội tràn đầy sản phẩm chất lượng cao, không còn bóc lột, bất công; người với người là bạn, tứ hải giai huynh đệ... Đó là sứ mệnh cao quý cởi bỏ sự tha hóa (desaliénation).

Thực tế phủ phàng, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã không chắp cánh, mà còn cắt cánh mọi mơ ước, vùi dập trí tuệ, tự do, sức sáng tạo của toàn xã hội. Đó là bi kịch lớn, dẫn đến sự sụp đổ tất yếu. Đầu đề Cất cánh nảy ra từ đó, với chương cuối Để Cất Cánh... nhằm góp ý kiến về lối ra, về giải pháp trước mắt. Tuy nhiên tôi vẫn giữ nhan sách là Mặt Thật để nhấn mạnh nghĩa, những dòng chữ này chỉ để nói lên sự thật, sự thật và chỉ sự thật về một chế độ đã đưa nước mình, dân mình vào một trong những thời kỳ đen tối nhất của lịch sử. Cuốn sách xem xét lại tình hình

đất nước trong mấy chục năm qua; người viết cố giữ một cách nhìn tỉnh táo, khách quan, trung thực. Tuy có đề cập đến một số nhân vật, tác giả không có tham vọng thẩm định cặn kẽ về mỗi một nhân vật, chỉ cốt làm rõ cái bản chất của chế độ, của cơ chế, của bộ máy cầm quyền lộng hành nghiêng ngửa một thời. Cuốn sách được viết trong điều kiện ở xa đất nước, tài liệu khó khăn, dựa vào trí nhớ, không tránh khỏi những sơ xuất và nhầm lẫn, mong được độc giả trong và ngoài nước lượng thứ. Người viết chỉ có tấm lòng thành của mình đối với đồng bào thân yêu, đặc biệt là các bạn trẻ, một động lực khỏe khoắn trong tiến trình giành quyền dân chủ, quyền tự do cho công dân, chắp cánh cho đất nước ta vươn tới những chân trời mới.

Paris, mùa thu 1993.

THàNH TíN

I. Cỗ máy nghiền.

II. Những hồ sơ chưa thể khép.

III. Nomenclature Việt nam (Tầng lớp đặc quyền đặc lợi).

IV. Để cất cánh.

Bùi Tín

Mặt Thật

Phần một

Cỗ MáY NGHiềN

Sự sụp đổ của hàng loạt nước xã hội chủ nghĩa kéo theo sự tan vỡ nhanh chóng của hệ thống xã hội chủ nghĩa hiện thực là một hiện tượng ngẫu nhiên hay là tất yếu, hợp quy luật? Đây là một câu hỏi lớn được đặt ra từ mấy năm nay, đặc biệt là từ cuối năm 1989.

Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Xô Viết được thành lập từ tháng 12.1922, là sự mở rộng đầu tiên của nước Nga Xô Viết sau cuộc cách mạng tháng Mười năm 1917. Cuối cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai, khối xã hội chủ nghĩa hình thành với một loạt nước được Hồng quân Liên xô "giải phóng" ở Đông Âu; Việt nam, Bắc Triều Tiên giành được độc lập từ mùa thu 1945. Triều Tiên bị chia cắt từ 1952, Bắc Triều Tiên thuộc phe xã hội chủ nghĩa. ở Việt nam, đất nước bị chia cắt từ 1954, miền Bắc thuộc phe xã hội chủ nghĩa; sau 30-4-1975, cả nước Việt nam nằm trong phe này. Trung Quốc rộng lớn đông dân

nhất thế giới gia nhập phe này từ ngày 1 tháng 10 năm 1949. Đến tháng Giêng 1959, Cu Ba là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên xuất hiện ở Châu Mỹ. ở Châu Phi, E-thi-ô-pia, Ang-gô-la, Mô-dăm-bích trong những năm trước đây, theo chế độ một đảng và công nhận chủ nghĩa Mác Lênin, được Liên xô coi là những nước "dự bị" xã hội chủ nghĩa, trong khi Ma-đa-ga-xca và Nam Yê-men là những "ứng cử viên" xã hội chủ nghĩa gần gũi. Hai nước Lào và Cam Bốt (dưới chính quyền Hun Xen) cũng thường được xem như là các nước cộng sản. Các nhà lý luận và tuyên truyền theo chủ nghĩa Mác chính thống cố chứng minh rằng phe xã hội chủ nghĩa xuất hiện theo quy luật tất yếu từ không đến có, từ nhỏ đến lớn từ ít đến nhiều, từ yếu đến mạnh... để rồi sẽ bao gồm toàn thể trái đất và loài người. Đó là "bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên quy mô toàn thế giới", được coi là đặc điểm và nội dung cơ bản của thế giới ngày nay. Luận điểm cơ bản này gắn liền với luận điểm cơ bản thứ hai về sự rẫy chết tất yếu hiện tại của chủ nghĩa tư bản thế giới.

Bùi Tín

Mặt Thật

Kẻ cơ hội lớn nhất của hành tinh xin chào Ngài?

Tháng 9-1990, tôi đi máy bay Aeroflot Liên xô từ Hà Nội đến Moscơw, và đến trụ sở báo Prada (Sự Thật) của Đảng Cộng sản Liên xô để nhận vé máy bay đi Pari. Đã thành lệ nước Việt nam nhỏ bé, nghèo hèn phải đi bằng chân người khác". Tại đây một phóng viên của Ban Quốc tế kể một câu chuyện để đùa vui một lát. Chuyện rằng khi ông Nguyễn Văn Linh, Tổng bí thư Đảng cộng sản Việt nam, đi dự lễ Quốc khánh lần thứ 40 nước Cộng Hòa Dân Chủ Đức (tháng 10-1989) ở Berlin, ông Gorbachev, Tổng bí thư Đảng cộng sản Liên xô đã lịch sự ngả mũ, cười khẩy, chào rằng: "Kẻ cơ hội lởn nhất của hành tính xin chào ngài!" Người phiên dịch Việt nam giật mình, mặt đỏ gay, ấp úng dịch lời chào này cho ông Linh. Hôm sau, Ngài Tổng bí thư ốm, bị liệt dây thần kinh số 7 ở má phải, mồm méo xệch. Cái lạnh âm 12 độ khi đứng trên lễ đài dự duyệt binh lớn

hay là lời chào bất ngờ trên đây đã làm cho Ngài cảm lạnh và ốm?

Câu chuyện anh phóng viên Nga kể không làm cho tôi sửng sốt, vì tôi đã nghe câu chuyện y như thế khi còn ở Hà Nội. Lời chào này chỉ có 3 người biết: ông Gorbachev, ông Linh và anh phiên dịch. Vậy mà ở Hà Nội và ở Moscou nhiều người biết và truyền cho nhau. Có bao nhiêu phán trăm sự thật?

Tôi biết rõ 2 sự thật liên quan đến lời chào độc đáo này. Tại Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Việt nam lần thứ 7 và lần thứ 8 sau sự kiện Thiên An Môn (tháng 6-1989) và sự sụp đổ của bức tường Berlin (cuối năm 1989), tình hình Liên xô và Đông Âu được nhận định và phân tích kỹ lưỡng.

Nhận định có nhiều nội dung, điều quan trọng nhất là: trong nội bộ lãnh đạo của Liên xô, có một thế lực rất nguy hiểm, mang sai lầm nặng nề của chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh đầu hàng chủ nghĩa đế quốc, tiêu biểu là Gorbachev. Những người phê phán nặng nề nhất Gorbachev vẫn là các vị từng lên án gắt gao nhất Trần Xuân Bách, như: Đào Duy Tùng, Nguyễn Đức Bình, Nguyễn Hà Phan, Nông Đức Mạnh, Lê Phước Thọ... Có người còn đưa ra giả thuyết: Gorbachev phải chăng là tay

chân của CIA, con bài của đế quốc Mỹ? Chắc chắc nhận định trên đây được phổ biến ở hội trường Ba Đình, ở cách sứ quán Liên xô có chửng 500 mét đã đến tai những người trong sứ quán Liên xô, mặc dầu những người dự nghe đã được dặn là không được ghi chép.

Sự thật thứ hai là ông Nguyễn Văn Linh, từng có cách nhìn thoáng đạt khi mới nhận chức Tổng bí thư cuối năm 1986, từng khuyến khích các văn nghệ sĩ tự mình cởi trói, tự cứu lấy mình, không uốn cong ngòi bút trước bất kỳ sức ép nào; ông đã từng cay dắng bị đưa ra ngoài Bộ Chính trị ở Đại Hội 5 (1982), có lúc phải nhận cái chức không mấy thực chất Chủ tịch Tổng công đoàn, nên thông cảm với số phận của những người bị chèn ép. Vậy mà sau sự kiện Thiên An Môn và bức tường Berlin sụp đổ, người ta thấy ở ông Nguyễn Vãn Linh một con người khác. Ông trở lại nguyên si là người bảo vệ cơ chế, bảo vệ sự trì trệ bằng mọi giá, bảo vệ những quan điểm bảo thủ nhất. Sự đe dọa mất quyền lực đã làm sống dậy trong ông tiềm thức tự vệ mãnh liệt.

Hồi 1986, khi ông hết lời ca ngợi Perestroika (đổi mới) và Glasnot (trong sáng) của Liên xô, có người mong chờ ở ông một Gorbachev Việt nam. Nhưng họ đã vỡ mộng! Cờ đã đến tay ông thì ông run tay, sợ hãi? Ông trở về với bản

chất nguyên si của mình: người của cơ chế, sống chết với cơ chế, một apparatchik (theo tiếng Nga: công chức trung thành của bộ máy quan liêu) toàn tâm toàn ý phục vụ bộ máy, bất chấp sự thật và chân lý. Đầu tháng 9-1989, tại mít tinh lớn mừng Quốc khánh, lẽ ra ông Võ Chí Công đọc diễn văn chính, nhưng ông Linh yêu cầu chính mình đứng ra đọc, vì "chúng ta đứng trước một tình hình rất đặc biệt". Trong diễn văn, thông điệp quan trọng nhất của ông là: lịch sử đã giao phó cho Đảng cộng sản Việt nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo cuộc cách mạng ở Việt nam, trước kia là thế, hiện nay là thế và mãi mãi về sau vẫn sẽ là như thế. Đó là quy luật tất yếu! Đa nguyên trở nên bị cấm kỵ một cách tuyệt đối. Tôi từng thấy các phóng viên Pháp, Nga, Mỹ, Đức, Nhật... bịt mũi, phì cười, rồi nhún vai, lắc đầu trợn trừng mắt khi nghe lời khẳng định cái quy luật tất yếu quá ư là kỳ khôi ấy.

Qua lời kể của Nguyễn Xuân Tùng, trợ lý của Tổng bí thư hồi ấy (hiện là Phó bí thư Thành ủy Hà Nội), việc đi Berlin dự lễ mừng Quốc khánh Đức lẽ ra các ông Chủ tịch Hội Đồng Nhà nước Võ Chí Công và Chủ tịch Hội Đồng Bộ trưởng Đỗ Mười đi dự mới phải, thế nhưng lại chính ông Linh tự đề xuất: Phải chính tôi đi mới được? Để tôi còn có dịp cố thuyết phục đồng chí Honecker và nhất là trao đổi ý

kiến với Gorbachev. Phải cố thuyết phục họ, nếu không tình hình sẽ vô cùng nguy hiểm...
Và thế là chưa kịp thuyết phục ông Gorbatchev, ông đã được một lời chào độc đáo,bất ngờ, làm ông đứng ngẩn ra một lúc như... trời trồng vậy. Chuyện kể hồi ấy rằng sau khi dự lễ quốc khánh, duyệt binh và ôm hôn ông Honecker ở Berlin về rồi được tin ông Honecker "ngã ngựa", và sau khi nhận lời chào của "kẻ cơ hội lớn nhất hành tinh", ông Linh ốm. Bác sĩ của ông cho biết bệnh đái dắt thêm nặng và mồm ông méo khi nói khi cười khi súc miệng nước phun cả ra ngoài. Vợ ông rất lo. Và bà từng lãnh đạo Hội phụ nữ Sài Gòn ấy bỗng đi xem bói! Thầy bói phán: "Hướng cổng không ổn? Thần thổ địa không hài lòng. Thế là ngay sau đó cổng nhà ông trông ra phố Phan Đình Phùng phải đóng chặt. Đội xây đựng của Ban Tài Chính Quản trị Trung ương Đảng trổ ra cổng mới, trông ra phố Nguyễn Cảnh Chân, nhìn chếch sang nhà ông Trường Chinh (cũ) và nhà ông Hoàng Quốc Việt. Ông khỏi bệnh; nhờ châm cứu hay nhờ hướng cổng mới ? Từ hướng Bắc (nhìn sang Trung Quốc) chuyển sang hướng Đông (nhìn ra đại dương, sang Hoa Kỳ?)...

Bùi Tín

Mặt Thật

ám ảnh có thật

Trong suy nghĩ của nhưng người lãnh đạo chóp bu ở Hà Nội, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu chỉ mang tính chất tạm thời. Một tai nạn, một bất trắc bất ngờ! VI nó là ngẫu nhiên, không mang tính chất tất yếu không theo quy luật, nên chỉ là tạm thời. Các bài xã luận trên báo Nhân Dân, báo Quân Đội Nhân Dân, tạp chí Cộng sản... đều phản ánh quan điểm chính thống ấy. Đây chỉ là một cơn gió bão, rồi trời sẽ quang, mây sẽ tạnh. Đây chỉ là một đám mây đen, rồi đám máy ấy sẽ trôi qua. Đây chỉ là một cơn sốt cảm cúm, tuy nặng nhưng rồi sẽ được khôi phục, rồi phong trào Cộng sản sẽ được củng cố và phát triển vững mạnh. Quy luật là quy luật, không ai xóa bỏ được. Họ vẫn nhắc đến cái nội dung và đặc điểm cơ bản của thế giới ngày nay là: sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội trên khắp hành tinh này(?). Ông

Đào Duy Tùng gọi đây là một khúc quanh tạm thời, một trục trặc tạm thời trên quá trình phát triển. Qua cơn sốt vỡ da này, phong trào thêm mạnh, thêm trưởng thành.
Đó. Do tư duy cứng nhắc, khô cằn, lại hay ảo tưởng, lấy mong muốn chủ quan làm hiện thực, cộng thêm tật duy ý chí, không có gì là không làm được, nên họ vẫn giữ niềm tin mù quáng. Cũng có thể trong thâm tâm họ, niềm tin đã lung lay, hoặc tắt ngấm, nhưng họ vẫn nói như thế, vẫn viết như thế. Nói và viết theo nghị quyết là vậy.
Không phải ngẫu nhiên mà cuộc biểu tình bỏ túi ở một quảng trường nhỏ ở Moscou nhân dịp kỷ niệm Cách Mạng Tháng Mười dân thứ 76 (ngày 7 tháng 11 năm 1992) vừa rồi, vài trăm người, phần lớn là tuổi cao, các bà nội trợ, giương những tấm ảnh cũ của Mác, Lênin, cả Staline nữa... đã được Thông tấn xã Việt nam chộp vội lấy, đưa tin và các báo đăng lại! Những tin quý, hiếm ấy là những chiếc phao níu giữ những niềm hy vọng... hão huyền.
Cần chứng minh cho đông đảo bà con ta ở trong nước, cho cả phần lớn những người còn trong đảng cộng sản rằng bão táp lớn, cơn lốc lịch sử diễn ra trong mấy năm qua ở Liên xô và Đông du mang tính tất yếu và không thể nào đảo ngược được nữa - nó mang tính quy luật của quan hệ nhân quả Người nông dân gieo gì thì gặt nấy.

Gieo gió gặp bão là cầu ngạn ngữ dân gian. Tất cả nội dung tôi viết trong cuốn sách này cũng là nhằm góp phần nào soi tỏ điều ấy.

Tôi vừa nhận được bài "ám ảnh có thật" do một anh làm báo trẻ ở Hà nội gửi sang. Bài báo của Trần Huy Quang, một nhà văn trẻ, khá nổi tiếng qua những truyện ngắn làm sôi nổi dừ luận một thời: Ông Vua Lốp, Lời khai của bị can, Mối tình hoang dã, Người làm chứng... Bài "Linh Nghiệm" của anh "lách" đăng trên tuần báo Văn Nghệ trong tháng 7-1992 đã bị phê phán rất nặng, vì dám ám chỉ một cách... thẳng thừng đến Chủ tịch Hồ chí Minh. Số báo bị thu hồi để hủy gấp. Anh bị mất việc, treo bút trong 2 năm, mất luôn chức Chi hội trưởng Chi Hội Nhà Báo của báo Văn Nghệ, với nhiều phiền toái khác đi theo đó. Tổng biên tập Hữu Thỉnh phải làm một bản kiểm điểm dài và chỉ bị cảnh cáo vì "mới đi vắng xa về, không được tỉnh táo?" Còn một việc khác ít ai biết đến- Đó là báo Tiền Phong, trong số ra ngày 30-6-1992 -trước có 2 tuần số báo Văn Nghệ nói trên đã có một bài nữa cũng của Trần Huy Quang mang nhan đề "ám ảnh có thật". Bài báo này cũng bị phê phán rất nặng, số báo Tiền Phong này cũng bị thu hồi để hủy. Nội dung truyện cực ngắn này (chỉ hơn một nghìn chữ) kể về một cô gái ở nông thôn tên là Thơm, có chồng chết ở mặt

trận tử lâu. Cô gặp một anh lính giải ngũ người cùng làng, chưa vợ và hai người yêu nhau. Điều này bị Bí thư chi bộ xã coi là không lành mạnh, không được phép, là bất chính, vì chính hắn ta cũng thèm muốn cô Thơm! Một tối, hai anh chị lẻn ra một thửa ruộng xa xóm làng để tâm sự. Bí thi chi bộ huy động lực lượng dân quân xã "mở cuộc chiến đấu truy lùng, nhằm bắt quả tang. Anh cựu chiến sĩ ta lanh lẹn thoát khỏi "vòng vây". Họ trói tù binh là cô Thơm giải về trụ sở. Bí thư Chi bộ Xã lấy khẩu cung, quát nạt, xỉ vả, đe đọa cô gái. Cô Thơm cứng cỏi không nhận gì hết vì không có chứng cớ. Bí thư chi bộ ra lệnh cho dân quân: "Con đĩ già mồm! Các đồng chí dân quán, hãy khám nó. Có tinh dịch đàn ông trong ấy là nó trắng mắt ra". Cô gái phẫn uất vì bị xúc phạm, tự vẫn ngay đêm ấy trong ao làng. Hai năm sau, Bí thư Chi bộ: "...tự nhiên hai con mắt nổ tung con ngươi ra ngoài. Đi khắp nơi không chữa được."

Ngắn gọn. Rõ ràng. Thông điệp của nhà văn trẻ thông minh và nhạy cảm này là: kẻ nắm quyền lực độc đoán chà đạp lên quyền sống của thường dân đến mức người dân không thể sống nổi. Nhưng ác giả ác báo, và quả báo ấy là nhãn tiền!

Bí thư chi bộ cộng sản lộng hành ở một xã, cũng có thể ám chỉ Đảng cộng sản lộng hành trong một nước, hoác cả

các đảng cộng sản lộng hành trong phe xã hội chủ nghĩa. Và ác giả ác báo. Kẻ ác phải trả nợ đời. Chẳng phải chờ lâu! Bài báo thật thâm thúy. ở ngay thời điểm lịch sử hiện tại. Nó lý giải số phận của các đảng cộng sản. Bằng đạo lý dân gian truyền thống, thành gần như quy luật mang tính tất yếu: ở hiền gặp lành, kẻ gian ác bị trừng phạt; thường là nhỡn tiền, ngay trước mắt.

Nhìn lại, có thể thấy đảng cộng sản Việt nam trong khi lãnh đạo cuộc kháng chiên của dân tộc đã có một số thành tích. Những thành tích ấy từ truyền thống dân tộc và sự hy sinh khôn xiết của nhân dân! Không thể viện ra để xóa bỏ vô vàn thành tích bất hảo về vi phạm quyền con người, quyền công dân. Trong chiến đấu, cần hy sinh, cần xả thân cứu nước, xã hội có thể châm chước, thể tất phần nào cho những hiện tượng xâm phạm tự đo của công dân; nhưng hòa bình rồi, không thể cứ chà đạp lên số phận người dân theo kiểu thô bạo độc ác như người Bí thư chi bộ trong truyện ngắn này được! Hắn ta bị nổ cả hai con mắt là nghiệp báo, và nghiệp báo ngay nhãn tiền. Ngay trong cuộc đời hắn.

Đảng cộng sản Liên xô, sau 74 năm cầm quyền, không phải là lâu. Và ở Việt nam, đảng cộng sản cầm quyền được gần 50 năm ở miền Bắc, và cũng chỉ mới hơn 18

năm trong cả nước! Một đời người, một phần ba của đời người... Karl Marx, ông tổ của chủ nghĩa Mác, không bao giờ có thể nghĩ rằng chủ nghĩa xã hội hiện thực sống yểu như thế này! Ông từng lạc quan cho rằng: ngày diệt vong của chủ nghĩa tư bản không xa! Ông dóng chuông: giờ tận số của chủ nghĩa tư bản đã điểm! Những kẻ đi tước đoạt đã đến lúc bị tước đoạt!

Trong Chống During, F. Engels cũng lạc quan chẳng kém. Ông nhận định, chế độ nô lệ kéo dài ba nghìn năm, chế độ phong kiến một nghìn năm, nhưng tuổi thọ của chủ nghĩa tư bản không vượt quá 300 năm. Mới đây, khi đi qua Berlin, tôi nghe một anh bạn nhà báo Đức kể câu chuyện vui kiểu tiếu lâm. Khi chủ nghĩa xã hội hiện thực cáo chung ở Liên xô, người dân trong quán bia Berlin kháo nhau, 74 tuổi rồi còn gì nữa! Thế là quá mất 9 năm rồi đó, vì tuổi về hưu ở Liên xô được quy định là 65 tuổi. Chấm dứt hoạt động ở tuổi 74 là quá lắm rồi! Người ta còn đố nhau: Gần đây trong lịch sử cái gì dài nhất và cái gì ngắn nhất? Thì ra dài nhất là con đường đi tới chủ nghĩa xã hội ngắn nhất là lịch sử của chính chủ nghĩa xã hội? Một chế độ xã hội không có sức sống! Trái hẳn với mong muốn, hy vọng của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác: chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là chế độ vĩnh cửu, mùa xuân bất tận của

nhân loại!

Bùi Tín

Mặt Thật

Các Tây nhiều râu

Thảm họa khủng hoảng nặng nề và lạc hậu của Việt nam hiện nay bắt nguồn từ đâu?

Đây là một câu hỏi phức tạp, trả lời không thể đơn giản. Nó có khá nhiều nguyên nhân, giấn tiếp và trực tiếp, về lý luận cũng như trên thực tế, ngược đòng của lịch sử mấy chục năm qua.

Tôi nhớ lại, từ hồi 1950 biên giới Việt Trung mở ra càng ngày càng rộng. Chuyên gia Trung Quốc, vũ khí Trung Quốc, hàng hóa gồm vải vóc, thuốc men, phích nước, xe đạp Trung Quốc tràn vào theo đường xe lửa qua Bằng Tường, Đồng Đăng... Đến sau Điện Biên Phủ, tất cả các thứ trên ào ạt nhập vào nhiều hơn, khi các đoàn xe lửa dài phóng xuống đến Yên Viên (bắc Hà nội), rồi vào ga Hà nội và đi xuống Thanh Hóa, Vinh, Đồng Hới... Các đoàn xe ô tô vận tải Trung Quốc cũng theo đường số 1 đi theo từng

đoàn "nhập Việt". Đường xe lửa Hải Phòng-Lào Cai-Vân Nam Phủ được khôi phục nhanh.
Các thành phố Thái Nguyên, Việt Trì mang dần màu sắc Trung Quốc. Khu gang thép Thái Nguyên rộng lớn được bắt đầu xây đựng sau khi hơn 30 ngọn đồi được ủi phẳng làm mặt bằng. Bên sông Hồng và sông Lô, thị trấn Việt Trì lớn lên nhanh chóng với các nhà máy điện, mì chính, thuốc trừ sâu, đường, giấy, bánh kẹo, cơ khí, dệt... đều do Trung Quốc bỏ vốn, trang bị kỹ thuật, đào tạo công nhân. Cầu xe lửa Việt Trì cũng là cầu đường bộ, được đoàn công nhân Trung Quốc từ Vũ Hán sang xây dựng... Đi cùng theo đó, ít ai thấy, là hàng ngàn, chục ngàn rồi cả trăm ngàn "các ông Tây" được nhập Việt và tỏa rộng đến khắp các làng xã từ Cao Bằng, Lạng Sơn đến Vĩnh Linh. Đó là những tập ảnh màu cỡ 80x60 cm hoặc 60X40 cm in hình các cụ già Karl Marx, Engels, hình Lénine, Staline, Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh... in từ Bắc Kinh, Nam Ninh (Quảng Tây) hoặc Quảng Châu (Quảng Đông), quà tặng của Trung Quốc. ở bất kỳ trụ sở ủy ban nhân dân xã, chi bộ Đảng cộng sản xã, các cơ quan kinh tế, văn hóa, quân sự, xã hội ở xã, huyện, tỉnh, trung ương nào cũng đều treo trong khung gỗ một loạt hình chân dung ấy. Sau đó được thêm ảnh Malenkov của Liên xô. Trừ ông Mao và

ông Malenkov cằm và mép nhẵn thín, còn tất cả đều có râu, tuy kiểu râu có khác nhau. ở nông thôn, nhà mỗi người dân cũng thường được treo những bức chân dung xanh đỏ như thế. Dạo ấy ảnh gia đình ở nông thôn còn rất hiếm, các ảnh ấy là những thứ có màu sắc duy nhất đập vào mắt mọi người khi bước vào nhà. Trên là ảnh các cụ có râu, dưới mới là bàn thờ của gia đình.

Sự trang trí độc đáo ấy đánh dấu cả một thời. Hồi ấy bộ đội đóng quăn di động ở các vùng nông thôn. Đã thành quen, tôi thường nghe các em bé xíu hỏi bố mẹ: "Ai kia, ai kia?" Và thường được trả lời: "Các cụ ta đó. Các cụ lãnh đạo đó... Tôi bấm bụng nín cười khi có dân nghe một anh nông dân trẻ trả lời con nhỏ: "Các ông Tây có râu của ta đó." Lập trường ta địch hồi đó thật là rõ ràng, không một ai có thể mơ hồ.

Về sau, một loạt tranh đệt bằng tơ lụa hóa học xuất hiện, dệt tử Quảng Châu, Trung Quốc, được các hiệu sách Nhân Dân bân với giá cực rẻ, theo nhiều cỡ, một màu hoặc nhiều màu, cũng theo bộ: chân dung Marx, Engels, Lenine, Staline, Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông... Đi theo còn có những bộ 12 lá cờ của các "nước xã hội chủ nghĩa anh em", với bộ chân dung của 12 lãnh tụ cao nhất của 12 nước ấy. Nhà in Tiến Bộ, Trần Phú, Nhân Dân cũng tổ

chức in theo qui mô lớn, ảnh màu của các nhân vật nói trên, bán theo kiểu tuyên truyền đại chúng, vừa bán vừa cho.
Vào dịp cải cách ruộng đất, ở một vùng nông thôn Nghệ An, một số bần cố nông được vội vã kết nạp vào đảng. Có nhưng chuyện buồn cười. Anh em cán bộ đi tham gia các đội cải cách về kể lại. Khi làm lễ tuyên thệ vào đảng, có anh nông dân chất phác xúc động quá nên lúng túng không biết phát hiểu thế nào, liền thốt ra: "Tôi, Lê Văn A, xin thề, trên có các ông tây, có cụ Hồ, dưới là bàn thờ Tổ Quốc..." "Các ông Tây", "các ông Tây râu rậm , một thời đầy rẫy trong các căn nhà Việt nam ấy quả thật đã in một dấu ấn sâu đậm trong cuộc sống xã hội và thật sự có ảnh hưởng quyết định đến số phận của cả một dân tộc, của mỗi gia đình cũng như đến mỗi con người Việt nam. Đã đến lúc cần đánh giá cho rõ ràng, minh bạch là ảnh hưởng quyết định ấy tốt hay là xấu, may mắn hay tai hại.

Đó. Do tư duy cứng nhắc, khô cằn, lại hay ảo tưởng, lấy mong muốn chủ quan làm hiện thực, cộng thêm tật duy ý chí, không có gì là không làm được, nên họ vẫn giữ niềm tin mù quáng. Cũng có thể trong thâm tâm họ, niềm tin đã lung lay, hoặc tắt ngấm, nhưng họ vẫn nói như thế, vẫn

viết như thế. Nói và viết theo nghị quyết là vậy.
Không phải ngẫu nhiên mà cuộc biểu tình bỏ túi ở một quảng trường nhỏ ở Moscou nhân dịp kỷ niệm Cách Mạng Tháng Mười dân thứ 76 (ngày 7 tháng 11 năm 1992) vừa rồi, vài trăm người, phần lớn là tuổi cao, các bà nội trợ, giương những tấm ảnh cũ của Mác, Lênin, cả Staline nữa... đã được Thông tấn xã Việt nam chộp vội lấy, đưa tin và các báo đăng lại! Những tin quý, hiếm ấy là những chiếc phao níu giữ những niềm hy vọng... hão huyền.
Cần chứng minh cho đông đảo bà con ta ở trong nước, cho cả phần lớn những người còn trong đảng cộng sản rằng bão táp lớn, cơn lốc lịch sử diễn ra trong mấy năm qua ở Liên xô và Đông du mang tính tất yếu và không thể nào đảo ngược được nữa - nó mang tính quy luật của quan hệ nhân quả Người nông dân gieo gì thì gặt nấy. Gieo gió gặp bão là cầu ngạn ngữ dân gian. Tất cả nội dung tôi viết trong cuốn sách này cũng là nhằm góp phần nào soi tỏ điều ấy.
Tôi vừa nhận được bài "ám ảnh có thật" do một anh làm báo trẻ ở Hà nội gửi sang. Bài báo của Trần Huy Quang, một nhà văn trẻ, khá nổi tiếng qua những truyện ngắn làm sôi nổi dừ luận một thời: Ông Vua Lốp, Lời khai của bị can, Mối tình hoang dã, Người làm chứng... Bài "Linh Nghiệm"

của anh "lách" đăng trên tuần báo Văn Nghệ trong tháng 7-1992 đã bị phê phán rất nặng, vì dám ám chỉ một cách... thẳng thừng đến Chủ tịch Hồ chí Minh. Số báo bị thu hồi để hủy gấp. Anh bị mất việc, treo bút trong 2 năm, mất luôn chức Chi hội trưởng Chi Hội Nhà Báo của báo Văn Nghệ, với nhiều phiền toái khác đi theo đó. Tổng biên tập Hữu Thỉnh phải làm một bản kiểm điểm dài và chỉ bị cảnh cáo vì "mới đi vắng xa về, không được tỉnh táo?" Còn một việc khác ít ai biết đến- Đó là báo Tiền Phong, trong số ra ngày 30-6-1992 -trước có 2 tuần số báo Văn Nghệ nói trên đã có một bài nữa cũng của Trần Huy Quang mang nhan đề "ám ảnh có thật". Bài báo này cũng bị phê phán rất nặng, số báo Tiền Phong này cũng bị thu hồi để hủy. Nội dung truyện cực ngắn này (chỉ hơn một nghìn chữ) kể về một cô gái ở nông thôn tên là Thơm, có chồng chết ở mặt trận tử lâu. Cô gặp một anh lính giải ngũ người cùng làng, chưa vợ và hai người yêu nhau. Điều này bị Bí thư chi bộ xã coi là không lành mạnh, không được phép, là bất chính, vì chính hắn ta cũng thèm muốn cô Thơm! Một tối, hai anh chị lẻn ra một thửa ruộng xa xóm làng để tâm sự. Bí thi chi bộ huy động lực lượng dân quân xã "mở cuộc chiến đấu truy lùng, nhằm bắt quả tang. Anh cựu chiến sĩ ta lanh lẹn thoát khỏi "vòng vây". Họ trói tù binh là cô Thơm giải về trụ

sở. Bí thư Chi bộ Xã lấy khẩu cung, quát nạt, xỉ vả, đe đọa cô gái. Cô Thơm cứng cỏi không nhận gì hết vì không có chứng cớ. Bí thư chi bộ ra lệnh cho dân quân: "Con đĩ già mồm! Các đồng chí dân quán, hãy khám nó. Có tinh dịch đàn ông trong ấy là nó trắng mắt ra". Cô gái phẫn uất vì bị xúc phạm, tự vẫn ngay đêm ấy trong ao làng. Hai năm sau, Bí thư Chi bộ: "...tự nhiên hai con mắt nổ tung con ngươi ra ngoài. Đi khắp nơi không chữa được."

Ngắn gọn. Rõ ràng. Thông điệp của nhà văn trẻ thông minh và nhạy cảm này là: kẻ nắm quyền lực độc đoán chà đạp lên quyền sống của thường dân đến mức người dân không thể sống nổi. Nhưng ác giả ác báo, và quả báo ấy là nhãn tiền!

Bí thư chi bộ cộng sản lộng hành ở một xã, cũng có thể ám chỉ Đảng cộng sản lộng hành trong một nước, hoác cả các đảng cộng sản lộng hành trong phe xã hội chủ nghĩa. Và ác giả ác báo. Kẻ ác phải trả nợ đời. Chẳng phải chờ lâu! Bài báo thật thâm thúy. ở ngay thời điểm lịch sử hiện tại. Nó lý giải số phận của các đảng cộng sản. Bằng đạo lý dân gian truyền thống, thành gần như quy luật mang tính tất yếu: ở hiền gặp lành, kẻ gian ác bị trừng phạt; thường là nhỡn tiền, ngay trước mắt.

Nhìn lại, có thể thấy đảng cộng sản Việt nam trong khi lãnh

đạo cuộc kháng chiên của dân tộc đã có một số thành tích. Những thành tích ấy từ truyền thống dân tộc và sự hy sinh khôn xiết của nhân dân! Không thể viện ra để xóa bỏ vô vàn thành tích bất hảo về vi phạm quyền con người, quyền công dân. Trong chiến đấu, cần hy sinh, cần xả thân cứu nước, xã hội có thể châm chước, thể tất phần nào cho những hiện tượng xâm phạm tự do của công dân; nhưng hòa bình rồi, không thể cứ chà đạp lên số phận người dân theo kiểu thô bạo độc ác như người Bí thư chi bộ trong truyện ngắn này được! Hắn ta bị nổ cả hai con mắt là nghiệp báo, và nghiệp báo ngay nhãn tiền. Ngay trong cuộc đời hắn.

Đảng cộng sản Liên xô, sau 74 năm cầm quyền, không phải là lâu. Và ở Việt nam, đảng cộng sản cầm quyền được gần 50 năm ở miền Bắc, và cũng chỉ mới hơn 18 năm trong cả nước! Một đời người, một phần ba của đời người... Karl Marx, ông tổ của chủ nghĩa Mác, không bao giờ có thể nghĩ rằng chủ nghĩa xã hội hiện thực sống yểu như thế này! Ông từng lạc quan cho rằng: ngày diệt vong của chủ nghĩa tư bản không xa! Ông dóng chuông: giờ tận số của chủ nghĩa tư bản đã điểm! Những kẻ đi tước đoạt đã đến lúc bị tước đoạt!

Trong Chống During, F. Engels cũng lạc quan chẳng kém.

Ông nhận định, chế độ nô lệ kéo dài ba nghìn năm, chế độ phong kiến một nghìn năm, nhưng tuổi thọ của chủ nghĩa tư bản không vượt quá 300 năm. Mới đây, khi đi qua Berlin, tôi nghe một anh bạn nhà báo Đức kể câu chuyện vui kiểu tiếu lâm. Khi chủ nghĩa xã hội hiện thực cáo chung ở Liên xô, người dân trong quán bia Berlin kháo nhau, 74 tuổi rồi còn gì nữa! Thế là quá mất 9 năm rồi đó, vì tuổi về hưu ở Liên xô được quy định là 65 tuổi. Chấm dứt hoạt động ở tuổi 74 là quá lắm rồi! Người ta còn đố nhau: Gần đây trong lịch sử cái gì dài nhất và cái gì ngắn nhất? Thì ra dài nhất là con đường đi tới chủ nghĩa xã hội ngắn nhất là lịch sử của chính chủ nghĩa xã hội? Một chế độ xã hội không có sức sống! Trái hẳn với mong muốn, hy vọng của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác: chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là chế độ vĩnh cửu, mùa xuân bất tận của nhân loại!

Bùi Tín

Mặt Thật

Các Mác và chủ nghĩa Mác

ở Việt nam, có một học sinh, sinh viên, trí thức, đảng viên, cán bộ, đoàn viên thanh niên nào mà không học, đọc và biết ít nhiều về Các Mác và chủ nghĩa Mác? Đây là một môn học bắt buộc. ở Bộ Giáo Dục Phổ Thông có một vụ giáo dục chính trị, trong đó có một phòng giáo dục về chủ nghĩa Mác-Lênin, làm nhiệm vụ biên soạn, đào tạo giảng viên, chọn đề thi, chỉ đạo việc học tập chủ nghĩa Mác-Lênin ở tất cả các trường học. Các trường đại học đều có một phòng giáo dục Mác-Lênin. Khi 2 bộ Giáo dục Phổ thông và bộ Đại Học và Trung cấp Chuyên nghiệp nhập vào nhau thành Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, các cơ quan giáo dục chủ nghĩa Mác- Lênin cũng được nhập vào nhau. Khi thi tốt nghiệp, mọi sinh viên đều phải học ôn và thi môn Mác-Lênin

- Đây là môn cơ bản nhất được tính để xét đỗ hay trượt,

lên lớp hay lưu ban.

Trong những năm 1966 và 1967, sau một thời gian làm giảng viên lý luận của quân khu 4 rồi về công tác ở Cục tuyên huấn, tôi nhận được quyết định của Bộ Quốc Phòng giao nhiệm vụ tham gia Ban chấm thi nhà nước để chấm thi tốt nghiệp Trường Sy Quan Lục Quân, môn chính trị. Các trung đội trưởng và đại đội trưởng tương lai phải hiểu biết sâu sắc và vững vàng về chủ nghĩa Mác-Lênin. Theo quy định, môn học chủ nghĩa Mác gồm có môn Triết học (gồm Duy vật biện chứng và Duy vật lịch sử), môn Lịch sử Đảng (gồm Lịch sử Đảng cộng sản Liên xô, Đảng cộng sản Việt nam và Lịch sử Phong trào cộng sản Quốc tế) và môn Chủ nghĩa Xã hội Khoa học. Các cuộc thi đều có cả thi viết và thi ấn đáp quy định của Bộ chính trị cũng như của Ban Tổ Chức và Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng (về sau Ban này mang tên Ban Tư Tưởng và Văn Hóa), cán bộ Đảng và nhà nước ở bậc cán sự đều phải trải qua một khóa học ở Trường Đảng Sơ Cấp, cán bộ ở bậc chuyên viên đều phải trải qua một khóa học ở Trường Đảng Trung Cấp và các chuyên viên cấp cao từ bậc 7 trở lên đều phải qua Trường Nguyễn ái Quốc Trung ương. Không có bằng tốt nghiệp về chính trị, về chủ nghĩa Mác-Lênin thì không thể thành cán bộ. Cán bộ nào được chọn

đi học Trường Đảng là có thể bắt tay chúc nhau, mở liên hoan nâng cốc chúc mừng nhau, báo tin cho bố mẹ, vợ con để chia vui, với niềm tin rằng đã được đảng chấm, lựa chọn để đưa lên bậc cao hơn, trở thành "cán bộ nguồn", có nghĩa là cán bộ trong danh sách riêng được coi là nguồn dự trữ để cất nhắc ngay trước mắt.

Cho nên muốn hiểu thấu đáo tình hình chính trị ở Việt nam không thể không xem xét việc truyền bá có hệ thống chủ nghĩa Mác-Lênin đã được thực hiện ra sao, để từ đó giải quyết nhận thức của một bộ phận cực lớn và cực kỳ quan trọng trong xã hội như thế nào trong tình hình mới, khi chủ nghĩa Mác-Lênin đã phơi bày tất cả mặt trái sai tâm và tệ hại của nó, khi cuối cùng nó không thể tìm nổi sức sống trong thực tế.

Có một cách đối xử với chủ nghĩa Mác rất thịnh hành trên không ít sách báo tiếng Việt ở hải ngoại. Đó là chửi bới, phỉ báng, vứt bỏ cả gói bằng tất cả chữ nghĩa thô tục nhất, và gọi Mác là thằng già có tội chửa hoang với người ở, đáng chặt đầu, đáng đào mả để băm vằm cho hả giận. Thật ra xác Các Mác đã được thiêu ở một vùng ngoại ô Luân Đôn. Cách làm cũng vậy, dù là có đốt hết sách vở của Mác cũng chẳng khó gì, nhưng không phải là cách giải quyết vấn đề tận gốc, có chính trị và văn hóa. Phần lớn

những người ấy không hiểu gì về nội dung chủ nghĩa Mác. Họ chống theo cảm tính. Họ cũng đáng thương hơn là đáng chê.

Các Mác là nhà nghiên cứu, nhà triết học và tư tưởng, cũng là nhà chính trị. Ông nghiên cứu về xã hội rất sâu sắc. Sức làm việc của ông, sức nghĩ, sức viết thật lớn lao. Ông có thiện tâm, cố tìm ra con đường giải phóng giai cấp cần lao, xây dựng một xã hội không còn có bóc lột, của cải dồi dào. Tư Bản Luận của ông là công trình đồ sộ, mổ xẻ xã hội tư bản từ mọi phía, dựa trên vô vàn quan sát thực tế với cơ man nào là con số, tỷ lệ, thống kê, so sánh. Ông là một nhà bác học uyên thâm. Tôi nghĩ chính vì thế đến nay, người Đức, ở bất cứ trận tuyến chính trị nào, đều tự hào và đánh giá cao về ông, một người con lớn của nước Đức. Tháng 8-1992 tôi ghé qua Berlin, ở phía Đông Đức cũ, còn nguyên tượng đài Mác-Engels ở ngay trung tâm Alexander gần tháp vô tuyến độc đáo. Tượng Stalin bị phá từ hồi 1956, tượng Lênin bị kéo đổ đầu năm 1990, nhưng tượng Mác và Engels vẫn còn. Và ở Đức theo tôi tìm hiểu không có ai đòi phá đi những bức tượng ấy. Điều rất lạ đối với một số người, và không có gì là lạ đối với một số người khác, là ở bên Tây Berlin, có một đại lộ loại bự nhất mang tên Đại lộ Các Mác. Đó, ở một địa bàn chống cộng

mạnh mẽ nhất, tên tuổi của Các Mác vẫn được giữ gìn trân trọng.

ở Berlin cũng như ở Paris tôi nói chuyện với một số nhà báo, một số giáo sư đại học về Mác, về phép biện chứng duy vật và về sự mổ xẻ hàng hóa, sức lao động, tiền lương, lợi nhuận... của Các Mác để xác lập học thuyết về giá trị thặng dư. Tác phẩm của Mác vẫn là tài liệu nghiên cứu và tham khảo bắt buộc của sinh viên, nghiên cứu sinh môn kinh tế và kinh tế chính trị ở Đức cũng như ở Pháp, ở Anh, ở Hoa Kỳ...

Suốt 2 năm nay, tôi đã để công sức vào các thư viện đọc lại sách của Mác, sách của nhiều học giả phương Tây về chủ nghĩa Mác, và nhận thấy thiếu sót và sai lầm của Mác có thể ở 2 phần: một phần là sai lầm và thiếu sót của chính Mác, và phần nữa là sai lầm và thiếu sót của những người tự nhận là đồ đệ của Mác, những người Mác-xít ở khắp nơi, đã tiếp thu và đối xử với chủ nghĩa Mác thế nào. Cái sai lầm lớn nhất của chính Mác có lẽ là ở phần duy vật lịch sử. Mác đã đơn giản hóa sự phát triển xã hội theo mô hình phát triển từ xã hội cộng sản nguyên thủy lên xã hội nô lệ, xã hội nông nô, rồi xã hội phong kiến, lên xã hội tư bản và sau đó là lên xã hội xã hội chủ nghĩa... Các chế độ trước chủ nghĩa xã hội xem ra là hợp lý vì quan sát, ghi

nhận những điều đã trở thành hiện thực, đã có thật rồi. Mối quan hệ qua lại tác động lẫn nhau giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất là khá rõ ràng, có thể chứng minh được cho đến chủ nghĩa tư bản, chế độ mà Mác sống. Phần từ chủ nghĩa tư bản chuyển lên chủ nghĩa xã hội và nội dung của chủ nghĩa xã hội là có vấn đề. Sai lầm và thiếu sót của Mác khá rõ ở những vấn đề này.

Trong thực tế, tình hình các xã hội ngay từ khi Mác còn sống phức tạp hơn rất nhiều so với những mô hình xã hội của Mác. ít có xã hội nào thuần túy thuộc một phương thức sản xuất duy nhất. Có nơi tàn dư của chế độ nô lệ còn rớt lại trong một chế độ phong kiến, chung sống với một vài phương thức tư bản thời sơ khai, tất cả cài vào nhau, đan chéo với nhau. Chính Mác đã tỏ ra lúng túng, không rõ ràng khi nhận định về phương thức sản xuất Châu á. Các phương thức sản xuất ở châu Phi cũng phức tạp, rối rắm, đan lồng vào nhau, không thể tìm ra lời giải ở mô thức quá đơn giản của Mác.

Cái sai lầm nữa của Mác là đã đơn giản, chủ quan, nôn nóng nhận định về chủ nghĩa đế quốc, cho rằng chủ nghĩa đế quốc là sự phát triển tột đỉnh của chủ nghĩa tư bản, tới mức phát triển đó là chủ nghĩa tư bản đi xuống để bị diệt vong rồi! Lênin đã phát triển chủ ý này của Mác. Thật ra

giai đoạn đế quốc chỉ thuộc giai đoạn đầu hoặc giai đoạn giữa của chủ nghĩa tư bản. Qua thời kỳ xâm chiếm và bóc lột thuộc địa, chủ nghĩa tư bản đã mở rộng, củng cố phương thức sản xuất của mình, tạo nên điều kiện để phát triển hơn nữa chủ nghĩa tư bản với mức độ tập trung và tích tụ tư bản lớn, ngay cả sau khi đã phi thực dân hóa, đã từ bỏ các thuộc địa. Điều này ở ngoài dự kiến của Mác. Thêm nữa, khi tư bản quốc tế phát triển thành đế quốc kinh tế kiểu thực dân mới nó vẫn tạo được đà phát triển. Cái sai lớn nữa của Mác là đã đề cao một chiều bạo lực và chuyên chính vô sản, coi dùng bạo lực như là phương thức duy nhất để chuyển sang chế độ chính trì mới, từ đó coi nhẹ các hình thức đấu tranh khác. Trong cuốn Nội Chiến pháp, Mác đã nhiều lần nhận định: "Bạo lực là bà đỡ của cách mạng." Lý luận về giai đoạn sau khi khởi nghĩa thành công, Mác đã coi nhẹ hẳn phần củng cố thắng lợi bằng xây dựng một chế độ dân chủ mới, một xã hội dân sự, bằng sự thức tỉnh của mỗi một công dân và từ đó của toàn thể công dân, trên cơ sở quyền công dân được xử dụng rộng rãi như một vũ khí đấu tranh có ý nghĩa quyết định. Điều này A. Gramsci đã nhận ra, phê phán và bổ xung.

Mác nhận thấy tính chất quốc tế hóa của nền sản xuất tư

bản chủ nghĩa hiện đại cũng như xu thế quốc tế hóa của phong trào công nhân. Thế nhưng ông vẫn chủ quan và đơn giản, không thấy được sự phức tạp và khó khăn của phong trào công nhân bị xâu xé bởi quá nhiều xu hướng từ cải lương đến quá khích, cản trở việc làm cách mạng vô sản đồng thời ở các nước phát triển cao nhất, trong khi chủ nghĩa tư bản sớm thực hiện được xu thế liên minh, liên kết quốc tế khá là chặt chẽ. Cái khái niệm "giai cấp công nhân quốc tế của ông cho đến nay vẫn chưa thành hiện thực. Luận điểm về bần cùng hóa tuyệt đối giai cấp công nhân cung là một luận điểm sai lầm do suy luận chủ quan có tính chất giáo điều. Mác không dự đoán được rằng khi sản xuất phát triển, với phát minh khoa học kỹ thuật mới, năng xuất xã hội lên khá cao, đời sống của công nhân vẫn có thể được cải thiện rõ, và qua đấu tranh hợp pháp họ có thể dành những quyền lợi đáng kể (giảm giờ lao động trong tuần: từ 82 giờ, 75 giờ một tuần xuống 48 giờ rồi 42 hoặc 39 giờ hiện nay; 1 tuần nghỉ 2 ngày, 1 năm nghỉ ăn lương từ 2 đến 3 tuần). Những phụ cấp thất nghiệp, phụ cấp mất việc, bảo hiểm sức khoẻ, người lao động đã đấu tranh để giành được là những thành tựu mà Mác không thể dự đoán nổi. Nó thật sự to lớn và chắc chắn còn lớn hơn nữa qua củng cố những quyền lợi của

công dân, của lao động trong một xã hội dân sự. Những quyền lợi trên rất nhiều mặt, kể không hết, vì có quá nhiều quy định cụ thể, tỷ mỷ ấy, ở thời của Mác có mơ tưởng cũng không hình dung nổi. Mác cũng không nghĩ rằng đông đảo người lao động có thể trở thành những người tham gia bằng cổ phần, cổ phiếu vào vốn kinh doanh và thành một kiểu chủ nhân của công ty.

Những thiếu sót khác của chủ nghĩa Mác thì có nhiều. Bởi vì dù có bộ óc thông minh, suy luận và dự đoán tài giỏi, Mác vẫn bị hoàn cảnh lịch sử cụ thể chi phối. Không ai có thể là thầy bói, là nhà tiên tri dự đoán nổi sự phát triển của kinh tế và xã hội mấy chục năm sau một cách chính xác được. Các Mác sinh năm 1818 và mất năm 1883 khi 65 tuổi. Ông chỉ biết sức mạnh kỳ diệu của hơi nước, của điện. Ông không hề biết sức mạnh của nguyên tử, của khinh khí. Ông không hề biết về sự phát triển sau này của máy tính điện tử tốc độ vừa đến tốc độ cực lớn; ông không hề biết về vệ tinh nhân tạo, các con tàu vũ trụ, tên lửa vượt đại châu... mà ngày nay các em bé cũng biết và học sinh trung học đều hiểu về nguyên lý chế tạo và sử dụng. Nếu đột nhiên sống lại và tỉnh đậy, ông sẽ bàng hoàng nhìn chiếc máy vô tuyến truyền hình màu mà em bé 6 tuổi ngày nay cũng biết tắt và mở. Cho nên một sai lầm lớn

nữa của chủ nghĩa Mác theo tôi lại là ở sự đối xử của người đời với chủ nghĩa Mác sau khi ông chết. Họ đề cao ông, thần thánh hóa ông, tâng bốc ông là nhà tiên tri dự kiến được rõ ràng tất cả chuyển biến của thế giới ngày nay. Chắc chắn rằng nếu ông sống cho đến nay thì ông đã bổ xung, sửa chữa chủ nghĩa Mác ở rất nhiều điểm rồi. Là nhà nghiên cứu khoa học, phái hiện và tuân theo phép biện chứng duy vật, coi mọi sự vật đều phát triển không ngừng với những đột biến về chất, chắc chắn những ý kiến, quan điểm, lập luận của ông cũng đã phát triển, thay đổi, rất có thể có những đột biến (phủ định của phủ định) khác hẳn với những nội dung ông để lại khi từ trần. Chắc chấn cái chủ nghĩa Mác của ông đã khác, sẽ khác rất nhiều với cái mà hiện nay người ta vẫn gọi là chủ nghĩa Mác... Ông mất đã 110 năm. Bao nhiêu là biến động? Dự đoán 10 năm sau đã khó. Dự đoán 100 năm sau chỉ là điều mạo hiểm, viễn vông.

Bùi Tín

Mặt Thật

Lênin, ông ở nước Nga...

ở vùng Đông Nam á, chỉ có một bức tượng duy nhất của Lênin ở Hà nội, trong vườn hoa Canh nông cũ, bên đường Điện Biên Phủ. . Lênin đứng, một tay cầm ve áo khoác, một tay chỉ về phía trước, trông sang Cột Cờ cổ và Bảo tàng Quân Đội. ở Hà nội, hồi khai mạc bức tượng nhân kỷ niệm 70 năm cách mạng tháng Mười (1917-1987), đã có những câu thơ tiếu lâm vỉa hè:

Lênin ông ở nước Nga .
Cớ sao ông đến vườn hoa nước này?
Ông ngửng mặt, ông chỉ tay.
Chủ nghĩa xã hội nước này còn lâu

Có người còn mỉa mai, châm biếm trước thảm cảnh đạo đức suy đồi ăn cắp, hối lộ tràn lan: Lênin vừa bước chân đến Hà nội đã một tay giữ túi đựng ví tiền, một tay chỉ trỏ hô hoán, "Ôi? kẻ cắp! kẻ cắp! Bắt lấy nó!" Dịp Quốc Khánh

mồng 2 tháng 9 năm 1991, có người đã lẻn trèo lên bệ tượng và đội cho ông Lênin một chiếc nón rách. Khi trời đã sáng bạch, mấy chú công an phải trèo lên cất chiếc nón mê cho cụ. Người Việt nam vốn có tính trào lộng, đùa rất chính trị như vậy đó. Lãnh tụ vô sản mà lỵ. Cùng với Các Mác, Lênin (1870-1924) là nhân vật có ảnh hưởng sâu đậm nhất đối với Đảng cộng sản Việt nam và cuộc sống của nhân dân Việt nam trong gần nửa thế kỷ qua.
Lênin luôn tự nhận là người học trò trung thành của Mác và được xưng tụng như người đã phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác, áp dụng chủ nghĩa Mác trong đấu tranh thực tiễn đố mở ra kỷ nguyên mới, "Kỷ nguyên Cách Mạng Tháng Mười ở Liên xô và trên toàn thế giới." Luận điểm của Lênin khác với Mác, và có thể nói trái hẳn với Mác, là cách mạng vô sản có thể thành công trong một nước, ở lại một khâu yếu nhất của chủ nghĩa đệ quốc, như ở nước Nga. Trong khi ấy Mác cho rằng cách mạng vô sản chỉ có thể thắng lợi đồng thời ở một số nước kinh tế phát triển nhất, với đội ngũ đông đảo và đã thức tỉnh của giai cấp công nhân sản nghiệp lớn, như ở các nước Tây Âu chẳng hạn. Luận điểm của Lênin đúng hay sai? Sự tan vỡ của Liên Bang Xô Viết và của đảng cộng sản Liên xô đem lại bằng chứng thể nghiệm rằng luận điểm ấy là một sai lầm

mang tính chất chủ quan, nóng vội và gượng ép, tiêu biểu cho căn bệnh duy ý chí. Lênin cũng áp dụng một cách cực đoan quan điểm bạo lực và học thuyết đấu tranh giai cấp, dẫn đến thái độ cường điệu vai trò của khởi nghĩa vũ trang, và nội chiến. Vai trò của đảng cộng sản cũng được tuyệt đối hóa một cách quá đáng, tách nó khỏi giai cấp vô sản, ra khỏi đời sống kinh tế xã hội, với cách nghĩ chủ quan duy ý chí rằng một đảng tiên phong có thể lôi cuốn một giai cấp công nhân nhỏ yếu trong một nước chậm tiến vào một cuộc cách mạng vô sản thắng lợi!

Có thể nhận thấy sự "có mặt" của Lênin ở Việt nam tai hại nhất là ở chỗ đảng cộng sản Việt nam đã cường điệu vai trò của chính mình trong một nước kinh tế nông nghiệp lạc hậu, một giai cấp công nhân nhỏ xíu; ở sự cường điệu đấu tranh giai cấp đến độ làm lu mờ các vấn đề dân tộc; ở thái độ nôn nóng vội đốt cháy giai đoạn, đi lên chủ nghĩa xã hội không cần đến một thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa! Cái giá phải trả thật là đắt! Việc coi rất nhẹ, thậm chí phớt lờ yêu cầu xây dựng một xã hội dân sự, một nền dân chủ thật sự trên nền tảng quyền công dân rộng rãi theo pháp chế dân chủ ở Việt nam cũng là do ảnh hưởng của chủ nghĩa Lênin. Đảng đặt trên nhà nước, đảng là tối cao, đảng chiếm đoạt mi quyền lực của nhà nước, đảng trùm lên đến

độ bóp nghẹt nhà nước, đến mức đảng là pháp luật đảng, là nhà nước (Parti-état) cũng là điều Đảng cộng sản học được từ Liên xô và Lênin. Cái sai lầm này quá sâu, quá nặng, đến nay dù có quyết định tách đảng ra khỏi nhà nước mà 2 thực thể này vấn cứ dính chặt vào nhau một cách tệ hại.

Theo chiều suy nghĩ trên đây, Lênin cũng đưa ra quan niệm về dân chủ tập trung, hay nói rõ hơn là nền tập trung mang tính chất dân chủ, hạn chế quyền dân chủ, cả trong nội bộ đảng và trong xã hội, dẫn đến nạn độc đoán, chuyên quyền, bóp nghẹt dân chủ một cách tai hại. Cho nên Lênin đã tự mâu thuẫn với chính mình khi khẳng định rằng nền dân chủ Xô Viết là một nghìn dân cao hơn nền.dân chủ tư bản? Điều này đã trở nên mỉa mai đến lố bịch! Ơ Việt nam tác hại do quan niệm dân chủ tập trung cho cả xã hội không sao lường hết? Dân chủ trong Đảng cộng sản Việt nam là con số không, ở trong xã hội cũng lại là một quả trứng lớn?

Đó. Lênin, từng được những người đứng đầu đảng cộng sản coi là bậc thầy của cách mạng để hãnh diện tự nhận là những học trò trung thành, đã có mặt ở Việt nam trong những sai lầm như vậy đó. Đã đến lúc không thể mù quáng mãi được nữa. Đã đến lúc cần nhìn rõ bộ mặt Lênin

một cách khách quan, tỉnh táo, đúng như nó có. Trong di chúc của ông Hồ Chí Minh, có nói rằng: "Phòng lúc tôi đi gặp cụ Mác, cụ Lênin..."; nó đánh dấu cả một thời kỳ lịch sử coi học thuyết chuyên chính vô sản là hòn đá tảng của các chính sách lớn, coi đấu tranh giai cấp là sợi chỉ đỏ xuyên suốt sự phát triển của xã hội Việt nam... Hai điều đó hợp lại thành cỗ máy nghiền nát tình đoàn kết dân tộc, tinh thần nhân ái truyền thống, quyền dân chủ của công dân, nếp sống trong luật pháp... dẫn đến thảm cảnh bần cùng và lạc hậu hiện nay. Đó là những nguyên nhân sâu xa, đã đến lúc tất cả những đảng viên cộng sản, cán bộ và nhân dân ta từng được giáo dục sâu rộng theo chủ nghĩa Mác-Lênin, nhận cho rõ, bằng tất cả sự tỉnh táo, cũng như bằng tât cả nỗi khổ sở, nhọc nhằn, mồ hôi và cả xương máu của bà con mình!

Tôi đã từng ngắm bức tượng lớn, cao đến 6 mét của Lênin ở quảng trường trung tâm Adis Abéba, thủ đô Ethiopia, tận Châu Phi. Bức tượng nhìn vào trụ sở bề thế của Tổ chức các nước Châu Phi. Mười năm trước, ông Mengistu Sélassié Quốc trưởng cũng là Chủ tịch đảng theo chủ nghĩa Mác- Lênin của Ethiopia khánh thành bức tượng đó và hoan hỉ xác định: "Lênin và học thuyết Lênin đã đến bén rễ ở Châu Phi." Thế mà cuối năm 1991, bức tượng áy

đã bị kéo đổ xuống và ngài Mengistu Sélassié, từng nhiều lần sang Moscow và một lần sang thăm Hà nội, đã bỏ trốn chạy khỏi đất nước Ethiopia hồi tháng 6 năm 1992 để xin cư trú ở Dimbabuê! Những thăng trầm lịch sử đáng để suy ngẫm. : ở Moscow, đang lưu truyền những chuyện vui kiểu tiếu lâm về Lênin. Một hôm vào lăng Lênin người ta sửng sốt không thấy thi hài Lênin đâu. Đến gần, thấy trên bệ một mảnh giấy ghi: "Tôi đã lên đường trở lại Thụy Sĩ, tất cả phải làm lại từ đầu!" Ký tên: Lênin. (đầu năm 1917 Lênin ở Thụy Sĩ để nắm tình hình và chỉ đạo phong trào trong nước). Lại một câu chuyện khác do một nhà văn Nga trẻ kể lại cho tôi. Một hôm văn hào Nga Maxim Gorki rủ Lênin đi uống rượu. Hai người vừa sống lại và vui vẻ gặp nhau. Lênin suy nghĩ một lát rồi trả lời: "Vâng, rất vui lòng đồng chí Maxim thân mến ạ. Thế nhưng rút kinh nghiệm thời xưa, hôm nay tôi chỉ xin uống nửa rúp rượu vodka thôi. Hồi trước, tôi uống đến 1 rúp, quá chén, nên lỡ lời ba hoa về chủ nghĩa cộng sản sẽ một mình thắng trọn vẹn ở nước Nga cho vô sản hồi ấy nghe. Tôi xin nhận lỗi là bốc đồng vì men rượu và xin chừa..." Đó, lại thêm một nét văn học dân gian hóm hỉnh mà thâm thúy.

Bản báo cáo mật còn được dấu kín việc thành phố Lêningrad được đổi tên, lấy trở lại tên Pêtrôgrad hoặc

Pêtécbua năm 1990 chỉ được bộ máy tuyên truyền ở Hà nội nói thoáng qua. Những người lãnh đạo giáo điều bảo thủ vẫn còn cố ghi trong bản Hiến Pháp mới thông qua ngày 15-4-1992 tên của Mác Lênin đến 2 lần. Trong lời nói đầu, họ vẫn lắp lại câu: "Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh..."; rồi ở Chương 1 (Chế Độ Chính Trị) điều 4 họ vẫn tụng lại câu: "Đảng cộng sản Việt nam, đội tiên phong của giai cáp công nhân Việt nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhãn, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội". Do đó họ nghĩ rằng việc đổi tên thành phố nói trên ở nước Nga là sai lầm, nông nổi, mang tính chất cơ hội hữu khuynh, ăn phải bả của đế quốc. Họ không thể hiểu những ý nghĩ và tình cảm chân thực của trí thức, công dân có lương tâm ở nước Nga trước một quyết định sâu sắc như thế, lấy lại cái tên cũ Pi-e đại đế cho thành phố tuyệt vời ấy. Do vậy, những người đấu tranh cho một nền dân chủ thật sự mang bản chất dán tộc ở Việt nam còn phải làm rất nhiều để nhân dân ta hiểu thật đúng tình hình chính trị của nước Nga gần đây đang bị che dấu và xuyên tạc.

Một vấn đề không thể không làm rõ là về Stalin. Giữa năm

1990, đã có chỉ thị của Ban Văn Hóa Và Tư Tưởng cấm tất cả các báo, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình không được nói đến 2 chữ: đa nguyên là một, Stalin là hai. Đó là 2 điều cấm kỵ. Ai không tuân sẽ bị phạt nặng, mất chức như chơi.

Tại sao Stalin là điều húy kỵ lớn đến vậy? Bởi vì cùng với Mác và Lênin, nhưng đã bỏ rất xa Mác và Lênin, Stalin (1879-1953) đã in rất sâu dấu ấn của mình ở mảnh đất xa xôi tận Đông Nam á này. Bởi vì từ vườn trẻ, em bé Việt nam đã phải trìu mến, kính cẩn ngắm ảnh ông Stalin có bộ ria vểnh, hát múa dưới ảnh ông ta. Vẫn lại thơ của Tố Hữu, nhà thơ cung đình của chế độ:

Stalin! Stalin!
Yêu ông biệt mấy, nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng con gọi : Stalin!

(Nhà thơ có phịa, bốc đồng không đây? Vì trẻ con ta mới bập bẹ, rất khó nói từ: Stalin!). Rồi, vẫn lại Tố Hữu, xưng tụng trong bài "Bài Ca Tháng Mười":

Hoan hô Stalin
Đời đời cây đại thụ
Rợp bóng mát hòa bình
Đứng đầu sóng ngọn gió...

Tấm lòng, nhận thức hôm nay của Tố Hữu đối với Stalin ra

sao? Có thay đổi chút ít? Hay vẫn thế? hay còn hơn thế? Công nhận một lầm lỡ, quả thật không dễ dàng, nhất là khi quả tạ của quá khứ còn quá nặng.

Tôi nghĩ đến một điều rất cần là nhân dân ta, các đảng viên cộng sản ở Việt nam được biết, được đọc một văn kiện quan trọng về Stalin: bản báo cáo mật về Stalin do N. Khrushev đọc trước Đại hội Đảng cộng sản Liên xô tháng 2 năm 1956. Vì là báo cáo mật nên Liên xô không công bố. Phía Liên xô có phân phát tận tay cho mỗi Trưởng đoàn Đại biểu các đảng anh em một bản với yêu cầu không phổ biến rộng theo nguyên văn. Ông Trường Chinh, Trưởng đoàn Đại biểu Đảng Lao Động Việt nam (tên hồi ấy của Đảng cộng sản) đã cất kỹ trong cặp tập tài liệu độc đáo ấy. Tài liệu này tỷ mỹ hơn nhiều so với bản báo cáo về chống sùng bái cá nhân Stalin cũng do Khrushchev trình bày ở Đại hội 20. Ngay sau Đại hội, bản báo cáo mật này bị tiết lộ trọng Đảng cộng sản Ba Lan do Zambrowski trong đoàn đại biểu Ba Lan dự Đại Hội 20 về phổ biến trong đảng. ở các đảng khác, trong đó có Đảng cộng sản Việt nam, tài liệu này được giữ kín, các ủy viên Bộ Chính Trị truyền tay nhau đọc, không phổ biến nguyên văn cho Ban Chấp Hành Trung ương Đảng, họ rất sợ gây chấn động dây chuyền vì ít nhiều đảng nào cũng có tệ sùng bái cá nhân.

Họ sợ phản ứng mạnh của đảng viên thường và của quần chúng. Dân chủ, nhưng là dân chủ tập trung, ắt phải thế. Sang đến Pháp, gần đây, tôi mới có được nguyên văn toàn bộ bản tài liệu mật dày hơn 50 trang này.

Những tội ác, vâng, phải gọi là tội ác của Stalin được một ủy ban đặc biệt của đảng cộng sản Liên xô sưu tầm, điều tra, xác minh, thật là kinh khủng! Chính Stalin là người đầu tiên chụp mũ tất cả nhưng ai khác ý kiến với mình là kẻ thù của nhân dân". Chính Stalin cho phép dùng đủ mọi cực hình nhằm buộc những người đó phải viết những "bản thú tội trong đe dọa của nhục hình, tra tấn. Các đại biểu dự Đại Hội 20 đã sửng sốt đến kinh hoàng khi được biết rằng Đại Hội Đảng lần thứ 17 họp năm 1934 đã bầu ra 139 uỷ viên trung ương chính thức và dự khuyết thì sau đó, nhất là vào 2 năm 1937 và 1938, đã có 98 người bị tống giam và xử bắn vì là "kẻ thù của nhân dân". Trong số 1.956 đại biểu dự Đại Hội Đảng lần thứ 17, thì sau đó 1.108 đại biểu bị bắt và bị khép án "phản cách mạng" bởi Stalin? Có nghĩa là hơn một nửa!

Vụ án Kirov năm 1933 là do Stalin dựng lên để thủ tiêu một lãnh tụ bất đồng ý kiến. Về sau những người nhúng tay vào vụ ám sát này đều lần lượt bị xử bắn nhằm xóa bỏ dấu vết. Stalin dùng rất tùy tiện, bừa bãi danh từ "phản

động", "kẻ thù của đảng", "kẻ thù của nhân dân", "gián điệp, tay sai của đế quốc để đàn áp quy mô ngày càng lớn mọi người không đồng tình với thái độ độc đoán tàn ác ấy, dựa trên luận điểm trứ danh: càng xây dựng chủ nghĩa xã hội thì cuộc đấu tranh giai cấp càng thêm gay gắt, kẻ thù càng nhiều hơn và nguy hiểm hơn! Stalin đích thân thúc ép bộ máy mật vụ, an mình lao vào bắt bớ, tra tấn và thủ tiêu không chút e ngại người ngay thật và lương thiện. Ông ta ra lệnh, mọi án xử bắn đều phải thi hành ngay. không được phép chống án và xử lại! Staline đã thúc bộ hạ kê những danh sách "Kẻ phản bội" một cách bịa đặt, dựng đứng, tràn lan và đích thân duyệt để hành quyết hàng chục nghìn người trong 383 danh sách ấy! Stalin cung đe dọa cả Bộ Trưởng An Ninh (Ignatiev - đến 1956 vẫn còn sống và dự đại hội 20) rằng: "Tôi sẽ chặt đầu anh nếu anh không lấy được lời thú nhận tội trạng của bọn bác sĩ," trong vụ án lớn "Các bác sĩ phản nghịch" tiếp sau vụ án lớn ở Leningrade. Chính Stalin đã ra lệnh giết hơn 25 ngàn sĩ quan Ba lan trung khu rừng Katin rồi đổ vấy cho là phát xít Đức giết. Mới đây một viên sĩ quan Liên xô gần 90 tuổi từng tham dự cuộc tàn sát man rợ này đã kể lại vụ này trên vô tuyến truyền hình Moscow. Đó là chưa kể những cuộc đầy ải hàng triệu gia đình Cu-lắc (phú nông) -

thực tế phần lớn là trung nông lớp trên, giỏi nghề nông nhất của xã hội, đi tới vùng tuyết lạnh xa xôi ở Xi-bê-ri, nhân danh chế độ Xô Viết ưu việt và nhân đạo? Nhà khoa học Sakharov khi nhắc đến những tội ác tày trời của Stalin trên đây đã nhận xét rằng, cái tội không kém phần nghiêm trọng nữa của Stalin là đã làm tê liệt mọi xúc động của toàn xã hội Liên xô trước tội ác tràn lan của mình. (Tôi nhớ đèn mấy trăm trại cải tạo ở Việt nam sau 1975 mà rùng mình. Hàng mấy trăm ngàn người bị đầy ải, lao động cực nhọc quá sức, ốm chết trong trại, vợ con nheo nhóc, gia đình tan nát, thế mà chính quyền vẫn cứ nhơn nhơn là nhân đạo quá rồi! Và phản ứng của xã hội thật sự bị tê liệt! Thật đáng sợ, khi con người không còn phản ứng trước nỗi đau thê thảm của đồng loại, đồng bào!)

ảnh hưởng của Staline đối với Việt nam là cực lớn. Cuốn Tóm Tắt Lịch Sử Đảng cộng sản Liên xô dày cộp, khổ lớn, hơn 600 trang, do Stalin đích thân duyệt và sửa, do nhà xuất bản Sự Thật in đi in lại đến hơn chục lần, là cuốn sách gối đầu giường của các cán bộ cộng sản cấp cao ở Việt nam. Cuốn sách này được ông Hồ Chí Minh dịch ra tiếng Việt khi ông còn ở trong hang Pác Bó, tỉnh Cao Bằng. Qua cuốn sách ấy lịch sử đã bị bóp méo theo ý đồ tự đề cao mình của Stalin. Quan điểm bạo lực đơn thuần,

nguyên lý cực đoan về chuyên chính vô sản, luận điểm càng đi lên chủ nghĩa xã hội đấu tranh giai cấp càng thêm gay gắt... được Stalin tô rất đậm. Cần thấy rõ, do nhuốm nặng chủ nghĩa giáo điều, Đảng cộng sản Việt nam và dặc biệt là bộ phận lãnh đạo của đảng đã mang tính chất Stalinít sâu nặng vào loại nhất so với các đảng cộng sản khác. Tinh thần sùng bái Stalin một cách mù quáng không phải chỉ có ở nhà thơ Tố Hữu. Nó luôn còn rất nặng ở ngay trong bộ chính trị và han chấp hành trung ương hiện tại.

Cuốn sách lớn của Stalin, Những vấn đề kinh tế của chủ nghĩa xã hội, cũng là sách gối đầu giường của cán bộ cộng sản toàn thế giới. Quy luật cơ bản và 9 quy luật tất yếu của chủ nghĩa xã hội, do Stalin tìm ra, trình bày và giải thích, chính là một ngọn nguồn tai họa và bế tắc của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Từ quy luật công nghiệp hóa, lấy công nghiệp nặng làm trung tâm, đến cải tạo quan hệ sản xuất, tiêu diệt chế độ tư hữu đến kế hoạch hóa tràn lan, cứng đờ, máy móc, cho đến đảng độc quyền lãnh đạo, gò bó sự nghiệp văn hóa trong một hình thức duy nhất hiện thực xã hội chủ nghĩa... đều là những sai lầm cơ bản gây cơ man nào là tổn thất, rối loạn, đổ vỡ cho sản xuất xã hội,

giam hãm nhân dân trong ìâm than, đói khổ và lạc hậu? Một giáo sư Nga tôi gặp ở Trường Đại Học Berkeley ở California (Mỹ) kể rằng, Stalin nguyên học ở một trường dòng, không được học có hệ thống về tự nhiên cũng như xã hội, nhưng tự cho mình là biết hết và can thiệp rất liều vào khoa học. Chính Stalin khẳng định rằng: "Không có ở đâu cái gọi phương thức sản xuất Châu á," và cấm bàn vấn đề này. Ông ta cũng kết luận một cách vũ đoán là không có khoa xã hội học (sociologie), vấn đề này nằm trong khoa duy vật lịch sử rồi? ông cũng kết luận không có vấn đề toán trong kinh tế? (Ai cũng biết môn toán kinh tế đang phát triển rất mạnh hiện nay, với khoa toán kinh tế đặc sắc). Ông ta ra lệnh điều các nhà nghiên cứu môn này hồi ấy sang ủy Ban Thống Kê, từ đó Liên xô trở nên rất lạc hậu về môn toán kinh tế. Liên xô trở nên rất lạc hậu về môn toán kinh tế là điều dễ hiểu! Stalin còn viết cuốn Chủ nghĩa Mác và vấn đề ngôn ngữ, phê phán một cách bừa bãi, kém trí thức quan điểm của nhà ngôn ngữ học Marx rất tài giỏi về môn này. Trong sinh học, nhà "bác học Stalin" nhận định: ai theo quan điểm gen (gène) trong sinh học là kẻ phản động! Ông đưa nhà nghiên cứu dỏm" Lyssenko lên mây xanh và đưa xử bắn nhà sinh học tài giỏi là Vavilov. Phương pháp suy nghĩ duy ý chí của Stalin

đã làm hại dân tộc Việt nam không xiết kể. Các nhà lãnh đạo Việt nam theo nếp nghĩ duy ý chí giải quyết rất ẩu vấn đề kỹ thuật của công trình thủy điện sông Đà, bắn khoan vào lòng đá cho nước chảy, đề phòng chiến tranh nguyên tử (!!!), tốn kém thời gian, chất nổ, tiền của không tính xiết. Việc dựng đường dây cao thế Bắc Nam hiện nay để đưa điện từ Hòa Bình vào Sài Gòn và Cần Thơ, cũng theo cung cách Stalin, quyết định ẩu cấm cãi lại, chính trị là thống soái, cán bộ kỹ thuật là hầu hạ, điếu đóm, phải vâng dạ, thế thôi! Stalin cũng viết cuốn Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc, nhưng cũng chính Stalin lại phạm sai lầm nhất thống vấn đề dân tộc. Sau nội chiến, ông ra lệnh cho nhiều dân tộc thiểu số di dân từ nơi họ sinh sống từ lâu đi nơi khác, đầy ải từng dân tộc vào những vùng xa xôi, như dân tộc Karatchai, các dân tộc Chechene và Ingouche, dân tộc Balkar... Những xung đột chủng tộc hiện nay ở vùng Karabak là hậu quả của chính sách cưỡng bức di dân thời đó của Stalin. Thái độ độc đoán, khinh thị trí thức, coi cán bộ kỹ thuật là kẻ thừa hành, khinh thị dân tộc, lấy "chính trị làm thống soái đã được truyền sang các nước xã hội chủ nghĩa anh em, và được nhập vào Việt nam khá là sâu đậm.

Theo gót Stalin, các nhà lãnh đạo của đảng cộng sản Việt

nam ít được học chu đáo, thậm chí học kém vẫn ngang nhiên phát biểu đủ thứ, lên lớp dạy bảo các nhà khoa học theo quan điểm chính trị là thống soái. Việc phi Staline hóa về nhận thức lý luận trở nên rất cấp bách. Thế nhưng các vị lãnh đạo chóp bu của Đảng cộng sản Việt nam lại, cấm không cho đụng đến Stalin, coi đó là húy kỵ, nhằm bảo vệ cái thần tượng hão huyền ấy? Đây là một thái độ vô trách nhiệm đối với dân tộc và nhân dân. Họ còn duy trì sự sùng bái này bao lâu nữa? Trong khi chính ngay ở Liên xô, Stalin đã bị hạ bệ từ lâu rồi.

Cái luận điểm mà các ông Đào Duy Tùng và Nguyễn Đức Bình, ủy viên Bộ Chính Trị Trung ương Đảng, đến năm 1992, vẫn còn cứ cãi chày cãi cối rằng, dù sao "đồng chí Stalin" công lao vẫn lớn hơn thiếu sót (họ không dám dùng chữ tội ác); dù sao trong chiến thắng chống Phát Xít, đại nguyên soái Liên xô Stalin vẫn lập công đầu... thật là lạc lõng!

Họ vẫn ù ù cạc cạc, không biết rằng ở Liên xô, các nhà viết sử chiến tranh, các nhà lý luận, các nhà chính trị trung thực đã viết hàng chục cuốn sách, hàng trăm bài báo để chứng minh rằng: Trong chiến tranh công của Stalin đã được thêu dệt, tâng bốc quá đáng, còn khuyết điểm đã được che dấu kỹ. Stalin đã hoàn toàn chủ quan, ảo tưởng

về "thiện chí", sự "biết điều của Hit-le tôn trọng hiệp ước Đức Xô, để đến mức tê liệt cảnh giác ngay trong đại bản doanh, làm cho Liên xô bị động, bị tấn công bất ngờ, phải lui quân trên quy mô lớn, bị tổn thất hàng triệu sinh mạng nhân dân và binh sĩ. Chiến công lớn về sau toàn là thuộc về tài thao lược của các tướng tài, như Giukov (về sau thống chế Giucov bị Stalin đối xử xấu với thái độ phải nói là hèn hạ, vì đã "dám" tỏ ra tài nàng hơn Stalin). Cướp công của hơn một chục vị tướng có thực tài là một tội lớn của Stalin, đã được chứng minh rõ. Vậy thì các vị cộng sản giáo điều ở Hà nội còn có lý gì để bảo vệ sự thiêng liêng của "đại" lãnh tụ Stalin và cấm đoán toàn đảng và xã hội không được đụng đến chân lông của kẻ mà chính người Liên xô vạch mặt chỉ tên như một tên khát máu man rợ nhất, một con thú dữ lộng hành suốt hơn 30 năm cầm quyền, một kẻ gây tai họa cực lớn cho xã hội, nhân dân Liên xô và thế giới.

ở Moscơw đang lưu truyền chuyện tiếu lâm trên vỉa hè phố Arbat rằng: Stalin chuẩn bị đi săn và xác định rằng chỉ đi săn gấu mà thôi. Lập tức mọi động vật khác, cho đến cả thỏ hiền lành và sóc nhút nhát cũng chạy trốn hết. Vì cái máu Stahn là giết, là bắn mọi động vật đang động đậy, và hắn rêu rao chỉ bắn gấu là để có thể giết được nhiều loại

động vật nhất!
Stalin đã tạo nên nhưng tay đô tể dưới trướng hắn như Beria. Truyện rằng một hôm Stalin gọi Beria đến và bảo: Ta vừa mất cái tẩu hút thuốc, phải truy bắt lập lức thủ phạm!" Nửa giờ sau, Stalin gọi Beria vào phòng, nói: "Tẩu thuốc lá đã tìm thấy, ta để quên trong ngăn kéo kia." Beria nhanh nhảu:. "Kính thưa đồng chí Stalin vĩ đại, xin trình đồng chí đây là đúng 200 bản tự thú nhận của những kẻ đã dám lấy cắp cái tẩu vô giá của đồng chí..."
Nội dung chuyện có thể vô lý nhưng lại rất thực, lột tả cái tâm địa tàn ác, đần độn của chính Stalin và bộ hạ. Cái thâm của chuyện tiếu làm là ở đó. Lại một chuyện nữa. Stalin vừa chết. Ban Chấp Hành Trung ương họp khẩn cấp. Molotơv báo tin buồn: "Stalin đã tắt thở." Mọi người yên lặng. Bỗng tiếng của một ủy viênbộ Chính trị cất lên, run rẩy: "Thật là nghiêm trọng! Vậy thì ai trong chung ta dám báo cáo cái tin khủng khiếp này đến đồng chí Stalin vĩ đại?" Truyện phịa, không có thật, nhưng để nhấn mạnh rằng đến khi chết rồi, Stalin vẫn còn gây sợ hãi cho bộ hạ đến vậy!

Bùi Tín

Mặt Thật

Mặt trời lên, mặt trời lặn:

Một thời bài hát Tàu rất được thịnh hành:

Mao tsé Tung

Thai vang sâng

rung Hoa su leo cơ Mao Tsé Tung

Phiên theo chữ Hán là:

Mao Trạch Đông .

Thái Dương thăng

Trung Hoa xuất liễu cá Mao Trạch Đông...

nghĩa là:

Mao Trạch Đông

Mặt trời lên

ở nước Trung Hoa xuất hiện Mao Thạch Đông...

Câu cuối là: Người là cứu tinh của nhân dân"

Một thời, cái thời từ 1950 đến tận 1978, sách ông Mao tràn ngập các cửa hàng bán sách Nhân Dân và các tủ sách

công cộng; trong Thư viện Quốc gia Hà nội, sách của Mao được xếp vào loại kinh điển cơ bản nhất. Thư viện các cơ quan cho đến tủ sách ở các khu phố, trường học, xí nghiệp... đều tràn đầy sách của Mao. Cuốn Trì cửu chiến (Chiến tranh lâu dài), Tân cân chủ luận (Bàn về cân chủ mới), Thực tiễn luận (Luận về thực tiễn), Mâu thuẫn luận (Bàn về mâu thuẫn), Vấn đề mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân... là những cuốn sách được in với số lượng cực lớn, ở trong chương trình học tập chính thức của đảng viên, cán bộ từ sơ cấp đến trung cáp và cao cấp.

Sự sùng bái mù quáng Mao đạt đỉnh cao nhất vào tháng 12 năm 1951, tại Đại Hội Đảng dân thứ 2 họp trên căn cứ Việt Bắc, trăm phần trăm đại biểu giơ tay thông qua điều lệ mới của đảng ghi rõ trên giấy trắng mực đen: Đảng Lao Động Việt nam lấy chủ nghĩa Mác-Angels-Lênin-Stalin và tư tưởng Mao Trạch Đông làm nền tảng. Mặt trời chói lọi ấy chỉ ít lâu sau đã chiếu rọi khắp đồng quê miền Bắc, với những cuộc đấu tố kinh hoàng giai cấp "địa chủ (mà phần lớn chỉ là phú nông hoặc trung nông lớp trên); vợ tố chồng, con tố cha, con dâu tố bố mẹ chồng, anh chị em đấu tố nhau... Họ đều được biểu dương là lập trường giai cấp vững chắc và đứt khoát, giác ngộ giai cấp sâu sắc, là những đảng viên trung kiên của đảng, thấm nhuần tận

xương tủy chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông, được nêu gương để toàn đảng học tập. Những chữ "Tàu hoặc mang màu sắc Tàu xuất hiện rất tự nhiên: địa chủ cường hào, địa chủ ác bá, tố khố, mạn đàm, tọa đàm, tâm đắc, kiểm thảo, phản tỉnh, liên hệ, liên quan, thành khán nhận tội, thành khẩn hối hận, thành khẩn và ngoan cố, đầu hàng giai cấp, tình cảm giai cấp, Phân loại thành phần, phân loại tư tưởng, cốt cán, bắt rễ xâu chuỗi, phát động cám thù, phát động tư tưởng... Hơn 10 nghìn người đã bị bắn trong các tòa án nhân dân vừa hừng hực khí thế kích động cảm thù, vừa mù quáng kỳ quặc; một chiều theo kiểu a dua của đám đông- những cơn động kinh của đám cuồng tín ít học. Mao Trạch Đông từng vỗ ngực tự nhận là kẻ cầm đầu của mấy trăm triệu nông dân Đông Nam Châu á.

Những phái viên kiệt xuất của Mao chủ tịch là những ông chủ thật sự của cải cách ruộng đất. Đó là "đồng chí Thiế,t đồng chí Triệu, đồng chí Vương"... mà mỗi lời phán, gợi ý, đề xuất được coi là mệnh lệnh, là chỉ lệnh của Mao chủ tịch vĩ đại! Điều lệ Đảng đã ghi lấy tư tưởng Mao Trạch Đông làm nền tảng thì dù có điều gì các học trò Việt nam cảm thấy là lạ, kạ kỳ, thậm chí vô lý... cũng cứ phải cúi đầu vâng dạ mà chấp hành cho sớm.

Những học trò ấy trước hết là. ai? Là ông Trường Chinh, Tổng bí thư của đảng đảm nhận chức Trưởng Ban chí đạo Cải cách ruộng đất, là ông Hoàng Quốc Việt, ủy viên thường vụ trung ương đảng (như ủy viên Bộ chính trị), Trưởng ban chỉ đạo thí điểm cải cách ruộng đất ở Thái Nguyên; là ông Lê Văn Lương, Trường ban tổ chức trung ương kiêm Trưởng ban Chỉ đạo chỉnh đốn tổ chức, mà thí điểm được làm ở Thanh hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh; là ông Hồ Viết Thắng, ông Chu Văn Biên, ủy viên thường trực của Ban chỉ đạo trung ương.

Mỗi lần các vị học trò" này gặp đoàn "phái viên quý báu của Mao Chủ Tịch" về Thủ ti cải cớ (Thổ địa cải cách, theo tiếng Bắc Kinh), họ chỉ có thái độ tiếp nhận ý kiến của chuyên gia, không dám hỏi lại cũng không dám cãi lại! Anh bạn của tôi làm ở văn phòng Ban Chỉ Đạo hồi ấy (năm 1954, 1956) kể lại: "Triết cố vấn", Triệu cố ván" và Vương cố vấn" chuyên ngồi dựa vào ghế bành lớn, ưỡn bụng ra phía trước, có lúc gác đại cả 2 chân lên bàn, tay cầm ly rượu mao đài, nhổ nước hót ồn ào xuống đất, để phán bảo cho những người nắm vận mệnh của đất nước Việt nam. Thật thê thảm cho đất nước này!

Có một câu chuyện rất đáng chú ý. Khi đội phát động đến vùng đồn điền Đồng Bẩm sát ngoại ô thành phố Thái

Nguyên làm thí điểm phát động nông dân, chủ đồn điền là bà Nguyễn Thị Năm. Bà từng ủng hộ các chiến sĩ cộng sản từ thời bí mật từ những năm 1937-1938... Chính các ông Trường Chinh và Hoàng Quốc Việt đã được bà che chở, nuôi dưỡng. Hai con trai bà hoạt động Việt Minh từ thời bí mật, đi bộ đội giải phóng và đến 1954, một anh tên Nguyễn Công là Chính ủy Trung đoàn, một anh tên Nguyễn Hanh là Đại đội phó Bộ đội Thông tin. Cố vấn Trung Quốc nhận định bừa rằng đây là mụ địa chủ ác bá, có nghĩa là cần lấy đầu. Một số nông dân chất phác ngây thơ, kể rằng bà Năm rất tốt, nhân từ, hay đi chùa, làm việc thiện, có nhiều cán bộ chiến sĩ là con nuôi của bà, bà có công với kháng chiến, nên xếp là địa chủ kháng chiến. Những người ấy bị cố vấn Tàu và ông Đội trưởng quê ở Nghệ An kết tội là tay sai, đình bênh che, chạy tội cho địa chủ. Không khí ngột ngạt bắt đầu, sau bắt rễ xâu chuỗi, đến bước đau tranh trực diện của nông dân, kể tội và luận tội về kinh tế và chính trị, chuẩn bị cho tòa án nhân dân với màn xử bắn.

Ông Hoàng Quốc Việt kể lại rằng hồi ấy, ông chạy về Hà nội, báo cáo việc hệ trọng này với ông Hồ Chí Minh. Ông Hồ chăm chú nghe rồi phát biểu: "Không ổn! Không thể mở đầu chiến dịch bằng cách nổ súng vào một phụ nữ, và

lại là người từng nuôi cán bộ cộng sản và mẹ một chính ủy trung đoàn Quân đội Nhân dân đang tại chức." Ông hẹn sẽ can thiệp, sẽ nói ông Trường Chinh về chuyện hệ trọng và cấp bách này!

Thế nhưng không có gì động đậy theo hướng đó cả! Bởi vì người ta mượn cớ là đã quá chậm. Các phóng viên báo chí, các nhà văn hạ phóng tham gia cải cách đã viết sẵn bài tố cáo, lên án, kết tội bà Nam rồi. Lập luận của những "phái viên đặc biệt của Mao chủ tịch" là: "Việc con mụ Năm đã làm chỉ là giả dối nhằm chui sâu, leo cao vào hàng ngũ cách mạng để phá hoại. Bản chất của giai cấp địa chủ là rất ngoan cố xảo quyệt tàn bạo, chúng không từ một thủ đoạn nào để chống phá cách mạng. Nông dân phải luôn luôn sáng suốt nhận rõ kẻ thù của mình, dù chúng dở thủ đoạn nào." Tôi hỏi ông Hoàng Quốc Việt vậy thì ông nghĩ sao về câu chuyện này? Lúc ấy là năm 1987, đã có "đổi mới", "nói thẳng và nói thật". Ông nói: "Đến bác Hồ biết là không đúng cũng không dám nói với họ!" Ông than? Thế rồi sang chuyện khác. "Họ" là các ông con trời, đặc phái viên của Mao. Tôi nghĩ việc này có rất nhiều ý nghĩa.

Trước hết ông Hồ Chí Minh có lỗi lớn. Thà rằng không biết gì về chuyện này; và dù không biết, là Chủ tịch nước, Chủ tịch đảng, ông vẫn phải chịu phần trách nhiệm. Huống gì

ông đã biết rõ cụ thể, ông nhận định là bà Năm bị xử trí oan, thế mà ông giữ im lặng, ông không can thiệp.ì Đây là thái độ vô trách nhiệm. ống không can thiệp thì còn ai có thể can thiệp? Ông đã để mặc cho nước của ông, đảng của ông bị một số kẻ nước ngoài lũng đoạn, lộng hành. Trên thực tế, ông đã từ nhiệm vị trí, trách nhiệm của mình. Giả thử ông quyết can thiệp hết mình, đến nơi đến chốn vì đây là trường hợp thí điểm, thì biết đâu cả cuộc cải cách ruộng đất sẽ diễn ra khác hẳn. Chẳng phải chính ông, trước đó đã có lần nhận định rằng lòng yêu nước của dân tộc ta rất sâu rộng, cho đến vua quan như Hàm Nghi, Duy Tân, Thành Thái cũng chống thực dân Pháp; biết bao địa chủ là địa chủ kháng chiến, biết bao nhân sĩ là nhân sĩ dân chủ, có biết bao thân sỹ yêu nước ở khắp nơi...

Sùng bái "mặt trời phương Đông", nể sợ "thiên triều Bắc kinh, ông Hồ đã truyền cho những người lãnh đạo khác quanh ông, cho cả đảng cộng sản một thái độ thụ động vô lý, mất hết khả năng phản kháng và tự vệ. Chính ông cũng bị cỗ xe Mác-Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông đè lên đầu, trong khi cả Đảng cộng sản và xã hội bị cỗ xe ấy nghiền nát. Thảm trạng hiện nay của đất nước bắt nguồn một phần không nhỏ từ "mặt trời" ấy, thái độ "đầu hàng" tai hại ấy, dù cho "mặt trời ấy đã lặn vào bóng đêm dày đặc

của lịch sử từ hơn 1 chục năm nay (ông Mao đã chết năm 1976). Báo Nhân Dân hồi đó đã có một bài xã luận ở trang một, khóc lóc tiếc thương "người thầy vĩ đại của cách mạng Trung Quốc, người bạn lớn của nhân dân Việt nam."

Bùi Tín

Mặt Thật

Chia theo tỷ lệ anh em

ở Ba Lan, từ trước khi chủ nghĩa xã hội hiện thực sụp đổ lưu hành một chuyện cười dân gian. Một anh Liên xô đi cùng anh bạn Ba Lan trên phố vắng, bỗng cùng chộp được một túi tiền. Anh Liên xô hớn hở nói: "Nào, đến vườn hoa kia mở ra hai ta sẽ chia theo tình anh em." Anh Ba Lan lập lức trả lời: "Không, không thể thế được, phải chia theo tỷ lệ 50/50 kia đấy!" Hai người đồng ý, bắt tay nhau cười vang. Vì sao? Vì quan hệ bất bình đẳng vốn dĩ là tự nhiên, thành nếp giữa Liên xô và các nước "em" phụ thuộc như Ba Lan. Cho nên chia theo tình anh em ắt phải là 55/45, hay 70/30, thậm chí 90/10! Hãy quan sát hai em bé chia kẹo khi bố mẹ bảo đứa anh: chia đều cho em nhé. Người anh ăn tham sẽ chia "đều theo tỷ lệ 55/45, hoặc có thể hơn, hơn nhiều nữa. Cho nên anh chàng Ba Lan lập tức bác bỏ nguyên tắc chia theo "tình" anh em mà nghi

ngay đến tỷ lệ chia đều chuẩn xác 50-50.
Bình đẳng giữa các nước anh em! Thật hay và đẹp, cao quý tồn tại... ở trên giấy. Mới đây khi Tổng Thống Pháp Miterrand sang thăm chính thức Việt nam thì dư luận thế giới nhìn lại mới thấy rằng cho đến nay, sau hơn 47 năm Đảng cộng sản nắm trọn chính quyền ở miền Bắc rồi trong cả nước, chưa có "Tổng Thống" Liên Xô hay Trung Quốc nào sang thăm Hà nội cả! Ông Gorbachev năm 19S2 có sang thàm Việt nam khi còn là nhân vật số 5, đặc trách về chương trình nông nghicp. Các nhân vật Stalin, Khrushchev, Brejnev, Andropov, Chernenko... cũng như Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân... đều chưa hề đặt chân đến Việt nam. Còn các ông Hồ Chí Minh, Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Trường Chinh, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười... thì đã biết bao lần đến Bắc Kinh và Moscow! Tội nghiệp cho người em út trong quan hệ với những ông anh lớn! Chỉ riêng trước và sau Đại Hội 7, các vị lãnh đạo cao nhất của Việt nam tới tấp sang Trung Quốc: Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Lê Đức Anh... Vậy mà gần đây chỉ có Lý Bằng ghé sang! Và Lê Đức Anh chỉ được tiếp ở Thành Đô tại một tỉnh địa phương. Báo Hồng kông nhận xét, vì Đặng muốn dằn mặt Lê Đức Anh rằng: tội chú to lắm đấy, dám

gây sự với người anh em Khơ Me đỏ của ta, ta chưa quên việc ấy đâu.

Vậy mà ở Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc có cả một bài giảng dài lòng thòng về mối quan hệ mới về chất giữa các nước anh em trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, dựa trên tình quốc tế vô sản, hoàn toàn bình đẳng và không mảy may vụ lợi! Họ giấu kỹ tất cả những hiện tượng rành rành và khẳng định những điều không có thật với thái độ không một chút ngượng nghịu. Cái vững vàng, kiên định, kiên trì chán lý của họ là thế! Thật ra chủ nghĩa Mác-Lênin trong hành động thực tế đã nghiền nát nền độc lập và chủ quyền dân tộc bởi thái độ đàn anh, chuyên quyền, áp đặt và gia trưởng. Hãy nghe câu nói của Stalin rất tiêu biểu: "Ta chỉ cần đơ ngón tay út là tên Ti-tô phải lăn kềnh!" (Theo báo cáo mật của Khrushchev ở Đại Hội 20 đảng cộng sản Liên xô).

Việc Đảng cộng sản Việt nam đưa gần 20 vạn quân vào Cam bốt và ở lỳ tại đó đúng 10 năm chính là áp dụng khái niệm "chủ quyền hạn chế kỳ quặc của Brejnev, người đã từng được tâng bốc là thiên tài quân sự, xứng đáng với quân hàm nguyên soái toàn Liên xô, mà thành tích quân sự mới nhất là đưa quân đội Liên xô vào Afghanistan hồi 1979, với biết bao sinh linh bị giết hại ở cả hai phía. Họ lập

luận theo hai nội dung với hai đối tượng khác nhau. Trong đảng, họ giải thích đây là làm nghĩa vụ quốc tế vô sản, củng cố và mở rộng phong trào cách mạng sang nước khác. Trong nhân dân và đối với quốc tế, họ trưng ra lời yêu cầu của một phong trào một mặt trận, một chính quyền tại chỗ mà họ dựng nên! Cố nghĩa là, tự mình mời mình vào nhà người khác! Việc Quân Đội việt Nam ở lại suốt 10 năm ở Cam Bốt bất chấp sự phản đối dai dẳng của số đông áp đảo ở Liên hiệp Quốc và sự tẩy chay, trửng phạt của thế giới, là theo tấm gương của người anh Liên xô, là ở sự học tập và thi đua với nước anh em Cu ba đưa quân tình nguyện sang tận Angôla, Ethiopia, Mojambique...

Việc bọn cộng sản Khờ Me Đỏ gây ra sự bắn giết tàn ác đồng bào ta ở giải biên giới phía Nam từ Kiên Giang, An Giang, qua Long An, Tây Ninh lên tới Lâm Đồng... và chính sách diệt chủng của chúng ở Cam Bốt đã tạo nên lý do cho việc đưa hộ đội Việt nam vào Cam bốt. Nhân dân Cam bốt nhiệt thành hoan nghênh việc này là sự thật. Họ thoát khỏi chết, thoát khỏi chế độ giết người hàng loạt, chấm dứt chế độ kỳ quái không thành phố, không tiền nong, không chợ và trường học, không cả gia đình. Nếu bộ đội Việt nam rút khỏi Cam Bốt sau hai đến 3 năm ổn

định tình thế, giao lại việc ổn định tiếp cho người Cam Bốt và cộng đồng quốc tế (qua Liên Hiệp Quốc) thì hợp lý, cao thượng biết mấy! Họ đã cố trọn ở lại 10 năm, vì ý định xây dựng khối liên minh cộng sản gồm 3 nước Đông Dương hấp dẫn quá. Họ rất chủ quan trong suy tính về chiến lược. Họ bắt dân trả giá về cuộc phiêu lưu này không sao kể xiết: tính mạng của hơn 50 nghìn chiến sĩ trẻ, gần 200 nghìn bị thương, số người Cam Bốt chết và bị thương còn cao hơn những con số ấy; ngân sách quân sự cực lớn bị ném vào lửa chiến; họ duy trì quân đội từ 1 triệu đến 1,7 triệu một thời gian dài... Tất cả tạo nên nguyên nhân trực tiếp cho cuộc khủng hoàng chính trị, kinh tế, tài chính tâm lý xã hội ngày càng nặng nề cho đến tận bây giờ. Cả thế giới xúm lại trừng phạt, cấm vận, phong tỏa Việt nam về cuộc phiêu lưu này... Tội lỗi của người cầm quyền trong cuộc chiến tranh này rất lớn. Nhất là đã có nhưng lời đề xuất rất sớm là nên rút ra khỏi bãi lầy này từ những năm 1982, 1983 và cả nhưng lời kiến nghị khẩn thiết rằng nếu không rút ngay thì e rằng sẽ là quá chậm Thái độ độc đoán, không dân chủ thật tai hại khôn lường?

Tư tưởng nước lớn, kiêu ngạo của phần lớn chuyên gia Việt nam ở các ngành, các cấp, kể từ các vị ở cấp cao nhất như các ông Lê Đức Thọ, Lê Đức Anh... dã xúc phạm

niềm tự trọng của người Cam Bốt. Tôi đã kể về một số biểu hiện lớn, kiêu ngạo ấy trong Hoa Xuyên Tuyết. Điều cần nói thêm là những thái độ đàn anh, miệt thị người Cam Bốt ấy giống hệt như thái độ người Liên Xô đối với các nước Đông Âu, vì cùng đúc từ một khuôn mang tên chủ nghĩa quốc tế vô sản, tình nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc bình đẳng vô tư... nghe rất kêu. Tôi được các bạn Cam Bốt cho biết việc truất ông Pen Xô Van, Tổng bí thư Đảng cộng sản kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng là do hai ông Đức Thọ và Lê Đức Anh quyết định trước, được Bộ Chính Trị Đảng cộng sản Việt nam thông qua trước rồi hai ông nói trên mới "gợi ý cho một số người tin cậy nhất của họ trong Bộ chính trị Đảng cộng sản Cam Bốt tiến hành. Giống như việc hạ bệ ông Dubcek ở Tiệp Khắc mùa xuân Pra-ha được quyết định trong điện Kremlin vậy. Chẳng còn là những điều bí mật, vì người Cam Bốt nào quan tâm đến thời cuộc cũng biết ông Pen Xô Van vốn là viên chức làm việc trong cơ quan Đài Phát Thanh Tiếng Nói Việt nam hàng chục năm, trên cương vị Trưởng Phòng Phát Thanh tiếng Khờ Me; ông Chăn Xi đầu năm 1979 bất ngờ được chọn sang Nom Penh nhận chức Chủ nhiệm Tổng cục Chính Trị rồi Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng, rồi lên tới chức Chủ Tịch Hội Đồng Bộ Trưởng, sau đó bị

chết bệnh đột ngột hồi 1985, vốn là đảng viên cộng sản Việt nam, phụ trách một phân xưởng tại nhà máy nhiệt điện Việt Trì ở tỉnh Vĩnh Phú; ông Bu Thoáng, ủy viên Bộ Chính Trị đảng cộng sản Cam bốt lúc đầu phụ trách trưởng ban Tuyên Huấn Trung ương, về sau được đưa gấp lên Bộ Trưởng Quốc Phòng với Quân Hàm Đại Tướng, kiêm Phó Chủ Tịch Hội Đồng Bộ Trưởng, thì hồi 1978 còn là huyện đội xưởng mang quân hàm đại úy ở huyện Sa Thầy ở một tỉnh Tây Nguyên Việt nam. Cô y tá ở Quân Khu 7 quê ở Trà Vinh mới 26 tuổi tên là Miên Xam On đảng viên đảng Công Sản Việt nam được ông Lê Đức Thọ đưa vọt lên đến mức kỳ lạ: vào Ban Chấp Hành Trung ương, nhận chức Trưởng Ban Tuyên Huấn Trung ương Đảng, rơi vào luôn cả Bộ Chính Trị của "đảng bạn" trước khi "rơi ngã" khi bộ đội Việt nam rút về. Cô ta là cấp trên của tiến sĩ Vandi Caon tốt nghiệp từ đại học Sorbonne, Paris, phụ trách môn Khoa học xã hội của Ban Tuyên Huấn. Người Cam Bốt không hề tham gia việc đưa ông Pen Xô-van lên rồi hạ ông ta xuống. Lỗi ông ta là gì? Tội ông ta ở đâu? Qua kể lại của một chuyên gia Việt Nam về tổ chức cán bộ thì ông đâu có chống Việt nam, đâu có chống lại đảng mình! Ông chỉ mời tỏ ra không hài lòng vì là Tổng bí thư kiêm Bộ Trưởng Quốc Phòng mà không có

chút ít thực quyền, ông cũng tỏ ra khó chịu khi bị ông Lê Đức Anh lấn át quyền quyết định về quân sự. Các ông Lê Đức Thọ và Lê Đức Anh cần những người biết vâng lời. Ông không học thuộc bài học vỡ lòng ấy. Bị mất chức, ông còn bị đưa về Việt nam để bị quản thúc 10 năm. Gần đây, vào giữa năm 1992, tình hình Cam Bốt đã chuyển khác, đã có chính quyền lâm thời của Liên Hiệp Quốc, ông mới được trở về Ta Keo. Cuốn hồi ký của ông nếu ông có ý định viết sẽ vô cùng hấp dẫn. Ông vốn là cán bộ quân báo, rất kín đáo, ít nói, ít cười, có nhiều suy tư, hay đọc sách báo rồi trầm ngâm suy nghĩ. Tôi nghĩ con người như thế rất khó đóng trọn vai trò kẻ có chức vụ cao mà trong tay không mảy may có quyền lực

Theo "truyền thống" đã thành nếp sống của chủ nghĩa quốc tế vô sản, của chủ nghĩa Mác-Lênin trong hành động, thì điện Kremlin luôn cần những người như ông Tođo Gipcov ở Sôfia, Bungari, nghĩa là dù cho ở Sofia trời quang mây tạnh thì vẫn vui vẻ giương ô lên che không biết ngượng, vì...lúc ấy trời đang mưa ở Moscou? Đây là chuyện vui dân gian ở Sofia. Cái tội của ông Pen Xô-van có thể là ở chỗ hôm ấy ở Hà Nội đang mưa to, ở Phnom Penh trời quang quẻ, vậy mà ông đi trên đại lộ Hồ Chí Minh lại quên che ô. Hai ông Lê Đức đã nhìn thấy cảnh ấy

và nổi giận!

Bùi Tín

Mặt Thật

Sự kiện Siam Reap

Các bậc sáng lập ra chủ nghĩa Mác-Lênin quên khuấy không dạy kỹ về xây dựng một nền dân chủ thật sự trên cơ sở một xã hội dân sự có đầy đủ quyền công dân nên các nước xã hội chủ nghĩa hiện thực vừa khan hiếm hàng tiêu dùng, vừa khan hiếm tự do. Khan hiếm tự do, bình đẳng trong mỗi nước, nên quan hệ quốc tế của họ ắt cũng khan hiếm tự đo và bình đẳng. Đó là quan hệ anh em. Bố mẹ nghèo bảo hai anh em chia đều quả chuối thì người anh đã tinh ranh lấy ngón tay chặn làm cỡ chỉ cho chú em được cắn một mẩu nhỏ! Cái kiểu cách Stalin dơ ngón tay út để trừng phạt Ti-to, cái kiểu quân đội Liên Xô kéo ồ ạt vào Budapest, Hungari hồi 1956 - khách không mời mà đến- rồi ở lại hoài hoài (Đến bao giờ? Chuyện vỉa hè ở Budapest nói rằng chỉ đến khỉ họ tìm thấy ai mời họ vào); cái kiểu bộ đội Việt nam vào Cam bốt rồi ở lại 10 năm; cái

kiểu Đặng Tiểu Bình tháng 2-1979 cho quân xông vào các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh... đều phản ánh chuyện lộn xộn, bát nháo trong một gia đình lớn không có nề nếp, đạo lý, đầy hà hiếp bất công. Nó mang tính tất yếu. Đặng Tiểu Bình cư xử như một người anh, nọc chứ em ra đánh mấy roi lằn mông vì chú đã hà hiếp thằng em nhỏ mà anh ta đang cưng. Cũng là để trả thù gián tiếp: người anh cả Liên Xô đã nện anh ta đau bên sông Issouri hồi nào. Vì thế, chủ nghĩa Mác-Lênin với học thuyết chuyên chính vô sản, đấu tranh giai cấp, quan hệ quốc tế vô sản... thành cỗ máy nghiền, xéo nát tự do trong mỗi nước, cũng nghiền luôn cả chủ quyền của các nước anh em, các nước "đồng minh của nhau! Sự kiện Siam Reap in dấu ấn rất đậm vào mối quan hệ giữa đảng cộng sản Việt nam và Đảng Nhân Dân Cách Mạng Cam bốt cũng như trong quan hệ giữa hai nước.

Chuyện xảy ra vào hồi 1984, nếu sự nhớ lại của tôi không nhầm. Lúc ấy, ông Lê Đức Thọ, người chịu trách nhiệm về tình tình Cam Bốt trong Bộ Chính Trị Đảng cộng sản Việt nam còn thường xuyên ở Phnom Penh, trong một biệt thự ở sau điện Chăm Ca Mon, bên bờ sông Mê Ông. Ông Lê Đức Anh là Tư lệnh của lực lượng Quân Tinh Nguyện, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của các đơn vị bộ đội

Việt nam ở Cam Bốt. Giúp ông về quân sự là Tham mưu trưởng Hoàng Hoa, từng là cố vấn quân sự cho đoàn đại biểu Việt nam tham gia thương lượng với phía Hoa kỳ ở Paris do ông Xuân Thủy cầm đầu, ông Lê Đức Thọ làm "cố vấn", trên thực tế là lãnh đạo, trùm lên hai đoàn của ông Xuân Thủy và bà Bình. Chính ông Lê Đức Thọ đã có ý kiến đưa ông Hoàng Hoa (tên thật là Hồ Quang Hóa) vào Ban Chấp Hành Trung ương trong Đại Hội Đảng 5 hồi cuối năm 1982 và cử ông sang Cam Bốt, với quân hàm Thiếu tướng. Một tương lai thành đạt lớn mở ra cho ông Hoàng Hoa, thì... sự kiện Siam Reap xảy ra! Hồi đó quân Khơ Me Đỏ phần lớn đóng ở vùng sát biên giới Thái Lan. Bỗng trong nhân dân Siam Reap có tin đồn Khờ Me Đỏ đã có cơ sở ở nhiều nơi trong tỉnh, nhiều người trong chính quyền Phnom Penh làm việc cho Khờ Me Đỏ. Họ gọi đó là chính quyền hai mặt, ngày làm cho Phnom Penh, đêm làm cho Khờ Me Đỏ. Tình hình trở nên căng thẳng, nghi ngờ nhau lan rộng.

Một hôm ở đơn vị 479 quân tình nguyện, anh Nuôi, một thanh niên Khờ Me đến tự thú rằng anh vốn là cán bộ xã đã trót làm việc cho Khờ Me Đỏ. Cán bộ quân báo cơ quan tham mưu của đơn vị liền hỏi cung thật kỹ, vì chộp được người trong chính quyền hai mặt đây rồi? Anh ta kể

trong chuyến đi buôn ở biên giới, bọn Khờ Me Đỏ bắt giữ anh và ép làm việc cho chúng. Anh đã trót dại, nay xin báo cáo với bộ đội Việt nam. Những điều anh kể về lính Khờ Me Đỏ là hoàn toàn đáng tin cậy. Cán bộ quân tình báo ở Bộ chỉ huy quân tình nguyện ở Phnom Pênh được báo cáo chuyện này liền phóng về Siam Reap bày mưu tính kế khai thác thêm. Thế là anh luôn được phóng lên lại vùng biên giới, nhập lại vào hàng ngũ Khờ Me Đỏ để lấy tin tức cho bộ đội Việt Nam.

Ba tuần sau, anh trở lại Siam Reap báo cáo cho cán bộ quân báo Việt nam: tình hình khẩn cấp! Khờ Me Đỏ đã đưa về vùng bắc Siam Reap tám trăm khẩu súng có 20 khẩu cối; chúng đã tạo được chính quyền hai mặt ở các huyện và đặc biệt ở cơ quan cấp tỉnh đã có hơn 20 cán bộ nhận làm việc cho chúng. Lúc ấy là tháng 4, chúng định tháng 8 sẽ nổi dậy, cướp chính quyền, ngoài đánh vào, trong khởi nghĩa... Anh kể rằng viên Trung đoàn trưởng của trung đoàn 2, sư đoàn 906 Khờ Me Đỏ đã tín nhiệm cử anh làm Trưởng ban Bảo vệ của trung đoàn, luôn mắc võng bên cạnh Trung đoàn trưởng và Chính ủy, do đó anh nghe được những điều cơ mật hai người bàn bạc với nhau. Lời cáp báo này ăn khớp với lời đồn loan truyền trong nhân dân rằng Khờ Me Đỏ đang chuẩn bị tiến công

lớn, chúng đã "lót ổ được những kho súng trong nhiều xã, và trong chính quyền ở huyện và tỉnh, Khờ Me Đỏ đã có một số nhân mối. Anh Nuôi lại được phái trở về hàng ngũ địch làm tiếp nhiệm vụ. Đúng tuần sau, trong 1 trận đánh ở phía tây thị xã Siam Reap gần hồ Tonle Sap, bộ đội Việt nam bắt được 6 tù binh Khờ Me Đỏ, trong đó có một đại đội phó. Sau một số "biện pháp nghiệp vụ của quân báo Việt nam, tên này khai rõ những nội dung gần khớp với báo cáo của anh Nuôi. Cuối cùng cán bộ quân báo của Bộ chỉ huy ở Phnom Pênh trực tiếp khai thác tù binh để thẩm tra lại một lần nữa, và khoái chí thấy đã nắm được chắc phương án hành động của địch. Một kế hoạch phá phủ đầu địch trước khi chúng kịp hành động được vạch ra. Được bộ chỉ huy ở Phnom Pênh duyệt, việc làm đầu tiên là tìm cho ra bọn cán bộ hai mặt ở cấp tỉnh. Hai cán bộ khả nghi ở Nông Nghiệp và Ty Văn Hóa tỉnh bị bắt giữ. Sau mấy ngày khai thác bằng "biện pháp nghiệp vụ họ thú tội, viết ra giấy và ký tên. Họ khai thêm "đồng bọn". Thế là hàng loạt người bị bắt. Cho đến khi Trưởng ty Giáo dục, Trưởng ty Giao thông, Phó chủ tịch ủy ban Hành chính Tỉnh, Chánh văn phòng Tỉnh ủy, Thường vụ anh ủy... bị bắt. Xe com măng ca của bộ đội Việt nam đến đâu là các cơ quan tỉnh khiếp sợ.

Một không khí khủng bố hao trùm. Ai cũng có thể là tay sai của Khờ Me đỏ, ai cũng có thể bị các sỹ quan Việt nam bắt đưa vào một khu rừng rồi bặt tin... Cho đến khi Bí thư Tỉnh ủy - người cán bộ được coi là cấp cao nhất trong tỉnh cỡ lớn Siam Reap, nơi có khu đền Ang-co Vát và Ang-co Thom cổ kính - tự sát. Khi thấy chiếc xe của bộ đội Việt Nam đi vào cổng cơ quan, rồi vị sĩ quan Việt nam nghiêm trang bước lên thềm theo sau hai chiến sĩ mang súng tiểu liên Nga, ông Bí thư Tỉnh ủy mất bình tĩnh, giọng run run hỏi lại: "Các ông bảo tôi đi, nhưng tôi xin hỏi Trung ương đảng tôi có biết chuyện này không? Sao Phnom Pênh không có ý kiến gì với tôi?" Viên sĩ quan Việt nam thúc dục: "Có hay không ông cứ đi theo tôi, rồi tết cả mọi chuyện sẽ rõ." Ông Bí thư Tỉnh ủy liền nói: Được, xin chờ chút xíu, cho lôi lên phòng tôi một phút thôi." Ông bước lên thang gác, vào phòng, khóa chặt cửa. Chỉ một lát, một tiếng súng nhỏ nổ đanh. Phá cửa vào, người ta thấy ông Bí thư Tỉnh ủy nằm trên giường, áo quần chỉnh tề, ca vát ở cổ, dầu quẹo sang một bên, máu từ thái dương đang chảy ra. Khẩu súng ngắn còn ở đầu giường. Trên bàn, một mảnh giấy: Các đồng chí bộ đội Việt nam làm sai. Tôi và các đồng chí của tôi là người cách mạng trung thành. Đảng Nhân Dân Cách Mạng Cam Bốt muôn năm!"

Được tin nghiêm trọng này, người của Bộ Nội Vụ chính phủ Hun Xen tới, chuyên gia Việt nam cấp cao thuộc đủ các ngành: nội vụ, an ninh, tham mưu, quân báo, kiểm sát, thanh tra đến. Kết luận khá nhanh. Tất cả hơn 40 người bị bắt đều không ai có tội gì cả. Khờ Me Đỏ -- chắc hẳn được cố vấn Tàu bày vẽ - đã dựng lên một cái bẫy để bên ta đánh bạn mình". Anh chàng Muôn, ngờ nghệch, hay chính là người của Khờ Me Đỏ thực hiện âm mưu gây rối loạn trong quan hệ Việt nam-Khờ Me. Sai lầm lớn thuộc quân báo bộ đội Việt nam vì ham thành tích lã mớm cung cho tù binh. Các biện pháp nghiệp vụ chính là dùng tra tấn, nhục hình tinh vi: không cho ngủ, tra hỏi liên tục làm thần kinh cực kỳ căng thẳng; bắt nhịn đói, nhịn khát rồi dử thú nhận thì cho ăn, cho uống... Cho đứng vào thùng khuy sắt lớn, gõ ở ngoài cho inh tai nhức óc, không sao chịu nổi... Kiểu chúa ngục Côn đảo? Kiểu KGB? Kiểu Stasi ở Cộng Hòa Dân Chủ Đức cũ? Kiểu Việt nam sáng tạo? Tổng hợp các kiểu. Rồi lấy thú nhận "ép" người này buộc người kia nhận tội tiếp. Điều rõ nhất là họ đã làm theo kiểu thịnh hành thời Stalin. Điều nghiêm trọng hơn nữa là trong khi tra hỏi, các sĩ quan Việt Nam tha hồ chửi bới, miệt thị cả dân tộc Khờ Me người ta, đồ này đồ nọ... Và quan trọng gấp bội là phía Việt nam tự ý làm hết cả, không hề báo tin và không mảy

may bàn bạc gì với chính phủ và đảng bạn" cả. Chủ quyền của bạn" bị các bạn quý láng giềng bỏ túi" hết trọi!
Chuyện vỡ lở, làm nổ" rất mạnh khắp vùng Siam Reap và cả thủ đô Phnom Pênh rồi lan ra cả nước. Bực tức, oán giận và khinh thường. Sao cán bộ cấp cao của bộ đội Việt Nam lại nhẹ dạ, ấu trĩ, bị Khờ Me Đỏ dễ dàng đưa vào tròng đến vậy? Vì sao họ lại bộc lộ tinh thần khinh thị dân tộc xúc phạm danh dự của người Khờ Me đến thế!
Hà nội lo sợ, phát hoảng lên, tìm cách ếm nhẹm việc này, tính đến chuyện xuất Tổng bí thư Lê Duẩn sang "xin lỗi", nhận tội"... Nhưng sau thấy có vẻ hơi ổn họ phái ông đại tướng Chu Huy Mân, ủy viên Bộ Chính Trị, Chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị của quân đội sang nhận lỗi, xoa dịu phía Cam Bốt. Hai viên tướng chỉ huy mặt trận 479 ở phía Tây Cam Bốt bị kỷ luật, hạ xuống đại tá và trở về Quân Khu 7. Viên đại tá quân báo của Bộ tư lệnh quân tình nguyện trực tiếp làm vụ này bị đuổi ra khỏi đảng, đuổi ra khỏi quân đội, đuổi về Việt nam, lãnh tôi nặng nhất cùng với 6 sĩ quan quân báo khác. Thiếu tướng Hoàng Hoa, Tham mưu trưởng quân tình nguyện bị kỷ luật: đưa ra khỏi Ban chấp hành Trung ương đảng, hạ xuống cấp đại tá, về Thủ Đức (Sài gòn) nhận nhiệm vụ Hiệu trưởng Trường Lục Quân 2, chuyên đào tạo sy quan cho các đơn vị ở

phía Nam.

Hai vị ở chóp bu, lẽ ra là phải chịu trách nhiệm lớn nhất: Lê Đức Thọ, Lê Đức Anh thì lại yên ổn, không ai đụng đến, chỉ nhận "thiếu sót" là để cấp dưới làm sai, viện "cớ" rằng lúc ấy đang đi vắng, đi chữa bệnh, về nước họp, vân vân và vân vân... Đã thành lệ, có hai thước đo về trách nhiệm và kỷ luật, một cho cấp trên, một cho cấp dưới; và khi khen thưởng, nhận thành tích thì cũng có hai thước đo khác nhau...

Chế độ độc đoán nào chả vậy!

Bùi Tín

Mặt Thật

Đảng vĩ đại ngay cả trong sai lầm?

Chủ nghĩa Mác-Lênin trong chương trình giáo dục của các đảng cộng sản có một bộ phận quan trọng nói về Đảng cộng sản. Đó là phần lý luận về nguồn gốc của Đảng cộng sản, bản chấp giai cấp của Đảng cộng sản, vai trò lịch sử của đảng, phương thức và kinh nghiệm xây dựng Đảng cộng sản. Tất cả tạo nên cả một học thuyết về xây dựng đảng. ở Trường đảng Nguyễn ái Quốc trung ương ở Hà nội có một đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp, chuyên lên lớp về học thuyết xây đảng. Trong lớp học dài hạn hai năm, họ để ra hơn 4 tháng để chỉ học về xây dựng đảng, cuối chương trình có thi kiểm tra cho điểm.

Cho đến nay, dù cho nhiều đảng cộng sản đã tan vỡ, phơi bày cả sự lừa dối, tệ giáo điều về học thuyết xây dựng đảng, những giảng viên ấy cũng vẫn giữ nguyên giáo trình cũ, với những lập luận vòng vo, loanh quanh nhằm bảo vệ

những luận điểm sai lầm, dối trá về Đảng. Họ cố truyền bá những điểm cơ bản: sự xuất hiện của đảng cộng sản là hiện tượng quan trọng nhất, vĩ đại nhất trong lịch sử của đất nước; tất cả các đảng chính trị khác đều sai lầm, thoái hóa, thất bại vì theo đường lối cải lương, đầu hàng, chỉ có đảng cộng sản là cách mạng nhất, sáng suốt và đúng đắn duy nhất nên thắng lợi; đảng cộng sản là đồng nghĩa với lẽ phải, chân lý, lương tâm và trí tuệ của thời đại; để bảo đảm thắng lợi cho cách mạng và tổ quốc, sự lãnh đạo của đảng cộng sản làthường xuyên, toàn diện, tuyệt đối và duy nhất. Điều này có nghĩa là đảng phải có mặt ở mọi nơi, mọi lúc, giữ độc quyền lãnh đạo, không chia sẻ với bất cứ ai.

Đảng mang tính tiền phong của giai cấp và dân tộc, bao gồm những người hăng hái, tiến bộ nhất, có nghĩa là người đảng viên là tốt hơn, có ý chí và tài năng lớn hơn người ngoài đảng. Đảng viên phải vừa hồng vừa chuyên, có nghĩa là vừa có đạo đức tư tưởng và tinh thần cao, lại vừa giỏi về chuyên môn, là mẫu mực trong xã hội. ở Paris, nhiều anh bạn hỏi tôi: Sau khi phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất, trong xã hội nổi lên oán hận, vậy uy tín của đảng giảm sút thế nào? Quan hệ với Trung Quốc ra sao? Nhân dân có căm giận Trung Quốc không? Chính

điều này đã làm tôi để tâm quan sát rất nhiều. Tôi cố nhớ lại để dựng lại trong tưởng tượng tình hình thật hồi ấy. Rất tiếc chưa ai viết phóng sự hay tiểu thuyết về phong trào sửa sai, cuộc vận động sửa sai, diễn ra trong hai nam 1956 và 1957. Vì sao sai lầm nghiêm trọng đến thế, tổn thất về nhân mạng và tài sản lớn đến vậy mà đảng vẫn cứ điềm nhiêm giữ được quyền lãnh đạo, xã hội không hề bị xáo trộn? Cần nhớ rằng khi phát hiện ra sai lầm của cải cách ruộng đất thì cuộc cải cách ấy chưa mở rộng ra toàn bộ địa bàn miền Bắc. Sau đợt thí điểm, làm 4 đợt thì sang giữa đợt thứ 5 phát hiện ra sai lầm. Lệnh ngừng lại, rồi rút các đợt phát động về. Nhiều nơi làm dở dang.

Cần thấy rõ rằng, nếu ngay từ đợt thí điểm ở Thái Nguyên người lãnh đạo Việt nam sớm thấy rằng tình hình Trung Quốc và tình hình Việt nam khác xa nhau, cần vận dụng thận trọng những kinh nghiệm của Trung Quốc, làm chủ công việc của mình không để cho cố vấn Trung Quốc lộng hành, thì tình hình đã khác và tránh được biết bao tổn thất về sinh mạng! Mặt khác nếu sang đợt 5 mà không phát hiện sai lầm, ra lệnh dừng lại để sửa sai, cứ thế làm tới thì tình hình còn bi đát, kinh khủng đến mức nào!

Khi bắt đầu sửa sai, người ta đem các bài giảng của cố vấn Trung Quốc ra đọc lại, nghiên cứu lại thì thấy rõ các

điểm sau:

1. Các bài giảng của "các đồng chí phái viên đặc biệt về cải cách thổ địa của Mao chủ tịch" đều khẳng định ở Trung Quốc, Quốc Dân Đảng là đảng vốn có thế lực cực lớn ở Hoa Nam, bắt rễ khá sâu trong xã hội Trung Quốc. ở phần lớn địa bàn, lực lượng ấy vượt xa, áp đảo lớn những cơ sở của đảng cộng sản đang còn quá yếu. Có rất nhiều khu vực trắng, chỉ có chính quyền và cơ sở đảng của Quốc Dân Đảng mà không có ai biết về đảng cộng sản. Số người của Quốc Dân Đảng bỏ chạy sang Đài Loan hoặc ra nước ngoài rất ít so với số dân khổng lồ. Có một số người chỉ trốn chạy loanh quanh, tạm lánh rồi trở lại quê hương. Cho nên cải cách ruộng đất là biện pháp cơ bản để phát hiện rồi triệt hạ hết mọi tổ chức Quốc Dân Đảng và vô vàn tổ chức thanh niên, phụ nữ, xã hội, tôn giáo, từ thiện, thể thao, nghệ thuật có dính đến Quốc Dân Đảng, một đảng cầm quyền suốt một thời gian dài... Ruộng đất ở Trung Quốc cũng ở mức tập trung cao, có địa chủ lớn hàng vài ngàn héc ta, chiếm tỷ lệ khá cao trong các hộ nông thôn. ở miền Bắc nước ta, số địa chủ có nhiều ruộng đất là rất hiếm, có người 10 héc ta, 6 héc ta, thậm chí 3 héc ta, hai héc ta cũng bị quy là địa chủ! Bằng con mắt Trung Quốc, các cố vấn Tàu nhìn xã hội Việt nam, có định kiến trước:

Tất cả tổ chức của đảng cộng sản ở những vùng mới giải phóng (vùng tạm chiến cũ) ở Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, Hà Đông, Sơn Tây... đều do địch dựng lên, hoặc là Quốc Dân Đảng, hoặc là do Phòng Nhì Pháp cấy lại, giăng bẫy... Họ trông gà hóa cuốc, đâu cũng là địch cả.

2. Về chỉnh đốn tổ chức, những bài giảng của các cố vấn chóp bu như "đồng chí Triết", "đồng chí Triệu, "đồng chí Vương"... đều nhấn mạnh đến tình hình ở Trung Quốc là tay chân của Quốc Dân Đảng hoặc liên quan đến Quốc Dân Đảng thâm nhập rất sâu, leo lên rất cao, cần cảnh giác phát hiện và nếu cần, giải thể hết bộ máy cu, tạo nên bộ máy hoàn toàn mới, gồm những trung kiên, cốt cán, phát hiện và được rèn luyện trong cuộc đấu tranh "long trời lở đất" này. Họ nhìn bộ máy đảng, chính quyền, chuyên môn ở Việt nam bằng con mắt đầy định kiến ấy! Sẵn ý thức tự ty, sùng bái Trung Quốc, sùng bái Mao Trạch Đông (Điều Lệ Đảng đã ghi rõ từ tháng 12-1951 là nền tảng chính trị của Đảng cộng sản Việt nam là tư tưởng Mao Trạch Đông) nên không một ai dám nghi ngờ những kinh nghiệm, lời chỉ giáo vàng ngọc của các thầy đồ Tàu hiện đại cả? Cả một thời mụ mẫm. Tôi đã viết trong Hoa Xuyên Tuyết rằng người ta đã đổ một lọ mực tàu đen

ngòm lên trang giấy trắng tinh mà ngỡ rằng đó là ánh sáng chói chang của chân lý! Thời kỳ ấy quả là như vậy. Tội này của ai? Lại một câu trả lời không bình thường. Chỉ người trong cuộc mới hiểu nổi khi cố nhớ lại tất cả. Các bạn ở Pháp, ở Hoa Kỳ, Canada hiện nay, và ở miền Nam hồi trước không thể nào hình dung nổi.

Tội, trách nhiệm của phía Trung Quốc? Lẽ ra phải là như thế. Nhưng không, hãy dở lại những bài giảng của các "đồng chí Triết", "đồng chí Triệu, "đồng chí Vương"... Mở đầu và kết luận bao giờ cũng là những câu rất sáo, rất công thức, rất nhún nhường: tôi kinh nghiệm không có nhiều, trình độ rất có hạn, xin mạo muội giới thiệu để tùy các đồng chí sử dụng..." Rồi: "Tôi không hiểu tình hình Việt nam, xin trình bày để các đồng chí tham khảo, may ra có ích một phần nhỏ." Ôi! Cái trịch thượng, kẻ cả, hống hách kiêu ngạo rất là Tàu, còi dân phía Nam là man di, mọi rợ, lại lồng trong một cái vỏ ngôn ngữ cực kỳ sáo rỗng, tỏ vẻ nhún nhường và khiêm tốn đến cùng cực. Ai từng hiểu các quan Tàu mà không thấy ra điều ấy. Cứ nói nhũn như con chi chi, nhưng đối với mỗi trường hợp cụ thể thì họ ra lịnh, cưỡng ép, dứt khoát không để người ta cụ cựa.

Cho nên nghị quyết sửa sai của Trung ương tránh né, không đụng đến chân lông đoàn cố vấn Tàu, phái viên kiệt

xuất của Mao chủ tịch, mặc dầu tất cả cái sai là khởi đầu từ đó. Nghị quyết khẳng định rằng, sai lầm "là do ta", do bệnh không xuất phát từ thực tế, giáo điều, tả khuynh. Việc rút ra bài học kinh nghiệm do đó không nghiêm chỉnh, chân thật! Uy tín của đảng qua sai lầm cải cách ruộng đất có bị sứt mẻ, giảm sút không? Tôi nhớ lại và thật khó trả lời cho đúng.

Xin kể lại cả thời ấy. Sau nghị quyết sửa sai, lại thành lập những đoàn cán bộ sửa sai, công bố cả một loạt tài liệu quy đinh các bước sửa sai, phát hành rộng rãi những văn kiện có lính pháp luật về sửa sai. Lại một lô tài liệu chồng chất về sửa sai. Cuộc sửa sai được tiến hành ráo riết, mỗi nơi là chừng 4 tháng, có nơi hơn 6 tháng. Các bước sửa sai đi cùng với cung cố tổ chức đảng và chính quyền ở cơ sở. Những người bị giam giữ oan ức được trả lại tự do, sau những buổi học thanh minh và xin lỗi theo nội dung: đảng không cố tình mà vô tình làm sai, do không kiểm tra cấp dưới; đảng rất đau xót nhận sai lầm; đảng xin lỗi mỗi đồng chí, đồng bào và khôi phục danh dự và quyền lợi của các đồng chí, đồng bào. Trong cơn khó khăn này, đảng mong mỗi đồng chí sát cánh cùng đảng sửa sai đến nơi đến chốn, mà đóng góp lớn nhất của đồng chí là thông cảm với đảng, cùng đảng sửa sai và ổn định tình hình,

không gây thêm bất kỳ khó khăn nào cho đảng. Êm tai. Ngọt ngào.
Số đảng viên ốm yếu được bồi dưỡng, tấm bổ trước khi trở về nhà. Những người mắc bệnh được giới thiệu đi bệnh viện với sự chăm sóc và thuốc men khá là đặc biệt. Số bị qui sai thành phần nhận giấy chứng nhận về thành phần xã hội đã hạ xuống, địa chủ hạ xuống phú nông hoặc trung nông; địa chủ phản động được gỡ mũ phản động...) Những thứ tịch thu sai được trả lại: nhà cửa, đồ đạc như bàn ghế, giường tủ, đồ đồng..., được trở về chủ cũ (tất nhiên không thể nguyên vẹn và đầy đủ). Đảng viên bị khai trừ oan được làm lễ phục hồi đảng tịch. Con em họ còn được ưu tiên nhận vào các cơ sở đào tạo và nhà máy. Còn số người chết oan? Những gia đình này được cán bộ cấp huyện và chủ tịch xã đến thăm viếng, nhận lỗi và an ủi. Giấy minh oan được mang đến cặn nơi, với những chứng nhận phục hồi đảng tịch (nếu là đảng viên), trả lại huân chương, bằng khen, còn được tặng thêm ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh có đóng dấu của tỉnh. Mộ người chết oan được dân quân đắp lại, việc xây mộ được đặt ra, và lễ phát tang được làm lại với cỗ bàn tử tế, có bà con họ hàng, làng xót cùng các vị chức sắc địa phương tham dự. Cuối năm 1956 có lúc tình hình khá căng thẳng, một số gia

đình oan ức chưa được sửa sai kéo về Hà nội trước trụ sở trung ương đảng, trước cả Phủ Chủ Tịch (Phủ Toàn Quyền cũ) đưa đơn, chờ đợi trả lời với thái độ phẫn uất, có người chít khăn tang, dắt trẻ nhỏ lếch thếch cũng đội khăn trắng. Phải tổ chức nơi tiếp đón, nhận đơn, giải thích, chuyển về địa phương... dần dần mới dịu. Đặc biệt là sau cuộc gặp gỡ các đại điện những gia đình bị tổn thất lớn trên toàn Miền Bắc ngày 29-10-1956 tại sân vận động Hàng Đẫy, đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính Trị đứng ra nhận tội, xin lỗi, đưa ra phương án sửa sai khẩn cấp thì không khí dịu hẳn lại. Tại cuộc họp lớn này, người ta đẩy cụ Bùi Kỷ, một nhân sĩ trong Mặt Trận Tổ Quốc ra đọc lời khai mạc. Sau đó đại tướng Võ Nguyên Giáp lên tiếng thuyết phục. Cái lý sự để thuyết phục ở mặt trận, nhất là mặt trận Điện Biên Phủ, chiến sĩ ta còn lấy thân chèn pháo bất kể sinh mạng mình, hàng ngàn chiến sĩ bỏ mình... thì việc tổn thất trong cải cách ruộng đất tuy là đáng tiếc nhưng cũng là đóng góp cho cách mạng tiến lên. ít lâu sau báo Quân Đội Nhân Dân đưa ra xã luận, chỉ rõ "Chính trong sai lầm mà nhân dân ta càng thêm vĩ đại, đảng ta càng thêm vĩ đại", lập luận rằng: Một đảng có gan nhận sai lầm và nhận trách nhiệm, bắt tay vào sửa sai một cách khẩn trương, chu đáo là thể hiện

sức mạnh của toàn đảng đó chứng minh sự vĩ đại của đảng! Mối quan hệ bản chất ruột thịt giữa đảng và nhăn dân càng thêm bền chặt qua thử thách lớn này.
Đó, thế có tài thánh không! Ngay cả khi đảng phạm tội giết bừa hàng chục ngàn sanh mạng nhân danh chủ nghĩa Mác-Lênin và cách mạng vô sản, thì đảng vẫn cứ là vĩ đại! Đảng vĩ đại ngay cả trong sai lầm khủng khiếp nhất. Lẽ phải, chân lý, sự đúng đắn vĩnh viễn nằm trong tay đảng! Ngay sau đó, chế độ "ngày đảng", còn gọi là "đảng nhật" được áp dụng, theo kiểu Tàu. Cứ ngày thứ bảy, thường là sáng thứ bảy, lất cả các cơ quan xí nghiệp đều họp chi bộ. Trong quân đội, tôi còn nhớ, đó là cả ngày thứ bảy. Anh em ngoài đảng thì làm vệ sinh, sửa chữa doanh đại, nhà cửa, đi làm công tác giúp dân (gọi là dân vận), cán bộ đảng viên thì học tập về đảng, tự phê bình và phê bình, tu dưỡng tư tưởng. Riêng tài liệu của Cục Tuyên Huấn biên soạn: "Đảng lãnh đạo thường xuyên, liên tục, toàn diện và tuyệt đối quân đội ta , phải tiến hành học tập trung 3 buổi đảng nhật, có lên lớp phát hiện thắc mắc, thảo luận tổ, liên hệ cá nhân, giải đáp thắc mắc, làm thu hoạch và tổng kết cuối cùng. Các tổ trưởng đều phải ghi biên bản thảo luận và tổng kết, phát hiện những "ý kiến sai trái" và những người có ý kiến sai trái, có nhận thức "không đúng", "lộn

xộn", "không rõ ràng", "lập trường không vững", "ảnh hưởng của tư tưởng phi vô sản", "không thông suốt"; hoặc nếu hay cãi thì: có thái độ "không tiếp thu thậm chí "ngoan cố, "chống đảng". Những người này lập tức được các cơ quan tổ chức cán bộ chú ý, gạch chéo trong danh sách, nằm trong số cán bộ cá biệt: "không thuần", "không thông đường lối và chính sách", "có nhận thức chống đối nguy hiểm", cần đặc biệt chú ý...

Và suốt đời họ sẽ "được" chiếu cố!

Cho nên mặc dù có khẩu hiệu "tự do tư tưởng", "người nói không có tội, người nghe lấy để răn mình", nhưng rất ít ai dám nói lên ý kiến thật của mình, việc học tập hết sức là xuôi chiều, tán tụng, nói theo, chỉ nói ra những điều mình không hoàn toàn nghĩ như thế, giữ kín những suy nghĩ lành mạnh, những thắc mắc ngay thật theo lương tri của mỗi người. Cái tệ con người "hai mặt", giả dối, khôn ngoan, giữ mình, "bị điều kiện hóa" dần dần hình thành, ngày càng nặng nề và tệ hại giết bao người nhẹ dạ, cả tin, nêu lên những thắc mắc về tư tưởng Mao Trạch Đông, về nguồn gốc sai lầm trong cải cách ruộng đất là tư tưởng nông dân, nghi ngờ về chính sách cải tạo công thương nghiệp, nói đến bệnh sùng bái cá nhân của Stalin và Mao, "không thông suốt về đường lối cán bộ lấy công nông làm

cốt cán", để rồi từ dó cứ bị định kiến, theo dõi, không được lên chức, lên cấp, lên lương nữa...

Nói và làm của đảng cộng sản luôn cách xa nhau vời vợi... Khá nhiều bạn ở nước ngoài đọc lại những bài đăng trên các số báo Giai Phẩm Mùa Thu, Giai Phẩm Mùa Xuân, Nhân Văn, Trăm Hoa... hồi ấy thốt lên: nội dung có gì đâu mà họ làm dữ dằn như vậy? Hàng bốn, năm chục văn nghệ sĩ bị tra hỏi, bắt giữ, đi lao động cải tạo, treo bút, đuổi khỏi Hội Nhà Văn, bị xa lánh như bị bệnh hủi và có người bị truy tố ra trước vành móng ngựa, mất trắng cả một đời người, với vô vàn hậu quả cho bố mẹ, vợ con, bạn hữu... Sao kỳ vậy?

Quả vậy, nếu so với hiện nay, khi xã hội giành lại, dù chỉ mới là bước đầu, quyền ăn nói, quyền được trung thực với chính mình, nói thẳng nói thật... thì nội dung bị lên án hồi đó chỉ là chuyện nhỏ xíu. Phải đặt trong khung cảnh hồi ấy, khi mọi người sống gần y như nhau, mặc áo quần đại cán như nhau (cho đàn ông) và mặc quần vải đen áo trắng như nhau (cho đàn bà), cả xã hội như mặc đồng phục, nói năng cũng giống y như nhau, buộc phải nghĩ như nhau, thì chỉ một người đeo cà vát, một chị phụ nữ phi-dê (uốn tóc) đã là một cái gì khác lạ, kỳ quái, đối với một số người... Huống gì là nhận thức và tư tưởng... Cũng như hiện nay,

hai điều cấm kỵ là nói tới Stalin và đa nguyên. Vô lý đến độ kỳ quái. Thế nhưng chuyện cấm kỵ ấy đối với không ít người đã hiểu biết chỉ con là trò trẻ con nhảm nhí, chuyện vô lý mà có thật, để lại một vết nhớ hằn sâu ở những người hiện đang còn cố bịt mồm xã hội!

Bùi Tín

Mặt Thật

Từ quả bom ở Moscou

Nay hồi nhớ lại cả một thời kỳ "sôi nổi" trong trì trệ và u mê ấy, có thể thấy rõ hơn sự ràng buộc của những sự kiện. Việc phát hiện ra sai lầm cải cách ruộng đất quá chậm trễ, sang đến đợt 5, chỉ còn lại vài vùng rừng núi thưa dân. Người viết lại lịch sử sau này cần nhớ lại một điều: năm 1956 (tháng 2), Đại hội lần thứ 20 của Đảng cộng sản Liên xô có tác dụng chấn động lớn như một quả bom. Stalin chết năm 1953. Vậy mà chỉ 3 năm sau, "nhà lãnh đạo thiên tài của Đảng cộng sản Liên xô và của toàn phe xã hội chủ nghĩa cũng như cả loài người tiến bộ" ấy bị chỉ mặt vạch tên là kẻ giết người hàng loạt, kẻ tội phạm hai tay đầm máu người lương thiện, nhà độc tài đỏ...

Những gì Đại hội 20 được biết đã vượt rất xa những sự lên án lâu nay của phương Tây, vẫn được coi là trò vu cáo rẻ tiền của chủ nghĩa đế quốc. Hình ảnh Đại Nguyên Soái

Stalin vĩ đại, uy nghi lẫm liệt trong biết bao gia đình Việt nam, như co rúm lại! (Nhưng xin nhớ là hình Stalin lồng trong khung kính ở phòng họp lớn Ban Chạp hành Trung ương đảng, ở Mặt Trận Tổ Quốc, ở các cơ quan công cộng vẫn còn nguyên cho đến 1964, 1965... vì "đảng ta" vẫn giữ lập trường vững vàng: công lao Stalin là chính, thiếu sót chỉ là thứ yếu?) Chính cơn động đất về tư thế phẩm chất của lãnh tụ thế giới Stalin đã làm rung rinh bức tượng lớn còn sống Mao Trạch Đông. Mao tuy có đố kỵ với Stalin nhưng cũng lại là người ca tụng Stalin hết cỡ, coi là "người thầy của cách mạng phương Đông, của các dân tộc bị áp bức".

Bệnh sùng bái cá nhân lãnh tụ được đưa ra mổ xẻ trong tất cả các đảng cộng sản. Bài học của Liên xô nhắn nhủ với các nước đàn em khác, hãy coi chừng, tệ sùng bái cá nhân là tai hại, tội lỗi đến nhường nào! Mà Mao lại là người đang được sùng bái nhất ở phương Đông. Tượng Mao ở khắp Trung Quốc. Tác phẩm Mao tràn ngập, ảnh Mao được in với số lượng lớn nhất thế giới, cổ kim, đông tây...

Chính thời tiết chính trị ấy đã đóng vai trò khá là quyết định đến việc Đảng cộng sản Việt nam "dũng cảm" công nhận sai lầm. Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam luôn trì

trệ, bảo thủ, đi sau người khác, thường lạc hậu vài năm đến vài chục năm so với thế giới. Điều này luôn được "tô vẽ , thành ra đức tính "vững vàng" và "khiêm tốn"? Lạc hậu một cách khiêm tốn! Quả bom của Đại hội 20 đã rung động tới Châu á và buộc Đảng cộng sản Việt nam phải công nhận sai lầm của mình và phải sửa sai. Nếu không có quả bom về Stalin thì rất có thể sai lầm cải cách ruộng đất đã bị ỉm đi, hoặc giải quyết theo một cách khác, theo kiểu Stalin, tìm ra "những tên tội phạm mới, kẻ thù của nhân dân" để trừng trị, trút lên đầu họ tất cả tội lỗi và sự cảm thù của nhân dân. "Kẻ thù luôn ở quanh ta. Càng đấu tranh thì kẻ thù xuất hiện càng nhiều." Staline vĩ đại từng dạy thế.

Một điều khá lý thú khác là nghiên cứu thái độ của những người lãnh đạo Đảng cộng sản Việt nam đối với cải cách ruộng đất. Công bằng mà nói, ông Hồ Chí Minh chẳng mặn mà gì đối với cải cách ruộng đất. Ông có cách nghĩ riêng. Vốn có nhiều kinh nghiệm hơn, hiểu biết rộng hơn các người khác trong cơ quan lãnh đạo nên ông thường chủ trương "lạt mềm buộc chặt". Ông là con người của những sách lược mềm dẻo, mềm đến độ không ngờ. Để cho quân Pháp vào Miền Bắc Việt nam qua Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3 nam 1946; mời ông Nguyễn Hải Thần,

Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam tham gia chính quyền; xã giao lịch thiệp với các tướng Tàu Lư Hán, Long Vân... Cho đến cả ý đồ ngay sau Cách mạng tháng 8 giữ ông Bảo Đại lại làm Quốc Trưởng, ông Hồ Chí Minh làm Thủ Tướng (ý đồ này bị hỏng vì ông Trần Huy Liệu cùng ông Nguyễn Lượng Bằng trót nhảy vội vào Huế tước ấn kiếm của Bảo Đại mà không xin ý kiến ông Hồ đang còn trên Việt Bắc những ngày cuối tháng 8 ấy)... đều là những chủ trương cực mềm nhằm buộc chặt. Ông nhìn xa hơn, sâu hơn, rộng hơn những người quanh ông. Ông thâm hơn.

Vê cải cách ruộng đất ông cho rộng chưa, cần phải tập trung cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã. Cùng lắm là làm giảm tô, giảm tức thôi. Làm êm ả, nhẹ nhàng mà vẫn đạt mục đích là tranh thủ được nông dân nghèo khổ. Ông cũng nghĩ rằng tình hình xã hội Việt Nam khác Liên xô Trung Quốc. Ông từng biết cung cách của Cải cách thổ địa ở vùng Thiểm Cam Ninh, Diên An bên Trung Quốc hồi trước. ở Việt nam, ít địa chủ lớn, nhiều địa chủ kháng chiến. Đã có lần ông thổ lộ với một số nhân sĩ: tôi nghĩ rằng khi kháng chiến thắng lợi, trong không khí vui mừng của cả nước thì địa chủ Việt nam sẽ vui lòng hiến ruộng. Chính phủ sẽ chia và cấp lại ruộng. Khôn khéo nhẹ

nhàng mà đạt mục đích, lạt mềm mà buộc chặt! Khôn thế? Thế nhưng ông Hồ không có toàn quyền quyết định. Có một thế lực cao hơn ông! Ông Mao, sau khi Cách Mạng Trung Hoa thành công, nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa được thành lập ngày 1-1-1949, trở thành lãnh tụ chính thức của nhà nước to lớn nhất thế giới và Châu á, thì nghiễm nhiên là lãnh tụ của phong trào cộng sản á Châu. Đầu năm 1950, chính phủ Trung Quốc công nhận nước Việt nam Dân Chủ Cộng Hòa. Đại sứ La Quý Ba trình quốc thư ở một địa điểm trên Việt Bắc. Cố vấn, chuyên gia Trung quốc ồ ạt nhập Việt, ông Mao nắm được tình hình. Ông liền khuyên dụ ông Hồ phải tiến hành Cải cách ruộng đất. Bởi vì trong thế giới cộng sản, quan hệ anh em là quan hệ chỉ huy, lãnh đạo. Lời khuyên, gợi ý bao giờ cũng dược hiểu ngầm là lệnh, mệnh lệnh. Ông Hồ cố trì hoãn, lần lữa việc này, và chỉ thị cho bộ máy tuyên truyền hồi ấy nêu bật thành tích của giảm tô cho cụ Mao yên lòng. Ông nghĩ vậy.

Bùi Tín

Mặt Thật

Cuộc xuất hành bí mật.

Đầu năm 1950, trước khi biên giới phía Bắc mở rộng, các binh đoàn Le Page và Charton bị tiêu diệt trên đường số 4 từ Cao Bằng về Lạng Sơn, ông Hồ lên đường đi Moscou. Một chuyến đi bí mật, đi nhanh, về nhanh, ở lại Moscou có vài ngày. Va ông gặp Stalin. Khi đi qua Bắc Kinh, ông Ngũ Tu Quyền và cả ông Mao cũng lên xe lửa đi cùng một chuyến sang Moscou. Do đó hồi ký công khai của Ngũ Tu Quyền cũng như của Khrushchev đều có nói đến cuộc du hành của ông Hồ sang Liên xô và nói đến cuộc gặp gỡ giữa Staline và ông Hồ.

Stalin không lạ gì ông Hồ, Nguyễn ái Quốc hồi ở các cơ quan của Đệ Tam Quốc Tế. Mối quan hệ giữa hai người chẳng êm đẹp gì. Cả một thời gian dài, Stalin coi Nguyễn ái Quốc là một cán bộ không có lập trường vô sản vững vàng, có vẻ coi nặng vấn đề dân tộc hơn là vấn đề giai

cấp. Từ năm 1931 đến 1940, hồi ký của ông Hồ lờ tịt về thời kỳ này. Ông ở đâu và làm gì trong 10 năm ấy? Có những biểu hiện cho thấy Stalin và cơ quan lãnh đạo đệ tam quốc tế hồi đó tin cậy Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập hơn là Nguyễn ái Quốc. Cái khẩu hiệu đả trí phú địa hào, đào tận gốc, trốc tận rễ của Hà Huy Tập, xem ra hợp khẩu vị Stalin... Có tin nói rằng Nguyễn ái Quốc còn "được" cữ đi học tập (lớp học cải tạo?) ở Trường Đào Tạo Cán Bộ của Đông Phương Bộ, với danh hiệu học sinh trung cấp! Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn hồi ấy là "giáo sư đỏ" ở Moscou có lúc kể rằng: "Bác rất khiêm tốn, xuống học lớp dưới, chan hòa với các sinh viên các nước thuộc địa khác ở Châu á để tìm hiểu tình hình..." chính là nói khéo đến thời kỳ Nguyễn ái Quốc bị thất sủng này.
Có lần Trần Phú gửi thư báo cáo cho Ban Lãnh Đạo Đệ Tam, ghi rõ: xin đưa thẳng cho Quốc Tế Ba, không qua bất cứ một người trug gian nào, chính là để chẳng qua tay Nguyễn ái Quốc, người không cùng chính kiến về chiến lược cách mạng Việt nam với Trần Phú. Cũng có lúc Trần Phú và Hà Huy Tập có chân trong Ban Chấp Hành Đệ Tam Quốc Tế, mà Nguyễn ái Quốc thì không. Một cán bộ công tác ở Bảo Tàng Cách Mạng Việt nam nằm bên Nhà Hát Lớn Hà nội, trông ra bờ sông Hồng, kể rằng hồi cuối

1959 khi chuẩn bị khai mạc Bảo Tàng, ông Hồ có đến xem để duyệt nội dung thuyết minh; khi thấy ảnh Hà Huy Tập treo cạnh ảnh Trần Phú, ông mỉm cười thốt ra với số cán bộ đi cùng: "Chú này đây hồi trước chú ấy phê bình bác dữ lắm đó! Rồi như sực nhớ ra đó là chuyện cũ cần giữ kín, ông vội đi sang phòng khác... Một tài liệu của Quốc Tế cộng sản gần đây được khui ra ở Moscou cho biết: Nguyễn Quốc còn bị đưa ra trước hội đồng kỷ luật của Quốc Tế và một ủy viên của hội đồng là Khang Sinh, một Béri của Đảng cộng sản Trung quốc, phụ trách an ninh! Phải chăng sự hoài nghi dai dẳng của Stalin đối với Nguyễn ái Quốc là lý do để Stalin chần chừ, chậm công nhận nước Việt nam Dân Chủ Cộng Hòa thành lập từ 2-9-1945, để đến tận năm 1950, gần 5 năm sau, chính phủ Liên xô mới chính thức công nhận, sau Trung Quốc vài tuần lễ.

Theo kể, Stalin trong cuộc gặp riêng ông Hồ Chí Minh trong điện Kremlin đã nhặn ngay ra ở ông già phương Đông gần 60 tuổi này anh thanh niên Nguyễn ái Quốc hơn 20 năm trước. Ông đi thẳng vào vấn đề, chất vấn ông Hồ hai điểm: vì sao giải tán Đảng cộng sản Đông Dương? vì sao chưa tiến hành Cải cách ruộng đất? ông Hồ đã trình bày với Stalin là việc giải tán Đảng cộng sản cuối năm

1945 chỉ là giải tán giả, trên thực tế là đảng lùi vào bí mật, với một bộ mặt giả, công khai là Hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác. Hai là cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp rất gay gắt nên cải cách ruộng đất phải chậm lại và đã làm cuộc vận động giảm tô, giảm tức. Stalin nghe, và, với bản chất thô bạo vốn có, chắc chắn đã cao giọng ra chỉ thị, phải sớm đưa đảng cộng sản ra công khai mà hoạt động, lúc này không còn là lúc người cộng sản phải giấu mình trong bóng tối; chính kháng chiến gay gắt lại cần làm cải cách ruộng đất để huy động tinh thần và lực lượng vật chất của nông dân vào cuộc chiến đấu, cần nhớ đấu tranh giai cấp và liên minh công nông, là hai nguyên lý cơ bản của cách mạng vô sản... Ông Hồ trở về.

Thế là Đảng cộng sản Việt nam mở Đại hội đảng cần thứ hai vào tháng 12-1951 ở Việt Bắc, đảng ra công khai với tên Đảng Lao Động Việt nam, cùng lúc với việc lập nên Đảng Nhân Dân Cách Mạng Lào và Đảng Nhân Dân Cách Mạng Cam Bốt. .

Theo cuốn hồi ký của Nikita Khrouchtchev bản tiếng Pháp: Mémoires inédits đo Pierre Girard dịch từ tiếng Anh, xuất bản năm 1991, thì trong chuyến ông Hồ sang Moscow, Staline đã tỏ ra rất trịch thượng. Khrouchtchev viết: "Tôi nhớ lại khi Hồ Chí Minh đến Moscow xin viện trợ về vật

chất vũ khí cho những người Việt nam đang chiến đấu chống sự chiếm đóng của Pháp, Staline đã không cho người Việt nam một cơ hội nào cả. Staline đối xử với Hồ Chí Minh như một sự phỉ báng. Trong một cuộc gặp, ông Hồ rút từ trong cặp ra cuốn họa báo LURSS en construction (Liên xô trong công cuộc xây dựng) và xin chữ ký. Staline xử sự theo cách luôn hoài nghi và kiểu bệnh hoạn của ông ta, nhìn thấy đâu cũng là những kẻ phản bội và do thám. Ông ta liền ký lên tờ báo nhưng ra lệnh cho công an mật thu hồi lại một cách bí mật? Sau đó Staline còn khôi hài với tôi: ông ta chắc vẫn còn ra sức tìm kiếm tờ báo ấy, nhưng chỉ phí công!

"Trong các cuộc gặp ông Hồ, việc Liên xô công nhận nước Việt nam Dân Chủ Cộng Hòa đã được quyết định. Thế nhưng sau đó Staline cứ tiếc mãi: "Chúng ta đã quá vội vàng trong việc ấy!

Vẫn chưa hết chuyện, Khrouchtchev còn kể tiếp: "Ông Hồ rất muốn cuộc đi thăm được công bố chính thức và ông ta được đón tiếp với tư cách là Chủ Tịch nước Việt nam. Staline đã bác bỏ yêu cầu ấy:

-- Chúng ta đã bỏ mất thời cơ ấy rồi; đồng chí đã đến một cách lặng lẽ (incognito) nên không thể công khai được nữa.

Ông Hồ vẫn đề nghị Staline cho một chiếc máy bay và chuẩn bị một bài diễn văn đón tiếp. Staline cười khi kể lại:
- Đó, ông ta muốn cả những chuyện ấy, nhưng tôi đã đáp lại là Không!...
Đó, tinh thần quốc tế vô sản của Staline là như thế!... Còn cải cách ruộng đất? Cần thấy rõ ông Hồ vẫn cố trì hoãn cải cách ruộng đất sau khi ở Moscou về. Cuộc kháng chiến rất khẩn trương, quyết liệt. Stalin ở xa... Tất cả cho chiến thắng. Chiến thắng sẽ làm rõ tất cả, sẽ biện minh cho chính kiến ông. Tôi có gặp một số bạn ở nước ngoài đặt vấn đề rằng: chính ông Hồ đã chủ trương tiến hành cải cách ruộng đất, cố tình phạm sai lầm trong cải cách (những sai lầm có tính toán), phá nát hết đình chùa miếu mạo, diệt hết các phong tục tập quán ở nông thôn, đảo lộn hết mọi quan hệ xã hội trong xóm làng, gia đình... nhằm xây dựng một hệ thống quan hệ hoàn toàn mới: chỉ có chi bộ đảng, các đoàn thể của đảng, mọi người dân buộc phải dựa vào đảng và tuân theo chỉ thị của đảng trong nhận thức, lao động cũng như tình cảm... Họ cho rằng sửa sai cũng chỉ là bùa phép xoa dịu khi ý đồ đã đạt được rồi! Tôi đã cố nhớ lại và suy nghĩ, và tôi cho rằng không phải vậy Không nên phỏng đoán, suy luận và gán ghép. Cần thật tỉnh táo và công bằng. Theo tôi, ông Hồ không mặn mà

lắm với cải cách ruộng đất. Trong việc này, ông bị sức ép của Mao, của Stalin. Ông có những tính toán riêng của mình. Thật ra trách nhiệm trực tiếp về cải cách ruộng đất là ở những người khác, tuy rằng ông là Chủ tịch nước và Chủ tịch đảng lúc ấy, ông phải chịu phần trách nhiệm rất lớn. Hồi ấy ông vẫn muốn để chậm lại công cuộc cải cách ruộng lất kháng chiến thắng lợi rồi sẽ hay...

Thế nhưng...

Bùi Tín

Mặt Thật

Bài toán của "anh Nhân"

Hồi ấy, ở Việt Bắc, các thế chính trị của "anh Nhân", tức ông Trường Chinh, còn khá là khiêm tốn. Vai trò của Đảng còn chưa sâu, chưa rộng. Trên báo Nhân Dân, trên đài phát thanh Tiếng Nói Việt nam, rất hiếm hoi khi người ta nghe đến Trường Chinh, Chủ tịch Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác, tên công khai của đảng khi đảng đã vào hoạt động bí mật từ cuối năm 1946. Vai trò của chính phủ kháng chiến là sâu và rộng. Tổ chức của chính phủ rất gọn, nhẹ. Các Bộ trưởng, Thứ trưởng phần lớn là các chuyên gia, trí thức, trong đó số còn ở ngoài đảng, có thực quyền không phải là ít. Đó là các ông Phan Anh, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Xiển, Nghiêm Xuân Yêm, Tạ Quang Bửu, Trịnh Văn Bính, Lê Đình Thám, Hoàng Minh Giám, Trần Duy Hưng, Phan Kế Toại, Lê Văn Hiến, Đặng Phúc Thông, Nguyễn Văn Huyên, Tôn Thất Tùng, Trần Hữu

Tước, Trần Công Tường, Trần Đại Nghĩa, Hồ Đắc Di...
(Ông Bùi Tín cũng sai nốt: Trần Công Tường là đảng viên cộng sản. trong phái đoàn đảng Nam Bộ ra Miền Bắc (trong số đó có cả Bảy Trấn), còn ông Phan Anh là đảng viên chính hiệu được đảng phân công chim mồi không đảng phái)
Sự phân biệt giữa đảng viên với người ngoài đảng còn rất nhẹ nhàng. Trên đây chỉ có ông Lê Văn Hiến, Trần Đại Nghĩa được dư luận biết là đảng viên, nhưng được chọn dùng như là trí thức, chuyên gia.
Lúc ấy ở miền Nam cũng theo tinh thần giống như ở miền Bắc. Chính quyền mới ở Nam Bộ được tuyển chọn trong những trí thức yêu nước khá xuất sắc. Đó là ông Phạm Văn Bạch, Chủ tịch ủy ban Kháng Chiến Hành Chánh Nam Bộ, từng đậu tiến sĩ luật học và cử nhân văn khoa ở Pháp về; bác sĩ Phạm Ngọc Thạch tốt nghiệp y khoa Paris; giáo sư toán học Phạm Thiều; giáo sư văn học Ca Văn Thỉnh; giáo sư vật lý Đặng Minh Trứ được đào tạo ở Pháp; kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát; nhà luật học Trần Công Tường; kỹ sư Nguyễn Ngọc Nhật và kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích tốt nghiệp trường bách khoa Paris; kỹ sư công nghiệp Kha Vạng Cân; nhà luật học Phạm Ngọc Thuần (anh ruột của đại tá Phạm Ngọc Thảo); luật sư Thái Văn Lung... Ông

Phan Văn Chương, đốc phủ sứ Sài Gòn nổi tiếng về am hiểu luật pháp và thanh liêm cũng tham gia chánh quyền mới. Trần Văn Giàu, một trí thức từng học và hoạt động ở Pháp, cũng từng là bạn học của Maurice Thorez (Pháp) và Broj Ti-to (Nam Tư) ở trường đào tạo cán bộ của Đệ Tam Quốc Tế ở Moscou, bị coi là "Việt Minh mới" và bị cánh "Việt Minh cũ của đảng cộng sản Đông Dương dèm pha và hạ thấp do tư tưởng bè phái và thành kiến. Họ chê trách Trần Văn Giàu đủ thứ: từ thành phần xuất thân địa chủ, không quan tâm đến số cán bộ cộng sản bị tù ở Côn Đảo để đưa về đất liền sớm, quá thân thiết với tướng Nguyễn Bình (nguyên là đảng viên Quốc Dân Đảng chuyển sang Đảng cộng sản Đông Dương). Ông Giàu còn bị lên án là có xu hướng thân Nhật khi chủ trương lập Thanh yên Tấn Phong (do ông Phạm Ngọc Thạch làm thủ lãnh chung và luật sư Thái Văn Lung là thủ lãnh ở Sài gòn-Gia Định). Ông không bị tù, từ nước ngoài về nên lẽ tất nhiên là bị những người cộng sản chuyên nghiệp ở trong nước dè chừng và không tín nhiệm...

Khi Quân Giải Phóng Nhân Dân Trung Quốc Nam tiến với thế chẻ tre, hai nước cộng sản sắp lập được thế liên hoàn một giải, ai nấy đều phấn khởi. Người phấn chấn hơn cả, chắc hẳn là "anh Nhân". Ai đã tiếp thu tư tưởng Mao sớm

nhất, sâu nhất, rõ ràng nhất? Ai cũng biết ông Trường Chinh, mang bí danh "anh Nhân" hoặc anh "Thận" là người đọc kỹ Trì Cửu Chiến, Tân Dân Chủ Luận, hai tác phẩm vào loại kinh điển chủ nghĩa Mao, và viết ra cuốn Kháng Chiến Nhất Định Thắng Lợi và Bàn về Dân Chủ Mới... Việt hóa cả nội dung và hình thức tư tưởng của Mao. Việc cóp-pi này quá là lộ liễu. Cứ theo y như Tàu, chia cuộc kháng chiến ra làm 3 giai đoạn: phòng ngự, cầm cự và tổng phản công. Về sau, không thể định rõ nổi là, ở Việt Nam, giai đoạn cầm cự bắt đầu từ bao giờ và từ thời gian nào thì sang giai đoạn tổng phản công? Cũng cần chỉ rõ cái tên Trường Chinh tất đã làm cho ông Mao và cận thần của ông ta gật gù khoái chí, vì cuộc vạn lý Trường Chinh là đặc sản Trung Hoa, là kỳ công của Đảng cộng sản Trung Quốc rút lui từ vùng Trung Nguyên lên phía Tây Bắc để bảo toàn lực lượng. Tổng bí thư Đảng cộng sản Đông Dương mang tên rất là "cộng sản Trung Quốc", còn gì hơn nữa!

Cùng phấn chấn đặc biệt với ông Trường Chinh để đón chào "đảng cộng sản Trung Quốc vĩ đại" là các ông Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Nguyễn Chí Thanh, Tố Hữu... những cán bộ đảng chuyên nghiệp kỳ cựu, trưởng thành từ các nhà tù đế quốc, không được học tập văn hóa có hệ

thống, không có một nghề chuyên môn nào ngoài cái nghề làm cách mạng. Cùng loại với số người trên là ông Lê Thanh Nghị ở Liên khu Ba, ông Hoàng Văn Hoan ở Liên khu Bốn, ông Nguyễn Duy Trinh ở Liên khu Nam, ông Lê Đức Thọ ở Nam bộ, ông Trần Quốc Hoàn ở vùng quanh thủ đô Hà nội, ông Đỗ Mười ở vùng đường số 5, ông Phạm Hùng ở Nam Bộ. Họ là những đại diện cho Trung ương ở các địa phương, làm công tác đảng chuyên nghiệp, không có nghề chuyên môn, cũng chỉ có nghề duy nhất là làm chính trị. Họ nhìn những người trí thức thật bằng những con mắt định kiến cố hữu của những người cách mạng vô sản chuyên nghiệp, nghĩa là theo con mắt của Mao. Trí thức đồng nghĩa với lập trường tiểu tư sản hoặc tư sản, đồng nghĩa với không vững vàng, hay giao động, họ luôn phải cải tạo, rèn luyện theo gương sáng của người cộng sản, nếu không, hiểu biết của họ không có giá trị bằng - xin lỗi các bạn, đây chính là chữ của Mao - cục phân? Vì phân còn có thể có ích bón ruộng, chứ trí thức dở hơi của các người thì chỉ có hại.

Do định kiến với giới trí thức, họ định kiến luôn đối với cả tri thức của nhân loại, khinh thị tri thức khoa học tự nhiên, tri thức kỹ thuật. Cái gốc của căn bệnh chủ quan, duy ý chí, coi chính trị là thống soái, chính trị quyết định tất cả,

cứ đảng muốn làm mọi chuyện đều thành... bắt nguồn từ thái độ cơ bản ấy của những người hoạt động cách mạng vô sản chuyên nghiệp vốn không có học vấn có hệ thống. Ông Nguyễn Khắc Viện có lần than vãn và nhận định: nền chuyên chính vô sản không đáng sợ bằng nền chuyên chính.. vô học, của những người vô học, khinh thường trí thức. Cũng cần nói thêm chính do không có học vấn thật sự nên họ áp dụng chuyên chính vô sản một cách máy móc và tác hại, đến độ Mác và Engels có sống lại cũng chỉ còn biết kêu trời một cách kinh hoàng? Có thể nói nhóm người sùng bái Mao Trạch Đông, làm cách mạng vô sản chuyên nghiệp đã tận lực vươn dậy "giành chính quyền" theo kiểu cách của họ, thông qua cuộc cải cách ruộng đất "long trời lở đất" và nhất là thông qua cuộc chỉnh đốn tổ chức tiếp theo đó. Họ có thế mạnh của cách mạng Trung Quốc đang toàn thắng, của đội ngũ cốvấn trung Quốc ào ạt xông sang, được họ sùng bái như những phái viên đặc biệt của Mao chủ tịch. Họ sớm nhận ra thời cơ thuận lợi. Sự chần chừ, không mặn mà của ông Hồ Chí Minh đối với cải cách ruộng đất không cản bước được họ. Họ thắng thế khi ở Đại Hội Đảng lần thứ 2, họ đưa được tư tưởng Mao vào điều lệ của Đảng, chính thức hóa, hợp pháp hóa lập trường của họ. Họ thực hiện một kiểu mi-ni "tạo phản"

theo lời dạy của Mao, người mà họ bắt đầu coi cao hơn ông Hồ, có thế lực mạnh hơn ông Hồ, vì chính ông Hồ cũng ngợi ca hết lời Mao. ở Đại hội đảng lần thứ 2, họ còn giành được thắng lợi lớn về tổ chức: Trung ương đảng và Bộ chính trị được bầu ở đại hội gồm phần lớn những nhà hoạt động cách mạng vô sản chuyên nghiệp, những đồ đệ trung thành tự nguyện của ông Mao.

Một bước ngoặt diễn ra mà ít ai nhận thấy rõ. Mao từng nói giành chính quyền là điều cơ bản nhất. Giai cấp nào, đảng nào, cho đến phe phái nào giành được chính quyền thì giai cấp ấy, đảng phái ấy, phe phái ấy sẽ có tất cả: quyền lực, quyền uy, chi phối tương lai, nắm hưởng đặc quyền, đặc lợi. ý đồ sâu xa của "anh Nhân" và những nhà cách mạng vô sản chuyên nghiệp được thực hiện: Các nhà trí thức kỹ thuật tham gia chính quyền, trong chính phủ kháng chiến và trong bộ máy từ trên xuống dưới bị thải loại dần, bị vô hiệu hóa, bị hạ xuống vai trò tượng trưng và trang trí. Những thực quyền họ từng sử đụng tuột dần khỏi họ. Các cuộc chỉnh huấn trong Cải cách ruộng đất đã bôi nhọ mặt mũi họ, xỉ vả, miệt thị họ, làm chính họ cũng mất hết tự tin, bị mặc cảm nặng nề về tội lỗi là đã do nền giáo dục đế quốc nhồi sọ... nhường chỗ cho những cán bộ xuất thân từ công nông, với đường lối tổ chức lấy

công nông làm cốt cán. Bị thải loại khỏi quyền lực, họ rời chính quyền để nhận việc ở Đảng Dân Chủ, ở Đảng Xã Hội, hai đảng được "nói" là bình đẳng với Đảng Lao Động Việt nam trong Mặt Trận Tổ Quốc Việt nam, nhưng trên thực tế chỉ là một tổ chức quần chúng loại hai của đảng. Nếu họ còn ở một vị trí chính quyền nào đó, dù là Bộ trưởng thì thực quyền cũng tuột khỏi tay họ, họ phải "hỏi"- thực tế là "xin" ý kiến của một vị Thứ trưởng là ủy viên trung ương đảng, là Bí thư đảng đoàn hoặc Bí thư đảng ủy, từ những chủ trương lớn cho đến những việc nhỏ nhất? Tình hình sau Cải cách ruộng đất là thế. Điều tệ hại này chưa bao giờ được công nhận là sai lầm để sửa chữa. Bi kịch, nỗi đau của các ông Hoàng Minh Giám Bộ trưởng Văn hóa, Nghiêm Xuân Yêm Bộ trưởng Nông nghiệp, Nguyễn Văn Huyên Bộ trưởng Giáo đục, Đặng Phúc Thông Bộ trưởng Giao Thông, Vũ Đình Tụng Bộ trưởng Y tế, Trần Đăng Khoa Bộ trưởng Thủy lợi, Phan Anh Bộ trưởng Ngoại thương, Tạ Quang Bửu Bộ trưởng Đại học, Phan Kế Toại Bộ trưởng Nội vụ không phải là bi kịch cá nhân. Không! Nó lớn hơn nhiều. Đó là bi kịch của cả một chế độ, một đất nước mất hết cái hồn dân tộc của chính mình; một đất nước buộc phải đặt cược tương lai ở những con người Tây, Tàu nào đó, các cụ râu ria nào đó, từ Mác,

Engels đến Stalin, Mao Trạch Đông, trong tay những nhà cách mạng chuyên nghiệp miệt thị trí thức, thành quả trí tuệ của loài người. Không có ánh sáng quý báu nhất ấy, đất nước vẫn hành quân hoài trong tăm tối... và nhân dân thân yêu của chúng ta phải trả giá, phải hứng chịu tất cả. Có thể nói đất nước một thời gian dài vừa qua nổi lên là anh hùng trong cuộc chiến tranh giành độc lập, mặt khác lại bị nghiền nát bởi một nền chuyên chính vô sản theo kiểu Stalin và Mao Trạch Đông, một nền chuyên chính nếu không phải là "vô học" như ông Nguyễn Khắc Viện đặt ra một cách hóm hỉnh thì cũng là một nền chuyên chính rất thiếu học thức và văn hóa, một chính quyền mà những nhà trí thức chân chính- tài giỏi chẳng kém gì đồng nghiệp ở các nước láng giềng- chỉ ở vị trí chầu rìa, những kẻ sỹ lỡ làng, ôm hận cho mình, cho giới mình và cho đất nước bất hạnh của mình.

Bùi Tín

Mặt Thật

Những tay phá phách

Trong Hoa Xuyên Tuyết, tôi đã cho rằng công cuộc sửa sai trong Cải cách ruộng đất còn hời hợt, không rút kinh nghiệm đến nơi đến chốn. Bởi vì nếu sớm phát hiện sai lầm và rút kinh nghiệm một cách thật sâu sắc thì chủ nghĩa Mao đã được phê phán quyết liệt, bản chất nông dân thiếu học đã được phơi trần. Thực tế đã không làm được như thế. Không ai dám đụng đến chủ nghĩa Mao, đến học thuyết đấu tranh giai cấp cực đoan, đến những biện pháp kỳ quặc: tố khổ, phản tỉnh, kiểm thảo... Ngược lại, khi những người cách mạng vô sản chuyên nghiệp "tạo phản" giành thêm được nhiều vị trí then chốt trong chính quyền, loại bỏ cả một lớp trí thức dân tộc yêu nước và có chuyên môn khá giỏi, thì ảnh hưởng của Mao lại tăng thêm. Cuộc dẹp bỏ thô bạo vụ Nhân Vàn Giai Phẩm diễn ra, và cuộc cải tạo Công thương nghiệp, loại bỏ giai cấp tư sản dân

tộc được thực hiện. Đây vẫn là theo kinh nghiệm của công cuộc cải tạo ở Thượng Hải, Thiên Tân, Bắc Kinh... vẫn là theo sự "giúp đỡ" của các "đồng chí phái viên đặc biệt của Mao chủ tịch" về cải tạo công thương nghiệp, của các đồng chí cố vấn, những "đồng chí Vương", "đồng chí Lưu... có nhiều kinh nghiệm nóng hổi về tận diệt nền sản xuất tư doanh. Điều may mắn nếu có chăng, là sau sai lầm cải cách ruộng đất, những hiện tượng diễn ra ở các thành phố đông đúc ở Trung Quốc như: trói tay các nhà tư sản giàu có nhất giải đi giữa đường phố đầu đội mũ lừa, bắt các nhà tư sản đi lao động khổ sai, bắn bỏ một vài nhà tư sản mang bảng hiệu cấu kết với bọn đế quốc... đã không tái diễn ở Việt nam. Số nhà tư sản "tự nguyện" hiến kho hàng, cửa hiệu, xí nghiệp, "tự nguyện" mang của chìm, của nổi "vui vẻ hiến dâng chính phủ và nhân dân chiếm số đông. Trên báo chí và trong các buổi nói chuyện, những quan niệm về lao động và bóc lột, về thợ và chủ, về công bằng và bất công xã hội được làm rõ, với khẩu hiệu trung tâm của Marx-Engel: những kẻ lược đoạt phải bị tước đoạt. Các cuộc phân định thành phần giại cấp diễn ra khá căng thẳng: ai là tư sản mại bản, tư sản phản động, tư sản kiêm địa chủ? Ai là tư sản thường? Ai là tư sản tiến bộ, tư sản dân tộc, tư sản yêu nước? Các cuộc tố khổ, tính sổ

bóc lột của tư sản, kể lể những thủ đoạn bóc lột, hà hiếp lao động, buôn gian bán lận, cân đo gian dối, buôn lậu, đầu óc tích trứ, tham tiền bất nhân, cá lớn nuốt cá bé, ăn chơi phè phỡn, sống sa đọa hưởng lạc... được phơi bày, thống kê, tính sổ. Trong đấu tranh đầy khí thế ở các thành thị, nhiều chuyện vô lý mà có thật diễn ra... Những hóa đơn, giấy tờ kinh doanh, quan hệ với các hãng, công ty ở Pháp, Hồng Ông... bị coi là tài liệu liên hệ với giai cáp tư sản đế quốc, cấu kết với bọn phản động quốc tế! Những bức ảnh riêng của gia đinh được ra triển lãm: vợ chồng hoặc người yêu khoác vai nhau trên bờ biển Đồ Sơn trong các bộ áo tẩm, cảnh cưới xin, đón đâu, ăn tiệc mừng thì bị chỉ trích là nếp sống bê tha, sa đọa, dửng mỡ của bọn tư sản, nếp sống đồi trụy của những gia đình bóc lột; những tác phẩm của Lamartine, Beaudelaire, và cả của Victor Hu go, tự điển Pháp... ở nhà riêng bị chụp cho là sùng bái văn hóa xấu xa của đế quốc; một số ông bà chủ sống giản dị, không hút thuốc, uống rượu, gần lao động thì bị kết luận ngay là giả dối, đóng kịch để lấy lòng thợ nhằm bóc lột nhiều hơn... Lập trường giai cấp là phải nhìn thấy tận đáy tâm can của bọn bóc lột, chúng không có một điều gì là tốt hết, sự thâm hiểm của chúng là không có giới hạn, không thể mơ hồ được? Sự nhận xét và phân loại về thái độ

chính thị của từng người tư sản do các đoàn cán bộ cải tạo thực hiện theo các mức: thông suốt với chính sách của chính phủ và của đảng (loại A); chấp hành chính sách (loại B); không thông suốt chính sách, có phản ứng giai cấp (loại C). ở mỗi loại lại xác định mức độ hơn kém, so sánh với nhau.

Một bà tư sản bán vải ở phố Hàng Đào ít lâu sau kể chuyện với bè bạn để cười đến chảy nước mắt. Chính sách của đảng dẫn đến chỗ các nhà tư sản phải đóng kịch. Có ông suốt đêm không ngủ, không phải vì tiếc của, mà chỉ sợ dọn cái bị liên lụy Vậy mà tỉnh dậy, soi gương là phải tập "cười"- vì các cán bộ cải tạo cũng lại rất ít học nên hay xem tướng! Anh buồn thiu sẽ bị quy kết là ngấm ngầm "có ý thức phản ứng giai cấp", và con cái sẽ không được đi học tiếp, không được vào đại học, cho nên ông cười luôn miệng và cũng vâng dạ luôn miệng... Và cái cười của ông biến mất sau khi cải tạo hoàn thành, nhưng cái kiểu vâng dạ còn tồn tại mãi về sau? Và nhà thơ Quang Dũng bị "nện" đúng vào thời điểm này.

Có thể nói chỉ vì một câu thơ! Anh bộ đội trẻ, khỏe, yêu đời, tinh nghịch nữa, tôi quen từ hồi ở Liên khu 3 cuối năm 1949 ấy có đôi ria mép thật đáng yêu. Những bài thơ Tây Tiến, Chiều Sơn Tây của anh bọn tiểu tư sản tạch tạch xè

chúng tôi luôn thuộc lòng, ngâm nga khi ngủ đêm trong rừng. Trong không khí đấu tranh giai cấp căng thẳng cải tạo tư sản ấy, trong một cuộc họp, nhà thơ Tố Hữu trùm tư tưởng văn hóa nhận xét: thơ Quang Dũng mang bản chất tiểu tư sản? Còn thêm chất tư sản nữa "Đêm mơ Hà nội dáng Kiều thơm" là cái gì? Mơ về bọn tiểu thư con cái tư sản! Không lành mạnh! Có thể ông Tố Hữu không có ác ý với Quang Dũng nhưng lời lãnh dạo là thuôn vàng thước ngọc. Cán bộ Tuyên huấn vội vã phổ biến rộng rãi, thêm thắt chút mắm muối và thế là Quang Dũng bỗng được "đề bạt" vào hàng ngũ Nhân Văn Giai Phẩm, nguy hiểm, bạn bè thưa thớt... để rồi về sau chết trong đói nghèo và ôm cả mối hận xuống suối vàng. Sau đó nhà văn Nguyễn Tuân cũng bị các ông trùm văn hóa chụp cho cái mũ tư sản to tướng chỉ vì một bài khá hay về Phở! Đấu tranh giai cấp hửng hực khí thế lại không viết, đi viết về phở! Đó là tinh thần hưởng thụ, nhấp nháp rung đùi của bọn án bám, bóc lột, bọn tư sản. Đó là chủ nghĩa cảm giác (lắm chủ nghĩa thế!) trong văn học! Cả một thời gian dài, Nguyễn Tuân nằm nhà vì bè bạn khi gặp thường xa lánh, không vồn vã bắt tay. Nỗi sợ "liên quan" với một nhà văn "có vấn đề chính trị"?

Một nhân vật xuất hiện trong cải tạo giai cấp tư sản khá

nổi ngay từ cuối năm 1956 là ông Đỗ Mười. Ông vốn là cán bộ chỉ huy mặt trận đường số 5 Hà nội-Hải Phòng, sau đó về làm Bí thư Thành ủy Hải Phòng. Ông được chuyển về Hà nội tham gia lãnh đạo "chiến dịch đánh tư sản", tên gọi bên trong của "cuộc vận động phát động quần chúng cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh". Đây là thời cơ của ông, vì ông có một cái "mác" trong lý lịch: thành phần giai cấp là thợ thủ công, thợ chữa khóa và sơn cửa rong từ 14, 15 tuổi ở vùng Vãn Điển, Thanh Trì, Phú Xuyên... Không có thợ từ các cơ sở công nghiệp lớn trong nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa mà Các Mác từng nghiên cứu, thì thợ thủ công cũng tạm được. Giá hỏi ông, ông bị bóc lột ra sao, bị ông chủ nào bóc lột đến tận xương tủy, thì ông cũng khó trả lời. Ông được được xếp là thành phần công nhân (!). Mà công nhân là giai cấp lãnh đạo, không chia sẻ cho ai! Ông "lập công" lớn ở Hải Phòng, đặc biệt là Hà nội, rồi Nam Định... Ông hay nói, nói nhiều ở các cuộc họp, và bao giờ cũng nói rất mạnh, tay chặt xuống liên tục như đang băm vằm kẻ địch, nói đến khản cổ vẫn còn muốn nói hoài. Ông bận đấu tranh, không có thì giờ học bất cứ thứ ngoại ngữ nào, dù là tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Tàu hay tiếng Nga. Nhưng ông biết đủ chuyện để có thể thao thao nói về mọi đề tài, về mọi khu vực và quốc

gia,về khoa học xã hội, và kỹ thuật...
Khi đảng quyết định xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước sau tháng 4 năm 1975 thì Bộ Chính Trị liền xuất tướng vào Nam để chỉ huy công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Ông Đỗ Mười được chỉ định làm "tư lệnh": Trưởng ban Chỉ đạo cải tạo công thương nghiệp toàn miền Nam, với 6 vị phó ban. Riêng ở Sài Gòn, địa bàn quan trọng và phức tạp nhất, ông thành lập cơ quan chỉ đạo và 11 đoàn công tác. Đoàn viên lấy cán bộ quân đội và công an làm nòng cốt, cán bộ các cơ quan khác bổ xung thêm thắt vào các đoàn ấy Quân đội có 6 đoàn do ông Nam Trần, tên thật là Trần Văn Danh, Phó tư lệnh Quân khu 7 chỉ huy. Lực lượng công an có 5 đoàn do ông Cao Đăng Chiếm, bí danh là Sáu Hoàng chỉ huy. Tôi quen ông Năm Trần từ hồi 1973, ở trại Davis trong sân bay Tân Sơn Nhất, khi ông làm phó đoàn của chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt nam trong Ban Liên Hợp quân sự 4 bên. Ông vốn là cán bộ quân báo. Về sau này ông là Thứ trưởng Bộ xây dựng, phụ trách chỉ huy việc xây dựng nhà máy thủy điện Trị An. Hồi cải tạo tư sản, ông thường báo tin riêng cho tôi tới tham dự các cuộc giao ban hàng ngày ở ngay tại Hội Trường Thống Nhất, dinh Độc Lập. Tôi bắt đầu quen ông Sáu Hoàng ngày 30 tháng 4 năm

1975 ở Dinh Độc Lập. Công bằng mà nói, ông mới là người chính thức được ông Huỳnh Tấn Phát, Thủ tướng Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt nam, giao nhiệm vụ vào Sài Gòn để tiếp nhận chính quyền Sài Gòn. Ông vào có phần chậm, vào khoảng 3 giờ chiều. Ông gặp đủ mặt những người trong chính phủ Dương Văn Minh ở lại trong dinh Độc Lập lúc ấy. Tôi còn nhớ rõ sau đó ông Dương Văn Minh hỏi tôi: ông Sáu Hoàng có phải là ông Cao Đăng Chiếm hồi 1945 là chỉ huy Tự vệ cuộc của Sài Gòn không? Tôi trả lời là chính ông ta đó! Trong thời gian cải tạo tư sản, ông Sáu Hoàng đặt bản doanh ở trụ sở Bộ tư lệnh Công An thành phố (Cảnh sát Đô thành cũ) trên đường Trần Hưng Đạo. Chính ông đã kể cho tôi về các ông "vua lúa gạo, "vua" sắt phế thải, "vua" hóa chất, "vua" nông cơ... đề tài sản, quá trình làm giàu và thái độ của họ trong cải tạo.

Tôi thường nghĩ rằng những người lãnh đạo cộng sản có vẻ thiện nghệ về các cuộc vận động "phá", mang tính chất phá hoại hơn là trong sự nghiệp xây, những công việc mang tính chất xây dựng. Chiến tranh là phá. Cao nhất là "phá hoại" sinh lực đối phương. Tôi đã dự những chiến dịch phá thành phố Vinh hồi 1946; chỉ vài tuần, những nhà cửa dinh thự xây dựng hàng trăm năm đổ sập. Không còn

lấy một bức tường nhỏ. Dụng cụ phá rất đơn giản, gậy sắt lớn, thoáng, đục. Và hiệu quả lớn nhất là bộ húc tường làm bằng 3 thanh sắt đường xe lửa buộc chụm chéo vào nhau, từ đó treo một thanh sắt để thọc vào tường, trông giống như chiếc gàu dai tát nước. Cứ thế mà thọc, tường thủng dần và sụp rất nhanh... Cái dụng cụ phá đơn giản vậy, việc làm đơn giản vậy, nhưng xây dựng thì phức tạp gấp hàng triệu dân. Tiêu thổ kháng chiến chỉ vài buổi, còn xây dựng một thành phố, phải vài chục tới hàng trăm năm! Ai cũng biết trồng cho rừng cây mọc phải mất 10 năm, 20 năm, hoặc hàng tràm năm. Nhưng chặt cây xuống thì chỉ một tháng!

Trồng người cũng thế. Luyện thành người tốt, người tài, người có tâm hồn đẹp, có hiểu biết rộng, thật công phu. Nhưng khi xã hội suy đồi, con người xuống cấp, sa sút, bàng hoại về phẩm chất rất nhanh. Đó là tình trạng hiện nay. Nghĩ đến khi phải dựng dậy mà kinh, xây dựng con người trở lại tốt đẹp phải hàng thế hệ, và biết bao công sức, điều kiện! Những người cổ súy đấu tranh giai cấp một cách cực đoan, sùng bái bạo lực, khẩu súng, mang tư tưởng phá phách, diệt trừ... rõ ràng không có khả năng để xây dựng nên một xã hội gồm những con người tốt và đẹp, dù cho họ nói miệng hàng triệu dân về con người mới. Họ

thích dùng, quen dùng "chiếc máy nghiền" hơn là chiếc com-pa, máy tính, cần trục, sách vở và tâm tình.

Giữa năm 1992, ở Paris, tôi gặp một anh nghiên cứu sinh trẻ ở một viện thuộc khoa học xã hội từ Hà nội sang. Tôi đi với một anh bạn Việt Kiều từng ở Pháp gần 30 năm quen anh nghiên cứu sinh này từ trước. Anh không biết tôi, chắc nghĩ rằng tôi cũng đã ở bên này rất lâu. Chúng tôi nói về dân chủ, về cuộc bầu cử ở bên nhà, về những nhân vật lãnh đạo. Anh bạn Việt Kiều hỏi anh nghiên cứu sinh trẻ về Tổng bí thư Đỗ Mười. Thế là anh bạn trẻ hốc lên: "Ông Mười à? Các anh chẳng biết gì cả! Hừ. Ông ấy là người phá phách! Bọn tôi ở Hà nội đều nghĩ thế. Diệt tư hữu, diệt tư sản dân tộc miền Bắc là ông ấy. Diệt tư sản miền Nam cũng là ông ấy. Trưởng ban cải tạo kia mà! Để bây giờ lại kêu gọi người ta bỏ vốn ra làm ăn, sản xuất! Các ông chẳng biết gì cả! Ai ỉa (xin lỗi bạn đọc, tôi xin phép ghi nguyên lời anh bạn trí thức trẻ) một đống ở Xuân Mai, mua xi măng, sắt thép làm bao nhiêu là nền nhà, định dựng thành phố thủ phủ Hà Sơn Bình, rồi bỏ đó? Tốn bao nhiêu các ông biết không? Hàng chục tỷ. Rồi ai ỉa một đống nữa ở Xuân Hòa (ở gần thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phú) định đưa trung tâm thủ đô lên đó, tốn bao nhiêu xi măng, sắt thép, rồi lại quẳng đó?

"Còn các ông nói về bầu cử ở đại hội đảng và bầu quốc hội à? Các ông chẳng biết gì cả? Bầu bán cái gì. Các ông ấy chia ghế với nhau, phân vai cả rồi, tiền chế mà lỵ? Sau đó buộc dân phải bỏ phiếu, thế thôi! Tự chọn, tự chọn cả. Các ông cứ hỏi quý vị ấy, sẽ rõ. Cứ hỏi thế này này: Xin các ngài vắt tay lên trán, nghĩ kỹ xem có phải quý ngài được nhân dân lựa chọn và tín nhiệm hay không? Các ngài sẽ đỏ mặt, ngậm hột thị cho mà xem!"

Anh bạn Việt Kiều và tôi hỏi anh ta, về Hà nội, anh có dám nói vậy không? Đang đà hăng, anh ta cười to, lắc đầu: chưa, chưa dám. Nhưng bạn bè hiểu nhau gặp nhau thì sợ gì, nói hết, nói còn hơn thế ấy chứ. Trí thức trong nước chúng tôi ức lắm chứ, cay lắm chứ, họ dở trò gì chúng tôi biết ngay, hiểu ngay chứ, chúng tôi có phải trẻ con đâu mà xỏ mũi được. Rồi sẽ đến lúc chứ...

Tôi và anh bạn Việt kiều gợi lại khẩu khí hùng hồn của anh khi hỏi về vị tướng Lê Đức Anh được 100 phần trăm phiếu bầu ở Quốc Hội. Anh lại hăng máu: "Đó, các ông thấy không. Họ làm toàn chuyện ngược đời. Thái Lan chế độ quân phiệt hàng mấy chục năm bị đổ. Dân đòi phải lập chính quyền dân sự. Thì phải lập. Lập rồi. ở Nam Hàn, chính phủ quân phiệt cũng hết rồi! Ta lại làm ngược, đưa ông tướng lên. Mà ông này trí thức chúng tôi chẳng ai biết

ông ta là ai cả. Chỉ biết rằng ông ta chỉ biết làm chiến tranh ở Cam Bốt để bị cả thế giới trừng phạt. Mà lúc này là xây dựng, là phát triển. Tư duy của ông ta là tư duy tàn phá, tư duy chiến tranh, tư duy đối đầu. Trong khi cần tư duy kinh tế, tư duy xây dựng. Họ toàn làm ngược! Họ phá nát hết..." Đúng là khẩu khí mới của trí thức trẻ, biết tức giận, biết nổi giận, trước hiện tình đất nước.

Bùi Tín

Mặt Thật

Tha thiết xin được... chết?

Tôi cố nhớ lại cái thời cải tạo ở miền Bắc hồi 1957, 1958 và cải tạo ở men Nam 1977, 1978... Những con người duy ý chí như ông Tố Hữu phụ trách việc cải tạo nông nghiệp và ông Đỗ Mười phụ trách cải tạo công thương nghiệp nghĩ và còn buộc mọi người phải nghĩ theo là cứ cải tạo là có chủ nghĩa xã hội. Họ làm ngược với lý luận của Mác về quan hệ giữa sức sản xuất với quan hệ sản xuất. Mác nhắc đi nhắc lại rằng phải để cho sức sản xuất phát triển sung mãn như quả trứng phải chờ cho hình thành con gà con, như người mẹ phải chờ 9 tháng 10 ngày sau khi bắt đầu mang bầu mới có thể chuyển sang thời kỳ mới. Cũng mấy theo ý muốn chủ quan cũng chiu, sẽ bị thất bại, bị trừng phạt.

ở Việt nam, sức sản xuất tư bản chủ nghĩa mới manh nha. Những người cộng sản Việt nam sốt ruột, nôn nóng,

chuyên làm các chuyện trái khoáy, ngược quy luật, cưỡng bức. ở nông thôn cũng thế, vừa mới chia ruộng, người nông dân chưa kịp hưởng quyền sở hữu về mảnh ruộng của mình thì đã buộc họ vào hợp tác xã, đi tập thể ra đồng theo tiếng kẻng! Phương thức sản xuất tư bản vừa khởi đầu với một số nhà kinh doanh non trẻ thì họ đã giật mình nghe đến: bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa để tiến lên chủ nghĩa xã hội

Họ theo gương Stalin, sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Nga còn rất yếu so với Tây Âu, vậy mà cũng cứ liều đi lên chủ nghĩa xã hội. Lại còn khoe đã hoàn thành bước đầu chủ nghĩa xã hội từ năm 1932, cả xã hội đã không còn và sẽ không bao giờ có thất nghiệp và khủng hoảng! Sau đó còn huênh hoang từ hồi những năm 70 là hoàn thành về cơ bản việc xây dựng chủ nghĩa xã hội! Từ nay là bước vào thời kỳ lịch sử mới: xây dưng cơ sở vật chất của chủ nghĩa cộng sản! Họ cũng theo gương ông Mao để nhảy vọt, nhảy vọt hoài, nhảy vọt mãi, mà cứ toàn nhảy vọt... lùi lại phía sau! Báo Đức vừa nhận định, Trung Quốc ngày nay dưới sự lãnh đạo của ông Đặng Tiểu Bình đang quá độ từ chủ nghĩa xã hội sang... chủ nghĩa tư bản!

Bao nhiêu điều rõ như ban ngày như vậy, nhưng những người lãnh đạo Đảng cộng sản Việt nam vẫn cứ khẳng

định liều là đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, rằng đến 1995 sẽ cơ bản giải quyết xong cuộc khủng hoảng và đến năm 2.000 thu nhập hằng năm theo đầu người sẽ đạt 400 đô la/năm, dù cho số dân được dự kiến sẽ đạt trên 80 triệu! Họ đâu có thiếu đầu óc "lãng mạn" và "trí tưởng tượng"! Và họ cũng không thiếu thông minh! Thông minh" theo nghĩa những mưu mẹo vặt. Họ thiếu cách nhìn thoáng đạt, nhưng mưu mẹo thì không thiếu ở những bước cuối cùng của công cuộc cải tạo công thương nghiệp! Mỗi người tư sản được quyền", được "phép biếu tài sản nổi và chìm của mình. Điều này lâ "tự giác" thôi. Không ai bị bắt buộc cả? Họ phải làm đơn, và sau khi nộp đơn, còn phải hồi hộp chờ xem chính phủ và đảng có vui lòng tiếp nhận hay không! Họ cũng phải nộp đơn xin vào công ty hợp doanh, và thấp thỏm chờ xem có được nhận vào hợp doanh hay không! Không có công thức sẵn cho những lá đơn áy. Đã có cán bộ gợi ý và hướng dẫn cung cách viết đơn, sao cho thật tha thiết, chân thành. Nào là được cải tạo là một vinh dự to lớn, là hạnh phúc cho bản thân và cả gia đình, nào là được phấn đấu để trở thành người lao động vốn là mong ước thầm kín ấp ủ từ lâu nào là nay xin hiến cơ sở sản xuất kinh đoành một cách hoàn toàn tự giác và tự nguyện, rất mong được các cấp cứu xét

và tiếp nhận cho. Rồi lại còn nguyện chấp hành thật tốt mọi chính sách của đảng và nhà nước... ấy là vì chỉ sau khi được chấp nhận việc hiến các cơ sở hoặc được vào công tư hợp doanh rồi thì người tư sản mới được cất cái mũ tư sản xấu xa tủi hổ, để được vinh dự nhận vào Mặt Trận Tổ Quốc, vào Hội công thương gia yêu nước, có khi còn được là Phó giám đốc xí nghiệp hoặc cửa hàng... Và con cái họ mới được đi học bình thường, với lời phê trong lý lịch và học bạ: gia đình chấp hành tốt chính sách của Đảng và nhà nước. Đó là vinh dự của cụ Ngô Tử Hạ, cụ Nguyễn Sơn Hà, ông Bùi Hưng Gia, ông bà Trịnh Văn Bô... tuy gần như trắng tay nhưng lại có thể tự hào đã trở nên nhân vật xã hội được trọng nể, không còn bị khinh thị như khi bắt đầu cuộc cải tạo.

ở miền Nam, việc xin hiến dâng tài sản đại thể cũng là như thế. Cái khác là so với miền Bắc tài sản của bà con tư sản lớn hơn nhiều. Cả từng dãy nhà lầu cho thuê của tư sản nhà đất, những đoàn xe tải, từng đoàn thuyền máy của tư sản vận tải, những nhà máy cỡ bự với hàng tràm máy dệt, máy sợi, những cơ sở nông cơ, lắp máy truyền thanh, máy vô tuyến truyền hình, rồi các xí nghiệp làm xà phòng, thuốc lá, bóng đèn, phích nước, làm sữa hộp, nước mắm... đều được các ông bà chủ "tự nguyện", vui vẻ "xin được hiến

dâng cho đảng và chính phủ, và cảm thấy "hạnh phúc" được đổi đời để trở thành người lao động vẻ vang.
Một nhà kinh doanh nổi tiếng một thời ở Sài Gòn am hiểu sâu sắc các chính sách của chế độ cộng sản, nhận xét rằng: tôi sống qua hai chế độ, hiểu họ khá rô. Ví như anh có vườn cây ao cá với nhà ở. Dưới chế độ ông Thiệu thì bọn lính đi qua, chúng hái trụi trái cây, bắt gà vịt, đánh cá ăn nhậu, phá nát cả vườn... Nhưng vẫn còn ao, còn vườn, còn đất của mình. Còn chế độ cộng sản, họ không đụng đến một cây cải, một quả trứng gà, có vẻ tốt vậy đó. Thế rồi, rụp một cái họ lấy của mình luôn cả nhà, cả vườn, cả ao, cứ êm như không, mà lại còn ra vẻ làm phúc cho mình nữa. Họ là những người bậc thầy về tước đoạt! Người có của cứ phải cười mà tha thiết xin họ cho mình được... chết!
Ông cười cay đắng: "Chủ nghĩa Mác-Lênin thâm thật!"

Bùi Tín

Mặt Thật

Ba nhân vật vắng bóng

Do chính sách cải tạo vội vã "nhảy vọt" lên chủ nghĩa xã hội nên cả một tầng lớp nhà kinh doanh non trẻ đã bị "tận diệt". Họ bị diệt không phải về xác thịt, mà về hoạt động kinh doanh. Họ là những người am hiểu sản xuất, dựng xưởng, chọn công nhân, theo dõi quy trình sản xuất, bén nhạy với thị trường giá cả trong và ngoài nước. Họ là nhân vật quyết định cho sức sản xuất phái triển. Họ có vốn, cả vốn tài chính và vốn hiểu biết, kinh nghiệm. Trong cuốn Tư Bản Luận, Marx đã đánh giá rất cao lớp nhân vật này, từ khi chủ nghĩa tư bản bắt đầu xuất hiện cho đến khi nó trưởng thành vững chắc. Họ là nhàn vật trung tâm của chế độ. Họ giương cao lá cờ tự do, dân chủ. Lao động coi họ là án nhân, là người tạo công an việc làm ngày càng nhiều, trả cho người lao động then lương hợp lý, cùng nhau đòi quyền tự do và dân chủ. Mâu thuẫn giữa chủ và

thợ chưa thành xung đột dữ dội... Chính họ là tầng lớp quan trọng nhất đã tạo nên những con rồng ở Singapore, ở Hồng công, ở Nam Hàn và Đài Loan. Ông Lý Quang Diệu mà một hồi những người lãnh đạo cao nhất ở Hà nội suy tôn là bậc thầy, là nhân vật tiêu biểu cho tầng lớp ấy, tầng lớp mà chính họ đã ra tay tận diệt một cách mù quáng và dại dột, với những thủ đoạn khôn khéo kể trên, làm hại cho toàn xã hội, làm điêu đứng cả người lao động. Bây giờ đất nước lại cần đến những nhân vật ấy, những Nhân vật kinh doanh. Báo Asahi, Nhật Bản đã tổng kết từ đầu những năm 70 rằng, xã hội phát triển cần đến 3 loại nhân vật: nhân vật kinh doanh, nhân vật khoa học kỹ thuật và nhân vật chính trị. Con người là vốn gốc. Nếu có đủ ba loại nhân vật nói trên, và với chất lượng cao, thì sẽ có phát triển. Nhân vật kinh doanh được kể đầu tiên vì họ thúc đẩy sự phát triển của kinh tế, nền tảng của xã hội. Vãn học nước Mỹ và văn học Nhật Bản ca ngợi đặc biệt những con người từ nghèo kém, tay không, vốn liếng ít trở thành triệu phú một cách chính đáng. Họ có nghị lực, có óc tổ chức, sáng tạo, biết tạo thời cơ và tận dụng thời cơ, dẫn đến thành đạt. Họ được cả xã hội, cả dân tộc quý trọng, vị nể. Tôi được gặp một số người thành đạt như thế trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Họ bị những chiến dịch cải

tạo ở Sài Gòn xua đuổi ra nước ngoài, mất hết vốn liếng, họ làm lại từ đầu và thành đại có người thành đạt lớn? Hiện nay ở trong nước vẫn chưa có đủ điều kiện môi trường cạnh tranh lành mạnh và pháp luật đầy đủ để có thể xuất hiện một lớp nhân vật kinh doanh mới, một tầng lớp đã từng bị chính quyền lên án, miệt thị và thủ tiêu. Loại nhân vật cụ thể thứ hai đang vắng bóng là những nhà luật sư tự do. Đất nước vẫn chưa có Trường Đại Học Luật hẳn hoi, vần thiếu luật về dân sự và luật thương mại (đang nhờ nước Pháp giúp!) và nhiều bộ luật khác; luật sư hiện nay đều là luật sư của nhà nước, bênh vực nhà nước. ở một xã hội pháp quyền, vị trí người luật sư tự do rất hệ trọng; họ bảo vệ quyền lợi, danh dự, tài sản, quyền tự do của công dân, không để ai xâm phạm dù đó là các quan chức cấp cao nhất, dù đó là cơ quan nhà nước. Không ai có thể làm càn được. Tại đó nghề luật sư được coi trọng; việc làm luật, bổ xung luật, sửa chữa luật diễn ra hang ngày; luật lệ tôn nghiêm, xử án công minh. Người công dán sống đàng hoàng, nếu không phạm luật thì không phải sợ ai hết, ung dung tự tại. Đến bao giờ nước ta mới có luật sư tự do, có đủ luật, luật phát được mọi người tôn trọng? Đảng sẽ không có quyền can thiệp đến luật pháp, bóp méo luật pháp, xử án tùy tiện, bênh kẻ gian, lrị người ngay. Những

người lãnh đạo cao nhất của đảng cũng sẽ phải bị truy tố khi phạm pháp, còn ngồi trên luật pháp? Không có luật pháp nghiêm chỉnh thì sẽ là một kiểu luật rừng! Hiện nay những người lãnh đạo có nói đến luật, đến thảo ra luật mới, đến tôn trọng pháp luật, nhưng họ không thật lòng, họ miễn cưỡng phải nói đến mà không thật tâm thực hiện!
Loại nhân vật cụ thể thứ ba rất cần cho xã hội hiện đại mà hiện nay vắng bóng đó là những nhà làm báo tự do. Họ là những người viết báo, bao gồm cả người làm báo nói, báo điện tử, phóng viên truyền thanh và vô tuyến truyền hình. Họ thành một đội ngũ đông đảo, tạo nên công luận xã hội. Họ có quyền phê phán, nhận xét, khen chê chính phủ, Tổng Thống, Bộ trưởng... Không có ai có thể cản trở, ngăn cấm. Đồng thời họ chịu trách nhiệm trước luật pháp và công luận. Họ sẽ bị tù tội nếu vu cáo. Họ thay mặt công luận trong xã hội chất vấn về mọi vấn đề, mọi nhân vật và bắt buộc những người ấy phải trả lời. Họ tạo nên quyền lực thứ tư, ngoài quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; không có báo chí tự do thì dân chủ chỉ là dân chủ giả, dân chủ què quặt.
ở nước ta Hiến pháp công nhận quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, nhưng luật báo chí lại cấm báo tư nhân. Luật ấy là vi hiến, là ngược với hiến pháp. Việc cấm báo

tư nhân chứng tỏ đảng và chính phủ hiện nay rất sợ công luận, chỉ muốn nghe lời mình nói, rất sợ dân chủ, sợ quyền tự do của công dân. Cần hiểu trọng trong xã hội dân chủ một tờ báo tư nhân không đàng hoàng, viết láo, vu khống sẽ bị phá sản sớm vì bị phạt vạ và xã hội tẩy chay. Sự thiếu vắng trong xã hội Việt nam ba loại nhân vật cụ thể trên đây, bắt nguồn sâu xa từ Mác, Lênin và chủ thuyết của các ông này. Chủ nghĩa Mác Lênin bỏ qua không bàn đến việc thiết lập một xã hội công dân dưới chủ nghĩa xã hội.

Họ cường điệu bản chất giai cấp và đấu tranh giai cấp, nhấn mạnh đến chuyên chính của giai cấp vô sản, đặt đảng ở trên pháp luật. Họ không hề nghĩ đến xây dựng một xã hội dân sự mang lại cho người công dân những quyền lực đầy đủ nhất và tạo ra mọi điều kiện cho việc thực hiện những quyền ấy trong đời sống hàng ngày. Cái lỗ hổng lớn này là một nguyên nhân rất cơ bản dẫn đến sự sụp đổ hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa hiện thực trong thời gian gần đây. Câu nói của Lênin về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa cao gấp nhiều dân nền dân chủ tư sản chỉ là sự nói dối, thành một điều mỉa mai khổng lồ! Công cuộc đổi mới ở Việt nam hiện nay, về mặt nhân sự không chú trọng tạo nên một lớp người kinh doanh có tài năng,

một loạt luật sư tự do có công tâm và tay nghề giỏi, một đội ngũ phóng viên và nhà báo tự do (cả báo viết và báo nói) với các đài phát thanh và trạm vô tuyến truyền hình tư nhãn thì đổi mới vẫn chỉ là có đổi mà không mới, có thay mà không đổi. Sẽ vẫn là một xã hội chậm tiến, không sao hòa nhập với thế giới hiện đại!

Bùi Tín

Mặt Thật

Bức thư của ông Phan Chu Trinh

Ông Hồ Chí Minh được coi là người truyền bá mạnh mẽ chủ nghĩa Mác Lé Nin, rồi cả chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa Mao ở Việt nam. Ông làm công việc tuyên truyền, giới thiệu các chủ nghĩa này với tất cả lòng hãng hái, tận tâm, cơi đó là cẩm nang, là vũ khí, lý luận và tư tưởng, là chân lý dẫn đến độc lập, giải phóng, hạnh phúc ở Việt nam, ở Đông Dương và khắp mọi nơi. ông đúng hay sai? Việc ông làm là công hay là tội? Hay là ông đúng bao nhiêu phần, sai bao nhiêu phần? Công nhiêu hơn tội hay là tội nhiều hơn công? Đây là vấn đề rất rộng lớn, khá phức tạp, không thể có câu trả lời đơn giản, gọn ghẽ được. Đầy cũng là vấn đề lịch sử có liên quan đến vần mệnh của đất nước, đến đánh giá quá khứ hiện tại và nhìn tới tương lai của nước Việt nam ta.

Đây cũng là vấn đề đang có nhiều chính kiến khác nhau

nhất, thậm chí trái ngược nhau nhất.
ở trong nước, việc đánh giá lại ông Hồ Chí Minh là điều cấm kỵ một cách tuyệt đối. Vì ông là chỗ dựa cuối cùng để những người lãnh đạo duy trì con đường "xã hội chủ nghĩa", "giữ vững ổn định chính trị" có nghĩa là họ không bị mất quyền lãnh đạo.
Họ vin cớ là Chủ Tịch Hồ Chí Minh đã chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội rồi thì không thể có được con đường nào khác nữa. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã được đóng đinh vào cương lĩnh Đảng, điều lệ Đảng và Hiến pháp 1992 rồi.
Nhà báo Kim Hạnh chỉ giới thiệu về cuốn sách của giáo sư sử học Daniel Hemery, nói rằng hồi trẻ ông Hồ có thể có vợ ở Trung Quốc, đã lập tức bị mất chức tổng biên tập báo Tuổi Trẻ. Ông Bùi Đình Kế, cục trưởng cục lưu trữ quốc gia viết một bài tương tự trên báo Nhân Dân Chủ Nhật cũng bị khiển trách rồi "cho về hưu. Lập luận của Ban Văn hóa và Tư Tưởng là: tất cả những chuyện kể trên đều là bịa đặt bậy bạ với ý đồ xấu xa phá hoại đất nước. Ông Hồ được cả thế giới trước sau ngưỡng mộ, nếu không thì sao năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của ông, UNESCO (Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên Hiệp Quốc) lại tổ chức kỷ niệm long trọng ở khắp các lục địa, coi ông là một nhà văn hóa kiệt xuất của nhân

loại? Họ giấu rất kỹ cuộc tranh luận gay go hồi ấy ở phương Tây về vần đề này, do đó cuối cùng việc tổ chức kỷ niệm ở UNESCO đã diễn ra chiếu lệ, và chỉ có những cuộc kỷ niệm ở Hà nội, ở La Havana (Cua), sau đó ở New Delhi (ấn Độ).

Bộ máy tuyên truyền ở trong nước vẫn giữ nguyên sự đánh giá chính thống về ông Hồ: nhân vật anh hùng, sáng suốt, khai quốc công thần, vĩ đại nhất trong lịch sử Việt nam, mẫu mực về đạo đức, nhà cách mạng tuyệt vời, người Mác xít Lêninít kiên định và sáng tạo, người chiến sĩ quốc tế vô sản kiểu mẫu, nhà lý luận, nhà triết học, nhà thơ, nhà báo, nhà giáo dục... kiệt xuất của dân tộc, vượt qua tất cả các anh hùng trước đây của dân tộc ta. Theo họ đây là vấn đề không cần, không thể đưa ra bàn cãi...

ở phía những người quốc gia có ý kiến cực đoan nhất thì sự đánh giá về ông Hồ là hoàn toàn tiêu cực. Đó là một con người đầy thủ đoạn, giả dối, độc ác, tàn bạo, là người đã chủ trương thủ tiêu mọi đối thủ chính trị ở các đảng phái chính trị khác, như Việt nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt, Duy Dân... là một nhân viên trung thành phục vụ cho đệ tam quốc tế, là người chiu trách nhiệm chính trong vụ đàn áp văn học Nhân văn Giai Phẩm, trong những sai lầm của cải cách ruộng đất Có người còn cho rằng ông đã lấy

thơ của người khác nhận là của mình để in tập Thơ Trong Tù (Ngục Trung Nhật Ký). Có người còn tố cáo rằng chính ông Hồ Chí Minh đã mật báo cho mật thám Pháp bắt cụ Phan Bội Châu ở Hương Cảng... Cũng có người còn phỏng đoán một cách tự tin rằng chính ông Hồ Chí Minh đã tự vẽ kiểu lăng Hồ Chí Minh cho bản thân mình để tồn tại mãi với hậu thế như một ông vua!

Tôi nghĩ rằng đánh giá một con người trước hết cần khách quan và công bằng, không nên dự đoán và suy diễn. Cũng cần tước bỏ những huyền thoại được thêu dệt thêm do tệ sùng bái cá nhân. Ông Hồ là một con người, không phải là một vị thánh, nên có ưu điểm, có khuyết điểm, có thể có sai lầm nửa, là điều tự nhiên và tát yếu. . .

Trong Hoa Xuyên Tuyết tôi đã nói lên một vài ý kiến của tôi về ông Hồ. Lập tức ở Hà nội, bộ máy tuyên truyền được lệnh lên án tôi là "đã dấn thêm một bước trên con đường phản bội vì đã xuyên tạc về bác Hồ". Hồi ấy, tôi mới chỉ nhận xét rằng hồi 1945, mới 55 tuổi, ông tự nhận là cha già dân tộc và xưng bác với đồng bào, trong đó có cả cụ già 70, 80 tuổi là không ổn. Rằng ông viết về bản thân mình, ký tên là Trần Dân Tiên và T. Lan, tự khen mình là vĩ đại hơn Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, tự nói về mình rằng: "Bác Hồ rất khiêm tốn, người không bao giờ muốn nói đến bản

thân mình... thì thật là mỉa mai đến buồn cười!
Trên báo chí ở hải ngoại, có người lên án tôi là còn ca ngợi ông Hồ Chí Minh là người yêu nước thì không thể chấp nhận được, dù cho rằng yêu nước theo kiểu của ông ấy. Họ cũng bác bỏ ý kiến của tôi cho rằng ông Hồ đã hy sinh trong cuộc đấu tranh và sống giản dị, rằng tuy dựa vào Liên xô và Trung Quốc, ông vẫn giữ thái độ tự chủ trong lãnh đạo chiến tranh. Không nghe theo lời Mao và Lâm Bưu khuyên là ở miền nam chỉ nên duy trì chiến tranh du kích, chỉ nên đánh ở cỡ đại đội nếu đánh cỡ tiểu đoàn, trung đoàn trở lên sẽ bị hỏa lực của không quần và pháo binh Mỹ diệt hết! Ông cũng không nghe theo lời Liên xô khuyên là nên hạ súng, tìm giải pháp hòa bình vì Việt nam không thể chống nổi Mỹ về mặt quân sự, như lời nguyên soái Kulikov tư lệnh khối Varsovie nhận xét rằng: Việt nam mà cứ một mực đánh Mỹ thì đất nước tan tành hết, rồi đến cái quần đùi cũng không có mà mặc! Họ một mực cho rằng ông Hồ bất cứ lúc nào cũng chỉ là tay sai ngoan ngoãn, trung thành và mù quáng của đệ tam quốc tế, của Liên xô và Trung Quốc, không thế khác được.
Một bài báo trong nước lên án tôi sao lại gọi ông Hồ bằng ông, không gọi bằng Bác như mọi người trong nước thường gọi. Còn báo ở nước ngoài thì lại phê phán tôi là

sao còn gọi ông Hồ bằng Chủ tịch Hồ Chí Minh! Tôi nghĩ gọi ông Lợi, ông Quang Trung thì có gì là phạm thượng? Thì có gì là sai? Ông Hồ chẳng làm chủ tịch nước Việt nam Dân Chủ Cộng Hoà từ 1945 đến tận 1969 đó sao? Đối với đồng bào, tuổi trẻ ở trong nước đã đến lúc cần tìm hiểu về ông Hồ mới cách tỉnh táo, khách quan, không a đua, không định kiến, bằng cái đầu có suy nghĩ và đánh giá của chính mỗi người. Cần khắc phục lệ sùng bái cá nhân rất nặng nề của bộ mây tuyên truyền chính thống có khuynh hướng đề cao một cách tuyệt đối ông như thần thánh, nhưng thực tế lại là hạ thấp ông, làm hại uy tín của ông. Mặt khác cũng không thể thóa mạ ông một cách cường điệu, tàn nhẫn và bất công.

Nếu quả thật ông có người yêu, có vợ khi còn trẻ thl có gì là xấu? Nếu có cô Biere (Pháp), cô Tuyết Cần (Trung Hoa), cô Véra Vasiliera (Nga)... là bạn, người yêu, là vợ thì cũng là tự nhiên, bình thường, có thể là nét đẹp nữa, vì ông cũng có trái tim như mọi người chứ. Chỉ có kẻ đạo đức giả mới muốn coi ông là thánh.

Đầu năm 1993, nhà báo Mỹ Sophie Quinn Judge từ Moscou qua Paris để về Hoa Kỳ tìm gặp tôi, kể rằng bà đã được xem một số tài liệu lưu trữ của Quốc Tế cộng sản nói về ông Hồ. Bà cho biết Nguyễn Thị Minh Khai từng

khai lý lịch của mình ráng chồng tên là "Lin", tên của Nguyễn ái Quốc hồi ấy. Hơn nữa, bà được xem một bức thư của Hà Huy Tập năm 1935 nói rằng Minh Khai là vợ của Nguyễn ái Quốc. Những tư liệu lịch sử này cần xác minh thêm... Đến ngày sinh nhật của ông 19-5-1890 cũng chắc chắn là không đúng. Vậy thì cũng nên xác định lại ngày nào, hoặc năm nào là đúng hoặc gần đúng nhất. Chúng ta được biết khi ông viết đơn xin vào trường thuộc địa hồi 1911 thì ông đã ghi năm sinh là 1892, khi khai ở Sở cảnh Sát Paris ngày 20 tháng 9 năm 1920 thì ông ghi sinh ngày 15 tháng Giêng năm 1894. Đến khi ông khai tại Đại Sứ Quán Liên xô ở Berlin tháng 6 năm 1923 thì ông lại ghi ngày sinh 15 tháng Hai nam 1895; bà Thanh chị cả ông lại khai tại Sở Mật Thám Trung Bồ năm sinh của ông là 1893, còn ông Khiêm anh của ông thì khai đó là năm 1891, trong khi các hương chức xã Kim Liên quê hương ông thì khai rằng ông sinh vào tháng 3 năm Thành Thái thứ Sáu (theo âm Lịch), nghĩa là tháng Tư năm 1894. 1890 hay 1891? Hay 1892, 1893 hoặc 1894? Hay là 1895? Thật rối mù! 6 năm! Mà năm nào cũng có chứng cớ. Ngày mất của ông bị các nhà lãnh đạo hồi ấy "điều chỉnh" chậm lại một ngày do nhu cầu tuyên truyền, đã được trả lại cho sự thật là ngày 2-9-1969. Họ cứ muốn cưỡng lại sự thật, theo cố tật của

họ, để không cho phép ông được mất vào ngày Quốc Khánh! Tôi rất mừng đã góp phần đưa toàn bộ di chúc của ông ra ánh sáng và nhân đó ngày mất của ông được xác định lại.

Nhà sử học Trần Quốc Vượng rất thích khám phá những điều mới mẻ trong các chuyến đi "thâm nhập thực tế mà ông gọi là các chuyến "điền dã" (thăm đồng quê). Ông đã sưu tầm được ở vùng làng Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An quê ông Hồ, nhiều chuyện đáng chú ý. Các bậc cao tuổi trong vùng kể lại rằng ông Nguyễn Sinh Huy (sau lấy tên là Nguyễn Sinh Sắc), thân sinh của ông Hồ, không phải thuộc gióng máu mủ của họ Nguyễn Sinh, mà là con một ông đồ nho, đỗ cử nhân, quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, cùng tỉnh Nghệ An, tên là Hỗ Sĩ Tạo. Ông Cử Tạo đến nhà họ Hà, ở làng Sài cùng trong xã chung cư với làng Sen (Kim Liên) để dạy học. Nhà này có cô con gái tên Hà Thị Hy, đàn hay, múa đẹp, lại ế chồng. Ông Cử Tạo đã có vợ con, song trai tài gái sắc ở chung một nhà nên cô Hy có chửa. Ông chủ nhà liền nảy ra "giải pháp" đánh tiếng để gán con gái cho một ông nông dân làng bên góa vợ. Thế là cô Hy trở thành vợ kế của ông nông dân Nguyễn Sinh Nhầm và sanh ra anh Nguyễn Sinh Sắc, về..sau là thân

sinh của ông Hồ. Họ Nguyễn Sinh phát từ đó, vốn chỉ biết cày ruộng, thất học, cậu bé . Nguyễn Sinh Sắc học khá, lại được bố thật là ông Cử Tạo kèm cặp gửi gấm nên sau đỗ phó bảng, làm quan. Nhờ gien" của đôi trai tà gái sắc áy mà cậu bé Nguyễn Tất Thành cũng học hành khá sau này. Việc ông Nguyễn Tất Thành rồi Nguyễn ái Quốc họ Hồ để trở thành Hồ Chí Minh có thể là do ông nhớ đến nguồn gốc thật của ông chăng? Tất nhiên với thái độ giáo điều, sùng bái cá nhân những người lãnh đạo bảo thủ hiện nay ở trong nước không thể chấp nhận sự phát hiện mới mẻ của nhà sử học. Ông Trần Quốc Vượng lại có tính bộc trực có gan nói và viết những điêụ mình nghĩ dù những điều ấy không hợp với khẩu vị các nhà lãnh đạo, nên hiện ông bị kèm chặt sau chuyến đi làm việc ở trường Đại Học Cornell Hoa Kỳ, vào năm 1991. Họ vẫn mắc bệnh dị ứng với sự thật. Cần trả lại cho mỗi con người các giá trị đích thật của họ. Tô vẽ người này, bôi nhọ người khác theo yêu cầu chính trị là việc làm không lương thiện.

Về ông Hồ, có khá nhiều vấn đề cần xác minh cho thật rõ, thật đúng. Hiện nay tư liệu ở Pháp cũng như những kho lưu trữ ở Moscow đang được mở ra cho các nhà nghiên cứu, cho công chúng... Gần đây nhà sử học Pháp Daniel Hemery đăng trên tạp chí Tiếp Cận Chất á (Approches-

asie) số tháng 1-1-1992 một bài báo dài: Hồ Chí Minh đến năm 1991 với một phụ lục gồm 21 bản tư liệu (thư của Nguyễn Huy Sinh gửi Khâm sứ Trung Kỳ, thư của Nguyễn Tất Thành gửi Khâm sứ Trung Kỳ, công văn của sở mật thám Trung kỳ, lời khai của trưởng làng Kim Liên, lời khai các hương chức Kim Liên, lời khai của ông Nguyễn Tất Đạt (anh của ông Hồ), khẩu cung của bà Nguyễn Thị Thanh (chị ông Hồ), ghi chép của Sở Mật Thám Nam Bộ, điện của toàn quyền Đông Dương... Tháng 1-1993, ông Hemer đưa tôi xem bài báo nói trên và nói: tôi là giáo sư lịch sử, nhà nghiên cứu lịch sử, với thái độ khoa học là tìm ra sự thân viết lên sự thật. Ông vừa được tổng thống Mitterand mời tham gia đoàn nhà nước viếng tham chính thức Việt nam, do sự am hiểu sâu sắc lịch sử Việt nam của ông. Trở về, ông kể với tôi rằng đã "xông" đến tận nhà thăm nhà văn Dương Thu Huơng ở Hà nội những tư liệu xác thực cho thấy: năm 1911, khi anh thanh niên Nguyễn Tất Thành xuống tàu xuất dương, anh chưa nghĩ rằng đó là cuộc đi tìm đường cứu nước, như các nhà viết sử Việt nam bị ép nói vậy. Bằng cấp anh có trong tay chỉ là bằng Certificat (tiểu học) sau đó anh mới học năm thứ hai bậc trung học, tương đương lớp 9 phổ thông hiện nay. Anh vào trường Dục Thanh, Phan Thiết, làm trợ giáo là do sinh

kế trước hết. Bi kịch gia đình đang tác động mạnh mẽ đến anh. Ông Nguyễn Sinh Huy vốn nghiện rượu rất nặng khi còn ở Huế, bà Thanh kể rằng hồi ấy cứ lên cơn thèm rượu và say rượu là bà bị ông bố đánh bằng tay và bằng roi rất tàn nhẫn. Tháng 5-1909, ông được bổ đi Tri huyện Bình Khê ở tỉnh Bình Định; khi 47 tuổi, nửa năm sau đó, tháng Giêng năm 1910, ông bị thi hành kỷ luật rất nặng do đã đánh anh nông dân Tạ Đức Quang bằng roi và gậy, đến mức làm cho anh này chết! Sở mật thám mở cuộc điều tra: vụ ngộ sát xảy ra khi ông Sắc say rượu! Hội đồng Nhiếp chánh ở Huế lúc ấy quyết định tước mọi chức quyền Tri huyện của ông và hạ xuống 4 bậc trong ngành quan lại. Bi kịch này hết sức nặng nề, làm đổ vỡ giấc mộng danh vọng của ông Tri huyện bị thu hồi ấn tín. Ông đi dạy học vài tháng rồi vào Lộc Ninh (Nam Bộ) đi làm "surveillant", giám thị ở đồn điền cao su, sống ngoài lề của bộ máy cai trị, trong niềm lo âu tủi nhục và thiếu thốn. Ông đã đệ đơn gửi Khâm sứ Trung Kỳ để xin việc, nói rõ ông đang sống trong cảnh túng bần. Anh Nguyễn Tất Thành, vào tháng 12-1912 còn gửi cho Khâm sứ Trung Kỳ bức thư yêu cầu thương hại đến hoàn cảnh túng bần của cha anh và "xin ngài Khâm sứ" tìm cho một công việc gì đó ở Huế cho cha anh, dù là thừa biện ở các Bộ hoặc làm giáo thụ cũng được, với

lời lẽ như sau:
"Tôi cầu mong Ngài vui lòng cho cha tôi được nhận một công việc như Thừa biện ở các Bộ, hoặc là Huấn đạo hay giáo thụ để cha tôi sinh sống dưới sự quan tâm cao quý của Ngài. "Với hy vọng rằng lòng tốt của Ngài sẽ không từ chối lời yêu cầu của một người con chỉ còn biết dựa vào Ngài để làm nghĩa vụ của mình, xin Ngài Khâm Sứ nhận những lời chào kính cẩn của người dân-con và kẻ tùy thuộc chịu ơn của Ngài.

"Ký tên: Paul Tất Thành
"New York, ngày 15 tháng 12 năm 1912."
Nguyên văn tiếng Pháp:
" jose mê me đésirer vous prier de bien voulolr lui accorder ùn emploi com me Thừa biện des Bộ cu Huấn đạo, Giáo thụ, afin qưil puisse se gagner sa vie sous votre hau te bien veillance.
"En espérant que votre bonté ne refuserait la demande dun enfant qui, pour remplir son devoir, na lappui que vous ét en attendant votre réponse, veuillez agréer, Monsieur le Résident Supériềùr, les respectueuses salutations de votre flial peuple el reconnaissant servileur.
"Paul Tất Thành

"New York le 15 Décembre 1912."

Cho nên khi xuống tàu xuất dương, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành đang ở tâm trạng phẫn chí và bế tắc, việc học dở dang, ông thân sinh bị "đứt gánh" đột nhiên trên con đường hoạn lộ, anh ra đi để cứu mình trước hết, tìm việc, tìm nghề và phần nào để giúp gia đình (anh viết thư từ New York đề ngày 31-11-1912 ký tên Paul Tất Thành yêu cầu Khâm sứ Trung Kỳ chuyển một số tiền mọn 15 đồng bạc Đông Dương đến cha anh, và Tòa khâm sứ đã làm theo nguyện vọng của anh). Vừa đến Pháp, anh Thành đã nộp đơn xin vào Trường Thuộc Địa (15-9-1911, từ Marseille) và bị từ chối, Bộ Thuộc Địa cho rằng: số được nhận vào quá ít, phải dành cho con những quan lại cao cấp bản xứ? Và phải có học vấn khá. Sau đó anh đi làm bồi tàu, có lúc mơ sẽ làm mai tre dhôtel (chủ khách sạn hay chủ cửa hàng ăn). Trong đơn từ, anh dùng những công thức như: "Xin ngài nhận ở đầy sự biểu hiện lòng trung thành của một kẻ tôi thuộc...", có lúc còn tự nhận là người hàm ơn "công khai hóa của mẫu quốc"... Phải đến sau chiến tranh thế giới thứ nhất 1914-1918, tư tưởng chính trị của Nguyễn Tất Thành mới hình thành rõ nét, sau khi tiếp xúc với những người thuộc Đảng Xã Hội, sau đó là

Đảng cộng sản.
Phái viết sử ở Hà nội theo sự chỉ đạo của đảng, đã tô vẽ ông Nguyễn Sinh Sắc thành một nhân vật cách mạng kiên cường chống thực dân Pháp nên bị mất chức, là cố tình bịa đặt sai sự thật. Việc nêu lên chuyện anh Nguyễn Tất Thành vì thấy cách mạng bị bế tắc do chủ trương Đông Du và cải lương thất bại nên ra đi để tìm đường cứu nước là cố nói lấy được nhằm tô vẽ lãnh tụ đã giác ngộ cách mạng từ lúc còn rất trẻ, cũng là việc sai sự thật lịch sử. Việc nói ông ra đi ở bến Nhà Rồng rồi lập nhà kỷ niệm tại đó, cũng là việc làm khiên cưỡng vì hồi ấy nhà thương chính chưa được xây dựng và tàu thường cặp bến ở dưới xa nơi đó. Đã đến lúc phải trả về cho lịch sử những nét chân thật của nó, không thêm bớt, vẽ vời, trái với khoa học và rất có hại, người ta sẽ nghi ngờ cả những điều có thật.

Một vấn đề rất lớn về ông Hồ Chí Minh: ông là người yêu nước theo chủ nghĩa dân tộc hay là một người cộng sản? Theo tôi, ông vốn là một người yêu nước. Ngay cả khi ông chọn Quốc tế Ba cũng là do lòng yêu nước, ông từng nói: Quốc tế Hai, quốc tế Hai Rưỡi hay Quốc Tế Ba? Tôi theo quốc tế Ba vì chỉ có quốc tế Ba mới có lập trường rõ ràng là ủng hộ việc giải phóng các nước thuộc địa. Về sau dần

dà ông trở nên cán bộ của quốc tế cộng sản Ba ông bị ảnh hưởng lớn của Stalin và Mao Trạch Đông, đích của ông là giải phóng dân tộc, giành lại độc lập cho đất nước và đích cao hơn nữa là cách mạng vô sản ở Đông Dương, ở Châu á và toàn thế giở ông lao của ông trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành độc lập cho đất nước là rõ ràng. Khó ai có thể bác bỏ hay phủ nhận được. Ông từng bị tù, bị truy nã, ông từng hy sinh tận tụy cho sự nghiệp ấy. Ông có nếp sống giản dị dù là Chủ tịch nước, ông không hề giành cho ông những đặc lợi. Ông đã góp phần quan trọng, có thể nói là công đầu để nước Việt nam độc lặp được sự tôn trọng của thế giới. (Có người sẽ cãi lại là độc lập gì? Chỉ là tay sai cho Nga xô và Trung Cộng? Đó là một ý kiến cần chú ý, nhưng theo tôi không thể vì thế mà phủ nhận nền độc lặp của nước ta được). Bi kịch của cả dân tộc, cũng là của ông Hồ là chính ông đã đi đầu trong việc đưa chủ nghĩa Mác Lênin, nhất là chủ nghĩa Stalin, chủ nghĩa Mao vào Việt nam, trong đó chủ nghĩa Stalin là đậm nhất! Vì chủ nghĩa Mác Lênin được đưa vào rất ít khi bằng những tác phẩm của Mác và Lênin mà đã ít nhiều Stalin-hóa rồi, thông qua cách giải thích, tóm tắt, giới thiệu của Stalin (Lịch sử đảng cộng sản Bôn Xê Vích Liên xô; những vần đề kinh tế của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác với vần đề

dân tộc, chủ nghĩa Mác với vấn đề ngôn ngữ...) và một loạt sách giáo khoa được biên soạn trong thời kỳ Stalin. Tai họa của chủ nghĩa xã hội hiện thực, dù cho ở Liên xô hay Đông Âu, ở Trung Quốc hay Việt nam, Cu Ba, Triều Tiên... đều từ đó mà ra. Cho rằng cứ thay đổi quan hệ sản xuất là sẽ có chủ nghĩa xã hội, hợp tác hóa vội vàng, đưa vào quốc doanh mọi cơ sở, ngành nghề, thủ tiêu quyền tư hữu, quyền tự do kinh đoành và cạnh tranh, công nghiệp hóa gấp gáp lấy công nghiệp nặng làm trung tâm, chỉ đạo thô bạo đời sống văn học cơi hiện thực xã hội chủ nghĩa là bút phát duy nhất... đều là học theo Staline cả.

Cho đến đảng độc quyền lãnh đạo, không cho phe phái xuất hiện trong đảng, giữ một khối thống nhất nguyên khối (monolithique) đều mang nhãn hiệu Stalin (thời Lênin còn cho phép tồn tại các nhóm, các phe phái đa số, thiểu số trong Đảng, có tỷ lệ khác nhau trong đảng). Và cái tệ Đảng là nhà nước, đồng nhất với nhà nước, đảng là luật pháp, coi thường luật pháp, đất nước không có trường luật, không có Bộ tư pháp... đều là từ Stalin và Mao mà ra. Rồi cái tệ sùng bái cá nhân dẫn đến đảng và chính quyền là của một nhóm lãnh đạo là của một lãnh tụ duy nhất, sự chuyên quyền độc đoán ngự trị, việc trấn áp, bắt bớ lan tràn cũng là theo Stalin và Mao mà ra. Rồi học theo Trung

Quốc trong nhảy vọt lu bù, trong cải cách ruộng đất, trong đàn áp văn nghệ sĩ và trí thức qua vụ Nhân Văn Giai Phẩm đều là do mù quáng tuân theo tư tưởng Mao Trạch Đông. Cùng với ban lãnh đạo đảng cộng sản, ông Hồ chịu trách nhiệm chính về những thất bại nặng nề trong xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực. Dù cho ông có thiện chí, có mong muốn tốt đi nữa, nhưng thực tế đã dẫn đến những nỗi khổ ải của nhân dân, sự đổ vỡ của nền kinh tế, sự lạc hậu triền miên của xã hội, tình trạng nghèo đói và bất công của số đông...

Đó là những vấn đề manh nha từ khi ông còn sống, và ngày càng nặng nề, trầm trọng thêm từ khi thống nhất đất nước năm 1975 đến nay. Hiện nay, những người lãnh đạo đang lập nên cơ quan nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh để quảng cáo cho tư tưởng này, làm cơ sở cho sự "đổi mới"! Vẫn là kiểu làm khiên cưỡng, gán ép, tô vẽ rất có hại. Chính họ trước đây cho rằng tư tưởng Trạch Đông đã đủ. Chỉ có tác phong Hồ Chí Minh thôi. Họ chỉ định ông Phạm Văn Đồng, ông Võ Nguyễn Giáp... tham gia làm cái việc tán tụng lạc lõng này! Vì thật ra ông Hồ Chí Minh ít có chính kiến riêng về đường lối chính trị. Đến tinh thần dân tộc trong tiếp thu chủ nghĩa Mác Lênin như ông Ti-tô ở Nam Tư, ông Hồ cũng không có. Ông tuyệt đối tin ở

đường lối và kinh nghiệm của Liên xô, không một chút phê phán, với thái độ giáo điều. Ông chỉ có ưu điểm là trong chỉ đạo chiến tranh cùng với một số người lãnh đạo khác trong đảng không mù quáng theo lời khuyên của Mao là chỉ nên tiến hành chiến tranh du kích ở miền Nam và cũng không theo sức ép của Liên xô là phải ngửng chiến tranh để tìm một giải pháp thương lượng nhằm chung sống hòa bình bằng mọi giá. Còn trong xây dựng, ông hoàn toàn buông lỏng, không chút tự chủ. Kết luận trên đây rất quan trọng, nó nhắc nhở cho những ai sẽ cầm quyền ở nước ta là chớ có đi theo mù quáng chủ thuyết này hay chủ thuyết khác, nước này hay nước khác, coi chế độ ở đây hay ở nơi kia là mẫu mực để noi theo! Ta phải tìm hiểu kỹ mọi kinh nghiệm để tạo nên một chế độ thích hợp nhất với ta, với biện pháp, chính sách, đường đi nước bước của ta, có tính đến sự hòa nhập với thế giới. Đó là kinh nghiệm đau xót nhất, từ thực tế mấy chục nam qua, phải làm mở to mắt bất cứ ai sẽ cầm quyền ở nước ta.

Cách mạng Việt nam từ mấy chục năm trước đây có thể đi theo một con đường khác với con đường đã trải qua hay không? Đây là một giả thuyết của một số người. Con đường mà Thái Lan, Indonêxia, Nam Triều Tiên, Đài Loan, Singapore đã đi rất khác ta. Vậy mà họ đạt đến độc lập,

phát triển thịnh vượng, tuy rằng đối với họ đang có vấn đề dân chủ được đặt ra. Chuyện đã qua rồi, rất khó đặt vấn đề trở lại với chữ "nếu.

Để mở rộng đường suy nghĩ, xin trích vài đoạn dưới đây từ bức thư của cụ Tây Hồ Phan Chu Trinh gửi cho anh thanh niên Nguyễn ái Quốc ngày 18 tháng 2 năm 1922. Lúc này cụ vừa 50 tuổi, hoạt động ở Marseillc. Cụ từng bị tù ở Côn Đảo từ 1908 đến 1911, ra khỏi tù cụ sang Pháp, viết cuốn sách Đông Dương Chính Trị Luận nêu rõ đường lối đấu tranh không bạo động, tố cáo chế độ thực dân hà khắc và hệ thống quan lại tham nhũng trước dư luận Pháp. Cụ chủ trương đường lối đấu tranh lấy văn hóa, giáo dục, dân trí làm nền tảng lâu dài, theo phương châm: khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh, có nghĩa là mở mang sự hiểu biết của đông đảo nhân dân, làm cho khí thế khí phách của nhân dân phấn chấn lên và làm cho cuộc sống được cải thiện (hậu đây có nghĩa là làm cho dày, cho hậu, cho hùng hậu, chứ không phải là: cuối cùng là dân sinh, như một số sách dịch nhầm). Chủ trương này bị Nguyễn ái Quốc cho là thủ cựu.

Bức thư có đoạn viết: "Bấy lâu nay, tôi cùng anh và Phan (là Phan Văn Trường, luật sư nổi tiếng về trình độ hiểu biết và lòng yêu nước hồi ấy) đàm đạo nhiều việc; mãi tới bây

giờ anh cũng không ưa gì cái phương pháp Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh của tôi. Còn tôi lại không thích cái phương pháp Ngọa ngoại chiêu hiền, đãi thời đột nội (ngồi ở nước ngoài kéo người tài từ trong nước ra, đợi thời cơ để trở về gấp) của anh, và cả cái dụng lý thuyết thâu nhân tâm của Phan. Bởi phương pháp bất hòa mà anh đã nói với Phan là tôi là hạng hủ nho thủ cựu. Cái điều anh gán cho tôi đó, tôi chẳng giận anh tý nào cả, bởi vì suy ra thì tôi đã thấy rằng: tôi đọc chữ Pháp bập bẹ, nên không am tường hết sách vở ở cái đất văn minh này. Cái đó tôi đã thua anh xa lắm, đừng nói gì đọ với anh Phan. Tôi tự ví tôi ngày nay như con ngựa đã hết nước tế, tôi nói thế chẳng hề dám ví anh là kẻ tử mã lục thạch (4 chữ này, nhà học giả Hoàng Xuân Hãn có ý kiến dịch là ngựa non háu đá, theo cách nói ví von hóm hỉnh thường thấy ở Cụ Phan Tây Hồ)".

Bức thư còn viết thêm: "Từ xưa đến nay, từ á sang Âu, chưa có một người nào làm cái việc như anh. Anh lấy cái lẽ ở nước mình lưới giàng tứ bề, mà về nước ắt là sa cơ, gia dĩ dân tình sĩ khí cơ hồ tan tác, bởi cái chính sách cường quyền nên sự hấp thụ lý thuyết kém cỏi, bởi thế mà anh cứ khư khư cái phương pháp Ngọa ngoại chiêu hiền, đãi thời đột nội; cứ như cái phương pháp ấy thời anh viết

bài đăng báo chương trên đất người để mà hô hào quốc dân đồng bào bên nhà đem tinh thần nghị lực ra làm việc nước. Tôi coi lối ấy phí công mà thôi!... Anh không nghe lời tôi nói, anh ở hoài bên này, cứ cái lối đó thì tài năng của anh khác gì công dã tràng

Cần nhớ rằng Cụ Phan Chu Trinh cùng một lứa thi cử với Nguyễn Sinh Huy, thân sinh của Nguyễn ái Quốc. Cụ Phan cũng đỗ phó bảng. Cụ hơn Nguyễn ái Quốc 22, 23 tuổi. Trong lá thư trên, rõ ràng Cụ phê phán Nguyễn ái Quốc về phương pháp cách mạng. Tuy cụ không chấp gì việc Nguyễn ái Quốc nhận xét cụ là bảo thủ, là thủ cựu, là hủ nho và cải lương, cụ vẫn một mực can ngăn Nguyễn ái Quốc chớ chủ quan cho phương pháp của mình là đúng. Cụ còn phê phán Nguyễn là xưa nay, từ Âu sang á, chưa ai làm cái việc như Nguyễn làm. Cái cách làm ấy chỉ phí công? Cụ còn ví von nói, ngựa non háu đá! Cụ một mực khẳng định con đường của cụ: Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh là con đường đúng đắn cần theo. Con đường cụ Phan chủ trương gần giống như con đường của các ông Gandhi và Nehru ở ấn Độ. Đó là con đường bất bạo động, con đường nâng cao trình độ hiểu biết của nhân dân, mở mang học vấn, cổ động tinh thần đấu tranh, đồng thời tranh thủ các thế lực dân chủ và tiến bộ ở chính quốc.

Cụ rất ưa dùng hình ảnh đông tay vỗ nên bộp, nghĩa là giác ngộ đồng bào, hướng dẫn đông đảo đồng bào đồng tâm đấu tranh, nhiều người cùng vỗ tay sẽ tạo nên cảnh hưởng ứng rộng lớn, có uy lực buộc kẻ thù nhượng bộ. Nhiều nhà trí thức có lý khi đặt vấn đề rằng: nếu như hồi ấy đường lối đấu tranh đại loại như của cụ Phan đề xướng được chạp nhận và thành hiện thực thì đất nước ta rất có thể đã khác hẳn hiện nay, vừa có độc lập thống nhất, có dân chủ và phát triển, có thể tránh được chiến tranh, và tránh bị cỗ máy nghiền mà chủ nghĩa Staline, chủ nghĩa Mao đã đứa đến thông qua đảng cộng sản với biết bao hậu quả nặng nề mà chưa biết đến bao giờ mới khắc phục được...

Bùi Tín

Mặt Thật

Cỗ máy nghiền: những câu hỏi còn nóng hổi

Mác và Engels có biết đâu ở tận chân trời xa xăm bên Châu á, có một dân tộc được biết về hai ông, được học về hai ông nhiều đến vậy! Tên hai ông được nhắc đi nhắc lại hằng ngày trên báo, trên đài, trong các nhà trường. ảnh hai ông la liệt đầy nhà, đầy phố. Và nay tâm lý xã hội cả nước đầu những năm 90 này là cay đắng khi nghe đến ông. Nếu tỉnh dậy hai ông có thể bàng hoàng, giận dữ nữa, bảo rằng "chủ thuyết chúng tôi đâu có đơn giản, thô kệch, phi lý đến như vậy?, rằng "tư duy chúng tôi đâu có ấu trĩ, cứng đờ như người ta gán ghép một cách tai hại", rằng "chúng tôi chỉ muốn cung cấp cho người đương thời một phương pháp luận rất uyển chuyển thì các người lại coi đó là những nguyên lý cứng nhắc không có sức sống". Chúng tôi không nhận ra những gì mang tên chúng tôi, vẽ nên mặt mũi của chính chúng tôi. Không? Chúng tôi khác

hẳn?
Cái duyên nợ nặng nề nhất với Việt nam thì phải nói đến Stalin và Mao Trạch Đông. Hai lãnh tụ kiệt xuất hay hai kẻ gian hùng? Hai vị lãnh tụ kiểu mới từ dân, do dân, vì dân hay là hai kẻ độc tài? Hai vị cứu tinh hay hai kẻ tàn phá cuộc sống của nhân dân? Tất cả đã rõ. Hai nhân vật này đã mang đến Việt nam những cơn bão cấp 10, những cơn động đất đến 10 độ, làm điêu đứng từng gia đình, từng con người ở Việt nam? Tất nhiên là thông qua "thiện chí mù quáng" của đảng cộng sản Việt nam. Tất cả bi kịch là ở đó.
Vậy thì xin được kiến nghị với các vị lãnh đạo của đảng cộng sản, hơn 100 vị trong viện Mác Lênin, hơn 800 cán bộ lý luận của hệ thống trường đảng Nguyễn ái Quốc... thông báo cho toàn xã hội biết chủ nghĩa Mác Lênin còn có những giá trị đích thực gì cho đất nước Việt nam ngày hôm nay để nó vẫn được ghi bằng nét đậm trên Hiến pháp 1992? Rằng họ đánh giá Stalin ra sao, hay vẫn là công 7 tội 3? Mong rằng ở nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt nam họ chỉ ra mọi người được biết chủ nghĩa xã hội hiện còn tồn tại ra sao? ở đâu? Như thế nào? Và cái chủ nghĩa xã hội mà họ ghi trên giấy trắng mực đen trong cương lĩnh và đang được quá độ xây dựng hình thù nó ra

sao? Và vì sao các vị lại mời ông Lý Quang Diệu làm cố vấn, mời chuyên gia pháp luật của chính phủ Pháp giúp để thảo các bộ luật mới? Họ là những người nắm chắc chủ nghĩa Mác Lênin chăng? Họ là những nhân vật kiệt xuất soi sáng con đường Việt nam quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội chăng? Không dứt khoát đoạn tuyệt với sai lầm trong quá khứ thì không thể tìm ra con lường đúng đi đến tương lai.

Không phải là ai khác, chính ông Viện trưởng Viện Mác Lênin ở Hà nội là Đặng Xuân Kỳ, con ông Trường Chinh từng tuyên bố rằng, chủ nghĩa xã hội ở Việt nam sẽ ra sao, chúng tôi chưa hình dung được, chúng tôi còn phải nghiên cứu! Nhiều cán bộ ở Viện Mác nin cũng nói: mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt nam chưa có, hiện cứ vừa làm vừa tìm tòi thế là cứ nhắm mắt mà đi! Đi vào chốn tù mù đáng sợ! Và họ vô tình giam cả đất nước vào một khối tù mù! ở Trung Quốc, ông Đặng Tiểu Bình đang lãnh đạo nước Trung Hoa quá độ đi về chủ nghĩa tư bản, một kiểu chủ nghĩa tư bản do đảng cộng sản lãnh đạo, theo kinh tế thị trường. Thà ràng cứ nói thẳng như vậy.
ở Việt nam, đảng cộng sản Việt nam đang lãnh đạo đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội với nền kinh tế thị trường, với

5 thành phần kinh tế, mà khu vực quốc doanh là chủ đạo, là then chốt. Một mô hình đầu Ngô mình Sở, sẽ không có chủ nghĩa xã hội, cũng sẽ chẳng có chủ nghĩa tư bản; một sự pha trộn giữa nước và lửa; một sự ghép lại của những điều trái ngược, phủ định nhau. Sẽ chỉ đẻ ra một quái thai: xã hội hỗn loạn, không pháp luật, một số kẻ đặc quyền thao túng, nạn tham nhũng buôn lậu thành dịch, giàu nghèo phân hóa theo hai cực, đất nước thành mồi béo cho các nhà tư bản nước ngoài ranh ma và lão luyện thao túng, tài sản quốc gia bị thất thoát vào mọi túi tham trong và ngoài nước. Tất cả trong không khí tù mù về lý luận và đường lối!

Trách nhiệm thuộc về ai? Về đảng. Đảng là ai? là cơ quan lãnh đạo hay cả gần hai triệu đảng viên cộng sản? Trách nhiệm tập thể. Nghĩa là không có ai chịu trách nhiệm cá nhân cả. Cá nhân nấp kín sau tập thể khi đổ vỡ. Tất cả đều phủi tay! Chỉ riêng vụ sai lầm cải cách ruộng đất là có kỷ luật cá nhân. Thế nhưng kỷ luật cũng như không! Ông Trường Chinh mất chức Tổng bí thư thì sau đó lại được làm chủ tịch Quốc hội, rồi trở lại quyền Tổng bí thư. Ông Hoàng Quốc Việt sau đó làm chủ tịch Tổng công đoàn, chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc; ông Lê Văn Lương sau khi b! kỷ luật, vào lại Ban bí thư và kiêm Bí thư Thành ủy của Hà

nội. Ai lập công đầu tận diệt nền công thương nghiệp tư doanh ở miền Bắc hồi 1956, 1957, diệt trừ sức sản xuất mới của tầng lớp tư sản dân tộc, làm điêu đứng cả người lao động? Ai phải chịu trách nhiệm chính làm cho bộ đội ta sa lầy, chuốc lấy hậu quả kinh khủng: 50 ngàn chiến sĩ chết oan, 200 ngàn bị thương (phần lớn là cụt chân do mìn Trung Quốc), ngân sách quân sự táng quá đáng, bị cả thế giới tẩy chay, trừng phạt, chỉ vì giấc mơ hão liên minh ba nước Đông Dương!

Nếu trách nhiệm cá nhân rõ ràng thì rất khó mà ông Lê Đức Anh có thể thu được 100% phiếu ngon ơ! Có thể thấp hơn nhiều, và cũng có thể dưới 50% và dưới nữa, dưới nữa nếu có một nền dân chủ đích thật, có tự do báo chí, tự do ngôn luận.

Tai họa của đất nước đến từ đâu? Ai là người chịu trách nhiệm? Câu hỏi này xoáy sau trong óc của tất cả những nạn nhân trong toàn xã hội. Cỗ máy nghiền mang nhãn hiệu ngoại lai và những người cầm lái cho chạy cỗ máy ấy trên đất nước ta là nguyên nhân và người chịu trách nhiệm về thảm họa dân tộc hiện nay.

Nếu nguyên nhân và trách nhiệm về cuộc khủng hoảng hiện nay của đất nước được làm rõ thêm chút nào qua phần viết này của cuốn sách, người viết cảm thấy sung

sướng vì đã góp phần đề cập đến một vấn đề hệ trọng trong lịch sử của đất nước, nhằm tìm ra một lối thoát cho quê hương.

Bùi Tín

Mặt Thật

Phần hai

NHữNG Hồ SƠ CHƯA KHéP

Bất cứ một nhà nước nào cũng phải tự bảo vệ mình. Quân đội và cảnh sát được lập nên để bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ của đất nước, an ninh của xã hội. Nước Việt nam cũng không thể ở. ngoài quy luật tất yếu ấy.

Thế nhưng nếu cường điệu đấu tranh giai cấp, cường điệu chuyên chính vô sản sẽ dẫn đến một chế độ độc đoán, đàn áp những công dân bất đồng chính kiến với nhà cầm quyền, trên thực tế là tước đoạt và chà đạp lên quyền tự do của công dân. Nhất là khi xã hội không có luật sư tự do để giúp công dân nắm chắc pháp luật cũng như quyền hạn nghĩa vụ của mình, thì người công dân dễ dàng bị mất tự do mà không biết cách nào giành lại tự do. ở một chế độ cực quyền, đảng đồng nhất với nhà nước, thì tai họa đối với người công dân, người dân đen, người phó thường dân như ta thường nói, không sao lường hết lược. Những

người ngay thật, dũng cảm hay nhẹ dạ thường bị thiệt thòi và vùi dập. Đó là tình hình ở Liên xô, ở Đông Âu, ở Trung Quốc, ở Cu Ba và ở cả Việt nam ta, trong các nước xã hội chủ nghĩa hiện thực, cùng đúc trong một khuôn mẫu
Đã đến lúc toàn xã hội ta nhìn lại nửa thế kỷ qua, nhận rõ những sai lầm đã phạm phải để rút kinh nghiệm và thực hiện công bằng đối với những người bị oan ức, để xây dựng một xã hội có pháp luật trong đó người công dân sống ung dung, yên ổn trong danh dự và nhân cách, không bị nơm nớp lo sợ; để ai cũng ngẩng cao đầu không khúm núm, sợ sệt. Có nhìn quá khứ một cách rõ ràng, sòng phẳng, có trách nhiệm mới xây dựng được một nền dân chủ công minh và hiện đại, một xã hội đáng sống.

Hay gì cứ bới móc những chậu cũ! Sẽ có người kêu lên vậy Họ cho rằng cần nhìn thẳng tới phía trước, những gì đã qua thì cho qua! Những người trong cuộc, bị oan ức kẻng kêu, những kẻ đứng ngoài lại kêu to để hòng gây rối! Lập luận này không đứng vững. Mọi việc oan ức trong quá khứ cần nhìn lại cho rõ ràng, kết luận lại nếu cần, minh oan cho những người bị xử trí oan. Không phải để trả thù, cũng không phải để truy cứu tội lỗi của ai (tuy việc này có trường hợp cần làm) mà chủ yếu là để rút kinh nghiệm chung cho xã hội.

Đúng là dân tộc ta rất cao thượng, nhân dân ta số đông có lòng nhân ái và độ lượng. Họ sẵn sàng đại xá cho những người lầm lỗi từng gây oan ức cho người công dân. Thế nhưng không thể lợi dụng lòng tốt ấy để xí xóa tất cả, để cho chìm vào bóng tối tất cả những việc làm xâm phạm

nghiêm trọng đến danh dự, thân thể, tài sản của công dân. Và người bị oan chỉ có thể độ lượng khi những kẻ gây ra tội lỗi nhận thật rõ sai tâm và có lời xin lỗi chính thức và công khai. Đó là lẽ thường tình trong đời sống xã hội.
Hơn nữa, lịch sử đất nước ta cần nhìn lại và viết lại. Mỗi người công dán có công tâm, mỗi nhà sử học biết tự trọng và có trách nhiệm cần giúp một ta góp phần viết lại lịch sử của đất nước mình một cách khách quan, trung thực, không bị bóp méo và xuyên tạc theo yêu cầu hất thời của giới cầm quyền.
Lịch sử dân tộc có liên quan đến việc đánh giá những con người tham gia việc hình thành lịch sử, đến việc nhìn lại cho đúng những nhân vật bị thanh trừng, bị thất sủng, bị xử trì, từ đó lập lại công bằng cho những nhóm người và những người có liên quan bị xử trí sai, bị vu cáo, bị án oan. Tôi được biết cho đến nay có đến hàng nghìn người bị xử trí oan mà chưa được kết luận lại. Có người đã gửi hàng trăm lá đơn đến các cơ quan có thẩm quyền, từ tòa án tối cao, viện kiểm sát tối cao, thanh tra chính phủ, ban kiểm tra của trung ương đảng, các cơ quan an ninh, cảnh sát, các cơ quan ngôn luận... vậy mà vẫn cứ là biệt vô âm tín.
Tôi đã tận mắt thấy ở văn phòng báo Nhân dân, các cô

văn thư nhận những lá đơn ngoài bì đề rõ: đơn thứ 24, đơn thứ 76, có lá đơn ghi đến dân thứ 120? Thật là kêu trời không thấu. Cơ quan này đá sang cơ quan kia, dưới đệ lên trên, trên chuyển xuống dưới, dồn cho nhau, thế là yên, còn sự việc vẫn để đó, không ai thèm xem xét đến. Nỗi oan khiên cứ việc tồn tại, cứ việc lưu cữu, cứ việc hành hạ những gia đình và những con người... cho đến tận khi chết vẫn còn ôm hận sang thế giới bên kia!

Xã hội không có pháp luật lõ ràng, lại không có cả một đội ngũ luật sư tự do giỏi nghiệp vụ đê bênh vực cuộc sống của người công dân, lại không có tự do báo chí, tự do ngôn luận, để nêu lên những trường hợp ngang trái tiêu biểu nhất, gây sức ép của dư luận đòi hỏi phải giải quyết đến nơi đến chốn. Những người có trách nhiệm ở Viện kiểm sát, ở các ban thanh tra thú nhận rằng đơn từ xếp đống từ nền lên đến trần nhà (ở Viện Kiểm sát nhân dân thủ đô Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh), nhưng chỉ giải quyết theo kiểu nhỏ giọt. Hãy cho một số nhà báo có công tâm khui ra một vài vụ tiêu biểu. Chả lẽ tình cảm của xã hội nay đã trở nên trơ như đá, không mảy may động lòng thương cảm, xót xa cho những người bị oan đầy rẫy thông xã hội, hậu quả của một thời kỳ dài sống dưới chế độ chuyên quyền, độc đoán, coi thường quyền công dân, cá

nhân nấp sau tập thể để trốn trách nhiệm và làm bậy.
ở nông thôn nước ta, tôi được biết tình hình còn thê thảm hơn nữa. Không ít nơi chính quyền nằm trong tay những cường hào mới, họ xây dựng quyền lực theo dòng họ, phe nhóm, án cánh với nhau, bênh che nhau, hà hiếp những người dân đen thấp cổ bé họng, dèm pha dọa dẫm người này, vu cáo kẻ khác, thêu dệt đủ chuyện để bôi nhọ những người lương thiện, trả thù những người ngay thẳng có công tâm, gây nên vô vàn cảnh oan ức, đày đọa cuộc sống của biết bao công dân.
Nhiều người nông dân không còn biết kêu oan cho ai, ở đâu "quan" thì xa, "lại" thì gần; "quan" thì quan liêu, "lại" thì nhũng nhiễu, không biết luật sư là gì, không biết ai cầm cân công lý, nên chỉ còn biết nhẫn nhục chịu đựng. Họ không biết, cũng không được hướng dẫn về quyền công dân trong xã hội, không am hiểu luật pháp, kể cả những điều sơ đẳng nhất? Họ là những công dân loại hai trên thực tế, vô hình bị tước quyền công dân, bị hà hiếp mà không biết phản ứng ra sao để tự vệ. Họ cần mẫn lao động ngoài đồng ruộng, lo cho gia đình riêng, vậy mà vẫn không được yên ổn, con cái bị phân biệt đối xử, có khi chỉ vì thuộc một họ tộc khác, vây cánh không có, thần thế càng không. Có người hồi còn tạm chiếm, bị bắt buộc đi

lính bảo an, dân vệ, vài tháng bị buộc làm hội tề, thế là bị lý lịch "xấu, "liên quan với địch", không sao gỡ ra được nữa, thua thiệt suốt đời. Ngược lại có kẻ trước kia thực sự tham gia chính quyền cũ còn áp bức nhân dân, cậy thần thế áp chế nông dân, thế mà do khôn khéo nịnh bộ cán bộ, lại tạo nên thế chính trị mới trong đảng, trong chính quyền để cưỡi đầu cưỡi cổ dân. Nhìn ra nước ngoài, lại hầu hết các nước, người công dân đã hiểu và đã hưởng cuộc sống trong pháp luật là thế nào, họ biết luật pháp cấm họ, răn đe họ không được xâm phạm tự do của người khác ra sao và cũng biết cách không cho phép ai xâm phạm đến thân thể, tài sản, danh dự của mình. Họ hiểu rằng trong xã hội, họ bình đẳng với mọi người, kể cả những người quyền cao chức trọng nhất. Họ sống ung dung, thư thái, đàng hoàng, không bị ai quấy rầy. Thủ tướng khi có lỗi, có tội, cũng phải ra hầu tòa, như ông Laurent Fabius, trước là thủ tướng Pháp, đầu năm 1993 cũng bị tòa án triệu tập đến để điều tra về trách nhiệm của ông trong vụ truyền máu cách đây 6,7 năm, làm cho mấy chục người bị nhiễm SIDA...

Bùi Tín

Mặt Thật

Vụ án 48 năm trước

Tháng ba 1993 vừa qua, trên đài RFI (Pháp), ông Hoàng Khoa Khôi thuộc tổ chức đệ tứ quốc tế (Troskýt) đã nói đến vụ ám sát nhưng người lãnh đạo troskyt ở Việt nam hồi 1945. Ông nhắc đến cái chết của các ông Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch... và mong rằng các vụ án này sẽ được đưa ra ánh sáng. Đã có hơn 100 nhân vật chính trị và khoa học, văn hóa ký tên đòi phục hồi danh dự cho Tạ Thu Thâu, vì khi ông bị Việt Minh giết hại trong một nhà tù tại vùng ven biển Mỹ Khê (Quảng Ngãi) vào tháng 9-1945, ông bị kết tội là Việt gian, tay sai của phát xít Nhật! Hai ông Phan Văn Hùm và Trần Văn Thạch cũng đều bị Việt Minh bắt và giết tại Dĩ An (Thủ Đức-Sàigòn) cùng một thời gian ấy.

Tạ Thu Thâu sinh năm 1906 ở Long Xuyên, Nam Bộ, học tại trường Chasselup-Laubat Sài Gòn, đậu tú tài Pháp năm

1925. Ông sang Pháp năm 1927 để học chương trình cử nhân toán học. Ông tham gia thành lập Việt nam Độc Lập Đảng, ra báo La Résurrection (Nổi Dậy), tổ chức phong trào sinh viên Việt nam ở Pháp. Năm 1929 ông tham gia phong trào Trốt kýt Pháp, phê phán chính sách hẹp hòi của Đảng cộng sản Pháp trong vấn đề thuộc địa. Ông bị trục xuất về Sài gòn sau khi tổ chức cuộc biểu tình trước điện Elysées, Paris, ngày 2 tháng 5 năm 1930, lên án việc chính phủ Pháp hành quyết những người cầm đầu cuộc khởi nghĩa Yên Bái. Về nước ông lập phong trào Tả đối lập, rồi lập ra tờ báo La Lutte (Tranh đấu). Tháng 5-1935 ông được bầu vào Hội đồng Thành phố Sài Gòn, trở thành nhân vật lãnh đạo nổi bật nhất các cuộc đình công và biểu tình lớn trong hai năm 1936 và 1937. Cùng với hai ông Phan Văn Hùm và Trần Văn Thạch, ông được bầu vào Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ tháng 4 năm 1939. Trong cuộc đàn áp lớn khi chiến tranh thế giới nổ ra, ông bị bắt tháng 4 năm 1940 và bị đày ra Côn Đảo tháng 10 năm 1940. Ông ra tù cuối năm 1944. Giữa năm 1945 ông lên đường ra Bắc, giữa đường thì Cách mạng tháng 8 nổ ra, ông quay về Sài Gòn thì bị Việt Minh bắt.

Điều rất mỉa mai là Tạ Thu Thâu, nhà trí thức Trôi kýt xuất sắc đã chủ trương bắt tay chặt chẽ với nhưng người cộng

sản thuộc đệ tam quốc tế, lập mặt trận chung chống đế quốc. Ông là bạn thân của Nguyễn Văn Tạo (1908-1972) vốn là ủy viên trung ương đảng ông Sản Pháp, của Dương Bạch Mai (1904-1965) đảng viên đảng cộng sản Đông Dương. Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Nguyễn Văn Tạo và Dương Bạch Mai đều trúng cử vào Hội Đồng Thành Phố Sài Gòn tháng 5-1935 vả cũng là linh hồn của tờ báo La Lutte (Tranh Đấu) rất có ảnh hưởng hồi ấy.

Chính sự hợp tác chặt chẽ giữa những người Trốtkyt và những người cộng sản theo tinh thần rộng rãi của Mặt trận Bình dân Pháp đã làm cho phong trào cách mạng mở rộng, tổ chức các công đoàn phát triển. Đến cuối năm 1937, Mặt Trận Bình dân suy yếu, Đảng Xã Hội Pháp đi ngược lại cương lĩnh của họ trong ván đê thuộc địa, đảng cộng sản bị Stalin hóa, nhóm La Lutte tan vỡ.
Cuộc đấu tranh trở nên gay gắt về đường lối và biện pháp cách mạng giữa Tạ Thu Thâu, Nguyễn An Ninh và Hà Huy Tập, Tổng bí thư của Đảng cộng sản Đông Dương khi Mặt Trận Bình Dân tan rã. Đảng cộng sản Đông Dương chịu ảnh hưởng nặng nề của chủ nghĩa Stalin và bắt đầu tiếp thu chủ nghĩa Mao, đề xướng việc hình thành Mặt Trận Dân Chủ, trong đó Đảng cộng sản giữ độc quyền lãnh đạo.

Việc hình thành Mặt Trận Việt Minh năm 1941 là theo tinh thần biệt phái như thế.
Đến năm 1939 qua những cuộc vây ráp rộng lớn của mật thám, phong trào cách mạng đi vào thoái trào. Những người cộng sản và những người trôtkýt gặp nhau ở Côn Đảo, tiếp tục tranh luận về đường lối cách mạng Việt nam. Các cuộc tranh luận, cãi vã đôi khi dẫn đến xô xát và thanh toán lẫn nhau? Những vụ án Moscou nổ ra, Stalin kết tội Trốt-kyt là phản bội! Những người theo Trôt-kyt bị Stalin tàn sát với danh hiệu: phản bội đảng, làm gián điệp cho phát xít Đức. Cuối năm 1939, Nguyễn ái Quốc trong báo cáo gửi quốc tế cộng sản chỉ rõ: "Đối với bọn trốtkýt, không thể có một thỏa hiệp hay nhân nhượng nào cả. Phải lột mặt nạ chúng như là tay sai của phát xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị". Sau đó, từ Trung Quốc ông gửi thư về nước, chỉ rõ: "Bọn trốtkýt là một lũ bất lương, những con chó săn của chủ nghĩa phát xít Nhật và chủ nghĩa phát xít quốc tế.
Xin nhớ trên số báo Pravda ở Moscou, ra ngày 14 tháng 3 năm 1937, Staline đã viết: "Chủ nghĩa Trôt-kýt dùng phương pháp đấu tranh hèn hạ nhất, nhơ bẩn nhất, khốn nạn nhất. Nấp trong bóng tối, đàn chó Trốtkyt tụ tập những kẻ không còn tính người, sẵn sàng gây mọi tội ác... Khủng

bố cá nhân là phương pháp hành động của bọn chó săn Trốtkýt".

Nguyễn ái Quốc còn nhắn về nước: "Tôi khuyên ai chưa đọc thì nên tìm đọc bản xử án bọn Trốt kýt ở Liên xô và làm cho bạn bè cùng đọc. Nó sẽ giúp cho thấy bộ mặt đáng ghê tởm của chủ nghĩa Trốtkyt và bọn Trốtkýt" (Hồ chí Minh Toàn Tập, tập 3, trang 97).

Vu khống, chụp mũ những người trốtkýt Việt nam, ám sát, thủ tiêu những người lãnh đạo trốtkýt như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch là những người bạn chiến đấu một thời của những người cộng sản, những người lãnh đạo đảng cộng sản Đông Dương đã thực hiện chủ nghĩa Stalin, đã phạm một tội ác trong lịch sử đấu tranh giành độc lập của dân tộc. Yêu cầu của những người troskyt Việt nam hiện nay được các trí thức quốc tế ủng hộ là khôi phục danh dự cho những người bị sát hại với cái tội là "Việt gian" là một yêu cầu chính đáng, không thể bỏ qua được.

Bùi Tín

Mặt Thật

Một thời kỳ hấp dẫn đối với các nhà sử học.

Nhà sử học Pháp Daniel Hemery chuyên nghiên cứu lịch sử Việt nam vừa viết một bài báo dài nhan đề "Sài Gòn Đỏ", kể lại tình hình ở đó trong những năm trước chiến tranh thế giới thứ hai. Ông đã dựa vào một số tư liệu mới lấy từ kho lưu trữ của Bộ Thuộc Địa Pháp và Sở Mật thám Dông Dương hồi ấy. Những điều ông viết rất khác với nội dung mà sách xuất bản ở Hà nội từng nói về phong trào đấu tranh trong những năm ấy. Theo Daniel Hemery, trong những năm 30, Sài gòn trở nên một địa bàn đấu tranh sôi động nhất. Phong trào đòi dân chủ của Việt nam khởi đầu tại đó. Đó là một cuộc nổi dậy vừa chống Khổng giáo, vừa chống chế độ thuộc địa. Chế độ thuộc địa ở Nam kỳ, khác với chế độ bảo hộ ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh. Hội đồng Thành phố Sài Gòn và Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ được bầu, tạo nên một đời

sống chính trị và công luận vì cùng với công dân Pháp, một số người bản xứ cũng có quyền bầu cử. Báo chí tiếng Pháp và tiếng Việt phát triển rất mạnh, hơn hẳn ở Trung Kỳ và Nam Kỳ. Đó là La Dépeche dIndochine, LImpartial, La Tnbune Indochmoise, Echoannamite của Bùi Quang Chiêu và Nguyễn Phan Long; Đuốc Nhà Nam của Nguyễn Phan Long. Tờ Le Bulletin Socialiste de la Cochinchine của cánh xã hội cũng được phát hành.

Phong trào cải cách xã hội được Nguyễn An Ninh (1900-1943) mới đậu cử nhân luật, đề xướng vào cuối năm 1923, vừa phê phán Khổng giáo, vừa phê phán cái gọi là sứ mệnh khai hóa của nước Pháp, đòi quyền tự do của công dân và cải tạo xã hội. Ông chỉ rõ: nền văn minh phương Đông có thể kết hợp với nền văn minh phương Tây. Ông mạnh dạn đề xướng việc cải cách văn hóa và nếp sống, không nên quan niệm chữ hiếu một cách cổ hủ, bố mẹ bắt buộc con cái phải tuyệt đối cúi đầu vâng lời cũng như quan niệm áp bức người phụ nữ. Báo Phụ Nữ Tân Văn ra mắt từ năm 1929 ở Sài Gòn theo tinh thần ấy. Nguyễn An Ninh cũng ra tờ báo La Clochc fêlée (Cái Chuông Rè) từ đầu năm 1924, gây thêm tiếng vang sâu rộng

Sự kiện Nguyễn An Ninh bị bắt vào tháng 3 năm 1926, rồi

ngày 4 tháng 4 năm đó lễ tang Phan Chu trinh đã tạo nên những cuộc đấu tranh qui mô lớn. Riêng ở Sài Gòn, hàng chục nghìn lao động, tập họp theo ngành: thợ may, thợ giày, thợ cắt tóc, thợ nề, thợ mộc, kéo xe, công nhân cảng, cùng đội ngũ học sinh biểu tình và tuần hành. Một số học sinh bị bắt, thế là bãi khóa diễn ra rộng khắp. Nguyễn An Ninh liền lập ra Việt nam Cao Vọng Đảng, hoạt động chủ yếu gồm thanh niên, học sinh, công nhân... trong hai năm 1927 và 1928.

Hồi ấy Sài gòn đã trở thành trung tâm công nghiệp lớn nhất Việt nam, với 50 ngàn thợ thuyền như xưởng đóng và sửa tàu (1500 thợ), xí nghiệp thuốc lá, xay xát gạo, đường sắt, cảng..., trong đó đã có một số thợ kỹ thuật có tay nghề khá cao. Phong trào công nhân tác động mạnh đến các vùng nông thôn và đồn điền. Tháng 2-1930, 3000 phu đồn điền Phú Riềng bãi công và chiếm đoạt một phần cơ sở trong đồn điền rộng lớn này. Theo thống kê của Sở Mật Thám Đông Dương, chỉ trong mùa hè 1930 đã có 125 cuộc đấu tranh ở 13 tỉnh trong tổng số 21 tỉnh Nam Bộ. ở Sài gòn, viên thanh tra cảnh sát Legiand bị giết chết trong cuộc đấu tranh bởi anh thanh niên Nguyễn Huy mới 14 tuổi; Cậu thanh niên dũng cảm này bị án chém. Cuộc đàn áp diễn ra rất tàn bạo, đồng thời ở Nam Kỳ và ở Nghệ An.

Tháng 4-1931 hầu như toàn bộ Ban chấp hành Trung ương đảng cộng sản Đông Dương bị bắt, Tổng bí thư Trần Phú chết trong khi bị tra tấn ở Sở mật thám. Chỉ riêng ở Sài Gòn 3500 chiến sĩ cách mạng bị đưa ra tòa án. Riêng phiên tòa đại hình Sài Gòn diễn ra từ ngày 2 đến ngày 7 tháng 5 năm 1933 xử 131 người; 8 người bị kết án tử hình, tòa kêu án tổng cộng 900 năm tù cho 101 người. Thoái trào bắt đầu từ đó.

Cũng chính từ Sài Gòn, phong trào cách mạng được hồi phục nhanh và mạnh khi xuất hiện phong trào Mặt Trận Bình Dân ở Pháp. Vai trò đầu tàu của cuộc hồi phục thuộc về nhóm Trốtkýt Việt nam từ Pháp trở về. Họ vừa bắt tay với những người cộng sản vừa phê phán Đảng cộng sản Đông Dương về tinh thần quốc gia có phần hẹp hòi, ít tinh thần giai cấp công nhân, cũng như về xu hướng theo Stalin của Đảng cộng sản. Nhóm La Lulte hoạt động mạnh, như phần trên đã nói; điều cần nói thêm là thế lực Trốtkýt lên khá mạnh trong trí thức, sinh viên, học sinh, thợ thuyền Sài Gòn, với lá cờ búa liềm đỏ mang số 4 (đệ tứ). Phong trào Đông Dương Đại Hội lên mạnh, có tới 600 ủy ban hành động ở Sài gòn và vùng lân cận, trong đó thế lực của nhóm Trốt kýt vẫn ở hàng đầu. Hồi đó thế và lực của Đảng cộng sản lại là ở Bắc Kỳ, ở Trung Kỳ (chủ yếu là

vùng Nghệ An, Hà tĩnh), ở Hoa Nam và một số vùng Thái Lan.

Tất cả những nét đấu tranh trên đây chưa được phản ánh đúng trong các cuốn lịch sử phong trào cách mạng và công nhân do những người cộng sản chỉ đạo việc soạn thảo. Cái khuynh hướng viết sử để tự đề cao tổ chức của mình, hạ thấp các tổ chức khác, thậm chí chụp mũ "Việt gian" bừa bãi cho những người không theo mình, làm cho sự thật bị xuyên tạc, bóp méo, là thái độ không khoa học. không lương thiện. Nhiệm vụ các nhà sử học chân chính việt cho thật đúng lịch sử còn rất nặng nề vậy.

Bùi Tín

Mặt Thật

Từ những cách yêu nước khác nhau

Trong các giáo trình lịch sử được dạy ở các trường hiện nay, nhiều sự kiện, nhân vật... cũng bị xuyên tạc. Các giáo trình ấy cho rằng Việt nam Quốc Dân Đảng sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái bị thất bại, đã tan rã hoàn toàn. Các tổ chức Việt nam Quốc Dân Đảng sau đó rồi Đại Việt Quốc Dân Đảng, Đại Việt Duy Dân, cũng như cách Mạng Đồng Minh Hội... đều bị coi là những tổ chức phản động, những tổ chức tay sau của Quốc Dân Đảng Trung Quốc, tay sai của thực dân Pháp, hay của đế quốc Mỹ; nói tóm lại, những tổ chức ấy đều là những tổ chức "Việt gian", là kẻ thù của dân tộc. Đó là quan điểm chụp mũ nhưng người không chịu theo Đàng cộng sản, nhưng người bất đồng chính kiến về chính trị với Đảng cộng sản là kẻ thù tuốt. Họ tự nhận, chỉ những người cộng sản mới là đấu tranh cho dân tộc, mới là người yêu nước; còn mọi người khác đều là ở

trận tuyến đối lập, đều chống lại tổ quốc và nhân dân... Trong các cuốn sách lịch sử, trên báo chí, đài phát thanh, những nhân vật như Trần Trọng Kim làm Thủ tướng sau cuộc đảo chính 9-3-1945 bị coi là phản động, bù nhìn và tay sai cho đế quốc Nhật; Phạm Quỳnh, nhà văn hóa, nhà báo, chủ nhiệm tờ Nam Phong, sau làm Thượng thư Bộ Giáo Dục rồi Bộ Lại của Nam Triều Bảo Đại cũng bị gán tội là Việt gian, tay sai thực dân Pháp, bị Việt Minh giết đầu tháng 9-1945 ở Huế, Ngô Đình Diệm, Thủ tướng rồi Tổng thống ở miền Nam Việt nam, bị coi là phản động, Việt gian, do CIA Mỹ huấn luyện và đào tạo. Rồi một loạt nhân vật chính trị, văn hóa khác như: Võ Hồng Khanh, Nguỵ Tường Tam, Khái Hưng, Hoàng Đạo,.. cũng bị nhận định là phản động, bán nước, Việt gian, tay sai thực dân và đế quốc... Ngay ở trong đảng cộng sản, việc chụp mũ cho một số người là phản bội, la "xét lại", là "chống đảng" trong một loạt vụ án nội hộ cũng rất tùy tiện. Hoàng Văn Hoan, ủy viên bộ Chính trị Đảng cộng sản Việt nam sau khi bất đồng chính kiến với ban lãnh đạo đảng, trong một chuyến đi ra nước ngoài đã ở lại Pakistan rồi sang Trung Quốc, bị kết tội là phản bội và bị kết án tử hình. Một số nhân vật như: Thượng tướng Chu Văn Tấn Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, ủy viên đảng ủy quân sự Trung ương, Phó chủ tịch Quốc

Hội; Trung tướng Nguyễn Vịnh, Trưởng ban Thống Nhất của Trung ương đảng; Thiếu tướng Đặng Kim Giang, Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu Cần; Hoàng Minh Chính, Viện trưởng Viện triết Học; Vũ Đình Huỳnh, Vụ trưởng Vụ Lễ Tân, Bộ ngoại giao; Ung Văn Khiêm, Bộ trưởng Bộ ngoại giao cũng từng bị nhận định trong nội bộ đảng là phản bội, theo chủ nghĩa xét lại chống đảng và là tay chân của nước ngoài... Việc chụp mũ những người không có cùng chính kiến với Đảng cộng sản là "Việt gian" có thể là một kiểu cách học theo Đảng cộng sản Trung Quốc hồi nội chiến Quốc Cộng: Đảng cộng sản Trung Quốc coi những kẻ hợp tác với phát xít Nhật là Hán gian; coi chính phủ Uổng Tinh Vệ là Hán gian, tay sai Nhật. Về sau chữ Hán gian được dùng rộng rãi, cứ ai không đồng tình và phê phán đường lối của Đảng cộng sản Trung Quốc thì đều là Hán gian cả... Từ hai chứ Hán gian mà sinh ra hai chứ Việt gian. Đã là Việt gian thì đáng tội chết, đáng bị xử tử.

ở phía trận tuyến đối lập, thường gọi là phía quốc gia, trên báo chí hải ngoại, cũng có những người có quan điểm cực đoan, coi những người lãnh đạo cộng sản mới là "phản động", là "tay sai của Nga xô", "tay sai của đệ tam quốc tế, là "bán nước cho Nga cộng và Trung Cộng", là cõng rãn cắn gà nhà, là nguyên nhân của chiến tranh huynh đệ

tương tàn, là nguồn gốc mọi đau khổ và tổn thất của đồng bào... Họ không ngần ngại dùng những từ ngữ xấu xa nhất để chụp lên đầu những người lãnh đạo của đảng cộng sản.

Tất cả những điều trên là hậu quả của một thời kỳ lịch sử. Đã đến lúc tỉnh táo nhìn lại và đánh giá một cách điềm tĩnh, khách quan. Có thể nói, ở các bên, chỉ có một số ít người đi làm chính trị để nhằm kiếm chác tiền tài và danh vọng. Phần lớn đi làm chính trị là nhằm giành lại độc lập cho đất nước, tiến bộ cho xã hội. Họ chịu đựng những hy sinh, tổn thất trong dấu tranh, có khi bị bắt bớ, tù đày. Họ nhằm vào những giá trị mà họ tin tưởng, theo đường lối và biện pháp mà họ cho là đúng đắn. Họ lại phải tính đến những thế lực quốc tế, đến cuộc đấu tranh giữa những thế lực quốc tế ấy ở trong khu vực và trên thế giới. Và họ tìm chỗ dựa, tìm sự giúp đỡ và ủng hộ của bên này hay của bên kia, trong cuộc đấu tranh của tổ chức chính trị mà họ dựng lên hay tham gia ấy cho nên cần quan niệm một cách khách quan rằng: ở bên này hay ở bên kia, trong tổ chức này hay tổ chức khác, những người hoạt động chính trị trong thời kỳ lịch sử vừa qua đã có những cách yêu nước khác nhau, dẫn đến đường lối và biện pháp khác nhau. Trong đấu tranh quyết liệt đối địch nhau, họ coi nhau

là kẻ thù và có những nhận định quá đáng về nhau. Nay lịch sử đã sang trang, cần nhìn lại với đôi mắt tỉnh táo, quý trọng nhau ở động cơ yêu nước, có thể phê phán nhau về đường lối và phương pháp, không nên giữ mãi hận thù kiểu sống mái và triệt tiêu nhau. Những người cộng sản đã thắng trong chiến tranh, do họ đã dựng được lá cờ yêu nước trong nhân dân, nhưng họ đã thất bại trong xây dựng đất nước do đã không giữ đường con đường tự chủ tự lập. Đó là bi kịch của họ, cũng là bi kịch cửa đất nước do họ độc quyền lãnh đạo. Sớm muộn những thế lực lành mạnh của đất nước vốn ở hai trận tuyến đối lập, sẽ biết tìm thấy nhau, bắt tay nhau, hợp tác vì nghĩa lớn: xây dựng một nước Việt nam độc lập, dân chủ, phát triển và phồn vinh, trong dó luật pháp được tôn trọng và công bằng xã hội được thực hiện, hòa nhập với thế giới ngày nay. Đến lúc ấy danh từ "ngụy" cũng sẽ biến hẳn đi, để trong hồ sơ, lý lịch, lưu trữ của chính quyền, trên sách, báo, trong lời nói, không còn có ai bị xúc phạm, khinh thị, bị phân biệt đối xử là thuộc "ngụy quân" và "ngụy quyền" như từ 1975 đến nay. Đáng lý ra, ngay sau khi ấy, danh từ "ngụy" đã không nên không được dùng đến, cũng như những lớp "học tập cải tạo không nên có; thực tế đó là những trại giam của những người chiến thắng nhằm giam cầm, đầy

đọa những người thua trận, làm cho chữ "giải phóng" trở nên một tai họa ghê gớm cho hàng triệu con người, kéo dài oán thù lẽ ra đã có thể sớm nguôi ngoại và chấm dứt.

Bùi Tín

Mặt Thật

Đoàn kết và hòa giải hòa hợp

Chữ đoàn kết được nêu lên không biết đến bao nhiêu lần trong các văn kiện của đảng cộng sản. Đoàn kết dân tộc. Đoàn kết quốc gia. Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công. Có báo Đoàn kết, câu lạc bộ Đoàn kết, cửa hàng Đoàn kết, cho đến bánh kẹo cũng mang nhãn hiệu Đoàn kết. Đoàn kết nghĩa là bắt tay nhau, chung lòng chung sức, hợp quần, đồng tâm nhất trí để phấn đấu...

Thế nhưng đối với những người lãnh đạo cộng sản, chữ đoàn kết có ý nghĩa khác với ý nghĩa thông thường. Theo họ, đoàn kết luôn có nghĩa, và chỉ có một ý nghĩa là: Theo tôi! Đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, trong Mặt trận Liên Việt hay trong mặt trận Tổ Quốc có nghĩa là theo sự lãnh đạo của đảng cộng sản, vâng lời đảng cộng sản, chịu mọi sự áp đặt của đảng cộng sản. Nói khác với đảng, cãi lại

đảng là vi phạm tinh thần đoàn kết, là nhằm cách phá vỡ khối đoàn kết, là có tội, có khi tội rất nặng. Ngay ở trong đảng, vấn đề giữ đoàn kết của đảng như con ngươi của mắt mình, có nghĩa là luôn phải tuân theo ý kiến của lãnh đạo, không được có ý kiến khác, nếu có ý kiến khác thì liền bị kết tội là bè phái, là chia rẽ, là phá vỡ sự đoàn kết thống nhất, thậm chí là phản bội, là phản động... Có hồi Đảng Dân Chủ Việt nam và Đảng Xã Hội Việt nam cùng với Đảng cộng sản Việt nam đoàn kết trong Mặt Trận Tổ Quốc trên tinh thần bình đãng, tôn trọng lẫn nhau, nhưng thực tế hai đảng đó phải tuân theo sự chỉ huy và lãnh đạo tuyệt đối của Đảng cộng sản. Hai chữ đoàn kết, bình đẳng chỉ là hai sợi dây buộc chát hai tổ chức ấy vào cỗ xe của đảng. Họ giải thích rằng đoàn kết thì phải có lãnh đạo; tinh thần dân chủ tập trung là thế! Cũng như đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa, đoàn kết với Liên xô .luôn bao hàm ý tuân theo sự lãnh đạo và chỉ huy của Liên xô, những ý kiến của Liên xô luôn phải coi là chỉ thị để chấp hành nghiêm chỉnh. Trong mối quan hệ giữa đảng cộng sản trên bán đảo Đông Dương, giữa ba nước Việt Miên Lào cũng vậy, đoàn kết bao gồm ý phải công nhận sự lãnh đạo của Việt nam, phải coi ông Hồ Chí Minh là người lãnh đạo của cả 3 đảng. Nước lớn và nước nhỏ, nước đàn anh và nước

đàn em luôn rõ ràng, phân minh, không thể nhập nhằng được! "Đoàn kết" trở thành một sợi giây vô hình trói buộc mọi cá nhân với đảng, mọi tổ chức với đảng cộng sản, thủ tiêu các quyền dân chủ, thủ tiêu sự bình đẳng, làm cơ sở cho mọi sự chuyên quyền và độc đoán tệ hại. Đây cũng là một kiểu cách lạt mềm buộc chặt của ông Hồ Chí Minh. Cần khôi phục lại ý nghĩa chân thật của hai chữ đoàn kết, cùng nhau đoàn kết trên cơ sở ngang nhau.

Nhân đây cũng xin có vài lời về cụm từ "hòa giải, hòa hợp dân tộc"; vấn đề này từng gây biết bao tranh cãi trên báo chí hải ngoại. Người thì nói rằng đây là vấn đề quan trọng bậc nhất, không thể bỏ qua. Người thì cho rằng không cần, đó chỉ là cái bẫy nguy hiểm, một sự lừa lọc. Đầu năm 1993, trong cuộc họp với một số Việt Kiều ở Sài gòn, ông Võ Văn Kiệt nói bảy lần đến đoàn kết và hòa hợp, không nói đến hòa giải. Hòa hợp là một yêu cầu nhằm giải quyết vấn đề ngăn cách, chia cách, xa lánh, bất hòa, không hiểu nhau, không gần nhau, không quan hệ hay ít quan hệ với nhau vì xung khắc, vì định kiến... Hòa giải là một yêu cầu nhằm giải quyết những vấn đề xung khắc, xung đột, có khi là hận thù với nhau, xuất hiện so những điều kiện trước đây, nay cùng nhau gặp gỡ trực tiếp để thanh toán cho êm

đẹp đi đến hiểu nhau, gần nhau, đạt đến mối quan hệ thân quen khác hẳn trước.

Nếu hiểu rõ như vậy thì trong xã hội Việt nam rất cần đến sự hòa giải, hòa hợp, vì do những điều kiện lịch sử, đã có những sự đối địch giữa chế độ miền Bắc và miền Nam, đã có chiến tranh huynh đệ tương tàn, đã có người của phía bên này và phía bên kia, do đó người dân thường ít hiểu về chính trị cũng bị ảnh hưởng trong suy nghĩ. Trong nhân dân, đã có khá nhiều điều đã được hòa giải một cách tự phát, trong gia đình, giữa bạn bè, người thân quen ngay từ sau 30-4-1975. Sự hòa hợp đã được thực hiện khá rộng và khá sâu trong nhân dân vốn giàu tình cảm và lương tri (bon sens).

Tuy nhiên vẫn cần có chủ trương hòa giải và hòa hợp trên phạm vi quốc gia, để thực hiện một cách đầy đủ, rộng khắp, nhất quán trong nhận thức, trong văn kiện, tầl liệu, trên sách báo, trong nếp nghĩ, trong cả đánh giá những sự kiện và nhân vật lịch sử cũng như trong xử sự hiện nay. Biết bao nhiêu việc cần làm để mở trang sử mới, không bị quá khứ giam hãm và đè nặng để thanh thản nhìn tới tươnglai.

Hòa giải và hòa hợp cần thực hiện rộng khắp, trong quan hệ nhà nước với công dân, không còn định kiến dân "ta"

và dân "ngụy", "ngụy quân" và "ngụy quyền" cũ trong các cơ quan hành chánh, an ninh, các cơ quan của đảng cộng sản hiện nay, quan hệ giữa các cơ quan hành chánh, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học với công dân; quan hệ với bà con Việt Kiều... trong đó nhà nước và Đảng cộng sản lãnh đạo nhà nước phải giữ vai trò chủ động và chân thành. Đây không phải là kiểu trịch thượng, ban ơn, "ta cho các người được hòa giải và hòa hợp với ta" mà là hòa hợp và hòa giải trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau về nhân cách và nhân phẩm. Nếu không, vẫn là kiểu "đoàn kết" có nghĩa là khuất phục, theo tôi! Và hòa giải, hòa hợp lại là cúi đầu xin tha tội, rồi mới chìa tay ra bắt.

Do đó hòa giải và hòa hợp phải xuất phát từ thiện chí, từ tình anh em trong một nhà, từ tình nghĩa ruột thịt, con em chung một tổ quốc, nhìn lại quá khứ với con mắt am hiểu, độ lượng, thông cảm nhau, từ đó tôn trọng, quí mến nhau trên tinh thần bình đẳng.

Ngay trong cộng đồng Việt ở nước ngoài, với những quá khứ và lịch sử khác nhau, trong các tổ chức khác nhau, quan điểm chính trị khác nhau, có khi đối địch nhau, cũng cần đặt vấn đề hòa giải và hòa hợp, tôn trọng nhau trên tinh thần dân chủ, đa nguyên, chung sức hợp tác xây dựng cộng đồng lớn mạnh, đóng góp có kết quả nhất để

xây dựng tổ quốc. Trong cộng đồng người Việt, cũng có ý kiến cực đoan cho rằng đối với cộng sản, không có vấn đề hòa giải và hòa hợp gì hết, chỉ có vấn đề buộc họ phải rút lui, chỉ có vấn đề họ phải giao quyền (rút lui như thế nào và giao quyền ra sao thì có người không phát biểu rõ được) vì họ là những kẻ có tội, phá hại đất nước... Đây là lối nhìn trịch thượng, không thực tế. Còn cần tạo nên nhiều sức ép trong và ngoài nước mạnh mẽ mới có thể ép những người lãnh đạo Đảng cộng sản chấp nhận bầu cử dân chủ thật sự theo quan diềm đa nguyên. Trong cộng đồng người Việt hải ngoại, những người có cách nghĩ cực đoan không nhiều, số này lại đang giảm đi rõ rệt. Tôi đã có dịp gặp hàng nghìn người ở nhiều nước, với những đặc điểm rất khác nhau về quá khứ, hoạt động đảng phái, nghề nghiệp cũ, động cơ rời đất nước, hoạt động hiện nay... Thật là phong phú. Họ là giáo sư, trí thức các ngành khoa học, tự nhiên và xã hội. Họ là nhà kinh doanh. Họ là cựu sĩ quan của miền Nam cũ, có người là thiếu tướng, trung tướng, đại tướng. Họ là dân biểu, thượng nghị sĩ ở quốc hội Sài gòn cũ. Họ là nhà báo, văn nghệ sĩ, bác sĩ, dược sĩ. Tôi không e ngại gặp gỡ, thảo luận, đối thoại với bất cứ ai.

Suốt hơn hai năm gặp gỡ nhiều người, tôi ghi chép tất cả

và nhận thấy mỗi người một vực, không ai giống ai, thế nhưng tất cả đều có một nét chung: Họ là những người lương thiện, có thiện tâm, ít nhiều đều có lòng yêu nước, mong mỏi quê hương phồn thịnh. Cá biệt lắm mới có người cực đoan, mù quáng, thiên về cảm tính, bị quá khứ cầm tù, và những người này dù sao vẫn có thể cảm hóa được. Tôi đặc biệt quý trọng thế hệ trẻ, từ 20 đến 30, 35 tuổi, là sinh viên, cán bộ kỹ thuật các ngành, họ không bị quá khứ ràng buộc, có cách nhìn thoáng rộng, độc lập và tự chủ. Chính số cán bộ trẻ này có nhiều kinh nghiệm khoa học, kỹ thuật, quản lý, kinh doanh, chắc chắn sẽ có ích cho mất nước trong thời gian tới, khi họ có thể trở về một thời gian ngắn hoặc đài tùy theo yêu cầu để làm việc ở trong nước. Số cán bộ, trí thức trẻ này có tấm lòng hòa giải và hòa hợp rất tự nhiên, nhẹ nhàng mà không kém phần sâu đậm. Có anh chị em trẻ còn nói, việc hòa giải hòa hợp là chuyện của các vị, chúng tôi không muốn kế thừa cái truyền thống chia rẽ của các vị! Tuổi trẻ chúng tôi ở trong nước với ở ngoài nước đã là bạn bè anh em với nhau rồi. Tất cả thành kiến và thủ đoạn chia rẽ dân tộc, phân chia giả tạo từ cả hai phía thành: yêu nước và phản động, yêu nước và bán nước, yêu nước và "việt gian"; quốc gia và cộng sản, tay sai đế quốc Mỹ, tay sai Nga Tầu, bù nhìn

của kẻ này và kẻ khác... đã đến lúc phải thanh toán triệt để. Sẽ gỡ đi được gánh nặng đè lên cuộc sống của dân tộc ta, mọi người thanh thản lao vào sự nghiệp lớn: phát triển đất nước, khắc phục lạc hậu và nghèo khổ, ráng đuổi kịp các nước láng giềng.

Bùi Tín

Mặt Thật

Dưới đáy giếng

ở miền Bắc, từ khi còn ở tuổi mẫu giáo, các em đã được các cô dạy cho lòng căm thù. Cái gì xấu xa là đế quốc, dịa chủ, ngụy. Tập bắn súng là có sẵn bia: lính Mỹ, máy bay Mỹ, lính ngụy. Tập đánh giặc, tập bắt tù binh. Tập tra hỏi tù binh. Tập giải tù binh đi.. Khi làm tính, lập đếm, cộng trừ nhân chia cũng dùng số lính ngụy, lính Mỹ bị diệt trong 1 trận, trong hai trận lớn nhỏ để tính. Cách xưng hô cũng rõ ràng, bạn thù ta rạch ròi. Bác Hồ, chú cán bộ, ông Stalin, bác Mao, đồng chí bộ đội, còn thì phía bên kia phải gọi bằng thằng tuốt. Thằng Tổng thống Mỹ, thằng Tổng thống ngụy, thằng Việt gian, thằng sĩ quan Mỹ, thằng chỉ huy ngụy, thằng lính biệt kích, thằng Tỉnh trưởng... Trong những câu chuyện kể cho tuổi thơ trong trắng và ngây thơ, ông Stalin, bác Mao, bác Hồ hiện lên như thần thánh, tiên phật, các chú bộ đội luôn hiền ơi là hiền, dũng cảm, mưu

trí, nhiều sáng kiến, cứu đồng bào trong bão lụt, thật thà, ngay thẳng, còn những kẻ hung ác, lừa đảo, tham lam, ngờ nghệch, ngu ngốc thì đều là "Mỹ-ngụy" và "tay sai"! Từ tuổi thiếu niên, qua giáo dục của nhà trường, đội thiếu niên tiền phong, lập trường bạn thù ta trong các em đã vô cùng rõ ràng. Phe ta, phe nó, chúng ta và chúng nó; ta nhất định thằng, địch nhất định thua. Tất nhiên trong chiến tranh, động viên cổ vũ hậu phương, tuyên truyền ủng hộ tiền tuyến là cần thiết. Thế nhưng việc giáo dục từ trẻ thơ những điều kể trên, có tính chất cường điệu thiên lệch, không đúng với thực tế đã gieo vào lòng các em các nhận thức sai lệch. Công bằng và lòng nhân ái bị coi nhẹ. Lớn lên khi tự tìm hiểu được thực tế, các em sẽ nhận ra rằng thực tế không phải là như vậy, dễ sinh ra hoài nghi, hoang mang, mất phương hướng trong nhận thức.

Việc tuyên truyền một chiều: ta cái gì cũng đẹp, cũng tuyệt vời, địch cái gì cũng xấu, cũng tồi tệ đã tạm thời đạt được kết quả không phải chỉ vì đồng bào ta nhẹ dạ và thiếu tỉnh táo. Nguyên nhân chủ yếu ít người nghĩ đến chính là ở chỗ miền Bắc hồi ấy bị cách ly hầu như triệt để với bên ngoài. Thông tin bị cắt đứt giữa miền Bắc và miền Nam. Tôi có một chị ruột, một em gái ruột ở miền Nam từ năm 1954, vậy mà suốt năm năm không có một mẩu tin? Đến

năm 1960 mới biết được vài hàng qua một người trong họ xa ở Pháp. Phần lớn đều đứt liên lạc như thế. Giới tuyến tạm thời ở vĩ tuyến 17 bị đóng chặt. Hai bên bờ sông Hiền Lương như hai thế giới riêng biệt. Điện thoại, điện tín, thư từ bị cát đứt với nửa nước phía Nam và cũng là với cả thế giới.

Từ năm 1950, biên giới phía Bắc được mở ra, bắt đầu quan hệ với Trung Quốc, rồi sau đó với Liên xô. Sau 1954, vấn đề quan hệ với bên ngoài vẫn bị phong tỏa chặt. Chỉ có những quan hệ với "phe ta", mà cũng là quan hệ rất ít ỏi. Vũ khí, hàng hóa, thuốc men, thực phẩm, máy móc từ Liên xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác được chở đến. Một năm có chừng mấy chục đoàn chính phủ đi thăm, ký kết với các nước "phe ta", còn các đoàn thể xã hội như công đoàn, thanh niên, phụ nữ, nhà văn, nhà báo đi ra nước ngoài thì có thể đếm trên đầu ngón tay. Một số văn nghệ sĩ, nhà báo dự Đại hội Liên hoan Thanh niên Thế giới (do Liên xô đứng ra tổ chức) ở Moscou hay Berlin trở về, đi nói chuyện khắp miền Bắc liền 4 tháng trời, thu hút và hấp dẫn mọi người tò mò muốn biết tình hình ở ngoài nước ta ra sao. Chiến sĩ thi đua nông nghiệp Trịnh Xuân Bái, anh hùng nông nghiệp Hoàng Hanh đi thăm Trung Quốc, Liên xô về là tha hồ mà kể chuyện, nửa

năm không hết chuyện! Mỗi buổi đều chật cứng các nhà hát nhân dân ở ngoài trời. Mọi người thích thú, sung sướng, nức lòng nghe kể về nông trang tập thể ở Liên xô máy cày máy gặt trên đồng ruộng, về công xã nhân dân Trung Quốc, về những thửa ruộng năng xuất cao...
Ai nấy chung một nguyện vọng: ngày nay của Liên xô, Trung Quốc là ngày mai của Việt nam. Nghe chuyện về còn bàn tán suốt đêm, cho đến cả tháng trời sau đó...
Những đoàn văn công, đoàn xiếc Liên xô, Trung Quốc, Triều Tiên, Mông Cổ Hungari, Anbani... sang biểu diễn ở Hà nội và các tỉnh là những sự kiện mà hàng 1, 2 năm sau mọi người còn nhớ và nhắc đến. Cũng phải nói cả thời đó, tuổi trẻ sống trong cống hiến, trong chiến đấu, cuộc sống không có ước mong gì cao xa về vật chất, mọi người sống ngang nhau, thậm chí gần giống y như nhau, về tình cảm và tinh thần còn lạc quan, lãng mạn nữa. Hàng hóa viện trợ đầy đường, đầy bãi, trong vườn hoa, mà vẫn nguyên si, không mất mát.
Miền Nam và thế giới ra sao? Qua thông tin, tuyên truyền, người dân chỉ hiểu đại khái là miền Nam mất độc lập, phụ thuộc Pháp rồi Mỹ. Nhân dân trong đó khổ cực, lầm than, người yêu nước bị giết hại trong các chiến dịch tố cộng, diệt cộng rất tàn bạo, máy chém lê đi khắp mọi nơi; ở các

thành thi chỉ là phồn vinh giả tạo, xã hội suy đồi, văn hóa đồi trụy, nạn xì ke, đĩ điếm, cờ bạc tràn lan, nạn tham nhũng tràn ngập... Tất cả những thông tin từ miền Nam theo nội dung ấy được chắt lọc, tô đậm, đưa lên báo, đài. Chính do tuyên truyền một chiều như thế mà sau 30-4-1975, bà con ta vào miền Nam bị choáng ngập bởi hàng hóa đẹp dù và tốt khác hẳn những điều dự đoán. Về xã hội, con người cũng thế. Xã hội miền Nam không đến nỗi hỗn loạn, thối nát, vẫn có những gia đình nề nếp, con người nhân hậu ở vùng tạm chiến và thành thị. Ngay trong những gia đình bị coi là thù địch trước đây vẫn có không ít những con người ngay thật, có văn hóa và lương tâm, có tư cách và hiểu biết. Nhìn ra thế giới cũng vậy. Miền Bắc trước đây có rất ít người đi được sang thế giới phương Tây. Họ chỉ là một số rất ít nhà ngoài giao được chọn lọc rất kỹ càng. Còn thì toàn xuất ngoại là đi các nước "phương ta". Sách báo, thư từ hầu như không có. Cho nên chỉ hiểu thế giới phương Tây qua các khái niệm quen thuộc trên đài báo: khủng hoảng, thất nghiệp, trộm cáp, lạm phát, bất công, đĩ điếm, cờ bạc, bãi công và đấu tranh của người lao động!

Trong tất cả giáo trình giảng dạy chính trị và kinh tế, lý luận và thực tế về chủ nghĩa xã hội được truyền bá là: ở

chủ nghĩa xã hội ưu việt không có khủng hoảng vì tất cả đều sản xuất theo kế hoạch thống nhất, tính từ cái kim, chiếc quần đùi đến hộp diêm. Không có thất nghiệp vì ai cũng được nhà nước phân công làm việc. Không có bóc lột vì mọi giai cấp bóc lột không còn tồn tại, không có tư bản, địa chủ, phú nông thì làm sao có bóc lột được. Chỉ có thiếu thốn tạm thời. Sản xuất chỉ có tăng không ngừng, không bao giờ có thể giảm sút! "Chúng ta" hơn "chúng nó", "phe ta" hơn "phe họ" là lẽ đương nhiên. Họ dựa vào một số thành tựu có thật của Liên xô (phóng vệ tinh đầu tiên của quả đất, đưa người đầu tiên lên không gian vũ trụ...) để khẳng định rằng tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội là rõ ràng, không cần bàn cãi nữa. Tất cả sự thua kém chỉ là vì chủ nghĩa tư bản có trước hơn 200 năm; còn chủ nghĩa xã hội còn non trẻ.

Vì không thấy thế giới phương Tây ra sao, không có sách báo, thư từ, lại chưa có vô tuyến truyền hình nên cả xã hội đều hiểu tình hình thiên lệch, méo mó. Nam 1971 ở Hà nội mới thử nghiệm vô tuyến truyền hình mỗi tối một giờ. Năm 1973 mới chính thức phát truyền hình, nhưng nhìn ra thế giới qua đài TV Nga, theo hệ thống kỹ thuật Bông Sen. Chỉ có phim truyện của "phe ta", của các nước xã hội chủ nghĩa. Sau 30-4-1975, cách nhìn thế giới đã bắt đầu

thoáng rộng. Thế nhưng người đi ra nước ngoài vẫn bị kiểm soát gắt gao. Phải đến 1986 trở đi, với "đổi mới" và "mở cửa", ngọn gió bên ngoài mới thổi vào, người đi công tác sang phương Tây ngày càng nhiều (tuy cũng chỉ mới chiếm chừng 1 phần ngàn trong bộ máy hành chánh, kinh tế có hơn 6 triệu người). Trăm nghe không bằng một thấy! Thư từ, ảnh gia đình từ bên ngoài gửi về, hàng ngàn, hàng vạn bức thư và bức ảnh đến tận từng gia đình, từng người, chọc thủng những màn che chắn, những bức tường giả tạo. Điện thoại, fax, máy quay phim, máy ảnh, máy chiếu phim, băng cassette, băng video trở nên những vũ khí lợi hại về thông tin trung thực, từng ngày, từng ngày mở ra nhận thức chân thật, phong phú, kịp thời về thế giới xung quanh cho đông đảo người dân khao khát tìm hiểu và suy nghĩ.

Con người là động vật cao cấp, khác các động vật khác là biết quan sát, biết so sánh, biết bắt chước. Mấy chục năm trước, sống kín mít không có thông thương, bặt thông tin với thế giới, đông đảo nhân dân- về mặt nhìn ra thế giới- giống như đứng cả dưới đáy giếng! Chỉ trông thấy nhau, so sánh với nhau, bắt chước nhau. Và do đó hài lòng với cuộc sống của mình. ăn, mặc, ở, quan hệ với nhau coi như ổn, không thành vấn đề. Mặc gần như dông phục, ăn

uống cũng gần giống nhau, theo mức của tem phiếu. Lấy vợ lấy chồng cũng giống nhau, "được phép của đảng, của tổ chức", đám cưới đơn sơ giản dị. Cưới nhau về là yên ổn, không được ly dị, vì ly dị là thành bê bối to, thành xì căng đan, thành chuyện nhục nhã cho cả hai gia đình, đã có tổ chức hòa giải đứng ra dàn xếp bằng được. Cho nên vợ chồng an phận, không cần chinh phục nhau tiếp, chẳng cần chiều gì nhau thêm, không cần có động cơ vun đắp hạnh phúc lứa đôi, không ít cặp vợ chồng sống tẻ nhại, cam chịu số phận, chẳng khác gì xưa bố mẹ đặt đâu con ngồi dấy. Nay là tổ chức đặt đâu đảng đặt đâu xin ngồi nguyên đấy cho yên phận tránh mọi rắc rối và tránh bị chc cười...

Thế là trong gần 30 năm, do điều kiện chiến tranh, do chính sách bế quan tỏa cảng, hàng chục triệu nhân dân Việt nam bị tước quyền được là công dân của thế giới. Họ không hiểu đồng loại đang sống ra sao, có những điều gì hơn để học tập, có những điều gì kém để giúp đỡ, không có đối tượng để so sánh, để vươn lên bằng người. Đất nước bị trì trệ khủng khiếp về mọi mặt cho đến tận nay bắt nguồn từ đó. Nếu như từ mấy chục năm trước ta được biết cuộc sống ở các nước khác, người dân được tự do ăn nói, tự do suy nghĩ, tự do đi lại ra sao, con người bình

đẳng trước pháp luật thế nào, cái lợi của một xã hội co pháp luật ro ràng, có luật sư tự do, có người viết báo tự do... thì chúng ta không bao giờ cam chịu tình hình ở nước ta sao mà chậm tiến đến vậy! Chúng ta đã bị bịt kín mắt, không có đối tượng để quan sát và so sánh. Chỉ nhìn thấy nhau, chúng ta mất hẳn động lực dể vươn dậy cho như người, cho bằng người, cho hơn người. .

Cho đến tận bây giờ, khi đã gọi là mở cửa", là đổi mới", vẫn còn tình trạng nhân dân ta sống cứ như ở một hành tinh khác, với những qui tắc khác xa lạ với thế giới ngày nay. Các "thước đo" kích thước, giá trị ở nước ta cũng khác với các "thước đo" thế giới. Có những quan niệm trái ngược nhau ở các nước dân chủ, người công dân sinh ra là nghiêm nhiên có nhiều quyền. Quyền suy nghĩ, quyền phát biểu, quyền đi lại, quyền xuất cảnh, quyền tín ngưỡng hay không kín ngưỡng quyền giao dịch với bạn bè ở nước ngoài. Người công dân có quyền tự do rộng lớn, không phải nhà nước hay đảng nào ban phát cho mà tự mình có sẵn khi sinh ra và trưởng thành là đã có sẵn. Họ làm mọi chuyện theo ý muốn, không phải xin phép bất cứ ai, chỉ trừ những điều gì mà luật có khoản cấm. Mà những điều luật ngăn cấm xét cho cùng cũng chỉ vì quyền tự do của toàn xã hội.

ở nước ta, một thời gian dài, cấm đủ thứ. Cấm tự do đi lại phải có giấy phép mới được đi vào Nam, lên vùng biên giới; cấm đi ra nước ngoài, phải có giấy phép đặc biệt; cấm gặp gỡ nói chuyện với bất kỳ người nước ngoài nào, cấm thư từ với họ; có dạo cấm làm bánh cuốn, cấm mở hàng phở vì vi phạm chính sách lương thực! Lại còn có đạo cấm thanh niên để tóc dài, mặc quần loe, lập tố cờ đỏ (hỗ trợ cho cảnh sát) chặn người, đè họ ra cắt tóc và cắt quần! Tất nhiên những điều quá quất thì hiện nay không còn, nhưng kiểu cách ban ơn, cho phép, hạn chế tự do vẫn còn dai dẳng. ở nước ta chỗ nào cũng đề phục vụ nhân dân, cơ quan nhà nước nào cũng được giáo dục về phục vụ nhân dân, nhưng nạn cửa quyền, quan liêu trái với tinh thần ấy vẫn là cố tật. ở nước khác, không có khẩu hiệu phục vụ nhân dân, vậy mà ai nấy đều có ý thức: tôi làm việc là để phục vụ những người khác cần đến tôi, tôi phải làm hết trách nhiệm cho họ hài lòng đến mức cao nhất là lẽ đương nhiên; luật pháp, đạo lý, lẽ ứng xử xã hội ắt phải là như thế. Những tiếng "cám ơn", xin lỗi" luôn ở cửa miệng, không phải hình thức, mà là thành nếp nghĩ, nếp sống, cách ứng xử bình thường trong xã hội. Đã trở nên hết sức cấp bách là những người cầm quyền ở nước ta có nhiều dịp ra nước ngoài quan sát nghiên cứu một

thời gian để tìm hiểu nếp sống trong xã hội có luật pháp và dân chủ. Đi, tìm hiểu, quan sát, đối chiếu với ta và suy nghĩ. Có người có dịp đi, nhưng lao vào các nghi thức hiếu hỷ và làm ăn, bỏ phí việc tìm hiểu và quan sát. Và đến bao giờ số đồng bào ta được đi thăm các nước láng giềng, rồi các nước xa gần ngày càng nhiều, thì tình hình xã hội ta sẽ càng đổi thay nhanh chóng và sâu sắc hơn. Cho đến nay, do "mở cửa", mở rộng giao lưu, mở rộng quan hệ qua thăm viếng, du lịch, bằng điện thoại, điện tín, fax, bằng thư từ, ảnh, phim chiếu, cát sét, qua đài phát thanh các nước và vô tuyến truyền hình được truyền qua vệ tinh, nhân dân ta không còn ở đáy giếng nữa. Đó là điều kiện đã giành được để chúng ta bòa nhắp ngày càng sâu rộng vào thế giới, trở thành công dân thật sự của cộng đồng thế giới ngày nay.

Bùi Tín

Mặt Thật

Những nỗi lo

ở một xã hội thiếu dân chủ hoặc không có dân chủ, người dân bình thường, muốn được sống bình thường, thường lo sợ đủ thứ. Trước hết là lo. Từ lo mà phải sợ. Trước kia, ở miền Bắc là như thế. Lo cho bản thân mình và gia đình mình yên ổn. Lo để lý lịch mình luôn trong sạch, lý lịch cả nhà mình trong sạch. Lo để các giấy tờ hợp lệ, để hàng năm được cấp phiếu bình thường. Lo để con cái đi học thuận lợi, không bị trục trặc nửa chừng, được học lên đại học, thi đỗ được nhà nước tuyển dụng. Lo cho con được vào Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, rồi động viên nó phấn đấu vào đảng. Cao hơn một chút, lo cho con thi đại học có điểm cao theo qui định hàng năm, để được tuyển đi học nước ngoài ở Liên xô, Trung Quốc hay một nước "anh em". Cái lo của ai cũng gần giống như nhau, trong một xã hội mặc "đồng phục". Lo được lên lương, lên

cấp đều đều, vì có lên lương lên cấp mới được cấp nhà có phòng rộng hơn một chút, mới được cấp phiếu lương thực, thực phẩm và hàng bách hóa loại cao hơn. Từ nhân viên lên cán sự, từ cán sự lên chuyên viên trung cấp, rồi lên chuyên viên cao cấp là cả một cuộc hành trình không giản đơn.

Hầu như ai cũng là công nhân viên nhà nước, nên cái lo của mỗi người, mỗi gia đình thật giống nhau. Hàng năm lo cho bản thân và vợ con hoặc chồng con, nếu là nhân viên, cán bộ nhà nước, nếu được bình hầu "lao động tiên tiến. Hầu như ai cũng là "lao động tiên tiến", chỉ trừ bị một lỗi gì nặng, mất "lao động tiên tiến" là bị một kỷ luật rất nặng. Chao ơi là một thời, mỗi con người có những mối lo nhỏ nhoi mà được coi là hệ trọng, mòn mỏi lo âu, mỏi mòn phấn đấu trong những mảnh đời chật hẹp, trong khung cảnh của một chế độ được coi là ưu việt, tự nhận là ưu việt, hơn người. Do không có luật pháp trong nếp sống xã hội, nên con người phải lo ứng xử theo một kiểu cách khác thường: lo làm vừa lòng nhà chức trách. Mà nhà chức trách thì quá nhiều? Phải lo vừa lòng ông bà Thủ trưởng trước hết. Thế nhưng ở một cơ quán, xí nghiệp, đâu chỉ có ông Thủ trưởng cùng với 2,3 đến 4,5 ông bà thủ phó. Còn

có bộ tứ. Bộ tứ không phải là bộ bài tứ sắc, như một anh bạn ở miền Nam ra hồi 1976, 1977 hỏi lại tôi khi tôi kể cho anh nghe. Bộ tứ là bốn vị cai quản một đơn vị cơ sở thường gồm có: Thủ trưởng, Bí thư đảng ủy, Chủ tịch..hay Phụ trách. Công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản. Có nơi mở rộng thêm thành bộ 5, thêm bà phụ trách nữ công, nếu ở đó có nhiều phụ nữ; thành bộ 6, thêm trưởng ban thi đua, hoặc trên trưởng ban kiểm tra hay thanh tra, tùy theo tình hình.

Người biết lo toan nghĩa là biết sống yên ổn với tất cả các vị chức sắc trên; cao hơn, khôn hơn là biết sống đẹp với tất cả các vị đó; khôn hơn nữa là tìm kiếm một thế lực, một chỗ dựa, một người đỡ đầu cho mình trong số các quan chức ấy.

Trong một năm, có những sự kiện được coi là quan trọng nhất. Cả đơn vị cơ quan bàn tán xôn xao, thăm dò, điều tra, truyền tin, vui mừng, thất vọng, chia vui, chia buồn... theo những sự kiện ấy. Đó là các dịp kết nạp vào đảng, kết nạp vào đoàn (thường là nhân dịp những kỷ niệm lớn). Ai được xét chọn là đối tượng, ai bị gác ở lại? Đó là dịp xét khen thưởng, cất nhắc và đề bạt thường vào cuối năm. Đó là dịp bình bầu, xét khen thưởng thi đua tháng 5 và tháng 11, dịp giữa và cuối năm để xem ai là lao động ưu tú, ai là

lao động xuất sắc là lao động tiên tiến? Cũng là dịp xét lên bậc, lên cấp lên chức, lên lương. Rồi những phiên họp cấp nhà ở, cấp phòng rộng hay hẹp, tầng cao hay thấp, ở nơi gần hay xa, nhà mới hay nhà cũ, bổ xung thêm diện tích bao nhiêu. Cả gia đình được 16 mét vuông hay 20 mét vuông, hay được 26 mét vuông?

Tất cả những chuyện mà ngay này có người cho là tủn mủn, chàng đâu vào đâu, vớ vẩn, vô duyên ấy, cả một thời đã gây biết bao sóng gió trong lòng người. Do ganh tỵ, suy bì, do kèn cựa nhau mà dèm pha, bịt đặt, vu khống, tung tin thất thiệt cho nhau, để đến mức cãi vã, hay giận hờn nhau kéo dài. Và biết bao nhiêu là oan ức, do oan mà ức, mà uất hận.

Những người ngay thẳng, không xu nịnh thì thiệt thòi, những kẻ cơ hội thì được chiếu cố. Và những kẻ cơ hội thường không thiếu. Sáng mồng một tết họ đã có mặt sớm ở nhà Thủ trưởng, cùng vợ con đông đủ mang theo bó hoa thật đẹp, gói quà có giá, đến trình diện và chúc tụng. Từ dưới lên trên. Cho đến ủy viên Bộ chính trị, các Trưởng ban của Trung ương. Dưới có kẻ cơ hội ở dưới, trên có kẻ cơ hội ở trên. Đó là những đệ tử trung thành, để "anh không quên đến em" trong các cuộc họp liên quan đến nguyện vọng của chúng em... Và những lời chúc tết.

Không ai chúc nhau: nhất bản vạn lợi thời xưa, kiểu tư sản bóc lột! Không ai chúc nhau giàu sang, phú quý, cũng là của phong kiến cổ hủ. Chúc sức khỏe. Chúc nhau được vào đảng, con cháu được vào đoàn, được đi học nước ngoài, được lên lương, lên chức, được cấp nhà, đổi nhà rộng hơn dám bảy mét vuông. Cả một thời, cuộc đời vươn lên, ước mơ chỉ có thế! Dạo ấy người ta ít lo về tài năng, lại rất lo về chính trị.

Vì lý lịch được bổ xung luôn, nửa năm một lần. Nhận xét đều ghi lòng lý lịch. Những vấn đề "liên quan" là phức tạp nhất, đáng lo nhất. Có "liên quan" đến địa chủ, tư sản? Hoặc: thuộc gia đình bóc lột", là thành vấn đề. Vợ hoặc chồng thuộc thành phần bóc lột cũng thành vấn đề liên quan hệ trọng. Có anh, chị, em ở miền Nam cũng thành vấn đề phải khai báo, họ làm gì? Hiện có quan hệ gì không? Nếu là công chức, sĩ quan ở miền Nam thì lại càng thêm gay gắt. Bà con, anh chị em ở nước ngoài cũng vậy. Nếu là ở một nước "đế quốc, thì phiền to. Một gạch chéo, một dấu hỏi, thế là ở vào một thế kẹt cứng. Tất cả mọi chuyện sẽ bị chân lại hết, từ vào đoàn, vào đảng, lên đại học, đi học nước ngoài, hoặc lên lương, lên cấp, lên chức cũng vì vậy mà... để xem đã.

Bùi Tín

Mặt Thật

Cái sợ

Biết lo thì rồi ắt phải biết sợ. Lo và sợ đi với nhau thành lo sợ. Nỗi sợ đói nghèo không đến nỗi nặng nề. Vì đã có chánh sách bao cấp. Gạo, muối, đường, xà phòng, vải, dầu đun bếp... có nhà nước lo cho ở mức tối thiểu. Khám bệnh cho thuốc không mất liền, tuy là ở mức thấp. Tiền học không phải trả. Mọi người sống ngang nhau, gần như giống nhau, không mấy ai băn khoăn phải vươn hơn người về vật chất. Nỗi sợ về chính trị có phần nặng nề. Lý lịch là bản mệnh cán bộ và công dân. Nhận xét của cơ quan tổ chức cán bộ và cơ quan công an là có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh chính trị mỗi người. Đối với công dân được nhận xét là trung thành với chế độ, thông suốt chính sách của đảng và nhà nước là điểm son. Đối với cán bộ thì lập trường chính trị vững vàng, thông suốt đường lối chính sách, tin tưởng ở đảng và nhà nước,

không có vướng mắc gì là đạt điểm ưu. Lại tùy tình hình chính trị. Như trong cải cách ruộng đất và sửa sai thì phải có nhận xét: lập trường giai cấp rõ ràng, dứt khoát đứng về phía nông dân, căm thù lên án địa chủ, không mơ hồ, thông suốt và tin tưởng ở chính sách sửa sai, không hoang mang giao động; có lập trường kiên định, giữ vững niềm tin ở đảng, nhà nước; khi có vận động cải tạo công thương nghiệp tư doanh thì phải đạt được nhận xét: lập trường rõ ràng dứt khoát lên án giai cấp bóc lột, đứng hẳn về phía công nhân lao động, thông suốt chính sách cải tạo... Học nghị quyết cũng vậy. Mấy chục năm, cán bộ, đảng viên, công dân phải học không biết bao nhiêu nghị quyết! Nghị quyết Đại Hội đảng thì phải học hàng năm; nghị quyết Bộ chính trị hay Trung ương Đảng cứ trung hình một năm từ 3 đến 5 dân, mỗi lần hàng tháng! Học thì phải liên hệ, phải thu hoạch, viết ra giấy, ký tên. Hoặc các tổ trưởng học tập phải ghi rõ kết quả từng người, nộp cho tổ chức. Tổ trưởng phải khéo khêu gợi thắc mắc học viên, nêu lên để tranh luận, theo phương châm: tự do tư tưởng? Chữa bệnh cứu người. Người nói không có tội, người nghe để răn mình.

Toàn là cân vàng thước ngọc của "Mao chủ tịch"! Nhưng chẳng ai dại gì nói lên thắc mắc của mình, để bị ghi lại là

chưa thông chính sách. Tổ trưởng thường phải nghĩ ra, bịa ra, vay mượn "thắc mắc" ở nơi khác để đặt vấn đề thảo luận... Trong thảo luận chữ "quán triệt" được nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần. Thật là "Tàu, thật là khó định nghĩa, nên không dùng được chữ nào khác. ý nghĩa của "quán triệt" là hiểu cho thật sâu sắc, rõ ràng và ngấm vào mình để thành hành động thực tế có kết quả cao. Học là để quán triệt, cho nên phải thông suốt, không còn có vướng mắc, băn khoăn nào. Còn vướng mắc băn khoăn là học chưa kết quả. Cuối cùng là tổng kết và giải đáp; thường là Bí thư đảng ủy được Trưởng ban Tuyên huấn phụ giúp làm việc này. Đó là nhắc lại nội dung nghị quyết, giải thích các lý lẽ, giải đáp mọi thắc mắc còn tồn tại và động viên hành động... Vẫn chưa xong. Còn phải một buổi thu hoạch, thu hoạch chung ở tổ, và thu hoạch riêng. Thường trong thu hoạch, học viên đua nhau ca ngợi và khoe: học thật kết quả! Đảng ta thật tài tình! Nhận thức được nâng lên hơn hẳn trước khi học. Và bao giờ thu hoạch cũng thường có câu: "Dưới ánh sáng của nghị quyết, tôi nhận thấy lớp học thật bổ ích..." Cứ y như là xã luận báo Nhân Dân vì nghị quyết của đảng, thường là bắt đầu bằng công thức: dưới ánh sáng của nghị quyết... Đã hàng chục năm nay, cứ mỗi lần học như thế (như năm

1989 và 1990, học Nghị quyết 7, 8 và 9 của Trung ương Đảng về tình hình Đông Âu, về quan hệ đảng với quần chúng, về quan hệ quốc tế) tôi không khỏi bấm bụng cười, hoặc cười nháy với 1, 2 ông bạn thân cùng trong phòng họp và trộm nghĩ: thật là kỳ quặc, thật là khôi hài, ai cũng tham gia đóng kịch, nghĩa là thường phải xưng tụng, nói lên những điều mình không nghĩ và chỉ nghĩ như điều mình không dám nói ra... Tôi đoán rằng mới đây, những đợt học về nghị quyết đại lội 7, về Hiến pháp mới, về nghị quyết 3 và nghị quyết 4 của Trung ương đảng giữa năm 1992 và đầu năm 1993, có thêm rất nhiều người phải bấm bụng cười thầm như thế. ắt rằng nhiều người tự nghĩ hoặc trao đổi lẻ với nhau: văn là trò nhảm nhí, tuyên truyền áp đặt, nhồi nhét một cách bắt buộc, ánh sáng thì tù mù, nâng cao mà là hạ thấp, nói lấy được bất chấp thực tế và lẽ phải... Thế nhưng trong lớp, có ai dám nói ra những suy nghĩ thật của mình. Bởi vì mọi người còn sợ! Bởi vì cán bộ, đảng viên mà không thông nghị quyết thì sẽ là tai họa! Không thông nghị quyết thì có nghĩa là chống nghị quyết. Chống nghị quyết thì đồng nghĩa với chống đảng. Chống đảng thì đồng nghĩa với phản động. Phản động trong quan điểm nhận thức thì là có lập trường phản bội. Phản bội đảng thì ắt là phản quốc, phản nhân dân.

Nhưng không phải chờ đến khi bị chụp mũ là chống đảng, là phản động mới biết sợ. Ngay khi bị nhận xét: "Không thông suốt chính sách"; "có nhiều quan điểm chính trì mơ hồ"; "bị ảnh hưởng nặng những luận điệu tuyên truyền của địch"; là đã đủ để bị phiền hà, bị ngồi ở bên lề, bị ngồi chơi xơi nước, bị "mác kê", và cả vợ con, gia đình cũng có thể bị liên lụy. Vì sợ nên phải dấu kín lòng mình. Vì sợ nên đành phải dối trá. Vì sợ nên phải đóng kịch. Vì sợ nên giả dối là lẽ thường. Mà sợ trong điều kiện hoàn cảnh ấy là để tự vệ. Và quyền tự vệ luôn được coi là chính đáng. Và sợ là thuộc bản nàng sinh tồn trong tình hình cụ thể như thế. Cho nên nhà văn Nguyễn Tuân đến cuối đời ông đã nói một câu đau đớn, mỉa mai mà chí lý: "Tớ còn tồn tại như thế này là bởi vì tớ còn biết sợ". Có nghĩa là nếu không biết sợ thì ắt đã bị nghiền nát từ lâu rồi? Không biết sợ thì có thể đã bị vứt ra bên lề cuộc sống, bị bôi đen, chụp mũ, mất cần câu cơm, mất nhà cửa, mất danh dự, mất hết mọi quyền lợi, và vợ con, bạn bè bị vạ lây... Có người biết xử sự như thế là hận, là mất nhân cách nhưng lại luôn thấy cơ chế như một cỗ máy khổng lồ không đầu óc, không tim gan, nó chạy một cách lạnh lùng, nghiền nát mọi vật trên đường của nó. Phải ở trong cuộc mới thấy hết nỗi dằn vặt của những người lương thiện phải giả dối trước cỗ máy

nghiền hung tợn. Tránh voi chẳng xấu mặt nào!

Nhà thơ Chế Lan Viên mất cuối năm 1991, vữa tròn 70 tuổi ở trong nước, giới văn học đều biết rõ về nhà thơ mà tài năng xuất hiện từ rất trẻ với tập Điêu Tàn đặc sắc. Sau vào chính trị, là một đại biểu quốc hội, còn cố "phấn đấu để có thể vào trung ương đảng, phụ trách văn học và văn nghệ, trở thành "quan chức lãnh đạo". Với mục tiêu ấy, ông đã giở nhiều thủ thuật phê phán, sát phạt nhiều anh chị em đồng nghiệp để ngoi lên. Xuân Sách trong tập thơ Chân dung nhà văn từng khắc họa khá đậm về nhà thơ cơ chế này. Ông mất rồi, vợ ông, nhà văn Vũ Thị Thường công bố mấy bài thơ ở dạng phác thảo ông viết khi nằm trên giường bệnh. Hai bài rất đáng chú ý là Bánh Vẽ và Trừ Đi. Có thể coi đây là lời trăn trối, thanh minh, ân hận của nhà thơ đối với cuộc đời, với bạn đọc. Bài Bánh Vẽ có nhưng câu:

Chưa cần cầm lên nếm, anh đã biết là bánh vẽ
Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn
Cầm lên nhấm nháp
Chả là nếu anh từ chối
Chúng sẽ bảo anh phá rối
Đêm vui...

Chúng là những ai? Là ông trùm và những kẻ a tòng?

Bài Trừ Đi như một lời sám hối, có những câu:

Sau này anh đọc thơ tôi thì nên nhớ
Có phải tôi viết đâu! Một nửa
Cái cần đưa vào thơ, tôi đã giết rồi. . .

Cả 17 câu thơ toát lên niềm ân hận, xót xa, tự nhận thái độ hèn nhát của mình, và cái tàn ác thâm độc của cơ chế.

Tôi viết bằng xương thôi, nhưng không có thịt của mình...

Bởi vì cơ chế này không cho anh được là anh; nó buộc mọi người mang mặt nạ, nói theo sách của họ, chỉ còn một nửa là mình! Chỉ là một nửa của mình thì còn đâu là mình nữa. Lời tâm huyết này, khi còn sống, nhà thơ không thổ lộ cùng ai! Anh chưa dám, còn sợ. Nỗi sợ dai dẳng. Để rồi khi khuất mới cất được nên lời. Lỗi ở anh một phần, còn tội, tội rất lớn là ở cái cơ chế, cái học thuyết mà đảng đã du nhập và áp đặt lên toàn xã hội.

Bùi Tín

Mặt Thật

Các bạn văn nghệ và các quan văn nghệ

Tôi quen khá nhiều văn nghệ sỹ thuộc đủ các ngành văn, thơ, nhạc, họa... Có nghiêng người quen từ 30, 40 năm trước. Đó là Nguyên Hồng, Văn Cao. Hồi ấy, Văn Cao mới hơn 30 tuổi trẻ măng. Anh có bàn tay mềm, thon như bàn tay con gái. Cách nói chuyện thủ thỉ của Văn Cao thật hấp dẫn. Có khi kể chuyện tiếu lâm, hóm hỉnh, mặt vẫn tỉnh khô, cuối cùng mới nổ ra một tràng cười đến chảy nước mắt. Chính Văn Cao dạy tôi khiêu vũ, từ nhảy valse đến tangô. Văn Cao vẽ ít nhưng có hoa tay, nét vẽ đơn sơ, khỏe khoắn. Anh già đi rất nhanh, từ khoảng 1968 đến 1975, lấy rượu làml khuây cho nên nghiện rượu nặng. Thơ anh cũng khá hay, nhiều rung cảm. Tôi cứ nhớ mãi những câu anh hát trong bài Thiên Thai tuyệt diệu khi chúng tôi đi dạo bên bờ sông. Nguyên Hồng như một ông nông dân, râu rậm để lún phún, hai má đen sạm, chiếc răng khểnh

trông rất đặc sắc; anh lại hay mặc bộ áo quần nâu. Anh chất phác, ngay thật, sôi nổi. Giữa đường gặp nhau là hét lớn, hỏi chuyện oang oang. Anh sống rất bình dân..

Văn Cao làm thơ phải trên giấy pơluya mỏng, đẹp. Nguyễn Tuân viết văn phải trên giấy hoa tiên, có in tên mình ở phía trên, đàng hoàng, duyên đáng. Còn Nguyên Hồng dùng đủ loại giấy, vở học trò, ấy xam xám, chữ nghệch ngoạc, ngón tay dính mực như học trò tiểu học. Tôi quý Nguyên Hồng ở tính tình ngay thật, xởi lởi do không chịu nổi không khí lãnh đạo văn nghệ ngột ngại mà anh lên vùng Yên Thế (Bắc Giang) ở ẩn, theo chân cụ Đề Thám, thỉnh thoảng mới về Hà Nội. Anh rất dễ xúc động, rất hay khóc. Nghe tin bạn cũ chết, anh khóc. Nghe tin các vị lãnh đạo chửi bới báo Văn do anh phụ trách, anh cũng khóc. Nghe tin Hoàng Cầm, Trần Dần bị đưa đi cải tạo, anh cũng khóc. Phải thấy con người râu rậm, lốm đốm bạc, mặt đen sạm, mồm méo xệch, khóc nức nở mới thấy trong anh tình cảm thật dồi dào. Anh kể rằng khi viết Bỉ Vỏ về thân phận những con người ở dưới đáy của xã hội, anh vừa viết vừa khóc với những nhân vật của mình. Nét rất quý ở anh là không chịu a dua nói theo lãnh đạo. Rất tình cảm, mà cũng rất cứng cỏi. Văn nghệ sĩ trong quân đội, có Hoàng Minh Châu quan sát xã hội sắc sảo, viết khỏe và có những suy nghĩ

sâu sác. Anh xót xa và uất giận đối với kiểu văn học minh họa một thời. Hoàng Ngọc Hiến khá già dặn, có bản lĩnh tư duy riêng của mình, rất được sinh viên trẻ ái mộ; anh chịu khó tìm hiểu nền phê bình văn học của thế giới. Nguyễn Duy có nhiều suy tưởng lắng đọng về xã hội, về con người, biết đau và biết phẫn nộ. Trần Mạnh Hảo viết văn, làm thơ, có lần kể cho tôi nghe thời anh học ở trường dòng, Kinh Thánh đã bồi bổ kiến thức của anh về nhân sinh; anh có những suy nghĩ về thơ rất mới mẻ. Thu Bồn to con, đen như người Tây Nguyên, tóc quăn tít, sống sôi động; anh làm thơ rất khỏe, có bài dài hàng trăm câu, thuộc thơ rất giỏi, có thể đọc và ngâm thơ liền một đêm thâu. Với Nguyên Ngọc, tôi có những kỷ niệm khó quên; hồi 1964 tôi vào căn cứ Liên Khu 5, anh ở Ban Văn Nghệ, cùng Thu Bồn, Liên Nam đi làm rẫy trong vùng rừng Đỗ Xá (Tây Quảng Ngãi). Thu Bồn vác súng đi bắn rộc (loại khỉ nhỏ) về nấu cháo rồi chúng tôi kể chuyện trong Nam, ngoài Bắc, chuyện vùng địch hậu Điện Ngọc, Điện Bàn... suốt cả đêm. Nguyên Ngọc người nhỏ bé, trán cao, thông minh, nói rất ít mà nghĩ rất sâu.

Hồi tôi ở báo Quân Đội Nhân Dàn (từ 1965 tới 1982) thường gặp anh em văn nghệ sĩ làm việc tại tòa soạn tạp

chí Văn Nghệ Quân Đội. Hai tờ báo cùng chung một bếp tập thể, chung một khu nhà ở tập thể, anh em thường ngày chơi bóng chuyền, bóng bàn, đánh bi-a, đánh tu-lơ-khơ với nhau. Nghe nói chuyện thời sự, học chính trị cũng đều học chung. Hồ Phương hóm hỉnh, hay tủm tỉm cười. Nguyễn Khải rất thông minh, hơi ranh mãnh nữa, xọm hẳn người đi khi con trai anh bị chết đuối ngoài sông Hồng. Hữu Mai thì đạo mạo, cẩn thận, hay hốt hoảng khi nghe trên nhận xét, phê bình; anh chuyên viết cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nghe Đại lượng kể rồi viết lại, thêm thắt ít nhiều, về Điện Biên Phủ, về chiến sự xuân 1975, về "những năm tháng không thể nào quên. Xuân Thiều hói trán, hay đỏ mặt, lại hay nghịch ngầm trong các lớp học. Lớp trẻ hơn có Đỗ Chu từ lính pháo, viết rất khá, sau về Bắc Ninh ở ẩn để viết tiểu thuyết. Vùng anh ở có rượu lúa nếp nổi tiếng, khi về Hà nội thường mang vài chai cho bạn bè. Lê Lựu học vấn ít nhưng thông minh, trí nhớ tốt; những cuốn sách anh viết khi đi Mỹ về có chỗ cường điệu; đó là điều dễ hiểu vì là những lần đầu anh được xuất ngoại, tiếp xúc với thế giới bên ngoài... Anh Ngọc làm thơ rất khá, cuốn Sông Mê Công Bốn Mặt của anh có đoạn nhắc đến sự tàn bạo mất hết tính người trong cải cách ruộng đất, sau khi suy tưởng về tội giết người man rợ của bọn quỷ

Khơ-me đỏ.

Tôi từng vài lần gặp Phạm Thị Hoài. Có lần Hoài đến dự cuộc họp cộng tác viên của báo Nhân Dân Chủ Nhật. Hoài ít nói mà suy nghĩ rất sâu. Cô giỏi tiếng Đức, biết tiếng Anh và Pháp, rất chịu đọc các lác phẩm văn học phương Tây. Cô ít nói trực tiếp đến chính trị, nhưng luôn hiểu rằng chính trị gắn chặt với sáng tác văn học. Cô mới chừng 35 tuổi mà tư duy đã rất chín, vững vàng trong. nhận định và tìm tòi. Hãy nghe Phạm Thị Hoài nói về nền văn học nước ta: "Truyền thống lớn nhất của văn học Việt nam là truyền thống bị công cụ hóa, tới mức nó không thể hình dung nổi một chức năng nào khác ngoại chức năng công cụ, và tinh thần thẩm mỹ thống trị nó là tinh thần phục vụ chứ không phải tinh thần dẫn đường, lấy ý thức tận tụy, nhiệt tình chứ không phải y thức sáng tạo, phiêu lưu, là cảm khái và nhiệt huyết chứ không phải là trí tuệ khách quan, là sự trịnh trọng cứng đờ chứ không phải tiếng cười..." Cô mạnh dạn khẳng định: "ở Việt nam, không phải tôn giáo, mà văn học luận đề mới chính là thuốc phiện của nhân dân." Sâu sắc, già dặn bao nhiêu, ở cô gái trẻ bề ngoài dịu hiền này! Những văn nghệ sĩ từng đi hàng đầu trong phong trào đòi tự do sáng tạo như Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán... Về sau, họ bị chỉnh huấn, kìm cặp gắt gao nên

thường viết theo công thức, cốt truyện nhàm, văn sáo. Từ khi bắt đầu đổi mới vào năm 1986 mới dần đà có tác phạm đáng nói. Để quản các nhà văn đã có các ông quan văn nghệ đủ cỡ. ở cấp tỉnh, có người như Ma Văn Kháng, Chu Văn. Họ vừa viết và có cuốn sách đọc được, lại vừa quản lý anh chị em văn nghệ sĩ khác, hạn chế tự do của họ. ở Hà nội có Tô Hoài, Chủ tịch Hội Văn Nghệ Thủ Đô. Anh viết tốt, viết khỏe, thường có những chuyến đi xa cùng Nguyễn Tuân, nhưng cũng chính anh phải truyền đạt mọi ý kiến của lãnh đạo chỉ trích người này, đe nẹt người khác, khi lãnh đạo cho rằng họ đã đi trệch khỏi phương hướng của đảng. Đó là "Cụ Chánh khảo" - nhà thơ Chính Hữu - khá nổi tiếng về các bài thơ Tòng Quân, Đầu Súng Trăng Treo, vài năm mới có một bài, vì bận làm quan, làm Trưởng phòng Văn nghệ Quân Đội rồi đại tá Phó cục trưởng Tuyên huấn chuyên phụ trách về văn nghệ trong quân đội. Các quan to văn nghệ thì có Nguyễn Đình Thi gần 30 năm làm Tổng thư ký Hội nhà văn. Khi sáng tác, anh giành quyền tự do cho mình. Khi là lãnh đạo anh phải vâng dạ các vị ở Ban văn hóa văn nghệ trung ương đảng, Ban tuyên huấn trung ương đảng để uốn nắn những điều họ cho là lệch lạc. ở Nguyễn Đình Thi do đó có hai con người. Một nghệ sĩ tài hoa cả về văn, thơ, họa, kịch, nhạc

và một con người của cơ chế. Anh có thể nói với bạn thân của mình: hôm nay phải lên nghe cụ Lành (chỉ ông Tố Hữu) giảng đạo, và khi lên nghe những buổi giảng đạo ấy, anh luôn phát biểu: vâng, dạ, phải, thưa anh nhận xét rất chí lý ạ, quả đúng thế, tôi xin nhận phần khuyết điểm để về đấu tranh và uốn nắn kịp thời ạ... Trần Bạch Đãng cũng là một ông quan như thế. Ông có nhiều tài. Viết báo, viết sách, làm thơ, viết kịch bản phim, bình luận thời sự, bình luận chính trị, bình luận quốc tế... Ông có vẻ am hiểu đủ linh vực. Ông từng hoạt động trong ngành an ninh, rồi làm công tác trí thức vận, từng là Bí thư đảng bộ Sài Gòn- Chợ Lớn. ở ông luôn có hai con người. Một con người của đổi mới, của kiến thức và nhận định mới mẻ, có lúc đòi dân chủ khá mạnh, đòi đảng phải nhận rõ những sai lầm trong quá khứ... Và một con người hoàn toàn khác hẳn, bảo thủ, giáo điều, chủ trương rằng muốn phát triển cần đề cao kỷ luật và tập trung, gác lại yêu cầu dân chủ... Tất nhiên một con người có thể có ý kiến thế này, về sau lại có ý kiến thế khác. Nhưng ở Trần Bạch Đằng nổi lên nhân cách của một con người cơ hội tiêu biểu. Nó hoàn toàn trái với thái độ của kẻ sỹ. Tôi đã gặp ông nhiều lần ở Đại hội nhà văn cuối năm 1989. Anh em văn nghệ sĩ trẻ, ham đổi mới lắc đầu về Trần Bạch Đằng; ông không bao giờ hiểu họ. Những

bài viết của ông dần dần nhạt nhẽo, đuối lý, lẩm cẩm. Đã vậy, ông bao sân rất ghê, mỗi dịp Tết, ông viết cho hơn mười tờ báo? Có thể nói ông đã không theo kịp sự chuyển biến và yêu cầu chuyển động của đất nước. Anh em văn nghệ sĩ ở Sài Gòn còn chê trách ông quá vụ lợi đi Hồng Ông, Đài Loan, mang về một số băng video, ông cho thuê từng buổi độc quyền các băng ấy để bỏ túi, tiền không kể xiết.

Chính Xuân Tùng từng là trợ lý Tổng bí thư đã nói với tôi rằng: Trần Bạch Đằng chưa từng bao giờ là cố vấn cho Tổng bí thư cả? ông Nguyễn Văn Linh thỉnh thoảng hỏi ý kiến ông ta như hỏi ý kiến một số cán bộ khác thôi. Ông Linh có nhiều thành kiến với Trần Bạch Đằng: tự do, vô tổ chức trong việc thương lượng với đối phương về trao đổi người bị bắt của hai bên hồi sau Tết Mậu Thân; ông ngấp nghé vào Trung ương nhưng không được bầu đi Đại hội đảng và không được cử ra ứng cử. Đến Đại hội 6, ông hy vọng được trên chú ý, nhưng ông vẫn trượt. Chuyện Bạch Đằng là "Bật Đèn", là đổi mới, chỉ là chuyện tự tô vẽ kiểu tuyên truyền; ông không còn có cái tư duy xanh tươi, khỏe khoắn, ông đã già cỗi đi rất rõ và đang lùi vào quá khứ, để lại hình ảnh của một ông quan văn nghệ múa may rất nhiều lại quá nghèo về thực chất.

Bùi Tín

Mặt Thật

Mảng tường đen và chiếc áo cất bông sờn

Trước khi sang Pháp tháng 9 năm 1990, tôi vô tình gặp anh Tạ Đình Đề ở ngay cổng báo Nhân Dân. Tôi rủ anh đi uống nước. Chuyện anh kể kéo đài hàng mấy giờ. Chúng tôi quen nhau khi anh là chỉ huy biệt động đội thành phố Hà nội. Anh xuất quỉ nhập thần. Quân anh thường ở vùng Vân Đình quê tôi, coi đó là một căn cứ xuất phát. Tuấn Sơn, tay Trung đoàn trưởng rất trẻ, bạn chúng tôi, có lúc định lấy cô em họ tôi, về sau Tuấn Sơn bị chết trận trên đường số 6. Chúng tôi nhắc chuyện cũ, rồi đến chuyện anh. Anh chuyển ngành từ sau Điện Biên Phủ, làm Trưởng ban Thể dục Thể thao ngành đường sắt. Anh bị bắt, bị giam, ở tù trong Hỏa Lò. Phiên tòa xử anh cách đây đến 8 năm không lên án nổi anh. (Chú thích: Bùi Tín nhầm, phiên toà xử Tạ Đình đề vào tháng 10-1976, khi ấy Hoàng Văn Hoan còn là phó chủ tịch quốc hội phụ trách công việc của toà án, ngồi ở tầng trên theo dõi vụ án này. Chánh án

xử vụ Tạ Đình Đề vốn không ưa các tay công an ép cung nên mới vờ hỏi những câu ngớ ngẩn để qua đó tìm cách gỡ cho Đề. Đến hồi kết, chánh án xin ý kiến Hoan, nhờ Hoan nói câu nổi tiếng: Có tội thì xử theo tội, không có tội thì mạnh dạn tha bổng mà Đề thoát nạn.. Đó là phiên tòa đông kín người xung quanh tòa án Hà nội. Chánh án hỏi: "Ai kết nạp anh vào đảng?" Trả lời: "Chủ tịch Hồ Chí Minh." Anh vốn là lính bảo vệ ông Hồ hồi ở Hoa Nam. Tòa án chất vấn: "Sao anh tuyển vào xí nghiệp cầu lông và vợt ping-pong xuất khẩu toàn những kẻ bị tiền án tiền sự." Trả lời: "Họ ở tù ra muốn trở thành công dân lương thiện; tôi dùng họ vì thương họ, tin họ, luyện họ thành người tốt, đó là tội ư? Các ông muốn họ cứ lêu lổng để phạm tội ư?" Vỗ tay vang dội mỗi vân anh trả lời. Lắc đầu, xuỵt, ê của quần chúng sau mỗi câu hỏi vớ vẩn của chánh án. "Anh nhận tội tham nhũng, có đúng không?" Trả lời: "Tôi nhận qua loa vì bị sức ép của người lấy khẩu cung; họ không cho tôi ăn, không cho tôi uống, không cho tôi ngủ, tôi đành nhận bừa để sống, để ra đây phản cung, tự bênh vực tôi. Tôi không bỏ túi riêng một đồng nào.". Tòa án đã định kết án anh năm năm tù, lại phải đình. ít lâu sau anh được ra tù. Người ta động viên anh: thôi, được ra tự do là may rồi, thông cảm với đảng! Anh không chịu. Anh mất danh dự, ai bồi thường

cho anh? Anh bị tù oan hàng năm trời, có ai xin lỗi, đền bù cho anh? Cái tai tiếng khủng khiếp: bị tù, bị nằm Hỏa lò, tội tham nhũng, đã có báo nào cải chính? Một người có thành tích trong kháng chiến như vậy, vào đảng trước cả chánh án, bị tước quyền công dân, tước đảng tịch, bị chụp mũ, bôi đen, khi ra tù rồi vẫn còn bị hăm dọa: Coi chừng! Lôi thôi thì lại vào nhà đá! Phải biết điều!

Anh cho tôi biết anh không chịu khuất phục cường quyền. Anh đã kiện lại ông nhà nước. Họ sai thì phải sửa, phải sửa theo luật pháp chứ! Sức khỏe anh mất đến 40 phần trăm. Danh dự, tài sản, chức vụ, mất sạch. Anh gửi hàng chục lá đơn, đến mọi cửa. Từ tòa án, Viện Kiểm sát Tối cao, đến Tổng bí thư, Thanh tra chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng... Tất cả đều im re! Chỉ hai nơi gửi lại một cái vé con: đã nhận đơn, chờ xét. Chờ mòi cổ, dài cả cổ vẫn im lặng!

Thân phận một con người! Anh hiểu: cái cơ chế này nó là một bộ máy không hồn, không thần kinh, không tim gan và trí tuệ. Nó lặng lẽ, không thương tiếc, nghiền nát hêí mọi trở ngại trên đường đi của nó. Anh kể những thủ đoạn lấy khẩu cung của cơ quan an ninh. Tùy tiện, thâm độc, hèn hạ. Làm cho ý chí con người bị lung lay, không còn tỉnh táo, để họ mớm cung và buộc nhận tội. Khi không kết tội

nổi anh, buộc phải thả anh về, họ vẫn còn giở trò:
- Này! Viết đơn xin ra tù để trên xét.
- Sao lại vậy, thưa các quan. Tôi có viết đơn xin vào ngồi đây đâu mà lại phải xin ra? Tôi không viết, tùy các quan!
Vẫn cái kiểu nói năng rất "lếu láo" kiểu Tạ Đình Đề. Xe com-mãng-ca chở anh từ Tuyên Quang về đến Hà nội qua đường Nguyễn Du, rẽ vào đường Trần Bình Trọng, trụ sở Bộ Công An, rồi dừng lại. Anh đang lo phải khập khiễng về nhà thì bỗng mấy tiếng la lớn:
- Bố Tạ Đình Đề phải không? Trời? Đúng! Bố Đề về đây rồi chúng mày ơi! Thủ trưởng chúng mình về đây rồi?
Mấy anh xe xích lô trẻ ôm lấy anh, hôn lên bộ râu quai nón lởm chởm cứng quèo của anh mà hét lên, mặc cho mấy tay công an ngơ ngác đứng nhìn. Mấy anh xích lô vốn là công nhân xí nghiệp làm vợt ping-pong và vợt câu lông của Tổng Cục Đường Sắt do anh phụ trách. Anh em mời anh đi làm một chầu bia, rồi mời anh lên xích lô, cười ròn rã:
- Bố ơi, từ nay đi đâu bố cứ gọi chúng con nhé!
Hôm gặp ấy, chúng tôi nhắc đến số anh em văn nghệ sĩ, hơn 60 người, bị xử trí oan trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Bốn anh vừa được "cho phép sinh hoạt trở lại ở Hội Nhà Văn". Vẫn là kiểu trịch thượng, ban ơn. Tôi đã gặp Hoàng

Cầm, Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt... ở Đại hội nhà văn cuối năm 1989. Hoàng Cầm thường ghé tôi chơi, còn nhận họ hàng vì bà nội anh vốn lấy người họ Bùi làng Liên Bạt. Nếu bình thường thì các anh ấy không thể hài lòng vc cách xử xử của đảng và nhà nước. Trước chuyển biến mới ở Đông Âu, lo sợ sự căm giận của nhân dân, họ buộc phải có chính sách cởi mở một chút, đâu phải là thật lòng, đâu phải là thực hiện công bằng với những người bị án oan. Các anh bị mất không biết bao nhiêu điều vô giá, bị chụp mũ, lăng mạ, bị mất việc, mất lương, bị chửi bới thậm tệ, vợ con bị liên lụy, thế mà nay chỉ có "được trở lại sinh hoạt ở Hội Nhà Văn" và vụ án Nhân Văn Giai Phẩm vẫn được giải thích chính thức là: không điều gì phải xem lại cả! (Qua nhận định của Trần Trọng Tân, Trưởng ban Tư tưởng và Văn hóa tháng 2 năm 1990).

Bàn chuyện này, Tạ Đình Đề nhận xét: .

- Ông ạ, ở ta, không có luật, kiện là kiện củ khoai à?

- Với lại ông không bị lù, ông không biết! Khủng khiếp lắm. Mình nghĩ lại còn rùng mình. Mình là cái thằng lang bạt kỳ hồ, nếm đủ mùi, liều lĩnh, bạt mạng mà còn khiếp thì hỏi thằng nào còn dám chống lại họ. Họ là công an, là mật vụ, theo gương Gestapo,theo gương KGB Nga, và lecole stalinienne (theo trường phái Stalin). Đó là thời kỳ Beria?

sau Odjonokidze, nghĩa là tàn ác, tai quái, ma giáo hơn vài bực. Còn ghê hơn cả thằng Gestapo Đức. Ông thử hỏi mấy cậu ấy, bảo kể lại, viết lại thời kỳ bị bắt, bị tra hỏi, bị cật vấn, bị o ép, mớm cung, bị khống chế, bị chia rẽ, lôi kéo, mua chuộc... Có ai dám kể lại đâu! Nó nặng nề đến kinh khủng. Có lúc nó đè nặng ngay lên lương tâm mình! - Khi ra tù, họ có cách khóa mồm các vị, và họ giữ chìa khóa. Tài nghệ họ siêu đến vậy đó.

Chuyện chẳng khác gì thời Stalin. Cùng trong Bộ chỉ huy khởi nghĩa cách mạng tháng mười, vậy mà sau khi Lênin chết, Stalin đày Trotsky đi Alma Ata (rồi Trosky buộc phải xuất ngoại nếu không sẽ bị Stalin lấy đầu, để rồi sau vẫn bị Stalin cho người sang tận Mexico để ám sát vào năm 1940). Còn bốn vị còn lại của Bộ chỉ huy khởi nghĩa ấy là Bukharine, Zinoviev, Kamenev và Ri-cốp đều bị xử bắn bởi Stalin vì tội phản nghịch. Điều siêu phàm của KGB là 4 vị này trước khi chết đều "tự" nhận tội là có ý định ám sát đồng chí Stalin vĩ đại và hô: "Stalin muôn năm!" Có nghĩa là đến khi không còn gì để mất nữa, cuộc đời sắp kết liêu rồi, vẫn xin lỗi, ca tụng... chính tên đồ tể của mình! Mà đó lại là những nhân vật cách mạng kiên cường nhất, những trí thức cỡ lớn, có trình độ trí thức cao hơn Stalin đến mấy

cái đầu!

Đó là khoa học của KGB trong việc khống chế, làm bấy nát nghị lực, làm hủy diệt nhân tính, làm mất lòng tự tin và niềm tin ở lẽ phải con người, làm cho đối tượng có mặc cảm sâu nặng về tội lỗi, về sự phản trắc, về sự phản bội bạn bè mình. Và họ giữ những lời khai, lời phát biểu trên giấy tờ, trên phim ảnh, trong ghi âm làm bằng chứng. Con người kiên cường đến mấy cũng phải có một giây yếu mềm, trong những điều kiện đặc biệt. Con người trung thành với lý tưởng, với bạn bè mình cách mấy cũng phải có một phút lầm lạc do bị nài ép, dụ dỗ hay đe dọa nặng nề. Họ sẽ chộp lấy giây ấy, phút ấy để khống chế cả cuộc đời anh, nói đạo lý với anh, đưa cách mạng và nhân dân ra để dụ dỗ anh, để anh "trở về với chính nghĩa, dân tộc", để anh tự phủ định lý tưởng thật sự cao đẹp của anh, để anh tự sỉ vả, nguyền rủa anh. Anh tự phản bội cái lý tưởng thật của anh, nhưng sĩ diện vẫn được ve vuốt là trở về với chính nghĩa. Anh sẽ được họ tán tụng, ở trên mây xanh. Khi tỉnh ra thì ôi thôi, chuyện đã rồi, tay đã nhúng chàm. Anh luôn luôn mặc cảm tội lỗi ở cả phía này và phía khác. Có khi anh không hiểu chính mình là ai, ra sao nữa. Anh đã bị phân tâm ra thành từng mảnh, từng mảng rồi.

Giống hệt như một số trí thức Nga bị gán cho là bị bệnh

tâm thần để bị giam ở bệnh viện tâm thần gần Gorki, ngoại ô Moscou, sau khi bị thẩm vấn, ở tù, nhiều anh em khi trở về từ nơi bị giam giữ thường giật mình hốt hoảng; có khi nửa đêm thức dậy hoảng hốt nghĩ: mình vẫn còn bị giam chăng? Hay đã được tự do? Phải mấy phút hãi hùng mới lấy lại được tâm trí và biết rõ mình đang ở nơi nào, đang làm gì, thời gian này là thời gian nào, địa điểm này là địa điểm nào. Đó là trường hợp Trần Dần sau nhiều năm bị thẩm vấn, bị kết tội, bị mất tự do, trở về ngôi nhà nhỏ phố Khâm Thiêm. Anh cứ ngày đêm ngồi thừ một chỗ; chỉ mặc một chiếc áo cốt bông của bộ đội màu dưa đã bạc, chỉ đã sờn, chiếc quần nâu cũng bạc, đưa vào tường đến vàng bóng cả khoảng tường trắng, cả mảng tường trên đen kịt vì khói thuốc lào; đôi mắt thờ thẫn... Ngày này qua ngày khác, hết ngày dài lại đêm thâu, cái đầu trẻ trung, sáng tạo, xuất sắc ấy nghĩ gì? Uất hận? Cay đắng? Buồn tủi cho thân phận? Anh nghĩ đến quá khứ, đến hiện tại, đến tương lai? Anh dự tính điều gì? Những điều anh nói hồi ấy, trong bài thơ Ta Nhất Định Thắng có gì là phản động, là phản bội, so với những bài thơ, bài báo nhan nhản hiện nay? Anh chỉ có cái "tội" đi trước, nói trước những điều đến nay người ta mới dám nói. Anh đúng hơn, anh dũng cảm hơn, anh bén nhậy hơn người khác chứ! Vậy mà là tội ư? Cái

giá phải trả thật kinh hoàng! Có ai muốn công bằng cho anh. Để bây giờ anh ốm, già nua, nói trước quên sau như bây giờ! ở cổ anh bây giờ vẫn còn vết sẹo nhỏ, anh tự vân bằng một nhát dao, nhưng anh vẫn còn nợ với đời, chưa ra đi được Tôi còn nhớ hồi chống nhóm Nhân văn giai Phẩm, mấy câu thơ bị lên án nhất là:

Tôi bước đi
Không thấy phố
Không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
Trên màu cờ đỏ...

Người ta bảo, cờ đỏ là màu cờ đất nước, là cờ đảng thì chỉ được tả trong nắng, trong gió thôi! Nắng chói và gió lộng.

Và ở dưới còn có câu:

Ôi! Xưa nay Người vẫn thiếu tin Người?
Người vẫn thường hoảng hốt trước tương lai?

Mấy câu này bị phê rất mạnh vì Người sao lại viết hoa Người viết hoa thì chỉ có thể là chủ tịch Hồ Chí Minh. Tội này là tội tày đình! Khi bị giam giữ, anh đã bị cật vấn dữ

dội về bài thơ này, và đặc biệt là mấy câu thơ trên đây.
Sau đổi mới ít lâu, hồi 1986, bỗng một người bạn đến nhà Trần Dần. Lâu lắm rồi, nhà anh mới có khách. Anh bạn tốt vừa kiếm cho anh một việc làm ở hiệu sách, xếp các trang in lại để đóng. Công việc không nặng nhọc, có chút tiền, trong cơn túng quẫn cùng cực. Anh phấn chấn. Ra khỏi được cái ghế đã nhẵn thín, trút chiếc áo bằng cốt bông bộ đội sặc mùi thuốc lào, ra khỏi mảng tường đen kịt ám khói thuốc, anh cạo râu ria. Lên đường kiếm việc. Chẳng may hôm ấy vẫn còn đen? Đã có người khác nhận công việc ấy. Thân phận một con người... Đến năm 1989, anh mới vui một chút ít, khi đến hội trường Ba Đình, dự Đại hội Nhà Văn, được nghe một lời xin lỗi chân tình của một nhà viết kịch và đóng kịch già Bửu Tiến của xứ Huế.
Cũng giống như Lê Đạt. Lê Đạt bị kết án về bài thơ Ông bình vôi":
Những kiếp người sống lâu trăm tuổi
Y như một cái bình vôi
Càng sống càng tồi
Càng sống càng bé lại...
Anh ám chỉ ai đây? Ai là người nhiều tuổi trong lãnh đạo? Ai là người hay được chúc sống lâu trăm tuổi, sống muôn năm? Lại tội phạm thượng tày đình!

Sau một thời gian dài mất tự do, không được viết, hầu như bị bạn bè xa lánh hết, Lê Đạt trở về ngôi nhà nhỏ. cùng bà mẹ anh ở phố Lãn Ông làm nghề mua bán giấy cũ, mua hộp cạc tông cũ về cắt, xén, tạm sống trong túng bấn và cơ cực cơ cực cả vật chất và tinh thần, phần thưởng cho một tấm lòng, một tài năng ít giống ai...

Bùi Tín

Mặt Thật

Nỗi sợ thuyên giảm

Nỗi sợ như một căn bệnh. Vì con người đối mặt với một cơ chế dù cho can trường đi mấy vẫn chỉ là một con người. Mà cơ chế là một cỗ xe nghiền lạnh lùng, không thương tiếc. Nỗi sợ như một căn bệnh truyền kiếp, lây lan. Sợ là phản ứng tự vệ, là bản năng sinh tồn trước tai họa hủy diệt. Thêm nữa nỗi sợ là căn bệnh chung, nên ít ai sĩ diện, xấu hổ vì sợ cả. Vì ai cũng ít nhiều biết sợ để sống, để tồn tại, và có người còn nghĩ là để rồi đấu tranh, nên không ai cảm thấy mình hèn mọn vì sợ. Thông cảm cho nhau, thân phận một thời, cá nằm trên thớt mà. Và an ủi một chút: tránh voi chẳng xấu mặt nào. Nếu không voi dữ xông và chà cho đến chết, thế là uổng mạng; từ khi thế cục xoay vần, Liên xô đổ sập, nỗi sợ đã bớt, bệnh sợ có thuyên giảm.

Cụ Nguyễn Mạnh Tường khi sang Pháp hồi 1990 đã ngay

thật kể lại tất cả nỗi khổ ải trải qua thời Nhân Văn Giai Phẩm, nhất là sau sửa sai, khi cụ nói chuyện ở Mặt trận Tổ quốc ngày 30-10-1956 về tình hình coi thường luật pháp, đảng chuyên quyền làm bậy ở miền Bắc. Cụ bị đưa ra trường đại học, cho sinh viên đấu tố theo sự chỉ đạo của Bí thư đảng ủy trường đại học. Hồi đó cụ cũng vẫn còn chút "sợ", chưa muốn kể thật kỹ, thật rõ. Về nước, cụ nghĩ lại, tình hình trong nước và thế giới chuyển biến có lợi cho dân chủ. Đảng cộng sản buộc phái nhượng bộ một số bước, nới lỏng cả về kinh tế và phần nào về chính trị. Cụ quyết định: gửi bản thảo cuốn Người Bị Khai Trừ sang Pháp. Cụ viết bằng tiếng Pháp: Lexcommunié và cho phép dịch ra tiếng Việt để xuất bản cả hai. Nay sách của cụ đã xuất bản. Một số bạn đọc trong nước đã được đọc. Cụ nói: Tôi đã 84 tuổi rồi (cụ sinh 1909), chẳng có gì để mất nữa.

Có những người không chờ cho đến 80 tuổi, để không có gì để mất, đó là nhà văn Dương Thu Hương, gan dạ, không biết sợ từ tuổi chưa đến 40. Chị nói thẳng những điều mình nghĩ, không gượng nhẹ chút nào. Chị là nhà văn ngồi bệt xuống cỏ với dân đen, với vô vàn phó thường dân mà chị nhận là người phát ngôn của họ. Chị nói lớn là chẳng tín nhiệm ai trong Bộ chính trị Đảng cộng sản,

chẳng ai có đủ tài năng và đức độ để chị gửi lòng tin. Chị phê phán chế độ độc đoán ở Bình Nhưỡng và La Havana. Nơi thì thực hiện chế độ phong kiến cha truyền con nối, nơi thì trị vì từ 1959, hơn 30 năm, tham quyền cố vị, xây dựng quyền thế trên sự sùng bái cá nhân tệ hại. Chị phải trả giá bằng 7 tháng 10 ngày mất tự do. Ra tù, chị vẫn vững vàng tuy mệt mỏi. Chị nói với nhà sử học Damel Hemery tháng Giêng 1993 vừa rồi rằng chị vẫn bị theo dõi chặt chẽ. Chị có thể bị họ bắt lại bất cứ lúc nào, chị lo rằng cuốn phim với đề tài: một người phụ nữ qua 3 đời chồng vẫn không tìm ra hạnh phúc, biểu hiện số phận của dân tộc ta qua ba thời kỳ đấu tranh, đang vấp phải những khó khăn khó vượt qua. Nỗi lo nữa của chị là chị cảm thảy cô độc. Đó là nỗi buồn day dứt của chị. Tôi mong rằng đó là một cảm giác lầm lẫn của chị. Qua thư từ bạn bè của tôi từ trong nước, ai cũng tỏ ra ca ngợi, quý mến lòng dũng cảm của chị. Chị không cô độc, vì ngày càng có nhiều người gia nhập hàng ngũ những người dũng cảm của chị phụ nữ còn dám lên tiếng, nói thẳng, nói mạnh đến thế huống hồ các đấng năm nhi. Tết vừa rồi, hàng chục sinh viên cũ đã đến nhà Cụ Nguyễn Mạnh Tường và Cụ Trương Tửu, các giáo sư cũ của mình. Tất cả là trí thức, nhà văn, giáo sư, có người là Vụ trưởng Vụ Tổ chức Bộ Đại Học và Đào

Tạo. Giáo sư Trương Tửu bị án tù hồi 1957 cùng với Thứ trưởng Nguyễn Hữu Đang trong vụ Nhân văn Giai Phẩm. Sau khi ra tù ông Trương Tửu sinh sống bằng nghề châm cứu ở phố hàng Bông. Nay ông lặng lẽ được xã hội, dư luận, sinh viên phục hồi danh dự. Ông được chút lương hưu còm. Nhà trí thức một thời được coi là uyên hác cầm đầu nhóm Hàn Thuyên với những loạt sách giới thiệu chủ nghĩa duy vật biện chứng kiểu phổ thông ký tên Nguyễn Bách Khoa, đã vào tuổi 80, hơn 30 năm ôm hận.

Cả đất nước bị thiệt thòi. Nền giáo dục bị thiệt thòi. Kiến thức của sinh viên bị thiệt thòi. Tết Quý Dậu vừa qua, ông tâm sự với sinh viên cũ của mình về nhân tính, về tình người trong ứng xử. Ông nói về sự sụp đổ của Liên xô, của chủ nghĩa xã hội hiện thực, ông nói lên điều ông nghĩ, chẳng còn biết sợ bất cứ ai, cả cái cỗ xe cơ chế, người tri thức lão thành này cũng chẳng còn có gì để mà sợ, mà hãi nữa cả? Ông vẫn khẳng định đòi hỏi hồi nào, trả văn nghệ về cho các văn nghệ. Tuổi trẻ hồi đó còn nhớ mãi câu nói trứ danh: "Tôi yêu đảng, nhưng yêu sự thật hơn." Ông bị kết án là phản động, vì đảng dạy phải đặt đảng trên sự thật? Nay ông cho rằng, vế thứ nhất của câu ấy không còn đúng, nhưng vế thứ hai thì không thể bỏ được.

Ngày càng có thêm bằng chứng là nhà văn can đảm

Dương Thu Hương không cô độc. Tin từ Hà nội, nhà văn Phùng Quán đã gửi đơn cho Tòa án Tối cao và Viện kiểm soát nhân dân tối cao đòi ông nhà nước phải đền bù cho anh chị em bị kết án oan trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm, cụ thể là tính mỗi năm không được sáng tác, không được viết sách, bị thiệt thòi ít nhất là 1 triệu đồng hiện tại. Vậy mỗi người phải được đền ít nhất là 15 triệu... Ông nhà nước không trả lời. Thường vụ Hội nhà văn cố dàn xếp, ỉm chuyện này đi. Luật dân sự nước ta chưa có khoản bồi thường danh dự bằng tiền. Nếu như ở Pháp, theo luật hiện hành, một số luật sư cho rằng môi nhà văn bị xúc phạm nặng nề phải được đính chính trên mặt báo (bị lên án ở báo nào, ra sao thì phải được đính chính ở trên báo đó), và phải được bồi thường danh dự từ nửa triệu đến 5 triệu Phờ-răng Pháp, chưa nói nếu bị mất tự do một cách oan ức thì mỗi tháng bị tù, bị giam giữ sẽ được đền bù ít nhất là 20.000 phăng một tháng. Nhà văn càng lớn, giáo sư có uy tín, tài năng cao thì đền bù càng lớn hơn (xin nhớ nửa triệu phrãng là bằng 250 lạng vàng và 20 000 phrăng là bằng 10 lạng vàng, theo thời giá hiện nay).

Theo luật pháp, không thể có chuyện xí xóa, thông cảm, bỏ qua kiểu cao thượng. Lúc họ xử xử độc ác với các nhà trí thức và nhà văn, họ có tỏ ra cao thượng đâu! Phải công

bằng như vậy, mới răn đe được những kẻ làm càn, để chuyện tương tự không thể lại xảy rai

Bùi Tín

Mặt Thật

Điều khác trước: không còn tệ đánh hôi

Một anh trí thức Việt kiều phân vân hỏi tôi, "Tôi rất băn khoăn về thái độ của anh chị em trí thức ở bên nhà. Họ đâu cả rồi Dạo nữ văn sĩ Dương Thu Hương bị bắt, bọn tôi liền làm ngay bản kiến nghị gửi chính quyền ở Hà nội, chỉ một tháng được hơn 800 chữ ký, về sau lấy thêm được tới gần hai ngàn, họ là những nhà khoa học, luật sư, nhà báo, nhà kinh doanh... người Việt, người Pháp. Xem báo Hà nội, chưa thấy có một bài nào lên tiếng bênh vực cô ta, trong nước chưa thấy một bản kiến nghị nào! Vì sao vậy? Mà trí thức ta đâu có hèn phải không anh? Trong nước có vẻ êm ru? Tôi không làm sao hiểu nổi!"

Tôi đọc trên tập san Hợp Lưu số 9, bài "Dân Tộc Chúng Tôi Có Đâu Là Thảo Mộc" của Phan Tấn Hải (trang 45) có đoạn viết: "Chúng ta ngạc nhiên và đau xót vì thái độ "im lặng có vẻ quy thuận" của nhiều nhà văn trong nước giữa

khi một số người khác đang bị truy bức như Dương Thu Hương, Đoàn Viết Hoạt. Sự im lặng này dường như mang nhiều vẻ tội lỗi của hành động đồng lõa với nhà nước... Nhưng, hãy tự hỏi trường hợp chúng ta đang ở trong nước, thật sự chúng ta có thể làm gì khi đối diện với cả guồng máy điên dại kia! Khi ông Ngô Đình Diệm giết Nguyễn Phan Châu, bức bách Nhất Linh tới phải tự tử, thì các ông Mai Thảo, Võ Phiến đã làm gì?"

Thật ra, sự lý giải như trên chưa thật thấu đáo. Phải ở trong cuộc mới biết hết mọi nhẽ. Như dạo "đấu tranh chống Nhân Văn Giai Phẩm" do chính quyền, do Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng, thực tế là đo ông trùm văn hóa Tố Hữu giật dây, có một sức ép lớn yêu cầu mọi nhà văn đều phải vào cuộc Không một ai có thể đứng ngoài, hoặc được phép đứng ngoài. Phải tỏ thái độ rõ ràng: theo đảng hay theo bọn xấu, bọn hư bỏng, bọn phản động ấy! Không được đứng giữa, vô tư không có thái độ. Không có thái độ cũng bị xem là chống đảng, "nối giáo cho giặc", là ngầm ủng hộ bọn xấu. Phát biểu trong học tập, chỉnh huấn chưa đủ, phải viết bài đăng trên báo, ký tên rõ ràng. Nhất là những nhà văn có chút tên tuổi là phải viết bài tỏ rõ thái độ, đăng trên báo Văn, báo Văn Học, và đặc biệt là trên báo Nhân Dân. Về sau, cách đánh ấy, được gọi là "đánh

ép", "đánh hôi", "đánh đòn hội chợ", "đánh hội đồng", "đánh a đua", "đánh theo gậy chỉ huy", "đánh theo com-măng" và cả "đánh theo thời thượng". Ban Tuyên huấn và Ban Tổ chức Cán bộ theo dõi sát động tác của từng người để xếp loại: ai là hăng hái nhất, ai là hăng hái vừa, ai chỉ đấu cho phải đạo, ai là còn hữu khuynh, lập trường không rõ ràng, nghiêng ngửa, ai giả dương cao tay mà chỉ đánh khẽ, lấy lệ... cho đến kẻ nào ù lỳ, im hơi lặng tiếng, được chụp mũ là ngoan cố! Cái kiểu ấy, về sau như thành nếp đối với những kẻ cơ hội. Lắp đi lắp lại, kiếu cách ấy đi vào tiềm thức, như là một bản năng, bản năng ứng xử, bản năng tự vệ. Họ lao vào kiểu đánh hôi, để giữ mình, và để được một danh hiệu: trung thành với chế độ, có lập trường vững vàng, dứt khoát. Có được danh hiệu ấy trong lý lịch, trong nhận xét hàng năm là sẽ được biết bao quyền lợi: được xem xét đế lên lương, lên bậc, để được bố nhiệm vào chức "lãnh đạo", từ tổ trưởng đến trưởng phó phòng, đền vụ trưởng, vụ phó... Đó là điểm cơ bản nhất của "hồng" trong vừa hồng, vừa chuyện. Gắn liền với lương, nhà, quyền lợi... "Chế độ" là chế độ gì? Không ai nghĩ đến chuyện phân tích cho rõ cả. Đây là chế độ chính trị, là chế độ cách mạng, là chế độ chính nghĩa, là đứng về phía nhân dân... Cực hiếm người nghĩ và nói trắng ra với bạn

bè rằng đây là chế độ độc đoán, chế độ gia trưởng, chế độ không dân chủ...

"Lập trường" đây là điều đầu tiên để xem xét một cán bộ, đảng viên. Lập trường được hiểu là tin tưởng vững chắc ở đảng, đảng đồng nghĩa với cách mạng, được hiểu là thông suốt mọi chính sách, từ chính sách cải cách ruộng đất đến chính sách hợp tác hóa, cải tạo tư sản, chính sách công nghiệp hóa, lấy công nghiệp nặng làm then chốt... Hơi có tỳ vết trong sự trung thành với chế độ, trong lập trường giai cấp là bị đặt thành vấn đề nghi vấn, thành câu hỏi, thành chuyện. Một cán bộ có "vấn đề" là một cán bộ xấu cán bộ ấy thường cảm thấy xấu hổ, có tội và vợ con, bạn thân cũng cảm thấy như thế. ở một cuộc họp, Bí thư Đảng ủy hay Thủ trưởng nói đến tên một người trong đơn vị, bảo rằng anh này "có vấn đề", trên đang kiểm tra để kết luận, để xử trí, thì phản ứng đầu tiên là mọi người nhìn anh ta bằng một đôi mắt khác. Xa lánh là phản ứng đầu tiên, tức thời. Giữ một khoảng cách, thanh minh về mọi quan hệ trước đây nếu có quan hệ gần gũi, vì sợ bị tội "liên quan", bị liên lụy? Người ta không nhìn anh ta. Khi gặp thì nhìn đi nơi khác, chưa nói đến không chào hỏi, bắt tay! Tổ chức bao giờ cũng đúng. Không thể hoài nghi nhận định của tổ chức. Những người nhanh nhẩu, cố tỏ ra trung

thành, sẽ vào hùa với tổ chức để xoi mói, kể tội có khi bịa đặt thêm, để tỏ ra là: có thế chứ, tổ chức sáng suốt chát! Đó là phản ứng đã thành lệ, có thể nói là hết sức phổ biến một thời. Bất kể là ở một cơ quan hành chánh, một nhà trường, một xí nghiệp, một đơn vị quân đội, đều như thế. Phản ứng của mỗi người đấu được tổ chức quan sát rất kỹ. Tai mắt của tổ chức không thiếu. Đó là cán bộ tổ chức, là các cấp ủy viên của đảng, là cán bộ óc ban kiểm tra, thanh tra, là cán bộ tuyên huấn, là cán bộ công đoàn, là cán bộ bảo vệ, là tất cả các vị "chức sắc" đều phải lo quản lý người dưới quyền của mình rất chặt. Trong đầu các vị đã sẵn ý kiến, có khi là định kiến với mỗi người dưới quyền chi phối của mình.

Mỗi vị lại có sổ tay, ghi kỹ những sự kiện liên quan đến nhân sự đến mỗi người thuộc quyền mình quản lý. Trí nhớ về đất nước, về.sự kiện thế giới, về phát minh của nước này nước khác có thể tùy tiện, có thể quên lãng, còn về từng người trong đơn vị thì họ nhớ kỹ. Trong các cuộc họp để "học nghị quyết", xin nhớ: không phải "nghiên cứu mà là "học", có nghĩa là phải thông, phải thuộc nghị quyết, còn có các phái viên chia xuống các tổ? Đó là những phái viên của Ban tổ chức, của Ban tuyên huấn, của Ban kiểm tra,

của Ban thanh tra... ghi chép các ý kiến, đánh giá kết quả đối với từng người, giúp cho tổ trưởng học tập nhằm quản lý chặt mỗi cán bộ, đảng viên... Để lý lịch, nhận xét cán bộ luôn được bổ sung những nét mới nhất, cập nhật nhất!
Tất cả sự "quan tâm" của tổ chức đến phản ứng của từng người như thế dẫn đến thái độ buộc phải thích ứng của mỗi người nằm trong cơ chế: không thể cụ cựa khác được. Ví dụ như khi vụ báo Giai Phẩm Mùa Xuân bùng ra, rồi Giai Phẩm Mùa Thu, báo Nhân yđn nổ mạnh, báo chí của đảng liền chỉ mặt vạch tên những văn nghệ sĩ "chống đảng", "có nhận thức sai lầm", "có tư tưởng chống đối", "bị ảnh hưởng của địch", "rơi vào vũng bùn của chủ nghĩa cá nhân", sử dụng bút pháp "xỏ xiên", "lá mặt lá trái" nhằm "bôi đen chế độ" thì lần lượt các văn nghệ sĩ phải lên tiếng. Họ phải nói rõ lập trường trong lớp học 3 tuần lễ. Họ còn phải viết bài trên báo để nói công khai lập trường của mình, phải lên án rõ ràng những tên "chống đảng". Đảng se xoa đầu, ghi công, cho điểm tốt những ai nhanh nhẩu, kịp thời, có lập trường bén nhạy, vững vàng.
Nhạc sĩ Đỗ Nhuận phải viết bài lên án Văn Cao, Đặng Đình Hưng. Nhà viết kịch Bửu Tiến viết bài lên án Lê Đạt, Sỹ Ngọc... Nhà phê hình Như Phong (em Hoài Thanh) viết bài rất lên gân để kết tội Hoàng Cầm, Trần Dân, Tô Hoài

lên án "cả nhóm do Nguyễn Hữu Đang giật giây". Nguyễn Công Hoan phê phán Phan Khôi... Những cuộc thảo luận ở các trường đại học thành những cuộc đấu tố các giáo sư. Giáo sư Đại học Nguyễn Mạnh Tường, giáo sư Trương Tửu bị nhiều sinh viên trẻ lên án gắt gao, như là xỉ vả, chửi bới nữa. Không khí cải cách ruộng đất như được hâm lại...

Đó là cảnh đánh hôi, đánh bề hội đồng sôi nổi nhất trong làng văn, theo gậy chỉ huy của đảng. Có người sau này không còn trông thấy mặt nhau nữa. Tình bạn chấm dứt. Cay đắng. Ngậm ngùi.

Từ cảnh tượng trước kia như thế, so sánh với hiện nay, tôi có thể trả lời các bạn phân vân là anh chị em trí thức, văn nghệ sĩ hiện ở trong nước có hèn không, rằng: Không! Chớ nghĩ sai, nghĩ oan cho anh chị em ở trong nước. Họ đã khác trước. Từ 1986 đến nay đã khác. Từ cuối 1990 lại khác hơn nữa rồi.

Nếu như vào trước năm 1986, nếu vụ án Dương Thu Hương xảy ra 30 năm trước thì chỉ cần một vị trong Ban Tuyên Huấn Trung ương la lớn: "Dương Thu Hương chống Đảng!" Chưa cần đến Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh thóa mạ: "Cái con ranh con ấy định làm loạn" là lập tức được ngay sự hưởng ứng của hàng vài chục văn nghệ sĩ

luôn "trung thành với đảng", "có ý thức sâu sắc bảo vệ đảng", "có lập trường kiên định, nhạy bén chống mọi kẻ thù của nhân dân". Họ sẽ lập tức viết bài trên báo Văn Nghệ, nhất là trên báo Nhân Dân của đảng, mặc sức, chửi bới, thóa mạ theo kiểu đánh hôi: "Nó đây rồi? Mới nứt mắt đã có tham vọng làm Tổng Thống!", "tên cơ hội lợi dụng lúc đảng khó khăn để kiếm chác", "kẻ cá nhân chủ nghĩa, mới đi tới đường mòn Hồ Chí Minh làm thanh niên xung phong mà đã công thần", "đô vô ơn bội nghĩa, nhờ đảng nên viết lách được chút ít đã huênh hoang..." Thế rồi các văn nghệ sĩ đều lần lượt lên tiếng, thi nhau ai lên tiếng trước, lên tiếng mạnh, nếu cao lập trường và ý thức bảo vệ đảng kính yêu... Họ sẽ còn bám vào những chuyện thuộc về đời tư đức bôi đen, dèm pha, hạ uy thế với những tranh châm biếm, thơ đả kích, chuyện tiếu lâm... quyết hạ nhục đến tận bùn đen. Và cuối cùng vụ án Dương Thu Hương có thể kết thúc bằng một tòa án, với lời buộc tội: chống đảng, chống chủ nghĩa xã hội, chống nhân dân, liên quan đến địch, đến bọn phản động trong Việt kiều, bị CIA hay đơ bê (deuxième bureau - phòng nhì Pháp) mua chuộc, lôi kéo trong âm mưu lật đổ nền chuyên chính của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam... Những điều trên đây đã không xảy ra. Hãy xem lại vụ án

Nhân văn Giai Phẩm kéo dài từ 1956 đến 1959 sẽ rõ. Sau 3 năm đấu tranh một chiều (chỉ đánh mà không cho đỡ, không cho cãi), vụ án văn học lớn nhất trong lịch sử Việt nam này tạm kết thúc ngày 21 tháng Giêng năm 1960 với tin giật gân có tít là: "Tòa án nhân dân Hà nội đã xử vụ gián điệp Nguyễn Hữu Đang- Thụy An". Dưới là: Nguyễn Hữu Đang và Thụy An, mỗi tên 15 năm tù. Trần Thiếu Bảo (giám đốc nhà in Minh Đức): 10 năm tù. Nội dung xử không đưa ra một bằng chứng nào kể tội làm gián điệp, ngoài một chi tiết là hai người có quan hệ với một người Pháp tên là Maurice Durand làm việc ở Trường Viễn Đông Bác Cổ (một cơ quan văn hóa); người Pháp này được đội cho một cái mũ lớn: nhân viên tình báo của thực dân Pháp và Đế Quốc Mỹ!

Tất nhiên là phiên tòa xử kín, không có báo chí nước ngoài và trong nước dự, mọi việc đã được quyết định từ trước khi xử không có kháng án, những người bị tội chỉ có nghe tuyên án để rồi trở về Hỏa lò.

Nguyễn Hữu Đang là ai? Là một đảng viên cộng sản kỳ cựu, quê từ Thái Bình, có trình độ trí thức khá. Ông từng là Phó hội trưởng Hội Truyền bá Quốc Ngữ (Hội Trưởng là nhà học giả Nguyễn Văn Tố) những năm 1943-1945, là một cán bộ lãnh đạo của Việt Minh từ 1941. Ông là một

cán bộ chủ chốt của Hội văn hóa cứu quốc. Ông từng giữ chức Thứ trưởng Thanh niên rồi Thứ trưởng Thông tin trong chính phủ Hồ Chí Minh được thành lập đầu tháng 9-1945. Ông được ông Nguyễn Văn Tố đề cử làm Trưởng ban Tổ chức buổi lễ long trọng Tuyên Ngôn Độc Lập sáng 2-9-1945 ở quảng trường Ba Đình, Hà nội. Ngày 28-8-1945, ông Tố đã đưa ông vào gặp ông Hồ để trình bày kế hoạch buổi lễ ấy. Chính ông Hồ đã ký giấy giới thiệu ông là Trưởng ban Tổ chức buổi lễ, giấy này ông còn giữ làm kỷ niệm. Việc dựng lên đài gỗ cao ở quảng trường, đặt 8 cột gắn loa lớn cho gần một triệu người đủ nghe, việc huy động cua-rơ mô-tô nổi tiếng Võ Tấn cùng 20 xe đạp đi hộ vệ xe ô tô Peugeot đen của Chủ tịch Hồ Chí Minh... đều do Nguyễn Hữu Đang đề xuất và đôn đốc thực hiện.

Sau khi ở tù ra từ 1972, ông về quê ở Thái Bình sinh sống trong cơ cực và cô đơn. Một chiếc xe đạp lọc cọc. Cứ đến gần ngày khai trường, vị trí thức gầy ốm ấy đạp xe vài chuyến lên Hà nội đi mua những họa báo cũ thồ đến chừng nửa tạ về các vùng quê Kiến Xương, Tiền Hải, Đông Quan bán cho các em học sinh để bọc vở và bọc sách... Đó là nguồn thu nhập "đáng kể" nhất của nhà văn hóa khá nổi danh trong Hội Văn Hóa Cứu Quốc hồi Việt Minh, năm 1944 và 1945. Năm ngoái, 1992, Nguyễn Hữu

Đang tròn 80 tuổi. Tình hình đã đổi khác đôi chút, bạn bè đã gom góp, tổ chức lễ, nghĩa là kín đáo, một buổi lên "đại lão", "thượng thọ" cho ông ở Hà nội, ông vẫn còn sức khỏe khá, trí nhớ tốt. Kể về ngày 2-9-1945, ông cho rằng chuyện ông Hồ Chí Minh đang đọc bản tuyên ngôn, ngừng lại để hỏi: "Đồng bào nghe rõ không?" chỉ là chuyện tán tụng để tuyên truyền. Đã có nhiều bài viết, bài thơ về sự chan hòa, đồng cảm giữa lãnh tụ và quần chúng trong buổi đầu gặp gỡ ấy. Thật ra, trước khi đọc bản tuyên ngôn, ông Hồ gõ gõ vào mi-crô và hỏi anh thợ điện phụ trách hệ thống loa: "Nghe rõ không?" Chỉ có thế. Nhắc lại chuyện này, ông nói rõ rằng ông không hề có ý nói xấu hay hạ thấp ông Hồ, chỉ là để cho lịch sử được viết lại chính xác không thêu dệt, bịt đặt, nâng cao người này, hạ thấp người khác theo nhu cầu tuyên truyền, một cái tệ của những nhà sử học có "lập trường vững" ở Hà nội.
Mới đây, theo tin từ Hà nội, Nguyễn Hữu Đang đã được nhà nước trả lương hưu theo bậc chuyên viên 5, trong khi Hoàng Cầm, Trần Dần, Phùng Quán được lương chuyên viên bậc 3 và Phùng Cung - tác giả của truyện ngắn Con Ngựa Già của Chúa Trịnh (bị lên án là dùng biểu tượng hai mặt để sỏ những bậc đại thần của triều đại mới) cũng được lương chuyên viên bậc 1.

Vụ án lớn hơn 30 năm trước chưa thể khép lại! Nếu theo đúng luật thì cần kết luận lại toàn bộ vụ Nhân Văn Giai Phẩm dưới ánh sáng mới của tình hình. Những oan ức cần được giải bày cặn kẽ. Ai gây oan phải xin lỗi và bồi thường. Sự phục hồi danh dự trên báo chí, công luận cần rõ ràng, minh bạch, không thể xúy xóa, ù xọe được. Nhất là khi đương sự đã hơn 80 tuổi và còn sống. Không thể để họ ngậm oan khiên xuống dưới tuyền đài!

Bùi Tín

Mặt Thật

Trốn nợ

Vụ gián điệp Nguyễn Hữu Đang" chẳng lẽ đã khép lại, xếp vào tủ kín, coi như kết thúc hoàn toàn khi nhà nước vui lòng trả lương hưu chuyên viên bậc 5? Chuyên viên bậc 5 có nghĩa là bậc Vụ trưởng. Có nghĩa là vẫn là bị hạ 2 hoặc 3 bậc so với 47 năm về trước, khi ông là Thứ trưởng, ở bậc 7 và bậc 8 chuyên viên. Các vị tổ chức cán bộ thường nghĩ rằng: thế đã là một sự đối xử tốt rồi. Từ chỗ anh bị tù, bị coi là chống đảng, là gián điệp tay sai thực dân, đế quốc, bị quản thúc mấy năm sau khi ra tù, phải tự kiếm sống lấy, nay anh được quyên công dân, được có thẻ cử tri, có giấy chứng minh công dân, được sổ nhận lương hưu, được thò bút ký vào sổ để nhận tiền hàng tháng, vinh dự quá rồi còn gì! Đảng đã cho anh đổi đời, còn muốn gì nữa. Và nhiều hạn bè Nguyễn Hữu Đang ắt cũng chúc mừng anh như vậy. Từ một người bị lên án là một tên gián

điệp nay được gặp bạn bè, tay bắt mặt mừng, tổ chức lễ thượng thọ, khá là rôm rả, có bia, có chút rượu, quả là một niềm an ủi lớn rồi.
Thế nhưng rượu ngọt vẫn còn vị đắng. Thế là xong ư? Họ phủi tay hết ư? Đảng bao giờ cũng đúng. Không chút thanh minh, minh oan, xin lỗi anh. Đúng là kiểu gia trưởng phong kiến. Vua bao giờ cung đúng. Đúng cả trong những sai lầm bậy bạ, kỳ quặc trong hành động của ông ta. Cũng có thể có người khuyên anh. Thôi, cho qua tha thứ tất cả? Thể tất cho họ! Miễn là cuối cùng anh trở lại là công dân. Còn hơn khối kẻ đến chết vẫn chưa được hồi phục quân công dân. Một lời an ủi chân tình. Cũng có người có thể khuyên anh: chấp nhận thái độ, chính sách của họ là hơn, chớ cựa quậy gì nữa. Kiện ai bây giờ? Kiện củ khoai à? Phải biết sống yên ổn với họ, tránh những phức tạp, phiền hà... Thế nhưng đảng và nhà nước đang nói ro rằng: quyết tâm xây dựng một nhà nước - pháp luật kia mà! Có nghĩa là nhà nước ứng xử với xã hội, với công dân theo pháp luật và công dân cũng ứng xử với đảng và nhà nước theo pháp luật. Đó là lẽ đương nhiên.

Thương nhau ta để trong lòng
Chuyện này ta cứ phép công mà làm!

Đã theo pháp luật thì không thể có thương hại, thông cảm, thể tất cho qua được!

Các vị lãnh đạo và nhà nước thường viện cớ rằng nhưng chuyện ấy lâu quá rồi, những người liên quan đến vụ án hồi đó đã thay đổi cả rồi, nhiều người đã không còn sống nữa... Việc cũ không thể đặt lại ra bây giờ. Ba mươi năm qua rồi, còn có ai nhớ nữa?...

Xin thưa rằng ở các nước có nếp sống theo pháp luật, các vụ án cũ 10 năm, 20 năm, thậm chí 50 năm, khi phát hiện ra sai lầm, khi đương sự đặt vấn đề, đều có thể và phải xem xét lại và xử lại nếu cần công bằng không có quy định về thời gian. Mấy năm gần đây, ở cộng hòa liên bang Đức đã xử những tên đồ tể thời Hitler trốn gần 40 năm sang Nam Mỹ được truy tìm và dẫn độ về. Thời gian không thể xí xóa tội lỗi, không thể hòa cả làng!

Và có sự ràng buộc về trách nhiệm của tác cơ quan nhà nước nối tiếp nhau. Khi một chính phủ mới được thành lập thay chính phủ cũ, khi một quốc hội được bầu thay quốc hội mãn hạn, khi một Thủ tướng mới nhậm chức thay Thủ tướng cũ một chánh án tuyên thệ nhận trách nhiệm thay chánh án cũ đều có một nguyên tắc: tôi kế thừa trách nhiệm của người bàn giao, tôi phải làm liếp những việc

còn làm dở dang, tôi tiếp thu tất cả những công việc trong nhiệm kỳ trước để xem xét lại khi cần, trong sự kế thừa ấy, tôi tiếp nhận cả những ưu điểm và khuyết điểm, thành tích và sai lầm, kể cả những sai lầm chưa được phát hiện để truy cứu trách nhiệm và giải quyết thỏa đáng theo hiến pháp và luật pháp.

Tình hình đã chín để có thể đặt vấn đề xem xét lại một số vụ án oan, gián điệp, chống đảng, xét lại, tay sai địch, chống chủ nghĩa xã hội, chống nhân dân... trong đó vụ Nhân Văn Giai Phẩm là một điển hình. Vụ án theo nghĩa rộng này không chỉ liên quan đến 5 người bị đưa ra xét xử ở tòa án Hà nội cuối năm 1959: Nguyễn Hữu Đang, Lưu Thi Yên (tức Thụy An), Trần Thiếu Bảo (tức Minh Đức), Phan Tài và Lê Nguyên Chi (tòng phạm); nó liên quan đến mấy chục trí thức, giáo sư đại học, văn nghệ sĩ thuộc đủ các ngành văn, nhạc, kịch, họa, và một số sĩ quan quân đội có thành tích trong kháng chiến. Nó còn liên quan đến cả chục ngàn "Nhân văn xóm", "Nhân văn huyện", "Nhân văn tỉnh", những người bị bắt, bị giam, bị xét hỏi, bị ghi vào sổ đen... do đã tàng trữ, truyền tay, tán thành ủng hộ các tác phẩm Nhan văn Giai Phẩm. Những người có trách nhiệm đối với vụ án oan này là các ông trùm tư tưởng và văn hóa, những người cám cân nảy mực ở Bộ Nội Vụ, Tòa

án Nhân Dân. Đó là Trưởng ban Tuyên huấn của đảng, Tố Hữu, với người trợ thủ đắc lực là Hoài Thanh, đó là cựu Phó an ninh Dương Thông và Bộ trưởng Bộ Nội Vụ Trần Quốc Hoàn, với các Thứ trưởng Nguyễn Quốc Thân và Viễn Chi. Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Chủ tịch nước Hồ Chí Minh tất nhiên có phần trách nhiệm của mình. Không ai có thể nói một cách vô lý rằng tất cả vinh quang của chiến thắng và thành tích là thuộc về tôi còn tất cả thất bại, sai tâm, khuyết điểm và tội lỗi là thuộc người khác!

Tôi đã nghĩ đến việc xem xét lại vụ án lớn này từ năm 1986, khi bắt đầu cái gọi là "thời kỳ đổi mới", trong không khí chuẩn bị cho Đại hội 5. Khi ông Nguyễn Văn Linh từng bị loại ra khỏi Bộ Chính Trị (tháng 12-1981) và vừa trở lại làm tổng bí thư (tháng 12-1986) gặp các văn nghệ sĩ trong không khí cởi mở, chân thành, tôi cũng nghĩ rằng đã đến lúc xem xét lại vụ án văn nghệ này. Thế nhưng sau đó ít lâu, tình hình Đông Âu đã làm cho ông ta "co vòi" lại. Những anh em từng làm việc thời gian dài gần ông ở Nam Bộ hồi kháng chiến chống Pháp cho biết "ông "Mười Cúc" (tên hồi đó của ông Linh) đôi khi biết lặng nghe, nhưng ai cũng thấy sợ sợ, rợn rợn vì ông mà "để ý đến ai, chiếu tướng ai là người đó coi như tịch!". Con người định kiến đầy mình như vậy thì sao mà đổi mới được! Tôi đã nghĩ

sai và ảo tưởng về thiện chí của người từng nói rằng: "Anh chị em văn nghệ sĩ phải tự cứu lấy mình, không được bẻ cong ngòi bút..." Những người lãnh đạo cộng sản khi phạm sai lầm, rất sợ ánh sáng của sự thật, họ rất sợ công luận. Cho nên họ rất ưa cách làm âm thầm, lặng lẽ, thật ra là dấm dúi, theo kiểu "xử trí nội bộ". Cách làm này trước kia còn có hiệu quả, khi dân trí còn thấp, cả xã hội bị cô lập, khép kín, "ở dưới đáy giếng". Nay tình hình đã khác lắm rồi. Nếu không công khai sửa chữa sai lầm, chủ động và công khai xem lại những vụ án lớn thì họ sẽ bị kẹt to. Tốt nhất là họ có chút lương tâm để tự làm lấy, lập ra một tổ chức gồm các đại diện các cơ quan có trách nhiệm, chọn một số người có công tâm, xem xét lại và kết luận lại, minh oan và xin lỗi nếu cần. Họ làm vậy thì chỉ có được hoan nghênh, họ sẽ khôi phục được phần nào niềm tin...

Không làm như vậy, cứ trốn tránh trách nhiệm thì sẽ đến lúc tất cả những người bị án oan sẽ phải họp nhau lại đòi công bằng. Cả xã hội sẽ thấy không có nỗi oan nào của riêng ai cả, vi người này bị oan hôm nay, thì ngày mai sẽ đến lượt anh, lượt chị, lượt tôi, không ai không cảm thấy bị đe dọa trong cuộc sống. Sẽ phải lập nên một "ủy ban đòi công bằng cho những người bị xử oan" trong 50 năm qua,

và ủy ban ấy tất sẽ tìm sự ủng hộ của các nhân vật và tổ chức quốc tế quan tâm đến dân chủ, quyền con người. Những người cầm quyền ở Hà nội cần hiểu rõ công luận thế giới vừa qua đã được động viên, Liên Hiệp Quốc đã thảo luận về quyền và nghĩa vụ can thiệp để bảo vệ nhân quyền ở nước này và nước khác, trên nguyên tắc: Trong một xã hội cũng như trong cộng đồng thế giới mỗi người phải có nghĩa vụ cứu những người đang bị nạn. Thấy người bị nạn mà không cứu là phạm pháp. Bị xử trí oan, bị giam cầm oan là bị nạn...

Hoàn toàn ngoài ý kiến tôi việc trả thù cá nhân. Theo tôi, nguồn gốc mọi sai lầm, thảm họa, bất công là cơ chế. Đó là bộ máy, từ những học thuyết ngoại lai. Con người đều là nạn nhân của cơ chế sai lầm, của cỗ máy nghiền ấy. Vấn đề là bỏ đi cơ chế cũ, dựng nên cơ chế mới, có dân chủ và pháp luật Không phải nay lại đưa những người gây bất công ra xét xử bởi những người bị xử oan hồi trước. Không thể thế được, sẽ tạo nên thù hận không cùng. Cần tỉnh táo xem xét kết luận công khai, khôi phục danh dự cho mọi người bị oan. Rõ ràng, minh bạch, không sót một ai. Đề phòng sự trả thù cá nhân, theo kiểu ân oán giang hồ, sẽ gây hỗn loạn. Đất nước đã hỗn loạn quá lâu, quá nhiều rồi. Hiện nay các tệ nạn tham nhung, buôn lậu, quan liêu,

đặc quyền đặc lợi đã gây hỗn loạn quá mức rồi. Nhân dân không thể chấp nhận thêm bất cứ một sự hỗn loạn nào nữa. Món nợ lớn của hàng loạt vụ án chính trị vô lý, oan ức của mấy chục năm quá không ai có thể xóa được. Nợ thì phải trả. Đó là nhu cầu của "đổi mới" thứ thiệt, nhu cầu của tương lai trước mắt.

Bùi Tín

Mặt Thật

Quả lê có chất độc

Tôi được biết ở trong nước số người vào hùa với một số nhà cầm quyền lên án, miệt thị nhà văn Dương Thu Hương chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Đó là một nhà văn nữ trong Ban chấp hành Hội Nhà Văn được đảng chọn để đi dự đại hội đảng lần thứ 7; nhà văn này cũng chỉ ám chỉ Dương Thu Hương (những người cầm bút lợi dụng tình hình để bôi xấu chế độ) mà không dám nêu tên. Còn ở trong gia đình, trong cơ quan, giữa bạn bè tin cậy, bà con ta vẫn khen nữ văn sỹ họ Dương là can đảm, có dũng khí, dám nói lên điều bản thân và nhiều người nghĩ. Không ít người quý trọng nhà văn "ngồi bệt xuống cỏ" với dân đen. Cách nói bộc toạc, thẳng thừng của Dương Thu Hương nói lên một cá tính rất cứng cỏi một phương cách sống chống nạnh ngẩng cao đầu. Đó là phương cách mà mẹ Phùng Quán đã dạy anh: yêu ai thì bảo là yêu ghét ai

thì nói là ghét, dù dao kề cổ cũng không thể nói ghét thành yêu. Tôi đã đôi lànn gặp Dương Thu Hương. Một phong cách khác thường, rất đàn ông. Đứng giữa một số bạn trai và gái, Dương Thu Hương có thể bô bô: Này, thằng đểu ha, lại đây tao bảo! Giọng nói không đểu chút nào, mà là thân tình, hơi kẻ cả, kiểu đồng đội thương nhau từ thời dưới bom đạn. Đưa bài đến báo Nhân Dân, cô ta có thể xẵng giọng với người phó ban văn nghệ: này, đăng hay không thì bảo, đừng có ỡm ờ, không thì để người ta xé đi! Hơi chua ngoa, nhưng chân tình, ngay thật và sòng phẳng. ở cơ quan làm phim truyện cũng thế. Anh bạn cùng cơ quan với Dương Thu Hương kể, một lần đi công lác cần ứng trước một khoản tiền, mấy anh quản trị luôn làm khó dễ. Dương Thu Hương ghi luôn vào giấy yêu cầu ứng tiền đi công tác: "Mượn 50 ngàn, thằng em tôi đi Đức sắp về, có áo lông sẽ bán để trả..." rồi đưa cho văn phòng quản trị, kèm một câu: số tiền còm ấy ai thèm quịt mà sợ!
Đó phong cách của Dương Thu Hương, ngay thật nhưng hơi ngổ ngáo. Bộc trực nhưng lại có phần đanh đá, chua ngoa. Lên án viên tướng Quang Phòng, Dương Thu Hương không chút nể nang: "Tôi không bao giờ thù hận ông. Tôi khinh bỉ và thương hại ông!", "Ông có thói quen của thứ trương tuần, chánh tổng!" "Ông chưa chết, nhưng

nếu cần đối chất tôi thiếu gì phương tiện để bật nấp ván thiên quan tài ông lên"; Tôi cho ông quyền tự do chọn phương án chìm tàu "ông non tay nghề quá"; "bộ máy quốc gia mà phải dùng loại cán bộ đầu loãng như ông thì tội nghiệp thay!". Dương Thu Hương đã từng tự nhận là nhẹ dạ cả tin. Hình như cô vẫn chưa sửa được nhược điểm ấy. Việc cô tha thứ cho kẻ đã ngã ngựa là Quang Phòng có thể hiểu được. Nhưng khi cô cho rằng viên tướng Bùi Quốc Huy đại diện cho Bộ trưởng Bùi Thiên Ngộ là người biết điều, có lòng tốt với cô thì xin cô hãy dè chừng! Cô nói "nguyên tắc sống của tôi là ai cho ta ăn lê thì ta mời họ án táo". Cô cho rằng "Tổng cục trưởng Tổng cục Phản gián Năm Huy cư xử đàng hoàng tử tế với cô. Cô cho rằng cô cần "tôn trọng người đồng nghiệp cấp trên" của Quang Phòng, cô cần giữ chữ tín với hai ông Năm Huy và Nguyễn Công Nhuận... Tôi cho rằng cô lại nhẹ dạ và cả tin mất rồi! Có thể cô không hiểu rõ rằng khi Bộ nội vụ quyết định bắt giữ cô thì cả hai viên tướng Nam Huy và Công Nhuận đều biết và đồng tình. Đó là cách làm việc tập trung thống nhất ở Bộ Nội Vụ, có giao ban hàng tuần trước mặt ông bộ trưởng, thường là vào sáng thứ ba hàng tuần.

Họ thí quân để giữ tướng. Thí Quang Phòng rồi sau đó sẽ

thí cả Dương Thu Hương. Họ có thể xoa dịu cô, đầu rất mềm với cô thậm chí ve vuốt nhem tự hào của cô nữa, chỉ để vô hiệu hóa cô. Cô chớ chấp mấy kẻ đã ngã ngựa, cô hãy tha thứ cho họ. Chúng tôi đây, những người mới, chúng tôi hiểu và quý trọng cô. Nếu chúng tôi đến sớm ở cương vị này thì cô đâu có bị đụng chạm tới! Cô hãy cho qua. Ngọt ngào biết bao. Đó là quả lê ngọt lịm đó. Nhưng là quả lê có chất độc! Quả lê có bùa ải. Quả lê định giải giáp tất cả nghị lực và tinh thần sáng suốt đấu tranh của cô!

Họ về cơ bản chẳng khác gì nhau. Theo nguyên tắc kế thừa, các ông Bùi Thiện Ngộ, Bùi Quốc Huy đều phải gánh mọi hồ sơ tất cả các vụ án của thời các ông Mai Chí Thọ, Dương Thông và cả của thời ông Trần Quốc Hoàn rồi Phạm Hùng nữa. Cái đúng và cái sai, họ có trách nhiệm kế thừa hết. Đó là nguyên tắc. Nếu thật lòng ngay thật, ông Ngộ và ông Huy phải nói rõ là "Chúng tôi đã làm sai, những người trước chúng tôi đã làm sai. Việc giam cô 7 tháng 10 ngày là sai luật pháp và đạo lý. Chúng tôi xin lỗi cô . Và do báo chí có đưa tin, cả trong và ngoài nước, nên cô có quyền đòi họ phải cải chính và xin lỗi công khai trên báo và đài. Và họ cũng có nghĩa vụ phải nói rõ là những người trước đây của Bộ Nội Vụ đã làm sai, đã phạm pháp,

đã bị kiểm điểm và xử trí ra sao. Cô có quyền đòi bồi thường danh dự....Và chiếu theo luật, tòa án sẽ quyết định.

Họ lùi thì nếu đúng là Dương Thu Hương, một Dương Thu Hương gan góc, quả cảm, đứng về phía nhân dân bị áp bức, tất cô sẽ thừa thắng, vươn dậy đòi công bằng cho mình và cho vô số người bị oan ức mà cô đã biết là không ít đâu. Trước hết là những nhà văn đồng nghiệp trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Rồi các nhà trí thức ngay thật, sáng suốt và dũng cảm của đất nước. Rồi như bác sĩ Nguyễn Đan Quế và giáo sư Đoàn Viết Hoạt (ông Hoạt bị xử 20 năm tù giam chỉ vì đòi dân chủ, đòi sửa hiến pháp, đòi bầu cử tự do và bị chụp mũ là âm mưu lật đổ!).

Họ làm vậy chỉ tổ gây khổ cho dân. Vì thái độ kiêu ngạo, bất chấp thế giới, coi trời bằng vung ấy của họ, mà rồi ách cấm vận khó có thể gỡ ra sớm! Họ đâu có khổ, chỉ dân đen là cơ cực.

Hẳn Dương Thu Hương biết rất rõ rằng nguyên nhân cơ bản là từ cơ chế, từ bộ máy và những nguyên lý điều hành của bộ máy ấy. Không thay bộ máy thì tất cả những con người trong bộ máy đều phải tham gia vào cho guồng máy đó chạy trơn tru, nghiền nát mọi quyền tự do, mọi cá tính, mọi người ngay thẳng, sáng suốt và can đảm trên hành

trình hung hãn của nó.

Do rất tin và rất quý nhà văn nữ hết sức đặc biệt Dương Thu Hương, một chiến sĩ đặc sắc đấu tranh cho quyên sống và quyền dân chủ của đất nước mà tôi phát biểu về tấm lòng cao thượng của cô. Hãy cao thượng với những người đáng được đối xử một cách mã thượng. Không bao giờ nên nhẹ dạ cả tin một lần nữa!

Bùi Tín

Mặt Thật

Đánh tráo lương tâm

Đây có thể gọi là thủ thuật đánh tráo lương tâm". Lương tâm của nhà văn can đảm đấu tranh chống áp bức độc đoán được đổi bằng "lương tâm" khác: tha tội cho kẻ tàn ác đối với mình, xử xử có "lễ" đối với bộ máy đàn áp hà khắc, mà lương tâm vẫn cảm thấy yên ổn. Tôi nghĩ đến một trường hợp khác: tướng Trần Văn Trà. Thượng tướng Trà là một tướng có tài năng. Ông là con người gắn bó với chiến trường miền Nam, thường xuyên nhất, bền bỉ nhất, trong thời gian dài nhất. Từ khu trưởng khu 8 thời kháng chiến Pháp, ông là tư lệnh miền Nam rồi tư lệnh B2 (Nam Bộ) thời chống Mỹ. Tôi có dịp ở gần ông 60 ngày liền ở Sài gòn, trong trại Davis, sân bay Tân Sơn Nhất. Lúc ấy ông là trung tướng Trưởng đoàn đại biểu quán sự của chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt nam, Trưởng đoàn đại biểu quân sự chính phủ Việt nam Dân

Chủ Cộng Hòa là thiếu tướng Lê Quang Hòa.
Hai ông trưởng đoàn khác hẳn nhau. Khác hoàn toàn, cứ như là trái ngược nhau về trình độ, tính tình, tác phong. Ông Hòa to lớn, ông Trà tầm thước. Ông Trà vui tính, xởi lởi, ông Hòa nghiêm nghị lạnh lùng. Ông Trà am hiểu chiến trường, nhiều kinh nghiệm, ông Hòa lần đầu vào phía Nam, vốn là cán bộ chính trị, chính ủy của quân khu 4. Ông Trà chăm đọc sách, xem báo, ưa nghe âm nhạc, thích dùng máy ảnh, máy ghi âm, hiểu biết nhiều loại kỹ thuật, vì vốn tốt nghiệp trường kỹ nghệ thực hành ở Huế. Ông Hòa ít đọc, ít nghe đài, văn hóa mới qua trường văn hóa Lạng Sơn học tắt, chưa đậu lớp 7, xuất thân từ nông dân. Ông Trà đọc được sách tiếng Pháp, hiểu sơ qua tiếng Anh, ham học. Ông Trà rất thông minh, đối đáp sắc sảo ở bàn hội nghị. Ông Hòa đối đáp khó khăn, thường phải do ông Lưu Văn Lợi, nhà ngoại giao ngồi cạnh, chuẩn bị cho các câu phát biểu. Tại các buổi chiêu đãi của các trưởng đoàn trong các câu lạc bộ không quân Huỳnh Hữu Bạc, ông Trà rất vui chuyện.
Đã thỏa thuận là không nói chuyện chính trị ở các buổi ăn tiệc ấy, nên ông Trà nói chuyện rất vui, linh hoạt. Chuyện phong tục, tập quán, chuyện món ăn, thể thao, chuyện ca hát, văn nghệ, cả đến chuyện vui, tiếu lầm gây cười. Ông

Hòa thì giữ lặp trường rất "vững", đến kỳ quặc. Hai buổi tiệc do hai Trưởng đoàn Mỹ và Sài Gòn khoản đãi, ông định không dự. Ông Trà thuyết phục mãi, ông mới chịu đi. Nhưng ông ngồi đó, không cầm đũa hay cầm dao, thìa, mắt nhìn thẳng, không chạm cốc, không nói một câu? Ông chỉ ăn trong bữa tiệc ông Trà khoản đãi. Còn phần ông, ông quyết đinh không mời ăn. Các trưởng phó đoàn ngày cuối còn đùa kháy ông rằng: một trưởng đoàn còn mắc nợ? Tất cả thành viên đoàn miền Bắc đều băn khoăn về thái độ cứng rắn đến kỳ quặc của một ông tướng đi làm ngoại giao! Họ quý trọng, cảm phục ông Trà bao nhiêu thì lại phàn nàn về ông Hòa bấy nhiêu.

Sau khi thống nhất đất nước, ông Trà cho ra cuốn hồi ký Kết Thúc 30 Nam Chiến Tranh, tập cuối của một loạt sách của ông viết về 30 năm chiến tranh. Ông bắt đầu từ tập cuối, rồi ngược dòng lịch sử viết các phần khác sau. Cuốn sách vừa ra được hai tuần thì ông Lê Đức Thọ triệu tập các cán bộ tuyên huấn, báo chí, xuất bản có mặt ở Sài Gòn để đưa ra nhận xét: đây là cuốn sách sai từ trang đầu đến trang cuối, viết không đúng sự thật. Tự đề cao mình. Tổng cục chính trị ra lệnh cấm lưu hành trong quân đội, thu hồi từ các thư viện trong toàn quân!

Nếu đọc kỹ hai cuốn hồi ký, Chiến thắng mùa Xuân của

tướng Văn Tiên Dũng do Hồng Hà ghi và cuốn của ông Trà thì quả thật có nhiều chỗ khác nhau. Có những chỗ khác nhau do mỗi người ở một cương vị và vị trí khác nhau nên cách nhìn nhận khác nhau. Có chỗ khác nhau do mỗi người muốn nhấn nạnh những ý mà mình muốn tô đậm. Bình thường ra thì không nên cấm cuốn nào, mà nên tổ chức thảo luận lành mạnh, ngay thật nhằm đính chính những sai sót. Theo tôi nghĩ cuốn sách ông Trà bị cấm là vì cuốn sách ấy nói lên một số sự thật đúng như nó có, mà những người lãnh đạo cao nhất không muốn công nhận! Nếu nhận định một cách khách quan thì công lao trong chiến thắng mùa xuân 1975 phần lớn thuộc về Bộ tư lệnh miền Nam, và phần thuộc về ông Trà có vẻ nhỉnh hơn hẳn một số nhân vật khác. Chính ông và Bộ tư lệnh miền đã sớm chuẩn bị và mở cuộc tiến công vào Phước Long cuối tháng 12-1974, một cuộc tiến công có nhiều khó khăn nhưng bảo đảm thắng lợi. Qua trận này đã có thể tham dò khả năng phản ứng của chính phủ Ford một cách chuẩn xác cho cả thời gian sau. Mặc dầu có ý kiến ngăn ông không cần ra Hà nội, ông đã cảm thấy nhất thiết phải có mặt ở đại bản doanh để góp ý kiến vào kế hoạch cụ thể của chiến dịch mở ra ở Tây Nguyên, trong đó xác định hướng tiến công chủ yếu vào Ban Mê Thuộc là rất hệ

trọng. Giữa bộ tổng tham mưu và các bộ tư lệnh chiến trường và quân khu thường có những điểm khác nhau, nhiều khi mâu thuẫn nhau. Đó là mâu thuẫn giữa bộ phận và toàn cục, giữa trung ương và địa phương. Nam bộ lại ở xa, Bộ tổng tham mưu ở Hà nội không thể hiểu hết được mình hình cụ thể của chiến trường, những khó khăn, yêu cầu của nó cũng như những khả năng và tiềm lực của nó. Sự bén nhạy với những thay đổi, những chuyển biến của ta và của địch cũng khác nhau. Hơn nữa trong hệ thống lãnh đạo và chỉ huy, không phải không có những trục trặc. Đại tướng Bộ Trưởng Quốc Phòng Võ Nguyên Giáp không có toàn quyền chỉ huy. Bộ chính trị được coi là cơ quan tối cao lãnh đạo chiến tranh. Tổng bí thư có tiếng nói quyết định vì kiêm Bí thư quân ủy trung ương. ủy viên Bộ chính trị Lê Đức Thọ từ đầu những năm 70 lại tham gia quân ủy trung ương và thường ứng cử ở đại hội đảng toàn quân. Ông thường tự coi là nhân vật quan trọng thứ hai sau Tổng bí thư khi quyết định những vấn đề quân sự. Tướng Trà rất hiểu mọi ngóc ngách của việc hình thành những quyết định quân sự trong đảng, trong bộ máy quốc phòng, trong hệ thống lãnh đạo và chỉ huy. Ông đã quyết định phải có mặt ở Hà nội, tiếp cận rất quả đoán Tổng bí thư đảng, ủy viên Bộ chính trị Lê Đức Thọ, Bộ trưởng Quốc

phòng Võ Nguyên Giáp, Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng, xông vào cặn cơ quan Bộ tổng tham mưu, các cục tác chiến, cục quân báo, cục thông tin liên lạc, rồi tổng cục hậu cần, tổng cục kỹ thuật để làm cho ý kiến của mình được chấp nhận, tranh thủ được sự chi viện đủ và kịp thời của bộ. Ông có những cách nhìn, cách nghĩ khác với tướng Lê Ngọc Hiền, Tổng tham mưu phó đặc trách về kế hoạch tác chiến. Ông từng tầm sự với tôi, nếu ông Phạm Hùng Bí thư đảng bộ miền Nam và bản thân ông không quyết chí ra Hà nội để tham gia những cuộc thảo luận về Đông Xuân 1974- 1975 thì có thể tình hình không chuyển biến nhanh chóng, suôn sẻ như đã xảy ra. Trên hiểu dưới, dưới làm cho trên hiểu tình hình và góp ý kiến với trên, sự thông suốt trên dưới có ý nghĩa quyết địnl ở Bộ tham mưu, không thiếu gì những ông quan liêu (tướng Văn Tiến Dũng, Tổng tham mưu trưởng đến đầu năm 1975 mới đặt chân đến miền Nam). Họ chỉ nắm tình hình chiến trường trên giấy, trong tưởng tượng, họ sống ở Hà nội, trong khung cảnh hòa bình, không sao có sự bức xúc của những người sống ở chiến trường ác liệt, lối nghĩ, lối sống, tinh cảm, lề lối làm việc rất khác nhau. Chỉ một việc làm vô trách nhiệm, tắc trách, đại khái, không nhiệt tình với chiến trường là gây ra biết bao tai hại, thậm chí dẫn đến thất bại

và những hy sinh xương máu của chiến sĩ không đáng có. Từng theo dõi tình hình các chiến trường, từng dự tổng kết các chiến dịch lớn, đặc biệt là chiến dịch xuân 1975, tôi có nhận thức rất sâu sắc rằng đã có lãnh đạo tập thể, đã có sự trùng hợp ý kiến trong đề xuất về kế hoạch của chiến dịch của nhiều người, nhưng giữa các vị tướng lĩnh thì ông Trà nổi lên là người có công lớn, có đóng góp nổi bật nhất. Ông là người bắt mạch được chuyển biến của tình hình. sớm và sâu sắc nhất, cũng là người gỡ được những vướng mắc và trở ngại có thể có, làm cho toàn chiến địch được thuận lợi. Tôi từng khuyến khích ông viết hồi ký, từng gửi cho ông những hồi ký của các nguyên soái và tướng lãnh Liên xô, về chiến tranh thế giới thứ hai để ông tham khảo. Tôi cũng nhận thấy sự ngăn cấm lưu hành cuốn sách của ông là vô lý, bất công. Thế nhưng cơ chế này không chấp nhận bất cứ ai có một cái nhìn riêng, có sự đánh giá cụ thể hơi khác với sự đánh giá của cơ chế. Cơ chế vẫn là cỗ máy nghiền tai hại...

Hồi 1988, 1989 tướng Trà với nhận thức sắc sảo của mình đã tham gia Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ một cách tích cực. Trước đó, 1979 ông ra Hà nội nhận nhiệm vụ Phó tổng tham mưu trưởng, rồi Thứ trưởng quốc phòng, đặc trách về trang bị và công nghiệp quốc phòng,

ông cảm thấy cơ chế quá cứng nhắc để có thể phát huy khả năng, nên lui về Sài gòn viết hồi ký và suy nghĩ. Ông đã có những phát biểu rất đáng chú ý ở một số phiên họp của Câu lạc bộ này, công khai đề xuất yêu cầu dân chủ hóa, lên án tệ quan liêu, nạn tham nhũng, vô trách nhiệm. Lập tức ông Nguyễn Văn Linh và ông Võ Chí Công đến gặp ông. Khi ấy ông Linh là Tổng bí thư, ông Võ Chí Công là Chủ tịch Hội đồng nhà nước. Ông Công lại còn là thông gia với ông Trà; con trai ông Công lấy con gái ông Trà. Ông Linh và ông Công ra sức thuyết phục ông Trà là lúc này đang đang khó khăn, không nên để cho kẻ xấu như các ông Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng lôi kéo vào hoạt động mang tính chất chống đảng, gây khó khăn thêm cho đảng... Thế là ông trở về với cơ chế. Ông lại còn dùng uy tín của mình để thuyết phục những người khác vì thương đảng, vì có lương tâm với đảng, mà gác lại những yêu cầu về dân chủ, dân chủ trong đảng cũng như dân chủ trong xã hội. Thương dân hay thương đảng?

Cứu dân hay cứu đảng? Khi phải lựa chọn bên nào nặng hơn thì lương tâm thật của ông có lúc nặng về người dân lầm thảm cơ cực, không có tự do, nhưng lương tâm ấy đã bị người ta đánh tráo một cách khéo léo để trở thành sự thủ tiêu đấu tranh; một sự an phận đồng lõa với sai lầm,

bảo thủ và giáo điều, nhưng vẫn được ve vuốt, an ủi dưới nhãn hiệu: trung thành với chủ nghĩa xã hội, bảo vệ đảng, trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh...

Tôi vẫn tin rằng một con người can trường, nhiều lúc sáng suốt quả đoán, có tư duy độc lập như thượng tướng Trần Văn Trà vẫn còn có khả năng nổi lên như một người đấu tranh cho lẽ phải và tiến bộ của đất nước, chống lại những thế lực độc đoán, bảo thủ đến mức cổ hủ lệ hại.

Một người như tướng Trà màcòn bị bịt mồm! Họ tìm mọi cách để bóp nghẹt mỏi tiếng gào thét đòi tự do một chút, đòi dân chủ một chút. Cứ như một em bé uất ức khóc nức nở nhưng bị người mẹ hung dữ bịt chặt lấy mồm! Và tiếng gào thét của em không sao cất thành tiếng. Một phản ứng tự nhiên, một đòi hỏi bình thường dễ hiểu vẫn bị khước từ ở nước ta. Chúng ta vẫn còn như bắt phải sống ở một hành tinh khác, với những lối nghĩ cách sống hoàn toàn khác lạ...

Bùi Tín

Mặt Thật

Ông Tướng nông dân

Câu lạc bộ quân nhân ở Hà nội nằm trên đường Hoàng Diệu, ngay dưới chân cột cờ lớn của thành Thăng Long. Hồi trước tại đây có sân bóng đá Mãng Gianh của quân đội Pháp. Câu lạc bộ quân nhân là nơi tập luyện, giải trí của sĩ quan công tác tại Bộ quốc phòng. Các sĩ quan cao cấp từng chuyển ngành và về hưu cũng thường tới đây. ở đây có phòng đọc sách, báo, có bàn bi da, có nhiều bàn ping-pong, nơi tập võ thuật và đặc biệt mùa rét là có các phòng tắm nước nóng. Bạn bè cũ mới thường gặp nhau ở đây, ngồi bên cốc bia hơi, ăn lạc rang, nói chuyện đủ thứ. Từ nhắc lại kỷ niệm ở các chiến trường xưa, đến chuyện về cuộc sống hiện nay, về bè bạn, kẻ còn người mất, về tình hình xã hội.

Có lần tôi ghé chơi bóng bàn, tắm rồi ra ngồi uống nước với các bạn cũ. Họ đang vui chuyện, bàn tán đến các ông

tướng. Về các tướng cũ và tướng mới, tướng trẻ và tướng già, tướng chiến trường, đơn vị và tướng cơ quan. Có người đùa chia các tướng ra thành: Hổ tướng (tướng dũng cảm), lỳ tướng (gan lỳ), thát tướng (dát ra trận), bút tướng (tướng văn phòng), hầu tướng (chuyên phục vụ cấp trên), lễ tướng (tướng thường xuất hiện trong các buổi lễ), gia tướng (tướng là gia nhân của các đại tướng), phục tướng (tướng chuyên quỳ gối, gọi dạ, bảo vâng), thọ tướng (tướng chuyên ở hậu phương)... Rồi có người nhắc đến đại tướng Nguyễn Chí Thanh, mất vào giữa năm 1967. Ông Nguyễn Chí Thanh là đảng viên cộng sản từ thời bí mật, là xứ ủy viên Trung kỳ. Ông quê ở Thừa Thiên, huyện Phong Điền, gần chợ Sịa, vốn là một cố nông lực lưỡng chuyên đi cày thuê. Là tá điền, đi hoạt động, bị bắt, ông học ở trong nhà tù. Năm 1945 sau cách mạng tháng Tám, ông là Chủ nhiệm Việt Minh Trung Bộ. Năm 1948 ông ra Việt Bắc nhận nhiệm vụ Chủ nhiệm Tổng cục chính trị của quân đội nhân dân. Năm 1950 ông rất được chú ý khi viết bài trên báo Quân Đội Nhân Dân lên án mạnh mẽ việc vi phạm kỷ luật về chiến lợi phẩm trong Chiến dịch Biên giới. Sau đó một loạt cán bộ bị kỷ luật rất nặng về tội lấy cắp chiến lợi phẩm (áo quần, chăn màn, máy ảnh, thuốc lá, đồ đạc, thức ăn trong các kho của các đơn vị quân Pháp),

tham ô tiền lương ăn bớt tiến ăn của các đơn vị. Tiêu biểu nhất là viên đại tá Cục trưởng Cục quân nhu Trần Dụ Châu bị án tử hình vì ăn cắp chiến lợi phẩm, chuyên gửi mua những đồ xa xỉ nhất từ Hà nội ra để dùng và ăn chơi trác táng. Tướng Nguyễn Chí Thanh là người trực tiếp đề nghị Chủ tịch Hồ Chí Minh duyệt và y án xử tử hình Trần Dụ Châu để làm gương cho toàn quân.

Tuy xuất thân cố nông, văn hóa thấp, ông chịu khó học trong tù, chăm đọc sách, ham mê lìm hiểu tình hình mọi mặt của xã hội, ưa tranh luận về chính trị, quân sự, cả về văn học nghệ thuật... Ông rất năng động, hoạt bát. Người ta thường thấy ông mặc quần áo bà ba nâu, đạp xe bên anh lính hộ vệ, đi ra ngoại thành Hà nội, vào ngã tư Sở, xuống Cầu Giấy... để bắt mạch cuộc sống. Ông ghé vào hàng nước bên đường, uống nước chè, ăn kẹo lạc, hỏi chuyện bà hàng nước, nói chuyện với khách hàng khác. Ông thuộc Kiều, có khi lẩy vài ba câu. Ông thông minh, có trí nhớ khá tốt. Là Chủ nhiệm chính trị, ông lại rất ưa nghiên cứu, đọc sách về quân sự, về chiến lược và chiến thuật. Ông biết khá rõ về Tôn Tử, về Clausewitz, về Napoléon, về Lâm Bưu, về Joukov...

Là cán bộ xông xáo, năng động, có trình độ khá lích lũy do tự học, ông có uy tín trong quân đội và ngoài xã hội. Sau

đại hội 3 của đảng cộng sản cuối năm 1960, ông là ủy viên Bộ chính trị được số phiếu bầu rất cao, ông phụ trách thêm về nông nghiệp, về xây dựng hợp tác xã, đặc biệt là trong việc bồi dưỡng các chủ nhiệm hợp tác xã... Khi cuộc chiến đấu ở miền Nam phát triển, ông trở lại hoạt động hoàn toàn về quần sự và đầu năm 1964 ông vào chiến trường miền Nam làm đặc phái viên của Bộ chính trị rồi trực tiếp phụ trách luôn việc chỉ đạo trực tiếp toàn chiến trường phía Nam. Chính ông là người tổng kết về lý luận các trận đánh quân Mỹ đầu tiên tại ấp Bắc gần Mỹ Tho, Plây me (Tây Nguyên), tại Ba Gia, Vạn Tường ở miền Trung rồi Bình Giã (Bà Rịa) ở miền Nam.

Những bài tổng kết lớn ấy được đãng trên báo Quân Đội Nhân Dân với bút danh Trường Sơn, có tác dụng rất lớn, xây dựng niềm tin có cơ sở rằng quân Mỹ được trang bị hiện đại, huấn luyện tốt nhưng có nhiều nhược điểm lớn. Đó là họ phải chiến đấu ở một chiến trường nhiệt đới xa lạ, trong một cuộc chiến tranh không tuyên bố vì không gắn chặt với quyền lợi sinh tử của nước Mỹ, trước một đối phương có cách đánh linh hoạt, kết hợp lối đánh du kích với lối đánh hợp đồng binh chủng của 3 thứ quân trên cả 3 vòng chiến lược: nông thôn , rừng núi và đô thị.

Những tổng kết nóng hổi của các trận ấp Bắc, Plây me, Ba

gia, Vạn tường, Bình giã - mỗi trận có những nét riêng bổ xung cho nhau, của tướng Nguyễn Chí Thanh đã góp phần xây dựng nên một kiểu "binh thư đánh Mỹ", tác động rất lớn đến cuộc chiến đấu ở chiến trường. Các cán bộ quân huấn, tác chiến, quân báo, chính trị, hậu cần ở trường sĩ quan Lục quần, trường Cao cấp quân sự và Chính trị, ở miền Nam cũng như ở miền Bắc đều nghiên cứu kỹ những bài tổng kết ấy. Những bài báo của Trường Sơn được đài Tiếng Nói Việt nam đọc đi đọc lại nhiều lần, lại còn được đọc chậm để các nơi ghi lại làm tài liệu và phổ biến. Khẩu hiệu "Nắm thắt lưng lính Mỹ mà đánh" là của ông Nguyễn Chí Thanh đưa ra, cổ vũ cách giấu quân thật kín, để cho quân Mỹ đến gần mới xông ra đánh bất thần và mãnh liệt, gây bất ngờ và luôn giữ quyền chủ động. Những bài tổng kết của ông về các trận phản công mùa khô trong các chiến dịch của quân Mỹ ở miền Đông Nam bộ Junction City và Cedar Fall cũng có giá trị quan trọng về xây dựng bài bản chiến đấu cho các lực lượng vũ trang ở miền Nam.

Ông là một nhân vật chủ yếu đề xuất việc mở cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968. Ông từ chiến khu R lên Nom Pênh để đi máy bay ra Hà nội (qua Hồng Ông). Khi mọi việc đã bàn xong, ông quyết định trở về R cũng theo

con đường đã đi thì bị đột tử vào tháng 7-1967. Một ngày trước khi lên đường, ông dự tiệc tiễn chân của Quân uỷ trung ương buổi sáng, rồi của Tổng cục Chính trị buổi chiều, tại đó ông uống hơi nhiều rượu, khi trở về nhà ở phố Lý Nam Đế, tắm xong thì bị cơn nhồi máu cơ tim. Việc cấp cứu tiến hành chậm. Ông vốn có bệnh yếu tim từ trước, cố gắng về thể lực thường hay khó thở. (Việc nói ông chết tại miền Nam trong một trận ném bom của B52 là hoàn toàn thất thiệt). Thế nhưng ở tướng Nguyễn Chí Thanh có một nét không thật bình thường. Ông có những suy nghĩ cực đoan. Ông từng viết hai bài luận văn lớn đăng kín cả 3 trang báo Quân Đội Nhân Dn. Bài thứ nhất hồi 1959 nhan đề "Chủ nghĩa cá nhắn là nguồn gốc của muôn nghìn tội ác", và năm sau là bài "Lại bàn về chủ nghĩa cá nhân." Hai bài này được coi như tài liệu chỉnh huấn, để cán bộ tất cả các cấp học tập, thảo luận, liên hệ và kiểm thảo. Tất cả những căn bệnh tư tưởng đều được mổ xẻ, phê phán rất nghiêm: địa vị, bảo mạng, công thần, kèn cựa, suy tính về hưởng thụ, về tiền đồ, về nặng gánh gia đình, lười biếng, tham ô, thiếu trách nhiệm, kém ý thức tổ chức và kỷ luật. Hai bài này đều viết theo cuộc nói chuyện của ông với cán bộ cao cấp của Bộ quốc phòng và các đơn vị đóng gần Hà nội trong hai ngày Chủ Nhật tại

Trường chính trị trung cao cấp ở Quần Ngựa.
Điều cực đoan ở ông là nhấn mạnh quá đáng vào chủ nghĩa tập thể, ca ngợi một chiều đến mức tuyệt đối: cái gì tập thể cũng tốt, cá nhân cái gì cũng kém, và gần như coi hoàn toàn không có tác dụng những động cơ cá nhân! Tôi còn nhớ ông đã cảm thảy bí, không sao giải đáp nổi một thắc mắc đơn giản do một cán bộ quân sự cấp trung đoàn nêu lên: tại sao ở trung đoàn tôi, tuy giáo dục rất kỹ, 6 xe đạp của công của tập thể đều hư hỏng rất nhanh, còn xe của cá nhân thì đều sáng trưng, chạy rất tốt, ít hư hỏng. Vậy tập thể ưu việt ở đâu? Và tại sao nông dân sản xuất trên đất 5 phần trăm của riêng gia đinh mình thu nhập rất cao, có khi hơn cả thu nhập từ ruộng tập thể chiếm 95 phán tràm diện tích? Gần đây, tôi được biết thêm một nét "kín đáo" của ông tướng 4 sao này. Hồi hoạt động ở Thừa Thiên và Trung Bộ, một lần ông bị mật thám Pháp bắt cùng một đảng viên cộng sản khác, người này về sau hoạt động trong quân đội, ở Tổng Cục Chính Tri, sau này ra ủy ban khoa học xã hội. Ông này được nhiều gần xét để đưa vào Trung ương đảng. Thế nhưng ông bị kẹt vì cán bộ tổ chức biết rõ rằng trong vụ bị bắt ấy, trong hai người thì đã có một người khai báo không ít với mật thám, làm phong trào sau đó bị tổn thất. Tất nhiên không ai nghi đại tướng

Nguyễn Chí Thanh, ủy viên Bộ Chính Trị, một người chuyên lên gân giảng dạy về lập trường giai cấp, tinh thần kiên định, coi chủ nghĩa cá nhãn, tinh thần bảo mạng cầu an là tội ác! Ông cán bộ này bị nghi oan, tinh thần bị dằn vặt, đau khổ. Sau 30 tháng 4 năm 1975, ông cán bộ này cố tìm cách tiếp cận những tài liệu an ninh còn lưu lại từ thời Pháp ở Huế và Sài Gòn. Hy vọng ấy được thoả mãn. Ông đã tìm thấy trong hồ sơ cũ từ hồi 1940, 1941 những biên bản hỏi cung của sở mật thám Huế. Thì ra người thật sự đã khai báo không phải là ông mà là vị đại tướng sau này! Sự khám phá của ông lập tức được lệnh giấu kín! Những con người giống nhau thường tìm đến nhau. Các ông Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Nguyễn Chí Thanh, Tố Hữu (có 3 ông cùng 1 quê ở Bình Trị Thiên) kết bạn rất thân, tạo nên một nhóm lãnh đạo trung kiên, trong hàng ngũ những người cách mạng chuyên nghiệp của đảng cộng sản Việt nam. Đó là những người rất cứng nhắc, nhiều tham vọng, làm mưu đồ, chi phối tình hình đất nước rất đậm, để lại đấu ấn thật sau Tết Mậu Thân: cán nết giận của Tổng bí thư Hè 1984, những ngày nóng nực của tháng 7. Tổng bí thư Lê Duẩn tới nghỉ ở khu "Nhà nghỉ của Bộ chính trị" ở Quảng Bá, bên Hồ Tây. Sau khi ngủ trưa, ông Lê Duẩn đi bách bộ, lững thững lên đường đê dưới bóng mát của

những cây xà cừ cổ thụ. Ông cùng người bảo vệ đi theo ghé vào một ngôi nhà xinh xắn bên đường đê: nhà sáng tác của Hội Nhà Văn. Đây là nét sống tự nhiên, vừa thân quen, giản dị, vừa có tính chất gia trưởng của các nhà lãnh đạo, muốn vào nhà ai thì vào chẳng cần báo trước chủ nhà gì hết. Lúc ấy chỉ có hai nhà văn tại đó: Xuân Thiều, đại tá quân đội, công tác ở Tạp chí Văn Nghệ Quân Đội và Bùi Bình Thi công tác tại tạp chí Văn Học. Xuân Thiều quê ở Quảng Trị, hồi Tết Mậu Thân từng đi theo các đơn vị vào chiến trường Quảng Trị, Khe Sanh. Bùi Bình Thi quê ở Hà Tây vừa đi một chuyến ở Tây Nguyên về đều là những tay mồm mép linh hoạt, rất vui chuyện. Nhận thấy Tổng bí thư đi vào, hai nhà văn đang cởi trần quần đùi vội mặc áo quần, hý hửng được đón chào khách quý. Tổng bí thư hỏi chuyện hai nhà văn về ngôi nhà sáng tác, về công việc viết lách, về cơm nước tại đây. Thế rồi Xuân Thiều mạnh dạn hỏi một câu vốn day dứt anh hơn 15 năm dài: Thưa Bác, cháu định viết về Tết Mậu Thân, có một điều xin bác chỉ giáo cho, hồi đó ta hy sinh nhiều quá? Những hy sinh quá lớn ấy có tương xứng với kết quả không? Không phải chỉ hy sinh trong cuộc tiến công Tết Mậu Thân, cả thời gian dài sau đó hy sinh cũng quá nhiều...

Tống bí thư đang điềm đạm bỗng nổi giận. Ông đứng dậy, đi đi lại lại, lên lớp, dạy bảo cho hai nhà văn đang trố mắt nhìn ông. Theo Bùi Bình Thi kể lại cặn kẽ thì ông giảng giải rằng: Các anh không hiểu gì cả! Anh là cán bộ quân đội mà nói như vậy được à? Tết Mậu thân là chiến thắng to lớn, có ý nghĩa quyết định buộc Mỹ xuống thang. Hy sinh bao nhiêu cũng là xứng đáng, là cần thiết. Không có Mậu thân thắng như vậy thì không thể có toàn thắng 30 tháng 4 năm 1975 được. Làm chiến tranh phải chịu hy sinh. Sợ hy sinh thì mất nước! Viết văn mà không hiểu điều đó thì viết cái gì! Cầu an và bảo mạng thì không làm cách mạng được. Là sĩ quan, là đảng viên thì không được nghĩ sai lầm như thế? Không khí căng quá! Tổng bí thư "quở mắng" ghê quá. Xuân Thiều mong chờ một sự giải thích có lý lẽ thì bị mắng phủ đầu, xối xả, kiểu đạo lý. Bùi Bình Thi thấy không khí quá căng thẳng, nên có sáng kiến xoa dịu:

- Thưa bác, xin bác nguôi giận. Chúng cháu như con cháu trong nhà. Bác chỉ bảo thế thật là chí tình. Chúng cháu hiểu ra lẽ rồi ạ. Vâng, phải hiểu như thế. Bác dạy những điều thật là quý báu. Thật là may cho chúng cháu được bác chỉ bảo cho như thế ạ...

Tổng bí thư nguôi giận, lặng lẽ ra về. Hai nhà văn lè lưỡi

nhìn nhau. Xuân Thiều tỉnh người. Thật không ngờ bị Tổng bí thư "mắng mỏ" đến thế! Ngay hôm sau, thứ hai, Bùi Bình Thi ghé qua báo Nhân Dân có việc, kể lại tỷ mỹ cho chúng tôi chuyện này, với những xúc động còn sâu sắc. Anh em có mặt bàn tán: "Cụ bị chạm tự ái, chạm nọc?"; "Cụ không muốn ai nói rằng hy sinh quá nhiều?"; "Chính cụ đã có lần kể và khoe rằng: Tôi gặp ông Mao, tôi nói thẳng rằng Trung Quốc chi viện cho chúng tôi thì chúng tôi thắng Mỹ với những hy sinh thấp hơn; còn như Trung Quốc không chi viện, thì chúng tôi sẽ phải hy sinh thêm 1 đến 2 triệu người, chúng tôi không sợ, và cuối cùng chúng tôi vẫn thắng"... Đầu năm 1988, nhân dịp kỷ niệm 20 năm Tết Mậu Thân, Bộ Quốc Phòng có tổ chức một cuộc họp có ý nghĩa tổng kết về cuộc tiến công Mậu Thân 1968. Có đại diện Bộ Ngoại Giao đến dự và phát biểu về tác động của thắng lợi ấy về mặt đấu tranh ngoại giao. Theo những con số được đưa ra thì quả thật, hy sinh thật là lớn. Hy sinh trong đợt đầu (tháng giêng-1968) không nhiều, nhưng đến đợt hai (tháng 5-1968) thì nhiều hơn và đợt 3 (tháng 9-1968) lại nhiều hơn nữa. Thiệt hại còn kéo dài sang năm 1969 và đầu năm 1970, với những chiến dịch bình định, bình định cấp tốc rất ác liệt. Qua Mậu Thân, các lực lượng cơ sở, du kích, bộ đội địa phương xây dựng hàng chục

năm bị lộ gần hết, bị đánh quét bật ra khỏi các địa bàn quan trọng. Từ giữa năm 1970 tình hình mới được khôi phục dần. Ai cũng thấy từ giữa 1968 đến đầu 1970 là thời kỳ chuyển vào thoái trào, phải bị động bảo toàn lực lượng để rồi khôi phục dần cơ sở, sức lực bị tổn chất là lớn nhất so với các thời kỳ khác của cuộc chiến tranh. Tôi đã nhiều dần đặt vấn đề hỏi các vị tướng Võ Nguyên Giáp, Trần Văn Trà, Lê Trọng Tấn... về cuộc tiến công Tết Mậu Thân. Có những ý kiến hơi khác nhau, nhưng nhìn chung có những điểm thống nhất. Tất cả đều cho rằng đây là một cuộc tiến công đặc sắc, táo bạo, lợi dụng được thái độ chủ quan, kiêu ngạo của lượng Westmoreland; yếu tố bí mật bật ngờ được giữ kín, gây choáng váng cho hậu phương nước Mỹ, được các phương tiện truyền tin (báo chí, vô tuyến truyền hình) khuếch đại kịp thời. Từ đó chính quyền Mỹ bị sức ép khá mạnh của dư luận phải xuống thang chiến tranh, phi Mỹ hóa rồi Việt nam hóa cuộc chiến; từ đó họ phải chấp nhận hòa đàm ở Paris, phải chấp nhận chính phủ cách mạng lâm thời là một bên tham dự hòa đàm... Ngoài thắng lợi quân sự nổi bật là cùng một lúc tiến công vào 44 thành phố, thị trấn và hơn 100 quận lỵ, cứ điểm, chi khu quân sự, đặc biệt là vào sứ quán Mỹ thì thắng lợi chính trị và ngoại giao được coi là đặc biệt quan trọng.

Nhược điểm và sai lầm trong chỉ đạo toàn bộ các chiến dịch trong năm 1968 là: Không xác định ngay từ đầu liều lượng các đợt tiến công, mức độ kết quả cho từng đợt; thiếu kế hoạch hóa cho cả năm, cho nên càng về sau càng mất quyền chủ động. Sau thắng lợi vang dội những ngày đầu, đáng lẽ ra phải chuyển sang bảo toàn lực lượng cho hoạt động lâu dài về sau thì lại chủ quan nghĩ rừng tình hình có thể ngả ngũ nên cứ lao vào tiếp khi đối phương đã có kế hoạch đối phó và yếu tố bất ngờ đã hết. Bị thiệt hại trong hai đợt sau (tháng 5 và tháng 9) là vì thế! "Cứ húc tiếp, húc tiếp thêm nữa" nên tổn thất nặng thêm. Tổn thất lớn của năm 1968, 1969 và đầu 1970 gây nên những khó khăn rất lớn, từ giữa năm 1970 trở mới khắc phục được, nên đến năm 1972 mới mở lại được các cuộc tiến công mới ở 3 địa bàn: Quảng Trị, Công tum- Plâycu và Lộc Ninh, sau chiến dịch Nam Lào năm 1971. ở chiến trường, có lúc đã có ý kiến đề xuất là thắng lợi đã đủ mức rồi, tác động trên dư luận và hậu phương Mỹ cũng đã đủ mức rồi, cần bảo toàn lực lượng, vừa đánh vừa rút về củng cố thế trận mới... Thế nhưng ở trên vẫn cứ thôi thúc: tiến công nữa, tiến công thêm nữa... Do chủ quan, chỉ nghĩ đến tiến công nên có nơi khi xuất phát tiến công là đốt phá hết mọi cơ sở ở căn cứ, quyết không trở lại nữa! Chỉ có tiến mà

không có lùi, nên khi trở về căn cứ thì khó khăn , bỡ ngỡ, mọi việc phải làm lại từ đầu. Cái giá phải trả cho bệnh chủ quan là rất lớn.
ở Sài Gòn, địa bàn trọng yếu nhất, ngoài thắng lợi nổi bật nhất là đột nhập được vào sứ quán Mỹ gáy tiếng vang lôn thì mũi tiến công vào đài phát thanh Sài gòn và dinh Độc Lập không đạt kết quả. Cả hai mũi mang hai băng ghi âm để đưa lên đài phát thanh thì một mũi đi lạc đường, một mũi bị chặn đánh không đến được mục tiêu! Năm tờ áp-phích lớn định mang đến nhà in để in ra mấy ngàn bản thì do lệnh giới nghiêm đã không tới được nhà in! Thế tiến công không duy trì được lâu.

ở Huế cố duy trì và kéo dài cuộc chiến đấu trong gần một tháng, nhưng sau đó rất lúng túng trong việc rút lui khi các đơn vị thủy quân lục chiến Mỹ bước vào tham chiến. Cũng vẫn là tiến công có phần nào thuận hơn là cầm cự, và rút lui bao giờ cũng là một hành động khó khăn trong khoa học cũng như nghệ thuật quân sự, về chiến thuật cũng như về chiến lược. Tướng Trần Văn Quang cho tôi biết rằng khuyết điểm lớn nhất của Mặt trận Huế là căn cứ rừng núi phía Tây giáp với Huế đã không làm được đường vận tải lớn để đưa xe kéo pháo và xe vận tải quân sự lớn

xuống, cho nên ý định đưa đơn vị lớn xuống đành phải bỏ. Khuyết điểm lớn này về sau được bổ khuyết để năm 1975 đưa được các đơn vị lớn cùng pháo lớn và xe vận tải vào Huế.

Bùi Tín

Mặt Thật

Vụ tàn sát ở Huế

Trong cuộc tiến công Mậu Thân 1968, cuộc tàn sát ở Huế được dư luận thế giới hết sức chú ý. Cho đến nay vẫn còn nhiều câu hỏi xung quanh sự kiện này. Đây là một cuộc tàn sát có chủ đích? Vậy đích đó là gì? Quy mô của cuộc tàn sát này đến đâu? Vài ba ngàn hay 5,6 ngàn người? Ai chịu trách nhiệm? Đây có phải là cuộc tàn sát lớn nhất trong cuộc chiến tranh?

Hồi tháng 2 và tháng 3 năm 1973, trong trại Davis tôi đã nghe tướng Ngô Du rồi tướng Dư Quốc Đống nêu lên vụ tàn sát này. Tổ liên hợp quân sự 4 bên đóng tại Bãi Dâu gần Gia Hội, Huế, ở ngay bên một vùng chôn cất những người bị tàn sát. Một vùng khác là ở chân núi Ngự Bình. Và một vùng nữa là ở phía Tây, trên con đường từ Huế lên phía núi, căn cứ xuất phát của các đơn vị đánh chiếm Huế. Hồi làm cuốn phim dài Việt nam, Thiên Lịch Sử

Truyền hình (Vietnam, the Televisions History), tác giả bộ phim là Stanley Kamow khi đến Hà nội cũng hỏi tôi về sự kiện này. Phim này được giáo sư Ngô Vĩnh Long ở truồng đại học Maine chuyển sang tiếng Việt. Khi gặp tôi ở Hà nội hồi 1986, ông Long cũng hỏi tôi về sự kiện này. Đầu năm 1990, Stanley Karnow lại sang Hà nội và đặt vấn đề là phía Mỹ dự định mời một số nhân vật quân sự Việt nam sang Mỹ, coi như một bước có ý nghĩa theo phương hướng hòa giải. Ông đề cập đến tướng Giáp, rồi tướng Trần Văn Trà, tướng Văn Tiến Dũng, nhưng phía Việt nam cứ viện cớ là các vị này "rất bận", chưa phải lúc có thể đến Hoa Kỳ. Một số người đưa ra tên trung tướng Trần Văn Quang, Thứ trưởng Bộ quốc phòng. Theo yêu cầu của ông Stanley Karnow, tôi yêu cầu Vụ đối ngoại Bộ Quốc phòng tổ chức một buổi gặp giữa ông Stalley Karnow với tướng Quang tại nhà Khách Bộ quốc phòng ở 33 Phạm Ngũ Lão. Vụ trưởng Vụ đối ngoại thiếu tướng Nguyễn Văn Vinh và tôi cùng dự. Sau cuộc gặp, Stanley Karnow lắc đầu nói với tôi: gay rồi, ông Quang là tư lệnh mặt trận Huế, tại đó xảy ra các vụ tàn sát lớn. Sự có mặt của ông ta ở Hoa Kỳ có thể gây rác rối, cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ rất phẫn uất đối với sự kiện nói trên. Cần tìm một khách mời khác... Tôi đã nhiều lần trở lại Huế. Lần gần đây nhất là vào mùa

quán 1986. Tôi đã hỏi chuyện nhiều sĩ quan chỉ huy hồi đó như anh bạn Minh chỉ huy trận đánh vào Huế phía tả ngạn sông Hương; một số cán bộ hậu cần, địch vận; một số gia đình có người bị sát hại ở trong thành nội, gần nhà tôi ở khi xưa (hồi từ 7 tuổi đến 18 tuổi). Có những ý kiến hơi khác nhau, nhưng đều giống nhau trên những nét lớn. Tôi nói lên nhận xét chủ quan của tôi, cố giữ một thái độ khách quan, không định kiến. Tôi nghĩ những tổn thất trong chiến tranh, nhất là trong một kiểu nội chiến, huynh đệ tương tàn thì của bên này hay bên kia, đều là nỗi đau của chính mình.

Tôi nghĩ con số 5000, 6000 người bị giết là con số cố tình thổi phồng lên quá đáng. Con số 3000 cũng là con số có thể cao hơn thực tế, nếu chỉ kể số thường dân bị giết. Sau này cần nắm cho chắc lại xem thực tế là bao nhiêu. Bởi vì khi ra thực địa, thấy 100 thi thể người chết đã là la liệt, kinh khủng rồi. Đào lên 50, 100 cho đến 200 bộ thi hài thì đã cảm thấy nhiều ghê gớm lắm, có cảm giác như là có đến 400, 500... ở một xóm mà phát tang ở 10 gia đình có người chết thì do người khóc than, do khăn tang tảng bít trên đầu người thân đi lại người ta có cảm giác như là nhiều gấp 3, 4 lần vậy. Hai nữa là có trường hợp xảy ra những trận ném bom rất lớn của máy bay Mỹ khi quân Mỹ

phản công, bom Mỹ giết hại người của cả 2 bên (lính miền Bắc Việt nam cùng với những "tù binh" họ giải đi). Thi hài linh miền Bắc thì được chôn và đánh dấu, có khi được đưa về gần cán cứ, thi hài "tù binh" thì vùi nhanh.
Khi mở cuộc tiến công vào Huế, bộ đội miền Bắc đã cơ bản chiếm được thành phố vào đêm mồng 4 tháng 2; ngay lúc ấy đã có tới 5 ngàn sĩ quan, quân nhân đủ loại ra trình diện. Bộ đội cùng lực lượng tại chỗ mở những cuộc truy lùng những kẻ cộng tác với đối phương. Thường là họ vào từng nhà, ai nghi ngờ là bắt giữ, giải đi đã. Những người bị bắt đi gồm có: viên chức ở các cơ quan hành chánh, an ninh, cảnh sát, cán bộ bình định nông thôn, mật vụ, chỉ điểm do nhân dân tố cáo, rồi lực lượng quân đội, biệt động, lực lượng bảo an, dân vệ bị bắt tại trận hay trong gia đình... Có trường hợp bắt cả gia đình đi theo. Viên chức trong bộ máy hành chánh thì gồm cả cấp tỉnh, cấp quận, cấp xã... Các trung đoàn phải lập nên đơn vị đặc biệt để giữ tù binh. Có trung đoàn giữ 200, có trung đoàn giữ 300 tù binh, do 1,2 trung đội phụ trách việc giam giữ lưu động.
Khi quân Mỹ được huy động để giải vây Huế, với các lực lượng bộ binh, thủy quân lục chiến phối hợp với các sư đoàn 1 sư đoàn dù thuộc quân đoàn 1 quân đội Sài gòn, tình hình chuyển biến rất nhanh, đặc biệt là từ ngày 14

tháng 2. Mới đầu Tư Lệnh Thừa Thiên-Huế được chỉ lệnh của Bộ Tổng tư lệnh và Bộ Tổng tham mưu ở Hà nội: giữa vững thế trận, sẽ có lực lượng tiếp viện. Về sau có lệnh: chuẩn bị rút lui lên vùng rừng núi phía Tây, cố bảo toàn lực lượng, mang theo đủ vũ khí chưa sử dụng đến. Khi lệnh rút lui ban bố vào đêm 25 tháng 2, một không khí có phần hoảng loạn diễn ra. Máy bay Mỹ bắn phá ném bom ác liệt các đường rút lui. Máy bay Mỹ từ hạm đội 7, từ sân bay Đà Nẵng, Phú Bài cất cánh liên tục. Bom đạn rền vang dữ dội. Đối với hàng ngàn tù binh và người bị bắt giữ, giải quyết ra sao đây? Cho trở về thì nguy hiểm, sẽ lộ hết tình hình, địa điểm, vi trí. Dưới thỉnh thị lên trên, trên không trả lời rõ ràng, để cho dưới tùy cơ ứng biến. Còn biết bao việc khác khẩn cấp hơn.

Thêm nữa là hồi ấy trong không khí căng thẳng đột nhập thành phố, thấy dân không nổi dậy, lại còn bỏ chạy, rất ít người đón chào, phối hợp giúp đỡ bộ đội, nên bộ đội nhập thành phố liền có thành kiến với dân Huế.

Họ bảo nhau: đúng là dân "ngụy" rất nặng căn, dân kinh đô cũ của phong kiến, rất bảo hoàng, dân hoàng phái, dân các "mệ" theo Bảo Đại, theo Ngô Đình Diệm và nay là dân "chống cộng". Danh từ (ác ôn" hồi ấy dùng cũng tràn lan, tuỳ tiện! Sỹ quan, hạ sĩ quan, cho đến nhân viên cảnh sát

thì đều là "ác ôn" hết Vì đó là bộ máy đàn áp! Đảng viên Đảng Dân Chủ thì cũng là "ác ôn" tuốt vì đó là đảng của giới cầm quyền; cán bộ bình định nông thôn cũng là "ác ôn" vì công việc bình định được biết là rất tàn bạo, có biết đâu nhiều người đi vào đó là để tránh đi lính; công chức hành chánh tỉnh, quận, xã cũng bị coi là ác ôn vì là trong hệ thống chuyên chính của địch; cho đến sĩ quan, hạ sĩ quan, lính thuộc sư đoàn biệt động nhiều khi cứng bị coi là "ác ôn" vì đó là những đơn vị thiện chiến nhất... Những người làm ăn khá giả, nhà cửa bề thế, có tủ chè, sập gụ, hoành phi, câu đối thì bị cho là gia đình phong kiến, quan lại, hoàng phái, ủng hộ chính quyền và từng tham gia chính quyền chỗ dựa tin cẩn của chính quyền Sài gòn nên một số cũng bị bắt đi... Khi kiểm tra lại thì không một ai, không cấp nào có ra lệnh thủ tiêu tù binh cả. Trong bản qui định về kỷ luật chiến trường còn có ghi: Không được đánh đập tù binh; chỉ các cán bộ chỉ huy và chuyên môn (là quân báo và địch vận) mới được hỏi cung tù binh... Thế nhưng khi ở mặt trận lại có lệnh từ các sư đoàn xuống: "Phải giải hết tù binh loại "ác ôn", loại nguy hiểm lên căn cứ"; phải "kiểm tra canh gác kỹ số này để không trốn được vì nếu để trốn, chúng sẽ làm lộ hết bí mật quân sự, sẽ hết sức nguy hiểm và tai hại." Cho nên những vụ tàn sát có

tính chất tập thể có thể đã xảy ra ở các tiểu đoàn đang hành quân rút lui. Giữa cảnh hỗn loạn khi có lệnh rút. Quân đối phương có những mũi vu hồi chặn hậu. Phía sau, phía trước, ngay trong khu vực hành quân đều bị bom và hỏa lực pháo... Quân hai bên và tù binh chết và bị thương lẫn lộn. Một số đơn vị nảy ra hành động thủ tiêu tù binh để bảo đảm không lộ bí mật, không bị nguy hiểm, "nhẹ gánh", "khỏi vướng chân", "sẽ chết cả nút ... Cuối cùng cũng còn một số ít tù binh giải về căn cứ, được dùng để đào hầm hố, khuân vác... một số về sau được thả về. Các vụ tàn sát này về sau đã được giải quyết ra sao? Có ai bị kỷ luật không? Theo tôi được biết, do dư luận miền Nam, đừ luận quốc tế xôn xao, xúc động mạnh nên Tổng cục chính trị, cơ quan thanh tra quân đội có chú ý vụ này. Việc có 5 bác sĩ Cộng hòa Liên bang Đức bị giết cũng làm cho vụ này vang động hơn. Tướng Trán Văn Quang có bị phê bình. Chính uỷ Lê Chưởng của Mặt trận Trị Thiên về sau chuyển ngành, ra Thứ trưởng Bộ giáo dục(!) ông chết trong một tai nạn ô tô ở Nghệ An. Đại tá Lê Minh chỉ huy cánh quân ở tả ngạn sông Hương cũng bị phê bình; ông chết bệnh sau đó. Cách giải quyết những sự việc lớn của chế độ hiện hành luôn che dấu, ém nhẹm, "xử lý nội bộ", úp úp mở mở, không công khai, rõ ràng. Việc giáo dục

căm thù cần thiết trong chiến tranh đã bị đẩy tới mức cực đoan, qui định tràn lan là "ác ôn", kẻ thù tối nguy hiểm, không được để bỏ trốn... đã tạo nên những vụ tàn sát khốc liệt. Lẽ ra trong vụ này, công lý đã phải lên tiếng một cách công khai, rõ ràng vì liên quan đến mạng sống của hàng ngàn con người. Bất kể ai phạm tội đều phải bị xử trí đích đáng, để những sự kiện tương tự không thể tái diễn. Lẽ ra tất cả hệ thống chỉ huy Trị Thiên đều phải bị điều tra và xử lý về vụ này để qui rõ trách nhiệm từng người, để kết luận một cách công minh, để giảm bớt phần nào nỗi đau của những người trong cuộc và gia đình người thân của họ. Điều tệ hại là những người lãnh đạo đảng cộng sản có khuynh hướng coi những sai lầm "tả" khuynh là nhẹ. Như bắt người trong cải cách ruộng đất, thái độ hung hãn với các tôn giáo, qui định quá mức trong cải tạo tư sản... đều xử trí qua loa. Họ lập luận rất kỳ quặc là: hữu khuynh mới thật tai hại! Hữu khuynh là thiếu tinh thần cách mạng; còn tả khuynh là thừa tinh thần cách mạng. Cho nên ông Đồng Sỹ Nguyên hồi 1947, 1948 ở Quảng Bình phạm tội đốt phá, bắn giết một số làng công giáo, bị kết án cho yên lòng dân, sau đổi tên (tên thật hồi ấy là Nguyễn Sỹ Đồng) ra Hà nội làm Cục trưởng dân quân, rồi cứ lên mãi đến ủy viên Bộ chính trị, Phó thủ tướng... Ông Trường Chinh sau sai

lầm cải cách ruộng đất, mất chức Tổng bí thư, chỉ ít lâu sau làm Chủ tịch ủy ban Thường vụ Quốc Hội và vẫn là ủy viên bộ chính trị, rồi còn trở lại làm Tổng bí thư; ông Đỗ Mười là nhân vật chủ yếu đánh toàn bộ giai cấp tư sản, thủ tiêu cả nền công thương nghiệp tư doanh làm điêu đứng cả xã hội, nhất là nhân dân lao động thì lại lên làm Tổng bí thư? Các ông Nông Đức Mạnh, Nguyễn Hà Phan, Đào Duy Tùng, Nguyễn đức Bình, Lê Phước Thọ... vừa được đưa lên đều là những nhân vật "tả khuynh cỡ nặng, những người đã lên án rất gắt gao ông Trần Xuân Bách ở Hội nghị Trung ương 7 và 8 hồi 1989 và 1990. Khuyến khích trên thực tế xu hướng "tả" khuynh, cực đoan, mù quáng là một nguyên nhân phạm sai lầm dai dẳng của đảng cộng sản.

Bùi Tín

Mặt Thật

Thời của các ông tướng địa phương

Nhiều bạn bè và người nước ngoài hỏi: Việt nam hiện có nhiều tướng giỏi không? Xin được trả lời: có chứ! Tướng giỏi không ít. Nhưng họ bị "rơi rụng" hết? Như trên đã kể, vào những năm từ 1963 đến 1967, Cục bảo vệ quân đội theo lệnh của Bộ nội vụ và Trưởng ban tổ chức trưng ương Đảng bắt giữ hàng loạt cán bộ ở Bộ quốc phòng, Bộ tổng tham mưu, được coi là thân cận nhất của tướng Giáp. Tất cả số ấy đều xuất thân từ học sinh, sinh viên, gia đình tiểu tư sản thành thị. Không ai xuất thân từ bần cố nông cả. Đó là những sĩ quan xuất sắc. Đại tá Đỗ Đức Kiên nguyên là Kỹ sư canh nông, sang Liên xô học trường quân sự cấp cao được bằng đỏ, là cục trưởng tác chiến tài ba: Đại tá cục trưởng quân báo Lê Trọng Nghĩa vốn là sinh viên luật kloa, rất thông minh xuất sắc. Họ không đụng được đến đại tướng Võ Nguyên Giáp vì ông tỉnh táo, chặt

chẽ, cẩn thận, giữ rất "kín võ", không để "hở sườn", lại được chủ tịch Hồ Chí Minh quý và tin cậy, thì họ cắt chân tay của ông. Từ sau 1975, đặc biệt là mấy năm gần đây, những cận thần thân tín của ông Giáp thưa thớt dần. Số đông về hưu, một số đã chết. Cái chết của hai ông Đại tướng Hoàng Văn Thái và Lê Trọng Tấn làm ông đau buồn khôn xiết. Tôi đã được thấy khá nhiều lần sự tin yêu của ông Giáp với hai ông đại tướng này. Ông Hoàng Văn Thái ở gần ông Giáp từ dạo còn ở bên Trung Quốc, và sau đó ở căn cứ Việt Bắc từ cuối năm 1944. Về Hà nội, chính ông Giáp đã chọn ông Hoàng Văn Thái làm Tổng tham mưu trưởng. Ông Thái ở Bộ Tổng tham mưu từ đó cho đến khi đột tử tháng 6 năm 1986! Trong 30 năm liền ở Bộ Tổng Tham mưu ông hàng ngày làm việc với ông Giáp với lòng quý mến nhau không suy suyển. Văn phòng Bộ quốc phòng ở ngay sát Bộ Tổng tham mưu, cùng chung một Sở chỉ huy tác chiến. Từ năm 1957 trở đi, tuy ông lui xuống làm Tổng tham mưu phó thứ nhất, "nhường" cho ông Văn Tiến Dũng làm Tổng tham mưu trưởng nhưng trên thực tế ông vẫn là linh hồn của Bộ tổng tham mưu, cán bộ tham mưu toàn quân được đào tạo lớp này đến lớp khác đều công nhận vai trò không thể thiếu được của ông trong sự trưởng thành của mình. Như đã biết, ông với ông Giáp còn

thông gia với nhau. Ông là người bạn tri kỷ mà ông Giáp có thể thổ lộ tất cả tâm tình. Mỗi lần ông Thái đến, ông Giáp lại nói: Anh Thái đấy à, vào đây? Vào đây! Với tất cả sự thân yêu.

Đúng nửa năm sau, ông Giáp lại khóc một lần nữa sau cơn đột tử vẫn lại đột tử, chết bất thần, nguyên nhân không thật rõ, của đại tướng Lé Trọng Tấn, một cán bộ quân sự có đức có tài. Trong toàn quân, ông Tấn có uy tín cực lớn, ông là lão tướng xông xáo, có mặt ở mọi nơi nóng bỏng nhất. Là sư trưởng sư đoàn Công Pháo (Công binh - Pháp binh) ở chiến dịch Điện Biên Phủ, ông còn có mặt ở chiến trường Lào, ở chiến địch Sầm Nưa, rồi năm 1966 đến 1969 ở Trung ương Cục miền Nam, rồi tư lệnh cánh Duyên Hải tiến công từ Đà Nẵng qua Cam Ranh, Bà Rịa, Biên Hòa, để vào Dinh Độc Lập... mùa xuân 1975. Ông nhớ hết mọi diễn biến, đặc điểm của các trận đánh lớn, những kinh nghiệm xử trí của người chỉ huy. Có thể nói ông không có một ham mê nào, không uống rượu, không uống bia, luôn suy nghĩ về các trận đánh. Biết rằng ông vốn xuất thân từ một "anh đội tàu bay" ở sân bay Bạch Mai thời Pháp, lên đến Đại Tướng, sắp nhận chức Bộ Trưởng Quốc Phòng chỉ 10 ngày trước khi khai mạc

Đại hội đảng lần thứ 5 (tháng 12-1986), ta sẽ hiểu rằng ông đã phải phấn đấu ra sao. Ông Giáp và ông Tấn rất quý mến nhau vì rất hợp rơ (jeu) nhau trên các bản đồ quân sự. Ông Giáp đã có lần nói: ở trận nào mà anh Tấn có mặt để đốc chiến (đôn đốc tác chiến) là mình có thể yên tâm đến hơn 50 phần trăm rồi!

Tôi đã kể về Đại hội đảng toàn quân diễn ra 3 tháng trước đại hội đảng toàn quốc lần thứ 5, tại đó bất ngờ cực lớn đã diễn ra, làm cho các ông Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Chu Huy Mân, Văn Tiến Dũng, Đặng Vũ Hiệp, Mai Chí Thọ... giật mình như bị điện giật! Bất chấp sự lãnh đạo trên cơ sở dân chủ tập trung, bất chất sự hướng dẫn của đoàn Chủ tịch đại hội, đông đảo đại biểu dù đã được tuyển lựa kỹ từ cơ sở đã dứt khoát không bầu các vị Văn Tiến Dũng, Chu Huy Mân, Đặng Vũ Hiệp, hai đại tướng và một trung tướng vào danh sách đại biểu chính thức đi dự đại hội đảng toàn quốc. Ông Giáp và ông Tấn được số phiếu cao nhất. Đại tướng Văn Tiến Dũng chỉ trúng là đại biểu dự khuyết; trước khi đại hội khai mạc đúng 10 ngày, ông Lê Trọng Tấn đột tử nên ông Dũng mới được bổ xung vào toàn đại biểu để vừa hân hoan vừa ngượng ngùng lọt vào hội trường Ba Đình? Mấy hôm sau đại hội toàn quân, tôi gặp các bạn cũ ở Câu lạc bộ Ba Đình, mấy viên tướng và đại

tá hồ hởi: "Có thế chứ! Đổi mới cũng có khác chứ! Các đại biểu tinh đời thật? Không thể cứ cúi đầu vâng dạ như cũ được nữa!" Các sĩ quan cấp cao đã dám kể cho nhau nghe những bê bối của các quan lớn và các bà lớn, miệng nói không ngớt: vì dân, biết ơn các liệt sĩ chiến lợi phẩm là xương máu chiến sĩ, mà vợ chồng các ngài cứ chở kìn kìn về nhà, hết hòm này đến hòm khác, để dột từ nóc xuống. Chỉ khổ cho anh lính quèn. Đi xe lửa về phép, mang về chiếc quạt máy nhỏ, chiếc máy thu thanh cũ... cũng bị hạch sách, còn các ngài thì tha hồ chồng chất trong khoang máy bay và tàu biển... Mọi người hy vọng: đại hội đảng toàn quốc dân thứ 5 chắc sẽ còn cho thấy nhiều điều mới lạ hơn! Thế mới là đổi mới chứ! Đến Đại hội 5, mọi người chưng hững! Người la lắc đầu, ngao ngán.

Sau đó, ở Bộ quốc phòng, một loạt tướng ở địa phương được gọi về. Các tướng hiện công tác ở Bộ quốc phòng không được tin cậy nữa! Cuộc "mi-ni nổi loạn" ở đại hội toàn quân là từ các đoàn đại biểu ở các cơ quan của Bộ và các học viên, nhà trường trực thuộc bộ, đặc biệt là từ đoàn đại biểu của học viên quân sự cấp cao, nơi tập trung đông nhất những tướng và đại tá có tài, có trình độ, có nhiều kinh nghiệm nhất. Thế là từng đoàn các cán bộ của cục bảo vệ, của thanh tra quân đội, của ban kiểm tra quân

uỷ trung ương ương tới tấp lao về Học viện quân sự cấp cao ở phía chợ Bưởi, ngoại ô thủ đô. Cả bộ máy an ninh, tổ chức, tuyên huấn được huy động để kiểm tra từng đoàn đại biểu, từng đại biểu khi cần, để hiện tượng "lỏng lẻo", "mất cảnh giác", "dân chủ quá trớn" ở Đại Hội Đảng toàn quán tuyệt đối không được lập lại.

Một cuộc chấn chỉnh lớn trong hàng ngũ sĩ quan cấp cao diễn ra sau đó. Bộ ba quan trọng nhất đều là các tướng từ địa phương rút về: tướng Lê Đức Anh, nguyên là từ quân khu 9 trong thời chiên tranh, nơi tận cùng phía Nam, địa bàn vốn được coi là yên tĩnh hơn cả, ít ác liệt hơn cả vì không có quân Mỹ ở đó, cũng không có các đơn vị thiện chiến nhất của Sài gòn hoạt động, từ 1981 ông là tư lệnh quân Việt nam ở Cam Bốt.

Người thứ hai là trung tướng Đoàn Khuê, quê ở Quảng Trị, nguyên là thượng tá chính uỷ lữ đoàn giới tuyến đóng ở huyện Vĩnh Linh từ năm 1955 đến 1962, giáp với giới tuyến quân sự tạm thời. Năm 1963 ông vào chiến trường Quân khu 5 làm Phó chính ủy Quân khu, lấy tên là Trình. Sau 1975 ông lên làm Tư lệnh Quân khu 5 với quân hàm thiếu tướng rồi trung tướng. Tôi đã ghé qua quê ông, làng Gia Đẳng ven biển huyện Triệu Phong, cha ông là chánh tổng, giàu nhất làng, có rất nhiều đồ đồng ở trong nhà

cũng như chôn dấu dưới những đụn cát cao. Ông đi hoạt động sớm, mới học đến lớp hai trung học thời Pháp, rồi bị bắt, đi tù ở Quảng Trị và Ban Mê Thuộc. Cha ông từ ông vì sợ liên lụy. Em ruột ông là thiếu tướng Đoàn Chương, giám đốc nhà xuất bản Quân Đội Nhân Dân. Cán bộ cấp cao quân sự đều biết ông Đoàn Khuê là cán bộ chính trị, hiểu biết về quân sự và kinh nghiệm chỉ huy còn ít, không hề được đào tạo về chỉ huy. Ông nổi tiếng là phát biểu cứng rắn, cực đoan, theo công thức khô khan và máy móc, tiêu biểu cho một viên chính uỷ ít học nhưng lại luôn thuộc lòng các công thức, ăn nói "đúng" lập trường kiểu lên gân mà không hề ngượng. Người thứ ba là thượng tướng Nguyễn Quyết, nguyên là chính uỷ quân khu 3, đóng bản doanh ở Kiến An, gần Hải Phòng. Ông người nhỏ nhắn, mặt thư sinh, tham gia tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 ở Hà nội, vào chiến trường miền Nam một thời gian ngắn ngay sau đó. Ông vốn là cán bộ chính trị, là một chính uỷ thành nghề, đúng như hình ảnh được phác họa theo kiểu văn học dân gian hiện đại:

Ngang lưng thì thắt lập trường
Đầu đội chính sách vai quàng chủ trương
Mở miệng là nói huyên thuyên

Hết niệm cụ Mác lại truyền kinh Mao
Đời là kinh, tướng mãi cao.

Sau đại hội 6, ba ông tướng địa phương rút lên trung ương, đánh bạt tất cả hàng mấy chục tướng giỏi, tướng có văn hóa, có thực tài chỉ vì một đường lối chính trị cũ kỹ đến cổ hủ, run chân trước ý thức dân chủ vừa manh nha, ôm giữ quyền lực đến cùng vì lợi riêng. Bộ trưởng Bộ quốc phòng, Tổng tham mưu trưởng và Chủ nhiệm tổng cục chính trị luôn là một bộ ba quyền lực lợi hại nhất nắm lực lượng quân đội. Đến Đại hội 7 (tháng 6-1991), bộ ba có thay đổi chút ít để thành bộ bốn, theo hướng củng cố cho vững thêm hạt nhân cứng rắn: Bộ trưởng Lê Đức Anh lên nắm chức vụ chủ tịch nước; chắc chắn hàng trăm vị tướng vốn là cấp trên ông phải nhún vai lắc đầu! Năm 1964 ông mới là một cục phó loại trung bình trong cục tác chiến của Bộ tổng tham mưu với cấp trung tá. Thời đánh Pháp, ông còn là một cán bộ vô danh. Nay ông ôm cả một mảng lớn quốc phòng, an ninh, ngoại giao, nội trị. Tổng tham mưu trưởng Đoàn Khuê lên thế ông ở chân Bộ trưởng quốc phòng, cuối 1974 ông còn là một phó chính uỷ với cấp đại tá, lúc ấy ở Bộ quốc phòng đã có hơn 30 ông tướng! Tướng lài, tướng giỏi lên vượt cấp là chuyện bình thường,

nhưng đây chỉ là tướng "thông suốt" với đường lối bảo thủ, thế thôi! Tổng tham mưu trưởng mới là trung tướng Đào Đình Luyện, lại mới lên thượng tướng cho tương xứng với chức vụ. Đây cũng là chuyện không bình thường, vì tướng Luyện là tướng không quân, mà thường tổng tham mưu hay tham mưu trưởng các quân đoàn, quân khu đều là tướng bộ binh, để chỉ huy hợp đồng binh chủng, lấy bộ binh làm chủ. Tướng Luyện là một trong những người lái máy bay quân sự đầu tiên của miền Bắc Việt nam, tốt nghiệp lái máy bay ở Trung Quốc hồi 1957, đến 1960 lại đi tu nghiệp thêm ở Liên xô. Ông chăm chỉ, cán thận, anh em cấp dưới mến, sống giản dị, người cao to, da ngăm đen, vốn quê vùng chiêm Thái Bình nhưng tính tình có nét khác lạ là "như con gái" trong quan hệ với bạn bè, gặp phụ nữ là đỏ mặt, và rất "sợ" cấp trên. Suốt trong cuộc chiến đấu chống không quân Hoa Kỳ ném bom bắn phá miền Bắc, ông là tư lệnh không quân. Có lẽ ông được chọn vào chức vụ mới tổng tham mưu trưởng là vì tính kỷ luật rất cao, trên bảo gì là "Rõ rõ!" ngay, một tinh thần viên chức cao lấn át hết tinh thần công dân. Bảo làm gì là làm nấy, như một cỗ máy hoàn hảo, không cần suy nghĩ băn khoăn làm như thế vì sao? Để làm gì? Khi quân đội rất có thể được dùng cho một mục tiêu chính trì chống lại phong trào dân

chủ của quần chúng thì cần người chỉ huy như thế. Xin đọc những lời huấn thị của bộ trưởng Đoàn Khuê thì rõ: "Quân đội ta phải sẵn sàng bảo vệ chế độ, thẳng tay trừng trị những mưu đồ diễn biến hòa bình" được bọn đế quốc và phản động giật dây..." Tôi quen biết tướng Luyện khá rõ vì hồi chiến tranh thường lui tới sở chỉ huy không quân để theo dõi cuộc chiến đấu của anh em lái trẻ.

Người thay tướng Nguyễn Quyết ở cương vị chủ nhiệm Tổng Cục chính trị quân đội nhân dân là một bộ mặt mới, gần như không ai biết đến trước năm 1986. Đó là tướng Lê Khả Phiêu, mới ở cấp trung tá cuối năm 1974. Một cán bộ "trẻ", hơn 50 tuổi, lại mang bản chất thuần túy nông dân. Ông là chủ nhiệm chính trị quân đoàn, cũng từ địa phương, được điều về Bộ, nhảy cóc lên thiếu tướng năm 1979, lên trung tướng năm 1989, lên thượng tướng cuối năm 1992, sau khi được bổ xung vào ban bí thư trung ương đảng. Một viên tướng "vâng dạ địa phương về triều đình do yêu cầu chính trị mới. Trong khi ở Bộ Quốc Phòng, không thiếu các tướng tài hơn 4 vị nói trên khá nhiều. Như Thượng tướng Hoàng Minh Thảo, nguyên là sư trưởng sư đoàn 304 từ khi mới thành lập năm 1951, thông minh, có học vấn, đọc được cả sách tây, tàu, mới đây là viện trưởng học viện quân sự cấp cao; ông rất quý

đại tướng Giáp, và đầu năm 1989 bị một tai nạn xe hơi bất ngờ, may mà thoát chết? ở học viện này còn có tướng Hồng Sơn sinh viên năm 1945, em luật sư Nguyễn Thành Vinh, tên thật của ông là Nguyễn Thành Chính, là con rể nhà học giả Đặng Thai Mai, anh em cọc chèo với đại tướng Giáp; trung tướng Đỗ Trình phó viện trưởng, có trình độ nghiên cứu khá cao về lý luận và chiến lược quân sự; trung tướng Mai Trọng Tần có bằng toán học cao cấp năm 1945, rất xông xáo, lại có trình độ tổng kết...
Xuất sắc hơn cả có thể là Trung tướng Nguyễn Hữu An, hồi 1975 là tư lệnh quân đoàn 2, sau về làm Tổng Thanh tra quân đội, từ năm 1988 ông nhận chức giám đốc trường đào tạo cán bộ chỉ huy ở Đà lạt; Ông có đầy đủ các đức tính của một viên tướng, có trình độ văn hóa, sống giản dị, đàng hoàng, mực thước và chân thật, sức khỏe tốt, ông được đại tướng Giáp tin cậy giao cho nhiệm vụ đánh trận mở đầu chiến dịch Điện Biên Phủ chiếm căn cứ "Độc Lập" ở phía Bắc, khi còn là trung đoàn trưởng giỏi nhất của sư đoàn 312. Trình độ quân sự và đức độ của ông vượt xa cả tướng Lê Đức Anh, Đoàn Khuê, Đào Đình Luyện... tín nhiệm trong quân đội cũng vượt xa các ông tướng kể trên. Thế nhưng những người lãnh đạo hiện nay cần đến những viên tướng trình độ trung bình, kém cỏi nữa, miễn là họ

thuận theo một đường lối chính trị giáo điều, bảo thủ, bảo vệ một chế độ độc đoán đã đánh rơi hết niềm tin của quần chúng, bị quần chúng coi thường, không còn sợ như trước, lại còn bị khinh thường nữa.

Bùi Tín

Mặt Thật

Nhà quân sự sáng tạo và kẻ a tòng

Tôi đã có dịp nói về chuyện ông Lê Duẩn kể lại những sự kiện lịch sử cận đại vào mùa hè 1983 tại nhà nghỉ của Bộ Chính Trị ở Quảng bá cạnh Hồ Tây Hà nội cho một số người nghe. Trong khi cao hứng ông tự nhận là sáng hơn, giỏi hơn chủ tịch Hồ Chí Minh. Về quân sự, trong cơn cao hứng, ông nhận định rằng học thuyết quân sự của đảng cộng sản Việt nam có tinh thần bao trùm là tiến công mà tuyệt nhiên không có phòng ngự (!). Phát triển ý ấy cao hơn nữa, ông phát biểu rằng học thuyết quân sự của giai cấp vô sản cũng chỉ có phương thức tiến công mà không có phương thức phòng ngự, bởi vì ngay cả khi dùng phương thức phòng ngự cũng phải mang bản chất tiến công.

Cùng ngồi nghe với nhà báo Thép Mới và tôi có đại tá Quang Cận, Tổng biên tập của tạp chí Quân Đội Nhân

Dân, từ năm 1986 đổi tên tạp chí Quốc Phòng Toàn Dân. Chúng tôi cùng học với nhau ở Trường lý luận chính trị trung cao cấp của quân đội. Anh em thường gọi Nguyễn Quang Cận là "Cận mù vì bị cận thị nặng luôn mang kính. Tôi thấy Cận ghi chăm chú và liên tiếp mọi điều ông Duẩn kể, với thái độ kiên nhẫn và kính cẩn! Sau đó ông Duẩn lại nói chuyện với cán bộ ở thành phố Hồ Chí Minh, nhắc lại rằng học thuyết quân sự của đảng cộng sản luôn mang tinh thần tiến công nên không có phương thứ phòng ngự gây nên tranh cãi khá sôi nổi ở các cơ quan quân sự, nhất là ở Học viện quân sự cấp cao, viện nghiên cứu lịch sử quân đội, Bộ tổng tham mưu, Trường lý luận chính trị của quân đội (có 1 phần học về quân sự trong chương trình để cán bộ cho rằng không thể bác bỏ hai hình thức cơ bản trong hành động quân sự là: tiến công và phòng ngự. Sáng tạo gì thì sáng tạo, không thể loại bỏ phòng ngự đi được Cho dù khi phòng ngự vẫn phải có tinh thần tiến công thì phòng ngự vẫn là phòng ngự với những đặc điểm của nó, không thể thủ tiêu hình thức phòng ngự đi được! Liền đó, trên tạp chí Quân Đội Nhân Dân, một loạt bài phân tích lý luận ra đời, cho rằng giai cấp vô sản không có phương thức phòng ngự và "đảng ta" trong lý luận quân sự của mình, cũng chủ trương là chỉ có một hình thức tiến

công là bao trùm, là duy nhất, cho dù khi buộc phải gọi là "phòng ngự" thì chỉ là phòng ngự về hình thức mà vẫn mang tinh thần tiến công, là phương thức tiến công! Tôi không còn nhớ kỹ lập luận kỳ quặc ấy, nhưng chỉ còn biết là một sự lẩm cẩm trong suy luận, nhân danh sự "sáng tạo của "đảng ta" và của người đứng đầu của đảng cộng sản Việt nam lúc ấy. Các bài luận văn ấy được ký tên: Quang Cận. ít lâu sau, tác giả được lên cấp thiếu tướng. Phải chăng đây là một sự ban thưởng cho một kẻ a tòng biết "hứng" khi lãnh tụ "tung" ra, như chuyện tiếu lâm dân gian, quan lớn "làm gì" cũng khen là "thưa thơm lắm ạ" vậy!

Bùi Tín

Mặt Thật

Xích tay đất thủ rồi thách đấu?

Vào quãng cuối năm 1990 dưới trang 3 của báo Nhân Dân đăng một bài luận văn dài hơn 3000 chữ với đầu đề: "Đi dưới bảng chỉ đường của trí tuệ là theo sự lãnh đạo đúng đắn của đảng cộng sản". Bài báo ký tên Quang Cận. Nhà "lý luận" quân sự trứ danh kể trên lại xuất trận? Bài báo nhằm bác bỏ một bài báo khác có đầu đề là: "Dắt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ (hay: Thử giải bài toán lô gíc xã hội, mọi điều rắc rối bắt nguồn từ đâu?), bài báo ký tên Tú Xuân Hà Sĩ Phu.

Đây là một bài báo không được đăng báo. Tác giả lần lượt gởi đăng một số báo lớn, kể cả Ban chuẩn bị Đại Hội nhà văn dân thứ 4, nhưng chẳng có một lời hồi âm, ngoài một công văn của Hội Nhà Văn Việt nam, từ chối khéo rằng: "Tuy nhiên, thời gian ở đại hội hạn hẹp rất khó có điều kiện để trình bày phát biểu này".

ở báo Nhân Dần chắc hẳn ban chính trị có nhận được bài này, nhưng đã xếp vào hồ sơ của những "bài báo đen" "chống Đảng"!

Tú xuân Hà Sĩ Phu là ai? Đó là một sĩ phu Bắc Hà, phó tiến sĩ sinh học Nguyễn Xuân Tụ, ở viện khoa học Việt nam, đang công tác tại một cơ sở của viện đặt ở thị xã Đà Lạt, nhà anh ở 4E đường Bùi Thị Xuân. Anh viết bài báo này vào tháng 9 năm 1988. Không nơi nào nhận đăng bài báo dài 10 trang đánh máy này, Hà Sĩ Phu liền nghĩ ra cách phổ biến khá nguy hiểm cho anh: phô-tô-cô-pi bản đánh máy, gởi cho bè bạn thân quen, có ghi rõ nơi gửi là: bạn bè, những người hiểu biết, quan tâm và có trách nhiệm, để xin ý kiến trao đổi.

Đây là một bài báo rất thú vị, của một trí thức có chiều sâu suy nghĩ, tự tin, có trình độ nghiên cứu, lại hóm hỉnh. Một con người quý, hiếm, có tư duy độc lập.

Trong lời mở đầu, tác giả cho rằng mình đã "cả gan lạm bàn chuyện quốc gia đại sự!", và nhấn mạnh: "Những điều này nói ra hôm nay đã là quá muộn".

Câu đầu bài viết là: "Hãy thử để cho trí tuệ được vài phút hoàn toàn tự do, xem nó có thể mách bảo ta điều gì?"

Đó là:

- Hệ thống mà ta đang khảo sát chứa đựng quá nhiều

"nghịch lý nếu chưa muốn nói là cấu thành bởi toàn những nghịch lý". Những nghịch lý ấy là:
- Hệ thống dân chủ gấp triệu lần lại vướng mắc chính vấn đề dân chủ!
- Hệ thống tiêu biểu cho sự thật, có các nhà xuất bản sự thật, thì đang phải cố chữa bệnh nói dối!
- Hệ thống ưu việt tiêu biểu cho sự giải phóng con người thì lại không ưu việt về quyền con người!
- Hệ thống tiêu biểu cho Nhân loại, tính tập thể thì lại xuất hiện nhiều ví dụ về tệ sùng bái cá nhân.
- Hệ thống tiêu biểu cho sức sáng tạo của trí thức thì vấn đề trí thức lại cứ cộm lên như một hạt nhân của toàn bộ cái hiện thực cần cải tổ.
- Chúng ta vẫn nói tới thắng thua giữa các chế độ rút cuộc là ở năng suất lao động thì ta lại thua quá xa!
- Hệ thống xã hội chủ nghĩa được mô tả là đầy sức sống, còn chủ nghĩa tư bản thì đang "giãy chết", vậy mà trong tất cả trường hợp quốc gia bị chia cắt làm hai thì dù chia theo kiểu nào, nửa thuộc phía "giãy chết" cũng có năng xuất lao động và chất lượng sản phẩm hơn nửa kia!...

Tác giả phê phán chủ nghĩa Mác về 2 luận điểm cơ bản là "đấu tranh giai cấp" và "chuyên chính vô sản", và phân tích

tình hình xã hội theo 3 quan niệm: duy lý, duy tín và duy lợi Tác giả nêu bật ý nghĩa của trí tuệ, của trí thức, yếu tố năng động nhất ở con người, mà con người lại là yếu tố năng động nhất của sức sản xuất xã hội...
Trong phê phán chế độ hiện thời, Hà Sỹ Phu có phán xét thâm thúy, ngay thật vạch trần sự phi lý của nó: "Chủ nghĩa bình quân gắn chặt với tư tưởng lật đổ. Khi chưa có thì muốn lật đổ để cào bằng, cào bằng cho được rồi lại muốn mình giàu hơn người khác, lật đổ vua nhưng rồi mình lại làm vua!" Tác giả lên án chủ nghĩa cơ hội, thái độ bạc nhược quay mặt đi một cách vô trách nhiệm, ngậm miệng ăn tiền, trì hoãn, thậm chí độc ác lì lợm, cố thủ của một số gọi là trí thức, và nhận xét:. "Trong bức tranh chung về sự tha hóa, cái bệnh chung nói dối cứ như con bạch tuộc ôm ghì lấy xã hội , chẳng để cho ai thoát ra...

Tôi trích ra khá nhiều, mà vẫn còn muốn trích thêm để bạn đọc hiểu rõ về một trí thức sớm "dấn thân" theo kiểu của mình, điềm tĩnh, rỉ rả phê phán những sai lầm đã qua một cách sâu sắc riêng của mình, một cách thật thâm thúy, và đồng thời chỉ ra lối thoát là nhìn thẳng vào sự thật, chấm dứt sự lừa dối, trở về với sự thông minh, với trí tuệ. Rất mong bài viết từ năm 1988 ấy sớm đến được với bạn đọc

trong và ngoài nước nguyên vẹn để bạn đọc thưởng thức một suy nghĩ mới, và hiểu rằng ở trong nước đang có những bộ óc cần mẫn sáng tạo rất đáng trân trọng và tin cậy. Ví dụ của anh về đôi giày với người chủ của đôi giày lau bóng đôi giày ấy kẹp nách rồi vấp ngã, chân tóe máu vẫn ôm ấp đôi giày, quả là một ví dụ cười ra nước mắt.
Ban tư tưởng và văn hóa lúc ấy do hai ông Trần Trọng Tân và Thái Ninh cầm đầu lập tức cho những cây bút được họ coi là nổi danh nhất phang cho Hà Sỹ Phu những chùy nặng trên báo Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân và Tuổi Trẻ, lên án tác giả là có dụng ý xấu, bôi đen chế độ, đả kích vào đảng; là: đưa ra những quan điểm mơ hồ và mỵ dân về duy lý, duy tín và duy lợi; là: mang tâm lý thất bại chủ nghĩa và bi quan, bối rối trước thời cuộc; rồi còn là: ăn phải bả luận điệu của đế quốc... Nghĩa là đủ mọi thứ mũ.
Cách làm tướng "đổi mới" vẫn theo một lối cũ, rất cũ. Đó là hô hoán toáng lên đối tượng định "phang", thế nhưng lại giấu rất kỹ không để công luận biết được nhưng luận điểm của bài báo ấy, cấm chỉ sự lưu truyền và tịch thu mọi bản đang được truyền tay, coi đó là tài liệu phản động, đồ quốc cấm!
Đây phải nói thẳng là các làm theo lối "ăn gian", khinh thị

công luận, có tính chất hèn nhát, không cho đối thủ của mình được trình bày chính kiến! Họ sợ tranh luận công khai.

Họ đã mất hẳn tự tin và tự biết trước là họ đuối lý. Trận đấu này dù sao so với thời lên án Nhân Văn Giai Phẩm cũng có khác. Đó là vài bài báo phản bác viết sơ sài, bôi bác, tác giả không một ai có chút uy tín nào, trừ bài của Quang Cận đăng trên báo Nhân Dân là độc giả còn có người biết đến cái tên. Nhưng bài báo này đã mang lại cho tác giả "phần thưởng" xứng đáng, sự khinh thị và chê cười. Một cậu học trò lớp mười phổ thông con bạn tôi đọc xong, liền nói ngay với tôi trước mặt bố: "Họ cứ nói lấy được; lại cả vú lấp miệng em đây. Sao họ không đăng bài của ông ấy để mọi người biết và đánh giá. Lên án thế này thì thật vộ tích sự! Chú cố tìm cho cháu mượn bài của ông Sĩ Phu Bắc Hà này chú nhé. Cháu muốn đọc lắm! Lúc ấy ai có lý mới rõ được" Chú học trò sinh năm 1975, lúc ấy mới 15 tuổi mà đã khôn thế đấy.

Tất nhiên là phó tiến sĩ Nguyễn Xuân Tụ bị hành đủ kiểu. Sự trả thù của cơ chế không phải là thường! Anh bị chụp mũ, bị xỉ vả, bị bôi nhọ ở Hà nội, Sài Gòn, Đà Lạt. Vợ con anh bị chỉ trỏ, thầm thì, khinh miệt bởi một số kẻ cơ hội. Anh không được tín nhiệm như trước ở cơ quan. Cuộc

sống gia đình khó khăn, anh phải mở một quán giải khát bình dân, bán nước chè, thuốc lá, bánh kẹo để sinh sống. Họa vô đơn chí, anh vừa bị một tai nạn nhỏ, trượt chân ngã, trẹo cả cẳng. Anh chịu đựng sự đối xử xấu chơi của cơ chế với niềm tự tin của một trí thức chân chính.
Gần đây anh sử dụng quyền tự vệ, sao thêm bài viết của anh và các bài lên án anh để cho công luận rộng đường suy xét. Họ im lắng. Họ cố quên! ở bất cứ nước nào có tự do báo chí và tự do ngôn luận, ắt hẳn chuyện in bài của cả 2 phía đã được thực hiện ngay từ đầu. Nhân dân, người đọc báo, công luận xã hội sẽ là trọng tài công minh, đáng tin cậy nhất. Hơn thế nữa, ở một xã hội có luật pháp, anh Tú Xuân Hà Sỹ Phu có thể phát đơn kiện về những bài báo đã xuyên tạc, vu cáo chụp mũ anh, và những Trần Trọng Tân, Thái Ninh, Quang Cận đều phải đính chính trên báo chí công khai, ngay trên báo nào mà họ đã vu khống, phải xin lỗi và còn phải đền tiền bồi thường danh dự cho anh Hà Sĩ Phu. Cái thời đảng là luật pháp, ngồi xổm trên luật pháp sẽ qua, đang qua, đang trôi dần vào dĩ vãng...

Bùi Tín

Mặt Thật

Những người gác cổng cần mẫn

Có một dạo những cán bộ tuyên huấn và an ninh văn hóa được phân công theo dõi các sách xuất bản và báo chí nhằm phát hiện những "lệch lạc", "sai lầm", tìm ra những "tên thủ phạm" chống đảng, mơ hồ đấy tranh giai cấp, dùng biểu tượng hai mặt để nói xấu lãnh đạo (vì lãnh đạo có thể có gì là xấu được!) đả kích vào cơ quan lãnh đạo nhằm trừng trị thẳng tay. Họ được đặt cho cái tên vinh dự(?), "những người gác cổng canh giữ an toàn cho đảng". Từ đó đẻ ra những sự tô vẽ: đó là người lính canh cẩn mật, tỉnh táo, đó là "tiêu binh" sáng suốt sớm phát hiện âm mưu của chúng từ trong trứng? Họ là lính gác luôn thức để đảng và nhân dân ngủ ngon! Và khi đảng dạy rằng kẻ thù luôn ở quanh ta, luôn luồn lách vào hàng ngũ của ta, có khi ranh ma chui sâu, luồn cao... thì đáu cũng có thể có, cũng có thể là kẻ thù cả. Mà đã là địch thì không còn là

dân, phải đánh "không thương tiếc. Căm thù địch đã được dạy từ bé, trong các lớp mẫu giáo, phải bắn chúng, giết chúng không chút do dự. Căm thù phải nằm trong các nội dung học. Dạy căm thù đã được nâng lên thành khoa học, thành nghệ thuật!

Nhà thơ Việt Phương suýt chết chỉ vì dám nói mỉa mai rằng "trăng của ta" luôn tròn hơn "trăng của địch!". Rằng đồng hồ Trung Quốc tốt hơn đồng hồ Thụy Sĩ. Nói mỉa chế độ đó chứ không phải mỉa mai vài người lẩm cẩm! Nói sỏ "đảng ta" đó chứ đâu phải đả một vài hiện tượng giáo điều cái kiểu suy luận của những ông "lính gác" xem ai cũng có thể là địch thật là dễ sợ! ở quân khu 4, tôi đã dự một buổi lên lớp chính trị của một chính trị viên cấp tiểu đoàn, xuất thân từ bần cố nông ở đất Nghi Lộc, vùng rất nghèo ven biển Nghệ An, giọng nói anh nặng trịch, nghe quen lắm mới hiểu. Anh nói con cá với quả cà không khác gì nhau. Anh lên lớp cho một đại đội lính mới. Thế rơi có hai chú ngủ gật. Thế là anh dừng lại phân tích! Chính trị viên nguyên là cố nông, mới thoát mù chữ, lính thì số đông là lớp 8, lớp 9 phổ thông! Anh càng phân tích, linh càng bấm nhau cười, cười mà không thành tiếng. Anh càng bực, càng làm ra vẻ nghiêm trang và có trình độ cao! Anh phân tích rằng ngủ gật là thiếu tinh thần kỷ luật, là thiếu ý chí.

Làm cách mạng thì phải có ý chí. Địch muốn ru ngủ ta, ta ngủ gật là mắc mưu địch, là làm hại sự nghiệp cách mạng, là làm giảm sút ý chí của quân đội, làm giảm sức chiến đấu của quân đội, rồi còn là thiếu tinh thần thi đua tập thể...

Chính tướng Chu Huy Mân hồi ấy là Chính uỷ Quân khu 4, xuất thân từ cố nông đi gặt thuê ở vùng Nam Đàn, Thanh Chương, sau này nổi tiếng về một "thư viện trong nhà luôn bóng lên vì hầu như không hề động đến, chỉ để trang trí... đã khuyến khích việc đào tạo chính trị viên từ bần cố nông. Anh emn ấy có khổ có căm thù bóc lột, sẽ là chính trị viên giỏi cho mà xem.

Theo suy luận của những người như chính uỷ Mân và anh chính trị viên tiểu đoàn "Cà" thì ngủ gật có thể là "tội ác , là một sai lầm có hại cho hòa bình thế giới...

Quả tình tôi nói không ngoa. Tôi còn nhớ ở báo Quân Đội Nhssn Dân, có một vị phó tổng nguyên là thừa phái ở một huyện miền Trung hồi 1944. Anh ta giấu kỹ thành phần xuất thần này, cố leo lên đến chức bí thư đảng uỷ kiêm phó tổng biên tập đặc trách nội bộ. Anh ta luôn lên gân về lập trường giai cấp. Cứ cách một tuần anh ta lại duyệt các bài báo, duyệt trình bày báo một tuần. Năm 1969, một hôm trình bày báo ở trang nhất, trên cùng ở góc trái là ảnh chủ

tịch Hồ Chí Minh tiếp khách. ở góc dưới cùng bên phải là ảnh một đơn vị pháo cao xạ 37 ly vừa tham gia trận chống máy bay Mỹ. ở giữa hai bức ảnh ấy là 6, 7 bài báo khác, là 5 cột báo và một bức ảnh về một nhà máy! Vị phó tổng nhà ta trong khi duyệt khám phá ra một "sai lầm lớn" của anh đại uý ở Ban Thư Ký tòa soạn và của anh họa sĩ trình bày báo. Kéo dài bảng bút chì đỏ nòng súng cao xạ từ góc dưới chéo lên góc trên thì vết chì ấy đụng đến... chân chủ tịch Hồ Chí Minh! Anh đại uý tái mặt nhận ra "tội" của mình Anh họa sĩ sợ quá vội tẩy gấp chỗ trình bày hai bức ảnh, rút tờ giấy khác ra để thay hẳn cách trình bày! Chuyện cứ như đùa, mà là có thật! Có thật hoàn toàn, được vị bí thư đảng uỷ kiêm phó tổng nêu lên thành bài học hẳn hoi! Thế là từ đó mọi bức ảnh có súng đều được kéo dài bằng nòng súng trong tưởng tượng ra xem có ai bị trúng đạn không? Chuyện không dừng lại ở đó! Vê sau, ông phó tổng ấy còn mở cả hai trang báo ra để xem mối liên quan giữa các bức ảnh ở trang 1 và trang 4 cũng như ở trang 2 và trang 3 có xâm phạm gì nhau không? Nghĩa là nếu ảnh ở trên cao bên phải trang 1 có các vị lãnh đạo mà ở trang 4 góc dưới bên trái có khẩu súng lớn nhỏ nào thi cũng phải coi chừng vì đạn có thể "bắn từ xa", vượt qua hàng chục cột báo, để trúng vào người các cụ thì thật là nguy tai! Phải là người

lính cần mẫn, bảo vệ các vi lãnh tụ ngay từ những nguy cơ hoàn toàn tưởng tượng đến oái oăm như thế mới thật là có tinh thần cảnh giác cao.

Tôi còn nhớ có lần ông phó tổng ấy còn xạt muối" một vị thiếu tá ở thư ký tòa soạn về chuyện: trang 1 đăng ảnh và hai lại có bài thơ đả kích chống bệnh quan liêu! Khi dơ lên trời để soi thì mới thấy hai bài ấy dính vào nhau, dựa lưng vào nhau! Không thể thế được. Kẻ địch chúng ta nó thâm tắm. Không thể để chúng nó dán một bài đả kích trên lưng các cụ được. Từ đó, các ông thư ký tòa soạn còn phải soi lên trời xem mặt sau các bài và ảnh có các vị lãnh đạo có dính với một bài thơ đả kích hay một bài châm biếm nào không? Cho đến cái đuôi tiếp sang trang 4 cũng vậy, không thể để cho bài của các cụ hay là bài nói đến hoạt động của các cụ đứng sát bên một bài nói đến một hiện tượng tiêu cực nào đó... Có ở trong nghề và có hiểu trách nhiệm người lính gác mẫn cán như vậy mới thấy hết cái ngóc ngách đến oái oăm như kể trên. Tôi cũng chưa thấy báo của Đảng cộng sản Liên xô hay Trung Quốc có những kinh nghiệm độc đáo dị kỳ như thế. Thế mà vị nguyên phó tổng ấy hiện lại là phó tổng thư ký của Hội nhà báo Việt nam, tội nghiệp cho cả làng báo. Có một thời, bệnh sính chức tước của các cụ lãnh đạo được thể hiện một cách

nặng nề và lộ liễu trên mặt báo. Trong một tin có khi chức tước của các cụ phô ra dài hơn nội dung của hoạt động . Có khi trong một số báo có đến 6, 7 tin tức hoại động của các vị, như khi tiếp một đoàn đại biểu quốc tế nào đó, tin đón ở sân bay, tin đến nhà khách chính phủ, tin hội đàm, tin chiêu đãi, tin mít tinh... tất cả chức tước của chủ và khách đều phải đưa ra bằng hết trong mỗi một tin! Chỉ khổ cho anh chị em ở ban thư ký tòa soạn, phải có một bảng liệt kê đủ mọi chức tước của các cụ để tỉnh táo dò lại cho thật kỹ. Một người đọc, một người dò, rồi nghe cứ như là tụng kinh lắp đi lắp lại không biết chán vậy! Người đọc báo, người nghe đài cứ như là bị tra tấn ở mắt, ở tai, ở thần kinh bởi: biết rồi khổ lắm, cứ nói lắp đi lắp lại hoài! Có lần tin hoạt động của ông Nguyễn Thanh Bình thiếu một chức trong 3 chức của ông, thế là văn phòng thành uỷ Hà nội gọi điện sang báo Nhân Dân "thăm hỏi" tại sao? Thủ trưởng chúng tôi bị mất chức trong ban bí thư rồi sao? Họ không thể chịu được rằng hai chức của ông là uỷ viên bộ chính trị trung ương đảng và bí thư thành uỷ Hà nội lại không đi kèm với chức bí thư trung ương đảng nữa! Thật là một kiểu kỳ mục cũ phải kể cho hết mọi chức và tước: ông Nguyễn Văn A, nguyên chánh tổng, đương kim chánh hương hội, hàn lâm thị độc, Kim tiền hạng 3, tòng cửu

phẩm văn giai... Còn chuyện thứ bực cũng thật phiền toái. Trong Bộ Chính Trị phải theo đúng trật tự từ số 1 đến số 13. Khi xếp hàng tiếp khách và khi in trên báo cũng thế. Dạo sau Đại hội 4 (năm 1976) ông Võ Nguyên Giáp bỗng nhiên lùi xuống sau ông Lê Đức Thọ. Thông tấn xã điện hỏi báo Nhân Dân ai quy định vậy. Báo Nhân Dân trả lời: đây là chỉ thị của trên, từ nay cứ như thế. Rồi đột nhiên ông Tố Hữu đầu năm 1982 được xếp trên ông Nguyễn Văn Linh, lại được giải thích: đây là quy định của trên, ông Linh sắp ra khỏi Bộ Chính Trị rồi, chỉ còn phụ trách Tổng công đoàn thôi?

Sự xếp đặt tôn ti trật tự kiểu kỳ mục cũ, ngồi chiếu trên, chiếu dưới, an phần tiên chỉ ở đình làng, không phải chỉ áp dụng cho người vẫn sống mà còn dùng cho những người chết, cho những thây ma nữa?

Bùi Tín

Mặt Thật

Tôn ty trật tự cho những xác chết

Ông Trần Tử Bình từng được Đảng cộng sản Việt nam coi là một công thần của đảng. Ông xuất thân từ phu đồn điền cao su Phú Riêng, Nam Bộ, lãnh đạo phong trào đấu tranh đòi quyền lợi của phu đồn điền từ hồi 1930, 1931. Ông bị tù đày đi Côn Đảo, sau Tổng khởi nghĩa 1945 ông vào quân đội, làm chính uỷ trường Lục Quân, về sau được bầu vào ban chấp hành trung ương đảng tại đại hội 3 (tháng 12-1960) rồi nhận chức vụ rất quan trọng: dại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước Việt nam Dân Chủ Cộng Hòa ở Bắc Kinh, thay cho ông Hoàng Văn Hoan vừa vào Bộ chính trị. Ông mất vì bệnh sau khi làm nhiệm vụ thắt chặt tình hữu nghị Việt - Trung gần 10 năm .

Lẽ ra ông được chôn cất ở nghĩa trang Mai Dịch, nơi dành cho những cán bộ được đánh giá là có công của đảng và nhà nước. Trong quân đội phải là cấp tướng mới được

nằm trong nghĩa trang ấy. Thế nhưng ông chỉ được nằm yên nghỉ ở Văn Điển, với dân thường. Có lẽ ông là uỷ viên trung ương đảng cực kỳ hiếm hoi bị thất sủng đột ngột. Lý do vì sao? Chẳng ai giải thích cả. Có người cho rằng vì ông bị kết tội là Mao-ít quá nhiều, quá nặng. Oan cho ông, vì điều lệ đảng từ năm 1951 ở Đại hội lần thứ hai trên Việt Bắc đã ghi rõ tư tưởng Mao Trạch Đông là cơ sở lý luận của Đảng lao động Việt nam kia mà! Hoặc vì ông không ép nổi phía Trung Quốc thực hiện cam kết từ năm 1963 rằng nếu Mỹ đụng vào miền Bắc bằng không quân, hải quân hay bộ binh thì Trung Quốc sẽ lập tức tham chiến bằng hành động và lực lượng tương đương, bằng máy bay, tàu chiến hoặc các sư đoàn chính quy tùy theo tình hình. Sau này ông Mao bị chất vấn, đã trả lời xuề xòa rằng: ấy, các đồng chí lãnh đạo quân sự của chúng tôi đã tỏ ra hăng hái quá đáng? (Theo lời kể của tướng Lê Quang Đạo với một số sĩ quan quân đội). Vong linh ông Trần Tử Bình vẫn có thể bình yên khi biết rằng ông Thượng tướng Chu Văn Tấn, con hùm Bắc Sơn, người sáng lập ra đội du kích Bắc Sơn hồi 1943 cũng không có chỗ ở nghĩa trang Mai Dịch. Ông chết ở quân y viện 108, lặng lẽ, không một lời cáo phó trên báo. Còn tệ hơn thế, khi gia đình ông đem bức ảnh thờ ông mặc quân phục với quân hàm thượng tướng,

3 sao vàng chóe trên nền kim tuyến, 20 huân chương và huy hiệu trên ngực thì liền bị một cán bộ của cục bảo vệ quân đội giật lấy, xé đôi và gọi ông là: tên phản bội? Tướng Đặng Kim Giang, phó chủ nhiệm Tổng chục hậu cần, trực tiếp đảm nhận việc tiếp tế hậu cần cho chiến dịch Điện Biên Phủ cũng vậy. Ông chết trong tù trước năm 1975, đám ma lèo tèo mấy chục người, không kèn không trống, không điếu văn! Các vị trên đây không hề bị xử ở tòa án nào, không ai bị tước quân tịch, nhưng vẫn bị coi như là phạm pháp! Rồi đây ai sẽ khôi phục danh dự cho các ông. Tôi cũng nhớ đến đám tang của nhà văn lão thành 73 tuổi giáo sư Phan Khôi ở Hà nội dạo nào, chỉ có 5, 7 người thân đi đưa đám.

Có chuyện ngược đời là nhiều nhà văn, nhà thơ, trí thức có tài, uyên bác, đóng góp khá lớn cho nền văn hóa, học thuật trong nước thì bị coi thường, khi mất lại bị phân biệt đối xử, cho nằm nghỉ ở Văn Điển. Tất nhiên nhiều vị có đức độ, không màng công danh, không đòi gì cho riêng mình, nhưng đây là điều phi lý trong xã hội. Một Đào Duy Anh, một Vũ Ngọc Phan, một Nguyễn Công Hoan, một Nguyên Hồng, một Nguyễn Quân, cho đến một tác gia Lưu Quang Vũ, một giáo sư Bùi Huy Đáp, một nhà nông học Lương Đình Của, một họa sĩ Bùi Xuân Phái, một họa sĩ

Nguyễn Gia Trí, một nhà nghiên cứu Bùi Công Trừng, kể ra còn có công lao và thành tích hơn biết bao vị nằm trong nghĩa trang Mai Dịch. Có lần một anh bạn nhà báo ở Sở Công An Hà nội cho biết, với giọng thoải mái ít thấy ở ngành an ninh:

- Ông ơi, báu gì cái nghĩa trang Mai Dịch mà nhiều ông cứ nhăm nhe để giữ chỗ. Ông có biết không? Khu đó ở gần nơi ở của nhiều đoàn văn công: Cứ đêm thứ bảy là các năm nữ tài tử họ vào trong ây để dở đủ các trò cho các cụ xem! Cả số học sinh trường thương nghiệp, trường đại học sư phạm cũng đèo nhau tới đó! Mai Dịch hay là dịch của ngày nay đó!

Rồi anh ta rỉ tai tôi:

- Xin báo để ông biết, một số người bất mãn không biết thổ lộ nỗi uất của mình ở đâu, còn chui hàng rào vào đó viết bậy rồi còn "bậy" cả lên mộ các cụ lớn nhất. Có một cụ lớn lắm, tôi không tiện nói tên, nhưng chắc là trù úm trong ngành tổ chức quá lắm nên bị đến mấy lần? Chỉ khổ cho anh em , gác ở đó, phải gánh nước đến rửa cọ làm vệ sinh, có khi còn phải gọi cả xe bơm nước của Sở vệ sinh thành phố đến dọn dẹp cả buổi nữa chứ! Các cụ nhà ta xưa nay thâm thúy thật, chúc nhau sau này được mồ yên, mả đẹp, để phúc đức lại cho con cháu được hưởng, quả là

đã từng có nhiều kinh nghiệm.
Trên báo Đảng đã có quy định rất tỉ mỉ khi có quan chức qua đời, ai được đăng ở trang nhất, ai ở trang tư. Ai được ở đầu trang, ai ở giữa trang, ai ở gần cuối trang. Ai thì có ảnh và tiểu sử kèm theo, ảnh cỡ bao nhiêu, tiểu sử dài bao nhiêu. Cho đến tên gọi cũng phân biệt. Vị này trở lên thì được gọi là Cáo Phó, vị kia trở xuống thì gọi là Tin Buồn. Cáo phó là tiếng Tàu, cao hơn, quý phái hơn tiếng ta nôm na, bình dân! Cho đến lời phát biểu trước mộ cũng phân chia ra là: Điếu văn là cao nhất, Lời điếu là trung bình, trích phát biểu là thấp hơn, không đăng gì hết là thấp nhất! Hồi năm 1978, 1979, thành uỷ và uỷ ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định giải tỏa Nghĩa Trang Mạc Đĩnh Chi, một số thư của nhân dân, trong đó có cả gia đình đảng viên tập kết ra Bắc trở về khiếu nại, can ngăn, gửi tới báo Quân Đội Nhân Dân. Chúng tôi chuyển những thư ấy đến văn phòng thành uỷ và ghi rõ: Nên cân nhắc rất kỹ, việc này không nên làm vì thất nhân tâm quá, sẽ để lại hậu quả xấu rất lâu dài vì nhân dân ta có truyền thống quan tâm đến mồ mả. . Nhưng việc đã quyết định, cứ làm! Theo quan niệm của một số người lãnh đạo cộng sản thì "ngụy" mãi là "ngụy", cả người sống và người đã chết, là công dân loại 2, hay không thể coi là công dân

được. Nhường chỗ cho công dân loại 1, và cả người chết cũng phải đời đi để đó chướng mắt quá! Trong nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi có mấy trăm ngôi mộ. Từ tổng thống, bộ trưởng, đại tướng, trung tướng của chế độ cũ đến viên chức, nhà buôn, trí thức, thường dân. Tất cả phải dời đi trong thời gian ngắn. Quá hai tháng thì nhà nước sẽ làm, ủi phẳng phiu để xây dựng công viên Lê Văn Tám cho thiếu nhi. Thế là các cháu thiếu nhi ngây thơ được kéo vào một việc làm thất đức, thất nhân tám, mù quáng, đúng bản chất của những người lãnh đạo cộng sản cực đoan, chủ quan, kiêu ngạo, mất hết tình nhân ái vốn là truyền thống của dân tộc. Theo họ, lãnh tụ cao nhất thì có lăng, các vị quần thần thì có nghĩa trang lớn, rộng, đầy hoa và cây thông, dán thường thì ở nơi xa, đất xấu, luộm thuộm, còn dân "ngụy" thì vứt đi, tống đi thật xa cho khuất mất! Đây còn là một kiểu trả thù trịch thượng và ngu đốt, tự chuốc thêm thù oán. Tôi được biết rõ ông Mai Chí Thọ là người đề xướng và rắp tâm làm việc này không chút đắn đo, trên cương vị chủ tịch thành phố. Nghe nói quỹ đen của thành uỷ thu được nhiều vàng từ một số mộ. Ông Mười Hương, phó bí thư thành uỷ hồi đó, sau ra Hà nội làm Phó bí thư Thành ủy Hà nội, sau này là Trưởng ban Tổ chức chính quyền, cũng rất hãng hái trong việc "di dân đã chết" tàn ác

này. ở Hà nội ông còn đóng vại chủ chốt trong chiến dịch X30, hồi giữa năm 1983, tịch thu một loạt nhà và xưởng tư nhân, trong đó có cơ sở của ông vua lốp Chẩm, của mấy anh lái máy bay và một thuyền trưởng ở làng Ngọc Hà, trên đường Nguyễn Du và phố chợ Hôm... Việc tịch thu không mảy may qua xét xử của tòa án, đến tận năm 1990 mới trả lại cho chủ cũ không một lời xin lỗi, sau khi đã tàn phá những cơ sở đó rồi. Phó bí thư thành ủy mà có quyền ra lệnh tịch thu nhà cửa của công dân, thật quả chưa ở đâu có. Tôi hỏi chuyện này một luật sư ở Hà nội vốn là chánh án tòa án nhân dân Hà nội đã nghỉ hưu. Ông ta lắc đầu, ngao ngán: thế là công dân Trần Quốc Hương tịch thu nhà của 30 công dân khác, theo đúng pháp luật mà nói là thế. Và cũng theo đúng pháp luật thì ông ta phải vào hỏa lò vì lạm quyền, hồ đồ, làm bậy! Cũng cần nói lên chính sách trả thù của một số người lãnh đạo ở đia phương đối với nghĩa trang. quân đội cũ ở giữa đường xa lộ từ Sài Gòn đi Biên Hòa. ở đây có cả ngàn mộ thuộc đủ các cấp từ binh nhì đến cấp tướng chết trong chiến tranh. Sau ngày 30-4-1975, khu vực này không còn được quản lý như trước nữa, ở trong hoàn cảnh gần như bị tàn phá, bỏ mặc cho gió mưa. Ngay từ hồi 1976, chúng tôi ghé thăm nơi đây gặp ông phó chủ tịch quận Thủ Đức còn rất trẻ và

góp ý rằng: nên duy trì và mở rộng việc bán hương nến và hoa cho bà con đến viếng mộ của thân nhân; rằng những ngày lễ Tết, chính quyền địa phương nên tạo điều kiện cho xe đò phục vụ thêm chuyến. Người đã chết rồi càng không nên phân biệt đối xử. Vừa qua cuộc chiến tranh mang tính chất huynh đệ tương tàn, nên có cách nhìn thoáng rộng để gắn bó con dân một nước thành một khối, mọi sự phân biệt đều có hại? Thế nhưng sau một thời gian, khu vực này càng xuống cấp một cách tệ hại. Đã đến lúc nhìn lại tất cả những đối xử theo kiểu "lập trường giai cấp" cứng nhắc, máy móc và cực đoan như thế, bắt cả những người chết cũng bị phân biệt đối xử và trừng phạt. một thái độ trái đạo đức mà cũng thiếu khôn ngoan! Lấy oán báo ân Một số vùng càn cứ cũ từng nuôi dưỡng cán bộ và một số đơn vị bộ đội trong chiến tranh cho đến nay vẫn ở trong tình trạng đói nghèo và lạc hậu. Những lúc khó khăn nhất, bà con mang tài sản ra cống hiến, có khi không kể đền mạng sông của mình. Đến nay những nơi xa xôi hẻo lánh ấy như hoàn toàn bị lãng quên.

Có những trường hợp còn tệ hơn thế, nghĩa là coi những người từng giúp đỡ mình như kẻ thù, đối xử với họ thật tàn nhẫn. Ví như trường hợp của linh mục Chân Tín và

ông Nguyễn Ngọc Lan. Tôi được quen biết hai ông từ khi tôi ở trong trại Davis đầu năm 1973, qua mấy nhà báo Pháp và Tây Đức. Linh mục Chân Tín rất quan tâm đến công bằng xã hội, đến hoàn cảnh bị đày đọa của tù nhân bị nhốt ở Côn Đảo ở khám lớn Sài Gòn, đặc biệt là anh chị em tù nhân cộng sản. Linh mục đã quyên góp nhiều tiền nong, áo quần, thuốc men để chuyển vào cho anh chị em bị tù ở khám lớn Sài Gòn, ở Côn Đảo và cả ở Phú Quốc nơi có hơn 2000 tù quân nhân, phần lớn sĩ quan và binh lính các đơn vị miền Bắc bị bắt trong chiến tranh. Linh mục đã đưa ra những kiến nghị sắc sảo đòi cải thiện chế độ lao tù, từ chỗ cấm chỉ nhục hình, tra tấn tù nhân đến chỗ khám bệnh, chữa bệnh, gửi thuốc men những người tù bị thương và đau ốm... Ông đòi cho tù nhân được thân nhân đến thăm nuôi, tiếp nhận thư từ gia đình gửi đến cũng như gửi thư của người lù về các gia đình họ... Linh mục cũng rất quan tâm đến cuộc sống của những tù chính trị. Ông Nguyễn Ngọc Lan khi còn là linh mục ở nhà thờ Kỳ Đồng cũng cố tìm cách liên lạc với đoàn đại biểu miền Bắc, biểu thị lòng mong muốn đất nước thanh bình, cả dân tộc được hòa hợp, phát huy nền văn hóa dân tộc phát triển giáo dục... Ông không dấu thiện cảm đối với những việc làm tốt ở miền Bắc hồi ấy như dạy ở các trường đại học bằng

tiếng Việt, công việc khảo cổ, việc xuất bản các sách quý của các danh nhân dân tộc... Ông rất mong nhận được những tạp chí chuyên ngành khoa học của miền Bắc. Ông cũng từng ra căn cứ của quân giải phóng ở Bến Lức để bàn về chánh sách hòa hợp. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, tôi lại có dịp gặp gỡ hai ông, nói chuyện khá lâu ở trong dinh Độc Lập.

Về sau, hai ông rất băn khoăn về chính sách triệu tập những sĩ quan và viên chức cũ đi "học cải tạo" quá lâu, "không khác chi bị bắt giam", xem chừng không ổn, không có lợi "trái với những điều quý ông đã nói trước đây", "làm xấu đi hình ảnh của nước mình với quốc tế ... Hai ông đều không có lập trường chống cộng mà chỉ là phê phán những sai lầm của đảng cộng sản. Linh mục Chân Tín kêu gọi những người cầm quyền hãy "sám hối", nghĩa là công khai thừa nhận sai lầm để sửa chữa, có khác gì điều mà những người cộng sản thường nói: thành khẩn tự phê bình để tiến bộ! Thế mà hai ông bị chụp mũ là kêu gọi giáo dân lật đổ chế độ, gáy rối, để rồi bị quản thúc suốt 3 năm! Ông Nguyễn Ngọc Lan gầy nhưng không yếu. Tinh thần ông rất khỏe khoắn, lại hóm hỉnh. Đọc hồi ký của ông có thể thấy rõ bản lĩnh sống của một người công giáo dấn thân cho dân tộc. Ông thường nhắc hai câu của Nguyễn

Trãi "Ung dung ta nói điều ta nghĩ, Cúi ngửa theo người quyết chẳng theo. Khi cán bộ công an đọc tập nhật ký của ông và tra hỏi thêm chi tiết, ông điềm tĩnh trả lời: "Không ai đọc nhật ký của người khác lại hỏi thêm chi tiết!". Khi họ hỏi vặn: bữa cơm ấy có những ai? Ông đáp: Tôi không quen tường trình về khách bạn của tôi. Khi họ chất vấn: sao ông lại gửi nhật ký ra nước ngoài? ông cười: Các ông tịch thu của tôi, nay tôi càng thấy gửi ra nước ngoài là đúng: (ông đã sao một bản để gửi đi từ trước khi bị bắt). Mấy cậu công an lo ngại: ở ngoài họ sẽ in! Ông lại cười mũi: không lẽ tôi viết để dành cho những người cưỡng đoạt nhật ký của tôi đọc một mình! Thật là khẩu khí bỡn cợt mà đĩnh đạc. Đến khi họ đưa bút, giấy, bắt ông khai thêm trên giấy tờ, ông đáp: Tôi sẽ không viết gì cả, 2000 trang nhật ký là quá nhiều rồi!

Họ bắt ông nói, tay họ sẵn sổ để ghi chép, ông vẫn cười gằn: Tôi không nói, tôi ở tư thế bị dí súng vào họng, không có tự do thì có gì để mà nói!

Cuối cùng cán bộ an ninh đấu dịu, nói với linh mục Chân Tín mời ông cộng tác với chúng tôi, chúng tôi sẽ giao ông việc lớn. Linh mục đáp: 3 bài giảng sám hối của tôi là cộng tác với nhà nước rồi đó chớ? Thú vị thật, hai vị mất quyền công dân, bị quản thúc lại tự do ăn nói, đàng hoàng tự tin

hơn bao giờ hết, còn những người cầm quyền trừng phạt họ thì bối rối, đuối lý và lép vế hẳn. Đối với một số vị cầm đầu đạo Phật cũng thế. Đảng và nhà nước xử sự tùy tiện, theo yêu cầu chính trị của riêng mình lừng lúc một, chưa bao giờ thật lòng tôn trọng tự do tín ngưỡng cả. Mấy lần đi qua Huế, tôi đều ghé thăm Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, người đã được mời tham gia Mặt Trận Giải Phóng từ Tết Mậu Thân 1968. Hồi 1987, Hòa thượng còn quắc thước khi đã hơn 80 tuổi, trông rất hiền, đẹp lão hai tai dày to, chảy dài xuống vai, đôi mát sáng mà dịu. Chữ Hán cụ viết rất cứng cỏi, lại có hoa tay. Cụ giải thích cho chúng tôi mấy câu đối chứ Hán treo ở trên chùa. Cụ thích nói chuyện văn thơ, từ thơ của vua Tự Đức đến thơ của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm. Khi nói đến chính trị thì cụ cứ lắc đầu hoài! Cụ than: tôi chán lắm, ngán lắm rồi. Ban tôn giáo của chánh phủ coi chúng lôi là trẻ nít. Họ cứ muốn bắt đạo Phật làm tôi mọi cho họ! Họ coi đạo Phật như là của họ, họ chọn người đặt lên đầu chúng tôi. Tôi ngán quá rồi. Rồi cụ mỉa mai là: Công giáo cũng có công giáo quốc doanh; Phật giáo cũng có Phật giáo quốc doanh, họ chia rẽ các tôn giáo để họ dễ cai trị!
Cụ nói trước: Dạo này sức yếu quá cũng vì tôi buồn cho đạo không có tự do! Nếu tôi có về chầu Phật tổ, tôi cũng

xin miễn trước là chớ có nhắc gì cái chức vụ họ giao cho tôi hồi Mậu Thân mà cũng xin nhà nước khỏi phúng viếng gì hết. Nếu có quý trọng tôi, chỉ xin để cho đạo Phật tui được tự do trong khuôn viên nhà chùa...

Cũng vẫn là chánh sách "lấy oán báo ân" của những người lãnh đạo cộng sản giáo điều và bảo thủ. Tôi đã gặp một ni cô rất trẻ người Huế từng dự phiên tòa ở Sài Gòn kết án lử hình đại đức Thích Trí Siêu, một trí thức cỡ lớn của đạo Phật. Cô kể: Lúc tuyên án, bọn lôi khóc ơi là khóc, vậy mà Ngài vẫy tay về phía chúng tôi, cười rất to, mặt rạng lên thiệt là lạ! Ngài nói: họ chà lên luật pháp, họ là kẻ gian, kẻ ác, mình quang minh thì sợ gì ai? Rồi ngài cười. Họ đâu dám giết Ngài!

Những người lãnh đạo mù quáng "còn lấy oán báo ân" với cả trí thức. Ngay ở trong đảng, trí thức vẫn luôn bị thành kiến, đảng viên trí thức cứ như là đảng viên loại hai? Còn trí thức ngoài đảng thì bị thành kiến nặng nề. Họ cũng bị coi như là công dân loại 2. Một câu chuyện tôi thường nhớ đến. Đó là sự cư xử của họ đối với ông Trương Đình Du. Các bạn từng ở miền Nam đều biết đến luật sư Trường Đình Du. Có dân ông đã ra tranh cử tổng thống, định đọ sức với trung tướng Nguyễn Văn Thiệu. Ông nổi tiếng là một trí thức ngay thật, liêm khiết, ông lên tiếng mạnh mẽ tố

cáo tệ tham nhũng của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, vạch mặt những cận thần chuyên ăn bẩn như tướng Đặng Văn Quang, người tin cẩn của tướng Thiệu. Đông đảo trí thức và học sinh, sinh viên ủng hộ ông. Thế rồi chính quyền Thiệu kiếm cớ bắt giam ông. Ông bị tù, bị buộc tội vu khống, nói xấu chính quyền... Ông có con trai là Trương Đình Hùng, học ở Mỹ, từng tham gia phong trào học sinh, sinh viên phản chiến ở Sài Gòn và ở Hoa Kỳ. Anh Hùng học giỏi, có cảm tình với Mặt Trận Giải Phóng, thường liên lạc với cơ quan đại diện nước Việt nam dân chủ cộng hòa ở Liên Hiệp Quốc đóng lại New York. Có vài lần anh Hùng đã gặp ông Đinh Bá Thi, đại diện của Hà nội ở New York. Chính vì chuyện ấy mà anh Hùng bị 7 năm tù giam ở Hoa Kỳ về tội "làm gián điệp cho Việt cộng" rồi bị trục xuất khỏi Hoa Kỳ, anh sang Hà Lan và hiện vẫn còn ở đó.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, tôi gặp luật sư Trương Đình Du trong một buổi nói chuyện do Hội Trí Thức yêu nước tổ chức ở đường Nguyễn Thông, Sài Gòn. Do uy tín của ông, có lần ông được cử làm tổ trưởng một tổ nghiên cứu về chính trì, hướng dẫn anh chị em thảo luận, ông còn nhiệt tình tham gia nghiên cứu một số chuyên đề kinh tế và luật pháp, theo yêu cầu của một số cơ quan các Bộ và uỷ ban nhân dân hành phố. Thế rồi, bỗng nhiên ông bị đưa đi an

trí? Anh chị em trí thức Sài Gòn sửng sốt. Một con người liêm khiết, trung thực, muốn hòa giải dân tộc, sao lại bị giữ? Tôi tìm hiểu ở Bộ nội vụ tại cơ quan đại diện phía Nam. Thì ra trong các năm 1977 và 1978, một số tổ chức chống đối bị vỡ, số bị bắt có người khai rằng nếu việc họ thành đạt thì sẽ giới thiệu ông Trương Đình Du ra làm tổng thống. Thế là những cái đầu hăm hở tóm cổ địch của cơ quan công an liền nhận xét: nó đây rồi! Nó đích thị là tay chân CLA cỡ bự nằm vùng rồi! Thế là ông bị giữ! Không có chứng cớ gì rõ cả nên hồ sơ không sao dựng nên nổi. Rồi ông bị bí mật đưa ra miền Bắc, không ai đưa ra một lời giải thích nào cả! Hè 1987, ông được họ cho trở về Sài Gòn trong tình trạng ốm yếu nặng. Ông mất năm 1991 trong niềm uất hận không nguôi, gia đình ly tán, nhà cửa và tài sản gần như tiêu ma.

Tôi nghĩ trong bản danh sách dài của những người tù chính trị còn lại, bên cạnh những bác sĩ Nguyễn Đan Quế, giáo sư Đoàn Viết Hoạt, các vị Thích Trí Siêu, Thích Tuệ Sỹ, cần nêu thêm tên luật sư Trương Đình Du từng bị giữ suốt mười năm mà không được xét xử. Đây có thể là một vụ án lớn, bắt người vô cớ, trót bắt rồi không dám đưa ra xét xử, để cho nạn nhân cao tuổi ốm yếu chờ chết . Người chết thì thôi không còn cãi được! Họ lập luận như vậy?

Bùi Tín

Mặt Thật

Một cụ già 50 tuổi

ở ngoài nước, khá nhiều người Việt nam biết đến Nguyễn Chí Thiện. ở trong nước, ngược lại rất nhiều người không biết anh là ai cả. Báo chí trong nước không hề nhắc đến anh, trong khi tin tức về anh, ảnh của anh, thơ của anh, trả lời phỏng vấn của anh và sách in gần 200 bài thơ của anh được phổ biến khá rộng ở ngoài nước. Điều rất tiếc là tuổi trẻ ở trong nước có thể nói cho đến nay, chẳng biết gì về anh cả! Cho nên xin được nói đôi điều về anh. Anh năm nay chừng 50 tuổi. Hơn 27 năm trong nhà lù của chế độ "Việt nam Dân Chủ Cộng Hòa, Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc" (!). Nghĩa là cả thời thanh xuân và trưởng thành của một con người ở trong 4 bức tường, với công việc gần như khổ sai. Anh mất hết, mất học vần, tuy 20 tuổi anh học cực giỏi, từng đọc sách nhiễu, thơ văn khá, tiếng Pháp nói và viết rất chuẩn. Mất nghề nghiệp, nay hỏi anh khi đã 50

tuổi anh làm nghề gì? Nghề ngồi tù! Mất hạnh phúc gia đình, không vợ, không con, 50 tuổi mà trông như cụ già 70, mắt mờ, đi lại khó, đau khớp, buộc óc, đau dạ dày, yếu tim, đủ thứ. Anh mất sức khỏe, mất tuổi trẻ. Mất quá nhiều thứ, mất hết cả đời người. Anh nói chậm, vì 30 năm không có bạn để trao đổi tâm tình.

Từ nhiều năm, tổ chức ân Xá Quốc Tế Amnesty International yêu cầu chính phủ Hà nội trả tự do cho anh. Người ta im, không trả lời. Coi như anh không có trên đời. Anh mới được ra tự do năm 1992, có lẽ họ chờ anh chết, nhưng tuy ốm và cực yếu, anh sống đai dẳng bằng nghị lực khác thường. Họ buộc phải trả tự do. Bất đắc dĩ, vì họ rất sợ anh. Một anh bạn ở lâu năm trong ngành luật ở Hà nội sang Paris gặp tôi, nói về chuyện anh được tự do, nhận xét: họ buộc phải thả anh Thiện là do sức ép của quốc tế. "Các cụ bị bóp..: (xin lỗi bạn đọc, tôi viết rõ nguyên văn) dái nên mới phải nhả ra đó! Cũng như Cam Bốt cũng thế? Không thì chớ hòng!

Anh là một quả bom "nổ chậm" đối với họ. Ai biết rõ chế độ lao tù cộng sản Việt nam bằng anh? Cả đời anh là hiện thân của một chính sách độc đoán tàn ác mất hết tính người. Anh là hiện thân của một bản cáo trạng lên án chế độ mà không ai bênh vực nổi nữa. Cuộc đời anh khơi dậy

sự phần nộ, sự căm giận, sự khinh bỉ đối với cả một chế độ đang suy tàn.

Tội anh là gì? Theo một nguồn chưa đầy đủ cậu học sinh Hải phòng rồi Hà nội (trường Albert Sarraut) ấy từng đọc Voltaire, Victor Hu go, Diderot, Jean Jacques Rousseau... và hiểu tự do quý giá ra sao. Anh khoái đọc những tờ Giai Phẩm đầu năm 1956, chuẩn bị ra tờ báo Vì Dân thì đầu năm 1958 anh bị bắt. Các vị ở sở công an Hải Phòng không thể chịu nổi một cậu học sinh non choẹt dám nói là nước ta chưa có tự do. Rằng các ông độc đoán! Rằng quyền ăn nói là vốn có của mỗi người khi sanh ra trên đời, không thể bị lược đoạt! "Một tên phản động bướng bỉnh!" Thế là anh bị coi là phần tử cực kỳ nguy hiểm! Và anh được gửi lên Hà nội. Lại khẩu cung, lại: ông nói ông nghe, tôi nói tôi nghe. Họ, các quan chức an ninh, không chịu anh, tất nhiên! Còn anh, anh không đầu hàng họ. Anh tự tin, và tin ở chân lý. Đã có lúc họ định xử án để bỏ tù anh. Nhưng chẳng có một bằng chứng gì về bất cứ một hoạt động gì của anh cả. Một gia đình nhà giáo, cầu học sinh say mê đọc sách, học giỏi, ít giao du, moi đâu ra tội? Tạo đâu ra chứng cớ. Đem ra xử thì chỉ cãi lý, mà họ không có lý.

Sau gần 20 năm giam anh, chế độ "cho" anh tự do vào

năm 1978, không xét xử, không xin lỗi, chỉ đe và dọa: về nằm yên, ngo ngoe là chết! Anh không nằm yên. Anh chép lại vào vừa đúng 192 bài thơ làm trong gần 20 năm. Đưa cho bạn bè thì dễ lộ, bị tịch thu, bị hủy. Anh nghĩ mãi, phải gửi ra nước ngoài. Hải Phòng là cửa biển, nhưng không một chiếc tàu nào đi ra một nước có ít nhiều tự do. Chỉ đi Tàu, đi Nga. Anh liền lên Hà nội, đi qua ngôi nhà của Đại sứ quán nước Anh. Đi thẳng vào, đưa cả tập thơ cùng một lá thư. Anh bị công an bắt. Lúc ấy là tháng 4 năm 1979. Họ lại bỏ tù anh, vẫn không xét xử, trong hơn 10 năm nữa. Đến tháng 10 năm 1991 anh được tự do. Sứ quán Anh nhất định không trao tập thơ cho chính quyền Việt nam. Họ gửi về Luân Đôn. Và cuốn sách in 192 bài thơ của anh được chào đời, tên tác giả: Khuyết danh. Vì tránh để chế độ độc đoán có cớ để trả thù anh bức thư gửi kèm theo tập thơ, có câu: "Từ cuộc đời tan nát của tôi, tôi chỉ có một mơ ước: là được thấy đông đảo người hiểu rõ được rằng chủ nghĩa cộng sản là một tai họa lớn của loài người."
Nguyên văn tiếng Pháp: De ma vie, brisée, il ne reste quun seul rêve, cest de voi le plus grand nombre possible dhommes prendre conscience de ce que le communisme est ùn grand fléau de lhumanité.
Vũ khí chống chọi lại độc đoán là thơ. Anh viết dõng dạc

như một tuyên ngôn:
Giữa lao tù, bệnh hoạn, cơ hàn
Thơ vẫn bạn, và thừa dư sức bạn.

Anh nói rõ:

Thơ của tôi không có gì là đẹp
Như cướp vồ, cùm kẹp, máu, ho lao.
Thơ của tôi không có gì là cao
Như chết chóc, mồ hôi, báng súng
Thơ của tôi là những gì kinh khủng
Như đảng đoàn, lãnh tụ, trung ương
Thơ của tôi kém phần tướng tượng
Nó thật như tù, đói, đau thương
Thơ của tôi chỉ để đám dân thường
Nhìn thấu suốt tim đen phường quỷ đỏ...

Giọng thơ phẫn uất, hờn căm là do họ gây nên trong anh, ai cũng dễ thông hiểu điều ấy. Trong tù, anh suy nghĩ:

Từ vượn lên người mất mấy triệu năm
Từ người xuống vượn mất bao năm?
Xin mời thế giới tới thềm

Những trại tập trung núi rừng sâu thẳm
Tù nhân ở truồng từng bày đứng tắm
Khoai sắn tranh dành, cùm, bạn, chém, băm...
Đánh đập tha hồ, chết quẳng chuột gặm.

Anh có những bạn tù lên 8 tuổi:

Một tay em trổ. "Đời xua đuổi "
Một tay em trổ. "Hận vô bờ"
Thế giới ơi người có thể ngờ.
Đó là một tù nhân 8 tuổi

Anh tâm sự với mỗi người chúng ta:

Anh có biết giữa lao tù cay đắng
Rét không quần, không áo, đập hàm răng
Đói! Xương sườn xương sống trồi căng .
ốm không thuốc, thân tàn xem khó chúng
Tôi vẫn có những đêm dài thức trắng
Tạo vần thơ câm lặng anh ơi!

Nghĩ về anh, tôi bỗng muốn có dịp hỏi cựu thủ tướng
Phạm Văn Đồng: Ông nghĩ ra sao về người tù Nguyễn Chí

Thiện? Anh Thiện có lẽ trạc tuổi với Phạm Văn Dương con trai duy nhất của ông. Ông có biết trường hợp này không? Nay ông thấy chế độ cần đối xử với anh Thiện ra sao? Có thể có một lời xin lỗi không? Lương tâm ông có yên ổn không? Nếu không hối hận thì cả bài luận văn ông từng viết về Nguyễn Trãi, xin hủy đi cho, xem như không có, vì ông không còn một chút tư cách nào để nói đến tấm lòng kiên dung vằng vặc và lòng nhân ái cao sâu của Nguyễn Trãi cả.

Bùi Tín

Mặt Thật

Chú rể ở tuổi 62

Cuộc đời tan nát của anh thanh niên Nguyễn Chí Thiện từ tuổi 20 đến tuổi 50 làm tôi nhớ đến một câu chuyện khác. Đó là chuyện đời anh đại tá Nguyễn Cận, nhiều cán bộ trong quần đội miền Bắc biết đến. Anh người Nghệ An, học trường Quốc Học, Vinh, vào bộ đội ngay sau cách mạng tháng tám. Anh là đại đội trưởng, rồi tiểu đoàn trường ở trung đoàn 57. Là học sinh tiêu tư sản, anh có khá nhiều tài. Chơi đàn ghi ta, hát hay, đá bóng khá, rất chăm đọc sách văn học tiếng Việt và tiếng pháp. Hồi 1954 anh là trung đoàn phó ở sư đoàn 304.

Chuyện gia đinh anh mang bi kịch lớn cho anh, anh có vợ từ khi hơn 16 tuổi, do gia đình gán ghép theo kiểu phong kiến. Vợ anh bơn anh 3 tuổi, nhà khá giả ở nông thôn, một mắt bị hỏng vì đậu mùa hồi nhỏ. Anh rất buồn vì không có tình yêu. Chi bộ anh (anh vào đảng hồi 1948) quản rất chặt

chuyện này. Chuyện bỏ vợ bất cứ vì lý do gì bị coi là vô đạo đức. Chính uỷ sư đoàn và quân khu khi có dịp lại "ngăn chặn tư tưởng xấu xuất hiện ở nơi anh, khuyên bảo anh nên yêu vợ để có con cho vui vẻ hai bên gia đình. Anh không thể thông, đành câm lặng, lấy bộ đội làm cuộc sống gia đình duy nhất. Năm 1960 trong khung cảnh hòa bình, được bạn bè góp ý anh làm đơn xin ly dị. Chi bộ lại họp, buộc anh phải rút đơn. Bà vợ lúc ấy đã làm cán bộ ở ngân hàng nhà nước viết đơn tố cáo anh có tư tưởng ruồng lẫy vợ, gửi cho Tổng Cục Chính Trị và cho hội liên hiệp phụ nữ. Việc làm "vô đạo đức này của một sĩ quan bị đưa lên mặt báo Phụ Nữ để phân tích. Người ta lên án anh là bị tư tưởng tư sản thâm nhập, chuộng hình thức, thích hưởng lạc... Anh ruột anh làm Bộ trưởng cũng khuyên can anh chớ tìm cách ly dị vợ, ông ta sợ ảnh hưởng đến mình! Tổng cục chính trị nhận được thơ của Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ Việt nam yêu cầu Tổng cục phải giáo dục cán bộ của mình, ngăn chặn việc làm sai trái, nhất là Nguyễn Cận đã là một đại tá.

Bà vợ nghĩ rằng tuy chồng mình không yêu mình, nhưng rồi ngăn chặn tất cả ngả đường, rồi thì tổ chức sẽ buộc chồng mình vào khuôn phép. Anh có chạy đằng trời! Đảng, Hội phụ nữ, Quân đội đều bênh vực chị, lo gì chị chẳng

thắng. Thế rồi một lần ra họp ở Hà nội, anh làm quen, mến rồi yêu một chị cán bộ làm ở báo Nhân Dân. Bà vợ biết được càng lồng lộn tố cáo với đơn vị của anh, báo cáo với Tổng cục chính trị, với Hội liên hiệp phụ nữ. Anh bị bủa vây, bị kiểm soát thư từ, bị cầm chân ở phía Nam. Bà vợ anh quyết phá cho bằng được, dù ông ta không còn là của bà thì "bà cũng không cho chúng nó có hạnh phúc với nhau?" Bà quyết phá đến cùng.

Cả cơ chế cũng ủng hộ bà. Những người thông cảm với anh chỉ còn biết an ủi anh, thương hại cho anh. Anh phải gánh chịu một tình hình phi lý từ thời phong kiến, được chế độ "cách mạng" duy trì một cách độc ác và phi lý, nhân danh nhân dân, nhân danh "chủ nghĩa xã hội ưu việt". Đến tận năm 1986, khi làn gió đổi mới từ Liên xô thổi đến, làm lung lay chút ít chế độ độc đoán già nua, anh mới ly dị được bà vợ khôn ngoan và đáo để. Lúc này anh đã 62 tuổi, bắt đầu bị bịnh Packinson, hai bàn tay bị run, tóc đã bạc trắng hơn nửa mái dầu. Người yêu của anh, chị Hà Hoa nay là Trưởng Ban biên tập về lưu thông phân phối của báo Nhân Dân, cũng đã 56 tuổi! Anh nhận công tác quân sự ở Tổng cục dầu khí tại Vũng Tàu. Chị xuống với anh sau mấy tháng ốm khá nặng, dạ dày và thần kinh đều có vấn đề! Anh và chị tổ chức một bữa an thân tình với

mấy bạn bè gần gũi, coi như một đám cưới trễ tràng. Chị ở với anh được hai tuần rồi ra Hà nội làm việc. Hai tháng sau chị lại phải vào viện; anh hằng ngày đến thăm chị, tình nghĩa đằm thắm. Được hơn 1 tháng thì chị mất.
Anh chị em ở báo Nhân Dân đi dự đám tang của chị Hà Hoa với tất cả lòng xót thương và ái ngại cho một đôi vợ chồng gian truân suốt hơn 20 năm trời thương yêu nhau mà vẫn buộc phải xa cách, vẫn mặc cảm tội lỗi. Để rồi khi được thuộc về nhau thì người đã 62, người đã 56, tuổi về hưu? Và hạnh phúc vợ chồng ngắn ngủi có máy tháng trời trong cảnh cả hai đều đau ốm...Trong khi anh Nguyễn Cận lẻ loi, cô độc, trên thực tế không có vợ, không có hạnh phúc gia đình suốt hơn 40 năm thì các cụ lớn, từ cụ Ba đến cụ Sáu đã có đến hai bà, chưa kể đến các bà "dự bị", và con gái cụ Ba còn được khuyến khích có thêm chồng Nga ở nước Nga... thật là cảnh khủng hoảng thừa ở trên, khủng hoảng thiếu ở dưới. Mà lại dưới, không phải là quá xa, ở ngay tầng lớp cán bộ trung cao thôi. Vẫn có những thước đo khác nhau cho mỗi tầng lớp! Trước đây, những người lãnh đạo của đảng thường giải thích rằng tất cả những thiếu thốn, đau khổ của nhân dân đều bắt nguồn từ thiên tai và địch họa, đều là do kẻ thù là phong kiến, đế quốc và bọn phản động gây nên, còn tất cả những gì là tốt

đẹp, là hạnh phúc đều là do đảng đem lại. Vậy thì trong bi kịch làm tan vỡ hạnh phúc lứa đôi ở trên, rất tiêu biểu cho chế độ, nguyên nhân đau khổ của con người từ đâu? Từ địch họa nào? Nếu không phải từ một chế độ nói thì hay, nhưng về bản chất là độc đoán, chà đạp lên quyền sống tự do của con người! Phải chăng bi kịch bắt nguồn từ bản chất nông dân thiếu văn hóa và trí tuệ của những người lãnh đạo. Họ nói luôn mồm đến "cách mạng" nhưng trên thực tế lại duy trì sự lạc hậu triền miên của đất nước, giam hãm xã hội trong cảnh thiếu tự do kéo dài về mọi mặt?

Bùi Tín

Mặt Thật

Bề rộng của nỗi khổ đau

Thoạt nhìn bề nổi thì ở Việt nam, dưới chính quyền cộng sản, hình như không có những vụ thanh trửng nội bộ ác liệt những vụ chủ tâm giết hại hàng loạt người như ở Liên xô thời Stalin, như ở Cam bốt thời Khờ me đỏ. Hơn 10 triệu người bị giết và bị đày ải ở Liên xô. Những vụ xử bắn hàng loạt. Hơn một triệu người bị đập vỡ sọ, bị giết bằng dao, gậy, cuốc, xẻng, bị chôn chung trong những hố đất, bị vứt xuống ao, xuống sông trong những nấm từ 1975 đến 1978 ở Cam Bốt . Năm 1993 ở Liên xô, báo chí Moscou lại đề cập đến vụ án "Những bác sĩ giết người trong điện Kremlin" hơn 40 năm trước. Người ta nhắc lại rằng hồi ấy, báo Pravda đăng thông báo của Bộ nội vụ Liên xô cho biết vừa khám phá ra một vụ án cực lớn của những kẻ mặc áo blu-dơ trắng. Đó là những bác sĩ ưu tú, tài giỏi, làm nhiệm vụ ở bệnh viện đặc biệt trong điện Kremlin chuyên chữa trị

cho các cán bộ cao nhất của Liên xô, từ Maxime Gorki, Andréi Jdanov cho đến chính Stalin. Phần lớn họ là người gốc Do Thái. Đó là các giáo sư bác sĩ: Vovsi, Kogan, Fieldman, Grinstein, Elinguer... Về sau người ta mới biết rõ rằng người đứng ra tố cáo vụ án này là nữ bác sĩ Lydia Tymachouk, được Stalin ký ngay lệnh ban thưởng Huân chương Lénin. Chính Stalin mớm lời cho Lydia vu cáo dựng đứng vụ này, tố điêu rằng họ đã cố tình giết Andréi Jdanov, ông trùm tư tưởng tay chân đắc lực của Stalin và đang định ám hại lãnh tụ tối cao Stalin nữa... Tất cả các giáo sư bác sĩ tài giỏi ấy đều bị xử bắn, và từ đó mở ra những cuộc khủng bố tàn sát những trí thức nổi tiếng gốc Do Thái. Tội ác sinh ra từ người lãnh đạo cao nhất như thế đó!

Cũng lại tháng 4-1993 vừa rồi, ở Mỹ, người ta chính thức hồi phục danh dự cho vợ chồng hai nhà bác học Mỹ Ethel và Julius Rosenberg, cũng người gốc Do Thái, bị buộc tội hồi ấy là làm gián điệp cho Liên xô, cung cấp những bí mật về phát minh khoa học liên quan đến qui trình chế tạo bom nguyên tử. Hai vợ chồng nhà bác học bị tòa án liên bang Hoa Kỳ kết tội tử hình vì phản quốc và bị ngồi ghế điện ngây 19 tháng 6 năm 1953, cách đây vừa 40 năm tròn. Vụ giết người này đo cánh cực đoan Mac Carthy trong chính

quyền Mỹ đạo diễn, bịa đặt ra nhằm kích động tinh thần chống cộng, chống Liên xô, khủng bố những người Do Thái tiến bộ. Nhân dịp này, báo Mỹ đưa ra lời tuyên bố của phó chưởng lý Tòa án Liên Bang hồi ấy Rơy Cohn, chỉ rõ là không có một bằng chứng nào xác đáng để có thể kết tội hai nhà bác học nói trên. Người ta còn nhớ rằng trong vụ này, giáo hoàng Pie XII, nữ hoàng nước Anh, tổng thống Pháp Vincent Auriol và hàng trăm trí thức cỡ lớn của thế giới lên tiếng đòi hủy án tử hình hai nhà bác học ấy mà không có kết quả! Hiện đang có dư luận mạnh mẽ đòi tổng thống Clinton và quốc hội Mỹ chính thức ra lệnh xét lại hồ sơ của vụ án và chính thức minh oan cho hai vợ chồng Rosenberg, dù cho vụ này xảy ra đã 40 năm.

ở Việt nam bề rộng và bề sâu của những nỗi khổ đau và oan ức dưới chính quyền của đảng cộng sản không phải là ít. Những người lãnh đạo cố che dấu, ỉm đi, cho qua tất cả. Họ rất sợ dư luận nhân dân và dư luận quốc tế. Đã vậy, họ luôn tự do tự đại, nói lấy được: Không có gì phải xem xét lại hết! Các vụ án cũ đều đã được xử nghiêm minh, chính xác công bằng. Cho đến nay họ vẫn giữ một cách nói trịch thượng: sau 30-4-1975, việc triệu tập những người trong chính quyền và quân đội cũ đi học tập cải tạo là cần thiết, lại còn là quá nhân đạo nữa! Tội họ là tội đáng chết, đáng

tù cả? Cho sống là may rồi! Không có truy tố ra tòa án là may rồi? Còn đòi hỏi gì nữa? Nay tất cả đã được ra tự do, còn được cho phép xuất ngoại sang Hoa Kỳ theo chương trình H.O. nữa rồi, thế là quá nhân đạo rồi chớ! Họ vẫn còn có thể nói những điều vô lý, ngang ngược như trên là vì dư luận trong nước vẫn còn e dè, nể sợ uy quyền của họ, vì dư luận nước ngoài chưa hiểu rõ và phê phán đến mức cần thiết. Họ vẫn núp sau nguyên lý về chủ quyền quốc gia, người nước ngoài không được can thiệp vào công việc nội bộ các nước để trốn trách nhiệm.

Các trại học tập ấy có thật là trại học tập không? Hay thật ra là hệ thống trại giam, tất cả đều trực thuộc Cục quản lý trại giam của Bộ Nội vụ, mà thủ trưởng hồi 1975 là thiếu tướng Lê Phú Qua.

Phương pháp học tập ấy ra sao? Nếu là học tập thì người học có quyền tự do tư tưởng, có quyền thảo luận dân chủ. Thế nhưng khi người học không thông, nói ý kiến của mình khác với người lên lớp thì liền bị biệt giam, bị cùm chân, có khi cùm chéo chân một kiểu cực hình tàn ác Đó có thể gọi là học tập bình thường không? Chính quyền thường khoe rằng chế độ học tập cải tạo rất nhân đạo, học viên được gia đình thăm nuôi, được chăm sóc thuốc men, được lao động để tự cải thiện đời sống. Vậy số người chết

trong trại do đau yếu không được chăm sóc, như ông Phan Huy Quát như luật sư Trần Văn Tuyên, như nhà văn Nguyễn Mạnh Côn... là bao nhiêu người? Tỷ lệ nữ... là bao nhiêu? Và có bao nhiêu người bị ốm nặng, gần chết thì được họ cho về nhà để... chết, như ông Hồ Hữu Tường, như nhà thơ nổi tiếng Vũ Hoàng Chương? Những người lãnh đạo của đảng cộng sản còn chống chế rằng không thể có cách làm nào khác để giữ gìn trật tự an ninh vì đã có những mầm mống chống đối, gây hỗn loạn, sau đó lại có xung đột với Khờ me đỏ ở Cam bốt, rồi tiếp nữa là chiến tranh với Trung quốc, rồo những âm mưu của các tổ chức Hoàng Cơ Minh, Võ Đại Tôn... nên không thể không có biện pháp quản lý chặt chẽ những mầm mống nổi loạn ấy.

Cần có một cuộc thảo luận rộng rãi trong xã hội để làm rõ vấn đề này: phải chăng có thể có một cách đề cập khác, một giải pháp khác, một cách làm khác, đối với hơn 200 ngàn viên chức và sĩ quan thuộc chế độ cũ đã bị bắt buộc ở tù từ 2,3 năm đến 13, 14 năm?

Cách làm khác ấy có thể tạo nên một cuộc hòa giải và hòa hợp dân tộc rộng lớn được không? Có thể tận dụng sớm được trí thức, hiểu biết, kinh nghiệm của những đối tượng ấy cho công cuộc xây dựng đất nước không? Từ đó có thể

tranh thủ sâu sắc hơn số người đông đảo ấy trên tinh thần dân tộc, đoàn kết dân tộc và phục vụ dân tộc được không? Có thể giảm bớt rất nhiều những chết chóc đau khổ, ốm đau, thiệt thòi cũng như nhưng đỗ vỡ có tính chất bi kịch gia đình của số người đông đảo ấy không?

Tóm lại có thể có một chính sách khôn ngoan, sáng suốt và nhân đạo hơn là chính sách đã thực hiện hay không? Tôi tin chắc là có, ngay từ những tuần lễ sau 30-4-197 tôi đã đến các trại giam các viên tướng Sài Gòn ở trại Quang Trung. Tôi đã đến trại Long Thành, các trại ở Long An, Cần Thơ, Hàm Tân, Quảng Ngãi, tôi cũng đã đến trại Tân Lập, Tuyên Quang, rồi mấy trại ở Hà Nam Ninh, Thanh Hóa. Tôi đã hỏi chuyện hàng trăm cán bộ quản giáo. Tướng Lê Phú Qua đã mời tôi dự nhiều cuộc họp của cán bộ quản giáo toàn quốc (từ 1978 đến 1983). Tôi cũng đã hỏi chuyện hàng trăm đối tượng cải tạo, từ gần 40 viên tướng, các bộ trưởng, thứ trưởng, người lãnh đạo các đảng phái cho đến những sĩ quan và hạ sĩ quan... Có người đã nói thẳng với tôi rằng: thà rằng quý ông lập tòa án để xét xử một cách hợp pháp, chớ đày đọa bọn tôi như vầy thì vô lý quá, không ai biết còn ở tù bao lâu nữa! Cũng có người nói: đây là việc rất thất nhân tâm đối với mỗi người chúng tôi, đối với cả gia đình, bè bạn chúng tôi;

người thắng trận mà làm thế này thì chỉ nhận được thêm hận thù mà thôi! Có người cho rằng bên Pháp sau khi ông De Gaulle thắng, giải phóng được nước Pháp họ ân xá hết mọi người Collabo (người hợp tác với Đức). Họ xử ông Pétain, tuyên án tử hình mà rồi giảm án, cho ông ta ở cả một lâu đài, vì tuổi cao cho đến khi ông ta chết. Chỉ những kẻ tội phạm giết người mới bị truy tố và xét xử theo luật pháp hẳn hoi...

Có người gặp tôi, chân thành phàn nàn, chúng tôi học đâu có vô. Vì lo ở nhà vợ con cực khổ quá chừng. Cũng có người phàn nàn về mấy cậu quản giáo: có một anh trung úy lên lớp cho chúng tôi, khoe rằng Liên xô tài giỏi, giúp cho Việt nam một thứ tên lửa rất tân kỳ, tên lửa đó nằm phục trong mây, không có màu sắc, khi máy bay Mỹ tới, tên lửa tự động phóng vào máy bay Mỹ, trúng tới cả trăm phần trăm. Tôi có học về nguyên lý tên lửa mà không hiểu nổi. Vậy mà đâu dám hỏi lại. Thì ra mấy cậu lên lớp không được bồi dưỡng, trình độ quá thấp, nói tùy tiện, lại còn có người ba hoa khoác lác đến thế! Sau này có mấy ông H.O. sang Mỹ cũng kể với tôi và phàn nàn y như thế. Một viên trung tá kể rằng một dân ở trại Long Khánh một quản giáo bắt được giấy chép thơ. Đây là mấy bài thơ Đường do anh bạn ở phòng khác chép cho. Thế là anh quản giáo tra hỏi,

ai chép thơ này? Đỗ Phủ là ai? Nó ở buồng nào? Khi anh này trả lời, thưa cán bộ, trong di chúc cụ Hồ có nói tới ông này, thì bị cự lại là, nói láo, dám đưa cụ Hồ ra nói giỡn à.

Tôi cho rằng việc đày đọa hàng trăm ngàn con người trong các trại học tập, thực tế là trại giam rất hà khắc, với việc học tập hình thức kiểu nhồi sọ, là một chủ trương thất đức, thật nhân tâm, mang tính chất trả thù, gây không biết bao đau khổ, chết chóc, tật bệnh, có khi cả tan vỡ gia đình, làm đau khổ cả đến vợ con, bố mẹ, thân nhân họ. Đây là một sai lầm lớn từ chủ trương đến thực hiện, xúc phạm truyền thống nhân ái của dân tộc, đầy ải không biết bao nhiêu con người, làm tăng thêm hận thù và cừu oán khôn nguôi. Những người lãnh đạo cộng sản một mực cãi lại nhận định ấy. Cần có những cuộc họp ở trong nước và trên trường quốc tế để làm rõ đúng sai, sáng tỏ, rút ra những kinh nghiệm bổ ích chung cho đất nước.

Bùi Tín

Mặt Thật

Cung cách ra một quyết định

Một trong những nguyên nhân phạm những sai lầm lớn nằm trong cung cách ra những quyết định ấy. Tôi cho rằng đây là một kinh nghiệm cơ bản của đất nước. Một quyết định đúng đắn trước hết phải là một quyết định được cân nhắc, đắn đo kỹ lưỡng, được suy tính chu đáo, bày ra nhiều giải pháp khả dĩ rồi chọn lấy phương án tối ưu. Muốn vậy, phải tập trung những chuyên gia giỏi trong lãnh vực ấy lại cần tham khảo kinh nghiệm của nước khác, cả kinh nghiệm thành công và thất bại. Đó là ý thức dân chủ, thái độ dân chủ của người có trách nhiệm ra một quyết định. Có ý thức dân chủ rồi chưa đủ. Lại còn phải có cơ chế bảo đảm dân chủ. Trong mấy chục năm qua, tình hình không phải như vậy. Trong chiến tranh, tuy chiến đấu gay go, căng thẳng, nhưng việc ra quyết định có phần giản đơn hơn là trong xây dựng đất nước thời bình. Trước hết

là cổ vũ tinh thần chiến đâu, nêu cao linh thần bất khuất của toàn dân tộc, kêu gọi lòng hy sinh của mỗi người. Truyền thống này đã có sẵn, chỉ cần khơi dậy. Ta chiến đấu trên đất nước ta, ta có chính nghĩa. Mọi trang bị, vũ khí được Liên xô, Trung Quốc... chi viện. Từ máy xay, tên lửa đến khẩu súng viên đạn, cho đến cả giày dép, mũ, thắt lưng... đều được giúp. Cho đến cả gạo, đường, thuốc men, thực phẩm cũng đều là từ nước ngoài kìn kìn chở về qua đường biển, đường sắt, đường bộ. Tất cả chỉ là xuân thu nhị kỳ cử các đoàn đi ký kết viện trợ, rồi tổ chức tiếp nhận, phân phối. Đạo đức trong sáng là phổ biến, hầu như không có tham nhũng, nên công việc ít phức tạp. Tất cả là vạch kế hoạch chiến đấu cho các mùa: Đông Xuân rồi Hè Thu ở chiến trường miền Nam... Việc quyết định thường là ở Bộ chính trị. Trung ương đảng ít họp. Quốc hội chỉ họp một cách hình thức, không có thảo luận, tranh luận. Cứ gần như lớp học nghị quyết!

Nếp làm việc thời chiến tranh vẫn hầu như không thay đổi trong hòa bình. Thời chiến, sinh hoạt phân tán. Mỗi. ủy viên Bộ Chính trị làm việc "tại gia"? Lại ở cách xa nhau. Mỗi nhà ở là một cơ quan lớn gồm có: văn phòng, thư ký, văn thư, trợ lý, bảo vệ, lái xe, quản lý, bác sĩ, y tá, truyền tin, liên lạc, tiếp phẩm, nấu bếp, phục vụ... Rồi vợ con,

thân nhân ở chung một chỗ cả. Trong Bộ chính trị cũng chỉ có Tổng bí thư và 1,2 đến 3 người nữa làm "hạt nhân lãnh đạo", có nghĩa là chi phối cả tập thể. Cá nhân Tổng bí thư đề ra theo "sáng kiến cá nhân" rồi trao đổi với 1,2 người gần gũi, thân cận, hợp ý nhau, thế là coi như xong. Các cuộc họp ít thảo luận, không có tranh luận thật sự, thường là xuôi chiều. Theo tính chất gia trưởng phong kiến, mọi người đều nể nang nhau, dĩ hòa vi quý, theo truyền thống "đoàn kết"? Vì không có ý thức dân chủ, lại không có cơ chế bảo đảm cho dân chủ nên dưới chờ trên ra quyết định. Đã có trên nghĩ rồi. Trên bao giờ cũng tài giỏi, sáng suốt... Dưới chỉ có ngồi học để ghi chép, quán triệt, chấp hành, thực hiện... Các buổi phổ biến nghị quyết, nhận định, các buổi phổ biến tình hình đều quy định chặt chẽ những ai đến dự. Và sau khi dự ở trên về lại họp cán bộ để phổ biến xuống dưới. Ai được nghe trên phổ biến và có nhiệm vụ phổ biến cho dưới luôn tự cho là nhân vật quan trọng, rất quan trọng? Vì tự cho mình là nắm được ý trên, của Tổng bí thư, của Bộ Chính Trị, của Trung ương để phổ biến cho dưới.

Cả bộ máy của đảng là thế. Trên suy nghĩ, làm ra quyết định vâ nghị quyết. Dưới tiếp nhận. Cứ trên "mớm" đến đâu lại về "nhả" ra cho dưới đến đó. Hàng tuần, đó gọi là

các cuộc "giao ban". Ghi chép "giao bạn" kín hàng chục, hàng trăm cuốn sổ như vở học sinh. Khi ghi chép, vẻ mặt luôn tỏ ra quan rong. ổ biến xuống dưới thì dưới chỉ có úếp thu và chấp hành. Kỷ luật đảng là vậy Nghị quyết là công trình tập thể, không thề thiếu sót và sai lầm. Họ bắt buộc các cấp phải nghĩ như vậy!

Do cách làm việc còn mang tính chất thủ công, lạc hậu, lại chủ quan tự mãn nên có những vấn đề quốc gia cực lớn, một thời gian dài không có ai quản cả. Ví dụ như vấn đề quân số, nghĩa là vấn đề tổng số quân đội. ở các nước, đây là một số liệu then chốt, liên quan đến chính trị, kinh tế, ngân sách, quốc phòng... phải do Tổng thống, Quốc hội, ủy ban Quốc phòng, Hội đồng nhà nước, hoặc Hội đồng an ninh hoặc nội các quản. Tôi tìm hiểu vấn đề này từ năm 1985, sau khi tham dự một chuyến đi của đoàn đại biểu quân sự cấp cao do Bộ trưởng quốc phòng cầm đầu tham ấn Độ và Indonesia. Tại đó họ rất chú trọng đến tỷ lệ tổng số quân đội tại ngũ trên tổng số dân. ở ấn Độ là 1 triệu trên 720 triệu (l/720); ở Indonésia là 0,8 triệu trên 180 triệu (chừng l/150); ở Việt nam lúc ấy là 1 triệu 6 trên 62 triệu (chừng l/40); còn ở Trung Quốc lúc ấy là 4 triệu/1000 triệu (chừng l/250). Như vậy là so sánh tỷ lệ cực kỳ hệ trọng này của quốc gia thì Việt nam đứng đầu, vượt xa các

nước khác, cao gấp hơn 6 lần Trung Quốc, gấp 4 dân Indonesia và gấp 18 lần ấn Độ. Tỷ lệ trung bình của thế giới là 1/100. Ai cũng biết Nhật và Cộng hòa Liên bang Đức có tỷ lệ này cực kỳ thấp, do bị cấm không được xây dựng lực lượng quân sự tiến công sau chiến tranh thế giới dân thứ 2, nên họ đã phát triển vượt bậc về kinh tế, với một ngân sách quân sự không đáng kể, dưới 1 phần trăm ngân sách quốc gia. Tôi đã dựa vào niên giám quân sự của Viện nghiên cứu chiến lược Anh ở Luân Đôn vào năm 1984 và 1985 để thống kê tỷ lệ nói trên của các nước Đông Nam á gửi cho Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh và viết 1 bài báo nói đến tỷ lệ cực kỳ hệ trọng này. Thế nhưng việc giảm quân số chỉ được chú ý từ năm 1989 mà lại thực hiện rất nửa vời vì việc giải ngũ binh sĩ gặp khó khăn. ở nước ta, không 1 đại biểu quốc hội nào nghĩ đến tỷ lệ này, và không một ai chất vấn hay lưu tâm chính phủ về vấn đề này cả.

Nhiều lần theo dõi các phiên họp của Quốc hội ở Ba Đình, có lúc tôi cảm thấy thương hại cho các ông nghị nước ta. Tội nghiệp cho họ! Họ được chính phủ cho biết điều gì thì được biết điều ấy. Họ chẳng bao giờ hỏi han, chất vấn hoặc nêu lên vấn đề để tranh luận. Họ đến hội trường rất thụ động, như đến lớp học vậy. Các cuộc thảo luận ở tổ,

đại biểu mỗi thành phố hay tỉnh lớn hoặc đại biểu ở 2,3 tỉnh nhỏ họp thành một tổ rất xuôi chiều. Mà quốc hội chỉ họp xuân thu nhị kỳ, mỗi năm hai lần, mỗi lần hơn 1 tuần lễ! Tôi quan sát thấy có đến quá nửa số đại biểu suốt nhiệm kỳ 4 năm không hề đứng dậy phát biểu một dân nào ở hội trường? Bao giờ cũng là các tổ trưởng, người đứng đầu các tỉnh, thành phố, khu vực phát biểu theo kiểu tham luận tập thể. Rất hiếm khi một đại biểu nói lên ý kiến cá nhân. Cho đến cuộc thảo luận về Hiến pháp mới năm 1990 và 1991 có sôi nổi đôi chút nhưng vẫn không phản ánh ý kiến rộng rãi của nhân dân, của xã hội!

Tôi hỏi chuyện khá nhiều vị đại biểu quốc hội. Họ không biết gì đến sự kiện Tết Mậu Thân 1968 khi cuộc tiến công đó nổ ra. Mãi đến tháng 6-1968 họ mới được thông báo, không khác gì người dân bình thường khác. Sự kiện cuối năm 1978 đầu năm 1979 tiến công vào lãnh thổ Cam Bốt, các đại biểu quốc hội cũng chẳng biết, vì bí mật quân sự. Điều này cũng chẳng có gì lạ. Vì trong quốc hội, có những thành phần mặt trận, là đại biểu Công giáo, Phật giáo, đạo Tin Lành có đại biểu nhà tư sản, đại biểu hợp tác xã, đại biểu một số dân tộc thiểu số... Họ chỉ được coi là đại biểu quốc hội loại 2, loại dự bị, làm trang sức cho chế độ hơn là làm đại biểu quốc hội thật sự!

Tôi cứ nghĩ, nếu có nền nếp dân chủ thì các cuộc họp quốc hội sẽ diễn ra sôi nổi và bổ ích bao nhiêu! Sẽ có những cuộc chất vấn nghiêm chỉnh về các vấn đề cơ bản, tránh được những sai lầm kéo dài. Như vấn đề "Tù binh Mỹ và người Mỹ mất tích trong chiến tranh", các đại biểu quốc hội cũng ù ù cạc cạc như người dân thường. Hồi 1988, khi tôi xuống thành phố Nam Định, một đại biểu quốc hội hỏi tôi: ta đã trao trả hết chưa hay còn giữ lại làm "vốn" để mặc cả với phía Mỹ? Họ cho rằng một quan chức ở báo Nhân Dân ắt phải biết rõ hơn là một đại biểu quốc hội! Tôi đã trả lời theo sự hiểu biết của tôi là đã trao trả hết với mục đích hồi ấy là để tiếp nhận được nhanh, gọn tất cả người của ta bị phía bên kia giam giữ.

Có một dạo quốc hội bàn tán sôi nổi về vấn đề thi tuyển chọn quốc ca mới. Nếu tôi không nhầm thì đó là vào 2 năm 1983 và 1984. Ông Trường Chình, lúc ấy là Trưởng ban Thường vụ Quốc Hội, rất hăng hái đề ra chủ trương này. Lý do là đất nước đã thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, nên cần quốc ca mới. Lý do được giải thích thêm trong đảng là vì tác giả quốc ca cũ - nhạc sỹ Văn Cao- có dính đến "bọn phản động Nhân Văn Giai phẩm" hồi 1956, 1957 nên cần thay đổi. Nhạc sĩ Văn Cao đã từ lâu không được mời dự buổi khai mạc các kỳ họp quốc hội

ở Hội trường Ba Đình là vì lẽ đó

Khi vấn đề này được đặt ra, có đại biểu quốc hội (tôi không còn nhớ tên) phát biểu rằng: quốc ca các nước thường xuất hiện trong một cao trào cách mạng của quần chúng, như bài quốc ca Pháp "La Marseillaise", như "Tiến quân ca" của Việt nam. Thật khó mà làm quốc ca trong phòng kín, trong một cuộc thi tuyển kiểu này?

Lập tức ông Trường Chinh phê phán là chưa làm đã mang tâm lý thất bại! Cứ làm rồi sẽ thấy kết quả và thành công to lớn! Rồi ta sẽ có quốc ca rất hay, rất hào hùng cả về lời và nhạc, cả về chính trị và nghệ thuật! Để dẹp tan số người phản đối và dè dặt, ông đứng dậy ở giữa phiên họp quốc hội, hỏi lớn: "Tôi lấy biểu quyết, ai về phe phản đối làm quốc ca mới, giơ tay!". Thế là im re. Nghị quyết được thông qua một cách rất "dân chủ tập trung"! Một ban duyệt và chấm quốc ca mới được thành lập. Gần một nghìn bài được gửi về. Chọn ra được 200 bài, sau đó tuyển được 17 bài hay nhất. Quốc hội họp hai đêm liền để nghe dàn "Quân nhạc" lần lượt trình diễn cả 17 bài được chọn. Bộ văn hóa tốn không biết bao nhiêu tiền của để in hàng chục triệu bản 17 bài nhạc ấy. Vô tuyến truyền hình truyền đi liên tiếp hai tháng trời 17 bài nhạc, chơi đi chơi lại, để lấy ý kiến nhân dân trên các phiếu trưng cầu ý kiến.

Sau đó một vài bài báo nhận xét về một vài bài nhạc khá, để rồi tất cả ồn ào một dạo rơi tõm vào sự yên lặng và lãng quên. Quốc hội không nói đến nữa. Im re. Không kết luận, không kết thúc, không tuyên bố hoãn hay hủy bỏ chủ trương làm quốc ca. Và tất nhiên là không tuyên bố giải tán "phe chủ trương làm quốc ca mới" do ông Chủ tịch ủy ban thường vụ quốc hội cầm đầu... Đúng là đầu voi đuôi chuột. Và không bao giờ xin lỗi nhân dân là đã lãng phí bao nhiêu thời gian, giấy má để tổ chức một cuộc thi vô duyên đến thế. Thật cứ như chuyện đùa! Và cũng chẳng ai qua đó công nhận ý kiến chính xác của một đại biểu quốc hội dám cho rằng không thể thi sáng tác và tuyển chọn quốc ca trong phòng kín.

Cái cung cách thông qua chủ trương xây dựng đường giây cao thế tải điện từ Bắc vào Nam trong phiên họp quốc hội tháng 4 năm 1992 cũng vậy. Đây là một quyết định chính thức của Bộ Chính trị đảng cộng sản Việt nam, thông qua một cách hấp tấp, vội vã rồi đưa ra "ép" quốc hội! Nghĩ giản đơn rằng, miền Nam thiếu điện, một tuần cúp điện 3 ngày thì các công ty nước ngoài vào sẽ chán nản không muốn đầu tư; miền Bắc lại thừa điện. Tải từ chỗ thừa đến chỗ thiếu, như đưa điện từ cột điện vô nhà! Các đại biểu quốc hội đâu biết đây là vấn đề rất phức tạp về kỹ thuật;

tốn kém không thể là 300 triệu đô la mà có thể lên tới 500 triệu. Lại rất khó bảo đảm việc vận hành an toàn! Người lên tiếng can ngăn một cách tha thiết là chuyên gia có tâm huyết, chuyên giảng dạy nghiên cứu về đường dây tải điện loại dài trên một ngàn kilômét, từng phụ trách toàn ngành điện ở miền Nam trước năm 1975. Đó là ông Nguyễn Khắc Nhẫn, hiện là giáo sư môn lưới điện Viện đại học bách khoa Grenoble, chuyên gia ở Tổng công ty điện lực Pháp EDF; ở trong nước họ cho rằng giáo sư Nguyễn Khắc Nhắn không đáng tin cậy, không hiểu rõ tình hình trong nước, sùng bái kỹ thuật phương Tây? Họ đã động viên việc xây dựng lớn này, coi như là một chiến dịch tốc quyết và tốc thắng, quả quyết sẽ hoàn thành vào cuối năm 1993 này, trước sự sửng sốt của các chuyên gia Pháp, Mỹ, Nhật. Nhà báo Mỹ Murray Hiebert của tuần báo FEER (Far Eastern Economic Review)viết bài trong tháng 2-1993 rằng, các nhà đầu tư nước ngoài phát sợ khi thấy chính quyền Việt nam liều lĩnh ném vào công trình này chừng nửa tỷ dô la, mà tất cả kế hoạch xây đựng và tài liệu kỹ thuật chỉ vẻn vẹn có 16 trang giấy! Coi thường kỹ thuật, ẩu đến thế là cùng! Cũng giống như quyết định xây dựng nhà máy thủy điện cỡ lớn ở Hòa Bình, do Liên xô bỏ vốn; Bộ Chính trị chọn phương án đắt tiền nhất, kéo dài thời gian

nhất, phức tạp nhất về kỹ thuật là khoan vào trong lòng đá để đặl 8 ống nước chảy lớn, nhằm đề phòng một cuộc chiến tranh nguyên tử! Giá đắt hơn gấp đôi, thời gian (11 năm) hơn gấp ba so với bình thường, đến nay vẫn chưa hoàn thành! Cái giá mà nhân dân phải cúi đầu chấp nhận và còng lưng chịu đựng do cung cách hạ một quyết định lớn mà coi thường kỹ thuật thật khủng khiếp!

Tôi đã chí tâm dò hỏi một số ủy viên trung ương, một số ủy viên Ban bí thư và cả 3 vị ủy viên Bộ chính trị của đảng, và thấy ra những chuyện thật kinh hoàng. Những vấn đề lớn, một số chủ trương lớn, chính sách lớn đụng chạm đến toàn xã hội không hề được đưa ra cân nhắc, thảo luận và tranh luận khi cần ở các cơ quan lãnh đạo ấy? Vấn đề cải tạo công thương nghiệp ở miền Nam sau 1975, chủ trương "cải tạo" bằng trại giam hàng trám nghìn người thuộc chế độ cũ ngay sau 30-4-1975 cũng như kế hoạch lớn thu vàng lá để cho người Hoa và những người khác di tản nửa hợp pháp, đưa quân vào Cam bốt và ở lâu tại đó đến 10 năm... đều như vậy. Chỉ có 2,3 vị ở chóp bu tùy hứng nghĩ ra và quyết định...

Đây là ngôi nhà 6 tầng lớn nhất thủ đô. Lớn nhất về trang bị kỹ thuật, lớn nhất về uy lực của nó. Trụ ở chính của Bộ là Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương cũ nay vẫn là trường Mỹ Thuật trông tiêu điều, đổ nát. Nó được xây dựng từ năm 1973 đến 1982 thì khánh thành. Do Bộ nội vụ Liên xô giúp xây dựng cho Bộ nội vụ Việt nam. Tổng cục an ninh và Tổng cục phản gián đóng đô ở ngôi nhà mới này, cùng với văn phòng của Bộ Trưởng và các thứ trưởng. Ngôi nhà cũ của Bộ nội vụ ở phố Trần Bình Trọng cách đó không xa, nay là nơi làm việc của Tổng cục Hậu Cần, Tổng cục xây dựng lực lượng của Bộ nội vụ. Cạnh đó, trên đường Trần Hưng Đạo là trụ sở của Sở Công An Hà Nội.

Lực lượng quân đội đã quá lớn, lực lượng công an cũng không kém. Công an và cảnh sát. Có công an mặc sắc phục, có công an mặc thường phục, công an nổi và công

an chìm. Có công an chính trị, công an kinh tế, công an văn hóa, công an đối với người ngoại quốc. Có công an hộ khẩu, công an đường phố, có công an lưu động. Cảnh sát cũng đủ loại cảnh sát khóm, rồi công an đường sắt, công an hải cảng, công an sân bay...

Năm 1978 khi xảy ra vấn đề người Hoa, lực lượng công an và cảnh sát ở cơ sở được tăng vọt lên. Trụ sở công an phường trở nên bề thế. Điều không bình thường là các cơ sở giáo dục, y tế, nhà trẻ, nhà mẫu giáo, nơi giải trí của thanh niên, thiếu nhi... thì chật hẹp, nhơ bẩn, tiêu điều, xuống cấp đến tệ hại thì các cơ quan công an cảnh sát lại tăng thêm diện tích, nhà cửa bề thế, sang trọng hẳn lên ! Nhà khách của Bộ Nới Vụ ở phố Nguyễn Thượng Hiền, khách sạn của Bộ nội vụ ở Nguyễn Du nổi bật hẳn lên so với các ngôi nhà ở xung quanh.

Tôi ước mong sau này sẽ đến lúc nhân dân ta biết được vô vàn hồ sơ mật được giữ kỹ trong trụ sở của ngành an ninh, để dư luận trung thực trong và ngoài nước hiểu thêm về những vụ án vô lý, bất công cho đến nay vẫn chưa được nhìn nhận lại và giải oan cho đương sự.

Cần lưu ý đến một ngành an ninh rất ít người biết đến. Đó là ngành bảo vệ trong quân đội. ở cơ quan Tổng Cục Chính Trị của Quân đội nhân dân có một ngành an ninh

được đặt tên là ngành bảo vệ gồm có Cục bảo vệ do một viên tướng làm cục trưởng, thường là 3 đến 4 cục phó; ở mỗi quân khu và quân đoàn có một Ban Bảo Vệ trong Cục Chính Trị; ở mỗi sư đoàn có một Phòng Bảo vệ trong Ban Chính Trị, ở các trung đoàn có trợ lý bảo vệ trong cơ quan chính trị. ở các cơ quan lớn như Bộ Quốc Phòng, Bộ Tổng Tham Mưu, Học Viện, Trường Quân Sự cũng đều có Ban Bảo Vệ. Cán bộ bảo vệ luôn cùng với cán bộ tổ chức là loại cán bộ được vị nể nhất, có quyền hành lớn nhất, nghĩa là quyền sinh quyền sát đối với sinh mạng chính trị của cán bộ, bất kể thuộc cấp bậc và chức vụ nào.
Nhiệm vụ của ngành Bảo vệ là bảo đảm sự trung thành tuyệt đối của sĩ quan, đơn vị đối với đảng, theo dõi, điều tra, phát hiện những người không thông suốt với đường lối chính sách của đảng để có biện pháp xử trí. Dạo những năm 1965 đến 1967, khi có chủ trương đi tìm những phần tử xét lại thân Liên xô, tôi ở báo Quân Đội Nhân Dân, thỉnh thoảng lại có cán bộ bảo vệ của Tổng cục chính trị ra làm việc và có lúc họ cho xe ô tô con bịt kín đến, đọc lệnh bắt người rồi đưa đi luôn. Đó là trường hợp bắt đưa đi Tổng biên tập trung tá Hoàng Thế Dũng, thay cho thượng tá Văn Doãn ở lại Liên xô sau khi học trường chính trị ở Moscou; và sau đó là các trung tá Trần Thư, trung tá Mai Luân,

thiếu tá Đinh Chân, thiếu tá Mai Hiến, trung tá Đặng Cần, Trung tá Nguyễn Cận... Họ bị đưa đi biệt tích luôn. Không ai nhắc đến và hỏi đến họ, hiểu ngầm với nhau rằng đây là những người dính đến "quan điểm xét lại", đồng tình với đường lối của đảng Liên xô... Vài năm sau họ trở về, nhưng bị điều đến đơn vị khác, hoặc cho chuyển ngành, giải ngũ, và cũng không còn ai dám nhắc đến họ nữa. Hỏi hay nhắc đến họ có thể mang vạ vào thân, sẽ bị lập tức nghi ngờ là "có liên quan", "cùng quan điểm"...

Những người nói trên khi bị hỏi cung, chất vấn bởi cán bộ bảo vệ, thường buộc phải khai: Đã đến nhà tướng Giáp hao giờ? Để làm gì? Viết bài gì? Trao đổi ý kiến những gì, có những ai dự, v..v.. Điều này để nói lên cán bộ bảo vệ có quyền rất lớn, giám sát cả đại tướng Bộ trưởng Bộ quốc phòng, người mà trên danh nghĩa là Thủ trưởng của họ! Quyền lực của ngành bảo vệ quân đội còn ở chỗ ngành ấy có quan hệ với Bộ nội vụ và đặt dưới quán chỉ đạo về nghiệp vụ an ninh của Bộ trưởng nội vụ, hồi ấy là ông Trần Quốc Hoàn, về sau là ông Phạm Hùng, sau nữa là ông Mai Chí Thọ và nay là ông Bùi Thiện Ngộ. Ai cũng biết ông Mai Chí Thọ không qua hệ thống đào tạo sĩ quan an ninh gì cả, từ bên ngoài nhập vào ngành là được phong luôn quân hàm đại tướng công an với những quyền hành rất

rộng lớn. Nhưng người giám sát quân đội rất chặt chẽ, mà bản thân không thuộc hệ thống quân đội là ông Lê Đức Thọ, ủy viên Bộ Chính Trị, Trưởng ban tổ chức trung ương. Với chức vụ này ông nắm toàn bộ tổ chức của hệ thống chuyên chính vô sản của chế độ bao gồm: đảng, chính quyền nhà nước, quân đội, công an, an ninh, mặt trận... Ông còn trực tiếp phụ trách công tác tình báo chiến lược, công tác phản gián. Như đã nói ở trên, ông không phải quân nhân, không phải sĩ quan, nhưng ông lại ứng cử và bầu cử trong đảng bộ quân đội nghiễm nhiên là một ủy viên của quân ủy trung ương, trong khi Tổng bí thư Lê Duẩn kiêm luôn chức Bí thư quân ủy trung ương, Đại tướng Võ Nguyên Giáp về mặt Đảng, chỉ là một phó bí thư quân uỷ trung ương. Cho nên nhóm lãnh đạo gồm các ông Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Mai Chí Thọ, Nguyễn Chí Thanh, Tố Hữu cùng với các ông Trần Quốc Hoàn, Văn Tiến Dũng... trên thực tế đã chi phối toàn bộ tình hình chính trị, quân đội và ngoại giao trong thời kỳ chiến tranh. Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ có tấm lòng ngay thật, đôi khi thật thà đến ngây thơ, lại cả nể, nhu nhược, chỉ còn biết than thân trách phận vì không có thực quyền. ở gần 40 năm trên cương vị Thủ tướng, ông chẳng có chính kiến gì rõ rệt, luôn tỏ ra nhu nhược và bất lực. Người ta chê ông,

thương hại ông và không ai tỏ ra nể sợ ông cả. Một số trí thức cho rằng ông Phạm Văn Đồng làm một nhiệm vụ về văn hóa thì thích hợp và có thể thành đạt hơn, như ông Tố Hữu nếu chỉ làm một nhà thơ, một nhà văn hóa thì có ích hơn, có lợi cho ông ta hơn. Ông ta muốn trở nên một nhà kinh tế, một nhà chính trị cho nên bị vỡ mộng một cách cay đắng. Thì ra cái khó của một con người vẫn là tự hiểu khả nàng của mình để có một hoài vọng đúng mức.
Ông Lê Đức Thọ là loại người có tham vọng lớn, có tự tin lớn. Ông "bao sân" rất ghê: tổ chức cán bộ, quân sự, an ninh, ngoại giao... Ông gắn bó với ông Lê Duẩn và do đó tha hồ vùng vẫy. Chính cái ngành tổ chức cán bộ, ngành ông chịu trách nhiệm chính, thì lại là ngành bảo thủ nhất, cổ hủ nhất, có định kiến với cán bộ trí thức nhất, và tác hại xấu nhất cho toàn bộ sự nghiệp đất nước. Có lúc trong đảng rất nhiều người nghĩ rằng ông sẽ là người thay ông Lê Duẩn ở cương vi Tổng bí thư; về sau có người nghĩ rằng ông Đức Thọ đã chuẩn bị cho ông Tố Hữu lên thay ông Lê Duẩn... Thế nhưng sự đổi mới của Liên xô dưới thời Gorbachev đã làm thay đổi tất cả. Ông Nguyễn Văn Linh được "ngờ" là con người của đổi mới! Lại một sự ngộ nhận! Và đến nay ông Đỗ Mười vô cùng thủ cựu lại được ngỡ" là con người của đổi mới, cùng với ông Đức Anh bảo

thủ cũng không kém? Thật là nỗi bất hạnh lớn của đảng cộng sản, dẫn đến nỗi bất hạnh lớn của đất nước.
Nhìn lại tất cả bộ mặt lãnh đạo mới, tôi nhớ đến tình hình của đảng cộng sản cuối năm 1989 và đầu năm 1990. Hồi đó tình hình nổi cộm nhất là đánh giá tình hình Liên xô và Đông Âu. Vì sao sụp đổ? Vì nguyên nhân bên trong hay vì nguyên nhân bên ngoài? Và ta phải rút ra từ đó bài học gì? ông Trần Xuân Bách khi đó lập được ra một văn phòng gồm những cán bộ chuyên thu nhận và phân tích thông tin từ các nước ngoài (Đông âu, Liên xô và phương tây) nên có điều kiện hiểu tình hình một cách khách quan và toàn diện, nhận ra rằng nguyên nhân bên trong (quan liêu, thiếu dân chủ, kinh tế tập trung cứng nhắc theo kế hoạch nên kém phát triển, hàng tiêu dùng thiếu, đảng xa rời nhân dân) là chính và bài học rút ra là phải đi bằng hai chân: chân kinh tế là tự do thị trường và chân chính trị là dân chủ và đa nguyên. Ông viết báo, nói chuyện, truyền bá quan điểm của mình. Lập tức các vị giáo điều bảo thủ nhất trong đảng nhao nhao lên phản đối. ở hội nghị trung ương lần thứ tám, những tiếng nói giận giữ nhất trút lên đầu ông Trần Xuân Bách là của các ông: Đào Duy Tùng, Nguyễn Đức Bình, Nông Đức Mạnh, Nguyễn Hà Phan, Lê Đức Anh, Đoàn Khuê, Vũ Oanh, Lê Phước Thọ...Họ cho ý kiến

của ông Bách là nguy hiểm, theo quan điểm của kẻ thù của xã hội chủ nghĩa, mang tính chất cơ hội hữu khuynh và xét lại... Bộ chính trị chỉ dự định đề nghị trung ương thi hành kỷ luật đưa ông Bách ra khỏi Bộ Chính Trị và Ban Bí Thư, nhưng các vị trên đây nhất định đòi là phải ra khỏi trung ương; lại còn có vị đưa ra ý kiến là với chính kiến và thái độ vô kỷ luật trong phát ngôn như thế, ông Bách không còn có tư cách là một đảng viên thường nữa . Ông Đào Duy Tùng vốn là Tổng biên tập Tạp Chí Cộng Sản, chính do thái độ cứng rắn ấy mà nay ông nhận trách nhiệm ủy viên Bộ Chính Trị, thường thực Ban Bí Thư, thay ông Nguyễn Thanh Bình. Đây là một vị trí vô cùng quan trọng, quyền hạn lớn, thay mặt Bộ Chính Trị giải quyết mọi công việc hàng ngày, một chức vụ vẫn được coi như phó Tổng bí thư trung ương đảng. Chính ông đã phổ biến các nghị quyết 7, 8 và 9 hồi 1989 và 1990 trong các hội nghị cán bộ đảng ở Hội trường Ba Đình.

Ông Nguyễn Đức Bình là phó hiệu trưởng trường Nguyễn ái Quốc được đưa lên hiệu trưởng trường này từ năm 1985. Năm 1987, ông cầm đầu một đoàn cán bộ lý luận sang Liên xô để trao đổi ý kiến về dự thảo cương lĩnh mới của đảng chuẩn bị cho Đại Hội 7 của đảng. Trong khi trao đổi ý kiến với phía Liên xô, các quan điểm chủ quan, giáo

điều của bản dự thảo đã bị cán bộ Liên xô phê phán và yêu cầu loại bỏ, nhất là quan điểm về đặc điểm chủ yếu của thời đại ngày nay là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới, về sự giẫy chết hiện tại của chủ nghĩa tư bản, về sự bần cùng hóa của lao động trong xã hội tư bản, về tính ưu việt và tốc độ phát triển cao của chủ nghĩa xã hội...

Các bài phát biểu gay gắt phê phán ông Trần Xuân Bách của các ông: Nông Đức Mạnh, Đoàn Khuê, Lê Đức Anh, Nguyễn Hà Phan, Vũ Oanh, Lê Phước Thọ... đã được chú ý từ đó để đi đến hình thành một hạt nhân lãnh đạo cứng rắn và cứng nhắc hiện nay, nhằm duy trì bằng mọi giá đường lối giáo điều và bảo thủ về cơ bản, tuy có đổi mới và tự do hóa đáng kể về kinh tế. Các vị này đã được "khen thưởng xứng đáng" trong một tập hợp mới. Ông Nguyễn Hà Phan khi ấy còn là ủy viên dự khuyết trung ương, đã được đưa ngay lên ủy viên trung ương chính thức để rồi sau Đại Hội 7 vào luôn Ban Bí Thư.

Chính những nhân vật bảo thủ cực đoan nhất nói trên đang chi phối tình hình chính trị ở Việt nam vì ông Lê Đức Anh đã trở thành chủ tịch nước và trực tiếp nắm cả các ngành quốc phòng, an ninh và đối ngoại, coi Bộ trưởng nội vụ Bùi Thiện Ngộ là người dưới quyền mình. Ngôi nhà lớn

ở phố Yết Kiêu, trụ sở của Bộ Nội Vụ luôn có nhiệm vụ lớn nhất là bảo vệ sự lãnh đạo của đảng cộng sản; nhiệm vụ ấy được đặt cao hơn là bảo vệ an ninh quốc gia, cao hơn công cuộc bảo vệ sự phát triển của đất nước trong pháp luật.

Bùi Tín

Mặt Thật

Từ bộ trưởng trở xuống ăn phải quả lừa

Ngành an ninh có số người làm việc rất đông. Càng ở bên dưới, anh chị em sống và công tác trong điều kiện thiếu thốn, vất vả. Do lương thấp, sống không nổi một cách bình thường, gia đình khó khăn, không ít người sa vào tội lỗi, lợi dụng những quyền hạn của mình để sách nhiễu nhân dân. Tuyển vào ngành công an thường phải có thần thế. Trước hết là con em trong ngành. Không ít gia đình bố, mẹ, vợ con, anh chị em đều ở trong ngành công an và cảnh sát. Thời chiến, người trong ngành công an còn có lợi thế là không phải đi linh, không phải cầm súng ra trận, tránh bị hy sinh ngoài chiến trường. Con cháu các vị trong Bộ Chính Trì cũng thường được nhận vào bộ máy công an. Lê Trung, con trai ông Lê Duẩn dù học kém, hạnh kiểm yếu ở trường phổ thông, văn được đưa vào đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh theo kiểu ép (để đồng chí Tổng

bí thư yên tâm phục vụ cách mạ ng) rồi vào học trường 500 (đại học an ninh), để được phong trung úy công an khi ra trường.

Ngành an ninh có một số cán bộ tận tụy, có trình độ chuyên môn khá, thông minh và tháo vát. Như ông Hai Tân, quê ở đồng bằng sông Cửu Long, được phong anh hùng các lực lượng an ninh do thành tích cùng với đồng đội đã phá kê hoạch thâm nhập vũ đang của một số tổ chức chính trị từ nước ngoài, được một số tổ chức Trung Quốc hỗ trợ. Lực lượng an ninh Việt nam cũng đã chặn bắt được một số tốp thâm nhập vũ trang từ Thái Lan vượt sông Mê công qua đất Lào, những tốp vũ trang này định về tới Việt nam nhưng đã bị bắt trên đất Lào, ở một vùng Hạ Lào thuộc tỉnh Saravane. Nhưng cũng cần chỉ ra rằng có vụ an ninh Việt nam bị hớ. Họ bị thua trong cuộc đấu trí với đối phương. Do kiêu ngạo, tự phụ, rất chủ quan, có khi họ bị thua đau. Chính trong vụ Võ Đại Tôn họ bị một keo khá nặng. Dư luận chưa biết ro việc này. Tôi theo dõi vụ Võ Đại Tôn ngay sau khi ông ta bị bắt. Cả nhóm ông ta được đưa vê vùng gần Hà nội. Ông ta khai báo rất dễ dàng, đầy đủ. Ông ta tỏ ra "phục thiện" khá nhanh, "chân thành nhận tội", chân thành hối hận". Ông ta viết ra một tập tài liệu dày gần 100 trang, nói rõ hệ thống tổ chức chí

nguyện quân phục quốc ở Mỹ, ở úc, ở Thái Lan..., cuộc thâm nhập liều lĩnh, diễn biến từng ngay cuộc thâm nhập và kết thúc bi thảm của nó. Ông ta ca ngợi cụ Hồ Chí Minh, "thú tội với vong linh của Cự và "xin được cải tạo để trở thành người công dân lương thiện", "để làm lại cuộc đời.

Cục quản lý trại giam của Bộ Nội Vụ, Tổng cục an ninh vui mừng, tự hào là đã "cải tạo được một tên trùm phản động cỡ lớn vào loại nhất!" Thứ trưởng Trần Đông và Bộ trưởng Phạm Hùng được báo cáo, thích thú quá! Hai vị liền thu xếp để trực tiếp gặp người tù tiến bộ Võ đại Tôn, tự mình kiểm tra trường hợp này. Qua thẩm tra, không nghi ngờ gì cả, đây là một trường hợp cực hiếm, "chính nghĩa đã nhanh chóng thu phục được nhân tâm một tên trùm phản động. Phải tận dụng kết quả để thủ tiêu hoàn toàn ý chí phản động của những kẻ còn làm le thâm nhập gây bạo động." Một kế hoạch được phác họa, do đích thân Bộ trưởng Phạm Hùng gợi ý: "Sẽ tổ chức một cuộc họp báo quốc tế; nhử một số phóng viên báo chí vô tuyến truyền hình Mỹ, Pháp, Nhật bản... vào, để cho Võ Đại Tôn trả lời phỏng vấn của họ. Cuối tháng 6-1982, nhân một cuộc họp Quốc Hội, Bộ Nội Vụ mời một số quan chức trung ương và địa phương có mặt ở Hà nội đến trụ sở mới toanh vừa

hoàn thành ở giữa phố Yết Kiêu để giới thiệu bộ mặt mới, bề thế và hiện đại của Bộ Nội vụ mà không một bộ nào khác so sánh nổi. Gần một trăm vị chức sắc tràm trồ nhìn ngắm cơ ngơi to rộng và thiết bị tối tân, có hệ thống lưu giữ hàng chục triệu dấu ngón tay, nhằm so sánh để tìm ra thủ phạm một cách chính xác và cực nhanh. Trong phòng khách lớn ở tầng 2, Bộ trưởng Phạm Hùng cao hứng giới thiệu "kết quả cải tạo một tên trùm phản động cỡ lớn nhất xưa nay" và báo tin Bộ đang chuẩn bị cho con người này họp báo quốc tế? Mọi người hân hoan phấn chấn, nhưng có đại biểu cất tiếng hỏi: "Xin đồng chí cho biết đây là ta họp báo giới thiệu thành tích của ta hay ta cho phép Võ Đại Tôn họp báo."

Bộ trưởng đứng dậy nói lớn:"Ta cho nó họp báo chớ! Dậy mới cao tay chớ, các đồng chí. Nó sẽ làm cho bọn nhà báo Mỹ, Pháp, Nhật... khiếp đảm ấy chớ! Vì nó sẽ nhận hết tội đã qua và tự nó nói lên cách mạng đã cải tạo nó sâu sắc ra sao!
Một đại biểu khác, phó tổng biên tập tạp chí Cộng Sản Hồng Chương đứng dậy: "Thưa các đồng chí, làm vậy có mạo hiểm không? Vì có thể khi thấy các nhà báo quốc tế hắn quay lại chửi mình thì sao?". Ông Phạm Hùng đứng

dậy, vạch cả chiếc áo sơ mi đã cỡi hết khuy ra vì trời rất nóng, để lộ chiếc may ô bên trong, la lớn: Khỏi lo, khỏi lo! Tui đã gặp nó hai lần rồi. Tôi nắm chắc chuyện này rồi, hiểu không? Tui nè, tui nắm nó sau ót (gáy) rồi! Khỏi lo mà! Một số nhà báo ngay sau đó được phép đến gặp Võ Đại Tôn tại một ngôi nhà riêng, ở ngoại ô Hà nội, gần con đường cái đi lên thị xã Sơn Tây, gần Nhổn. Cả một tốp của Tổng cục an ninh ở trong ngôi nhà nhỏ hai tầng ở giữa làng: hai cán bộ quản giáo, bác sĩ, nấu ăn, bảo vệ. Võ Đại Tôn đọc sách báo, nghe đài, dạo chơi ngoài vườn; được hưởng tiêu chuẩn đặc biệt. Bộ áo quần mới may đo, giày dép, rất mới; cứ như một viên thứ trưởng. Người "tù binh đã giác ngộ" này ở một mình một buồng trên gác, chuẩn bị gấp cho cuộc họp báo. Ông ta béo đỏ, tóc lốm đốm bạc. Tôi hỏi chuyện Võ Đại Tôn suốt một buổi chiều; ông ta nói lại những điều đã được ghi trong hồ sơ. Thêm một vài cảm tưởng: Thưa ông, tối nào tôi khó ngủ, bà bác sĩ lên hỏi han, gài mùng rồi cho thuốc, tôi nghĩ xưa mẹ tôi chăm sóc cho lôi cũng đến như vậy thôi! Người bác sĩ cách mạng thật như mẹ hiền, được vô viếng thăm lăng Bác Hồ, tôi coi là kỷ niệm đẹp nhất đời mình. Trước thi hài bác, tui tự nhủ mình là đứa cháu hư, xin hứa với bác phấn đấu để trở thành người cháu ngoan của bác...

Tôi không mảy may hoài nghi gì về những lời nói ấy, Tối ngày 9 tháng 7-1982, cuộc họp báo "nội bộ" được tổ chức rầm rộ ở trụ sở Mặt Trận Tổ Quốc Trung ương trên đường Tràng Thi. Các báo, đài truyền hình, đài phát thanh của trung ương và Hà nội đều tới dự, chật kín phòng họp lớn. Sau khi đại diện Bộ Nội Vụ giới thiệu, Vỡ Đại Tôn điềm tĩnh, "xúc động" kể lại cuộc đời mình, "một cuộc đời lầm đường lạc lối", nay "may mắn được cách mạng giáo dục cải tạo, Chừng 10 câu hỏi được đặt ra, Võ Đại Tôn trả lời, đôi phắt chớp chớp vì xúc động, giọng run run, nhắc đến "cuộc vào viếng Lăng Bác Hồ" và hứa hẹn trở thành người tiến bộ để chuộc lỗi lầm cũ.

Mọi người vỗ tay ran! Có người cho điểm: 21 trên 20! Có nghĩa là vượt mọi sự phỏng đoán và chờ đợi. An ninh giỏi thật. Cảm hóa được một kẻ sừng sỏ loại nhất! . Tối ấy, ở làng nhỏ ngoại thành, Võ Đại Tôn được thưởng, liên hoan với anh chị em an ninh cháo gà thơm ngon và bia Hà nội, bóc thuốc lá thơm ba con 5,... Cần giữ sức để giành thắng lợi trong tiết mục chủ yếu vào tuần lễ sau: buổi họp báo quốc tế.

Mọi người yên chí và phấn chấn, dự kiến mọi câu hỏi cánh nhà báo nước ngoài có thể đặt ra và thống nhất với "ông bạn Võ Đại Tôn" nội dung trả lời sao cho tự nhiên, thâm

thúy. Cuộc họp báo "nội bộ" là bước chuẩn bị thiết thực, là cuộc tập dượt rất bổ ích cho cuộc họp báo quốc tế. Nhiều cán bộ đoán: Võ Đại Tôn sẽ không còn phải ở tù, còn chuẩn bị được nhận công tác! Có thể là ở Mặt Trận Tổ Quốc chẳng hạn.

Chiều 13-7-1982, tại Câu Lạc Bộ Quốc Tế, trên đường Hùng Vương, cách lăng Hồ Chí Minh không đầy một cây số. Có hơn một chục nhà báo quốc tế từ Băng Kok sang, cùng với mấy chục nhà báo Đông Âu, Liên xô, phương Tây đã có mặt từ trước. Phòng họp chật cứng. Những chiếc đèn chiếu của các đoàn quay phim rực sáng. Chủ tọa cuộc họp báo của Võ Đại Tôn là thứ trưởng thông tin Lê Thành Công, phó tổng cục trưởng an ninh Dương Thông và đại diện vụ báo chí Bộ Ngoại Giao tôi không còn nhớ tên.

Vô Đại Tôn mặc áo quần mới màu be, chững chạc, vẻ xúc động. Thứ trưởng Lê Thành Công tuyên bố cuộc họp bắt đầu và yêu cầu Võ Đại Tôn tự giới thiệu và "tự do trả lời các nhà báo quốc tế. Võ Đại Tôn nói về hành động thâm nhập gây bạo loạn, bị bắt trên đất Lào. Đúng là nói như sách, thuộc lòng theo qui định trước. Bỗng đến câu thứ ba thì lạc đề! Phải nói là "sai quyển" thì đúng hơn. Ông ta cao giọng:

"Quân đội chúng tôi được tuyển từ những thanh niên yêu nước từ Hoa Kỳ, Pháp, úc Châu, Châu á để trở về giải thoát đồng bào khỏi sự cai trị của cộng sản!"
Ba vị đoàn chủ tịch bối rối! Điện bị hỏng ngay sau đó. Xin tạm nghỉ một chút để chuẩn bị thêm.
Võ Đại Tôn được dẫn vào phòng nhỏ phía sau. Dương Thông nghiến răng, đập bàn, chất vấn:
- Sao nói lung tung vậy! Hả! Chuẩn bị thêm mấy ngày nay rồi mà vẫn không nhớ à?
Tôi thấy Võ Đại Tôn bình tĩnh, mỉm cười:
- Quý ông sao mà nóng vậy! Phải hiểu tâm lý bọn phóng viên Phương Tây chớ! Tôi phải nói cho họ tin rồi sau đó mới nói sự chuyển biến của tui chớ! Các ông không hiểu sao? Phải biết tạo nên cao trào rồi rập một cái nói đến sự chuyển biến của mình. Vậy mới gây ấn tượng sâu chớ. Các ông yên lâm, tôi sẽ làm các ông hoàn toàn hài lòng cho mà coi. Bọn này ghê lắm, nói như cuộc họp báo nội bộ, chúng nó làm sao mà tin được.
Mọi người tuy vẫn lo nhưng bỗng thấy nhẹ bớt một phần; vả lại thấy lời Võ Đại Tôn có vẻ hợp lý. Sau lời dặn Thôi! Cứ phải nói như đã chuẩn bị và thông qua, nghe không!, cuộc họp lại tiếp tục. Vừa cầm lấy mi-crô, nghe câu hỏi của một phóng viên Mỹ, Võ Đại Tôn nói mạnh, nói nhanh:

"Sự nghiệp chúng tôi là đấu tranh để chống lại chế độ độc đoán. Chúng tôi tin ở thăng lợi!
Lê Thành Công và ông Dương Thông đứng dậy, tuyên bố kết thúc cuộc họp báo! Mọi người sửng sốt, nhốn nháo. Hai chiến sĩ bảo vệ giải Võ Đại Tôn ra xe, không về ngôi nhà cũ mà đi theo con đường vào thị xã Hà Đông, đến gần nhà máy cao su, thì rẽ trái, về trại giam Thanh Liệt. Tại đó lập tức bộ áo quần đo may màu "be" bị lột, trước sự bực tức giận dữ của tất cả cán bộ ngành an ninh. Võ Đại Tôn bị trừng phạt về tội ngang ngược, "tráo trở" bất ngờ, không ai đoán trước được hôm ấy.
Các phóng viên nước ngoài không hiểu rõ ý định của ngành an ninh là cho Võ Đại Tôn họp báo để khoe thành tích một con người được cách mạng chính nghĩa cải tạo và chinh phục để trở thành "con người mới", ăn năn hối cải về tội lỗi cũ, nên họ không tỏ ra sửng sốt gì như tất cả cán bộ an ninh, báo chí, tuyên huấn, ngoại giao có mặt. Các bài báo viết sẵn phải sửa chữa lại, bỏ hết các đoạn thú nhận tội lỗi và ân hận hối cải... liên quan đến cuộc họp báo nội bộ tuần trước. Thế là cả hệ thống an ninh, từ viên tướng cầm đầu hệ thống trại giam cho đến hệ thống cán bộ quản giáo, đến quyền tổng cục trưởng an ninh, đến các thứ trưởng và điều đáng chú ý nhất là cả ngài bộ trưởng

nội vụ đích thân "nấm chắc sau ót" đối tượng này đã bị một cú bất ngờ đau điếng. Đây là một ngày đen của ngôi nhà phố Yết Kiêu. Nhưng sau đó không có một buổi nhận xét, một cuộc rút kinh nghiệm nào cả. Mọi việc biến mất trong im lặng. Người ta chỉ nhìn nhau, nhún vai, tỏ vẻ chê sự nhẹ dạ, vụng về, ấu trĩ của ngành an ninh, thế nhưng không ai dại gì mà nói đến sự kiện ấy. Đụng đến bộ máy ấy thì chỉ có lỗ!

Một con người có niềm tin ở những giá trị và mục đích của ninh, biết xử xử một cách mưu lược trong tình trạng đơn độc bị mất tự do, dù sao cũng là một con người đáng nể. Tôi hoàn toàn bác bỏ và chống lại phương thức dùng bạo lực vì chỉ có hại và không được nhân dân tán thành, nhưng tôi vẫn giữ một thái độ khách quan trong đánh giá dũng khí và mưu lược của người tù Võ Đại Tôn hôm ấy trong một cuộc họp báo công khai ở Hà nội, cách đây 11 năm.

Biết bao hồ sơ oan trái mà chế độ "vô sản chuyên chính" ở Việt nam đã dựng lên đối với công dân nước mình, đối với đảng viên đảng cộng sản! Công lý xã hội, lẽ phải trong cuộc sống đòi hỏi phải xem xét lại từng trường hợp và kết luận lại một cách công minh. Sự nghiệp "đổi mới", chủ trương đổi mới về pháp lý, sống theo luật pháp càng đòi hỏi sự xem xé lại một cách đầy đủ vô vàn hồ sơ ấy. Quy luật kế thừa của lớp người cầm quyền và lãnh đạo xác định trách nhiệm của những người nắm chính quyền hiện nay phải làm điều đó Họ không thể từ bỏ trách nhiệm, làm lơ hoặc ỉm đi được. Hồ sơ cuối cùng được nêu lên trong cuốn sách này là hồ sơ về những người "thuyền nhân". Vì có người muốn bênh vực, chạy hết tội cho chế độ chính trị vừa qua ở Việt nam thường nêu lên rằng nó rất khác chế độ chính trị ở Liên xô, càng khác chế độ chính trị ở Trung

Quốc vì nó có bộ mặt "người" hơn, nhân đạo và nhân ái hơn! Quả thật chế độ Stalin đẫm máu kinh khủng, tàn ác kinh khủng, với hàng chục triệu sinh linh bị đày đọa, khủng bố, bắn giết, thủ tiêu. Quả thật cải cách ruộng đất và cách mạng văn hóa ở Trung Quốc dã man, điên loạn, kỳ quặc, phi lý cũng đến tận cùng. Những cuộc bắn giết, truy lùng địa chỉ ác bá, bắn chết gục rồi đá xuống hố, không cho họ hàng người thân nhận xác, rồi giải cả các quan chức cấp cao cũ đội mũ lừa lê lết lên đường phố để nhân dân hò hét chửi bới, nhổ nước bọt, bạt tai... thì thật là "Tàu Trung Cộng". Liên xô có những màn giết Kirốp, Bukhanine, ám sát Trôsky, bắt giết Beria, hạ bệ Khrushchev thì Trung quốc có màn bắn lãnh tụ cộng sản vùng Đông Bắc là Cao Cương, không kích bắn chết vợ chồng Lâm Bưu, hạ bệ tống giam lũ 4 tên, trong đó cả cả đệ nhất phu nhân Giang Thanh, giải đi tuần hành làm nhục chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ... Việt nam quả thật không có những cuộc thanh toán và hạ nhục ly kỳ đến như vậy. Thế nhưng không phải vì vậy mà bỏ qua những hành động phi lý, phi pháp (theo tiêu chuẩn pháp lý quốc tê) ở Việt nam được. Nó chiếm số lượng không nhỏ, và mặt ác độc nào đó không phải là không nặng nề, phi nhân tính.

Hồ sơ "thuyền nhân" từ 30-4-1975 đến tận gần đây là một chồng hồ sơ nhức nhối. Báo chí quốc tế đã viết rất nhiều tin tức phóng sự về "boat people". Việt nam đã sáng tạo nên một danh từ mới không vẻ vang gì! Tổng cộng đã có tới khoảng 1 triệu rưỡi người mang danh hiệu "thuyền nhân". Họ ra đi bằng đường biển, đi ra đại dương. Họ đi trên thuyền gỗ thuyền buồm, mảng, tàu lớn, tàu nhỏ. Già trẻ lớn bé đều có mặt. Có phụ nữ còn đẻ con trên tàu, trên bãi đổ bộ. Họ quê ở Sài gòn, Chợ Lớn, quê Cần Thơ, Vĩnh Long, Cà Mau, Phú Quốc... Họ quê ở Hải Phòng, Móng Cái, Hà nội... Nghĩa là từ mọi tỉnh, thành phố của đất nước. Họ làm đủ nghề: viên chức, sĩ quan chế độ miền Nam cũ, nhà buôn bán, công nhân, thợ thủ công, sinh viên, học sinh, bà nội trợ cho đến trí thức, nhà văn, nhà báo, sĩ quan quân đội, cán bộ, đảng viên cộng sản... Chưa có một công trình nghiên cứu về họ. Họ đi về phía Nam, dạt vào Thái Lan, Indonesia, Malaisia, xuống tận Châu úc... Họ sang Philippin, họ đi lên Ma cao, Hong Long, Nhật Bản... rồi sang tận Hoa Kỳ, Tây Âu...

Luận điệu thường được nhà tầm quyền ở Hà nội nói lên vấn đề này là: đó là những người phạm tội, phạm pháp, những người từ bỏ tổ quốc mình. Thậm chí có quan chức cộng sản thóa mạ: bọn đó là đồ bỏ, đồ chạy theo địch, đi

tìm bơ sữa, là khúc ruột thừa ung thối, cắt đi cho khỏe. Hãy quên những kẻ chạy trốn ấy đi.
Rất cần, ngay từ bây giờ, một cuộc điều tra tỷ mỹ, khoa học, khách quan và chuẩn xác về sự kiện "di tản khổng lồ" này, một sự kiện chưa từng có trong lịch sử Việt nam (cùng với cuộc di tản từ Bắc vào Nam hồi 1954), một hành động tập thể bi thảm trước và sau ngày "giải phóng miền Nam", làm cho chữ "giải phóng" mang một ý nghĩa mỉa mai, chua xót
Cần làm rõ những số liệu sau đây: đã có bao nhiêu "thuyền nhân vượt biển trước và sau 30-4-75? Họ thuộc những thành phần xã hội, nghề nghiệp tôn giáo, độ tuổi, địa phương nào? Họ đã phải chi bao nhiêu vàng, của cải, tiền bạc? Và bao nhiêu là phải nộp cho "chính quyền cách mạng", cho công an... để mua bãi, mua tàu thuyền và cống nạp? Đã có bao nhiêu người bị đắm vì tai nạn, giông bão, tàu hư hỏng, bị hải tặc cướp? Đã có bao nhiêu phụ nữ bị hãm hiếp? Và nguyên nhàn của một thảm họa dân tộc này là ở đâu ?
Lẽ ra phải có một cuộc điều tra và kết luận về cái kế hoạch 2, còn gọi là kế hoạch B của bộ nội vụ, của ngành công an: bán bãi, cho đi gọi là nửa hợp pháp để thu vàng "bỏ vào công quỹ , ép các tàu thuyền nhận quá tải để thu vàng

tối đa, gây nên vô vàn thảm họa. Pháp luật quốc lề và dư luận quốc tế cần biết rõ về sự kiện khủng khiếp này. Không ai có thể ỉm đi, chôn vùi trong quên lãng thảm họa kinh khủng này! Đã có vài cuốn sách cũng như hàng trăm bài báo viết về người di tản, các trại di tản, nhưng chưa có một cuộc tổng kết đầy đủ và cần thiết. Đây sẽ là một công trình tập thể của chính hàng triệu bà con di tản, của các nhà báo, nhà văn, nhà thơ, nhà luật học quốc tế, nhà xã hội học...

Tôi đã gặp những người di tản cho biết đã phải nộp 6 lạng vàng, có người 2 lạng, có người lên đến 32 lạng (một gia đình 3 người nộp gần 100 lạng vàng) để di tản. Có người phải đi đến lần thứ 3, ìân thứ 4, thậm chí lần thứ 5 mới thoát, vì bị công an bắt đi bắt lại để làm tiền tối đa. Rồi cả người đi tiễn cung có khi bị công an khám người, tịch thu vàng, tiền, nhẫn, trang sức, cho đến cả xe tô, xe gắn máy của họ, nếu không sẽ không cho người thân đi thoát. Rồi tài sản: nhà cửa, đồ đạc để lại bị tịch thu- Một phần nhỏ cho "nhà nước", một phàn lớn cho bọn tham quan ô lại. Những gia đình bị tan nát qua di tản, xa nhau, lạc nhau, bỏ nhau, người sống kẻ chết... cũng không sao kể xiết.

(Để bắt đầu thu lượm dần hồ sơ về thuyền nhân", người viết cuốn sách này xin đề nghị lất cả bà con ở trong cuộc

và hiểu biết vấn đề này ghi lại tóm tắt sự kiện bản thân mình biết theo những nội dung trên đây và gửi về: Thành Tín. Sài gòn Press. Box 4995. Irvine. CA 92716, UA. Kèm theo hàng chữ: Hồ sơ di tản. Xin cám ơn)
Bi kịch của người ra đi, của người ra đi không lọt, của người ở các trại tị nạn, của những người bị cưỡng bức trở về thật không sao kể xiết. Tôi đã gặp những phụ nữ khi kể lại bi kịch gia đình than khóc và cả gào thét lên một cách thê thảm về nỗi đau lòng giằng xé tâm can. Có người kể rằng sau đó đến 5,6 năm, không hề dám nhìn ra biển, không dám đến nơi gần đại dương, vì chỉ nghe tiếng sóng, nhìn thấy bọt biển là hiện lên những thảm cảnh máu và nước mắt, xác chết, người chết lả vì đói khát, người hấp hối không có cách gì cứu chữa, phải thả xác người thân xuống biển cả... Những cảnh ở tận cùng của sức chịu đựng của con người, không còn có thể vượt qua nổi nữa...

Trong khi giới cầm quyền ở Hà nội chụp mũ tất cả những người di tản là phạm pháp, là từ bỏ tổ quốc và đất nước, đi theo các nước phương Tây, mất gốc, tìm lõi thoát riêng cho bản thân mình một cách ích kỷ... thì cần chỉ rõ chính họ là một nguyên nhân, thậm chí nguyên nhân gốc của thảm kịch này. Giả thử như không có chính sách bắt giam

đày đọa hàng tràm ngàn người trong cái gọi là "các lớp cải tạo , không có những chủ trương cải tạo công thương nghiệp vội vã, tràn lan, độc đoán, không có những định kiến về ngụy quân, ngụy quyền, ngụy dân, không có thái độ kỳ thị với các tôn giáo, đối với trí thức, không có chiến dịch xua đuổi. người Hoa một cách ào ạt... thì vấn đề di tản hàng loạt đã chắc chắn không xảy ra. Chính quyền đã tự mình phạm pháp khi chủ trương thu vàng và tổ chức đi tản, "xuất khẩu những công dân loại 2", một chủ trương bán chính thức mà quốc hội không hề được biết. Đây là một vụ tham nhũng cực lớn, tàn bạo, đầy máu và nước mắt, một vụ phạm pháp ô nhục của hệ thống chính quyền, đày đọa nhân dân mình không ai có thể bênh vực và lấp liếm được.

Gọi là thuyền nhân nhưng thật ra còn có cả những bộ nhân", người di tản bằng đường bộ từ Việt Nam Nam sang Lào,

Cam bốt, Thái Lan) và gần đây có cả không nhân", nghĩa là người di tản hằng đường hàng không, theo con đường du lịch, sang Nga, các nước Liên xô cũ, Ba Lan, Tiệp Khắc, Bungari, Đức, Pháp, Hà Lan, Bỉ... Chính các cơ quan ngoại giao, lãnh sự, công an, du lịch ở Hà Nội là đầu mối của đường dây xuất khẩu lao động, thanh niên, sinh

viên, nghiên cứu sinh cũ ở các nước này, bán hộ chiếu (giả mà thật), bán vé máy bay, định giá (từ Hà Nội đi Moscou là 3.800 đô la một người); từ Hà Nội đi Cộng Hòa Liên Bang Đức là 4.400 đô la một người...) Cuối tháng 12-1992 ở Quốc hội, Thủ tướng chính phủ báo cáo rằng nạn dí tản đã chấm dứt cũng vẫn là nói dối, là che dấu các cuộc di tản do một bộ phận chính quyền tổ chức một cách phi pháp các "không nhân nói trên. Tội lỗi của họ vẫn đang còn chồng chất?

Động cơ của nhưng người di tản có nhiều. Có người vì không sống nổi dượt một thc chế mà họ cho là độc đoán, không dân chủ; có người vì không thể kinh doanh một cách ngay thật được; có người vì lương lai của con cái, mong chúng được học hành chu đáo, thành tái thật sự; có người để sum họp gia đình; có người vì lương tâm ngay thật, không muốn sống trong môi trường lừa dối, ô nhiễm về đạo đức; rất ít kẻ vì phạm pháp sợ bị trừng trị, bỏ trốn; còn có cả trí thức trung thực; thanh niên có hoài bão; đảng viên Cộng Sản cũ có lương tâm không thc tự do nói lên ý nghĩ chính trị bộc trực của mình mà không bị trừng phạt nên buộc lòng phải tạm ra nước ngoài để đấu tranh cho một nền dân chủ thật sự trên đất nước mình. Không thể vơ đũa cả nắm, nói theo kiểu vu khống của một số người

trong chính quyền là họ đều là những người quay lưng lại quê hương, theo đế quốc, ăn phải bã chiến tranh tâm lý của phương Tây!

Trên đây đã nói đến một số "hồ sơ" của các vụ, việc từng diễn ra tuồng mấy chục năm qua. Tuy kể ra cũng khá nhiều, nhưng vẫn còn rất không đầy đủ. Từ vụ sát phạt các đảng phái đối lập, rồi "sai lầm" trong Cải cách ruộng đất, đến các nạn nhân trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm, rồi từ các vụ "xét lại , "chống đảng", đến các chiến dịch cải tạo xóa bỏ chế độ tư hữu, cho đến các vụ đàn áp tôn giáo, cũng như "các trại cải tạo, vô vàn "thuyền nhân", những người đấu tranh cho dân chủ... tất cả nêu lên một bức tranh nặng nề khủng khiếp mà nguyên nhân gốc là xã hội không có dân chủ và tự do. Sự đánh giá về nguyên nhân và trách nhiệm liên quan đến các hồ sơ này đang rất khác nhau, trái ngược nhau, chưa được kết luận minh bạch.

Tác giả nêu lên để mong các sự kiện trên sẽ dần dần được phân tích và đánh giá đúng đắn. Đó là mong muốn của toàn xã hội, nhất là của hàng vạn, hàng vạn người ở trong cuộc, của những người liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến các vụ, việc trên đây. Để các hồ sơ còn trợn trừng mắt vì oan ức chất chứa chưa được giải, cuối cùng có thể khép lại, cho vào kho lưu trữ của lịch sử sau khi sự thật

được sáng tỏ và công bằng được thực hiện.

Bùi Tín

Mặt Thật

Phần ba

NOMENCLATURE Việt Nam
Tầng lớp quan chức đặc quyền đặc lợi

ở việt Nam có một tầng lớp quan chức đặc quyền đặc lợi trong chủ nghĩa xã hội hiện thực không? ở Liên xô và ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây, vấn đề này đã được chứng minh khá đầy đả rõ ràng. ở Nam Tư từ đầu những năm 1970, Milơvan Djilas nguyên là một nhà lãnh đạo cỡ lớn của Đảng cộng sản Nam Tư chống lại Broj Titođã nói về tầng lớp xã hội ấy trong cuốn sách La Nouvelle Classe (Giai Cấp Mới). Djilas cho rằng dưới chủ nghĩa tư bản, kẻ nắm quyền lực là những kẻ có của; do có của mà nắm được chính quyền. Còn dưới chủ nghĩa xã hội hiện thực thì ngược lại: do có quyền lực mà có của, nghĩa là tầng lớp nắm chính quyền dần dà trở thành một lớp người giàu sang, vượt hẳn lên trong xã hội. Từ năm 1980, giáo sư sử học Liên xô Michael Voslensky đã viết một cuốn sách nhan đề Nomenklatura, giới thiệu khá tỷ mỹ

về sự hình thái của tầng lớp quan chức quan liêu đặc quyền đặc lợi nắm chính quyền ở Liên xô. Tầng lớp này ước chừng nửa triệu người (kể cả gia đình họ) trong một xã hội gần 200 triệu dân. Tất nhiên cuốn sách này không thể xuất bản ở Liênxô. Michael Voslensky, sinh năm 1920, là thông dịch viên tiếng Đức-Anh-Nga tại phiên tòa xử tội phạm chiến tranh ở Nuremberg (Tây Đức) sau chiến tranh thế giới thứ 2, sau đó làm việc tại hội đồng hòa bình thế giới ở Praha (Tiệp Khắc), Vienne (áo). Ông cũng là giáo sư lịch sử ở Trường Đại học Quốc Tế Lumumba ở Moscou. Năm 1972 ông di tản sang Cộng Hòa Liên Bang Đức, sau khi tuyên bố ly khai đảng cộng sản Liên xô do bất đồng quan điểm với chế độ Xô Viết, sau đó ông là giáo sư sử học ở các trường đại học Đức, áo. Cuốn Nomenklatura của ông viết bằng tiếng Đức được dịch ngay ra nhiều thứ tiếng, và được coi là một cuốn sách khoa học rất có giá trị, có nhiều phát hiện độc đáo và chính xác về Liên xô.

Bùi Tín

Mặt Thật

Sự hình thành của một tầng lớp mới ở Việt nam

Tầng lớp quan chức đặc quyền đặc lợi ở Việt Nan hình thành dần dần kể từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945. Trong 30 năm chiến tranh, tầng lớp này đã thành một lớp người riêng biệt, tách khỏi dần cuộc sống và mức sống của toàn xã hội. Trong thời chiến đời sống tinh thần của xã hội nói chung còn khá trong sạch vì tập trung vào chống chiến tranh xâm lược và chiến tranh phá hoại trên miền Bắc. Lý tưởng của xã hội còn duy trì được ở mức khá rộng, nên lớp người cầm quyền nhìn chung còn giản dị, chan hòa với xã hội.

Từ sau 30-4-1975 cuộc sống trong hòa bình với nhiều cám dỗ vật chất mới, con người thường nghĩ đến hưởng thụ sau mấy chục năm hy sinh, thắt lưng buộc bụng... nên tầng lớp cầm quyền phất lên khá nhanh; cuộc sống vật chất đua đòi trở nên một mối lo toan, ám ảnh thúc đẩy họ

kiếm chác và làm giàu. Đạo đức bị xói mòn, lương tâm chẳng còn mấy ý nghĩa, lý tưởng mờ nhạt, lớp cầm quyền và gia đình họ càng lao vào những áp phe nhỏ, rồi lớn, làm giàu lên rõ rệt. Sau "đổi mới", từ năm 1986, tầng lớp này đua nhau kiếm chác, tận dụng thị trường tự do, luật pháp còn nhiều sơ hở, dựa ào quyền lực và các mối quan hệ trên dưới, họ hàng, thân thuộc, cùng nhau móc ngoặc để kiếm chác trên lưng nghèo khổ của quần chúng lao động. Từ sau đại hội 7 giữa 1991, tầng lớp đặc quyền đặc lời càng thêm biến chất cách mạng, lao vào lược đoạt và chia chác của cải xã hội, làm giàu nhanh chóng một cách phi pháp; nó ngày càng mang tính chất mafia bất lương và tàn ác, một kiểu tư bản đỏ, rừng rú mà lịch sử Việt nam chưa từng có.

Cuộc đấu tranh hiện nay trong xã hội ngày càng trở nên cuộc đau tranh của đông đảo nhân dân lao động nghèo khổ, của những trí thức dân tộc có lương tâm và nhân cách, của lớp lớp thanh niên yêu nước, có ý thức dân chủ và công bằng xã hội , của một số đảng viên Cộng Sản có lương tri, lương thiện chống lại tầng lớp cầm quyền bất lực, bảo thủ và tham nhũng. Tầng lớp này nấp sau chiêu bài "đổi mới", có đổi mới thật trên một mức độ nào đó về kinh tế, nhưng chống lại sự đổi mới về chính trị, nên không

có khả năng lãnh đạo đất nước thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng lớn, triền miên về chính trị, kinh tế, tài chánh, ván hóa và xã hội; ngược lại tầng lớp ấy còn dìm đất nước sâu thêm vào cuộc khủng hoảng chính trị và xã hội; nó còn lợi dụng tình thế này để làm giàu và kiếm chác trên nỗi nghèo nàn và đau khổ của số đông. Nó trở thành vật cản của công cuộc đổi mới thật sự, nó chịu trách nhiệm về sự xuống cấp thê thảm của đời sống xã hội, về tình trạng hỗn loạn và tha hóa con người đang diễn ra khắp đất nước.

Bùi Tín

Mặt Thật

Tầng lớp của những người cầm quyền

Đảng cộng sản Việt Nam không ngớt rêu rao rằng đảng cộng sản mang tính chất quần chúng; rằng đảng cộng sản là đảng của dân tộc, của toàn thể nhân dân. Tất cả chỉ là nói dối, nói theo "khẩu hiệu". Đảng có gần 2 triệu người, trên tổng số hơn 70 triệu dân. Nhưng thật ra trong số 2 triệu đảng viên ấy, đông đảo đảng viên thường, chiếm đến 90 phần trăm, không có chút tiếng nói và quyền lực nào. Họ chẳng khác gì mấy với quần chúng ngoài đảng. Họ cũng thấp cổ, bé họng, cũng bị tước quyền suy nghĩ và quyền tự do ngôn luận, chỉ có cúi đầu và vỗ tay tán tụng các nghị quyết của đảng.

Động cơ vào đảng của đảng viên khi đảng còn hoạt động bí mật ở thời kỳ đầu của chiến tranh gian khổ còn là tự nguyện hy sinh và chịu gian khổ vì lý tưởng độc lập của tổ quốc Sau khi đã dành được chính quyền, động cơ vào

đảng đã xen lẫn tinh thần tự nguyện hy sinh với động cơ cá nhân: trở nên cán bộ có chức, có quyền và từ đó có quyền lợi riêng. Càng về sau động cơ cá nhân càng chiếm ưu thế, để từ sau 1954, hầu như động cơ cá nhân vào đảng ở các cơ quan chính trị, kinh tế, xã hội, ở các địa phương chỉ là để trở thành cán bộ, có chức có quyền nhằm tiến thân. Trong đảng, tuy có nêu lên nguyên tắc dân chủ tập trung, nhưng quyền dân chủ trở thành thứ yếu, kỷ luật sắt được thực hiện. Người đảng viên thường chỉ còn có tuân thủ kỷ luật và nghị quyết từ trên đưa xuống. ở chi bộ thì bí thư chi bộ có tiếng nói quyết định. Về nguyên tắc Đại hội đảng cao hơn Trung ương, Trung ương cao hơn Bộ chính tri, Bộ chính trị cao hơn Tổng Bí thư, nhưng trên thực tế thì ngược lại; Tổng bí thư cao hơn Bộ Chính trị, Bộ Chính Trị cao hơn Ban Chấp Hành Trung ương, Ban chấp hành trung ương cao hơn Đại Hội đảng? Đây là nền dân chủ của một nhóm người, nền dân chủ của một người! Tinh thần phong kiến cổ hủ còn chi phối khá nặng. Trong gia đình, cha mẹ bảo gì con cái phải cúi đầu vâng dạ. Trong đảng Tổng Bí thư nói gì đảng viên phải cúi đầu vâng dạ. Hầu như không có đối thoại, không có thảo luận, càng không có tranh luận.

Do đó tầng lớp đặc quyền đặc lợi là tầng lớp của những

người nắm chính quyền từ trung ương đến cơ sở. Cũng có thể gọi là tầng lớp các quan chức đảng và chính quyền, vì đảng và chính quyền gần với nhau làm một. Đảng đồng nhất với chính quyền. .

Có lẽ không có chế độ xã hội nào mà đảng nghiễm nhiên đàng hoàng lấy tiền của ngân sách nhà nước để chi phí cho hoạt động của đảng mình! Tôi lấy vài thí dụ mà ở nước ngoài ít ai biết đến.

ở báo Nhân Dân, xe cộ, vật tư là do Bộ Vật tư có trách nhiệm cung cấp, coi như ngang một bộ của nhà nước, thậm chí còn như là một bộ loại 1! Văn phòng báo Nhân Dân nhận chỉ tiêu hàng năm về tài chính, về xe ô tô con, xe tải, về xăng dầu của Bộ Vật Tư. Cán bộ, phóng viên báo Nhân Dân đều dùng hộ chiếu ngoại giao hay hộ chiếu công vụ của nhà nước. Cơ quan báo là dinh thự của nhà nước, trụ sở ở đường Hàng Trống, nguyên là dinh của Tư Lệnh Quân viễn chinh Pháp ở Bắc Đông Dương (nơi Sa-lan và Cogny từng ở), trước nữa là dinh của Phó toàn quyền Đông Dương hồi trước 1945. Vừa rồi dinh thự ấy được báo Nhân Dờn cho nước ngoài thuê làm cơ quan đại điện Ngân Hàng của Nam Triều Tiên, nhằm "tăng thu nhập" cho cơ quan báo; tòa soạn tập trung ở ngôi nhà 5 tầng ở cạnh đó, do nhà nước bỏ kinh phí xây cho từ năm

1984 đến năm 1987 thì hoàn thành. Con số của tầng lớp quan chức này là chừng bao nhiêu? Có thể nói nó bao gồm chủ yếu những cán bộ được coi là cấp cao của đảng và nhà nước; từ phó vụ trưởng trở lên; từ cấp phó viện trưởng trở lên ở các viện; các giám đốc, phó giám đốc các công sở, các công ty kinh tế, tài chánh... Trên lớp cán bộ này là các Bộ trưởng, thứ trưởng, các trưởng ban, phó trưởng ban của các Ban chuyên môn của trung ương đảng; các ủy viên trung ương đảng... Trong quân đội và công an, đó là các Bộ Trưởng, thứ trưởng; các chủ nhiệm Tổng cục Tổng tham mứt trưởng và phó tổng tham mưu trưởng; các viện trưởng, phó viện trưởng; các vụ trưởng, phó vụ trưởng; các cục trưởng, phó cục trưởng; các sĩ quan từ cấp đại tá trở lên cùng với một số cấp trung tá được giao chức vụ cao.

Nói tóm lại, đó là cán bộ đảng, nhà nước, quân đội, an ninh, ở các đoàn thể xà hôi được xếp vào loại cao cấp; họ thường được triệu tập để nghe phố biến Nghị quyết ở Hội trường Ba Đình; có thẻ đặc biệt để mua hàng ở một số cửa hàng đặc biệt; được di chuyển bằng máy bay (số cấp dưới chỉ được đi bằng xe lửa hoặc xe ô tô hàng, trừ trường hợp đặc biệt). Họ cũng được chữa bệnh ở bệnh viện Việt-xô, nơi có thiết bị y tế hiện đại hơn các bệnh viện

khác, với thuốc men tốt đầy đủ và đắt tiền hơn.
ở các tỉnh, tầng lớp đặc quyền đặc lợi này gồm có các: bí thư, phó bí thư tỉnh ủy, các ủy viên thường vụ tỉnh ủy, các chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính tỉnh, các tỉnh ủy viên, những người cầm đầu các tổ chức khác trong tỉnh như: Bí thư công đoàn, bí thư đoàn Thanh Niên cộng sản, bí thư Hội phụ nữ, chánh án Toà án Nhân Dân, viện trưởng Viện Kiểm Soát nhân dân, giám đốc. Các thành phố lớn như Hà nội, Sài Gòn, Hải Phòng, Nam Định, Đà Nẵng..: được coi như cao hơn một tỉnh lớn, hoặc ngang hàng với một tỉnh lớn. ở cấp huyện, quận, đại thể số người có đặc quyền, đặc lợi cũng gồm những người cầm đầu các tổ chức nói trên ở cấp đó. Do thái độ kỳ thị với trí thức, văn nghệ sĩ nhất là trí thức ngoài đảng nên có nhiều tiến sĩ, phó tiến sĩ, phó giáo sư... vẫn không được coi như cán bộ cao cấp, vẫn không được cấp thẻ mua hàng đặc biệt và không được chữa bệnh ở Bệnh Viện Việt-Xô...
Con số của tầng lớp quan chức đặc quyền đặc lợi rất khó xác định một cách chính xác. Suy từ cơ quan báo Nhân Dân, (con số này ước chừng 40 người trên tổng số 300), ở Hà nội, ước có chừng 10.000 quan chức cấp cao; trong quân đội và an ninh chừng 3.000 người; ở Sài gòn chừng

4.000 người... Trong cả nước chừng trên 50.000 người nghĩa là 50.000 gia đình, chừng 1/200 số hộ trong cả nước (ước tính có 10 triệu hộ).

ở nông thôn, khá nhiều nơi còn có những cường hào mới. Họ chiếm những chức vụ then chốt như bí thư đảng ủy xã, chủ tịch xã, phó bí thư, phó chủ tịch, ủy viên kiểm tra, chủ nhiệm Hợp tác xã lôi kéo bè cánh thuộc họ hàng, thân thích lũng đoạn đời sống chính trị và kinh tế của địa phương, mặc sức tham nhũng tài sản công, quỹ tập thể, ruộng đất chung, áp bức đồng bào như những tên cường hào cũ. Có thể nói những cường hào cộng sản ấy cũng ở trong tầng lớp đặc quyền đạc lợi của đất nước hiện nay. Cần chỉ rõ rằng trong tầng lớp Nomenclature Việt nam, sự chênh lệch là khá lớn. Cũng có một tỷ lệ khá lớn người trong suốt thời gian chiến tranh gìn giữ lý tưởng cách mạng, sống trong sạch và giản dị; sau 1975 họ dần dần bị nếp sống hưởng thụ lôi cuốn, buông thả dần nếp sống cũ. Họ cũng bị tác động của tâm lý xã hội, trở nên thực dụng tham nhũng tư lợi. Khá nhiều người bị vợ con thúc đẩy nghĩ rằng không lo thu vén, kiếm chác thì chỉ có thiệt, họ không cưỡng nổi xu thế chung, bước vào con đường tha hóa... Họ nhìn lên trên thấy trên không hiếm kẻ dùng quyền lực để kiếm lợi lộc từ của chìm đến của nổi, nên

"theo gương của trên", lao vào cuộc đua chen để làm giàu cho riêng mình.

Hoàn cảnh hòa bình cuộc sống vật chất ngày càng chi phối tâm lý hưởng thụ, tuổi tác lại ngày càng cao đã là hai yếu tố thúc đẩy thêm động cơ bon chen kiếm chác, để khỏi thua thiệt với bạn bè; họ còn ra sức làm giàu nhanh để "bù cho thời gian dài sống với lý tưởng... Họ lao vào các áp phe vàng, ngoại tệ, xuất nhập khẩu, bất động sản, buôn lậu... mua đất, tậu nhà, lo cho con, cho cháu mọi bề vên ổn và sung túc họ tạo nên không khí "sôi động" làm ăn và cả mánh mung bất hợp pháp, tạo nên cái mà bà con trong nước gọi là hoạt động đen tối của tầng lớp tư sản mới, tư sản đỏ, đỏ với cái nghĩa là cộng sản, là đẫm mồ hôi và cả máu của đồng bào họ. Họ đã hoàn toàn biến chất so với thời chiến tranh, dám lao vào những việc phi pháp, thất đức và thất nhân tâm, chạy theo lợi nhuận tối đa" và lợi ích riêng tối đa", tự phản bội lại lý tưởng cũ của mình. Họ đang bị cả xã hội vạch mặt, chỉ tên, khinh thị và nguyền rủa. Họ cảm thấy thời gian không còn dài đối với họ nên càng lao như điên vào các áp phe nhơ nhớp. Một số đã bị vào tù do không ăn cánh với nhau, ganh tỵ, sát phạt nhau. Hầu hết số bị tù từ chung thân đến 20 năm, 15 năm, 10 năm tù do tham nhũng và hối lộ... là đảng viên, lại là đảng

viên có chức cao, quyền lớn trong hệ thống chính trị, kinh tế, tài chánh, chính là trong tầng lớp đặc quyền đặc lợi này...

Việc vào tù của họ cũng có những nét đặc quyền rất khác lạ. Có kẻ sẵn sàng vào tù để che tội cho một số đồng bọn, để được chia lại vàng và ngoại tệ, khi ra tù sẽ là triệu phú đô la, ăn xài suốt đời chúng và đời con cháu chưa hết. Cũng có kẻ danh nghĩa thì "ở tù, mà bản thân vẫn sống xa hoa ẩn dật, do đã biết đút lót hệ thống cai tù. Có đứa bị kết án, sau đó đã được đưa ra nước ngoài với tiền của, vàng bạc, thoát thân

Bùi Tín

Mặt Thật

Từ 6 ki lô đến...200 gam

Sự bất công xã hội không phải gần đâymới có giữa tầng lớp cầm quyền và đồng bào của họ. Ngay từ thời chiến, sự bất công đã hiển nhiên và phi lý. Họ mở miệng ra là thao thao bất tuyệt về "phục vụ nhân dân"; "đầy tớ của nhân dân", về đạo đức cộng sản là hy sinh thì đi trước, hưởng thụ thì đi au.. Họ leo lẻo là phải lo cho cuộc sống của nhân dân đã, cuộc sống của người già, của trẻ nhỏ, của thương binh gia hình liệt sĩ. nhưng thực tế thì trái lại, họ lo cho họ trước hết.

Ngay từ những năm 1957, 1958 tiêu chuẩn cung cấp đã được định rõ qua chế độ sổ gạo và tem phiếu. Về gạo, tiêu chuẩn quân đội là 18 ki lô gam một tháng; dân thường lớn tuổi là 13 ki lô gam. Học sinh, sinh viên là 14 ki lô gam. Trẻ em từ 6 tuổi 7 ki lô, nâng dần lên. Vì thiếu thức ăn, thiếu thịt cá, rau có khi cũng đắt nếu không phải mùa, nên gạo

trở thành món ăn chính! Với sô gạo trên, cố tiết kiệm mới tạm đủ; thường có nhà cứ đến khoảng ngày 20, ngày 22 đã hết gạo. Nhất là các em thiếu niên ở tuổi 12, 13 đến 15, 16, 17 tuổi bẻ gãy sừng trâu, thì thường bị đói. Còn cấp trên? Cấp trên thì không phải lo gì về gạo. Nhất là các gia đình Bộ chính trị và trung ương. Cứ một tháng các vị ủy viên Bộ chính trị đi dự chiêu đãi, tiệc tùng phải ít ra là 15 buổi. Các vị ủy viên trung ương còn hơn thế. Và các buổi ăn thường ở nhà thì gạo là rất phụ, thức ăn mới là chính. Gạo cho các vị, đã có cửa hàng gạo riêng ở đường Ngô Quyền, cùng đường với tòa nhà Bắc bộ phủ cũ cung cấp. Gạo ở đây là gạo hảo hạng. Thành ủy Hà nội đã giao cho hai hợp tác xã ở huyện Quốc Oai và huyện Từ Liêm dành riêng ra 100 héc ta cấy lúa dự và tám thơm cho các "cụ. Các thửa ruộng đặc biệt này được chăm sóc và quản lý đặc biệt, cứ như ruộng để lấy gạo tế trời và để vua "ngự" thời trước vậy. Các thửa ruộng ấy đều được giữ giống lúa thuần chủng, không xen lẫn với các thứ lúa khác, được chăm sóc đặc biệt, không dùng thuốc trừ sâu... Thời ấy, do chạy theo năng xuất cao nên khắp nơi lúa quý hiếm đều bị thay bởi loại lúa kém chất lượng, chỉ trừ có các thửa ruộng ngoại thành nói trên. Trong khi các cửa hàng gạo bán cho nhân dân đủ loại gạo xấu hôi, gạo xen trấu, mua về phải

đãi đi đãi lại nhặt sạn, nhặt trấu... thì các vị quan chức chẳng phải lo mảy may về gạo; các bao gạo dự, gạo tám được đóng bao đẹp, cân đủ, được xe ô tô đưa đến tại gia, không chậm một ngày! Các em nhỏ thường phải ăn gạo hôi, gạo chẳng còn chất bổ, vì bị ẩm, mốc thì các "cụ ăn gạo thơm, bổ, ngon để luôn giảng giải rằng: Đây là chế độ cho dân, vì dân, phục vụ nhân dân! Rằng, trẻ em là mầm non được chế độ luôn "ưu đãi". Mua gạo đối với dân thường là cả một nỗi lo lắng, ám ảnh đến mất ăn mất ngủ. Nhà nào cũng mong ngóng tình hình cửa hàng gạo vào cuối tháng. Gạo còn hay hết? Xe tải của mậu dịch đã chở gạo đến chưa? Gạo đến chậm vài ngày là nguy hiểm chết người! Tiền đâu để đong gạo chợ? Tại đó, gạo đắt gấp 5 lần giá mậu dịch! Có khi chợ không có một hạt gạo vì buôn bán thóc gạo bị cấm, nhà nước được giữ độc quyền về lương thực. Và khi gạo về thì thật khốn khổ. Phải dậy sớm từ 2 giờ, 3 giờ sáng, ra đứng xếp hàng chờ đến 8 giờ cửa hàng mở cửa. Các bà mẹ, các em bé hốc hác, mệt mỏi, phát ốm vì đói ngủ, vì phải đứng chờ hàng 4,5 giờ chờ mua gạo.. Cảnh chen lấn, chửi bới, kêu la, than khóc ở cửa hàng gạo thật là bi thảm. Có một số thanh niên vạm vỡ được thuê để chen lấn kẻ khác! Một số tên lưu manh khống chế các cửa hàng. Các chị em bán hàng gạo

thường là con cháu các gia đình có quyền thế ở địa phương tha hồ làm cao, đỏng đảnh, ban ơn. "Nhất thân, nhì quen" mà! Có gạo tốt họ giành cho bà con, họ hàng, bè bạn. Có gạo xấu, họ để dành" cho đồng bào! Cân gạo thì thật là vấn đề tai hại. Thường 9 kilogam về cân chỉ còn 8 kg 5? Kiện ai ? Kiện củ khoai à? Một chế độ có kiểm tra, thanh tra, thế nhưng chỉ là danh nghĩa. Luật pháp không có, đồng bào thấp cổ bé họng bị thua thiệt đủ thứ. Một chế độ cái gì cũng của "nhân dân", ủy ban nhân dân, quân đội nhân dân, cảnh sát nhân dân, tòa án nhân dân, báo nhân dân..: nhưng nhân dân bị cực nhục về cuộc sống hàng ngày không sao kể xiết! Tính chất đạo đức giả, giả dối phơi bày khắp nơi khắp chốn, khắp hang cùng ngỏ hẻm. ở miền Bắc một thời có một câu nói đùa rất có ý nghĩa: "Sao mà buồn thế, mà hết hoảng thế. Mất sổ gạo à?" Ôi! buồn lo như mất sổ gạo! Mất sổ gạo, có lẽ không có nỗi lo sợ nào lớn đến vậy! Vì mất sổ gạo là phải mua gạo lén, mua gạo ở nông thôn, không có ở chợ, đắt gấp 6,7 dân gạo mậu dịch. Một gia đình 5,6 người, phải đến gần một tạ gạo một tháng, thì lấy tiền đâu ra để mua.

Đến Tết, mỗi người được phân phối một kí lô gạo nếp. Đó là sự chiếu cố của đảng để dân gói bánh chưng, nấu xôi cúng ông bà. Nhưng có ăn gạo nếp chỉ được nửa kí lô,

hoặc gạo nếp mà không hẳn là nếp. Gạo nếp mà không có nhựa, không dẻo, xen với gạo tẻ. Trong khi ấy, các vị tai to mặt lớn, ở cửa hàng đặc biệt, có đến một yến gạo nếp thơm cho mỗi gia đình. Đó là chưa kể quà cáp của các quan đầu tỉnh gửi về quà cho các vị lãnh đạo, toàn là những sản phẩm đặc sắc của địa phương: gạo nếp cẩm, gạo nếp thơm, gà thiến, vịt bầu, cốm, vây, bóng, măng lưỡi lợn, đào, lê, táo... Đó là những quà cáp kiểu cống nạp của cấp dưới cho cấp trênvào dịp Tết, chẳng khác gì lễ tết của các quan địa phương với vua và quan lớn ở triều đình thuở trước.

Còn tiêu chuẩn thịt? Trẻ em có 200 gam, thiếu niên có 400 gam một tháng. Khi thiếu thì cắt đi một nửa. Và có khi là thịt bạc nhạc. Trong khi các cụ trung ương, một tháng về danh nghĩa là 4 ki lô, trên thực tế là nhiều hơn bội phần, do các buổi chiêu đãi, yến tiệc, liên hoan, lễ lạc, quà cáp..., các cụ Bộ chính trụ thì là 6 kí lô, trên thực tế là hơn 10 kí lô, là không hạn chế, là quá sự cần thiết của dinh dưỡng... Cho nên càng lên cấp cao, bụng các cụ càng lớn, chất mỡ càng thêm nhiều, theo hình ảnh: bụng to, trán bóng, ăn nói oang oang; dáng đi oai vệ... trong khi các em bé của đồng bào thì gầy choắt lại, vì các cháu chỉ có tiêu chuẩn bằng 1

phần 10 của các cụ, của các cậu ấm cô chiêu quý tử của các cụ! Siêu dinh dưỡng ở một đầu, suy dinh dưỡng ở đầu kia là một sự thật hiển nhiên dưới "chủ nghĩa xã hội hiện thực", có khác gì chủ nghĩa tư bản, có mặt còn tệ hơn.

Bùi Tín

Mặt Thật

Gấp 7 hay gấp trăm?

Khi ban hành chế độ tiền lương và cải tiến nhiều dân chế độ tiền lương ấy, những người lãnh đạo đảng cộng sản thường nói rằng khoảng cách giữa mức cao nhất (là chủ tịch nước, tổng bí thư đảng) với mức thấp nhất (lương tối thiểu của công nhân bậc thấp nhất, lao động giản đơn) là 1/7. Tỷ lệ này được coi là hợp lý, theo nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội: hưởng theo lao động. Thật ra tỷ lệ này chỉ là tương đối. Nó chỉ đúng với nhân dân, với người lao động thấp, với cán bộ sơ cấp và trung cấp. Tinh thần đồng cam cộng khổ chỉ có thật với cán bộ từ trung cấp trở xuống. Từ cán bộ cao cấp trở lên, những khoảng bổng lộc và cung cấp theo chế độ ngoài tiền lương thì nhiều không kể hết. Đó chính là đặc quyền đặc lợi được che giấu kỹ nhằm tránh gây nên sự phê phán, bực tức và phản đối của xã hội. Một ủy viên trung ương đảng, một ủy viên bộ chính trị

có mức sống cao vượt hẳn lên mức của cán bộ cao cấp, và cán bộ cao cấp có mức sống cao vượt hẳn lên cán bộ trung cấp, cho nên trên thực tế, tỷ lệ chênh lệch 1/7 trở thành 1/50, 1/100 hoặc hơn rất nhiều nữa.

Về tiêu chuẩn mặc, mỗi người dân một năm được mua 4 mét vải; được mua 2 quần đùi, 2 áo may ô 3 lỗ (không có tay); nhưng thật ra các vị nói trên có đến 5,7 bộ áo quần loại cực sang được may đo theo tiêu chuẩn: dự đại hội đảng, đi họp ở nước ngoài; tiếp khách quốc tế nhằm giữ thể diện quốc gia; áo quần dạ, quân phục do quân đội biếu tặng; hàng may mặc do quà tặng của Liên xô và Trung Quốc; từ hàng viện trợ của các đảng anh em... Riêng khoản mặc, tầng lớp Nomenclatura đã có tủ quần áo, quần áo len, quần áo dạ, áo khoác, áo mưa, quần áo dạ hội... được cung cấp và biếu tặng có giá trị gấp trăm lần một cán bộ trung sơ cấp (chỉ có trần xì 4 mét vải thô).

Còn biết bao tiêu chuẩn khác, mang ra so sánh mới thấy tất cả sự bất công phi lý của một chế độ tự nhận là dân chủ, là mang tinh thần cách mạng, là bình đẳng xã hội.

Báo hàng ngày, hàng tuần, tạp chí hàng tháng, cán bộ trung cấp phải bỏ tiền túi ra mua để đọc, hoặc đọc nhờ ở cơ quan, còn các vị trong tầng lớp đặc quyền đặc lợi thì được cung cấp không, cả gia đình đọc không hết. Theo giá

hiện nay, số tiền ấy phải tới 300, 400 ngàn đồng một tháng. Đó là báo cung cấp, báo biếu, tính vào tiền của cơ quan. Sách chính trị, sách Mác Lênin, sách kinh điển, sách văn học, nghệ thuật, tầng lớp này cũng được biếu cả. "Để các đồng chí cho xin ý kiến?" Tính thành tiền không thể biết là bao.
Vẫn chưa hết. Các vị tai to mặt lớn và toàn gia còn được cung cấp vé xem biểu diễn nghệ thuật: cải lương, kịch, xiếc, ca hát, múa, xem triển lãm, xem chiếu bóng không mất tiền nữa. Một năm thành bao nhiêu tiền? Và ở trụ sở trung ương, ở khu tập thể cán bộ trung ương còn có các phòng chiếu phim và biểu diễn nghệ thuật cho các quan chức và gia đình không mất tiền.

Như vậy là trong ngân sách gia đình, người dân thường, người lao động bình thường cho đến cán bộ trung cấp, sơ cấp có bao nhiêu khoản chi thì lên đến cán bộ cao cấp, lên đến các quan chức tai to mặt lớn, các khoản chi ấy đều lấy từ qũy công ra cả. Họ là tầng lớp không biết tiêu tiền, không cần móc túi riêng mà có đủ đến thừa thãi mọi thứ! Họ làm sao hiểu được cảnh năm cọc ba đồng, cảnh chờ tiền lương cuối tháng, cảnh từ 3 giờ sáng đi xếp hàng mua gạo khi mưa to, gió lớn, cảnh phải mặc quần áo sờn vá

của người dân, của anh chị em trí thức, giáo viên, của cả sĩ quan cấp trung tá ở các cơ quan bộ quốc phòng... ăn, mặc đã vậy. Còn đi lại thì sự khác biệt cũng cực lớn. Anh công nhân, cán bộ sơ cấp, lọc cọc cái xe đạp cà tàng. Người ta thường thấy giáo sư Trần Đức Thảo, một triết gia nổi tiếng trên đất Pháp hồi xưa, gần đây vẫn thường đạp xe con vịt (xe đạp Liên xô làm cho thiếu nhi) từ khu tập thể Kim Liên nơi giáo sư ở! Còn cán bộ cấp cao của đảng thì đã có xe ô tô riêng, lái xe riêng, hoặc là com măng ca Liên xô, hoặc là xe Pobéda, xe Lada Nga, hoặc cao hơn là xe Volga đen, và gần đây là xe Toyota, Mazda Nhật Bản, cho đến xe Mercédes của Tây Đức, xe Ford của Hoa kỳ. Một giáo sư kinh tế ở Hà nội đã tính nếu kể chi phí dị chuyển của một vị lãnh đạo của đảng và nhà nước thì mỗi tháng lên đến bạc triệu. Vì một chiếc xe con giá ước chừng 36 triệu (giá năm 1993 này); với 1 lái xe tiền lương cũng tính hàng triệu nữa. Rồi tiền xăng dầu, bảo quản... Vậy mà mỗi ủy viên bộ chính trị đâu phải chỉ một xe! Có cả một bãi xe của văn phòng Trung ương phục vụ các vị. Xe chở cả gia đình đi chơi, đi nghỉ cuối tuần và mùa hè!

Vẫn chưa hết! Xin được kể rõ: hồi trước và sau năm 1975, khi máy bay Liên xô còn có khá nhiều, có máy bay lên thẳng MI-6, MI-8..., có máy bay vận tải YAK-40, IL-18... có

cả TU lớn nhỏ, cả thảy gần 20 cái, thì mỗi ủy viên bộ chính trị và ủy viên Ban bí thư đi đầu đều có quyền điều động máy bay cho bản thân mình! Đi vào Sàigòn, Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu... họp hành và nghỉ mát. Đi Đà Lạt nghỉ hè... Đi Đồ Sơn tắm và nghỉ cuối tuần. Trong khi ấy rất nhiều trí thức đi làm những việc nghiên cứu hệ trọng thì phải gò lưng đạp xe đạp, chờ đợi xe tàu hết ngày này sang ngày khác. Chính tướng Đào Đình Luyện hồi 1975 khi còn là tư lệnh không quân (nay là thượng tướng Tổng tham mưu trưởng) đã kể cho tôi nghe nỗi khổ phải đáp ứng yêu cầu của các vị. Vì hồi đầu Hàng Không Dân Dụng còn thuộc Bộ tư lệnh không quân. Tổng bí thư, chủ tịch Quốc Hội, chủ tịch nước đi đâu đều phải có một vị trong Bộ chỉ huy không quân đích thân đi hầu hạ. Khi thì là phó tư lệnh, khi thì là chính ủy hay phó chính ủy, khi thi tham mưu trưởng, tham mưu phó của không quân... Đã vậy đối với các vị này, để bảo đảm an toàn tuyệt đối còn phải điều thêm một chiếc máy bay đi làm dự trữ phòng khi chiếc chính thức bị trục trặc. Nhất là vào mùa hè. Các vị đều muốn vào Đà Lạt, Nha Trang, Vũng Tàu, việc phục vụ bằng chuyên cơ thật căng thẳng! Chi phí di chuyển này không sao tính xiết cả! Đã thế các vị lại còn ganh ty ngầm với nhau, rồi vợ con các vị cũng lại còn ganh nhau nữa,

nên việc "hầu hạ" di chuyển này thật phiền toái và nhiều khi nan giải. Nếu cộng những khoản chi này thì khoảng cách của các "cụ lớn" so với người lao động đâu phải 1/7, nó phải là 1/100, 1/500, hay 1/1000 ấy chứ.

Bùi Tín

Mặt Thật

Những khoản nhuận bút đồ sộ

Các vị lãnh đạo đảng, nhà nước ở Việt nam đều là những tác giả của nhiều cuốn sách chính trị. Chủ tịch đảng và chủ tịch nước Hồ Chí Minh vừa viết sách, viết báo, làm thơ... Những cuốn sách từ thời xưa như Bản án chế độ thực dân ký tên Nguyễn ái Quốc, những tập thơ Ngục Trung Nhật Ký, thơ Hồ Chí Minh, Vừa đi đường vừa kể chuyện (ký tên T.Lan), Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch (ký tên Trần Dân Tiên), cho đến các báo cáo chính trị ở đại hội đảng dân thứ 3, tại Hội nghị chính trị đặc biệt năm 1963, các bài nói chuyện trong các dịp kỷ niệm lớn, tại một số hội nghị Trung ương đều được in thành sách, tái bản hàng chục dân. Nhuận bút thu được thành một số tiền lớn, bằng tiền lương của hàng trăm năm một người lao động bình thường. Số tiền này thường được giao cho các tổ chức xã hội làm giải thưởng thi đua, sửa chữa các nhà

mẫu giáo vì tác giả không có gia đình và không cần đến. Các vị Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Đức Thọ... cũng có khá nhiều sách xuất bản. Nhuận bút thu được là điều hợp lý. Trong những cái hợp lý ấy lại có những điều bất hợp lý, đến mức phi lý. Một là sách chính trị luôn được ưu tiên về xuất bản, in nhanh, giấy tốt, số lượng nhiều, nhuận bút cao. Trong khi các nhà văn, đặc biệt các nhà thơ, xếp hàng hằng năm, vài năm mới được in một cuốn với số lượng ít ỏi! Sách chính trị lại phát hành theo lối bao cấp, bắt buộc các đơn vị hành chính, nhà trường, quân đội, công an, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ mua cho tủ sách, thư viện, các phòng họp... Một cuốn sách chính trị in chỉ trong 2, 3 tuần, số lượng từ 100 người đến 500 nghìn, lại tái bản luôn. Đây là một khoản thu nhập rất lớn, cực lớn của các nhà lãnh đạo trung ương và địa phương. Cái phi lý là báo cáo ở Đại hội đảng của tổng bí thư in hàng triệu, hàng chục triệu bảng, in trên tết cả các báo hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng... đều được tính tiền nhuận bút cho "tác giả", trong khi thật ra đó là công trình tập thể và thường là do những nhóm thư ký, thư lại viết hộ! Trong báo Nhân Dân cũng thế. Báo Nhân Dân vừa là báo của Đảng, của chính phủ, địa quân đội, của Mặt Trận... trên thực tế là một công báo, nên trên

đó thường in những văn kiện chính thức. Các văn kiện, các diễn ván trường giang đại hải của các vị lãnh đạo, các bản báo cáo khô cứng tại các hội nghị lớn... đều được in trên báo và đều được nhuận bút mức đặc biệt! Văn phòng báo Nhân Dân thường cử các cán bộ mang tiền đến tận nhà riêng của các vị trong bộ chính trị và Ban Bí Thư có bài nói chuyện, có diễn văn được đăng báo, không dám để cho các "cụ bận tâm hỏi đến, trong khi các cộng tác viên tôm tép thì phải chờ dài dài, khi thì chưa có tiền mặt, khi thì "cơ quan bận họp"...

Tôi còn nhớ những khi làm những số báo Tết âm lịch của báo Nhân Dân, các "cụ lớn" gửi bài đến, nếu có bài thơ tết của Lê Đức Thọ hay của Tố Hữu thì đều được in rất trang trọng với nhuận bút "đặc... đặc biệt", "xuyên trần" nghĩa là gấp vài dân mức cao nhất. Văn phòng báo còn được lệnh của Tổng Biên Tập cử người sành mua bán đi chợ kén mua những cặp gà sống thiến đẹp mã nhất, rồi rượu ngon, hoa đẹp có khi là những chậu cúc, chậu quất để thay cho nhuận bút, vượt xa nhuận bút bằng tiền! Họ chẳng lo gì, vì ở đâu cũng là quỹ tiền công cả. Đây là dịp để làm đẹp lòng cấp trên và có lợi cho cá nhân "ông chủ báo" khôn ngoan. Cả cơ quan đều kháo nhau, bĩu môi, lắc đầu khi nói chuyện riêng với nhau, nhưng nói chung đều chấp nhận

như một kiểu sống dưới "chủ-nghĩa xã hội hiện thực". Tiền nhuận bút sách và bài báo chiếm một tỷ lệ khá lớn, thường là gấp hàng vài chục dân tiền lương danh nghĩa của các vị lãnh đạo, mà khoản thu nhập này lại kín đáo, có vẻ hợp pháp! Chỉ khổ cho người dân đen, vừa bị "tra tấn" tinh thần vừa phải nghe, phải đọc những tập báo cáo dài dòng khô khan, đầy kháu hiệu sáo rỗng, lại còn phải nộp thuế để trả tiền cho các tác giả của các cuốn sách và bài báo ấy một cách rộng rãi đến vậy!

Bùi Tín

Mặt Thật

Nhà cửa: một vấn đề nổi cộm lớn nhất

Ai cũng biết Hà nội đông người, nhà ít. Thành phố dự định có 40 vạn người thời thuộc Pháp đã phình lớn lên gần 2 triệu người, nội thành hiện có gần 1 triệu người. Tốc độ xây dựng nhà không kịp với tốc độ tăng số dân. Từ trung bình mỗi đầu người có 6 mét vuông nhà ở hồi 1955 đã tụt xuoỏng 5 mét rồi 4 mét và dưới 4 mét vuông trong nội thành hồi 1987, 1988. Trong số dân ở Hà nội hiện nay, người thật sự là gốc Hà nội chỉ chiếm có 12 phần trăm. Phần lớn là người từ các tỉnh và các vùng nông thôn quanh thủ đô kéo vào từ năm 1950, 1951, rồi sau đó là từ 1955, 1956... Người khu 4, các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩn chiếm một tỷ lệ không nhỏ. Các biệt thự xưa kia chỉ một gia đình ở thì nay chứa đến 3, 4 gia đình, thậm chí 10, 12 gia đình. Có khi một buồng con để đồ đạc lặt vặt dưới một cầu thang gác cũng là một buồng ở cho một gia đình!

Nhiều hàng hiên bao quanh nhà kiểu biệt thự được che chắn bằng gỗ hoặc xây tường mỏng để trở thành buồng ở! Thời bao cấp, ai xây nhà là bị làm khó dễ. Tiền ở đâu ra mà xây nhà? Mua gạch, ngói, xi mãng ở đâu? Vì tất cả nguyên liệu là từ kho từ nhà máy của nhà nước, của tập thể. Hồi 1979 đến 1982 nhiều nhà ở Hà nội bị kiểm tra hành chánh trong kế hoạch X30 vì đã xây nhà mới; một thủy thủ đi tàu biển viễn dương, một người lái máy bay dân dụng, một cán bộ trung cấp học ở Liên xô về... bị tịch thu ngôi nhà mới xây thường chỉ rộng 40 mét, 60 mét vuông, 1 hoặc hai tầng; so với cơn sốt xây nhà mấy năm nay (từ 1991 đến 1993) thì những ngôi nhà ấy chỉ là "tôm tép". .

Hồi 1986 đã sôi nổi dư luận vụ nhà của nguyên bộ trưởng Tô Duy, một thời là chủ nhiệm ủy ban vật giá trung ương, chủ tịch phòng Thương mại... Phóng viên báo Quân Đội Nhân Dân Trần Đình Bá có ý định phanh phủi vụ nhà này, qua đó nêu lên một vấn đề rộng lớn hơn về bất công xã hội trong nhà ở, một kiểu đặc quyền lợi phi lý. Vụ này bị ỉm đi vì động chạm đến một cán bộ cấp cao và qua đó đụng chạm đến cả một tầng lớp quan chức đương quyền. Rồi Trần Đình Bá không còn có thể tiếp tục ở báo Quân Đội Nhân Dân được nữa. Anh viết sách về vụ này và sách của

anh cũng không được lưu hành binh thường!
Vấn đề nhà ở ở Hà nội, ở Sài Gòn, ở Việt nam là vấn đề cực kỳ nóng bỏng! Tính chất bất công của chế độ hiện lên rõ ràng qua vấn đề này.
Các nhà chính trị ở Hà nội thường nói đến đồng cam cộng khổ giữa đồng chí và đồng bào, thế nhưng trong vấn đề nhà ở làm sao có thể coi là đồng cam cộng khổ giữa một ông lớn ở nhà cao cửa rộng hàng 100, 200 mét vuông với một viên chức cán bộ trung cấp, một đại úy hay thiếu tá ở một buồng con 9 thước vuông cùng vợ và 2 hoặc 3 con? Có không ít đại tá có chức lớn, có quyền to có biệt thự hai tầng, có vườn hoa, có nhà để xe ở Sài Gòn, trong khi ấy cũng có hàng trăm đại tá phải tự lo lấy nhà ở, quân đội và nhà nước vẫn bắt "xếp hàng" chờ mỏi cả mất để "giải quyết khi có dịp", và nay vẫn buộc phải ở tạm theo tiêu chuẩn chung của nhân dân: dưới 4 mét vuông 1 đầu người! Họ không có các mối quan hệ thuận lợi, không có thần có thế, không lanh lợi, tháo vát, không "láu cá" như bà con thường nói, nên đành phải chịu đựng sự thiếu thốn và cực khổ. Họ cũng ra các bể hoặc máy nước công cộng để xách nước, vẫn lạch cạch chiếc xe đạp cũ để di chuyển.
ở báo Quân Đội Nhân Dân, có một phó tổng biên tập khôn

ngoan, "láu vặt", đóng kịch giỏi, nói ra thì "đạo đức đầy mình", biết ra vào thưa gởi thầm thì báo cáo với cấp trên trong Tổng cục chính trị, anh ta gạt hết các đối thủ để giành ghế Tổng Biên Tập, giành luôn riêng một ngôi nhà ở số 6 Lý Nam Đế, sau khi đẩy đi gia đình đồng chí cấp dưới ở cùng nhà để độc chiếm ngôi nhà có vườn, có bếp ấy. Đến tuổi về hưu, anh ta lại chạy để kiếm chức phó tổng thư ký của hội nhà báo, trở thành người phát ngôn không chính thức của chế độ. Ngôi nhà được sửa sang để trở thành phòng khám bệnh chữa răng của bà vợ từ một quân y viện về nghỉ hưu, không quên mang theo thuốc và máy chữa răng của quân đội! Đây là một "mẫu mực", một tiêu biểu cho một cán bộ "biết sống trong chế độ". Cạnh đó là một đại tá cũng ở báo Quân Đội Nhân Dân đã về hưu, sống bần hàn trong một ngôi nhà chật với vợ yếu và 3 con gái, chỉ vì tuy có tài, có tâm, am hiểu tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, chữ Hán, chữ Nôm, từng bị thương nặng ở chiến trường miền Nam nhưng lại "không biết cách sống". Vốn là con một vị tổng đốc cũ và dù đi bộ đội tứ khi 17 tuổi năm 1945, anh ta không bao giờ được chấp nhận là một thành viên của tầng lớp quan chức đặc quyền đặc lợi! Anh có vốn văn hóa rộng, luôn nghĩ đến nhân cách "làm người", không biết tranh thủ, xu nịnh như

vị cựu thừa phái khôn ngoan nọ, nên phải chịu cảnh hẩm hiu, sống trong một căn nhà để xe (ga-ra) cũ. Tôi đã gặp rất nhiều lần con gái anh đi quét lá bàng về đun nấu, bản thân anh rạp người đạp chiếc xe đạp cũ phân phối báo và tạp chí cho các sạp báo ngay sau khi về hưu. Trong hàng ngũ cấp tướng của quân đội, khá nhiều vị có nhà cao cửa rộng, có của ăn của để, còn lo được nhà ở cho cả con trai, con gái, con dâu, con rể, cho cả họ hàng thân thích. Đó là các ông tướng có chức lớn quyền cao, tư lệnh quân chủng, binh chủng, phụ trách các ngành vật chất: quân nhu, quân trang, quân giới, quân y, kỹ thuật, xe máy, doanh trại, tài vụ... Họ có nhiều quà cáp, từ nhiều mối quan hệ móc ngoặc, có đi có lại. Của cải chìm nổi của họ không sao hình dung được. Thế nhưng cũng có một số vị tướng tôi quen, có đức có tài có lý tưởng sống ngay thẳng, có nhân cách, làm việc ở cơ quan, trường học, học viện, lương ba cọc ba đồng, vài bộ quần áo, sống ở ngoại ô hoặc nông thôn không hơn gì người dân bình thường. Họ chỉ có chức cao mà không có quyền, họ lại không ham hố, có khi bị vợ con trách cứ là không biết sống, là "khốt-ta-bít" theo tên ông già "Khốt-ta-bít" trong một bộ phim Liên xô sống "lẩm cẩm" với lý tưởng, là dở hơi, không biết sống theo thời thế... Cũng là hai ông tướng, nhưng cuộc sống

một trời một vực; một vị ở trong tầng lớp đặc quyền đặc lợi, lột vị sống ở ngoài rìa, chịu thiệt thòi, hòa với đồng bào mình.

Nhà ở của các vị lãnh đạo chóp bu thì khỏi phải nói. Tổng bí thư Lê Duẩn có ngôi nhà rộng lớn ở đường Hoàng Diệu, được nhiều lần mở rộng và xây cất thêm, lại còn ngôi nhà 3 tầng lớn đường Trần Quốc Toán, nơi bà vợ cả từ Bích La, Triệu Phong, Quản Trị ra ở. Bà vợ hai này là bà Nga, còn gọi là bà Bảy Vân, ủy viên thường vụ tỉnh ủy An Giang đặc trách về công tác tuyên huấn hồi sau 1975, có ngôi nhà lớn giữa thị xã An Giang, sau về Sài Gòn làm phó tổng biên tập báo Sài Gòn Giải Phóng cũng có một biệt thự lớn khác; cậu con trai lớn tên Hãn, nguyên là đại tá ở bộ đội phòng không, được đề bạt thiếu tướng, vào quân khu 7 (Sài Gòn) làm phó tư lệnh đạc trách về kỹ thuật được phán phối ưu tiên một ngôi nhà 3 tầng có vườn rộng. Theo tin từ Sài Gòn, khi hóa giá nhà năm 1992, anh ta chỉ phải trả cho sở nhà đất có 16 lượng vàng, nhận giấy ghi nhận quyền sở hữu để sau đó bán ngay cho một công ty nước ngoài lấy gần 120 lạng vàng bỏ túi! Biết bao cán bộ đảng viên theo cách mạng, theo đảng hơn 30 năm lẻ, vẫn còn xếp hàng mỏi cổ để chờ được phân phối một căn

buồng nhỏ 16 mét vuông hoặc 22 mét vuông? Hoặc đang ở phòng quá chật, họ phải chờ hàng chục năm mới được phân phối một phòng rộng hơn 4 mét vuông, 6 mét vuông... sau khi đẻ 2, 3 con! Đó, một chế độ "dân chủ nói thao thao bất quyệt về "công bằng xã hội", về "tình đồng chí chung ngọt xẻ bùi", đói khổ có nhau, trên dưới đồng cam cộng khổ như vậy đó?

ở các cơ quan đều có những "ban phân phối nhà" để làm cố vấn cho cấp ủy và thủ trưởng và ban công đoàn, có nhiệm vụ bàn đến nhà ở cho cán bộ, công nhân viên. Các tổ chức này vẫn nặng về tính chất tham khảo, "trang sức" vì không được bàn đến nhà ở của cán bộ cao cấp, của cấp trên, do "trên" quản lý và phân phối; họ chỉ bàn việc phân phối nhà cho cán bộ dưới và nhân viên, cho những người trên thực tế là ở ngoài tầng lớp quan chức đặc quyền đặc lợi của chế độ.

Từ năm 1989, các nhà nghỉ mát đặc biệt của Bộ Chính Trị ở Quảng Bá, bên hồ Tây Hà nội; ở Đồ Sơn, Tam Đảo; ở Nha Trang, Đà Lạt, Vũng Tàu... đã được chuyển giao cho các công ty du lịch để kinh doanh, vì các vị cầm quyền lo rằng tiếp tục giữ hàng trăm ngôi nhà lớn ấy cho riêng họ thì ắt sẽ bị dư luận lên án và nhân dân căm phẫn vạch mặt. Chỉ đến lúc chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở Liên xô

và Đông Âu họ mới phải nhượng bộ đôi chút một cách bị động và kín đáo như vậy? Đã bao nhiêu lần, lãnh đạo buộc phải nói đến cải cách chế độ nhà ở của các bộ cáp cao, thế nhưng mọi sự đều giữ nguyên như cũ với biết bao điều bất hợp lý. Có ủy viên bộ chính trị, bộ trưởng có nhà ở Hà nội, vẫn còn giữ nhà ở Sài Gòn. Có vị tướng có đến 2 hoặc 3 nhà, giữ cho vợ và con, sang tên một cách mờ ám để chiếm nhà của nhà nước. ở Hà nội cũng như ở Sài gòn các vị chủ tịch, phó chủ tịch thành phố, các chủ tịch, phó chủ tịch quận, các giám đốc sở và trưởng phòng nhà đất quận đều thu nhập những khoản tiền và vàng không sao tính hết để bán nhà, bán đất, phân phối nhà đất theo cửa sau, trong những cuộc mặc cả mờ ám... Và biết bao nhà cửa đã được phân phối theo thư tay, trong thời kỳ lộn xộn sau 30-4-1975, khi bí thư tỉnh ủy, chủ tịch tỉnh và giám đốc công an tỉnh có quyền hạn không hạn chế, định đoạt mọi chuyện trong giang sơn của mình; từ chuyện bắt giam, bỏ tù cho đến tịch thu tài sản, phân phối chiến lợi phẩm thu được trong các chiến dịch cải tạo, kiểm tra hành chính, trong đó, việc phân phối, chia chác nhà cửa là một việc làm hết sức tùy tiện, tùy hứng, không theo một quy định, một pháp luật nào!

Bất công này sẽ được giải quyết ra sao? Biết bao trí thức

chân chính, văn nghệ sĩ có tài năng, nhân sĩ có trình độ, đóng góp không ít cho đất nước phải sống chật chội, âm thầm chịu đựng, tủi nhục lặng lẽ cho số phận của mình, trong khi tầng lớp đặc quyền đặc lợi rất ít cống hiến, thậm chí phá nhiều hơn xây dựng cho đất nước, thì vênh vang đài các sống trong các biệt thự xa hoa lớn nhỏ. Dân nói không sai, họ thay thế cho những kẻ cầm quyền thối nát khi xưa và điều thật mỉa mai và ô nhục, họ tỏ ra còn kém, còn tệ hơn nhiều về trí tuệ và nhân cách không ít người trong những tầng lớp cầm quyền mà họ thay thế!

Bùi Tín

Mặt Thật

Những chuyến xuất ngoại

Năm 1985, một chuyên cơ Liên xô nhận trách nhiệm đưa một đoàn khách đặc biệt của Việt nam từ Moscow về Hà nội. Đây là đoàn do Tổng bí thư đảng cộng sản Việt nam cầm đầu, có 12 nhân vật chính thức và 19 cán bộ nhân viên tùy tùng. Máy bay cất cánh trễ 40 phút vì một trục trặc hiếm có! Đó là do số hàng hóa đi theo đoàn quy định mỗi người mang trong mức 60 kilôgam, so với máy bay hành khách đã là gấp 3 lần, chưa kể các cặp, túi xách tay và một số hàng tặng phẩm. Thế nhưng khi 3 xe tải lớn chở hàng ra sân bay thì quá tải đến 6 tấn! Phía Liên xô kiên quyết phản đối, không chất lên máy bay số hàng quá tải, "để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đoàn". Phía Việt nam cứ nêu là trước đây cũng thế, máy bay lớn, sức chở rất nặng, thêm 6 hay 7 tấn thì có gì đáng kể! Nhưng ở Liên xô đã vào thời kỳ đổi mới, không thể xuê xoa làm càn như cũ!

Họ biết rất rõ đó là 6 tấn gì? Đó là hàng đi khua khoảng khắp Moscow của các vị trong sứ quán Việt nam, phục vụ đoàn của Tổng bí thư và cũng kiếm lợi cho riêng các quan chức trong sứ quán. Nói toạc ra là hàng lậu. Hàng dựa vào công vụ, vào hộ chiếu ngoại giao, xuất nhập không thuế để mang về Hà nội bán theo kiểu 1 vốn 4 lời! Đó là lưỡi cưa kim loại, máy bơm nước, máy may, máy kéo sợi, là nồi áp suất, bàn là, là thuốc tây đủ loại... của chính gia đình Tổng bí thư, các Bộ Trưởng, Thứ Trưởng, Vụ Trưởng, nhân viên trong đoàn.

Mặc cho đại sứ Việt nam phải cúi mặt van xin phía Liên xô các bạn Liên xô vẫn từ chối chở số hàng hóa quá tải. Họ kiên quyết cho phía Việt nam một bài học? Thế là máy bay cất cánh, và 6 tấn hàng phải chở về, chất đống la liệt trong sân của sứ quán Việt nam! Sau mấy tháng, hàng vẫn chở về Hà nội được, vì thiếu gì cách, chuyển vào Công-te-nơ hàng ngoại giao, hay chở đường biển từ biển Đen hoặc Vladivostock. Chỉ có lâu! Tất nhiên tổng bí thư đã ra lệnh là cấm mua hàng kiểu buôn bán! Chỉ mua để dùng! Nhưng chính gia đình của tổng bí thư cùng với mấy cận thần như Chánh văn phòng, bí thư, vệ sĩ... lại mua không ít. Hàng chục máy bơm, hàng trăm bàn là, quạt máy, hàng chục nồi áp suất, hàng ngàn lưỡi cưa, hàng nghìn vỉ thuốc... chắc

đều là quà cho con cháu thôi mà? ở Moscow và Hà nội, hàng hóa đặc biệt một thời lên xuống giá theo nhịp độ của các chuyên cơ (máy bay lớn đặc biệt chở các quan chức chóp bu đi việc nước). Khi có máy bay sắp lên đường, ở Hà nội giá ki-mô-nô thêu, giá áo sơ mi nữ thêu, giá áo Thái Lan có hoa kim tuyến, giá kem, phấn sáp trang điểm cao vọt lên; quần jeans và áo gió cũng táng lên rõ rệt. ở Mát (tiếng gọi Moscow của giới sinh viên buôn bán) cứ có chuyên cơ Việt nam đến là các hàng đầu vị kể trên cũng tăng vọt lên. ở Liên xô cũ, giá hàng ổn định suốt hàng mấy chục năm, khắc rõ ở đế quạt máy, ở bàn là, ở máy bơm... Thế nhưng sứ quán có cả một kho để nhượng lại cho cán bộ sang công tác đỡ phải đi xếp hàng, chỉ tính "hữu nghị" thêm 20 phần trăm, có khi 30 phần trăm! Anh em gọi đó là máy chém, là thói bắt chẹt, là thủ đoạn làm tiền của sứ quán! Cho nên dù thị trường tự do chỉ mới được nói đến công khai ở Việt nam từ sau đại hội VI (1986) thật ra tầng lớp đặc quyền đặc lợi đã xây dựng một kiểu thị trường tự do của mình từ khá lâu, và đã thực hiện kế hoạch xuất nhập khẩu tự do cho riêng mình, từ hàng vài chục năm trước. Một anh bạn ở báo Nhân Dân đã có lần cùng tôi tính rằng một cán bộ được đi công tác ra nước ngoài trung bình được độ 800 rúp tiền lời (lúc bấy giờ ước tính bằng

500 đô la), bằng tiền lương suốt hai năm làm việc. Nếu anh ta có vốn, có bạn bè ở Liên xô tiếp sức fhì 1 chuyến đi có thể mang lại gấp 10 lần, bằng tiền lương 20 năm. Nếu anh ta là con buôn thực thụ, đi về mỗi năm vài lần, có tay trong sành sỏi, biết đường giây buôn bán và bản thân tháo vát, thì có thể thành triệu phú rúp sau 1, 2 năm. Nếu dám liều buôn hàng cấm thì vô cùng, có thể thành triệu phú đô la, như hiện nay đã có vài chục người Việt nam ở Moscow đạt được mức ấy. Trước đây không lâu, xuất ngoại là độc quyền của tầng lớp Nomenclature vì chỉ có các quan chức cao cấp nhất là thường hay xuất ngoại và hướng xuất chỉ đến Moscow, Bắc Kinh và thủ đô các nước xã hội chủ nghĩa cũ. Về sau, chỉ có các nhà ngoại giao ít ỏi đi một số nước tư bản, vì các nước này luôn bị coi là thù địch. Cán bộ trí thức, các nhà khoa học kỹ thuật, các nhà báo, văn nghệ sĩ cũng gần như chỉ đi họp công tác, học tập ở các nước cộng sản anh em. Mỗi chuyến đi đều được tuyển chọn kỹ, qua cơ quan an ninh và cơ quan tổ chức cán bộ. Hộ chiếu công vụ và hộ chiếu ngoại giao đều do vụ lãnh sự bộ ngoại giao giữ. Khi có chứng nhận của cơ quan an ninh và cơ quan tố chức cán bộ xét duyệt và thông qua đưa trình vụ lãnh sự thì đương sự mới được giao hộ chiếu. Khi về nước hộ chiếu được thu hồi ngay tại sân

bay. Còn hộ chiếu thường của công dân thì trước đây hầu như không có vì công dân trên thực tế không có quyền xuất ngoại.
Cả một thời gian đài, xuất ngoại là độc quyền, là đặc quyền của một tầng lớp quan chức của Đảng. Một số nhân sĩ thỉnh thoảng được xét đến và được chiếu cố cho đi một vài cuộc họp, nhưng luôn có đảng viên cấp cao đi kèm để lãnh đạo, đồng thời và chủ yếu là để kiểm soát, theo dõi chặt chẽ. Một điều làm cho nhiều cơ quan ở nước ngoài rất khó chịu và phản đối là thường họ mời đích danh một giáo sư, một nhà văn, một nhà báo, một trí thức nào đó đi dự hội nghị quốc tế thì các vị nắm quyền ở Việt nam lại tự động đánh tráo, cử người khác đi thay thế, mà người đó nhiều khi không có đủ tiêu chuẩn cần thiết! Họ được chọn chỉ vì là bà con thân thiết, là phe cánh của các vị lãnh đạo. Cho đến nay, chỉ có Việt nam là nước xử sự một cách kỳ quặc, thiếu văn hóa như vậy!

Trong khi đi họp, làm việc ở nước ngoài, có quy định là mọi thu nhập đều phải báo cáo, các tặng phẩm có giá trị dù là tặng cá nhân cũng đều phải nộp lên trên để xem xét và chỉ cho nhận một phần rất nhỏ, "vì đất nước còn nghèo", cần đưa vào công quỹ! Mọi quy định này được

cán bộ các sứ quán nhắc nhở kỹ, nhưng trên thực tế chỉ có cán bộ sơ cấp và nhân sĩ ngoài đảng là chấp hành nghiêm chỉnh. Còn cán bộ cao cấp của đảng và nhà nước thì thường quên mất quy định này! Và các vị này đều có những tặng phẩm rất lớn. Qua các cuộc đi thăm chính thức các nước anh em, Tổng bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng, Chủ tịch Quốc hội thường được tặng những món quà có giá trị rất lớn: Đài thu vô tuyến truyền hình màu loại mới nhất, các bộ máy ghi âm, video, máy thu thanh hiện đại, các lọ pha lê lớn, thảm len, vải len, nhung lụa loại thượng hạng, đồng hồ vàng, đồ mỹ nghệ, trang sức đắt tiền bằng ngọc, đá quý, vàng cho các quý phu nhân, cho đến sâm nhung rượu bổ loại đặc biệt và các đặc sản quý hiếm khác của từng nước...

Người ta thường thấy phu nhân các cụ lớn ra cửa hàng đặc biệt bán hàng lấy ngoại tệ ở đường Hàng Trống trông ra Hồ Hoàn Kiếm Hà nội, gửi bán dần những tặng phẩm của Quý Phu quân để lại. Tất cả có thể thành một nhà bảo tàng nhỏ nói lên trình độ công nghiệp và mỹ nghệ của các nước anh em trước đây.

Đây là sự có đi có lại giữa các Nomenclatura các nước anh em trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. Ngân sách quốc gia đều có khoản đặc biệt về tặng phẩm cho các đoàn cấp

cao nhất. Các vị đến Việt nam đều khuân về: nào là những cặp đồi mồi cực lớn; những bộ đa hổ lớn, những cặp ngà voi quý, những bộ khay cốc chén bằng bạc, những bộ cùi dĩa, phóng xiết lớn bằng bạc; những cuộn thổ cẩm, những thảm len đặc biệt, cho đến các bộ áo quần may đo bởi thợ may lành nghề nổi tiếng của thủ đô Hà Nội các bộ áo quần ngủ thêu tay, những tập dày đồ thêu, ren trang trí, rồi đến từng thùng rượu trắng rượu ngâm tắc kè, rồi các bộ bàn ghế khảm trai, khảm xà cừ giá trị hàng chục triệu đồng mỗi xuất tặng phẩm cá nhân. Đó là các lọ cổ, các bình phong bằng gỗ quý... tài sản quốc gia cực lớn, nhiều thứ cực kỳ quý hiếm. Chẳng đi đâu mà mất cả. Của chú trao đi, của dì trao lại. "Nghĩa vụ quốc tế là cùng giúp nhau cho tầng lớp đặc quyền đặc lợi của mỗi nước giàu sang lên, thêm trưởng giả lên, tiến kịp các nước giàu có của thế giới! Đấy trên thực tế là một cuộc thông đồng lớn nhằm tước đoạt tài sản quốc gia để nuôi béo những tập đoàn cám quyền tham nhũng mang danh cách mạng và cộng sản!

Quan hệ móc ngoặc trong nội bộ tầng lớp đặc quyền ở Hà nội, thời bao cấp có câu châm ngôn vỉa hè: nhất thân, nhì quen, tam quyền, tứ chế, nói lên mối quan hệ giữa những người có chút quyền lực trong xã hội. Trước hết là thân, bạn thân, người thân trong gia đình. Thứ hai đến quen,

người quen là do tình cảm, là giúp đỡ, chiếu cố nhau. Thứ ba đến người có quyền, phải thỏa mãn họ để được họ che chở khi cần, để họ giúp đỡ, hỗ trợ. Thứ tư mới đến chế, có nghĩa là chế độ, chế độ phân phối theo tiêu chuẩn được qui định.

Các quan hệ móc ngoặc do thân do quen, do quyền thế bao trùm các mối quan hệ phân phối hàng hóa và đặc quyền trong xã hội. Cô mậu dịch bán gạo móc với bà mậu dịch bán thịt. Thế là cả hai có gạo ngon, có thịt thăn, thịt chân giò hảo hạng. Hai người này lại móc với bà phụ trách cửa hàng bách hóa, thế là khi nào có vải đẹp, có len ngoại về được ưu tiên báo tin để đến mua theo phiếu... Đó là móc ngoặc, cảm tình trong nội bộ ngành mậu dịch. Các cô mậu dịch lại móc với các ông bà ở ngành y tế, để khi cần được đưa bố, mẹ, con đến chữa bệnh, xin thuốc tốt (vì thời đó thuốc được phát không lấy tiền), có khi được vào nằm bệnh viện để chữa bệnh, để mổ xẻ thuận lợi... Các ông bà bác sĩ lại móc ngoặc với các vị ở sở giáo dục, ở bộ giáo dục để con cái họ được nhận vào trường mẫu giáo loại tốt nhất, học ở trường đại học hay chuyên nghiệp ra được xếp cho nơi công tác ở Hà nội, ở tỉnh gần, theo nguyện vọng... Các vị trên lại móc ngoặc với những cán bộ ở ngành văn hóa nghệ thuật để các vi này cho vé xem

phim, xem kịch đủ các dạ hội ca múa nhạc đặc sắc. Các nhân vật trên lại có quan hệ có đi có lại với sở nhà đất để việc thuê nhà, đổi nhà, tậu đất được thuận lợi, hợp với nguyện vọng.

Những quan hệ móc ngoặc, thân quen, "có đi có lại mới toại lòng nhau" như trên rất dễ hiểu, trở nên bình thường, tạo nên một lớp người sống ung dung, thoải mái, dưới chế độ bao cấp chặt chẽ do thiếu thốn hàng hóa thường xuyên, mọi thứ đều khan hiếm, từ gạo, đường, sữa đến xà phòng, diêm, vải, cho đến cả quần đùi, áo lót, cả đến kim, chỉ, giấy bản, vải màn cho phụ nữ dùng hàng tháng cũng có khi khan hiếm! Thời ấy, đầu óc các bà nội trợ ngổn ngang những con số và thông báo; các bà do lo toan tần tảo, nhớ thật tài! Tháng này ngày nào, sữa hết hạn bán! Tháng này được mấy lít đầu, mấy bánh xà phòng, mấy lạng đường... Rồi cầm cả mấy tập tem phiếu, các bà nhớ phiếu số 5B là mua gì, 6C là mua gì... Rồi ngày lễ, ngày Tết mua được gì thêm ở cửa hàng nào, thời hạn nào... Tất cả những phiếu lớn, nhỏ, đủ màu sắc ấy, cứ mỗi lần mua các cô mậu dịch lại cắt đi một ô, phải cất giữ cẩn thận, mất là chịu chết, chịu thiệt thòi lớn... Cho nên mất tem phiếu, mất sổ gạo... là một tai họa có khi còn hơn cả mất trộm! Trong nếp sống móc ngoặc ấy, điều cần vạch rõ là móc

ngoặc của cáo quan lớn, những người có quyền thế lớn. Bộ trưởng này móc với bộ trưởng khác. Bí thư tỉnh này móc với bí thư tỉnh khác. Các vị uỷ viên trung ương đảng móc với nhau; đó là sự móc ngoặc của những nhân vật có quyền cao, chức trọng, thuộc táng lớp quan chức đặc quyền đặc lợi của chế độ. Các móc ngoặc kiết này thường là qua gặp gỡ, vỗ vai, bắt tay nhau, hứa hẹn, nhớ kỹ, thực hiện sòng phảng vì có đi có lại có lợi cho các bên.

Chính đo móc ngoặc có thương lượng hoặc mặc nhiên hiểu ngầm giữa các vị "quan lớn" cửa chế độ mà vợ con nhiều vị được cử vào các vị trí đặc biệt, được đi học hoặc đi công tác ở nước ngoài, bất chấp tiêu chuẩn về trình độ văn hóa, chuyên môn. Chính do tinh thần ấy mà khi ông Lê Đức Thọ (lên thạt là Phan Đình Khải) đã ở vào vị trí uỷ viên bộ Chính trị, uỷ viên quân uỷ trung ương (sau là uỷ viên đảng uỷ quân sự trung ương- cho dù không có một ngày ở trong quần đội) thì hai em ruột của ông đều làm lớn: ông Đinh Đức Thiện (tên thật Phan Đình Dinh), lên đến cấp trung tướng, phó chủ nhiệm tổng cục hậu cần, rồi Tổng cục trưởng tổng cục dầu khí, rồi bộ trưởng bộ dầu khí của chính phủ, mặc dầu ông không có một chút kiến thức gì về khoa học, kỹ thuật cả.

Trước đó ông từng là Bộ trưởng bộ cơ khí luyện kim, là

Trưởng ban xây dựng khu gang thép Thái Nguyên, trong khi ông không có hiểu biết ngay cả ở trình độ sơ cấp về cơ khí, về luyện kim! Và em út của ông Lê Đức Thọ là Mai Chí Thọ (tên thật Phan Đình Đống) lên đến uỷ viên Bộ chính trị, đại tướng công an, Bộ trưởng bộ nội vụ sau khi là chủ tịch uỷ ban hành cánh thành phố Hồ Chí Minh, mặc dầu chưa qua một lớp học nào về đào tạo cán bộ an ninh! Người ta thường gọi đó kiểu làm "quan tắt": Em gái ông Lê đức Thọ cũng được cử làm chủ nhiệm các cửa hàng mậu dịch quốc tế Hà nội, năm trong tay các cửa hàng đặc biệt cung cấp hàng hóa cho các chuyên gia, các cơ quan ngoại giao và những cửa hàng đặc biệt, kín đáo cung cấp riêng cho Bộ chính trị và ban bí thư, đặt ở phố Tôn Đản, phố Ngô Quyền và phố Hàng Trống Hà nội. Vậy là cả một gia đình lớn nắm những chức vụ then chối, có nhiều quyền lực và bổng lộc vào loại bự nhất của chế độ.

Tổng bí thư Lê Duẩn có bà vợ hai làm đến uỷ viên thường vụ tỉnh uỷ An Giang, sau là phó tổng biên tập báo Sài Gòn Giải Phóng, mặc dầu không có tay nghề làm báo, chỉ ngồi dự các cuộc họp của tòa soạn một cách hình thức! Các con ông Lê Duẩn đều được học Liên xô, ngoài tiêu chuẩn bình thường. Đó là Thành, học ở Liên xô cùng lớp với Võ Điện Biên, con của đại tướng Võ Nguyên Giáp về kỹ thuật

hàng không quân sự. Đó là Vũ Anh, con gái, được học ở trường đại học Lomonossov, nguyên là con dâu của thứ trưởng ngoại giao Đinh Nho Liêm, về sau lấy một giáo sư Nga, chết năm 1981 ở Moscou trong một vụ mổ khi mang bầu quá lớn, bị chảy máu quá nhiều. Hai con rể của ông Lê Duẩn thì một là tiến sĩ giáo dục tốt nghiệp ở Cộng Hòa Dân Chủ Đức, Hồ Ngọc Đại và một là kỹ sư cơ khí đào tạo ở Nga, Lê Bá Tôn, cả hai đều quê ở Quảng Trị; hai người khác hẳn nhau. Lê Bá Tôn kiêu ngạo, loại công tử huênh hoang, ăn chơi khá nổi tiếng, thường được anh em gọi là: Lê Ba Tôi (vì hay đưa bố vợ ra khoe để tạo thế cho mình), trình độ chuyên môn yếu, có dạo ngấp nghé lên Thứ Trưởng Bộ cơ khí nhưng vi sợ dư luận không thuận nên Ban tổ chức cán bộ phải bỏ ý định này. Còn Hồ Ngọc Đại thì có trình độ nghiên cứu, có sáng kiến đề ra một đường lối giáo dục mới lấy học sinh làm chủ, đánh thức tiềm năng vốn có của học sinh, tạo nên một hệ thống trường thực nghiệm mặc dù sáng kiến này bị các quan chức bảo thủ cũ của Bộ Giáo Dục ngăn chặn. Hồ Ngọc Đại sống giản dị, từ chối những ưu đãi đặc biệt của một "phò mã", lụi cụi đạp xe đạp đi làm, chan hòa với tuổi trẻ, tận tâm lao động bằng sức mình, thật lòng có tâm huyết với thế hệ trẻ và nền giáo dục của đất nước. Đây là một con người hiếm trong chế

độ đặc quyền đặc lợi, bị những người trong tầng lớp ấy gọi là "phò mã cứng đầu, dở hơi, không chịu học thuộc bài.
Dư luận còn bàn nhiều đến các bà vợ của các "cụ lớn". Như bà Tư, vợ ông Nguyễn Duy Trinh, từng là uỷ viên bộ chính trị, bộ trưởng bộ ngoại giao. Bà là vụ trưởng Bộ nội thương, lại là vụ trưởng vụ kế hoạch chuyên phân phối hàng hóa, vụ then chốt của bộ, mặc dầu trình độ chỉ là ở mức trung cấp! Lợi lộc ở vị trí này không nhỏ!
Đó còn là bà vợ của cựu thứ trưởng bộ văn hóa Hà Huy Giáp, làm thứ trưởng bộ công nghiệp nhẹ, nắm trong tay cả ngành đất lớn của đất nước mặc dù không có hiểu biết gì cơ bản về công nghiệp! Đó cũng là bà Thanh, vợ của cựu uỷ viên Bộ Chính tri, phó thủ trưởng Tố Hữu. Khi ở Việt Bắc, bà mới phụ trách lãnh đạo một đơn vị văn nghệ nhỏ sau khi ở Thanh Hóa lên với nhà thơ. Bà vào ngành Tuyên huấn, từ năm 1974 nghiễm nhiên là Trưởng phòng Báo cáo viên chính tri của ban Tuyên huân trung ương ngang cấp vụ trưởng loại 1 để từ 1977 lên Phó Ban Tuyên Huấn Trung ương đảng, ngang với một thứ trưởng, chuyên đi họp Báo cáo viên chính tri của Đảng ở Liên xô, Ba Lan, Đông Đức, Mông Cổ... Cả ngành Tuyên Huấn đều tôn trọng bà (về hình thức, vi là bà lớn, vợ của cụ lớn uỷ viên bộ chính trị) đồng thời lại "thương hại" cho bà, vì cầm

đầu lực lượng báo cáo viên mà bản thân bà không bao giờ nói chuyện hay trình bày nổi một vấn đề chính trị hay thời sự nào. Cũng giống như bà Trần Thị Tích, vợ của Tổng biên tập báo Nhân Dân Hoàng Tùng, công tác ở báo Nhân Dân, ở đủ các Vụ và Ban, từ văn phòng đến ban bạn đọc, Ban nữ công, để lên tới Trưởng ban Nội Chính của báo Đảng, ngang cấp vụ trưởng loại 1, bà không tự viết nổi một bài báo nào có chất lượng, thế mà vẫn có bài trên báo, do phu quân viết hộ! Về hưu từ năm 1987, sau trung ương cho lên đến bậc 7 (ngang với thứ trưởng) bởi thành tích cũ: vào đảng từ trước tháng 8-1945!

ở các tỉnh, tình hình còn bê bết hơn nhiều. Học theo trung ương có khi Giám đốc bệnh viện không có tý hiểu biết gì về y tế, Trưởng phòng ngân hàng không biết gì về tài chánh, kế toán và Giám đốc Sở Giáo Dục không hề là một giáo viên! Đó chỉ là các bà lớn, các cậu ấm, cô chiêu của các quan chức lớn nhất ở tỉnh!

Kể ra những trường hợp trên, tôi không có ý định đả kích cá nhân ai, chỉ nêu lên làm dẫn chứng cho một chế độ "xã hội chủ nghĩa" hiện thực, chuyên nói về công bằng xã hội, về tôn trọng nhân tài, về ngay thật và trung thực, mà trong việc làm có quá nhiều chuyện móc ngoặc mờ ám, không dựa vào tiêu chuẩn tài năng và đạo đức thật sự nào, có

hại cho công việc chung của đất nước. Các điều trên nói lên sự móc ngoặc, tự tư tự lợi trong nội bộ tầng lớp đặc quyền, mang mầm mống thất bại và phá sản chắc chắn.

Bùi Tín

Mặt Thật

Những chức quyền suốt đời

Tầng lớp đặc quyền đặc lợi cầm quyền từ chỗ hầu như tay không về quyền lực và tài sản nên có xu hướng giữ chặt đặc quyền đặc lợi đến cùng, cho suốt cuộc đời mình. Và xu hướng và ý định ấy được thực hiện trên thực tế, trở thành một vấn đề tất yếu như theo một qui luật vậy. Đại biểu quốc hội suốt đời, chủ tịch nước suốt đời, thủ tướng suốt đời, tổng bí thư suốt đời... trở thành những việc tất nhiên, không ai bàn tán đến nữa. ở địa phương cũng thế, đại biểu hội đồng nhân dân, chủ tịch tỉnh, chủ tịch huyện suốt đời cũng là phổ biến. Cúng nhiều người thay đổi nhiệm vụ chức trách, nhưng thường là đề bạt lên, chỉ có nâng lên cấp chức cao hơn mà thôi! Cho đến cả khi bị sai lầm, khuyết điểm rõ ràng thì cũng vẫn cứ "bị" "đá lên", nghĩa là đưa lên một vị trí cao hơn. Nhất là khi những sai lầm ấy thuộc tính chất "tả" khuynh, quá "tả" được coi là có

"thừa" tinh thần cách mạng, có "thừa" tinh thần tiến công, một ưu điểm trong khuyết điểm cụ thể.
Đây cũng là nét chung của các nước xã hội chủ nghĩa hiện thực, dẫn đến lãnh đạo đã bảo thủ ngày càng thêm bảo thủ, chế độ gia trưởng và gia đình trị lan tràn, nhân sự của chế độ ngày càng lão hóa, ngăn chặn thế hệ trẻ thay thế! Việc phát hiện nhân tài, tuyển chọn nhân tài vào các chức vụ cần thiết thay thế cho những kẻ bất lực bị cản trở. Quanh quẩn suốt mấy chục năm vẫn là những bộ mặt cũ theo kiểu lưỡi gỗ đến phát ngấy, xã hội bắt buộc cứ phải chịu đựng và chấp nhận. Bi kịch của đất nước bắt nguồn từ đó.
Những người cầm quyền không thể chấp nhận chế độ dân chủ thật sự là vì thế. Mỗi người đều lo sợ đến lượt mình bị thay thế! Cuộc sống thiếu thốn khi buộc phải rời quyền lực làm cho họ bám riết lấy cái ghế đá chiếm được bằng mọi giá, không buông nhả cho người khác. Ông Tổng bí thư Trường Chinh trực tiếp chịu trách nhiệm về sai lầm nghiêm trọng trong cải cách ruộng đất thì vẫn cứ là uỷ viên bộ chính trị, trở thành phó thủ tướng rồi chủ tịch uỷ ban thường vụ quốc hội! Ông Nguyễn Sỹ Đồng bị truy tố về tội diệt các làng công giáo ở Quảng Bình, thì được đổi tên là Đồng Sỹ Nguyên, đưa lên cục trưởng, rồi Tư lệnh bộ chỉ

huy đường mòn Hồ Chí Minh, trung tướng, rồi là uỷ viên Bộ chính trị trung ương Đảng, phó thủ tướng... Người có trách nhiệm chỉ huy bộ đội Việt nam ở Cam Bốt, kéo dài sự có mặt của hàng chục vạn bộ đội ở đó với biết bao tổn thất của cả người Khờ me và chiến sĩ Việt nam làm cho cả đất nước bị cô lập, tẩy chay và trừng phạt, cấm vận cho đến tận bây giờ, thì nay lại lên chủ tịch nước! (Một bức thư từ Long An gửi cho chúng tôi nói rằng nếu tập họp tất cả anh em chiến sĩ trẻ bị cụt chân do chiến đấu ở Cam Bốt dưới quyền ông tướng này để chào mừng ông thì sẽ chật hết sân chủ tịch phủ, anh em thương binh oan uổng mang nạng từ cả nước đến sẽ không còn chỗ đứng, dù chỉ còn một chân hay không còn có chân nào?)

Ông Đặng Thí, nguyên bí thư tỉnh uỷ Quảng Trị hồi 1948, sau là phó bí thư đảng uỷ Liên khu 4 (gồm các tỉnh từ Thanh Hóa vào Bình Trị Thiên), trực tiếp chỉ đạo cuộc vận động chấn chỉnh tổ chức ở Liên Khu 4 khi cải cách ruộng đất (đã tra tấn, cầm tù rất nhiều cán bộ, đảng viên, kể cả cấp tỉnh và huyện, phần lớn thuộc thành phần tiểu tư sản, nhiều người chết, bị tật nguyền...) thì được đá lên làm bộ trưởng phụ trách hợp tác với Lào và Cam bốt, vào cả ban chấp hành trung ương khóa 4 và khóa 5!

Ông Hồ Viết Thắng, ủy viên thường trực Ban chỉ đại cải

cách ruộng đát, từng xét duyệt hàng trăm vụ xử bắn oan ức thì lại được đưa về ủy ban Kế hoạch Nhà nước, làm Bí thư Đảng ủy của ủy ban? Sau 30-4-1975, vào Sài Gòn, chính ông ta chủ trương gại bỏ, không dùng cán bộ nhân viên cũ trong cơ quan điện toán, chỉ vì anh. chị em ấy là do Mỹ đào tạo, người Công giáo hoặc gia đình di cư... Việc đặt ra chức vụ "cố vấn ban chấp hành trung ương đảng" cũng là để các vị mất chức mà vẫn cứ còn có chức mới đặt ra. Các vị này đủ sức đã quá yếu, gần hoặc hơn 80 tuổi, vẫn còn một chức hữu danh vô thực! Lương, nhà cửa, quyền lợi vẫn còn nguyên, vẫn còn một văn phòng cho mỗi vị, vẫn được cung cấp vật chất đầy đủ như cũ. ở Trung Quốc, chức vụ này đã bị bãi bỏ. Thật đáng buồn cho ông Phạm Văn Đồng, đã từng viết bài khá tốt về Nguyễn Trãi, mà không thể hiện được nhân cách quân tử của Nguyễn Trãi, khi ông nhận cái chức vụ vô duyên này! Không cần là "cố vấn", nếu ông thật lòng và cương trực, ông vẫn có thể góp ý kiến với nhân dân và đất nước. Thường vẫn có hai thước đo, hai tiêu chuẩn cho các loại cán bộ., đảng viên. Loại ở ngoài đảng, hoặc ở trong đảng, nhưng ở ngoài tầng lớp đặc quyền thì bị nghi kỵ, sử dụng cầm chừng, vấp sai lầm thì bị nện tơi bời không thương tiếc; loại thuộc tầng lớp đặc quyền đặc lợi thì chỉ phê bình,

xử lý nội bộ, đưa đi nơi khác ít lâu cho nguôi ngoài tội lỗi để rồi lại được đưa lên cao hơn nữa!

Anh chị em trí thức Hà nội có lần trao đổi ý kiến rằng: nếu như thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ làm việc trong 8 hay 10 năm chứ không phải gần 40 năm (thủ tướng lâu nhất, già nhất và bất lực nhất như ông thường tự nhận xét).; nếu như Tổng bí thư, uỷ viên Bộ chính trị, uỷ viên ban bí thư, bộ trưởng, đại biểu quốc hội cũng chỉ làm nhiều nhất là hai khóa đại hội đảng và hai khoá quốc hội thì tình hình đã có thể khác được một phần? Bộ máy đã có thể đỡ lão hóa đi nhiều và sự đổi mới có thể sớm hơn, mạnh dạn hơn... Thế nhưng nghĩ kỹ lại thì mọi cái "nếu đều vô ích. Vì bản chất của tầng lớp đặc quyền là tham quan cố vị, cán bệnh của những người thành đạt bất ngờ không do thực tài mà chủ yếu là đo thời cuộc tận dụng được ý chí quật khởi vốn có của dân tộc. Thường những người thuộc tầng lớp đặc quyền gả con cái của họ cho nhau vì thân nhau, quen nhau, cùng chung nếp sống và nếp nghĩ, thành những vòng tròn khép kín. Họ tự cho là tầng lớp thượng lưu của xã hội, ít liên hệ với những giới khác. Hơn nữa có như vậy thì quyền lực, đặc quyền và tài sản không bị thất thoát ra ngoài...

Tầng lớp đặc quyền đặc lợi ở Việt nam không đến nỗi kỳ

quái về hưởng thụ như Trung Quốc, không đến nỗi giàu sang như Liên xô, nơi Brejnev có cả một bãi xe ô tô riêng mang nhãn hiệu Mỹ, Đức, Pháp, Anh, ý... cực sang; Không cha truyền con nối trắng trợn như Bắc Triều Tiên; chưa sống sa hoa kiểu Hoàng đế cộng sản như Ceausescou ở Rumani với những lâu đài đáy các bức danh họa quý... Nó sinh sau đẻ muộn, lại ở trong thời kỳ chiến tranh lâu dài nên sức phát triển còn hạn chế, chỉ mới phất lên mạnh từ gần 20 năm nay. Trong khi nhân dân bình thường, một số trí thức và văn nghệ sĩ tỉnh táo, có lương tâm đã sớm cười vào mũi các ông vua, các bà hoàng cộng sản mới ở Moscou, Bắc Kinh, Bình Nhưỡng, Bucarest... thi các vị lãnh đạo bảo thủ ở Hà nội vẫn không chút khó chịu, ngượng ngùng khi quan hệ với họ. Tôi còn nhớ cuối năm 1989, ông Đào Duy Tùng cầm đầu đoàn đại biểu Đảng cộng sản Việt nam đi dự đại hội đảng cộng sản Rumani ở Bucarest về, đã phải đứng lên ngồi xuống 94 lần theo tiếng vỗ tay của đại hội để hoan hô bài diễn văn của Tổng bí thư Ceausescu; ông ta lại còn khen tại cuộc họp với các nhà báo ở Hà nội rằng: đảng cộng sản Rumani có tinh thần dân tộc rất mạnh (!), đảng bạn rất giỏi đã trả được hết nợ cho Liên xô và nước ngoài (!). Chỉ hai tuần sau, hai vợ chồng Ceausescu bị bắn chết và chế độ xã hội chủ nghĩa"

kiểu phát xít tắt thở! Nhận định của nhà tư tưởng Đào Duy Tùng trở thành một điều mỉa mai khổng lồ; cái "ổn định", cái "đoàn kết", cái "tài giỏi" mà ông ta vừa nói hiện lên thành một sự đảo ngược bi đát cho tầng lớp đặc quyền ở Rumani! Trông người lại ngầm đến ta! Không biết ông ta có nghĩ đến số phận của tầng lớp đặc quyền ở Việt nam không.

Cho nên cũng chính lại các ông Đào Duy Tùng và Trần Trọng Tân (uỷ viên bộ chính trị phụ trách công tác tư tưởng và Trưởng ban tư tưởng văn hóa của đảng), hồi 1991 đã thi hành kỷ luật nhà báo Kim Hạnh tổng biên tập báo Tuổi Trẻ vì đã dám nói xấu hai cha con kiểu cha truyền con nối ở Bắc Triều Tiên. Thì ra các tầng lớp đặc quyền ở "các nước anh em" còn có cái nghĩa vụ quốc tế là bênh che, bảo vệ cho nhau nữa?

Bùi Tín

Mặt Thật

Các cô cậu 5

Năm C là "con cháu các cụ cả!"

Tầng lớp đặc quyền đặc lợi có nhà cao, cửa rộng, tài sản ngày một lớn, nhiều quyền thế nên tất nhiên cả gia đình, vợ con và họ hàng đều được chung hưởng phú quý. Tính chất cơ hội của nó thể hiện rất rõ ở chỗ lợi dụng chức quyền, móc ngoặc để cho con cái "thành đạt" bằng những con đường thường được gọi là "cửa sau. Chỉ có ban tổ chức trung ương mới biết rõ số đi học chui ở nước ngoài là bao nhiêu? Tệ hơn nữa, chỉ họ mới biết số "đè đầu con em dân thường xuống để leo lên trên hay chiếm đoạt chỗ để thay thế số đã đủ điểm (thực tế là ăn gian, phi pháp) là bao nhiêu? Ta chỉ biết "con cháu các cụ chẳng mấy ai đi lính, chẳng mấy ai cầm súng ra trận, chẳng mấy ai bị tử trận cả, trong khi biết bao con em dân thường bị chết nơi chiến trường. Cái chết ở cầu Hàm Rồng (Thanh Hóa) tại một đơn vị cao xạ, con của vị bí thư tỉnh Hưng Yên Lê Quý

Quỳnh được báo chí nhắc đi nhắc lại một thời gian dài chứng minh cho sự hiếm hoi ấy. Đến cuộc chiến tranh Cam Bốt thì tuyệt nhiên các con cháu các cụ đều đã kiếm được chỗ ăn học tốt đẹp cả, nghĩa vụ quốc tế cao cả, đầy gay go và hiểm nguy ấy xin nhường hết cho con em nông dân!

Con vua thời lại làm vua

Con sãi ở chùa thì quét lá đa

ở chế độ nào chả thế, kể cả ở chế độ gọi là cách mạng!

Ban cán bộ của quân đội nằm trong tổng cục chính trị là nơi các "cụ nhờ vả rất nhiều. Điện thoại, thư tay, gọi và gửi đến đó tới tấp. Các cán bộ ở Ban ấy luôn sẵn sàng "vâng dạ" các "cụ, để thu xếp con cháu các cụ được đào tạo thành cán bộ kỹ thuật, có dịp để xuất ngoại, khi trở về lại được sắp xếp ở những vị trí béo bở, có quyền thế mà không nguy hiểm, ở trong hoặc ngoài quân đội. Ban cán bộ quân đội luôn tự coi mình là một bộ phận của Ban tổ chức trung ương đảng do ông Lê Đức Thọ đứng đầu. Đảng nắm quân đội, đảng lãnh đạo và chỉ huy quân đội là một nguyên tắc của cơ chế.

Cụ "tổng" hiếm hoi, cụ chỉ có một cậu con trai. Cậu cả lại lười học, chẳng đỗ đạt gì ra trò cả. Ngay tốt nghiệp phổ thông cũng đã là "nài ép". Phu nhân của cụ, bà Thanh,

chẳng hiểu biết gì về ngành y, được chiếu cố về nhận nhiệm vụ Bí thư đảng uỷ của bệnh viện C, sau trở thành Viện bà mẹ và trẻ sơ sinh, trên đường Tràng Thi Hà nội, đối diện với Bệnh viện Phủ Doãn nay mang bên Bệnh viện hữu nghị Việt Đức. Chỉ vì cái lý bà là một đảng viên. Mà đảng viên thì làm gì chả được. Bà bận việc "nước" nên không kèm nổi cậu cả. Thật ra, bà không có học vấn để kèm cặp nổi con. Làm sao lo cho cậu cả nối dõi cha, làm nên sự nghiệp?

Thế là cụ Tổng gặp may. Chả là ông Lê Thanh Nghị vốn là phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, uỷ viên Bộ chính trị từ năm 1960 (qua đại hội đảng lần thứ 3); ông Nghị là cán bộ cộng sản chuyên nghiệp, bị tù từ những năm 1941 thời thực dân Pháp; ông từng là thợ xếp chữ thủ công ở một nhà in từ thời xưa và thế là được cái "mác" công nhân. Ông là bí thư khu uỷ Liên khu 3 (bao gồm vùng hữu ngạn sông Hồng bao quanh Hà nội). Là phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, nhiệm vụ chính của ông trong suốt thời gian chiến tranh là xuân thu nhị kỳ, đi Bắc Kinh và Moscou cùng tất cả các thủ đô các nước "anh em" khác để... xin viện trợ. Tôi quen với người bí thư của ông, cũng quen vớ nhiều người tham gia đoàn đàm phán của ông. Gọi là đàm phán, thật ra là chỉ đưa ra đơn xin viện trợ. Đó là những

xấp dày cộm liệt kê hàng hóa đủ loại, từ xe tăng, máy bay, tàu chiến, xăng dầu... cho đến đồ dùng thường ngày như giấy in báo, thuốc cảm cúm, sữa, đường, vải vóc! Có những tập liệt kê hàng vài trăm trang! Đó là tổng hợp từ những tập liệt kê của tất cả các bộ, tổng cục, các tỉnh, huyện cả miền Bắc, gửi lên Phủ thủ tướng. Tôi cũng từng gặp các phóng viên báo Pravda của đảng cộng sản Liên xô theo dõi các cuộc đàm phán. Cái tài của ông Lê Thanh Nghị là ghi nhận những lời ca ngợi của các vị lãnh đạo cao nhất của bạn đối với cuộc chiến đấu của Việt nam, và từ đó để nài xin cho được nhiều nhất ở các cơ quan lo việc chi viện cho Việt nam. ở Hà nội, cứ gần cuối năm (quãng tháng 10) và gần giữa năm (tháng 3, tháng 4), cán bộ lại kháo nhau: Cụ Nghị sắp quang gánh lên đường đây! Và chờ xem lời lẽ các bài diễn văn ra sao thì biết ngay là xin được nhiều hay ít. Cuộc sống toàn xã hội ăn nhờ vào "thúng" nặng hay nhẹ cụ gánh về! Tôi xin lỗi về sự dông dài trên đây. Ông Nghị có con trai; cụ muốn cho con sang học ở một nước đế quốc, nước Pháp chẳng hạn. Cụ đi nhiều, hiểu khá rộng, nên tính được nước cờ xa! Thế là Bộ đại học sẵn sàng chiều lòng cụ. Sứ quán Pháp cũng tỏ ý vui vẻ. Sứ quán Việt nam ở Paris thì rất mừng là có dịp làm hài lòng vị phó thủ tướng. Và qua con đường êm ái,

nhẹ nhàng, không ồn ào, anh Lê Thành Nhơn được sang Pháp học. Anh đỗ về ngành tin học, lấy vợ Pháp; thành đạt theo kiểu cách riêng, mà trong nước bàn tán rằng chỉ có ông Nghị mới tạo được cho con một tương lai đến thế. Một chuyến về thăm quê hương, anh Nhơn được cụ "tổng" mời đến chơi. Chẳng phải để hỏi gì về nền giáo dục của nước Pháp, mà để yêu cầu anh giúp cho con trai cụ có được một tương lai tương tự. Thế là cậu cả Dũng lên đường sang Pháp, có học bổng hẳn hoi, cũng theo một con đường tắt, không chính thức và tất nhiên là có phần kém đàng hoàng. Cậu vào lớp học tiếng Pháp ở một thành phố nhỏ phía Nam, ở Montpellier. Quen sống an nhàn ở thủ đô, cậu không sao học nổi. Đã vậy, hạnh kiểm của cậu bị điểm đen. ở nhà trường, có nhà ở tập thể, cậu thường hay giải trí bằng cách nhòm qua các chỗ hở của phòng tắm các nữ sinh! Sau tập thể thao, các cô nữ sinh thường tắm với nhau, không cần che dấu gì! Các cô hô hoán lên, mắng mỏ kiểu miệt thị, cậu không chừa. Đến lần thứ 3, cậu bị tóm cổ quả tang đưa lên nhà trường. Chuyện này, ở một nước văn minh là một tội kinh khủng: mất hết nhân phẩm? Anh Nhơn đau khổ, không sao bênh vực được chú em, liền buộc phải nhận về nhà và báo cáo cho sứ quán. Cụ Tổng được tin con, lo buồn chút ít, rồi cụ ra chỉ thị: chú

Nhơn và sứ quán lo cho em nó một nơi khác ở bên đó học hay tạm làm gì cũng được. Anh Nhơn lại phải tìm cho chú em làm tạm ở một labo (phòng thí nghiệm), lau rửa các ống nghiệm. Chú em chỉ ngoan ngoãn được có 2 tháng rưỡi! "Con nhà nòi" có khác! Không giống con của thường dân! ở trong "labo" cán bộ đến làm thường thay quần áo treo trong tủ để mặc áo quần lao động. Bỗng nhiên người ta thấy mất vài thứ lặt vặt, chuyện chưa từng xảy ra. Rồi một lần người ta thấy "cậu ấm nhà ta" thọc nhầm tay vào túi quần người khác treo ở trong tủ và ngăn tủ riêng của họ bị lục lọi. Cậu ta không còn cãi được. Và anh Nhơn lại đau khổ nhặn cậu ấm về.

Cụ "tổng" được tin, liền chỉ thị sang, nhẹ nhàng: "Mong các anh ở sứ quán thu xếp, cho em về ở sứ quán ta, làm việc gì cũng được". Bà đại sứ rất sốt sắng bàn với ông đại sứ: hay cho em nó làm thường trực, tiếp khách! Cả sứ quán dãy nãy lên: tư cách, trình độ áy mà làm thường trực và tiếp khách thì chết. Bà đại sứ đành thôi. Bà luôn sốt sắng chấp hành mọi chỉ thị của các cụ ở bên nhà. Vốn là một thứ trưởng về hưu, ở trong cái sứ quán bà luôn tự cho là cao hơn chồng, và tự cho "quyền" đừ các cuộc giao ban hàng ngày, hàng tuần của sứ quán, và cũng tự ban phát "chỉ thị" cho anh chị em. Có người của sứ quán than rằng:

cách làm việc ở đây thật lộn xộn, gia trưởng, vô nguyên tắc, nhưng không dám nêu lên để nhận xét hay phê bình. Thế rồi "cậu ấm" ở chơi thêm vài tháng ở Pháp rồi về nhà. Để đỡ mất danh dự cho cả gia đình và đất nước, đã có sáng kiến nói rằng: cậu ta bị yếu thần kinh. Có bệnh thần kinh thì mọi việc đều có thể tha thứ!

ở Hà nội, có lần tôi tới khám bệnh ở quân y viện 108, nơi có khoa A 10 và A 11 dành riêng cho bệnh nhân cấp ca, các tướng trong quân đội và các vị uỷ viên ban bí thư, uỷ viên bộ chính trị của đảng và phó thủ tướng trở lên của chính phủ. Các bác sĩ thân quen kể rằng ông Đỗ Mười thường vào khám sức khỏe ở đây. Ông vốn bị đau thần kinh khá nặng, từng nằm điều trị mấy tháng hồi 1969, 1970 và một lần sau nữa hồi 1976. Ông mất ngủ kéo dài, có lúc lên cơn thần kinh, đi lang thang cả đêm ngoài sân, có lần leo lên cả cây bàng ngồi. Các cô y lá đi theo phát hoảng lên, sợ ông ngã, đến dưới cây bàng dụ dỗ ông xuống: "Bác ơi, xin bác xuống, bác mà ngã, có làm sao thì chúng cháu chết!" Có nước quy định những người từng bị đau thần kinh không thể ra ứng cử những chức vụ quyết định của đất nước. Mong rằng ông đã khỏi hẳn bệnh cũ.

Ông nguyên Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh cũng chỉ có một con trai. Rủi cho ông bà, các con học hành không xuất sắc

đủ điều kiện thuận lợi hơn biết bao nhiêu người mà cũng chẳng bằng ai. Cậu đã tự kết thúc cuộc đời ở thành phố trong nỗi niềm đau buồn của ông bà. Cuộc tự vẫn của anh ta do những lý do cá nhân, trong quan hệ với bạn bè. Có người bảo anh ta tự chọn cái chết để tránh mất thể diện và danh dự cho mình và cho gia đình. Con các "cụ cũng có những bi kịch chứ đâu phải chỉ có "thành đạt" kiểu quan tắt. Dù cho thành đạt chăng nữa thì thường cũng là một kiểu bi kịch...

Bùi Tín

Mặt Thật

Những thanh niên của thời thế

Không nên vơ đũa cả nấm, cho rằng hễ là "con cháu các cụ cả thì đều là hư hỏng, không thành người tốt. ở đâu cũng có những ngoại lệ.

Tôi hiểu ra điều này khá sâu sắc khi gặp gỡ một số anh chị em thanh niên Việt nam ở Đông Âu, trong chuyến đi thăm một số nước năm 1992 và 1993. Đó là những anh chị em dấn thân cho sự nghiệp dân chủ của đất nước. Khởi đầu là một số anh chị em ở Moscou và ở Varsawa (Ba Lan) gửi thư cho tôi yêu cầu tôi gửi ngay cuốn Hoa Xuyên Tuyết. Sau đó cả một nhóm anh chị em ở Mainz và ở Berlin (Đức) nhờ báo Diễn Đàn (báo tiếng Việt do một số anh chị em trí thức vốn có nhiều quan hệ với đất nước chủ trương ra hằng tháng ở Paris) chuyển thư cho tôi cũng với yêu cầu như trên và mong rằng tôi có dịp sang gặp để nói chuyện, trao đổi ý kiến với anh chị em. Chị Irina Zisman ở

đài phát thanh Moscou cũng đã cho tôi biết tình hình về mối quan hệ căng thẳng giữa các quan chức sứ quán Việt nam với anh chị em có ý thức yêu nước và dân chủ.
ở Nuremberg, Mun chen, Mainz cũng như ở thủ đô Berlin, Dortmund và cảng Hamburg tôi đã sống cùng các bạn trẻ làm báo Cánh én, Tia Sáng Hy vọng và có nhiều cuộc nói chuyện, trao đổi ý kiến sôi nổi, rất cảm động và bổ ích. ở Tiệp Khắc, tại Plezen, Calovy-Vary, một thắng cảnh nổi tiếng, nhất là tại thủ đô Praha, tôi cũng sống cùng các bạn trẻ làm báo Diễn Đàn Praha, Điểm tin thời sự tôi cũng gặp một số anh chị em từ Bungari và Ba Lan sang Đức để tìm gặp tôi. Mới đây, trong tháng 5-1993, anh chị em ở Đông Âu đã có cuộc gặp mặt đông đảo ở Franfurt (Đức) để bàn về hiện tình đất nước và trách nhiệm của tuổi trẻ ở Đông Âu. Một cuộc vẫy gọi, tìm kiếm nhau, tập họp đầy tâm huyết. Phần lớn anh chi em dấn thân cho dấn chủ rất trẻ, từ 21 đến 40 tuổi, đi lao động rồi ở lại; một số vốn là sinh viên, thực tập sinh nay ở lại hoặc đã về nước nay trở sang lại; một số là sinh viên hiện vẫn đang học hoặc vừa tốt nghiệp đại học đang học thêm lên bậc cao hơn. Có anh chị đậu bằng tiến sĩ vật lý và tiến sĩ toán học loại ưu, học giỏi có tiếng, cũng tham gia phong trào mới. Tất cả trước đây ở trong Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, có người

là đảng viên, có anh từng là Bí thư chi bộ đảng cộng sản. Có người từng là quân nhân, từng lái máy bay, từng là sĩ quan ở bộ Tổng Tham Mưu, từng lái tàu chiến cỡ nhỏ... Có người bố là thiếu tướng, là cán bộ ở văn phòng trung ương, là phó chủ tịch tỉnh, là sĩ quan cấp cao về hưu... Nhiều người đã biết hiện ở các nước Đông Âu, thị trường tự do đang mở rộng (như ở Việt nam), luật pháp còn thiếu và không chặt chẽ với biết bao sơ hở, tạo điều kiện cho kiệu buôn bán chụp giựt, rất dễ làm giàu nhanh cho những ai có máu liều. Thanh niên Việt nam lao vào kinh doanh phải nói là số lớn. Có người phất, có người phá sản, cũng có người bị lừa, hoặc vào tù vì buôn lậu... Riêng có mấy trăm anh chị em để cả tâm huyết vào cuộc đấu tranh cho dân chủ. Họ trăn trở, nghĩ suy, thu lượm tin tức quê nhà, ham đọc sách, viết báo, viết truyện ngắn, làm thơ, ra báo... Mỗi tờ báo có ban biên tập hẳn hoi, có họa sĩ trình bày, có đường giây phát hành, có cơ sở in chữ đẹp, mỗi tờ in đến cả ngàn số... Đó là những tờ báo quý, khỏe thông tư duy, chân thực, tỉnh. táo, đúng mức, mang rõ niềm đau với quê hương nghèo khổ, lạc hậu, không bằng người, lại lất gắn bó, gần gũi với quê hương. ở Tiệp, anh chị em đã làm một cuộc khảo sát tại chỗ về cuộc "cách mạng nhung" cuối năm 1989 và có liên hệ đến tình hình nước ta. Cả cuộc

cách mạng rung chuyển tận gốc chế độ cũ mà chỉ có một sinh viên bị cảnh sát đánh bị thương (từ đó bùng nổ khí thế đấu tranh quyết liệt đẫn đến toàn thắng), chỉ có hai quan chức cũ tự sát vì lo sợ về số phận bản thán do có tội ác (một ở Bộ nội vụ, một ở Tổng cục an ninh); quy định của chính quyền mới là những ai từng giữ chức từ bí thư huyện, chủ tịch huyện, cấp vụ phó, vụ trưởng trở lên thì không được tham gia ứng cử vào chính quyền mới , thế thôi. Tất cả từ uỷ viên bộ chính trị cũ, trung ương cũ đều sống bình thường. Đảng cộng sản vẫn được hoạt động tuy rằng tín nhiệm chẳng còn gì đối với nhân dân. Họ vẫn được nhận lương hưu. Chỉ có Bilak, nguyên là uỷ viên bộ chính trị, đang bị điều tra; gần đây từ Moscou phát hiện ra bức thư có chứ ký của ông ta yêu cầu quân đội Liên xô vào Tiệp Khắc năm 1968, ông ta bị thẩm vấn rằng đó có phải chữ ký của ông ta không? Vụ này đang được xem xét theo pháp luật. Hiện nay, ai muốn giương cờ gì, muốn mang huân chương cũ hay không, trong nhà treo ảnh ai... là tuỳ ý muốn. Tất nhiên ai cũng hiểu được mong muốn, nguyện vọng của đông đảo nhân dân, đó là đoạn tuyệt với chế độ độc đoán của quá khứ, xây dựng một nền dân chủ ngày càng hoàn thiện, xây dựng nền kinh tế quốc gia trên cơ sở quyền tư hữu chính đáng, thị trường tự do và pháp

luật. Đời sống Praha và cả ở nông thôn ổn định nhanh. Dịp Noel, thủ đô trang hoàng lộng lẫy hơn xưa rất nhiều, hàng hóa đủ thứ trưng bày, mua bán tấp nập, trong khi tiền cua-ron Tiệp giữ được giá, còn cao giá hơn một năm trước so với đồng đô la. Thịt, rượu, bia, hoa quả ê hề. Thái độ người bán hàng lịch sự niềm nở hơn hẳn trước. Cửa hàng trang trí đẹp hơn xưa. Chúng tôi ghé thăm cửa hàng bán dày dép Ba ta ở ngôi nhà 5 tầng, ông chủ đi tản sau 1948 sang Canada vừa trở về nước, có đại lý ở khắp các nơi trên đất Tiệp, bán giá hạ cho đồng bào nhân dịp Noel và năm mới. Chúng tôi đọc báo Hà nội, thấy nói Moscou và Praha tiêu điều, xác xơ, khan hiếm mọi thứ, từ bánh mì, đến khoai tây, là cố tình phản ánh sai lạc tình hình với dụng ý chính trị không lành mạnh. Khó khăn của chế độ mới không ít nhưng do được lòng phần lớn, tuyệt đại đa số nhân dân, được thế giới giúp mạnh mẽ theo quá trình dán chủ, nên họ đã vượt qua được thời kỳ khó khăn nhất rồi. Tiếp xúc với người Tiệp, tôi hiểu rất rõ xu thế dân chủ hóa là không thể đảo ngược. Vấn đề chia cắt Tiệp Khắc làm hai nước được thực hiện hoàn toàn hợp thức, theo đúng Hiến Pháp và pháp luật, trên cơ sở điều tra ý dần và bỏ phiếu dân chủ và tự nguyện. Đó là vi hai nước vốn cũng là hai nước trong một Liên Bang; vì trước đây không

bình đẳng kéo dài, sinh ra nhiều điều bất công và không hợp lý. Tách ra là để giải quyết những tồn tại ấy. Các bạn Tiệp bình tĩnh nói: chia ra hai nước, chúng tôi không coi đó là bi kịch! Như đôi vợ chồng có vấn đề, thỏa thuận ly dị, nhưng vẫn để mở sự lựa chọn, ít lâu sau cả hai trưởng thành, cần đến nhau, yêu nhau thì lại cưới nhau lại, không sao. Điều hệ trọng là: nay là hai nước láng giềng bình đẳng và có nhiều mối quan hệ mật thiết.

Cùng các bạn trẻ Việt nam, chúng tôi đã gặp và nói chuyện với nhiều trí thức Tiệp Khắc trong phong trào Hiến Chương 77, với bà Dana Nemcova người phát ngôn của tổ chức này, bạn chiến đấu gần gũi của ông Havel. Bà có 7 con, ngoan đạo Thiên chúa, là tiến sĩ tâm lý học, mang tư tưởng nhân đạo sâu sắc, có ý chí bất khuất, bị tù hai lần vẫn kiên nghị đấu tranh. Bài học lớn nhất của bà qua cuộc "cách mạng nhung" là : trí thức thức tỉnh phải là lực lượng đầu tàu; trí thức gồm cả văn nghệ sĩ là những người ưa cái đẹp và cái thiện; không thể chờ chế độ cũ ban ơn; phải đấu tranh không bạo động nhưng quyết liệt để giành quyền tự do, dân chủ. Bà mong chờ nhiều ở trí thức và nghệ sĩ Việt nam. Các bạn dân chủ Tiệp Khắc muốn nhắn các chiến sĩ dân chủ Việt nam hãy suy nghĩ về lời nói chí tình của ông Havel: Hãy gieo hạt và biết chờ đợi! Gieo hạt

là tuyên truyền, truyền bá qua nóichuyện, thảo luận, viết báo, viết sách... về quyền dân chủ. Gieo hại không mệt mỏi, chăm sóc hạt, tưới và xới đất cây dân chủ sẽ mọc. Nó mọc lên rồi, chớ sốt ruột, kéo thân cây lên để lớn nhanh, thán cây sẽ đứt, cáy chết! Biết chăm sóc để nó lớn, lớn mãi thành cây cao, sum sê cành lá và hoa quả... Cây dân chủ ở Tiệp đang lớn từng ngày qua vận động, giải thích, nàng cao dân trí và đấu tranh... Phấn chấn biết bao, khi ở Đông Âu đang có hơn một ngàn hạt dân chủ Việt nam đã nẩy mầm và nhú ngọn. Đó là các chiến sĩ dân chủ năng động, thông minh và quả cảm. Được gặp các bạn trẻ, tôi bừng lên ý nghĩ, đất nước mình sẽ nằm trong những bàn tay khỏe khoán, những trí tuệ tỉnh táo, những tấm lòng ngay thật. Đó là các bạn trẻ sinh ra ở nửa sau thế kỷ này, từ quãng 1951 trở đi, nay mới hơn 40 tuổi trở lại, không giống a; cũng không muốn ai giống mình, tự mình và tự tin giải quyết những công việc của đất nước, không hận thù, nhìn không tới tương lai. Điều thích thú là một số người trong họ là từ tầng lớp đặc quyền đặc lợi mà ra, tự thấy sự phi lý, bất công, lạc hậu và tội lỗi của tầng lớp ấy, có ý chí đổi mới thật sự để cứu nước, cứu mình. Họ là những người con của thời thế và đang sáng tạo ra thời thế mới. Hôm chia tay, từ biệt các bạn trẻ ở Tiệp Khắc, một anh

sinh viên nói vui: "Chúng tôi vừa họp và có sáng kiến đề nghi với cả nước đồng thanh ra quyết nghị từ nay đất nước ta sẽ không có một ai được chúc là sống mãi cả. Chỉ gây nên tệ sùng bái cá nhân rất có hại. Ai cũng đến lúc phải chết. Không một cá nhân nào có thể sống mãi được. Chỉ có nhân dân và dân tộc là trường tồn, sống mãi mà thôi!"

Bùi Tín

Mặt Thật

Một tầng lớp không có tương lai

Không nên hiểu một cách máy móc là mọi cán bộ cấp cao của đảng, nhà nước, quân đội đều nằm trong tầng lớp Nomenclatura ở Việt nam. Thực tế phức tạp hơn là lý thuyết. Cũng có những cán bộ cao cấp sống trong sạch, ngay thẳng, có lương tâm và lý tưởng, tự đứng ngoài tầng lớp ấy. Ngược lại cũng có cán bộ trung cấp lại gia nhập tầng lớp ấy do những mối quan hệ xã hội và điều kiện cụ thể đặc biệt. Tâng lớp này đang có xu thế phát triển từ gần 20 năm nay; nó phất lên theo các thời cơ:

- Qua việc tiếp thu chiến lợi phẩm khi kết thúc chiến tranh sau 30-4-1975; bằng quà cáp, tặng phẩm cho nhau, do quản lý rất luộm thuộm, biết bao nhà cửa, xe cộ, đồ đạc riêng, của cải, vàng bạc, ngoại tệ... thu được bị chia chác bừa bãi. Phía Mỹ đánh giá tất cả chiến lợi phầm là trên dưới 6 tỷ đô la. Vào túi của tặng lớp đặc quyền này bao

nhiêu? Có đến một nửa, là 3 tỷ đô la không? Cần tìm hiểu và đánh giá thêm.

- Qua các chiến dịch đánh gian thương, tiêu diệt giai cấp tư sản công thương nghiệp ở toàn miền Nam hồi 1977 và 1978 (có thể phần lớn tài sản nổi và chìm của họ đã vào túi tầng lớp đặc quyền tham nhũng). Qua các đợt thực hiện "cho người ra đi không chính thức", "bán chính thức", bán bãi, bán tàu, "xuất khẩu người di tản lấy vàng", "kế hoạch hai" của Bộ nội vụ... hồi các năm 1977, 1978, 1979, ước có nửa triệu người ra đi, mỗi người từ 3 đến 40 lạng vàng... Hiện chỉ biết vàng đưa vào công quỹ rất ít, hầu hết vào túi của tầng lớp đặc quyền ở trung ương và các địa phương. Cần chỉ rõ số vàng này vào túi các quan lớn của ngành an ninh là chủ yếu, trong khi đông đảo anh chị em an ninh, cảnh sát ở cơ sở vẫn phải sống thiếu thốn, gian khổ, có một số kẻ phen nhiễu đồng bào những cũng có anh chị em chung cuộc sống đạm bạc của bà con lao động. Có thể nêu lên những đặc điểm nổi bật của tầng lớp quan chức đặc quyền ở Việt nam như sau:

* Tuy tự nhận là đỉnh cao trí tuệ nhân loại do tự mãn kiêu ngạo sau khi lãnh đạo nhân dân giành lại độc lập-mà thành tích này là do truyền thống quật khởi vốn có của dân tộc- tầng lớp này không có trí tuệ ngang tầm với nhiệm vụ.

Giáo sư triết học Trần Đức Thảo, một trí thức xuất sắc từ thời trẻ, bị đánh tơi bời hồi Nhân văn Giai Phẩm, sang Paris từ tháng 4-1991, cuối cùng trước khi chết (tháng 4-1993) đã nhận xét rằng các nhà lãnh đạo cộng sản Việt nam chẳng có một ai hiểu gì về chủ nghĩa Mác hết! Họ là những nhà "mác xít" khẩu hiệu! Vốn ghét bỏ trí thức, thành kiến với trí thức, không am hiểu khoa học và kỹ thuật thì làm sao mà họ có trí thức được! Họ là những người kém hiểu biết so với trình độ trí thức chung của nước ta. Nhược điểm cơ bản này họ không bao giờ nhận thấy. Cho nên không có gì là lạ khi ông Hà Sĩ Phu viết bài "Hãy dắt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ" cuối năm 1988 thì họ len giật dây ra lệnh cho các trí thức cung đình của họ viết bài đã kích và phê phán một cách thấp kém, làm trò cười cho anh chị em trí thức ngay thật
* Vừa do kém hiểu biết, vừa do thiếu liêm sỉ, tầng lớp đặc quyền chuyên nói một đằng làm một nẻo, gây nên sự mất niềm tin thậm chí sự khinh thị của nhân dân. Họ nói leo lẻo là đầy tớ của nhân dân nhưng chuyên hà hiếp, miệt thị, thậm chí đày ải nhân dân, làm khổ dân. Họ nói về công bằng xã hội mà chế độ xã hội đầy bất công. Họ ba hoa về tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà thực tế chủ nghĩa ấy ngày càng tỏ ra thấp kém, lạc hậu! Do sự lừa dối kéo dài,

họ tự dẫn đến chỗ mất hết tín nhiệm, nhưng vẫn dương dương tức đắc và bắt dân cứ phải tin vào sự lãnh đạo của họ.

* Chính đo sự lừa dối có hệ thống, tầng lớp đặc quyền phơi bày rõ tính chất đạo đức giả của họ. Họ ngày càng biến chất; họ leo lẻo về tinh thần phê bình và tự phê bình nhưng lại không chịu tự phê bình thật sự, lại trả thù rất cay độc mọi ý kiến phê bình thẳng thắn, chụp mũ bừa những người phê phán họ là phản bội, là Việt gian, là tay sai đế quốc! Họ leo lẻo rằng phải tự phê bình hằng ngày như mỗi ngày phải rửa mặt, nhưng chính họ lại không chịu rửa mặt, để cáu bẩn đầy bộ mặt khó coi? Họ leo lẻo về con người, về quyền con người nhưng thực tế chà đạp ngang nhiên quyền công dân, trả thù người ngay tháng. Vụ kết án bác sĩ Nguyễn Đan Quế, giáo sư Đoàn Viết Hoạt 20 năm tù chỉ do những chính kiến chính trị đòi dân chủ đa nguyên là những biểu hiện nổi bật. Họ leo lẻo mong hòa nhập thế giới nhưng lại cố tình chống lại xu thế dần chủ của thế giới hiện đại.

* Họ đạo đức giả khi dẫn ra tư tưởng Hồ Chí Minh để áp đặt đường lô bảo thủ. Họ lợi dụng uy tín của chủ tịch Hồ Chí Minh để bất nhân dân chấp nhận đường lối đã lỗi thời trong khi chính họ đã cắt xén di chúc Hồ Chí Minh, xúc

phạm sự mong muốn thiêng liêng của chủ tịch Hồ Chí Minh là thi hài được hỏa thiêu, lại còn định lờ đi việc xóa bỏ thuế cho bà con nông dân trong một năm như bản di chúc đề ra.

Tầng lớp đặc quyền đặc lợi ở Việt nam đang biến chết và thoái hóa nhanh. Chính sách "đổi mới" của họ không nhất quán, không đủ liều lượng vì họ không tự đề ra nổi chiến lược đổi mới; trong hàng ngũ họ không có một người nào là "nhà chiến lược đổi mới" cả. Nam 1986 họ buộc phải đổi mới theo Liên xô. Nay lại cố đổi mới theo Trung Quốc. Khi bí quá lại muốn học Singapore (trong khi điều kiện hai nước khấc hẳn nhau!) Thật ra họ mang bản chất bảo thủ nặng nề, quay nhìn về dĩ văng hơn là hướng lới tương lai. Bảo thủ mà đẻ ra được "đổi mới" chỉ là chuyện hoang đường; con vịt sao đẻ nổi được ra con rồng!

* Từ mấy năm nay, tầng lớp đặc quyền đặc lợi ở Việt nam trong quá trình thoái hóa với tốc độ nhanh, càng ngày càng mang tính chất mafia tệ hại. Họ gãy nên nạn tham nhũng và nạn buôn lậu, hai quốc nạn khủng khiếp, lại còn đề ra chiến dịch bài trừ nhưng vì là căn bệnh của chính trong táng lớp họ nên chỉ càng tạo nên sự căm phẫn, mất niềm tin và khinh thường của nhân dân. Hai quốc nạn ấy vẫn cứ tồn tại và phát triển. Chính những kẻ trong hàng

ngũ họ đã ký những hiệp định buôn bán bất bình đẳng với các công ty nước ngoài để bỏ túi những khoản tiền thưởng hoa hồng. Chính những kẻ trong hàng ngũ họ đang bán đứng nhà cửa, dinh thự, đất đai, tài sản quốc gia cho các công ty nước ngoài. Họ chịu trách nhiệm về tình trạng đạo đức suy đồi, nạn cờ bạc, mãi dâm, hút sách, trộm cướp lan tràn, nòi giống và tương lai dân tộc bị đe dọa một cách thảm khốc vì bệnh si-đa và suy dinh dưỡng. Biết bao ý kiến hợp tình hợp lý, biết bao kiến nghị, đề nghị của những người có lương tâm và trách nhiệm đưa ra, họ đều một mực khước từ và bác bỏ vì đụng đến đặc quyền đặc lợi của họ. Họ đã đặt mình cao hơn dân tộc, quyền lợi tầng lớp và cá nhân họ cao hơn số phận của nhân dân. Họ không chịu nhìn nhận rõ những sai lầm trong quá khứ, họ không có đủ dũng khí thú nhận những lầm lẫn và tội lỗi trong mấy chục năm qua nên họ không sao xác định nói con đường mới mẻ đúng đắn. Họ đang cầm giữ vận mệnh của dân tộc, của nhân dân, gây nên tình trạng bế tắc chung không có lối thoát.

Nhưng nhân dân Việt nam chuộng đạo lý và nhân cách với bộ phận ưu tú sáng suốt và quật khởi không thể để cho họ cầm tù, không cho phép họ giữ nhân dân làm con tin cho đường lối sai lầm, giáo điều và bảo thủ tệ hại của họ!

Bùi Tín

Mặt Thật

Phần bốn

Để CấT CáNH

Trên đây đã trình bày một số vấn đề cơ bản của tình hình mấy chục năm qua.
Người viết muốn nêu lên một số sự việc vẫn được che dấu hoặc ít được bàn luận lên để giúp người đọc, nhất là các bạn trẻ, hiểu được tình hình đất nước một cách đầy đủ, cân bằng. Trước đây, theo ý định: tốt đẹp phô ra (và còn thêu dệt thêm), xấu xa đậy lại (lại còn cấm kỵ nhắc đến), nên sự hiểu biết thường một chiều, theo kiểu tuyên truyền. Nay "mặt thật" được phơi bày, coi như bổ xung cho mặt đã rõ của tình hình. Mặt đã rõ thiết tưởng không cần nhắc lại. Đó là thành tích của đảng cộng sản , của chế độ trong cuộc chiến tranh chống xâm lược. Đảng đã khơi dậy được truyền thống yêu nước, bất khuất vốn có của dân tộc. Công lao lớn là của toàn dân, với hy sinh không kể xiết của đồng bào, của chiến sĩ. Đảng đã phạm sai lầm của chủ nghĩa công thần hòng xí xóa những nhầm lẫn và tội lỗi

của mình.

Bùi Tín

Mặt Thật

Có khủng hoảng chính trị không?

Báo chí và các tài liệu cllnh trị ở Việt nam bị cấm nói đến khủng hoảng chính trị. Hồi trước, ngay đến chữ khủng hoảng cũng bị coi là chữ húy". Từ 1986, đã được nói đến khủng hoảng, nhưng chỉ được dùng các khái niệm: khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng tài chính, khủng hoảng niềm tin... chứ không được phép nói đến khủng hoảng chính trị ở Việt nam.

Vẫn là một kiểu không muốn, không dám nhìn thẳng vào sự thật. Chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào khủng hoảng toàn diện và ở mọi nơi. Nó phá sản và sụp đổ ở Liên xô, Đông Âu. Nó không tránh khỏi phá sản ở Việt nam. Vì chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào khủng hoảng ở ngay những vần đề cơ bản về lý luận của nó, vì những điều nó chủ trương: năng xuất cao, công bằng xã hội, nàng cao nhân phẩm... đều xa vời, và thực tế diễn ra đều trái ngược

với những mục tiêu của nó.
ở Việt nam, chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào khủng hoảng nặng nề về chính trị. Thiếu sản phẩm, năng xuất cực thấp, thiếu dân chủ, người công dân thiếu tự do ngôn luận và tư tưởng, thiếu tự do hội họp và tổ chức, không có tự do báo chí... trí thức không được quý trọng, trí tuệ bị coi thường... là những biểu hiện của khủng hoảng chính trị. Điều quan trọng hơn là: chủ nghĩa Mác Lênin được coi là nền tảng lý luận của chế độ chính trị không tìm ra sức sống; đó là một biểu hiện nghiêm trọng của khủng hoảng chính trị. Niềm tin ở đảng cộng sản giảm sút nghiêm trọng vẫn tiếp tục giảm sút thêm ngay cả sau khi đảng đề ra chính sách "đổi mới", vì đổi mới thiếu nhất quán (không đổi mới rõ rệt về chính trị), đổi mới về kinh tế cũng vẫn còn chưa đủ liều lượng (như chưa công nhận dứt khoái quyền tư hữu tư nhân về ruộng đất bất động sản và quyền tự do kinh doanh; cứ giữ hoài cái sở hữu toàn dân lạc lõng, cứ coi mãi sở hữu quốc doanh là chủ đạo...) Thêm nữa, trước đây, đảng cộng sản Việt nam luôn coi "phe xã hội chủ nghĩa", "hệ thống xã hội chủ nghĩa" thế giới mà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam là một thành viên, là nguồn thế lực chính trị, kinh tế, xã hội , là chỗ dựa cơ bản của nước ta. Nay phe đó, hệ thống đó đã sụp đổ, tất nhiên dẫn

đến cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng ở nước ta; đó là lẽ đương nhiên, không có cách gì che dấu được.
Việc lãnh đạo của đảng cộng sản chủ trương ôm chặt lấy chủ nghĩa Mác Lênin, ôm chặt lấy chủ nghĩa xã hội... càng làm cho cuộc khủng hoảng ấy trầm trọng thêm và đi vào bế tắc đi vào ngõ cụt. Hai năm trước, đã có nhiều đề nghị nên để chủ nghĩa Mác- Lênin và chủ nghĩa xã hội sang một bên, có thể chưa cần phê phán, lên án gay gắt làm gì, trở về với lập trường dân tộc, xây dựng một chế độ độc lập), dân chủ, quan tâm đến quyền tự do của công dân và công bằng xã hội, xây dựng một xã hội công dân, hòa nhập thật lòng với cộng đồng thế giới, tiếp nhận sự giúp đỡ, hợp tác của mọi nước. Đề nghị tỉnh táo, hợp thời này chính là một sự đổi mới cơ bản về chính trị, đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng nghiêm trọng về chính trị. Lãnh đạo đảng cộng sản đã tỏ ra bảo thủ, giáo điều nặng nề về điểm cơ bản này; họ đã để tuột mất thời cơ, bị những quan điểm chính trị lạc hậu cũ kỹ cầm tù và bắt cả xã hội phải chịu cảnh bế tắc triền miên về chính trị. Không giải quyết điểm mấu chốt này thì đất nước la không sao thoát khỏi khủng hoảng chính trị, không sao hòa nhập với thế giới được và những kết quả rõ rệt trong đổi mới về kinh tế sẽ bị đe dọa triệt tiêu, cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chánh, cuộc

khủng hoảng xã hội và khủng hoảng về nhem tin vẫn không sao có lối thoát dứt khoát được. Giải quyết thật sáng suốt, thật quả đoán cuộc khủng hoảng chính trị nặng nề hiện nay là một yêu cầu cơ bản, là mệnh lệnh của tình thế, là thử thách to lớn nhất về chính trị của lực lượng lãnh đạo đất nước. Nhắm mắt lại, che dấu cuộc khủng hoảng ấy là có tội. Không giải quyết nó là giam giữ cả đất nước ta trong bế tắc.

Bùi Tín

Mặt Thật

Dân chủ và hỗn loạn?

Thiếu dân chủ là tai họa quốc gia và xã hội.
Thiếu dân chủ cũng là mối nhục của đất nước. Thiếu dân chủ đang ngáng trở sự nghiệp phát triển, mọi tài năng không được huy động và sử dụng xứng đáng. Những người lãnh đạo bảo thủ và giáo điều rất sợ dân chủ, đưa ra con ngáo ộp: dân chủ là tai họa, vì sẽ dẫn đến hỗn loạn .
Họ đầu cơ nguyện vọng của nhân dân: nhân dân ai nấy đều không muốn đất nước rơi vào tình thế hỗn loạn. Họ lập luận: coi kìa, Liên xô cũ đó, thiếu thốn hàng hóa, đồng rúp mất giá, còn đánh nhau ở Karabak nữa, vì dân chủ đa đảng đó! Coi kìa, Nam tư đó, nội chiến dài dài, hỗn loạn xã hội, vì dân chủ đa đảng đó.
Họ chơi bài lừa đối, lẫn lộn nguyên nhân với kết quả: họ vẫn không cho nhân dân biết và hiểu rõ tình hình các nước

khác. "Thông tin có định hướng" của họ là vậy, là xuyên lạc và lừa dối, che dấu sự thật. Sự thật ở Liên xô cũ có thiếu hàng hóa, có xung đột giữa một số dân tộc, đều là hậu quả của những chính sách sai lầm dưới chế độ Xô Viết. Qua cuộc trưng cầu dân ý tháng 5-1993 vừa qua, đông đảo nhân dân (hơn 70%) bày tỏ chính kiến, cho rằng đời sống so với trước có giảm sút, gặp khó khăn hơn, nhưng không bao giờ quay về với chế độ Xô Viết. Họ hiểu một chế độ sai lầm tệ hại kéo dài hơn 70 năm, hậu quả nặng nề của nó phải, cần trên dưới 10 năm mới khắc phục nổi. Chế độ còn quá nhiều vấp váp trắc trở, nhưng dứt khoát là hơn hẳn chế độ độc đoán cũ. Họ chấp nhận khó khăn, kiên quyết phán đấu để vượt qua.

Cho nên khẳng định dân chủ đa nguyên sẽ tất yếu dẫn đến hỗn loạn là lừa dối là hù dọa nhân dân để duy trì đất nước trong tình trạng lạc hậu cả về chính trị và kinh tế. Những người đấu tranh cho dân chủ cần khẳng định: dân chủ là lời giải thích cơ bản cho bài toán của đất nước; chấm dứt một chế độ một đảng duy nhất khư khư ôm chặt quyền lực, độc đoán chuyên quyền là một yêu cầu cấp bách của tình thế, có thể chung sức tìm ra một con đường xây dựng dân chủ trong trật tự xã hội, trong kỷ luật và trong ổn định.

Con đường đi đến dân chủ có trật tự, an toàn, ít xáo trộn dữ dội nhất là những người lãnh đạo đảng cộng sản thật sự lấy quyền lợi nhân dân làm trọng; tôn trọng nguyện vọng của nhân dân và thành tâm đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng và bị cô lập, nhận sửa đổi Hiến Pháp và luật pháp theo hướng dân chủ thật sự, thực hiện bầu cử tự do để nhân dân tham gia lựa chọn đại biểu của mình, có tranh cử hẳn hoi trong trật tự, qua báo chí, đài phát thanh và vô tuyến truyền hình, chấm dứt cái kiểu: đảng chọn, dân bầu phi pháp và đáng hổ thẹn.

Để ngăn chặn và phòng ngừa hỗn loạn, có thể đề ra và thông qua những quy tắc tranh cử như: cấm mọi hành động bạo lực, những tổ chức chính trị có được một số lượng người đến mức nào đó mới được tham dự tranh cử (ví dụ như 5% số cử tri ở một địa phương); lực lượng quân đội và an ninh làm nhiệm vụ bảo vệ đất nước và an ninh xã hội, bảo vệ cuộc bầu cử, có thể không tham gia bỏ phiếu, hoặc tham gia bỏ phiếu thì có quyền tự do lựa chọn, không bị kỷ luật quân đội ràng buộc; cấm kích động hận thù cá nhãn; cấm tuyên truyền kỳ thị nam nữ, đảng tộc, chia rẽ Bắc Trung Nam; không nhắc đến những người đã quá cố vì họ không có khả năng tự bảo vệ nếu họ bị lên án.

Mặt khác, trong thời gian chuẩn bị bầu cử, qua những cuộc gặp gỡ giữa cử tri và người ứng cử, qua báo chí và các phương tiện truyền thông, đông đảo nhân dân có thể bày tỏ thái độ của mình đối với cuộc bầu cử, đề ra yêu cầu chính tri đối với các ứng cử viên, như: yêu cầu họ tự chứng tỏ là người đứng đắn, tự trọng, trung thực; thái độ tranh cử điềm đạm, có văn hóa, tôn trọng dư luận; thể hiện lập trường yêu nước, thương dân thật lòng; nhìn rõ hiện tại và có những chính kiến rõ ràng, bổ ích cho hiện tình và tương lai của đất nước...

Chính dư luận và sức ép chính trị, tầm lý xã hội ấy sẽ tạo nên một sự lựa chọn hào hứng và trung thực những nhà hoạt động chính trị kiểu mới mà đất nước cần đến. có tâm huyết, có kiến thức và tầm nhìn, nằm trong số lực lượng tinh hoa (elite) của dân tộc . Nhân dân, cử tri đông đảo và dư luận xã hội trưởng thành về chính trì sẽ lâ trọng tài công minh và sáng suốt, loại bỏ những bộ mặt cơ hội, tham quyền cố vị, bảo thủ, vô trách nhiệm, tuyển chọn đích đáng những đại biểu nhân dân mà tình thế cần đến. Những kẻ rắp tâm gây hỗn loạn sẽ bị dư luận vạch mặt và lên án công khai. So với thế giới ngày nay, nhân dân ta đã lạc hậu khoảng hơn hai thế kỷ về mặt có quyền công dân đầy đủ, có quyền tự do bầu cử và ứng cử, được đề xướng

trong cuộc cách mạng Pháp 1789. Lẽ ra sau khi có độc lập rồi thì việc xây dựng một xã hội công dân à yêu cầu cơ bản và cấp bách nhất. Các quyền tự do của công dân bị hạn chế trong thời chiến được thực thi đầy đủ, người làm ruộng làm chủ ruộng đất, người kinh doanh được tự do cạnh tranh theo luật, người công dân có quyền tự do tư tưởng tín ngưỡng, chính kiến, đi lại, quyền tự do báo chí, xuất bản được công nhận.. thì xã hội ta đã tiến bộ, phát triển toàn điện khác hẳn ngày nay. Xã hội Việt nam đã chậm khoảng 20 năm về thực thi dân chủ, về xây dựng một xã hội dân sự, về công nhận quân công dân...

Bùi Tín

Mặt Thật

Bài học nóng hổi từ Cam Bốt

Mấy ngày cuối tháng 5-1993, cuộc bầu cử ở Cam Bốt đã diễn ra sôi nổi, hào hứng, vượt quá những dự đoán lạc quan nhất. Điều bất ngờ thú vị nhất là có đến hơn 90% cử tri đi bỏ phiếu, trong không khi hân hoan của những ngày hội. Chỉ có vài vụ phá hoại không đáng kể của Khmer Đỏ. Điều bất ngờ đau khổ của đảng Nhân Dân của ông Hun Sen được coi là thân Việt nam chỉ thu được có 36 phiếu bầu, trong khi trước ngày bầu cử, ông Hun Xen hy vọng sẽ đạt đến hơn 70% phiếu. Đau hơn nữa, các địa bàn đảng Nhân Dân hy vọng giành phiếu cao như thủ đô Nom Penh, tỉnh Long Ong Cham, tỉnh Cro-chi-ê thì họ chỉ thu được một nửa số phiếu so với đảng của ông hoàng Ranarith! Những người lãnh đạo hảo thủ ở Hà nội rất lo buồn về kết quả bầu cử ở Cam Bốt vì họ vẫn chủ quan, tin rằng đảng Nhân Dân do họ gây dựng nên đã có hệ thống chính

quyền vững trên 80% địa bàn Cam Bốt, có vô tuyến truyền hình, đài phát thanh, báo chí phát hành rộng khắp, lại có hơn 4 vạn bộ đội và cảnh sát cùng hơn 100.000 dân quần hỗ trợ thì thắng lợi của đảng này là chắc chắn. Họ có ngờ đâu đảng Nhân Dân bị thua đậm, thua đau đến vậy.

Mọi tính toán của người lãnh đạo đảng cồng sản Hà Nội bị đảo lộn hết. Trước kia họ hay dùng cụm từ: Không thể đảo ngược! Hiến pháp họ giúp cho Cam Bốt thảo ra hồi có bộ đội và chuyên gia Việt nam ở Cam Bốt là Hiến pháp theo xu thế xã hội chủ nghĩa, theo chế độ độc đảng, được coi là không thể đảo ngược! Mối liên minh ba nước Đông Dương do ba đảng cộng sản độc quyền lãnh đạo cũng được họ coi là không thể đảo ngược. Nay tất cả đã bị bác bỏ. Ông hoàng Sihanouk bị Việt nam hồi ấy miệt thị, coi không ra gì, thì nay là Quốc trưởng với những quyền đặc biệt. Ông Son Sann cũng từng bị Việt nam coi là phiến loạn nay trở thành Chủ tịch Quốc Hội Lập Hiến. Dư luận ở Nam Vang tin rằng ông Sihanouk có thể thu phục được 2/3 đại biểu trong Quốc Hội, tức 80 trên 120 ghế, vì phe của ông hoàng Ranarith đã có 58 ghế, phe ông Son Sann có 10 ghế, phe Moulinaka có 1 ghế. Cả 3 phe trên đều ủng hộ ông hoàng, như vậy Sihanouk đạt 69 ghế. Ông Sihanouk chỉ cần thu phục mươi đại biểu trong số 51 đại biểu của đảng Nhân

Dân, vì đảng này sau khi thất bại nặng đang hoang mang và phân hóa mạnh. Với những người lãnh đạo ở Hà nội, điều lo lắng nhất là cuộc bầu cử dân chủ đa nguyên, có tranh cử náo nhiệt, diễn ra trong trật tự và ý thức công dán rất cao ở Cam Bốt đã bẻ gãy tan tành luận điệu trung tâm của họ là: dân chủ đa nguyên dẫn đến hỗn loạn! Thế là dân Cam Bốt đã có đầy đủ quyền công dân, tiến bộ hơn dân Việt nam. Nhân dân Việt nam trở nên lạc hậu vô chính trì, vẫn phải chịu cảnh "đảng chọn, dân bầu trong những cuộc bầu cử tiền chế, áp đặt, làm trò cười cho nhân dân và thiên hạ.

Nếu biết nhìn xa trông rộng, có trách nhiệm với nhân dân và đất nước thì nhân dịp này, những người lãnh đạo cao nhất ở Hà nội cần phải:

* Xin lỗi nhân dân Cam Bốt vì sau khi đánh đổ bọn diệt chủng Khmer Đỏ năm 1979 - một hành động tốt đẹp được nhân dân Cam Bốt hoan nghênh- họ đã để lại 16 vạn bộ đội Việt nam ở lại quá lâu, kéo dài nội chiến, can thiệp thô bạo vào nội tình nước khác, với ý đồ xây dựng mối liên minh đặc biệt giữa ba nước Đông dương (tất nhiên là trong khối liên minh ấy, Việt nam là nước lớn nhất có hơn 60 triệu dân hai nước nhỏ kia chỉ có 3 triệu và 6 triệu dân

sẽ là những người em chỉ biết vâng lời), gây nên biết bao đau khổ cho nhân dân Cam Bốt; hơn 3 ngàn chuyên gia Việt Nam thuộc đủ các ngành đã ít nhiều can thiệp vào tình hình nội bộ Cam Bốt với ý thức nước lớn, áp đặt, chủ quan, vụ lợi...

* Xin lỗi Quốc trưởng Sihanouk vì đã miệt thị, khinh thường, đả kích và châm biếm ông. Chính do những hành động ấy mà đến nay ông Sihanouk vẫn chưa muốn sang thăm Việt nam.

* Xin lỗi nhân dân Việt Nam , quân đội Việt nam về việc để quân đội gần 10 năm ở Cam Bốt tham gia nội chiến ở đây, gây nên biết bao tổn thất oan uổng, làm cho nước ta bị cô lập, lên án, trừng phạt, tẩy chay và cấm vận tới bây giờ; điều ấy chỉ vì giấc mộng liên minh đặc biệt 3 nước Đông Dương hão huyền. Liên xô đã biết xin lỗi nhân dân Afghanistan và nhân dân Liên xô về việc đưa quân đội Xô Viết vào nước này; Liên xô cũng đã biết xin lỗi nhân dân Hungari về việc đưa quân đội vào nước này năm 1956, và xin lỗi nhân dân Tiệp Khắc vụ đưa quân vào đây năm 1968. Biết xin lỗi chân thành là chuộc lại những tội lỗi trong quá khứ, khôi phục danh dự và uy tín trước nhân dân và dư luận thế giới. Khăng khăng chối bỏ những lỗi lầm chỉ là tự đưa mình vào chỗ bị cô lập, bị lên án và không sao hòa

nhập được với thế giới. Và bài học đẹp nhất từ Cam Bốt là hãy chấp nhận một cuộc bàu cử đa nguyên, có tranh cử, trong trật tự và an ninh, trong niềm phấn khởi của công dân, được sự hoan nghênh của toàn thế giới.

Bùi Tín

Mặt Thật

Ban ơn và đòi lại

Tôi còn nhớ vào những năm 1964, 1965, gặp các bạn trẻ sinh viên trường đại học sư phạm ở Cầu Giấy Hà nội, một bạn giáo viên đã đọc cho nghe hai câu hài hước sau khi nhà trường công bố bán cho mỗi giáo viên một áo may-ô cụt tay (gọi là áo ba lỗ) và một lốp xe đạp:

Bắt ở trần phải ở trần .

Cho may-ô mới được phần may-ô.

theo kiểu lẩy Kiều (Bắt phong trần phải phong trần, cho thanh tao mới được phần thanh tao...) Đó là đảng ban ơn, chia phần viện trợ, bán rẻ cho cán bộ, khi thì 2 mét vải, khi thì chiếc quần đùi, chiếc áo may-ô, khi thì chiếc lốp xe đạp, bánh xà phòng, nửa cân đường, cho đến 2 mét vải màn một tháng cho riêng các chị em. Chính sách bao cấp tạo nên tâm lý trông chờ ở sự ban ơn của đảng, và coi đó là công ơn của đảng với mỗi người!

Dưới chế độ lãnh đạo độc quyền của đảng cộng sản, chữ "giải phóng" bị lạm dụng tràn lan, trên thực tế mỗi người dân đều bị coi là "vị thành niên", là "chưa trưởng thành cần có đảng để nuôi nấng, đay dỗ, chỉ bảo từng ly từng tý một. Người dân hèn mọn, kém cỏi không được ra khỏi nhà (không được ra nước ngoài), không được gặp nói chuyện với người ngoại quốc (có thể bị tù nếu vi phạm). Thật đáng hổ thẹn cho con em nước Việt nam nghìn năm văn hiến cho đến nay vắn còn bị coi là trẻ nít, cần sự dìu dắt trên mỗi bước đi, mỗi cử chỉ, mỗi lời nói. Đảng cho gì thì được nấy, cho phép làm điều gì thì được làm điều ấy. Đến nay cũng vẫn đảng quy định người dân được "tự do" làm những gì. Đã đến lúc giải tỏa tâm lý xã hội nặng nề và phi lý áy. Cả xã hội cần hiểu rõ nội đung của các bản tuyên ngôn nhân quyền cũng như Hiến chương về quyền con người của Liên Hiệp Quốc mà Việt Nam là một thành viên. Con người sinh ra đã là một con người tự do, nghiễm nhiên có quyền tự do, không cần ai ban phát cho cả.
Mấy chục triệu nhân dân Việt nam đã bị mất từng phần các quyền iự do là vì đã bị tước đoạt một cách phi lý và bất công. Nay đã đến lúc phải trả lại cho xã hội, cho mỗi công dân quyền có chính kiến riêng, quyền tự do tư tưởng và ngôn luận. Phải trả lại cho mỗi công dân nhân phẩm

quan trọng nhất: được suy nghĩ bằng cái đầu của chính mình. Phải giành lại cho mỗi công dân quyền ngẩng cao đầu lớn tiếng nói lên suy nghĩ của chính mình, không phụ thuộc vào ai, chịu trách nhiệm về điều mình nghĩ và không một công dân nào bị bắt bớ, bị mất tự do, bị tù đày vì chính kiến chính trị của mình. Phải chấm dứt thái độ độc đoán phi lý, khẳng định rằng: yêu tổ quốc là yêu chủ nghĩa xã hội (mà lại là kiểu chủ nghĩa xã hội lộn ngược, bất công, áp đặt, nghèo khổ), chống đảng, chống chủ nghĩa xã hội là phạm pháp, thậm chí "nói xấu lãnh đạo" (ngay khi lãnh đạo quả thật xấu) cũng là phạm pháp luôn?
Chẳng lẽ sắp bước vào thế ký 21 rồi mà người Việt nam chúng ta vẫn còn ở thời kỳ trung cổ, ở vào thời kỳ trước thế kỷ 18 của thế giới!
Người dân chỉ cần làm ăn, không cần đến dân chủ? Không khí làm ăn ở Việt nam hiện nay khá là sôi động. Quang cảnh buôn bán, kinh doanh nhộn nhịp lan rộng trong cả nước, tại Sài gòn-Chợ Lớn cũng như tại thủ đô Hà nội, vùng biên giới phía Bắc cũng như vùng đồng bằng sông Cửu Long và miền Trung. Người ta sửa nhà, cơi nới thêm diện tích, làm nhà mới, sắm sửa đồ dùng gia đình, ăn mặc tươm tất đẹp và sang hơn trước. Mọi nhà, mọi nơi bàn bạc việc làm ăn, kiếm lãi.

Đây là điều dễ hiểu. Từ mấy chục năm cấm đoán việc làm ăn, hạn chế và cấm đoán mọi cơ sở kinh doanh tư nhân, triệt hạ thị trường tự do, nay đảng và nhà nước buộc phải trả lại quyền làm ăn, kinh doanh, buôn bán cho nhân dân, người dân đang "nghẹt thở" bỗng được luồng "dưỡng khí" tự do về kinh tế, ai cũng muốn tận hưởng. Kinh tế thị trường càng sôi động, đời sống mỗi gia dình dễ chịu, lại càng thấy cái tội lớn của người cầm quyền đã duy trì một chế độ kinh tế bảo thủ, giáo điều, giam hãm toàn xã hội trong cảnh khốn cùng suốt mấy chục năm ròng. ở Việt nam, từ rất lâu, chưa từng có những cơ quan thăm dò dư luận xã hội. Trong một xã hội dân chủ, những cơ quan thông tin, xã hội của nhà nước và tư nhân làm công việc điều tra, phỏng vấn, thống kê chính kiến của một số lượng thành phần xã hội rồi tính thành tỷ lệ để công bố là những phương tiện không thể thiếu để bắt mạch dư luận xã hội kịp thời và chuẩn xác. Hồi 1986, khi chính sách đổi mới bắt đầu được thực hiện, trong khí thế hăng hái, một số tổ chức thăm dò dư luận được thành lập (được gọi vui hồi ấy là viện Gallup Việt nam); nó nằm ở Ban tuyên huấn trung ương đảng, sau là Ban tư tưởng và văn hóa trung ương. Một số cuộc thăm dò dư luận được công bố, về nguyện vọng đổi mới kinh tế và chính trị, về thái độ đối với thị

trường tự do, về từ bỏ chế độ bao cấp, về chính sách Khoán 10 trong nông nghiệp, về từ bỏ cưỡng bức trong Hợp tác hóa nông nghiệp... Cơ quan thông tấn xã Việt nam, các báo Lao Động, Tuổi Trẻ, Hà nội mới cũng làm một số cuộc điều tra dư luận, công bố kết quả trên báo chí và đài truyền hình. Đây là một biểu hiện đáng mừng theo hướng dân chủ hóa thông tin.

Thế nhưng những việc làm đáng khuyến khích ấy không thọ được lâu dài. Nó chết yểu khi hệ thống xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở Liên xô và Đông Âu. Người ta quay về con đường cũ, về lề lối cũ. Dân chủ là nguy hiểm chết người! Những người lãnh đạo nghĩ vậy. Các cuộc thăm dò dư luận thưa thớt dần, để rồi tắt ngấm.

Trong năm 1987, đã có nhưng lớp học của ngành tuyên huấn, hướng dẫn cách làm những cuộc điều tra dư luận: chọn đề tài điều tra, chọn đối tượng điều tra, làm phiếu hỏi và trả lời ghi nhận và thống kê kết quả, so sánh và đối chiếu với các cuộc thăm dò trước...

Nay tất cả đều bị gác lại. Vì quả thật các cuộc điều tra trong thực tế trở thành con dao hai lưỡi. Dư luận hoan nghênh những việc làm tốt và phản đối những chủ trương sai lầm. Đến nay, đảng cộng sản bị các cuộc điều tra thách đố nặng nề. Họ không dám "chơi" trò dân chủ ngay thật,

với luật chơi công khai, có nhân dân và công luận làm trọng tài. Họ không thể chấp nhận những cuộc điều tra rộng lớn trong toàn xã hội về các chủ đề, như:

- Nhân dân có tín nhiệm sự lãnh đạo của đảng cộng sản không?
- Nhân dân có tin ở chủ nghĩa xã hội không? Nhân dân có tin ở chủ nghĩa Mác-Lênin không?
- Sở hữu ruộng đất nên là sở hữu tư nhân hay loàn dân? Những biện pháp chống tham nhũng hiện nay có hiệu quả không .
- Bầu cử quốc hội vừa qua đã thật tự do chưa? vân vân và vân vân...

Có thể khẳng định rằng nhân dân ta ở trong nước đang tận dụng những nhượng bộ về kinh tế của đảng cộng sản để bung ra làm ăn. Họ không hề biết ơn đảng, cũng chẳng khen ngợi đảng vì họ hiểu rằng đảng đã buộc phải trả lại cho dân quyền làm ăn chính đáng mà đảng đã tịch thu của dân mấy chục năm nay.
Mặt khác, đông đảo nhân dân hoàn toàn chưa hài lòng về hiện tình đất nước và đòi hỏi đảng đang ôm giữ độc quyền lãnh đạo phải nhượng bộ thêm nữa theo hướng tôn trọng

quyền sở hữu tư nhân, xây dựng một nhà nước có đầy đủ pháp luật và pháp luật được tôn trọng, chấm dứt sự lộng hành của những người có quyền thế đang vơ vét, tàn phá tài sản xã hội và tài nguyên quốc gia. Phê phán sự lãnh đạo của đảng, chỉ trích sự kém cỏi, bất lực của giới cầm quyền đang là "mốt", là thời thượng của xã hội ngày nay, diễn ra trên đường phố, trong các nhà hàng, trong mỗi gia đình và cả ở cơ quan... Chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội mà đảng cộng sản vẫn còn cố tỏ ra sùng bái thì đã mất hết thiêng trước con mắt dân chúng. Nỗi sợ cường quyền của người dân cũng giảm đi trông thấy. Tất cả những hiện tượng ấy chứng tỏ thái độ chính trị của người dân đang chuyển biến theo hướng có tinh thần phê phán rõ rệt, theo hướng tự khẳng định quyền dân chủ của mình. Luận điểm cho rằng người dân chỉ lao vào làm ăn mà không quan tâm gì đến chính trị là một luận điểm sai với thực tế, mang ý đồ đánh lạc hướng dư luận. Chính vì quan tâm đến kinh tế, đến làm ăn mà người dân quan tâm đến chính trị vì họ hiểu rằng chỉ có một hiến pháp tiến bộ công nhận rõ ràng quyền sở hữu tư nhân về ruộng đất, bảo đảm quyền tự do kinh doanh và quyền cạnh tranh ngay thật thì việc làm ăn mới bảo đảm bền vững, mọi tài nàng kinh doanh mới được thi thố theo nguyên tắc tạo cơ hội đồng

đều cho mọi người, chấm dứt tình hình đặc quyền đặc lợi vô lý hiện nay. Cứ để vậy rồi tự nhiên sẽ có dân chủ đầy đủ? Qua những cơn khủng hoảng dai dẳng, nặng nề về mọi mặt vừa qua của đất nước, những người lãnh đạo đảng cộng sản đã mở mắt và không còn kiêu ngạo tự phụ như trước nữa chăng?

Không phải vậy! Chứng nào tật nấy. Tại một số cuộc họp ở Hà nội cũng như khi gặp một số Việt kiều ở Paris, những người lãnh đạo của đảng vẫn còn huênh hoang rằng, "đảng ta" đã tỏ ra vững vàng hơn đảng cộng sản Liên xô và đảng cộng sản Trung Quốc? Đảng Liên xô chỉ lo đổi mới về chính trì mà không lo đổi mới về kinh tế, cho nên sụp đổ tan hoang? Đảng Trung Quốc chỉ lo đổi mới về kinh tế, không chịu đổi mới về chính trị nên vấp phải vụ Thiên An Môn nguy hiểm! Vẫn còn có người ở trong nước cũng như ở ngoài nước tin ở luận điệu kiêu ngạo ấy. Thật ra Trung Quốc về mặt đổi mới về kinh tế đã đi trước Việt nam khá lâu và đạt được tốc độ phát triển cao suốt gần mười năm nay, và do bảo thủ về chính trị, nguy cơ rối loạn và suy sụp vần còn tiềm ẩn như những quả bom nổ chậm. Việt nam có đổi mới về chính trị hơn gì Trung Quốc đâu! Vẫn là một đảng chuyên quyền; vẫn là bầu cử kiểu "đảng

chọn, dân bầu vẫn ôm giữ chủ nghĩa Mác- nin và chủ nghĩa xã hội (mà hình thù đang còn phải đi tìm?)
Còn Liên xô sau khi tan rã, đã trở thành một loạt nước có chủ quyền, đi vào xây dựng nền dân chủ đa nguyên, chấp nhận một số khó khăn nhưng là những khó khăn của phát triển, trên một mặt bằng khác hẳn trước về chất, sau khi chấm dứt một chế độ độc đoán, giáo điều và lạc hậu. Việt nam chưa vượt qua ngưỡng cửa ấy. Nước Nga mới được sự giúp đỡ to lớn của quốc tế (hơn 50 tỷ đô la) có điều kiện đánh thức tài nguyên hùng hậu, khôi phục nền sản xuất vốn đã khá cao.
Lại có người lập luận đổi mới kinh tế tất yếu tự nó sẽ dẫn đến đổi mới về chính trị. Không nên sốt ruột? Phải biết kiên nhẫn và chờ đợi! Có anh bạn trí thức Việt kiều trẻ, rất có tâm huyết, rất mực thương dân mình nghèo khổ, chủ trương hãy tập trung giúp cho đất nước về kinh tế đã, để Việt nam mình tăng gấp đôi giá trị sản lượng tính theo đầu người (từ 180 đô la năm 1990 lên chừng 400 đô la vào năm 2.000), từ lúc đó trở đi khi cuộc sống của nhân dân đã dễ chịu, vượt qua mức nghèo khổ rồi, thì hãy đòi hỏi dân chủ đa nguyên! Anh lập luận rằng, cơm áo trước, dân chủ sau, có no đủ rồi mới nên nghĩ đến chính trị, thiếu gạo thiếu thịt, đói rét, bụng đã đâu mà nghĩ đến dân chủ?. Tâm

huyết và thiện chí ở đây trùng hợp với mong muốn của những người lãnh đạo đã mất hết liên hệ với nhân dân! Họ cũng chỉ mong có vậy để hòng kéo dài sự tồn tại với những quyền đặc lợi riêng tư! Lập luận ngây thơ về chính trị trùng hợp với những tính toán vụ lợi! Cả hai bên đều không thấy hoặc che giấu mối quan hệ qua lại giữa chính trị và kinh tế, do đó không đổi mới tiếp, đủ liều lượng về chính trị thì kinh tế sẽ bị chững lại, những thành tựu kinh tế có nguy cơ bị triệt tiêu.

Cần nhận rõ những đổi mới về kinh tế bước đầu và một vài đổi mới có tính chất hình thức về chính trị vừa qua sở dĩ có được là do sức ép của thời cuộc và dư luận, cơ quan lãnh đạo của đảng buộc lòng, cực chẳng đã mà thực hiện một cách miễn cưỡng. Một số tiếng nói ngay thẳng, dũng cảm của một số nhân vật ở ngoài đảng cũng như của một số đảng viên hiểu biết đã tạo nên trên thực tế một thế lực đối lập mà những người lãnh đạo bảo thủ phải tính đến, buộc họ phải nhượng bộ.

Trong cơ quan lãnh đạo của đảng chưa có một nhân vật nào nổi lên như là người chủ động đề xướng đường lối đổi mới, chưa có một ai có thể được coi là nhà kiến trúc của kế hoạch đổi mới cả? Ông Trường Chinh sau khi nhận chức quyền Tổng Bí Thư ban chấp hành trung ương đảng

hồi cuối năm 1986, ở thời kỳ cuối đời mình, có tạo nên một niềm tin nào đó; sau đó ông Nguyễn văn Linh ở khoảng hai năm đáu trên cương vị tổng bí thư cũng tạo nên được một niềm tin, thế nhưng niềm tin ấy cũng sớm tàn lụi khi ông la cùng cơ quan lãnh đạo của đảng hoảng hốt quay về đường lối bảo thủ và giáo điều khi hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu tan vỡ. Từ đó họ trở nên bước cản tệ hại cho sự nghiệp đổi mới, phát triển, hồi sinh của đất nước. Họ đã bỏ qua những thời cơ quý báu để hòa nhập với thế giới. Chính cuộc đấu tranh của các lực lượng dân chủ tuy chưa sôi nổi, hùng hậu, nhưng âm ỉ và bền bỉ, thông minh và gan góc đã tạo nên trên thực tế một thế lực dối lập, đại biểu cho một số đông nhân dân thầm lặng mong muốn đất nước đi vào con đường đổi mới thật sự, trong ổn định thật sự, tạo nên thế mới và lực mới trên con đường phát triển. Thế lực đối lập ấy còn tản mạn, đang tìm gọi nhau, tập họp lại, hợp tác trong và ngoài nước, được dư luận quốc tế hỗ trợ, chắc chắn sẽ có bước phát triển nhanh chóng và thuận lợi, phát huy tác dụng đối với sự chuyển biến đi lên của đất nước ta.

Thứ nhất: ngồi ỳ, thứ nhì: đồng ý. Đó là nhận xét châm biếm của một số nhà thức giả đối với giới cầm quyền bảo thủ trước giờ. Không có thực tài, họ đến được với chính

quyền, liền ngồi lỳ ra đó, nằm lỳ ra đó, một bước không rời theo quan niệm làm quan suốt đời, và để ở lỳ được, cái gì họ cũng gật hết, cái gì cũng giơ tay tán thành, cũng đồng ý hết! Thế nhưng khi tình hình chuyển động, sức ỳ có nặng đến mấy cũng phải lung lay và xê dịch. Thế lực đối lập có sức mạnh của lương tri, của lẽ phải, hợp xu thế của thời đại, được giới học thức và cả xã hội biểu đồng tình thì ắt tạo nên sức mạnh để lay động và đẩy lùi lực lượng bảo thủ cản đường của đất nước. Mọi lập luận bảo thủ mang tính chất ngụy biện và áp đặt không thể đứng được lâu. Không thể đồng tình với thái độ buông xuôi, trông mong ở sự tự phát kiểu há miệng chờ sung. Không. Nhân dân ta đã mất quá nhiều thời gian rồi! Từ 1975 đến nay đã gần 20 năm. Nếu như từ hồi ấy, lãnh đạo đất nước biết chuyển thật sự sang một thời kỳ xây dựng mới, biết từ bỏ kiểu lãnh đạo trong chiến tranh mang nặng tệ duy ý chí, chủ quan, sau đó sớm biết từ bỏ chủ nghĩa Mác giáo điều thì đất nước ta đã hoàn toàn đổi khác, con đường phái triển đã mở rộng trước mắt, đâu có bế tắc, trầy trật, lạc hậu như hiện nay? Cái lỗi quả thật, cũng còn là ở những người trí thức tuy nhìn rõ tình hình mà không có dũng khí phát biểu, không biết tập họp nhau lại, tìm ra biện pháp đấu tranh có hiệu quả. Bài học này thật sâu sắc, đau lòng và trở thành

lời kêu gọi khẩn thiết cho mọi công dân hiểu biết hãy dấn thân cho nền dân chủ để cứu dân, cứu nước!

Bùi Tín

Mặt Thật

Thế kẹt của những người bảo thủ

Những người bảo thủ đang lâm vào thế kẹt. Thành tích kinh tế những năm 1992 và 1993 không phải là xoàng. Nông nghiệp phát triển khá; lúa gạo xuất khẩu đạt trên dưới 1 triệu rưỡi tấn mỗi năm. Dầu khí mang lại giá trị gần 1 tỷ đô la/ năm. Công nghiệp phát triển đạt mức trên 10% mỗi năm.

Lạm phát phi mã đã bị đẩy lùi. Thế nhưng nhiều vấn đề nghiêm trọng vẫn tồn tại: Hạ tầng cơ sở của đất nước- đường sá, cầu cống, bến cảng, sân bay... xuống cấp, thiếu vốn lớn để xây dựng lại. Hệ thống giáo dục và y tế- hai lĩnh vực then chốt liên quan đến "tài nguyên" quý nhất là con người vẫn ở trong tình trạng bê bối kéo dài. Nạn đầu cơ, buôn lậu, tham nhũng, phung phí và hủy hoại tài nguyên và tiền bạc của đất nước, ô nhiễm môi trường đạo đức và công bằng xã hội vẫn ngang nhiên hoành hành. Đất nước

trong 7 năm tới cần tới gần 50 tỷ đô la mới có thể đạt được mục tiêu khiêm tốn là nâng giá trị sản lượng bình quân đầu người/năm từ 200 đô la/năm lên 400 đôla/năm 2000. Số tiền đầu tư của khoảng 20 nước ngoài từ cuối 1988 (khi công bố luật đầu tư) cho đến nay mới đạt khoảng 5 tỷ đô la theo ký kết, và mới chỉ hơn 1 phần tư số tiền ấy được thật sự đưa vào để làm ăn. Ai cũng thấy so với yêu cầu của bài toán phát triển, số vốn ấy mới chỉ là bước khởi đầu quá khiêm tốn, không đủ để tạo nên đà đi lên. Hơn nữa, cứ cho là năm 2000 có thể đạt mục tiêu 400 đô la/ năm cho mỗi đầu người nói trên, thì lúc ấy nước ta vẫn còn là nước kém phát triển và tương đối còn nghèo vì theo quy định của Liên Hiệp Quốc hiện nay, nước nào còn ở dưới mức 600 đô la/đầu người là còn ở dưới mức bình thường, sản xuất và đời sống thấp kém, cần được thế giới quan lâm, giúp đỡ vực dậy. Tiền vốn lớn từ đâu ra? Không một nước nào hiện nay có khả năng đầu tư lớn vào nước ta. Việt nam chỉ có thể vay tiền theo số lượng lớn, với những điều kiện dễ dàng và ưu đãi ở các định chế tài chính quốc tế: quỹ tiền tệ quốc tế IMF, ngân hàng thế giới WB, ngân hàng phát triển Châu á ADB. Ai nấy đều biết các định chế tài chánh này được đại biểu các nước giàu và phát triển nhất điều hành, trong đó chính quyền Hoa Kỳ-

nước đóng góp nhiều nhất - luôn có quyền lực quyết định. Gần đây, các nước lớn như Nhật Bản, Pháp, Cộng Hòa Liên bang Đức, úc, Hoa Kỳ... đều tỏ rõ sự quan tâm đối với tình hình tôn trọng nhân quyền và dân chủ hóa ở Việt nam. Có nước còn nói rõ rằng họ coi đó là điều kiện để cải thiện và táng cường mối quan hệ nhiều mặt với Việt nam. Họ cũng còn nói rõ đây không phải là bắt bí Việt nam, can thiệp vào công việc nội bộ của Việt nam, thậm chí trả thù Việt nam do Việt nam đã dám đương dầu và thách thức các nước ấy bằng vũ khí... mà là đo thiện chí, do thiện cảm với nhân dân và đất nước này. Họ lập luận rằng phát triển và dân chủ không những không đối lập, ngáng trở nhau, phải hy sinh cái này cho cái kia, mà ngược lại, hai cái đó phải đi với nhau, thúc đẩy nhau, làm điều kiện cho nhau, là "bạn đồng hành thân thiện". Nếu không dân chủ hóa đủ liều lượng thì Việt nam vẫn còn cứ tự đứng ngoài cộng đồng thế giới hiện đại, vẫn cứ như sống riêng biệt với những giá trị cũ kỹ lỗi thời, tự mình chối bỏ tình bạn hữu và sự giúp đỡ của thế giới. Cho dù sắp tới chính quyền Clinton sẽ có thể bỏ dần chính sách cấm vận đối với Việt nam, một số nước đã đứng ra giúp Việt nam trang trải món nợ cũ 140 triệu đô la đối với Quỹ tiền tệ quốc tế, thì tổ chức này (IMF) cùng với WB (Ngân hàng thế giới) và

ADB (ngân hàng phát triển á Châu) cũng chỉ có thể cho vay thêm những số tiền không lớn lắm (dưới 1 tỷ đô la), nếu như Việt nam vẫn cứ đàn áp những nhà trí thức và lãnh đạo tôn giáo bất đồng chính kiến và duy trì kiểu chủ nghĩa xã hội độc đảng, độc đoán như hiện nay. Tốc độ phát triển sẽ không thể cao, vấn đề hạ tầng cơ sở đổ nát vẫn tồn tại. Chỉ có sau khi đảng thật sự tôn trọng quyền công dân, trả lại nhân dân và xã hội quyền tự do đã bị họ cầm giữ và tịch thu thì Việt nam mới thật sự hội nhập với thế giới hiện đại và mới có thể hy vọng tiếp nhận sự giúp đỡ đáng kể để phát triển, như Liên xô vừa nhận được sự trợ giúp và cho vay với điều kiện rất rộng rãi hơn 50 tỷ đô la vậy. Cần nhớ rằng các nước đã phát triển cũng đang gặp nhiều khó khăn kinh tế, tài chánh và họ có nhiều hướng lựa chọn; Việt nam không có gì hấp dẫn dặc biệt so với nhiều khu vực và nước khác, chỉ những người mù quáng nặng nề mới cứ tự coi nước mình là cái rốn của vũ trụ, rằng ta là cô con gái tuyệt trần cao giá, họ cần đến ta chớ ta chẳng cần đến ai.

Thế mắc kẹt của những người lãnh đạo bảo thủ ở Hà nội là ở đây. Đây là một điểm mấu chốt. Không dân chủ hóa đủ liều lượng, họ sẽ đặt đất nước vào thế kẹt cứng, đất nước sẽ không sao phát triển được, và xu thế kinh tế tiến

bộ mấy năm qua sẽ bị chững lại. Tốc độ phát triển khá của đất nước sẽ bị dâng lên làm vật hy sinh trên bàn thờ của chủ nghĩa Mác- Lênin và cái gọi là chủ nghĩa xã hội kiểu độc đảng cũ kỹ. Duy trì tốc độ phát triển khá cao, đưa đất nước vào sinh lộ vĩnh biệt đói nghèo và lạc hậu, không có con đường nào khác là đi qua con đường dân chủ hóa. Đó là con đường tuy mới mẻ cần khai phá nhưng đầy hứa hẹn, con đường của nhân phẩm và tiến bộ, rũ bỏ nỗi nhục chung sống không có tự do. Những người lãnh đạo có mất chăng là mật những đặc quyền không sạch sẽ nhưng họ sẽ cùng nhân dân được nhiều, được lớn: quyền sống tự do, mọi người được là chính mình. Đây là một công cuộc "giải phóng" xã hội, "giải phóng" con người mà chắc chắn đông đảo những người cộng sản có lương tri, còn thật lòng yêu nước thương dân, sẽ hoàn toàn tán thành và dấn thân thực hiện, khi họ không còn bị những người lãnh đạo bảo thủ và mù quáng giam hãm trong lập luận ngụy biện dối trá. Từng ở trong đảng cộng sản hơn 38 năm, tôi có thể nói lên tâm trạng của khá nhiều đảng viên là: tuy tự hào về cuộc đấu tranh cho nền độc lập của dân tộc, họ vẫn cảm thấy- lúc này hay lúc khác; ở mức độ khác nhau- không hài lòng, khó chịu, đôi khi bực bội xấu hổ, và phẫn nộ nữa trước tình hình không có dân chủ trong đảng, tệ

gia trưởng độc đoán hoành hành, những tiếng nói có tâm huyết bị vùi dập, nạn sùng bái cá nhân dai dăng, những cuộc đàn áp cá nhân vô lý xảy ra. Đã đến lúc đông đảo đảng viên bình thường, đảng viên trí thức, đảng viên trẻ cùng nhân dân mình, đồng bào mình "dấn thân" cho dân chủ! Cũng đã đến lúc những đảng viên thức thời, sáng suốt và dũng cảm có ý thức dân chủ sâu sắc, từ bỏ đảng cộng sản nếu đảng này không từ bỏ tệ độc đoán và trở về với dân tộc, để cùng những chiến sĩ dân chửxây dựng nên một tổ chức chính trị dân chủ - Tập hợp Dân Chủ chẳng hạn - như nhiều người đã nghĩ đến.

Bùi Tín

Mặt Thật

Lực lượng dân chủ

Những ai mong muốn dân chủ ở nước ta? Không một ai muốn dân chủ đến trong hỗn loạn. Còn dân chủ đến trong một tình hình không hỗn loạn, không đảo lộn dữ dội, thì phải nói là nhiều, rất nhiều người mong muốn. Thanh niên là lực lượng hùng hậu trong hàng ngũ. tranh cho dân chủ. Vì thanh niên ít ràng buộc với cơ chế cũ, ít gắn bó với đặc quyền đặc lợi, thanh niên ham mê cái mới, cái tiến bộ.
Anh chị em trí thức theo đúng nghĩa, am hiểu tình hình, có trí tuệ,tất nhiên ưa muốn sinh hoạt dân chủ. Vì trí thức là sáng tạo, là hướng tới cái mới tiến bộ, chống bảo thủ, trì trệ, chống độc đoán. Tất cả những văn nghệ sĩ chân chính mê say sáng tạo chỉ có thể phát huy hết tài năng trong một chế độ dân chủ.
Những lực lượng kinh doanh khát khao không khí làm ăn có pháp luật, bình đẳng, mọi người đều có cơ hội ngang

nhau để thành đạt, tất nhiên là mong muốn một chế dộ dân chủ pháp quyền, nông dân ở khắp vùng quê đều tha thiết với quyền sở hữu tư nhân về ruộng đất, nhà cửa, vườn tược; họ mọng sớm chấm dứt cảnh cường hào mới lộng hành dựa vào quyên thế phe đảng và dòng họ; họ hiểu rằng chỉ có một chế độ dân chủ mới mang lại không khí làm ăn sôi động và sự trù phú lâu bền ở thôn quê. Chưa có dân chủ thì nam nữ bình quyền, dân tộc bình đẳng, tự do tín ngưỡng cũng chỉ là nói suông, chưa có gì là thực chất. Đó là nói về lý thuyết, về tiềm năng. Trên thực tế, hiện nay phong trào dần chủ có vẻ như im lìm! Những bức thư từ trong nước cho biết rõ: không phải như vậy! Sự im ắng của phong trào đấu tranh đang che dấu những dòng nước xoáy sôi động từ dưới đáy sâu. Chiều sâu tâm lý xã hội đang chuyển động lớn. Các nhà ngoại giao Tây Âu rất lý khi nhận xét rằng bức tường cộng sản ở Việt nam không đổ sập trong một đêm, nó cứ rơi rụng dần, đổ dần từng máng nhỏ, liên tiếp, ngày này sang ngày khác, và đến độ nào đó thì mới tan hoang, tan bành. Cứ vào từng nhà một sẽ thấy ngay thôi. Không mấy người còn nói đến các vị lãnh đạo đảng một cách quý mến, kính trọng như xưa. Người dân đã dành lại cho mình quyền ăn nói, quyền chỉ trích, quyền phê phán. Đảng cộng sản và những

người lãnh đạo đảng không còn quyền uy, chẳng còn gì là linh thiêng nữa? Người dân đã nói và nghĩ đến một thời kỳ hậu cộng sản chẳng xa xôi gì. Cả nhiều người cộng sản cũng nghĩ đến điều ấy, như một tất yếu phải đến, không tránh đi đâu nổi. Không ít người không còn giữ kín trong bụng mình, mà đã thổ lộ với người thân, với bè bạn, thậm chí cả ở nơi đông người những suy nghĩ đích thật của mình về chế độ, kể ra vanh vách những tội lỗi, chê trách cái dại, cái dốt, cái lẩm cẩm của những người lãnh đạo. Họ đã dành lại trên thực tế một phần quyền dân chủ, quyền ăn nói, quyền tự do xưa nay bị cấm đoán. Sự chuyển động về tâm lý xã hội đang diễn ra ngày càng sâu rộng. Xưa kia được đi dự mít tinh kỷ niệm ngày thành lập Đảng là một vinh dự; người ta vỗ tay hồ hởi; nay các cuộc mít tinh như thế phải mời gọi, phải thuyết phục, có khi phải kèm theo lợi ích riêng như thuê mướn; người vỗ tay lẹt đẹt, miễn cưỡng, và người xem truyền hình hoặc nghe đài thì nhún vai, cười khẩy, hoặc tự nhủ: vẫn những trò cũ vớ vẩn, hoặc dửng dưng, họ làm việc của họ, ta làm việc của ta. Ai bảo là không khác gì trước? Ai bảo là im lìm? Không, khác nhiều lắm chứ. Rồi còn khác nữa! Tránh voi chẳng xấu mặt nào! Thế nhưng khi con voi già đã ốm yếu, ngà đã gãy, chân đã siêu, đang thở hắt ra thì dù nó có rống lên

cũng chỉ dọa được những kẻ yếu bóng vía nhất, và rồi một số người gan góc, thông minh sẽ tìm ra cách làm cho nó lăn kềnh.

ở xã hội nào cũng có số đông và một số ít người ưu tú. Số đông có lúc như im lìm. Nhưng số ít ưu tú thì lại khác số đông. Họ năng động, họ sớm nhìn ra tình hình, sớm tìm la hướng mới. Họ luôn là họ, không a dua, không theo đuôi. Họ không sợ cường quyền. Họ không ưa theo vết mòn. Họ có tinh thần khai phá. Họ có sức hấp dẫn, sức thuyết phục và sức lan tỏa. Những tia sáng trí tuệ, những xung động tình cảm của họ rất dễ lan truyền ra xung quanh, như những trung tâm phóng xạ trong vật lý, những trục truyền lực trong cơ khí...
Xưa kia, dưới thời Pháp thuộc một số người cộng sản từng là người ưu tú như thế. Họ sống sát quần chúng, thu hút hấp dẫn quần chúng. Họ tin vào lý tưởng giành độc lập, bất chấp tù đầy, thách thức cả máy chém... Ngày nay, ngược lại những người lãnh đạo cộng sản độc đoán ở vào vị trí cản đường đi lên của dân tộc. Và một lớp người ưu tú khác xuất hiện, tỉnh táo, tự tin, đau nỗi đau của đất nước và đồng bào. Họ là tiến sĩ toán học Phan Đình Diệu, là bác sĩ Dương Quỳnh Hoa (đã từ bỏ đảng cộng sản từ vừa

đúng 10 năm trước); họ là nhà văn Dương Thu Hương; là nhà ngôn ngữ học Nguyễn Phan Cảnh; họ là nhà thơ Nguyễn Duy với những bài thơ tâm huyết Nhìn Từ Xa Tổ Quốc, Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, họ là nhà khoa học Nguyễn Xuân Tụ mang bí danh Hà Sỹ Phu từ cuối năm 1988 đã viết bài: Hãy nắm tay nhau đi dưới bảng chỉ đường của trí tuệ; họ là nhà văn hóa Viễn Phương, nhà sử học Nguyễn Kiến Giang, nhà triết học Hoàng Minh Chính; họ là nhà toán học Nguyễn Phú Hào dạy học ở Angiérie vừa sang Pháp hoạt động góp phần đấu tranh cho dân chủ ở quê hương; họ cũng là nhà văn nữ trẻ Phạm thị Hoài dám tranh luận với nhà lãnh đạo Nguyễn Đình Thi; họ cũng là cô sinh viên trẻ Bùi Thị Thanh Hương (Hoàng Dung) ở Moscou bị sứ quán Việt nam đe dọa vẫn không lùi bước trong việc đảm nhận việc xướng ngôn viên của đài phát thanh tự do Irina; họ là nhà báo Nguyễn Ngọc Lan và linh mục Chân Tín kết hợp sống đạo với sống đời, bị quản thúc về thân thể mà không chịu để tinh thần bị quản thúc; họ là bác sĩ Nguyễn Đan Quế và giáo sư Đoàn Viết Hoạt không cần giàu sang phú quý ở nước ngoài mà dấn thân cho sự nghiệp dân chủ của đất nước; đó là các vị hòa thượng Trí Siêu, Tuệ Sỹ Huyền Quang, Quảng Độ, Trí Tựu, Hải Tạng... dấn thân cho quyền tự do của các tôn giáo chống

lại các hình thức tôn giáo "quốc doanh"; đó là nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, cả tuổi thanh xuân gần 30 năm bị giam cầm phi lý, nay ốm đau vẫn dõng đạc: tôi sẽ sống lâu hơn đảng cộng sản độc đoán; đó là nhà báo tài hoa và trí tự Trần Huy Quang với bài "Linh nghiệm" chấn động dư luận;... Họ còn là các ông Nguyễn Hộ, nguyên phó chủ tịch thành phố Hồ Chí Minh, ông Tạ Bá Tòng phụ trách trí thức vận của thành uỷ... đều bị theo dõi, quản thúc vì quan điểm dân chủ...

Tôi kể trên những chiến sĩ "dấn thân" cho nền dân chủ hiện nay theo trí nhớ rất không đầy đủ, theo thứ tự có phần tùy tiện; tôi chưa kể ra đây hàng trăm tên những "kẻ sỹ mới" đã gửi thư riêng cho tôi từ các cơ quan truyền thông, báo chí, từ các trường đại học, từ các lịa phương ở trong nước cũng như mấy chục cán bộ ở các bộ, các viện khoa học tự nhiên và xã hội, các anh chị em sinh viên, nghiên cứu sinh, văn nghệ sĩ... sang Pháp đã gặp tôi đề trao đổi ý kiến, cổ vũ, khuyến khích... Họ đã vượt qua nỗi sợ, thách thức sự đe dọa của cường quyền, nói lên sự bất đồng với đường lối và chính sách "đổi mới" nửa vời, vừa đổi vừa run" của những người lãnh đạo bảo thủ. Họ ngày càng đông. Dù vậy họ vẫn chỉ là phần nổi của cả một tảng băng kỳ vỹ còn chìm đến 9 phần 10, của một khối người

đã biết suy nghĩ có trách nhiệm bằng cái đầu tỉnh táo của chính mình, tin rằng sự nghiệp dân chủ trong đó họ góp phần sẽ thắng lợi không xa.

Phải kể đến hàng mấy trăm chiến sĩ dân chủ nữa ở Cộng hòa Liên Bang Đức và Tiệp Khắc, ở Liên xô và Ba Lan, ở Bungari và Hungari đã và đang gọi bầy tập họp lại, dấn thân cho dân chủ ở quê hương. Rồi đây sẽ có thể tổng kết cuộc đấu tranh cho dân chủ và các quyền tự do của công dân ở nước ta. Phong trào các văn nghệ sĩ đi tiên phong thời Nhân văn Giai Phẩm 1955-1956- 1957 với các "kiện tướng" Nguyễn Hữu Đang, Đào Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phan Khôi, Lê Văn, Văn Cao, Đặng Đình Hưng, Nguyễn Tử Nghiêm, Dương Bích Liên, Nguyễn Sáng... (tôi kể còn rất không đầy đủ), rất cần được đánh giá một cách xứng đáng, công bằng và công khai. Cũng có người đồng tình với xu thế dân chủ ấy, về sau lại thành khẩn nhận tội và tự xỉ vả mình công khai trên báo đảng như Tô Hoài. Cũng cần kể đến một số cán bộ ở trong đảng nhìn tình hình khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội khá sớm, như Đặng Quốc Bảo. Anh vào bộ đội hồi cuối 1945, lúc 18 tuổi, là cán bộ trung đoàn khi mới 23 tuổi. Sau này, hồi 1980, anh là viện trưởng Viện kỹ thuật quân sự, cấp bậc thiếu tướng.

Sau đó anh là Bí thư thứ nhất đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Năm 1986, anh là Trưởng ban Khoa giáo của đảng, uỷ viên ban chấp hành trung ương đảng. Anh có nhiều dịp đi thăm nước ngoài, các nước xã hội chủ nghĩa hồi ấy như: Liên xô Tiệp Khắc, Cộng Hòa Dân Chủ Đức, Ba Lan... Từ những năm 1985 đến 1988, trong một số buổi nói chuyện hẹp, anh đã đặt ra vấn đề phải đánh giá lại học thuyết Mác-Lênin; rằng mô hình xã hội chủ nghĩa hiện thực không có sức sống, đã thất bại, không được xã hội chấp nhận; vấn đề vi phạm nhân quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa được đặt ra cấp bách; cuộc khủng hoảng về lý luận đã xảy ra rất nghiêm trọng. Không có một đảng cộng sản nào có dân chủ cả! Cái gọi là trí tuệ của toàn đảng chỉ là ý nghĩ của vài con người! Trình độ ban chấp hành trung ương chỉ là trình độ trung bình của xã hội! Việc cưỡng bức tập thể hóa nông nghiệp là sai âm cực lớn đối với nông dân. Hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở việt Nam thật ra chỉ là hệ tư tưởng nông dân. Anh nói lên được một thực tế là ở một số nước tư bản (đang rẫy chết?) lương thất nghiệp khoảng 400 đô la/ tháng, cao hơn lương một giáo viên đại học ở Liên xô! Anh nói lên một sự thật: cạnh nhà anh, một phó giáo sư được cử sang Hà Lan học một năm, với một số tiền phụ cấp bằng phụ cấp thất nghiệp, vậy mà về nước

anh ta yên chí sống phong lưu tới cuối thế kỷ. Làm thế nào để giải thích hiện tượng như thế? ý kiến ngay thẳng của anh bị phê phán và ngăn chặn, không được phổ biến. Ông Trường Chinh (Đặng Xuân Khu) anh họ của anh nghe anh trình bày, nhưng xếp lại "trong tủ những ý kiến ấy. Anh không được bàu lại vào trung ương và anh cho biết hiện nay một "trí thức vâng dạ", kiểu một là ngồi ỳ, hai là đồng ý" thay anh ở cương vị trưởng ban khoa giáo trung ương đảng...

Những người như Đặng Quốc Bảo, Trần Xuân Bách, theo tôi hiểu, không quá hiếm ở trong đảng cộng sản Việt nam. Ông Trần Độ cũng là một con người như thế. Ông là trưởng ban văn hóa văn nghệ trung ương từ sau Đại Hội Đảng dân thứ 5 (1982). Ông khuyến khích nhà văn Nguyên Ngọc chú ý đến những tiếng nói trẻ, mới mẻ về nội dung và phong cách trên báo Văn Nghệ, mà Nguyên Ngọc lúc ấy là tổng biên tập; ở đại hội các nhà văn cuối năm 1989 ông không đến dự vì biết rằng ý kiến của mình chọi lại với tiếng nói chính thức của lãnh đạo đảng, nhưng gửi đến một bức thư do giáo sư Nguyễn Văn Hạnh, phó ban văn hóa văn nghệ, người trợ thủ của ông đọc trước cuộc họp hẹp của các nhà văn là đảng viên. Bức thư ấy bị bộ chính trị phê phán mạnh mẽ và hành động của ông

Hạnh bị các vị lãnh đạo của đảng và người đứng đầu bộ Nội vụ chỉ trích nặng nề. Tại Hội Nghị Trung ương 8 (đầu năm 1990) ông bị toàn ban chấp hành trung ương tặng cho một bản án: Khiển trách vì quan điểm lộn xộn, dám gửi cho tạp chí Cửa Việt một bài nói lên quan điểm riêng của nhân mình. Để tiện cho việc trấn áp những quan điểm tự do sáng tạo, ban văn hóa văn nghệ trung ương đảng được nhập vào ban tuyên huấn trung ương đảng, thành một "đại ban": ban tư tưởng và văn hóa, trong khi chờ đến năm 1992, ông mất luôn cái chức phó chủ tịch quốc hội để về hưu, ngồi chơi xơi nước.

Những nhân vật trên đây tôi đều quen biết khá rõ trong công việc làm báo, trên chức trách trưởng ban nhà nước và quốc phòng (năm 1982-!984), trưởng ban Văn hóa Văn Nghệ (1984- 1990) của báo Nhân Dân, rồi trực tiếp chịu trách nhiệm về tờ báo Nhân Dân Chủ Nhật từ đầu năm 1989. Cũng có thể kể đến ông Nguyễn Cơ Thạch; tuy ở trong Bộ chính trị gồm phần lớn những người rất bảo thủ đến cổ hủ, ông Thạch rất ham nghe ý kiến người khác, ham đọc những sách báo nước ngoài, ưa tranh luận. Tôi thường gặp ông một số lần ở Hà nội và trong sứ quán Việt nam ở Băng cốc, ông rất chú ý nghe kể về những cuộc họp quốc tế tôi dự. Ông có ý thức dân chủ, quý những tài

năng trẻ; ông nói rõ sự mong muốn cải thiện quan hệ với Hoa Kỳ, Pháp, Nhật Bản, úc... theo một cách nhìn hướng tới tương lai, không bị quá khứ níu kéo lại (theo cách nói của ông); ông hiểu rằng đại tướng Võ Nguyên Giáp có thể có một tác dụng ngoại giao tích cực trong hòa giải với những kẻ thù cũ là Pháp, Mỹ, rất cần phát huy tác dụng ấy; ông hiểu vai trò của truyền hình My và công chúng My rất dễ xúc động bởi nhưng cảnh sống động trên đài truyền hình mà ta có thể tận dụng... Ông không chống lại việc cải thiện quan hệ với Bắc Kinh, nhưng ông cho rằng phải đồng thời cải thiện theo nhiều hướng, nếu đặt quá nặng việc cải thiện quan hệ với Trung Quốc thì sẽ hỏng cả!
Khi tôi gặp các quan chức trong Bộ ngoại giao Mỹ (tháng 11 năm 1991 và tháng 5 năm 1992) cũng như nhiều nhà ngoại giao phương Tây ở Paris, họ đều cho việc gạt bỏ ông Thạch là rất đáng tiếc! Họ cho biết ông Thạch đã thiết lập được những mối quan hệ cá nhân thuận lợi với các chính khách phương tây và ở Đông Nam á. Nhiều người nhún vai khi nói đến bộ trưởng ngoại giao hiện tại, người thay thế ông Thạch, và nhận xét chân thật rằng: ông Nguyễn Mạnh Cầm chỉ là một công chức đơn thuần, bình thường và tầm thường, với những công thức tẻ nhạt, không thể so sánh với ông Thạch, còn kém khá xa những

thứ trưởng hiện nay như ông Lê Mai, ông Trần Quang Cơ... Tôi biết rằng những ý kiến trên đây đông đảo viên chức ở Hà nội đều biết, ban tổ chức trung ương của đảng, ban tổ chức chính quyền của chính phủ cũng biết cả, nhưng chẳng ai dám nêu lên ý kiến để thay đổi cả! Cuối cùng nhân dân phải gánh chịu mọi hậu quả do một đường lối đối ngoại không hề đổi mới , quị lụy với Bắc Kinh chỉ vì cho rằng đây là mối liên hệ giữa hai nước cùng chung một chế độ xã hội (xã hội chủ nghĩa?), cùng do đảng cộng sản lãnh đạo, cùng coi chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở lý luận, ở sát bên nhau! Đó là quan hệ truyền thống môi với răng (họ cố tình quên khuấy rằng răng đã cắn nát môi bao nhiêu lần!)

Một cán bộ ngoại giao cấp cao, từng dự cuộc hội nghị phổ biến Nghị Quyết Trung ương 3 (tháng 6-1992) ở hội trường của Bộ Ngoại giao tháng 9-1992 cho biết chính bộ trưởng ngoại giao, uỷ viên trung ương đảng đã phổ biến Nghị quyết, chia các nước ra làm 5 loại theo mức độ xa gần, bạn thù với Việt nam:

- Trước hết bạn thân nhất, chí cốt là Trung Quốc, Bắc Triều Tiên và Cu Ba; cùng với chế độ Nom Penh và Vientiane, cùng theo Mác- Lênin, cùng là cộng sản, là chủ

nghĩa xã hội. Trung Quốc đang phát triển với tốc độ cao, hơn 1 tỷ dân, láng giềng với Việt nam, là cực kỳ quan trọng.
- Thứ hai là các nước Đông Âu cũ và Liên xô từng là các nước xã hội chủ nghĩa, cần duy trì mối quan hệ vốn thân thiết, không để xấu đi. Các nước này có khả năng quay trở lại là xã hội chủ nghĩa với các đảng cộng sản được phục hồi. Trong số này, cần xếp thêm ấn Độ, một nước lớn rất thân cận với các nước xã hội chủ nghĩa trước đây.
- Thứ ba là các nước láng giềng ở Đông Nam á: các nước ASEAN, Miến Điện, Bru-nei... cần tranh thủ sự hợp tác.
- Thứ tư là các nước thuộc thế giới thứ ba ở Châu Phi và Mỹ La Tinh (như Ai Cập, Ran, Irak, Angiêrie, Chi lê...) và các nước phương Tây như Pháp, ý... và cả úc, cuối cùng là Nhật Bản, đã và đang mở rộng sự hợp tác với nước ta.
- Thứ năm, cũng là cuối cùng, là Hoa Kỳ vốn là kẻ thù chủ yếu, trực tiếp, vẫn còn là kẻ thù lâu dài của Việt nam, đang rắp tâm thực hiện "diễn tiến hòa bình" ở Việt nam.
Nhà ngoại giao này cho biết tại Hội nghị đã phân phát những tập tài liệu dịch các cuốn sách của Brezinski và của Richard Nixon (cuốn The Grand Failure - Thất Bại To Lớn, của Brezinski, 1990, và 1999. Victory without War, - 1999. Chiến Thắng Không Cần Chiến Tranh, của Nixon, 1988,

đều nói đến sự sụp đổ tất yếu của toàn hệ thống xã hội chủ nghĩa hiện thực) để chứng minh rằng đế quốc đang thực hiện âm mưu đặc biệt nhằm vào Việt nam do ý thức phục thù, rửa hận... Hai cuốn sách chẳng mới mẻ gì này được Thông Tấn Xã Việt nam dịch vội và in ra kịp "phục vụ hội nghị trung ương 3- một phiên họp rất dài giữa mùa nóng nực (hơn hai tuần lễ); điều mà dư luận thế giới đều đã biết từ 5, 6 năm trước thì vào giữa năm 1992 các nhà lãnh đạo Việt nam mới biết, mới "sửng sốt", mới được "sáng ra" về điều mà họ gọi là nguy cơ diễn biến hòa bình. Họ càng tin rằng chính Mỹ là kẻ đã lật đổ các chế độ cộng sản ở Đông Âu và Liên xô, thực hiện diễn biến hòa bình mà các quân sư Nixon và Brezinski vạch ra, nay đang chĩa mũi nhọn vào Việt nam để lật đổ. Sau đó, trong khi lẽ ra phải tranh thủ thiện cảm của các đài phát thanh lớn của thế giới thì báo chí chính thức của Việt nam chửi bới loạn xạ các đài BBC, RFL, VOA và đài tự do Moscou, coi tất cả là công cụ diễn biến hòa bình của các thế lực đế quốc thù địch! Nhân dân chẳng còn tin gì những nghị quyết và những luận điệu trên đây. Họ nhún vai, lắc đầu. Tinh thần độc lập suý nghĩ và nhận định, tỉnh thần phê phán nảy nở, lan rộng trong xã hội, các lực lượng dân chủ được nhân lên... Những chiến sỹ dân chủ, các nhân vật chống đối,

những tấm lòng trung thực, những người cộng sản "bất mãn" tạo nên tinh hoa xã hội mới, trở thành những cụm nhỏ, những trung tâm thu hút, qua đó những tư tưởng tiến bộ, được quảng bá rộng thêm từng ngày bởi các quan hệ gia đình, bạn bè, xã hội... Những đợt sóng ngầm đang cuộn lên.

Bùi Tín

Mặt Thật

Lực lượng dân chủ ở hải ngoại

Có khoảng 2 triệu người Việt ở nước ngoài. Một số khá lớn đã vào quốc tịch các nước sở tại. Họ là người Mỹ, người Pháp, người úc... gốc Việt. Lâu nhất như số các cụ đi lính thợ ở Pháp; rồi một số đi du học, thành tài rồi ở lại. Số khá lớn đi từ 1975; rồi số thuyền nhân rất đông đảo từ 1978, 1979 đến nay; còn một số theo chương trình ra đi có trật tự ODP và số H.O. thuộc chính quyền và quân đội Sài Gòn đi "cải tạo về. Người Việt ở nước ngoài thành một cộng đồng nhiều màu sắc về mọi mặt. Đã có thế hệ một, thế hệ 2, thế hệ 3 và sắp tới là thế hệ 4.

Hầu hết đều có tinh thần dân chủ, trừ một số rất nhỏ còn bảo thủ, bị ảnh hưởng quan niệm phong kiến, tuân theo chính phủ, coi lời dạy bảo của chính phủ, của đảng ở quê nhà, của sứ quán "ta" như là của cha mẹ, phục tùng không điều kiện. Tất cả đều ít nhiều gắn bó với quê hương, tự

hào về truyền thống dân tộc, căm giận chống lại hoặc phê phán chính thể độc đoán ở trong nước, nhưng khả năng tác động đến tình hình chính trị trong nước thì rất hạn chế. Số lớn bà con mang nỗi oán hận về thân phận tha hương, đồng thời đều thành đạt khá, con cháu học và thành tài, ổn định, nên rất ít người thực tế nghĩ đến trở hẳn về nước sau này. Cuộc đấu tranh cho dán chủ là cuộc đấu tranh bền bỉ, gay gắt của đồng bào ta ở trong nước, vì chính đồng bào đang là nạn nhân trực tiếp của chế độ độc đoán chà đạp quyền tự do, quyền công dân. Bị đè nén lâu, sức bật càng mạnh khi có thời cơ. Sức ủng hộ, động viên, cổ vũ và yểm trợ của bà con ở nước ngoài là rất lớn, là vô cùng quan trọng.

Cũng cần nói chân thực rằng đồng bào ở trong nước chán ngán những bài diễn văn kiểu khẩu hiệu vừa kêu vừa rỗng ở các cuộc họp lớn ở trong nước, phát ngấy về những bài báo dài mà sáo rỗng, đầy công thức cứng đờ, họ chê cười những bức ảnh nghi lễ các nhà lãnh đạo cũ kỹ ở trên đài chủ tịch, trước máy phóng thanh... thì họ cũng ngán, cũng ngấy, cũng chê một số sinh hoạt chính trị hải ngoại, cũng chung một kiểu cách như vậy... Vẫn là những nghi thức cổ hủ, cờ quạt khẩu hiệu nhàm chán, những quan chức đạo mạo, đoàn chủ tịch quan cách, diễn văn lòng thòng theo

công thức; vẫn là hai kiểu lưỡi gỗ chửi nhau mà lại rất giống nhau.! Họ cảm thấy những hình thức và nội dung ấy quá xa lạ với cuộc sống, hoàn cảnh, tâm tư, tình cảm của nhân dân trong nước, không lý giải và đáp ứng vô vàn vấn đề nóng bỏng và thiết thực của bà con, ít có tác dụng hỗ trợ cuộc đấu tranh giành quyền công dân của đồng bào. Các tổ chức hải ngoại cũng cán dứt khoát từ bỏ các kiểu hoạt động bạo lực, phá hoại bằng súng đạn, chất nổ, xâm phạm cuộc sống làm ăn của đồng bào lương thiện; các chính khách cực đoan đã thúc giục các hành động liều lĩnh kiểu thiêu thần, bị đồng bào trong nước lên án và tạo cớ cho chính quyền trong nước lên gân, xiết chặt sự kiểm soát. Tôi thiết nghĩ cách tác động lớn nhất đối với cuộc đấu tranh cho dân chủ ở trong nước là hoạt động chính trị ở hải ngoại nên lập nên những tổ chức thiết thực hơn, mở la các cuộc vận động quyên góp tiền của theo các hướng:
- Lập quỹ cứu giúp trẻ em bị suy dinh dưỡng nặng (ước chừng 2 triệu em từ sơ sinh đến 6 tuổi - trẻ em trong nước từ 15 năm nay sanh ra nhẹ hơn trước trung bình 200 gam và ngắn hơn hai xăng-ti-mét là một nguy cơ cho nòi giống)
Lập quỹ hỗ trợ thương binh vừa và nặng của các bên trong cuộc chiến, không phân biệt thuộc bên nào (số này ước tính lên đến 300.000 người). Hiện cuộc sống của số

bà con này vô cùng bi đát.
- Lập qũy khuyến học, cấp học bổng cho học sinh giỏi ở trong nước và ra các trường đại học ngoài nước (mỗi năm khởi đầu chừng 200 em, sau sẽ nâng lên đến 800, rồi 1000 đến 2000).
- Lập quỹ bảo tồn các di tích văn hóa (ngoài khu Đại Nội và các lăng tẩm ở Huế được UNESCO hỗ trợ, có chừng 250 di tích văn hóa có ý nghĩa cần bảo lồn, trùng tu và duy trì, gồm các đền chùa lớn như vùng Hoa Lư (Ninh Bình), khu Đại Nội Thăng Lững từ đời Lý (nay ở trong khu vực Bộ Quốc Phòng), cho đến các mộ của các danh nhân như Nguyễn Du, Đặng Trần Côn, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu...
Các quỹ này có thể đặt tên là Quỹ tình thương từ số 1 đến số 4. Không lo rằng tiền quyên góp sẽ vào túi tham nhũng vì các Quỹ ấy đều có cơ quan quản trị đặt đại diện ở trong nước cùng điều phối tận cơ sở. Chắc chắn nếu thực phẩm, sinh tố, sữa, xe đẩy các loại cho thương binh... được phân phát cùng với các học bổng được cấp các di tích được bảo tồn do công sức của cộng đồng thì thanh thế của cộng đồng sẽ được phát huy mạnh ở trong nước. Nó sẽ có tác dụng bằng hàng trăm bài diễn văn và hô hào, bằng hằng trăm nghị quyết... Và lúc ấy những bài diễn văn

và nghị quyết chắc sẽ gần hơn với cuộc sống ở trong nước, đi vào lòng người nhanh và sâu. Tôi nghĩ hiện nay đã là hơi chậm, nhưng vẫn còn là thời cơ để làm những việc thiết thực. Đó là việc thiện, việc nghĩa, cũng là việc làm rất chính trị, hợp ý bà con ta ở ngoài nước, hợp lòng bà con ở trong nước, rất thực tế nhằm hỗ trợ cho phong trào dần chủ ở trong nước.

Khi tình thương đã thấm được trong và ngoài nước, cộng đồng sẽ có đủ sáng kiến: quyên góp, biểu diễn văn nghệ, dạ hội, vũ hội, triển lãm, bán huy hiệu, góp hàng tháng một buổi tiền lương, làm việc thiện nguyện... để góp vào các Quỹ tình thương. Quỹ có thể đạt hàng chục cho đến hàng trăm triệu đô la, theo mức độ của tình thương được khơi động. Khi chính trị đã đổi theo hướng dân chủ hóa, các chuyên viên kinh tế, tài chánh, khoa học kỹ thuật... ở hải ngoại sẽ là vốn cực quý tham gia xây dựng và phát triển đất nước; và cộng đồng người Việt sẽ ra sức vận động để các nước, các tổ chức quốc tế, các hội đoàn... giúp đỡ, hỗ trợ và hợp tác với Việt nam đến mức cao nhất, có lợi nhất cho nước nhà. ở hải ngoại, còn có rất nhiều bạn người nước ngoài (Pháp, Đức Anh, Hoa Kỳ, Nhật...) làm đủ nghề: trí thức, nhà báo, luật sư nghệ sĩ... hết lòng hỗ trợ phong trào dân chủ trong nước. Tiêu biểu là chị Irina

Zisman, người Nga, Giám đốc đài Tự Do ở Moscow. Chị nói và viết tiếng Việt thành thạo, yêu nhân dân Việt hết lòng. Chị đã tới Paris mấy lần lấy tin và cổ động cho đài Irina. Chị kể tôi nghe, những người ở sứ quán Việt nam ở Moscow cố bịt mồm chị vì sợ tiếng nói chị đến bà con trong nước. Chị cho rằng, người Nga đã du nhập những đường lối, chính sách sai lầm, nên nay chị làm để chuộc tội cho họ. Chúng tôi kể nhau nghe: các cán bộ sứ quán Việt ở Nga, Ba Lan, Đức, Tiệp... đều ngang nhiên bán hộ chiếu, hôn thú, giấy ly hôn, bằng lái, bằng tốt nghiệp đại bọc... cho bất cứ ai, miễn là có tiền. Các giấy tờ ấy đều đóng dấu chính thức của Vụ lãnh sự Bộ ngoại giao, của các ủy ban hành chánh Hà nội, Sài Gòn, của các sứ quán. Thật chưa có nước nào làm tiền quỷ quái kiểu hệ thống đến thế! Chị Irina! Tiếng nói của chị ngay thật và lôi cuốn, mang lại hy vọng cho biết bao gia đình và con người Việt nam.

Bùi Tín

Mặt Thật

Hừng đông đang lên

Chính hoạt động âm ỉ, bền bỉ, bất khuất, rất tự tin của các thế lực dân chủ báo hiệu hừng đông của đất nước sau đêm dài độc đoán. Xin chớ thấy cảnh sôi động làm ăn mà vội cho rằng nhân dân không quan tâm gì đến chính trị? Cái gì phải đến đang đến. Nhiều sự kiện lịch sử cho thấy có những chuyển biến rất nhanh. Đầu tháng 8-1945, khi đội quân Quan Đông Nhật chưa thảm bại, thế của quân đội Nhật ở nước ta còn rất lớn. Chính phủ Trần Trọng Kim vẫn còn tự tin và khí thế. Nhiều vùng chưa biết Việt Minh, chưa thấy cờ đỏ sao vàng. Vậy mà chỉ hơn hai tuần, tình thế chuyển khác hẳn. Không ai đoán trước được câu nói của vua Bảo Đại là: Làm công dân một nước tự do còn hơn làm vua một nước nô lệ chỉ trước đó 2,3 tuần lễ. Ngày đầu năm 1954, không ai có thể dự đoán sẽ có một trận lớn như Điện Biên Phủ, không một ai dự đoán quân Pháp sẽ

phải rút khỏi miền Bắc vài tháng sau đó cả! Ngày đầu năm 1975, không một ai đoán trước được tình hình sôi động diễn ra sau đó có 3,4 tháng: chế độ Sài Gòn sụp đổ, người Mỹ còn lại hối hả rút hết trong hoảng loạn. Trước năm 1989, có ai có thể nghĩ rằng bức tường Berlin sẽ sụp đổ chỉ trong có một đêm, không cần đến một tiếng súng! Và trước năm 1990 có ai dự đoán Liên Bang Xô Viết- từng lập chiến công hiển hách cùng đồng minh chiến thắng phát xít, từng phóng vệ tinh nhân tạo, cũng đầu tiên đưa được người vào vũ trụ, sức mạnh chiến lược nghiêng ngả so với Mỹ- thế mà bỗng chốc tan rã thành một loạt nước riêng rẽ?

Thời đại của những chuyển động. Của những chuyển động to lớn, bất ngờ, rất khó dự đoán một cách chính xác. Cứ như là bước gần đến cuối thế kỷ 20, bước vào một thiên niên kỷ mới, lịch sử rảo bước nhanh hơn, dồn dập hơn, vui vẻ hơn, theo hướng tiến bộ, dân chủ rộng khắp hơn...

Bùi Tín

Mặt Thật

Theo kịch bản nào?

Việt nam sẽ tiến trên đường dân chủ theo kịch bản nào? Đã có nhiều kiến nghị, đề án, đề nghị, chủ trương, phương án, dự đoán và phỏng đoán ở trong nước cũng như ở hải ngoại. Từ phương án chờ đợi, để kinh tế tự do hóa một thời kỳ khá dài nữa rồi ắt sẽ tự phát dẫn đến tự do hóa về chính trị, có dân chủ đa nguyên... đến yêu sách những người cộng sản phải ra đi không điều kiện, đảng cộng sản phải rút lui tức khắc mang tính chất ảo tưởng và trịch thượng... là một loạt phương án mang nhiều sắc thái khác nhau. Khi đã loại bỏ biện pháp dùng bạo lực vũ trang - điều mà có thể khẳng định toàn dân không tán thành và còn phản đối vì sẽ lại diễn ra cảnh chiến tranh, nội chiến, đổ máu, tàn phá và hỗn loạn - thì chỉ còn biện pháp đấu tranh chính trị. Đấu tranh chính trị cần hiểu theo nghĩa rộng, tuy nó chưa phải đấu tranh nghị trường vì chưa có

bầu cử tự do, vì quyền công dân văn còn bị tịch thu trên thực tế.

Đó là một cuộc đấu tranh sôi nổi, gay gắt do ý chí đề kháng của một số người lãnh đạo cộng sản quyết bám chặt quyền lực, không nhượng bộ. Đó là cuộc đấu tranh rộng lớn về mặt tuyên truyền, cổ động, thu hút và tranh thủ dư luận xã hội. Đây là cuộc đau tranh bền bỉ, âm ỉ, kiên trì, từ bước thấp lên bước cao: Mỗi thời điểm cần đề ra mục tiêu cụ thể, thích hợp. Mục tiêu đề ra thấp sẽ không lôi cuốn được nhân dân, nhất là tầng lớp tinh hoa, tiến bộ của xã hội. Mục tiêu đề ra cao quá sẽ bất cập, không thể thành hiện thực nên cũng không lôi cuốn được quần chúng nhân dân. Bước trước mắt mục tiêu có thể là:

- Duy trì và mở rộng thêm những thành tựu về kinh tế, đòi quyền sở hữu tư nhân về ruộng đất, vườn, nhà, vạch rõ khái niệm sở hữu toàn dân thực tế là sở hưu vô chủ, rất khó định rõ về mặt pháp lý, chỉ tạo nên sự lộn xộn về quyền sở hữu, tài sản chung và tài sản tư nhân đều bị lạm dụng; đòi quyền tự do kinh doanh, các chủ đầu tư tư nhân ở trong nước ít nhất phải được hưởng các điều kiện bằng nước ngoài.
- Duy trì và mở rộng thêm cuộc đổi mới về pháp lý, bổ xung pháp luật về quyền công dân, thực hiện đúng luật tố

tụng, nâng cao vai trò của luật sư (cả luật sư công và luật sư tư), thực hiện ngành tư pháp chỉ tuân theo luật pháp (tách đảng khỏi nhà nước), thực hiện đúng hiến chương về quyền con người, để không một ai bị truy tố, giam giữ, tù đày, chỉ vì chính kiến và tín ngưỡng. Đòi chính quyền xem xét lại từng trường hợp những người từng bị xử tội, đang bị án, bị giam vì chính kiến (tù nhân lương tâm), với sự quan sát của các tổ chức nhân quyền quốc tế (ân xá quốc tế, Asia Watch...)

- Đòi thực hiện tự do báo chí đã được Hiến Pháp năm 1992 công nhận, tuy còn bị hạn chế bởi cái đuôi "theo pháp luật quy định". Tận dụng các cơ sở in ấn ở trong nước để in lại những kiến nghị, phát biểu, bài báo trong và ngoài nước... đề cập đến việc xây dựng dân chủ, phân phối rộng rãi... Trong thời đại thông tin, những chiến sĩ tiền phong đấu tranh cho dân chủ ở trong nước hiểu rất ro lợi thê của mọi phương tiện truyền thông và đang tận dụng nó. Thời kỳ mà một chiếc máy chữ cọc cạch, có trong nhà cũng phải khai báo với cơ quan công an và bị theo dõi, đã qua từ lầu rồi! Thời kỳ không một tư nhân nào có máy điện thoại trong nhà cũng đã qua khá lâu rồi! Trước kia, ở mỗi cửa nhà có máy thu thanh đều phải niêm yết câu "Nhà tôi không nghe đài địch"; từ 1985, 1986, chuyện ấy chỉ còn

trong trí nhớ. Đến nay, phố lớn nào chả có cơ sở phô tô cóp pi, nhiều cơ quan, hãng tư nhân, cơ sở nghiên cứu có máy fax; máy thu thanh có đến hơn 5 triệu, máy thu vô tuyến truyền hình đã đến hàng triệu; điện thoại được tự do đặt, cứ có tiền là có máy, chỉ trừ những nhân vật bị sổ đen. Chưa nói đến những hệ thống máy computers đủ loại, với những đĩa ghi CD compact disks kỳ diệu, một vài đĩa ghi được cả hàng trăm cuốn sách, di chuyển nhẹ tênh? Có thể đặt tên cuộc cách mạng dân chủ hiện nay là cuộc cách mạng do lợi khí truyền thông. Vũ khí hòa bình này ngang bằng những đội quân tuyên truyền hùng hậu. Không hàng rào kiểm soát nào ngán cản được nó. Tất cả vấn đề là: tận dụng được những phương tiện ấy, và nội dung quảng bá hợp với "khẩu vị" của xã hội, nếu không sẽ phí công, phí thời gian, vô tích sự. Hợp lòng người thì mọi văn kiện, chính kiến sẽ được nhân lên nhanh chóng. Những nội dung đấu tranh trước mắt trên đây có vẻ thấp, nhưng rất lợi hại vì các lẽ:

- Đông đảo quần chúng dễ đồng tình;
- Đảng cộng sản khó lòng khước từ, vì chính họ đề ra nội dung đổi mới như vậy; họ cũng yêu cầu nhân dân phát biểu ý kiến, góp ý về quyền tư hữu, về luật đất đai; chính họ cũng chủ trương đổi mới thêm về kinh tế và từng bước

dối mới về chính trị, thực hiện đổi mới về pháp luật, đẩy mạnh sự nghiệp truyền thông, "nói thẳng, nói thật, nói hết", "lấy dân làm gốc"... các lực lượng dân chủ chỉ yêu cầu họ làm thật.sự những điều họ nói, không để cho họ hứa hão, nói rồi bỏ dấy, nói một đằng làm một nẻo! Bước lên một bậc, để rồi bước lên bậc cao hơn.

Cái kẹt của người cộng sản là đã trót chủ trương đổi mới thì đâm lao ắt phải theo lao, không thể làm cầm chừng, không thế ngừng lại, càng không thể quay lại phía sau! Được dư luận thế giới rộng rãi ủng hộ. Yêu cầu đổi mới về pháp lý, thực hiện quyền công dân đầy đủ, thả những người bị giam, bị tù chỉ vì chính kiến... là phù hợp, với yêu cầu tôn trọng Hiến Chương về quyền con người. Cần nhớ tổng thống Pháp Mitterrand, tổng thống Mỹ Bill Clinton, chính phủ Nhật, các nước ở Tây âu trong CEE, thủ tướng úc, tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Butros Ali... đều đồng thanh yêu cầu chính phủ Việt nam điều ấy. Dứt khoát rõ ràng. Với ý thức trách nhiệm, khi tôn trọng quyền con người đã trở thành một giá trị phổ quát của thế giới ngày nay, khi cộng đồng quốc tế không thể thờ ở khi nhân dân một nước nào đó bị chính quyền của họ tước đoạt quyền tự do. Nghĩa vụ can thiệp nhân đạo đang vang lên trên các diễn đàn quốc tế. Chính phủ Việt nam đã nhiều lần long

trọng cam kết tôn trọng quyền của công dân nước mình; sự che dấu sự thật và nói dối quanh của họ đang bị phơi bày và luôn dồn chính quyền ở Việt nam vào thế lúng túng, chống đỡ bị động. Họ chia rẽ nghiêm trọng nhất ở điểm này; những người phụ trách về kinh tế, về ngoại giao, cãi vã gay gắt với những người phụ trách về an ninh, nội chính cũng về điểm này.

Trên đây cũng là yêu cầu trước mắt về dân chủ đa nguyên. Đa nguyên về chính kiến chính trị, da nguyên về sáng tạo trong văn học nghệ thuật, đa nguyên về nhiều thành phần kinh tế, nhiều chế độ sở hưu, trong đó sở hữu tư nhân phải là một nền tảng.

Yêu cầu đa nguyên về tổ chức chính trị là yêu cầu tiếp theo tất yếu. Khi đề ra yêu cầu này, những người đề xướng dân chủ hiện nay hiểu rằng cần tránh tình hình các tổ chức chính trị mọc lên như nấm, tranh cãi nhau vô lận, gây nên hỗn loạn chính trị và xã hội, như từng xây ra ở một số nước xã hội chủ nghĩa cũ. Họ mong muốn rằng trước mặt chỉ nên có một tổ chức; một mặt trận, một phong trào, hay một chính đảng mà thôi. Tất cả những ai mong muốn chấm dứt chế độ độc đoán, thực hiện dân chủ một cách sòng phẳng, tôn trọng đầy đủ quyền công dân thì xin mời gia nhập tổ chức chính trị này - lấy tên là Tập Hợp

Dân Chủ chẳng hạn - kể cả những đảng viên cộng sản có ý thức dân chủ rõ rệt. Thanh niên nam và nữ ham tiến bộ, đầy sức vươn lên sẽ gia nhập đông đảo. Phụ nữ Việt nam phấn đấu cho quyền bình đẳng và quyền dân chủ chắc chắn là lực lượng to lớn của tổ chức này. Các đệ tử các tôn giáo - đạo Phật, đạo Cơ Đốc, đạo Tin Lành cũng như các tôn giáo khác, vốn bị phân biệt đối xử gần như công dân loại hai cũng sẽ gia nhập tổ chức dân chủ. Những nhà kinh doanh chân chính mong muốn làm ăn nghiêm chỉnh, làm giàu hợp pháp cũng sẽ là thành viên của tổ chức dân chủ

Tình hình đã chín để dựng lên tổ chức cần thiết này. Tổ chức này sẽ đối xử với đảng cộng sản theo tinh thần bình đẳng, cởi mở, chân thành, tôn trọng lẫn nhau, cạnh tranh nhau trong việc phục vụ nhân dân và đất nước, phê phán nhau trên tinh thầnxây đựng, bằng thiện chí của mỗi bên. Ai từng quan sát các cuộc tranh cử tổng thống hay quốc hội gần đây ở pháp, Mỹ, ý, Anh... có thể thấy theo nếp sống dân chủ, người thắng cử tự tin, phấn chấn nhưng không thể kiêu ngạo vì biết bao thử thách còn ở trước mặt; họ biết chân thành cám ơn những đối thủ đã đua tranh ngay thật với mình; người bị mất chức do thất cử đàng hoàng công nhận là mình thua cuộc nhưng không nản

lòng, lại còn cám ơn những đối thủ đã giúp mình luôn tỉnh táo khi cầm quyền, gọi họ là những đối thủ xây dựng... Đó cũng là tinh thần hiệp sĩ trong tranh cử dân chủ.
Nhân dân sẽ chấm dứt thời kỳ thụ động về chính trị. Nhân dân vừa nô nức làm ăn, vừa nô nức tham gia các sinh hoạt chính trị, công khai bàn luận về chính trị và nhân sự quốc gia. Nhân dân sẽ cùng nhau tạo nên dư luận xã hội, tâm lý xã hội và ý chí xã hội. Dư luận xã hội sẽ đủ mạnh để ngăn ngừa các hiện tượng quá khích, cực đoan, bảo thủ. Nhân dân sẽ là trọng tài công minh công nhận những tổ chức và cá nhân có tâm huyết, có tài năng và công tâm. Dư luận xã hội sẽ đủ mạnh tạo nên sức ép tuân thủ pháp luật và thực hiện công bằng xã hội.
Tự do báo chí được bắt đầu thực hiện. Báo chí Việt nam sẽ thoát hẳn khỏi sự áp đặt độc đoán: Người viết không còn viết cho lãnh đạo đọc mà sẽ viết để nhân dân đọc. Nhân dân sẽ tham gia ý kiến đông đảo trên mặt báo và đánh giá được chính xác tờ báo nào, bài báo nào là có ích cho xã hội cần khuyến khích, tờ nào, bài nào là có hại cho tiến bộ xã hội để phê bình và phê phán. Những tờ báo quan liêu, bảo thủ, cực đoan, kích động, sẽ bị công luận lên án và tẩy chay. Yêu cầu tiếp theo sau đó sẽ là việc tổ chức hầu cử quốc hội, thảo hiến pháp mới sau khi đã có

những cuộc họp liên tịch giữa các tổ chức chính trị cũ và mới. Các cuộc bầu cử sẽ thật sự sôi nổi, hào hứng, chấm dứt thời kỳ một đảng bao biện, lạm dụng quyền chức, tự nhận mình là nhân dân, là thay mặt cho nhân dân... Việc triệu tập họp liên tịch, bàn về hiện tình đất nước và giải pháp có thể do Mặt Trận Tổ Quốc, một tổ chức sẵn có đảm nhiệm. Tổ chức triệu tập chỉ có nhiệm vụ thông báo thời gian, địa điểm, còn nội đung sẽ do các tổ chức cùng đưa ra trên tinh thần bình đẳng hiệp thương. Một ngưỡng cửa sẽ được loàn dân vượt qua, đưa đất nước vào một thời kỳ mới thật sự, giữa sự hoan nghênh của cả thế giới hiện đại.

Một thời kỳ chuyển tiếp sẽ diễn ra. Những quy định cần thiết của thời kỳ này sẽ được xác định để phát huy ý thức trách nhiệm, mở rộng từng bước sinh hoạt dân chủ, đảm hảo trật tự và an ninh xã hội, nền sản xuất và nền hành chánh được liên tục vận hành, tránh lợi dụng của những kẻ cơ hội.

Yêu nước và thương dân, động lực chính của dân chủ

Yêu nước là một giá trị tinh thần và đạo đức cổ truyền của dân tộc. Thương nước mình, thương dân mình cũng là một ý thức sâu đậm từ lòng yêu nước ấy. ở cả hai phía

của trận tuyên giả tạo cộng sản và Quốc Gia cũ đều có những người có tinh thần dân tộc, có lòng yêu nước và thương dân. Không bên nào có thể tự nhận độc quyền về giá trị truyền thống ấy. ở hai bên cũng cùng có những người cơ hội, vô trách nhiệm, đặt quyền lợi cá nhân lên trên quyền lợi dân tộc. Những người dần chủ chân thành ở cả hai trận tuyến cũ cần tìm ra nhau, bắt tay, sát cánh tạo nên một tập họp mới, một lực lượng dân chủ hùng hậu. Nhân dân đang ngóng chờ. Nhân dân tỏ ra thái độ khi có một thê lực đối lập đáng tin cậy và có triển vọng. Sự tập họp mới đã chín. Nó đại diện cho xu thế tiến bộ và phát triển của đất nước, hợp với xu thế của thời đại. Nó tỉnh táo, có chừng mực, do có lương tâm và có quan điểm thực tế. Nó là hạt nhân của sự thức tỉnh chung của quán chúng nhân dân.

Cuốn sách này, 3 phần đầu nhằm vào mục đích góp phần làm rõ tình hình đất nước trong một thời kỳ dài vừa qua theo một cách nhìn có trách nhiệm, khách quan, theo tinh thần phê phán (cũng là theo tinh thần tự phê bình về phê bình mà chính những người cộng sản thường kêu gọi). Tác giả ước mong được đông đảo độc giả ở trong nước và ở ngoài nước, kể cả những người đảng viên cộng sản

đọc, phát biểu ý kiến, tạo nên cuộc tranh luận ngay thật và lành mạnh. Các nhà sử học của nước nhà chắc chắn sẽ viết lại sử của đất nước với trách nhiệm và hào hứng. Phần cuối này nêu lên một số nội đung của giải pháp trước mắt, cũng là từ sự đánh giá về quá khứ.

Các vấn đề về Hiến Pháp mới, chế độ chính trị mới sẽ được thảo luận thật sự rộng rãi trong nhân dân. Không nên coi một chế độ ở một nước nào làm mẫu mực, khuôn phép. ở Tây Phương chế độ chính trị ở Anh khác xa ở Đức, ở Hoa Kỳ khác xa ở Pháp; ở Thụy Điển lại khác hẳn ở Y. Mỗi nước cần tìm ra hình thức thích hợp nhất với điều kiện của mình. Không có nước nào đạt được nền dân chủ hoàn thiện, cũng như không một con người nào có thể hoàn thiện như ông Thánh cả. Bản chất con người luôn có mặt tốt và mặt xấu.

Xã hội cũng vậy. Mục tiêu dân chủ luôn ở phía trước, mỗi ngày một hoàn thiện cho đến mãi mãi, vô cùng... Cái thú vị, hào hứng của dân chủ là ở đó. Cuộc sống, vận mệnh của dân tộc và đất nước đặt ra vấn đề xây dựng dân chủ như một cửa mở tất yếu trên con đường phát triển, ổn định và phồn vinh, hòa nhập vào cộng đồng thế giới. Có qua cửa mở này, mọi tiềm năng nhân lực và tài nguyên, bao gồm cả ý chí, trí tuệ, hiểu biết, kinh nghiệm và tài sản

của các tầng lớp nhân dân cùng với của chìm của nổi của đất nước, mới được phát huy nhằm mục tiêu thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu, đi đến dân giàu, nước mạnh. Một thời kỳ thịnh trị sẽ có thể mở ra. Cũng sẽ là thời kỳ dân tộc Việt nam tìm lại thấy mình, tự làm giàu thêm bằng những giá trị mới: thương yêu nhau thay cho thù hận, cùng nhau hòa giải và hòa hợp sau chiến tranh huynh đệ tương tàn, để đàn em chúng ta, con cháu chúng ta tin yêu nhau chung lòng chung sức trong nhiệm vụ xây dựng quê hương.

Trên đôi cánh độc lập và dần chủ, đất nước ta sẽ cất cánh để rồi bay cao và bay xa, trong đội ngũ những con chim báng khỏe khoắn, can trường của bầu trời nhân loại.

Bắt đầu viết ngày rằm tháng giêng Xuân Quý Dậu,
Hoàn thành ngày Trung Thu 1993:

Thành Tín